

**THIỆN PHÚC**

**NGŨ GIA THẬT TÔNG  
YÊU LƯỢC**

**ESSENTIAL SUMMARIES OF  
THE FIVE HOUSES & SEVEN SCHOOLS**

**TẬP I  
VOLUME I**

*Copyright © 2024 by Ngoc Tran. All rights reserved.*

*No part of this work may be reproduced or transmitted in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying and recording, or by any information storage or retrieval system without the prior written permission of the author, except for the inclusion of brief quotations. However, staff members of Vietnamese temples who want to reprint this work for the benefit of teaching of the Buddhadharma, please contact Ngoc Tran at (714) 778-2832.*

## *Mục Lục Tập I*

### *Table of Content Volume I*

|  |     |
|--|-----|
| <i>Mục Lục—Table of Content</i>  | 3   |
| <i>Lời Đầu Sách—Preface</i>  | 7   |
| <br>   |     |
| <i>Phần Một—Part One: Đức Phật &amp; Sự Khai Sinh Của Thiên—The Buddha &amp; the Birth of Zen</i>  | 17  |
| <i>Chương Một—Chapter One: Đức Phật &amp; Sự Khai Sinh Của Thiên—The Buddha &amp; the Birth of Zen</i>   | 19  |
| <i>Chương Hai—Chapter Two: Tổng Quan Về Dòng Truyền Thừa Trong Thiên Tông Ấn Độ—An Overview of Lines of Transmission in Indian Zen School</i>  | 43  |
| <i>Chương Ba—Chapter Three: Ma Ha Ca Diếp: Sơ Tổ Thiên Tông Ấn Độ—Mahakashyapa: The First Patriarch of the Indian Zen School</i>   | 47  |
| <i>Chương Bốn—Chapter Four: Hai Mươi Tám Tổ Ấn Độ—Twenty-eight Indian Patriarchs</i>   | 53  |
| <i>Chương Năm—Chapter Five: Sơ Lược Về Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma—Summaries of the First Patriarch Bodhidharma</i>   | 97  |
| <i>Chương Sáu—Chapter Six: Sơ Lược Về Thiên Tông Trung Hoa—Summaries of the Chinese Zen School</i>   | 115 |
| <i>Chương Bảy—Chapter Seven: Các Vị Tổ Thiên Tông Trung Hoa—Patriarchs in Chinese Zen Sects</i>  | 123 |
| <i>Chương Tám—Chapter Eight: Lục Tổ Huệ Năng—The Sixth Patriarch Hui Neng</i>  | 135 |
| <br>   |     |
| <i>Phần Hai—Part Two: Thiên Tông Trung Hoa Trước Thời Ngũ Gia Thất Tông—The Chinese Zen School Before the time of the Five Houses &amp; Seven Schools</i>  | 143 |
| <i>Chương Chín—Chapter Nine: Dòng Thiên Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng—Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma—The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School—The Seventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma</i> | 145 |
| <i>Chương Mười—Chapter Ten: Phái Thiên Hành Tư—The Hsing Ssu Zen Branch</i>  | 199 |
| <i>Chương Mười Một—Chapter Eleven: Phái Thiên Hoài Nhượng—The Huai-Jang Zen Branch</i>   | 209 |
| <i>Chương Mười Hai—Chapter Twelve: Phái Thiên Huệ Trung—The Hui Chung Zen Branch</i>   | 221 |
| <i>Chương Mười Ba—Chapter Thirteen: Phái Thiên Thân Hội—The Shên-Hui Ho Tse Zen Branch</i>   | 239 |
| <br>   |     |
| <i>Phần Ba—Part Three: Sơ Lược Về Quy Ngưỡng Tông—Summaries of the Kuei Yang Tsung</i>   | 253 |
| <i>Chương Mười Bốn—Chapter Fourteen: Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiên Phái Quy Ngưỡng—The Pioneer Patriarchs of The Kuei Yang Zen Schools</i>  | 255 |

|   |     |
|---|-----|
| <i>Chương Mười Lăm—Chapter Fifteen: Tóm Lược Về Quy Ngưỡng Tông—A Summary of the Kuei-Yang-Tsung</i>  | 261 |
| <i>Chương Mười Sáu—Chapter Sixteen: Thiên Sư Quy Sơn Linh Hựu: Khai Tổ Quy Ngưỡng Tông—Zen Master Kuei Shan Ling-Yu: The Founding Patriarchs of the Kuei Yang Sect</i>  | 269 |
| <i>Chương Mười Bảy—Chapter Seventeen: Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Hai: Nối Pháp Thiên Sư Linh Hựu—The Second Generation of the Kuei-yang Tsung: Zen Master Ling-yu's Dharma Heirs</i>   | 283 |
| <i>Chương Mười Tám—Chapter Eighteen: Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Ba-Nối Pháp Thiên Sư Huệ Tịch—The Third Generation of the Kuei-yang Tsung-Zen Master Hui-Chi's Dharma Heirs</i>  | 335 |
| <i>Chương Mười Chín—Chapter Nineteen: Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Tư-Nối Pháp Thiên Sư Quang Dũng—The Fourth Generation of the Kuei-yang Tsung-Zen Master Nan-T'a Kuang-Yung's Dharma Heirs</i>                               | 343 |
| <i>Chương Hai Mươi—Chapter Twenty: Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Năm-Nối Pháp Thiên Sư Huệ Thanh Ba Tiêu—The Fifth Generation of the Kuei-yang Tsung-Zen Master Hui-ch'ing Pa-chiao's Dharma Heirs</i>                          | 353 |
| <br>  |     |
| <i>Phần Bốn—Part Four: Sơ Lược Về Thiên Tông Tào Động Trung Hoa—Summaries of the the Chinese Ts'ao Tung Zen School</i>  | 355 |
| <i>Chương Hai Mươi Một—Chapter Twenty-One: Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiên Phái Tào Động—The Pioneer Patriarchs of The Ts'ao Tung Zen Schools</i>  | 357 |
| <i>Chương Hai Mươi Hai—Chapter Twenty-Two: Thiên Sư Động Sơn Lương Giới (807-869): Khai Tổ Thiên Tông Tào Động—Zen Master Tung-Shan Liang-Chieh: The Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Tsung</i>                       | 403 |
| <i>Chương Hai Mươi Ba—Chapter Twenty-Three: Pháp Ngữ Của Thiên Sư Động Sơn Lương Giới Khai Tổ Thiên Tông Tào Động—Zen Master Tung Shan Liang Chieh's Dharma Talks The Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School</i> | 413 |
| <i>Chương Hai Mươi Bốn—Chapter Twenty-Four: Thiên Tông Tào Động Tại Trung Hoa: Sự Phát Triển &amp; Hưng Thịnh—The Tsao-Tung Zen School in China: The Development &amp; Prosperity</i>                                     | 461 |
| <i>Chương Hai Mươi Lăm—Chapter Twenty-Five: Tào Động Mặc Chiếu Thiên—Silent Illumination Zen of the Ts'ao Tung School</i>   | 485 |
| <i>Chương Hai Mươi Sáu—Chapter Twenty-Six: Những Dòng Truyền Thừa Và Tổ Sư Của Thiên Phái Tào Động—Lineages of Transmission And Patriarchs of the Ts'ao-Tung Zen School</i>   | 497 |
| <i>Chương Hai Mươi Bảy—Chapter Twenty-Seven: Tào Động Tông Đời Thứ Hai Nối Pháp Thiên Sư Lương Giới—The Second Generation of the Ts'ao Tung Tsung Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs</i>                               | 501 |
| <i>Chương Hai Mươi Tám—Chapter Twenty-Eight: Pháp Ngữ Của Thiên Sư Tào Sơn Bồn Tịch Nhị Tổ Tào Động Tông—Zen Master Ts'ao-Shan Pen-Chi's Dharma Talks, the Second Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School</i>              | 549 |
| <i>Chương Hai Mươi Chín—Chapter Twenty-Nine: Tào Động Tông Đời Thứ Ba Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới—The Third Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>                 | 561 |

|  |     |
|--|-----|
| <i>Chương Ba Mươi—Chapter Thirty: Tào Động Tông Đời Thứ Tư Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Fourth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>                    | 571 |
| <i>Chương Ba Mươi Một—Chapter Thirty-One: Tào Động Tông Đời Thứ Năm Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Fifth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>            | 577 |
| <i>Chương Ba Mươi Hai—Chapter Thirty-Two: Tào Động Tông Đời Thứ Sáu Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Sixth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>            | 583 |
| <i>Chương Ba Mươi Ba—Chapter Thirty-Three: Tào Động Tông Đời Thứ Bảy Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Seventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>         | 589 |
| <i>Chương Ba Mươi Bốn—Chapter Thirty-Four: Tào Động Tông Đời Thứ Tám Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Eighth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>          | 601 |
| <i>Chương Ba Mươi Lăm—Chapter Thirty-Five: Tào Động Tông Đời Thứ Chín Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Ninth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>          | 611 |
| <i>Chương Ba Mươi Sáu—Chapter Thirty-Six: Tào Động Tông Đời Thứ Mười Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Tenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>           | 619 |
| <i>Chương Ba Mươi Bảy—Chapter Thirty-Seven: Tào Động Tông Đời Thứ Mười Một Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Eleventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>  | 631 |
| <i>Chương Ba Mươi Tám—Chapter Thirty-Eight: Tào Động Tông Đời Thứ Mười Hai Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Twelfth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i>   | 635 |
| <i>Chương Ba Mươi Chín—Chapter Thirty-Nine: Tào Động Tông Đời Thứ Mười Ba Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới—The Thirteenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh</i> | 639 |
| <i>Tài Liệu Tham Khảo—References</i>   | 645 |



## *Lời Đầu Sách*

Theo Phật giáo, Đức Phật là người đã đạt được Giác Ngộ và Niết Bàn qua thiền tập và tu tập những phẩm chất như trí tuệ, nhẫn nhục, bố thí. Con người ấy sẽ không bao giờ tái sinh trong vòng luân hồi sinh tử nữa, vì sự nối kết ràng buộc phàm phu tái sinh đã bị chặt đứt. Thật vậy, qua tu tập thiền định, chư Phật đã loại trừ tất cả những tham dục và nhiễm ô. Vị Phật của hiền kiếp là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài sinh ra với tên là Tất Đạt Đa trong dòng tộc Thích Ca. Phật là Đấng Toàn Giác hay một người đã giác ngộ viên mãn về chân tánh của cuộc sinh tồn. Chữ Phật có nghĩa là tự mình giác ngộ, đi giác ngộ cho người, sự giác ngộ này là viên mãn tối thượng. Từ Buddha” được rút ra từ ngữ căn tiếng Phạn “Budh” nghĩa là hiểu rõ, thấy biết hay tỉnh thức. Phật là người đã giác ngộ, không còn bị sinh tử luân hồi và hoàn toàn giải thoát. Trong Kinh Châu Báo, Tiểu Bộ, Tập 6, Đức Phật dạy: “Phật, Thế Tôn thù thắng, nói lên lời tán thán, pháp Thiền định trong sạch, liên tục không gián đoạn. Không gì sánh bằng được pháp thiền vi diệu ấy. Như vậy nơi chánh pháp là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, được sống chơn hạnh phúc.”

Như vậy, Phật tử chân thuần chúng ta nên biết rằng trong Phật giáo, thiền làm công việc của một ngọn đuốc đem lại ánh sáng cho một cái tâm u tối. Nói chung, mỗi tông phái thiền cung cấp cho hành giả với loại ánh sáng của nó, nhưng đều giúp cho hành giả có ánh sáng để thấy được mọi thứ. Giả như chúng ta đang ở trong một căn phòng tối tăm với một ngọn đuốc trong tay. Nếu ngọn đuốc quá mờ, hay nếu ngọn đuốc bị gió lay, hay nếu tay chúng ta không nắm vững ngọn đuốc, chúng ta sẽ không thấy được cái gì rõ ràng cả. Tương tự như vậy, nếu chúng ta không thiền đúng cách, chúng ta sẽ không bao giờ có thể đạt được trí tuệ có thể xuyên thủng được sự tăm tối của vô minh để nhìn thấy bản chất thật sự của cuộc sống và cuối cùng đi đến chỗ đoạn tận được khổ đau và phiền não. Vì vậy, Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng thiền chỉ là một phương tiện, một trong những phương tiện hay nhất để đạt được trí huệ trong đạo Phật.

Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma, nói chính xác hơn là sau thời Lục Tổ Huệ Năng, ban đầu Thiền Tông Trung Hoa được chia làm ít nhất 4 phái thiền: Phái Thiền Hành Tư, Phái Thiền Hoài Nhượng, Phái Thiền Huệ Trung, và Phái Thiền Thần Hội. Rồi sau đó, Thiền tông Trung Hoa lần

nữa lại được chia làm 5 trường phái chính hay Ngũ Gia Thiên, chỉ cho giáo pháp riêng biệt được giảng dạy từ những truyền thống có liên hệ tới những vị Thiên sư đặc biệt. Ba trong số năm truyền thống này: Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên. Hai truyền thống kia: Lâm Tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ Mã Tổ Đạo Nhất và Bách Trượng Hoài Hải. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sinh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông.

Thuật ngữ “Ngũ Gia Thất Tông” được dùng trong Thiên tông Phật giáo để chỉ những tông phái chính của truyền thống Thiên dưới thời nhà Đường. Biểu đồ Ngũ Gia được tóm lược bởi Thiên sư Văn Ích. Ngũ tông là năm tông phái Thiên của Phật giáo ở Trung Hoa bắt nguồn từ Nguồn Thiên “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” của Lục Tổ Huệ Năng. Về sau này có thêm hai phái sau này là Dương Kỳ và Hoàng Long. Thứ nhất là Quy Ngưỡng Tông: Quy Ngưỡng Tông là một dòng Thiên được sáng lập bởi hai đệ tử của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Đời thứ 37 sau Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiên Sư Linh Hựu trở thành Sơ Tổ Khai Sáng Tông Quy Ngưỡng. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Vào giữa thế kỷ thứ mười, tông phái này sáp nhập vào tông Lâm Tế nên từ đó nó không còn tồn tại như một tông phái độc lập nữa. Thứ nhì là Tào Động Tông: Đời thứ 38 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiên Sư Động Sơn Lương Giới trở thành Khai Tổ Tào Động Tông. Truyền thống Tào Động tông Trung Hoa được ngài Động Sơn Lương Giới cùng đệ tử của ngài là Tào Sơn Bản Tịch sáng lập. Tên của tông phái lấy từ hai chữ đầu của hai vị Thiên sư này. Có nhiều thuyết nói về nguồn gốc của phái Tào Động. Một thuyết cho rằng nó xuất phát từ chữ đầu trong tên của hai Thiên sư Trung Quốc là Tào Sơn Bản Tịch và Động Sơn Lương Giới. Một thuyết khác cho rằng đây là trường phái Thiên được Lục Tổ Huệ Năng khai sáng tại Tào Khê. Thứ ba là Lâm Tế Tông: Đời thứ 38 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiên Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền trở thành Khai Tổ Lâm Tế Tông. Lâm tế Tông là một trong những trường phái Thiên nổi tiếng của Trung Quốc được Thiên sư Lâm Tế sáng lập. Lâm Tế là đại đệ tử của Hoàng Bá. Vào thời kỳ mà Phật giáo bị ngược đãi ở Trung Quốc khoảng từ năm 842 đến năm 845 thì thiên sư Lâm Tế sáng lập ra phái



thiền Lâm Tế, mang tên ông. Trong những thế kỷ kế tiếp, tông Lâm Tế chẳng những nổi bật về Thiền, mà còn là một tông phái thiết yếu cho Phật giáo Trung Hoa thời bấy giờ. Tông Lâm Tế mang đến cho Thiền tông một yếu tố mới: công án. Phái Thiền Lâm Tế nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự “Đốn Ngộ” và dùng những phương tiện bất bình thường như một tiếng hét, một cái tát, hay đánh mạnh vào thiền sinh cốt làm cho họ giật mình tỉnh thức mà nhận ra chân tánh của mình. Lâm Tế tông được sáng lập và xiển dương bởi ngài Lâm Tế, pháp tử của Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Tại Trung Hoa, tông này có 21 đời đệ tử truyền thừa, suy thoái dần từ thế kỷ thứ XII, nhưng trước đó đã được mang sang Nhật Bản và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay dưới tên gọi là Rinzaï. Thứ tư là Vân Môn Tông: Đời thứ 40 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiền Sư Văn Yển khai sáng Vân Môn Tông. Về sau này thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển tập hợp những bài ca ngợi nổi tiếng kèm theo các công án mà sau này Viên Ngộ Khắc Cần công bố dưới nhan đề Bích Nham Lục. Tuyết Đậu là vị đại sư cuối cùng của phái Vân Môn, phái này bắt đầu suy thoái từ giữa thế kỷ thứ XI và cuối cùng tàn lụn hoàn toàn vào thế kỷ thứ XII. Thứ năm là Pháp Nhãn Tông: Đời thứ 42 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Thiền Sư Pháp Nhãn Văn Ích khai sáng Pháp Nhãn Tông. Đây là một trong 'Ngũ Gia Thất Tông', tức là những trường phái lớn thuộc truyền thống Thiền thật sự. Nó được Huyền Sa Sư Bị, môn đồ và người kế vị pháp của Tuyết Phong Nghĩa Tôn thành lập. Lúc đầu phái này gọi là Huyền Sa, theo tên gọi của người sáng lập. Nhưng sự vinh quang của Huyền Sa chẳng bao lâu bị cháu mình là Pháp Nhãn lấn lướt. Do đó nó có tên là Pháp Nhãn. Pháp Nhãn là một trong những thiền sư quan trọng, có 63 người nối pháp đã giúp truyền bá pháp của ông đi khắp Trung Hoa và đến tận Triều Tiên. Trong ba thế hệ đầu, trường phái này đã trải qua thời kỳ phồn thịnh, nhưng đến thế hệ thứ năm thì tàn lụn. Thứ sáu là Phái Thiền Dương Kỳ: Đời thứ 45 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Lâm Tế Tông Đời Thứ Tám, khởi điểm của Thiền Phái Dương Kỳ. Đây là nhánh quan trọng nhất trong hai nhánh thiền thoát thai từ thiền Lâm Tế sau khi Thiền sư Thạch Sương Sở Viện thị tịch. Trong truyền thống thiền Lâm Tế người ta gọi nó là Lâm Tế Dương Kỳ. Phái Dương Kỳ có nhiều thiền sư quan trọng, trong đó có Vô Môn Tuệ Khai, người sư tập bộ Vô Môn Quan. Sau này các môn đệ của Vô Môn, nhất là Kakushin, đã du nhập vào Nhật Bản dòng thiền Lâm Tế Dương Kỳ, hiện vẫn còn tồn tại. Vào cuối thời nhà Tống, khi Thiền tông bắt đầu suy thoái, dòng Lâm Tế Dương Kỳ trở thành nơi dung hợp cho tất cả các phái Thiền khác

cũng đang suy yếu và biến mất. Dưới thời nhà Minh, Thiền hòa lẫn với Tịnh Độ nên mất đi tính chất riêng của nó, không còn tinh thần “tâm truyền tâm” nữa. Thứ bảy là Hoàng Long Phái: Đời thứ 45 sau Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Lâm Tế Tông Đời Thứ Tám, khởi điểm của Thiền Phái Hoàng Long. Nó là một trong bảy phái thiền đầu tiên được thiền sư Vinh Tây Minh (1141-1215) đưa vào Nhật Bản. Tuy nhiên, nó tàn lụi ở cả Trung Hoa lẫn Nhật Bản sau vài thế hệ. Do bắt nguồn từ phái Lâm Tế nên người ta cũng gọi nó là Lâm Tế-Hoàng Long phái.

Trong số bảy tông phái Thiền này, hai trường phái Tào Động và Lâm Tế là nổi trội nhất và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Trong khi pháp môn của tông Lâm Tế là bất tâm của các môn đồ phải tìm cách giải quyết một vấn đề không thể giải quyết được mà chúng ta gọi là tham công án hay thoại đầu. Chúng ta có thể xem pháp môn bí truyền của tông Lâm Tế rất là rắc rối, vì lối tham thoại đầu hay công án hoàn toàn vượt ra ngoài tầm của kẻ sơ học. Người ấy bị xô đẩy một cách cốt ý vào bóng tối tuyệt đối cho đến khi ánh sáng bất ngờ đến được với y. Trái lại, pháp môn tu tập của tông Tào Động là dạy cho môn đồ cách quán tâm mình trong tĩnh lặng. Chúng ta có thể xem pháp môn của tông Tào Động là hiển nhiên hay công truyền. Nếu ngay từ đầu, môn đồ được chỉ dẫn thích đáng bởi một vị thầy giỏi, pháp môn của tông Tào Động không đến nỗi khó tu tập cho lắm. Nếu chúng ta có thể có được những lời dạy khẩu truyền từ một thiền sư có kinh nghiệm thì không sớm thì muộn chúng ta sẽ học được cách 'quán tâm trong tĩnh lặng' hoặc, nói theo thuật ngữ Thiền, cách tu tập loại 'mặc chiếu Thiền'.

Bộ sách 3 quyển có tựa đề “Ngũ Gia Thất Tông Yếu Lược” này không phải là một nghiên cứu thâm sâu về triết thuyết của Thiền Tông, mà nó chỉ tóm lược về Ngũ Gia Thất Tông Trung Hoa và Những Dòng Truyền Thừa cũng như pháp tu đặc biệt của từng tông phái sau sự khai sinh của Thiền tại xứ sở này. Phật tử thuần thành nên luôn nhớ rằng mục đích cuối cùng của người tu Phật là giác ngộ và giải thoát, nghĩa thấy được cách nào để thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử ngay trong kiếp này. Chính vì thế mà mặc dù hiện tại đã có quá nhiều sách viết về Phật giáo, tôi cũng mạo muội biên soạn bộ “Ngũ Gia Thất Tông Yếu Lược” song ngữ Việt Anh nhằm giới thiệu một cách khái quát về buổi sơ thời của Thiền Tông, một trong những tông phái quan trọng nhất trong Phật Giáo. Những mong sự đóng góp nhoi nầy sẽ mang lại lợi lạc cho những ai mong cầu có được cuộc sống an bình, tỉnh thức và hạnh phúc.

Cẩn đề,

Thiện Phúc

## *Preface*

According to Buddhism, a Buddha is one who attains Enlightenment and Nirvana through meditative practice and the cultivation of such qualities as wisdom, patience, and generosity. Such a person will never again be reborn within cyclic existence, as all the cognitive ties that bind ordinary beings to continued rebirth have been severed. As a matter of fact, through their meditative practice, buddhas have eliminated all craving, and defilements. The Buddha of the present era is referred to as “Sakyamuni” (Sage of the Sakya). He was born Siddhartha Gautama, a member of the Sakya clan. The Buddha is One awakened or enlightened to the true nature of existence. The word Buddha is the name for one who has been enlightened, who brings enlightenment to others, whose enlightened practice is complete and ultimate. The term Buddha derived from the Sanskrit verb root “Budh” meaning to understand, to be aware of, or to awake. It describes a person who has achieved the enlightenment that leads to release from the cycle of birth and death and has thereby attained complete liberation. In the Ratana Sutta, Khuddakapatha, volume 6, the Buddha taught: “What the excellent Awakened One extolled as pure and called the concentration of unmediated knowing. No equal to that concentration can be found. This, too, is an exquisite treasure in the Dhamma. By this truth may there be well-being.”

Therefore, we, devout Buddhists, should know that in Buddhism, meditation functions the job of a torch which gives light to a dark mind. Generally speaking, each Zen school supplies practitioners with its own light, but it can help practitioners to see everything. Suppose we are in a dark room with a torch in hand. If the light of the torch is too dim, or if the flame of the torch is disturbed by drafts of air, or if the hand holding the torch is unsteady, it’s impossible to see anything clearly. Similarly, if we don’t meditate correctly, we can’t never obtain the wisdom that can penetrate the darkness of ignorance and see into the real nature of existence, and eventually cut off all sufferings and afflictions. Therefore, sincere Buddhists should always remember that meditation is only a means, one of the best means to obtain wisdom in Buddhism.

After Bodhidharma Patriarch, speaking more exactly, after the time of the Sixth Patriarch Hui Neng, the Chinese Zen School was divided into at least four schools: the Hsing Ssu Zen School, the Huai-Jang Zen School, the Hui Chung Zen School, and the Shên-Hui Ho Tse Zen School. Then, later, the Chinese Zen School was again divided into five main sects or the Five Houses of Zen which refer to separate teaching lines that evolved from the traditions associated with specific masters. Three of these traditions, Ts'ao-tung, Yun-men, and Fa-yan, descended from the transmission line traced back to Ch'ing-yuan Hsing-ssu and Shih-t'ou Hsi ch'ien. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from Ma-tsu Tao-i and Pai-chang Huai-hai. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen.

The term "Five Houses and Seven Schools" is used in Zen Buddhism to designate the main divisions of the Ch'an tradition in T'ang dynasty China. The scheme of the Five Houses or schools of Chinese Zen Buddhism was first articulated by Fa-Yen Wen-I (885-958). The five houses are traditions which arise from one origin which is "Directly Point to Mind to see one's True Nature and to realize the Buddhahood" taught by the Sixth Zen Patriarch Hui-Neng. Later, there were two more branches of Yang-Ch'i and Huang Lung. First, the Kuei Yang Tsung: Kuei Yang Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. The thirty-seventh generation after the first Patriarch Mahakasyapa, Zen master Ling Yu became the first patriarch of the Kuei Yang Tsung. 'Kuei' is the first word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). In the middle of the tenth century, this school merged with Lin-Chi school and since then no longer subsisted as an independent school. Second, the Ts'ao Tung Ch'an: The thirty-eighth generation after the first Patriarch Mahakasyapa, Zen Master Tung-shan Liang-Chieh became the First Patriarch of the Ts'ao-tung Tsung. Ts'ao Tung tradition was founded by Tung-Shan Liang-Chieh (807-869) and his student Ts'ao-Shan Pen-Chi (840-901). The name of the school derives from the first Chinese characters of their names. It was one of the "five houses" of Ch'an. There are several theories as to the origin of the name Ts'ao-Tung. One is that it stems from the first character in

the names of two masters in China, Ts'ao-Shan Pên-Chi, and Tung-Shan Liang-Chieh. Another theory is that Ts'ao refers to the Sixth Patriarch and the Ch'an school was founded by Hui-Neng, the sixth patriarch. Third, the Lin-Chi Zen School: The thirty-eighth generation after the first Patriarch Mahakasyapa, Zen Master Lin Chi became the founding Patriarch of the Lin Chi School. The Lin Chi School was one of the most famous Chinese Ch'an founded by Ch'an Master Lin-Chi I-Hsuan, a disciple of Huang-Po. At the time of the great persecution of Buddhists in China from 842 to 845, Lin-Chi founded the school named after him, the Lin-Chi school of Ch'an. During the next centuries, this was to be not only the most influential school of Ch'an, but also the most vital school of Buddhism in China. Lin-Chi brought the new element to Zen: the koan. The Lin-Chi School stresses the importance of "Sudden Enlightenment" and advocates unusual means or abrupt methods of achieving it, such as shouts, slaps, or hitting them in order to shock them into awareness of their true nature. The Lin-chi Zen School was founded and propagated by Lin-Chi, a Dharma heir of Zen Master Huang-Bo. In China, the school has 21 dharma successors, gradually declined after the twelfth century, but had been brought to Japan where it continues up to the present day and known as Rinzai. Fourth, the Yun Men Tsung: The Fortieth generation after the first Patriarch Mahakasyapa, Zen Master Wen-Yen founded the Wen-Men Tsung. Later, Hsueh-Tou Ch'ung-Hsien collected the koans which published by Yuan Wu K'o Ch'in in the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record). Hsueh-Tou was the last important master of the Yun Men School, which began to decline in the middle of the 11th century and died out altogether in the 12th. Fifth, the Fa-Yen Zen School: The Forty-second generation after the first Patriarch Mahakasyapa, Zen Master Fa-yen Wen-Yi founded the Fa-yen Tsung. The Fa-Yen school of Zen that belongs to the 'Five houses-Seven schools', i.e., belongs to the great schools of the authentic Ch'an tradition. It was founded by Hsuan-sha Shih-pei, a student and dharma successor of Hsueh-feng I-ts'un, after whom it was originally called the Hsuan-sha school. Master Hsuan-sha's renown was later overshadowed by that of his grandson in dharma Fa-yen Wen-i and since then the lineage has been known as the Fa-yen school. Fa-yen, one of the most important Zen masters of his time, attracted students from all parts of China. His sixty-three

dharma successors spread his teaching over the whole of the country and even as far as Korea. For three generations the Fa-yen school flourished but died out after the fifth generation. Sixth, the Yang-Ch'i Pai: The Forty-fifth generation after the first Patriarch Mahakasyapa, the Eighth Generation of the Lin Chi Tsung, starting point of the Yang-Chi Zen Branch. It is one of the two most important lineages into which the Lin-Chih split after Shih-Shuang Ch'u-Yuan. As a traditional lineage of Lin-Chih Zen, it is also called the Lin-Chih-Yang-Qi lineage. The Yang-Qi school produced important Zen masters like Wu-Men-Hui-K'ai, the compiler of the Wu-Men-Kuan, and his Dharma successor, Kakushin, who brought the Ch'an of Lin-Chih-Yang-Qi lineage to Japan, where as Zen it still flourishes today. As Ch'an gradually declined in China after the end of Sung period, the Lin-Chih-Yang-Qi school became the catchment basin for all the other Ch'an schools, which increasingly lost importance and finally vanished. After becoming mixed with the Pure Land school of Buddhism, in the Ming period Ch'an lost its distinctive character and ceased to exist as an authentic lineage of transmission of the Buddha-dharma "from heart-mind to heart-mind." Seventh, Huang Lung Pai: The Forty-fifth generation after the first Patriarch Mahakasyapa, the Eighth Generation of the Lin Chi Tsung, starting point of the Huang-lung Zen Branch. It belongs to the 'seven schools' of Ch'an and was the first school of Zen in Japan, brought there by Eisai Zenji. However, it died out both in China and Japan after a few generations. Since Oryo lineage developed out of the Rinzai school, it is also called the Rinzai-Oryo School.

Among these seven Zen Schools, two schools of Ts'ao Tung and Lin Chih are the most outstanding schools and still survive nowadays. While the Lin-chi approach is to put the student's mind to work on the solution of an unsolvable problem known as koan or head phrase exercise. The approach of the Lin-chi school may be regarded as covert or esoteric is very complicated, for the Lin-chi approach of head phrase exercise is completely out of the beginner's reach. He is put purposely into absolute darkness until the light unexpectedly dawns upon him. On the contrary, the Tsao-tung approach to Zen practice is to teach the student how to observe his mind in tranquility. We may regard the approach of the Tsao-tun school as overt or exoteric. If, in

the beginning, the student can be properly guided by a good teacher, the approach of Tsao-tung sect is not too difficult to practice. If one can get the 'verbal instructions' from an experienced Zen Master one will soon learn how to 'observe the mind in tranquility' or, in Zen term, how to practice the 'serene-reflection' type of meditation.

This set of three books titled “Essential Summaries of the Five Houses and Seven Schools” is not a profound philosophical study of the the Zen School, but a book that summarizes Chinese Seven Zen Schools & Their Lineages of Transmission as well as methods of cultivation of each school after the birth of Zen in China. Devout Buddhists should always remember the ultimate goal of any Buddhist cultivator is to attain enlightenment and emancipation, that is to say to see what method or methods to escape or to go beyond the cycle of births and deaths right in this very life. For these reasons, though presently even with so many books available on Buddhism, I venture to compose this booklet titled “Essential Summaries of the Five Houses and Seven Schools” in Vietnamese and English to briefly introduce on the Zen School in its early time, one of the most important Zen schools in Buddhism. Hoping this little contribution will help Buddhists in different levels to understand on how to achieve and lead a life of peace, mindfulness and happiness.

Respectfully,  
Thiền Phúc





***Phần Một***  
***Đức Phật & Sự Phát***  
***Triển Thiên Phật Giáo***

***Part One***  
***The Buddha & the Development of***  
***Buddhist Zen***



## *Chương Một*

### *Chapter One*

#### *Đức Phật & Sự Khai Sinh Của Thiên*

##### *I. Đức Phật Lịch Sử Thích Ca Mâu Ni:*

Đức Phật Lịch Sử là đấng đã hoàn toàn đạt tới Chánh đẳng Chánh giác. Vì thiếu thông tin và sự kiện cụ thể chính xác nên bây giờ chúng ta không có niên đại chính xác liên quan đến cuộc đời của Đức Phật. Người Ấn Độ, nhất là những người dân ở vùng Bắc Ấn, thì cho rằng Đức Phật nhập diệt khoảng 100 năm trước thời vua A Dục. Tuy nhiên, các học giả cận đại đều đồng ý rằng Ngài đã được đản sanh vào khoảng hậu bán thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch và nhập diệt 80 năm sau đó. Phật là Đấng Chánh Biến Tri, đản sanh vào năm 623 trước Tây lịch, tại miền bắc Ấn Độ, bây giờ là xứ Népal, một nước nằm ven sườn dãy Hy Mã Lạp Sơn, trong vườn Lâm Tỳ Ni trong thành Ca Tỳ la Vệ, vào một ngày trăng tròn tháng tư. Cách đây gần 26 thế kỷ dòng họ Thích Ca là một bộ tộc kiều hùng của dòng Sát Đế Lợi trong vùng đồi núi Hy Mã Lạp Sơn. Tên hoàng tộc của Ngài là Siddhartha, và họ của Ngài là Gautama, thuộc gia đình danh tiếng Okkaka của thị tộc Thái Dương. Dòng họ này có một đức vua hiền đức là vua Tịnh Phạn, dựng kinh đô ở Ca Tỳ La Vệ, vị chánh cung của đức vua này là hoàng hậu Ma Gia. Khi sắp lâm bồn, theo phong tục thời ấy, hoàng hậu xin phép đức vua trở về nhà song thân mình ở một kinh thành khác, đó là Devadaha để sanh nở. Giữa đường hoàng hậu muốn nghỉ ngơi trong vườn Lâm Tỳ Ni, một khu vườn tỏa ngát hương hoa, trong lúc ong bướm bay lượn và chim muông đủ sắc màu ca hát như thể vạn vật đều sẵn sàng chào đón hoàng hậu. Vừa lúc bà đứng dưới một tàng cây sala đầy hoa và vin lấy một cành đầy hoa, bà liền hạ sanh một hoàng tử, là người sau này trở thành Đức Phật Cổ Đàm. Đó là ngày rằm tháng tư năm 623 trước Tây lịch. Vào ngày lễ đặt tên, nhiều vị Bà La Môn thông thái được mời đến hoàng cung. Một ẩn sĩ tên A Tư Đà tâu với vua Tịnh Phạn rằng sẽ có hai con đường mở ra cho thái tử: một là thái tử sẽ trở thành vị Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc thái tử sẽ xuất thế gian để trở thành một Bạc Đại Giác. A Tư Đà đặt tên thái tử là Sĩ Đạt Đa, nghĩa là “người đạt được ước nguyện.” Thoạt tiên đức vua hài lòng

khi nghe điều này, nhưng về sau ngài lo ngại về lời tiên đoán rằng thái tử sẽ xuất thế và trở thành một vị ẩn sĩ không nhà. Tuy nhiên hoan lạc liền theo bởi sâu bi, chỉ bảy ngày sau khi hoàng tử chào đời, hoàng hậu Ma Gia đột ngột từ trần. Thứ phi Ba Xà Ba Đề, cũng là em gái của hoàng hậu, đã trở thành người dưỡng mẫu tận tụy nuôi nấng thương yêu hoàng tử. Dù sống trong nhung lụa, nhưng tánh tình của thái tử thật nhân từ. Thái tử được giáo dục hoàn hảo cả kinh Vệ Đà lẫn võ nghệ. Một điều kỳ diệu đã xảy ra trong dịp lễ Hạ Điền vào thời thơ ấu của Đức Phật. Đó là kinh nghiệm tâm linh đầu đời mà sau này trong quá trình tìm cầu chân lý nó chính là đầu mối đưa ngài đến giác ngộ. Một lần nhân ngày lễ Hạ Điền, nhà vua dẫn thái tử ra đồng và đặt thái tử ngồi dưới gốc cây đào cho các bà nữ mẫu chăm sóc. Bởi vì chính nhà vua phải tham gia vào lễ cày cấy, nên khi thái tử thấy phụ vương đang lái chiếc cày bằng vàng cùng với quần thần. Bên cạnh đó thái tử cũng thấy những con bò đang kéo lê những chiếc ách nặng nề và các bác nông phu đang nhễ nhại mồ hôi với công việc đồng áng. Trong khi các nữ mẫu chạy ra ngoài nhập vào đám hội, chỉ còn lại một mình thái tử trong cảnh yên lặng. Mặc dù tuổi trẻ nhưng trí khôn của ngài đã khôn ngoan. Thái tử suy tư rất sâu sắc về cảnh tượng trên đến độ quên hết vạn vật xung quanh và ngài đã phát triển một trạng thái thiền định trước sự kinh ngạc của các nữ mẫu và phụ vương. Nhà vua rất tự hào về thái tử, song lúc nào ngài cũng nhớ đến lời tiên đoán của ẩn sĩ A Tư Đà. Ngài vây bao quanh thái tử bằng tất cả lạc thú và đám bạn trẻ cùng vui chơi, rất cẩn thận tránh cho thái tử không biết gì về sự đau khổ, buồn rầu và chết chóc. Khi thái tử được 16 tuổi vua Tịnh Phạn sắp xếp việc hôn nhân cho ngài với công chúa con vua Thiện Giác là nàng Da Du Đà La. Trước khi xuất gia, Ngài có một con trai là La Hầu La. Mặc dù sống đời nhung lụa, danh vọng, tiền tài, cung điện nguy nga, vợ đẹp con ngoan, ngài vẫn cảm thấy tù túng như cánh chim lồng cá chậu. Một hôm nhân đi dạo ngoài bốn cửa thành, Thái tử trực tiếp thấy nhiều cảnh khổ đau của nhân loại, một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt mờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy mà lê bước xin ăn; một người bệnh nằm bên lề rên xiết đau đớn không cùng; một xác chết sinh chương, ruồi bu nhặng bám trông rất ghê tởm; một vị tu khổ hạnh với vẻ trầm tư mặc tưởng. Những cảnh tượng này làm cho Thái tử nhận chân ra đời là khổ. Cảnh vị tu hành khổ hạnh với vẻ thanh tịnh cho Thái tử một dấu chỉ đầu tiên trên bước đường tìm cầu chân lý là phải xuất gia. Khi

trở về cung, Thái tử xin phép vua cha cho Ngài xuất gia làm Tăng sĩ nhưng bị vua cha từ chối. Dù vậy, Thái tử vẫn quyết chí tìm con đường tu hành để đạt được chân lý giải thoát cho mình và chúng sanh. Quyết định vô tiền khoáng hậu ấy làm cho Thái tử Sĩ Đạt Đa sau này trở thành vị giáo chủ khai sáng ra Đạo Phật. Năm 29 tuổi, một đêm Ngài dứt bỏ đời sống vương giả, cùng tên hầu cận là Xa Nặc thẳng yên cương cùng trốn ra khỏi cung, đi vào rừng sâu, xuất gia tầm đạo. Ban đầu, Thái tử đến với các danh sư tu khổ hạnh như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta, những vị này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng dầm mưa, hành thân hoại thể. Tuy nhiên ngài thấy cách tu hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên nên bỏ phương pháp ấy, nhưng họ không nghe. Thái tử bèn gia nhập nhóm năm người tu khổ hạnh và ngài đi tu tập nhiều nơi khác, nhưng đến đâu cũng thấy còn hẹp hòi thấp kém, không thể giải thoát con người hết khổ được. Thái tử tìm chốn tu tập một mình, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày thêm một tiêu tụy, kiệt sức, nằm ngã trên cỏ, may được một cô gái chặn cừu đổ sữa cứu khỏi thần chết. Từ đó, Thái tử nhận thấy muốn tìm đạo có kết quả, cần phải bồi dưỡng thân thể cho khỏe mạnh. Sau sáu năm tầm đạo, sau lần Thái tử ngồi nhập định suốt 49 ngày đêm dưới cội Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên tại Gaya để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng. Trong đêm thứ 49, lúc đầu hôm Thái tử chứng được tức mệnh minh, thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới; đến nửa đêm Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy được tất cả bản thể và nguyên nhân cấu tạo của vũ trụ; lúc gần sáng Ngài chứng được Lộ tận minh, biết rõ nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thái tử Sĩ Đạt Đa đã đạt thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngày thành đạo của Ngài tính theo âm lịch là ngày mồng tám tháng 12 trong lúc Sao Mai bắt đầu ló dạng. Đức Phật nói: “Ta không phải là vị Phật đầu tiên ở thế gian này, và cũng không phải là vị Phật cuối cùng. Khi thời điểm đến sẽ có một vị Phật giác ngộ ra đời, Ngài sẽ soi sáng chân lý như ta đã từng nói với chúng sanh.” Hai tháng sau khi thành đạo, Đức Phật giảng bài pháp đầu tiên là bài Chuyển Pháp Luân cho năm vị đã từng tu khổ hạnh với Ngài tại Vườn Nai thuộc thành Ba La Nại. Trong bài này, Đức Phật dạy: “Tránh hai cực đoan tham đắm dục lạc và khổ hạnh ép xác, Như Lai đã chứng ngộ Trung Đạo, con đường đưa đến an

tịnh, thắng trí, giác ngộ và Niết Bàn. Đây chính là Bát Thánh Đạo gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.” Kế đó Ngài giảng Tứ Diệu Đế hay Bốn Sự Thật Cao Thượng: “Khổ, nguyên nhân của Khổ, sự diệt khổ và con đường đưa đến sự diệt khổ.” Liền sau đó, tôn giả Kiều Trần Như chứng quả Dự Lưu và bốn vị còn lại xin được Đức Phật nhận vào hội chúng của Ngài. Sau đó Đức Phật giảng cho Yasa, một công tử vùng Ba La Nại và 54 người bạn khác của Yasa, tất cả những vị này đều trở thành các bậc A La hán. Với sáu mươi đệ tử đầu tiên, Đức Phật đã thiết lập Giáo Hội và Ngài đã dạy các đệ tử: “Ta đã thoát ly tất cả các kiết sử của cõi Trời người, chư vị cũng được thoát ly. Hãy ra đi, này các Tỳ Kheo, vì lợi ích cho mọi người, vì hạnh phúc cho mọi người, vì lòng bi mẫn thế gian, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc của chư Thiên và loài người. Hãy thuyết pháp hoàn thiện ở phần đầu, hoàn thiện ở phần giữa, hoàn thiện ở phần cuối, hoàn hảo cả về ý nghĩa lẫn ngôn từ. Hãy tuyên bố đời sống phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh.” Cùng với những lời này, Đức Phật đã truyền các đệ tử của Ngài đi vào thế gian. Chính Ngài cũng đi về hướng Ưu Lô Tần Loa (Uruvela). Nơi đây Ngài đã nhận 30 thanh niên quý tộc vào Tăng Đoàn và giáo hóa ba anh em tôn giả Ca Diếp, chẳng bao lâu sau nhờ bài thuyết giảng về lửa thiêu đốt, các vị này đều chứng quả A La Hán. Sau đó Đức Phật đi đến thành Vương Xá (Rajagaha), thủ đô nước Ma Kiệt Đà (Magadha) để viếng thăm vua Tần Bà Sa La (Bimbisara). Sau khi cùng với quần thần nghe pháp, nhà vua đã chứng quả Dự Lưu và thành kính cúng dường Đức Phật ngôi Tịnh Xá Trúc Lâm, nơi Đức Phật và Tăng chúng cư trú trong một thời gian dài. Tại đây hai vị đại đệ tử Xá Lợi Phất (Sariputra) và Mục Kiền Liên (Maggallana) đã được nhận vào Thánh chúng. Tiếp đó Đức Phật trở về thành Ca Tỳ La Vệ và nhận con trai La Hầu La và em khác mẹ là Nan Đà vào Giáo Hội. Từ giả quê hương, Đức Phật trở lại thành Vương Xá và giáo hóa cho vị trưởng giả tên là Cấp Cô Độc. Nơi đây vị này đã dâng cúng Tịnh Xá Kỳ Viên. Từ sau khi đạt giác ngộ vào năm 35 tuổi cho đến khi Ngài nhập Niết Bàn vào năm 80 tuổi, Ngài thuyết giảng suốt những năm tháng đó. Chắc chắn Ngài phải là một trong những người nhiều nghị lực nhất chưa từng thấy: 45 năm trường Ngài giảng dạy ngày đêm, và chỉ ngủ khoảng hai giờ một ngày. Suốt 45 năm, Đức Phật truyền giảng đạo khắp nơi trên xứ Ấn Độ. Ngài kết nạp nhiều đệ tử, lập các đoàn

Tăng Già, Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni, thách thức hệ thống giai cấp, giảng dạy tự do tín ngưỡng, đưa phụ nữ lên ngang hàng với nam giới, chỉ dạy con đường giải thoát cho dân chúng trên khắp các nẻo đường. Giáo pháp của Ngài rất đơn giản và đầy ý nghĩa cao cả, loại bỏ các điều xấu, làm các điều lành, thanh lọc thân tâm cho trong sạch. Ngài dạy phương pháp diệt trừ vô minh, đường lối tu hành để diệt khổ, xử dụng trí tuệ một cách tự do và khôn ngoan để có sự hiểu biết chân chánh. Đức Phật khuyên mọi người nên thực hành mười đức tính cao cả là từ bi, trí tuệ, xả, hỷ, giới, nghị lực, nhẫn nhục, chân thành, cương quyết, thiện ý và bình thản. Đức Phật chưa hề tuyên bố là Thần Thánh. Người luôn công khai nói rằng bất cứ ai cũng có thể trở thành Phật nếu người ấy biết phát triển khả năng và dứt bỏ được vô minh. Khi giác hạnh đã viên mãn thì Đức Phật đã 80 tuổi. Đức Phật nhập Niết Bàn tại thành Câu Thi Na, để lại hàng triệu tín đồ trong đó có bà Da Du Đà La và La Hầu La, cũng như một kho tàng giáo lý kinh điển quý giá mà cho đến nay vẫn được xem là khuôn vàng thước ngọc. Nói tóm lại, có tám thời kỳ trong cuộc đời Đức Phật hay Bát Tướng Thành Đạo. Thứ nhất là Đâu Suất lai nghinh tướng (Xuống từ cung trời Đâu Suất). Thứ nhì là thuyết pháp cho chư thiên trên cung trời Đâu Suất. Thứ ba là nhập thai nơi Hoàng Hậu Ma Da. Thứ tư là tại vườn Lâm Tỳ Ni viên giáng sanh tướng. Thứ năm là du thành xuất gia tướng (xuất gia tu hành năm 29 tuổi). Thứ sáu là thành đạo sau 6 năm khổ hạnh (Bồ đề thọ hạ hàng ma Thành đạo tướng). Thứ bảy là tại Lộc Dã Uyển chuyển Pháp luân tướng (Chuyển Pháp Luân và Thuyết pháp). Thứ tám là nhập diệt năm 80 tuổi.

## ***II. Hình Ảnh Của Đức Phật Theo Quan Điểm Thiên Tông:***

***Sáu Năm Khổ Hạnh Để Cố Gắng Tìm Ra Chân Lý:*** Sau khi rời bỏ cung vua, Thái tử Sĩ Đạt Đa đi vào rừng khổ hạnh. Có rất nhiều đạo sĩ đang thực hành khổ hạnh tại đó. Thái tử đến xin chỉ giáo một vị trưởng lão: “Làm sao mới được giác ngộ và giải thoát?” Vị trưởng lão đáp: “Chúng tôi siêng năng tu hành khổ hạnh, chỉ mong sau khi chết được lên Thiên giới hưởng lạc, chứ không biết cái gì gọi là giác ngộ hay giải thoát cả.” Vị trưởng lão tiếp theo: “Phương pháp hành xác của chúng tôi là đói thì ăn rễ cỏ, vỏ cây, hoa quả. Có lúc chúng tôi dội nước lạnh lên đầu suốt ngày. Có lúc thì chúng tôi ngủ cạnh lửa nóng cho cơ thể bị nóng đỏ. Có lúc thì chúng tôi treo ngược trên những cành

cây. Chúng tôi thực hành khổ hạnh bằng nhiều cách khác nhau và mục đích là để thờ mặt trời, mặt trăng, các vì sao, hay nước chảy và lửa hồng. Sau khi nghe những lời giải thích của vị trưởng lão, vị Thái tử vốn thông minh biết ngay là những người này chẳng biết gì đến vấn đề sanh tử, họ đã không thể tự cứu mình nói chi đến cứu độ những chúng sanh khác. Sau đó Thái Tử Tất Đạt Đa đến gặp ngài A La La, rồi ngài Uất Đầu Lam Phát. Trong thời gian ngắn, Thái Tử đều thông hiểu hết tất cả những điều mà các đạo sư này đã chỉ dạy. Nhưng Ngài vẫn chưa thỏa mãn, và tự nhủ: “Các vị Thầy của Ta mặc dầu là những đạo sư thánh thiện, nhưng những lời chỉ giáo của họ vẫn chưa giúp con người chấm dứt khổ đau. Nên Ta phải tự mình cố gắng tìm ra chân lý.” Thế là Thái tử quyết định rời bỏ khổ hạnh lâm để hưởng về vùng tu của các ẩn sĩ. Ngài lên núi Gaya để tự mình khổ tu và tham thiền nhập định. Sự khổ hạnh của Thái tử rất đơn giản, mỗi ngày Ngài chỉ ăn một chút lúa mì và lúa mạch trong khi chuyên tâm tu trì nên cơ thể của Ngài ngày càng yếu dần. Thân thể của ngài mất đi vẻ đẹp trong sáng, bao phủ đầy bụi đất dơ dáy. Nhìn ngài chẳng khác gì một bộ xương đang sống. Nhưng ngài vẫn kiên trì không chịu từ bỏ sự khổ hạnh. Sau sáu năm tu hành khổ hạnh trong rừng, nhưng Ngài vẫn không đạt được tận cùng ý nguyện. Ngài thấy khổ hạnh hành xác là một sự sai lầm trong việc tự hủy hoại thân thể của chính mình. Cuối cùng Thái tử nghĩ rằng việc lớn giác ngộ và giải thoát không thể bằng tu hành khổ hạnh mà được. Để tìm ra chân lý, ngài phải theo con đường trung đạo nằm giữa cuộc sống quá dục lạc và quá khổ hạnh.

**Hình Ảnh Đức Phật Trong Kinh Pháp Cú:** Chẳng ai hơn nổi người đã thắng phục dục tình. Người đã thắng phục dục tình không còn bị thất bại trở lại, huống Phật trí mệnh mộng không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cám dỗ được (179). Người dứt hết trời buộc, ái dục còn khó cám dỗ được họ, huống Phật trí mệnh mộng không dấu tích, các người lấy gì mà hòng cám dỗ được ư? (180). Người trí thường ưa tu thiền định, ưa xuất gia và ở chỗ thanh vắng. Người có Chánh niệm và Chánh giác bao giờ cũng được sự ái kính của Thiên nơn (181). Được sinh làm người là khó, được sống còn là khó, được nghe Chánh pháp là khó, được gặp Phật ra đời là khó (182). Chớ làm các điều ác, gắng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch. Ấy lời chư Phật dạy (183). Chư Phật thường dạy: “Niết bàn là quả vị tối thượng, nhần nhục là khổ hạnh tối cao. Xuất gia mà não hại người khác, không gọi là xuất gia



Sa-môn.” (184). Chớ nên phỉ báng, đừng làm náo hại, giữ giới luật tinh nghiêm, uống ăn có chừng mực, riêng ở chỗ tịch tịnh, siêng tu tập thiền định; ấy lời chư Phật dạy (185). Giả sử mưa xuống bạc vàng cũng chẳng thỏa mãn được lòng tham dục. Người trí đã biết rõ sự dâm dật vui ít khổ nhiều (186). Thế nên, dù sự dục lạc ở cõi trời, người cũng chớ sanh tâm mong cầu. Đệ tử các đấng Giác ngộ, chỉ mong cầu diệt trừ ái dục mà thôi (187). Vì sợ hãi bất an mà đến quy-y thần núi, quy-y rừng cây, quy-y miếu thờ thọ thần (188). Nhưng đó chẳng phải là chỗ nương dựa yên ổn, là chỗ quy-y tối thượng, ai quy-y như thế khổ não vẫn còn nguyên (189). Trái lại, quy-y Phật, Pháp, Tăng, phát trí huệ chơn chánh (190). Hiểu thấu bốn lẽ mẫu: biết khổ, biết khổ nhân, biết khổ diệt và biết tám chi Thánh đạo, diệt trừ hết khổ não (191). Đó là chỗ quy-y an ổn, là chỗ quy-y tối thượng. Ai quy-y được như vậy mới giải thoát khổ đau (192). Rất khó gặp được các bậc Thánh nhân, vì chẳng thường có. Phàm ở đâu có vị Thánh nhơn ra đời thì gia tộc đó được an lành (193). Hạnh phúc thay đức Phật ra đời! Hạnh phúc thay diễm nói Chánh pháp! Hạnh phúc thay Tăng già hòa hợp! Hạnh phúc thay đồng tiến đồng tu! (194). Kẻ nào cúng dường những vị đáng cúng dường, hoặc chư Phật hay đệ tử, những vị thoát ly hư vọng, vượt khỏi hối hận lo âu (195). Công đức của người ấy đã cúng dường các bậc tịch tịnh vô úy ấy, không thể kể lường (196).

***Hình Ảnh Đức Phật Theo Quan Điểm Của Truyền Thống Thiên:***

Theo các tông phái Thiên thì Phật tử chấp nhận rằng vị Phật lịch sử ấy không phải là vị thần tối thượng, cũng không phải là đấng cứu thế cứu người bằng cách tự mình gánh lấy tội lỗi của loài người. Người Phật tử chỉ tôn kính Đức Phật như một con người toàn giác toàn hảo đã đạt được sự giải thoát thân tâm qua những nỗ lực của con người và không qua ân điển của bất cứ một đấng siêu nhiên nào. Theo Phật giáo, ai trong chúng ta cũng là một vị Phật, nghĩa là mỗi người chúng ta đều có khả năng làm Phật; tuy nhiên, muốn thành Phật, chúng ta phải đi theo con đường gian truân đến giác ngộ. Trong các kinh điển, chúng ta thấy có nhiều sự xếp loại khác nhau về các giai đoạn Phật quả. Một vị Phật ở giai đoạn cao nhất không những là một người giác ngộ viên mãn mà còn là một người hoàn toàn, một người đã trở thành toàn thể, bản thân tự đầy đủ, nghĩa là một người trong ấy tất cả các khả năng tâm linh và tâm thần đã đến mức hoàn hảo, đến một giai đoạn hài hòa hoàn toàn và tâm thức bao hàm cả vũ trụ vô biên. Một người như thế không thể

nào đồng nhất được nữa với những giới hạn của nhân cách và cá tính và sự hiện hữu của người ấy. Không có gì có thể đo lường được, không có lời nào có thể miêu tả được con người ấy.

### ***III. Đức Phật & Sự Khai Sanh Của Thiên Định:***

***Sơ Lược Về Sự Khai Sanh Của Thiên Định Trong Đạo Phật:*** Sau khi Thái tử Tất Đạt Đa dứt bỏ đời sống vương giả, cùng tên hầu cận là Xa Nặc thẳng yên cương cùng trốn ra khỏi cung, đi vào rừng sâu, xuất gia tầm đạo. Ban đầu, Thái tử đến với các danh sư tu khổ hạnh như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta, những vị này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng dầm mưa, hành thân hoại thể. Tuy nhiên ngài thấy cách tu hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên nên bỏ phương pháp ấy, nhưng họ không nghe. Thái tử bèn gia nhập nhóm năm người tu khổ hạnh và ngài đi tu tập nhiều nơi khác, nhưng đến đâu cũng thấy còn hẹp hòi thấp kém, không thể giải thoát con người hết khổ được. Thái tử tìm chốn tu tập một mình, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày thêm một tiêu tụy, kiệt sức, nằm ngã trên cỏ, may được một cô gái chăn cừu đổ sữa cứu khỏi thân chết. Từ đó, Thái tử nhận thấy muốn tìm đạo có kết quả, cần phải bồi dưỡng thân thể cho khỏe mạnh. Sau sáu năm tầm đạo, sau lần Thái tử ngồi nhập định suốt 49 ngày đêm dưới cội Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên tại Gaya để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng. Trong đêm thứ 49, lúc đầu hôm Thái tử chứng được túc mệnh minh, thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới; đến nửa đêm Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy được tất cả bản thể và nguyên nhân cấu tạo của vũ trụ; lúc gần sáng Ngài chứng được Lộ tận minh, biết rõ nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Thái tử Sĩ Đạt Đa đã đạt thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật.

***Kỳ Thật, Danh Xưng “Phật” Đã Nói Lên Hết Ý Nghĩa Của Thiên:*** Chữ Phật không phải là một danh từ riêng mà là một từ có nghĩa là “Bậc Giác Ngộ”, “Bậc Đại Giác”, hay “Bậc Tỉnh Thức.” Thái tử Sĩ Đạt Tha không phải sanh ra để được gọi là Phật. Ngài không sanh ra tự nhiên giác ngộ, mà phải với nỗ lực tự thân, Ngài mới đạt đến Giác Ngộ. Bất cứ chúng sanh nào thành tâm và cố gắng vượt thoát khỏi mọi vướng mắc đều có thể giác ngộ và thành Phật được. Tất cả Phật tử nên luôn nhớ rằng Đức Phật không phải là một vị thần linh.

Cũng như chúng ta, Đức Phật sanh ra là một con người. Sự khác biệt giữa Đức Phật và phàm nhân là Đức Phật đã giác ngộ còn phàm nhân vẫn còn mê mờ. Tuy nhiên, dù giác hay dù mê thì Phật tánh nơi ta và Phật tánh nơi Phật không sai khác. Như vậy, “Phật” là danh hiệu của một bậc đã xé tan bức màn vô minh, tự giải thoát mình khỏi vòng luân hồi sanh tử, và thuyết giảng con đường giải thoát cho chúng sanh. Chữ “Buddha” lấy từ gốc Phạn ngữ “Budh” có nghĩa là giác ngộ, chỉ người nào đạt được Niết Bàn qua thiền tập và tu tập những phẩm chất như trí tuệ, nhẫn nhục, bố thí. Con người ấy sẽ không bao giờ tái sanh trong vòng luân hồi sanh tử nữa, vì sự nối kết ràng buộc phàm phu tái sanh đã bị chặt đứt. Qua tu tập thiền định, chư Phật đã loại trừ tất cả những tham dục và nhiễm ô. Vị Phật của hiện kiếp là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài sanh ra với tên là Tất Đạt Đa trong dòng tộc Thích Ca. Phật là Đấng Toàn Giác hay một người đã giác ngộ viên mãn về chân tánh của cuộc sinh tồn. Chữ Phật có nghĩa là tự mình giác ngộ, đi giác ngộ cho người, sự giác ngộ này là viên mãn tối thượng. Từ Buddha” được rút ra từ ngữ căn tiếng Phạn “Budh” nghĩa là hiểu rõ, thấy biết hay tỉnh thức. Phật là người đã giác ngộ, không còn bị sanh tử luân hồi và hoàn toàn giải thoát. Trong Kinh Châu Báu, Tiểu Bộ, Tập 6, Đức Phật dạy: “Phật, Thế Tôn thù thắng, nói lên lời tán thán, pháp Thiền định trong sạch, liên tục không gián đoạn. Không gì sánh bằng được pháp thiền vi diệu ấy. Như vậy nơi chánh pháp là châu báu thù diệu. Mong với sự thật này, được sống chơn hạnh phúc.”

***Đạo Phật Là Đạo Của Trí Tuệ Giải Thoát Và Thiền Quán Trong Phật Giáo Hướng Tới Cái Trí Tuệ Giải Thoát Đó:*** Nhiều người tin rằng rằng họ thiền quán để thành Phật. Vâng, họ đúng. Phần hành thiền được lưu truyền từ những kinh điển Phật giáo Nguyên Thủy, căn cứ trên những phương pháp mà chính Đức Phật đã áp dụng, pháp môn hành thiền đã đưa Ngài đến giác ngộ và Niết Bàn, và từ chính kinh nghiệm bản thân của Ngài trong sự phát triển tâm linh. Như vậy, mục tiêu cuối cùng của bất cứ người con Phật nào cũng là thành Phật; tuy nhiên thiền tự nó không làm cho bất cứ chúng sanh nào thành Phật. Truyền thống tư duy của Phật giáo không đơn giản như vậy. Truyền thống tư duy của Phật giáo khác với truyền thống tư duy của các tôn giáo khác vì Phật giáo coi thiền định không thôi tự nó chưa đủ. Chúng ta có thể nói, với Phật giáo, thiền định tựa như mình mài một con dao. Chúng ta mài dao với mục đích để cắt vật gì đó một cách dễ dàng.

Cũng như vậy, qua thiền định chúng ta mài dũa tâm mình cho một mục đích nhất định, trong trường hợp tu theo Phật, mục đích này là trí tuệ. Trí tuệ có thể xóa tan vô minh và cắt đứt khổ đau phiền não. Chữ “Thiền” thật sự không phải là từ tương đương với chữ “Bhavana” trong ngôn ngữ Nam Phạn, mà đúng theo nguyên nghĩa có nghĩa là mở mang hay phát triển, trau dồi hay làm cho trở thành, là sự nỗ lực xây dựng tâm vắng lặng và an trụ, có khả năng nhận thức rõ ràng bản chất thật sự của tất cả các pháp hữu lậu và chứng ngộ Niết Bàn, trạng thái tâm lành mạnh lý tưởng. Trong Phật giáo, thiền làm công việc của một ngọn đuốc đem lại ánh sáng cho một cái tâm u tối. Giả như chúng ta đang ở trong một căn phòng tối tăm với một ngọn đuốc trong tay. Nếu ngọn đuốc quá mờ, hay nếu ngọn đuốc bị gió lay, hay nếu tay chúng ta không nắm vững ngọn đuốc, chúng ta sẽ không thấy được cái gì rõ ràng cả. Tương tự như vậy, nếu chúng ta không thiền đúng cách, chúng ta sẽ không bao giờ có thể đạt được trí tuệ có thể xuyên thủng được sự tăm tối của vô minh để nhìn thấy bản chất thật sự của cuộc sống và cuối cùng đi đến chỗ đoạn tận được khổ đau và phiền não. Vì vậy, Phật tử chơn thuần nên luôn nhớ rằng thiền chỉ là một phương tiện, một trong những phương tiện hay nhất để đạt được trí huệ trong đạo Phật. Hơn nữa, nhờ đạt được trí tuệ mà người ta có thể thấy được đúng sai và có thể tránh được ham mê cực độ những dục lạc giác quan hoặc hành hạ thân xác đến độ thái quá.

***Bức Thông điệp Vô Giá Của Đức Phật Liên Quan Đến Sự Tu Tập Thiền Định:*** Thông điệp vô giá của Đức Phật hay Tứ Diệu Đế là một trong những phần quan trọng nhất trong giáo pháp của Đức Phật. Đức Phật đã ban truyền thông điệp này nhằm hướng dẫn nhân loại đau khổ, cởi mở những trói buộc bất toại nguyện để đi đến hạnh phúc, tương đối và tuyệt đối (hạnh phúc tương đối hay hạnh phúc trần thế, hạnh phúc tuyệt đối hay Niết Bàn). Đức Phật nói: “Ta không phải là cái gọi một cách mù mờ ‘Thần linh’ ta cũng không phải là hiện thân của bất cứ cái gọi thần linh mù mờ nào. Ta chỉ là một con người khám phá ra những gì đã bị che lấp. Ta chỉ là một con người đạt được toàn giác bằng cách hoàn toàn thấu triệt hết thảy những chân lý.” Thật vậy, đối với chúng ta, Đức Phật là một con người đáng được kính mộ và tôn sùng, không phải chỉ như một vị thầy mà như một vị Thánh. Ngài là một con người, nhưng là một người siêu phàm, một chúng sanh duy nhất trong vũ trụ đạt đến tuyệt luân tuyệt hảo. Tất cả những gì mà

Ngài thành đạt, tất cả những gì mà Ngài thấu triệt đều là thành quả của những cố gắng của chính Ngài, của một con người. Ngài thành tựu sự chứng ngộ tri thức và tâm linh cao siêu nhất, tiến đến tuyệt đỉnh của sự thanh tịnh và trạng thái toàn hảo trong những phẩm hạnh cao cả nhất của con người. Ngài là hiện thân của từ bi và trí tuệ, hai phẩm hạnh cao cả nhất trong Phật giáo. Đức Phật không bao giờ tự xưng mình là vị cứu thế và không tự hào là mình cứu rỗi những linh hồn theo lối thần linh mặc khải của những tôn giáo khác. Theo Đức Phật, chỉ qua thiền tập liên tục chúng ta có thể thấy được tâm thanh tịnh. Chỉ có thiền tập liên tục, chúng ta có thể vượt qua trạng thái tâm dong ruổi và xả bỏ những loạn động. Cùng lúc chính nhờ thiền tập mà chúng ta có thể tập trung tư tưởng để quán sát những gì khởi lên trong tư tưởng, trong thân, trong cảm thọ, nghe, nếm, ngửi và tưởng tượng, vân vân. Qua thiền tập liên tục, chúng ta có thể quán sát rằng tất cả là vô thường, từ đó chúng ta có khả năng buông bỏ, và Niết bàn hiển hiện ngay lúc chúng ta buông bỏ tất cả. Thông điệp của Ngài thật đơn giản nhưng vô giá đối với chúng ta: “Bên trong mỗi con người có ngủ ngầm một khả năng vô cùng vô tận mà con người phải nỗ lực tinh tấn trau dồi và phát triển những tiềm năng ấy. Nghĩa là trong mỗi con người đều có Phật tánh, nhưng giác ngộ và giải thoát nằm trọn vẹn trong tầm mức nỗ lực và cố gắng của chính con người.”

## *The Buddha & the Birth of Zen*

### *I. The Historical Buddha Sakyamuni:*

The historical person with the name of Siddhattha, a Fully Enlightenment One. One who has reached the Utmost, Right and Equal Enlightenment. The lack of hard facts and information, even the date of the Buddha's life is still in doubt. Indian people believe that the Buddha's Nirvana took place around 100 years before the time of king Asoka. However, most modern scholars agreed that the Buddha's Birthday was in some time in the second half of the seventh century B.C. and His Nirvana was about 80 years after His Birthday. The Buddha is the All-Knowing One. He was born in 623 BC in Northern India, in what is now Nepal, a country situated on the slope of Himalaya, in the Lumbini Park at Kapilavathu on the Vesak Fullmoon

day of April. Almost 26 centuries ago, the Sakyas were a proud clan of the Khattiyas (the Warrior Caste) living on the foothill of the Himalaya in Northern Nepal. His royal name was Siddhartha, and his family name was Gautama. He belonged to the illustrious family of the Okkaka of the Solar Race. King Raja Suddhodana founded a strong kingdom with the capital at Kapilavatthu. His wife was Queen Maha Maya, daughter of the Kolya. Before giving birth to her child, according to the custom at that time, she asked for the King's permission to return to her parents' home in Devadaha for the childbirth. On the way to her parents' home, the Queen took a rest at Lumbini Park, a wonderful garden where flowers filled the air with sweet odor, while swarms of bees and butterflies were flying around and birds of all color were singing as if they were getting ready to welcome the Queen. As she was standing under a flowering sala tree, and catching hold of a branch in full bloom, she gave birth to a prince who would later become Buddha Gotama. All expressed their delight to the Queen and her noble baby prince. Heaven and Earth rejoiced at the marvels. The memorable day was the Full Moon Day of Vesak (in May) in 623 BC. On the naming ceremony, many learned Brahmins were invited to the palace. A wise hermit named Asita told the king that two ways would open for the prince: he would either become a universal ruler or would leave the world and become a Buddha. Asita named the baby Siddhattha, which means "the One whose wish is fulfilled." At first the King was pleased to hear this, but later he was worried about the statement that the prince would renounce the world and become a homeless hermit. In the palace, however, delight was followed quickly by sorrow, seven days after the childbirth, Queen Maya suddenly died. Her younger sister, Pajapati Gotami, the second Queen, became the prince's devoted foster mother, who brought him up with loving care. Although grew up in a luxurious life of a prince with full of glory, he was kind and gentle. He received excellent education in both Vedas and the arts of warfare. A wonderful thing happened at a ploughing festival in his childhood. It was an early spiritual experience which, later in his search for truth, served as a key to his Enlightenment. Once on a spring ploughing ceremony, the King took the prince to the field and placed him under the shade of a rose apple tree where he was watched by his nurses. Because the King

himself took part in the ploughing, the prince looked at his father driving a golden plough together with other nobles, but he also saw the oxen dragging their heavy yokes and many farmers sweating at their work. While the nurses ran away to join the crowd, he was left alone in the quiet. Though he was young in age, he was old in wisdom. He thought so deeply over the sight that he forgot everything around and developed a state of meditation to the great surprise of the nurses and his father. The King felt great pride in his son, but all the time he recalled the hermit's prophecy. Then he surrounded him with all pleasures and amusements and young playmates, carefully keeping away from him all knowledge of pain, sadness and death. When he was sixteen years old, the King Suddhodana arranged for his son's a marriage with the princess Yasodhara, daughter of King Soupra-Buddha, who bore him a son named Rahula. Although raised in princely luxury and glory, surrounded with splendid palaces, His beautiful wife and well-behaved son, He felt trapped amidst this luxury like a bird in a gold cage, a fish in a silver vase. During a visit to the outskirts of the city, outside the four palace portals, He saw the spectacle of human suffering, an old man with white hair, fallen teeth, blurred eyes, deaf ears, and bent back, resting on his cane and begging for his food; A sick man lying at the roadside who moaned painfully; a dead man whose body was swollen and surrounded with flies and bluebottles; and a holy ascetic with a calm appearance. The four sights made Him realize that life is subject to all sorts of sufferings. The sight of the holy ascetic who appeared serene gave Him the clue that the first step in His search for Truth was "Renunciation." Back in his palace, he asked his father to let Him enter monkhood, but was refused. Nevertheless, He decided to renounce the world not for His own sake or convenience, but for the sake of suffering humanity. This unprecedented resolution made Prince Siddartha later become the Founder of Buddhism. At the age of twenty-nine, one night He decided to leave behind His princely life. After his groom Chandala saddled His white horse, He rode off the royal palace, toward the dense forest and became a wandering monk. First, He studied under the guidance of the leading masters of the day such as Alara Kalama and Uddaka Ramaputta. He learned all they could teach Him; however, He could not find what He was looking for, He joined a group of five mendicants

and along with them, He embarked on a life of austerity and particularly on starvation as the means which seemed most likely to put an end to birth and death. In His desire for quietude He emaciated His body for six years, and carried out a number of strict methods of fasting, very hard for ordinary men to endure. The bulk of His body was greatly reduced by this self-torture. His fat, flesh, and blood had all gone. Only skin and bone remained. One day, worn out He fell to the ground in a dead faint. A shepherdess who happened to pass there gave Him milk to drink. Slowly, He recovered His body strength. His courage was unbroken, but His boundless intellect led Him to the decision that from now on He needed proper food. He would have certainly died had He not realized the futility of self-mortification, and decided to practice moderation instead. Then He went into the Nairanjana River to bathe. The five mendicants left Him, because they thought that He had now turned away from the holy life. He then sat down at the foot of the Bodhi tree at Gaya and vowed that He would not move until He had attained the Supreme Enlightenment. After 49 days, at the beginning of the night, He achieved the “Knowledge of Former Existence,” recollecting the successive series of His former births in the three realms. At midnight, He acquired the “Supreme Heavenly Eye,” perceiving the spirit and the origin of the Creation. Then early next morning, He reached the state of “All Knowledge,” realizing the origin of sufferings and discovering the ways to eliminate them so as to be liberated from birth-death and reincarnation. He became Anuttara Samyak-Sambodhi, His title was Sakyamuni Buddha. He attained Enlightenment at the age of 35, on the eighth day of the twelfth month of the lunar calendar, at the time of the Morning Star’s rising. After attaining Enlightenment at the age of 35 until his Mahaparinirvana at the age of 80, he spent his life preaching and teaching. He was certainly one of the most energetic man who ever lived: forty-nine years he taught and preached day and night, sleeping only about two hours a day. The Buddha said: “I am not the first Buddha to come upon this earth, nor shall I be the last. In due time, another Buddha will arise, a Holy one, a supreme Enlightened One, an incomparable leader. He will reveal to you the same Eternal Truth which I have taught you.” Two months after his Enlightenment, the Buddha gave his first discourse entitled “The Turning of The Dharma



Wheel” to the five ascetics, the Kodannas, his old companions, at the Deer Park in Benares. In this discourse, the Buddha taught: “Avoiding the two extremes of indulgence in sense pleasures and self-mortification, the Tathagata has comprehended the Middle Path, which leads to calm, wisdom, enlightenment and Nirvana. This is the Very Noble Eight-fold Path, namely, right view, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, and right concentration.” Next he taught them the Four Noble Truths: Suffering, the Cause of Suffering, the Ceasing of Suffering and the Path leading to the ceasing of suffering. The Venerable Kodanna understood the Dharma and immediately became a Sotapanna, the other four asked the Buddha to receive them into his Order. It was through the second sermon on the “No-self Quality” that all of them attained Arahantship. Later the Buddha taught the Dharma to Yasa, a rich young man in Benares and his 54 companions, who all became Arahants. With the first 60 disciples in the world, the Buddha founded his Sangha and he said to them: “I am free from all fetters, both human and divine, you are also free from all fetters. Go forth, Bhikkhus, for the welfare of many, for the happiness of many, out of compassion for the world, for the good and welfare, and happiness of gods and men. Preach the Dharma, perfect in the beginning, perfect in the middle, perfect in the end, both in spirit and in letter. Proclaim the holy life in all its fullness and purity.” With these words, he sent them into the world. He himself set out for Uruvela, where he received 30 young nobles into the Order and converted the Three Brothers Kassapa, who were soon established in Arahantship by means of “the Discourse on Fire.” Then the Buddha went to Rajagaha, to visit King Bimbisara. The King, on listening to the Dharma, together with his attendants, obtained the Fruit of the First Path and formally offered the Buddha his Bamboo Grove where the Buddha and the Sangha took up their residence for a long time. There, the two chief disciples, Sariputra and Mogallana, were received into the Order. Next, the Buddha went to Kapilavatthu and received into the Order his own son, Rahula, and his half-brother Nanda. From his native land, he returned to Rajagaha and converted the rich banker Anathapindika, who presented him the Jeta Grove. For 45 years, the Buddha traversed all over India, preaching and making converts to His religion. He founded an order of monks and later another order of nuns.

He challenged the caste system, taught religious freedom and free inquiry, raised the status of women up to that of men, and showed the way to liberation to all walks of life. His teaching were very simple but spiritually meaningful, requiring people “to put an end to evil, fulfil all good, and purify body and mind.” He taught the method of eradicating ignorance and suppressing sufferings. He encouraged people to maintain freedom in the mind to think freely. All people were one in the eyes of the Buddha. He advised His disciples to practice the ten supreme qualities: compassion, wisdom, renunciation, discipline, will power, forbearance, truthfulness, determination, goodwill, and equanimity. The Buddha never claimed to be a deity or a saint. He always declared that everyone could become a Buddha if he develops his qualities to perfection and is able to eliminate his ignorance completely through his own efforts. At the age of 80, after completing His teaching mission, He entered Nirvana at Kusinara, leaving behind millions of followers, among them were His wife Yasodara and His son Rahula, and a lot of priceless doctrinal treasures considered even today as precious moral and ethical models. In short, there are eight periods of Buddha’s life. First, descending from the Tushita Heaven Palace, or descend into and abode in the Tusita heaven. Second, abode at the Tushita and visibly preached to the devas. Third, entry into his mother’s womb (Queen Maha Maya). Fourth, birth from his mother’s side in Limbini. Fifth, leaving the home life (leaving home at the age of 29 as a hermit). Sixth, subduing mara and accomplishing the Way. After six years suffering, subduing mara and attaining enlightenment. Seventh, turning the Dharma wheel (rolling the Law-wheel or preaching). Eighth, entering nirvana (Parinirvana) at the age of 80.

## ***II. The Image of the Buddha in the Point of View of the Zen School:***

***Six Years of Ascetic Practices to Try to Find the Truth:*** After Prince Siddhartha left the royal palace, he wandered in the forest of ascetics. There were many practicing ascetics. The Prince consulted one of the elders: “How can I attain true enlightenment and emancipation?” The elder replied: “We practice asceticism diligently, hoping that upon our death we could be reborn in the heavens to enjoy happiness. We don’t know anything about enlightenment and

emancipation.” The elder added: “The way we take to the asceticism is that when we are hungry, we eat grassroots, bark, flowers, and fruits. Sometimes we pour cold water on our heads all day long. Sometimes we sleep by a fire, allowing the body to be baked and tanned. Sometimes we hang ourselves upside down on tree branches. We practice in different ways, the purpose of which is to worship the sun, moon, stars, the running water and the blazing fire.” After listening to the explanations of this elder, the wise Prince knew that they had practically no knowledge of the problems of life and death and they could not even redeem themselves, not to mention saving other sentient beings. The ascetics were merely inflicting sufferings upon themselves. Then Prince Siddhartha came to study with Masters Arada and Udraka. In a short time he mastered everything they had to teach him. But still he was not satisfied. “My teachers are holy people, but what they taught me does not bring an end to all suffering. I must continue to search for the Truth on my own.” So the Prince decided to relinquish this kind of ascetic life, left the forest and headed towards other places where the hermits were. He came to Gaya Hill to practice asceticism and meditation. The life which the Prince led was very simple. He just ate a little wheat and barley everyday while devoting all his energy to his practice. So his body became thinner by the day. His body lost its radiance and became covered with dust and dirt. Eventually he looked like a living skeleton. But he still refused to give up his practices. After six years of ascetic practice, the Prince could not reach his goal. He realized that it was a mistake to punish his body like that. Finally he realized that the major issue of enlightenment and emancipation could never be achieved through ascetic practicing alone. To find the Truth, he must follow a middle path between too much pleasure and too much pain.

*The Image of the Buddha in the Dharmapada Sutra:* No one surpasses the one whose conquest is not turned into defeat again. By what track can you lead him? The Awakened, the all perceiving, the trackless? (Dharmapada 179). It is difficult to seduce the one that has eradicated all cravings and desires. By which way can you seduce him? The trackless Buddha of infinite range (Dharmapada 180). Even the gods envy the wise ones who are intent on meditation, who delight in the peace of renunciation (Dharmapada 181). It is difficult to obtain

birth as a human being; it is difficult to have a life of mortals; it is difficult to hear the Correct Law; it is even rare to meet the Buddha (Dharmapada 182). Not to do evil, to do good, to purify one's mind, this is the teaching of the Buddhas (Dharmapada 183). The Buddhas say: "Nirvana is supreme, forbearance is the highest austerity. He is not a recluse who harms another, nor is he an ascetic who oppresses others." (Dharmapada 184). Not to slander, not to harm, but to restrain oneself in accordance with the fundamental moral codes, to be moderate in eating, to dwell in secluded abode, to meditate on higher thoughts, this is the teaching of the Buddhas (Dharmapada 185). Even a shower of gold pieces cannot satisfy lust. A wise man knows that lusts have a short taste, but long suffering (Dharmapada 186). Even in heavenly pleasures the wise man finds no delight. The disciple of the Supremely Enlightened One delights only in the destruction of craving (Dharmapada 187). Men were driven by fear to go to take refuge in the mountains, in the forests, and in sacred trees (Dharmapada 188). But that is not a safe refuge or no such refuge is supreme. A man who has gone to such refuge, is not delivered from all pain and afflictions (Dharmapada 189). On the contrary, he who take refuge in the Buddhas, the Dharma and the Sangha, sees with right knowledge (Dharmapada 190). With clear understanding of the four noble truths: suffering, the cause of suffering, the destruction of suffering, and the eightfold noble path which leads to the cessation of suffering (Dharmapada 191). That is the secure refuge, the supreme refuge. He who has gone to that refuge, is released from all suffering (Dharmapada 192). It is difficult to find a man with great wisdom, such a man is not born everywhere. Where such a wise man is born, that family prospers (Dharmapada 193). Happy is the birth of Buddhas! Happy is the teaching of the True Law! Happy is the harmony in the sangha! Happy is the discipline of the united ones! (Dharmapada 194). Whoever pays homage and offering, whether to the Buddhas or their disciples, those who have overcome illusions and got rid of grief and lamentation (Dharmapada 195). The merit of him who reverences such peaceful and fearless Ones cannot be measured by anyone (Dharmapada 196).

***The Image of the Buddha in the Point of View of Zen Tradition:***

According to the Zen sects, Buddhists accept the historic Sakyamuni

Buddha neither as a Supreme Deity nor as a savior who rescues men by taking upon himself the burden of their sins. Rather, it venerates him as a fully awakened, fully perfected human being who attained liberation of body and mind through his own human efforts and not by the grace of any supernatural being. According to Buddhism, we are all Buddhas from the very beginning, that means everyone of us is potentially a Buddha; however, to become a Buddha, one must follow the arduous road to enlightenment. Various classifications of the stages of Buddhahood are to be found in the sutras. A Buddha in the highest stage is not only fully enlightened but a Perfect One, one who has become whole, complete in himself, that is, one in whom all spiritual and psychic faculties have come to perfection, to maturity, to a stage of perfect harmony, and whose consciousness encompasses the infinity of the universe. Such a one can no longer be identified with the limitations of his individual personality, his individual character and existence; there is nothing by which he could be measured, there are no words to describe him.

### ***III. The Buddha & the Birth of Meditation:***

***A Summary of the Birth of Meditation In Buddhism:*** After Prince Siddhartha Gautama decided to leave behind His princely life. After his groom Chandala saddled His white horse, He rode off the royal palace, toward the dense forest and became a wandering monk. First, He studied under the guidance of the leading masters of the day such as Alara Kalama and Uddaka Ramaputta. He learned all they could teach Him; however, He could not find what He was looking for, He joined a group of five mendicants and along with them, He embarked on a life of austerity and particularly on starvation as the means which seemed most likely to put an end to birth and death. In His desire for quietude He emaciated His body for six years, and carried out a number of strict methods of fasting, very hard for ordinary men to endure. The bulk of His body was greatly reduced by this self-torture. His fat, flesh, and blood had all gone. Only skin and bone remained. One day, worn out He fell to the ground in a dead faint. A shepherdess who happened to pass there gave Him milk to drink. Slowly, He recovered His body strength. His courage was unbroken, but His boundless intellect led Him to the decision that from now on He

needed proper food. He would have certainly died had He not realized the futility of self-mortification, and decided to practice moderation instead. Then He went into the Nairanjana river to bathe. The five mendicants left Him, because they thought that He had now turned away from the holy life. He then sat down at the foot of the Bodhi tree at Gaya and vowed that He would not move until He had attained the Supreme Enlightenment. After 49 days, at the beginning of the night, He achieved the “Knowledge of Former Existence,” recollecting the successive series of His former births in the three realms. At midnight, He acquired the “Supreme Heavenly Eye,” perceiving the spirit and the origin of the Creation. Then early next morning, He reached the state of “All Knowledge,” realizing the origin of sufferings and discovering the ways to eliminate them so as to be liberated from birth-death and reincarnation. He became Anuttara Samyak-Sambodhi, His title was Sakyamuni Buddha.

*As a Matter of Fact, the Title “Buddha” Speaks Out All the Meanings of Meditation:* The word Buddha is not a proper name, but a title meaning “Enlightened One” or “Awakened One.” Prince Siddhartha was not born to be called Buddha. He was not born enlightened; however, efforts after efforts, he became enlightened. Any beings who sincerely try can also be freed from all clingings and become enlightened as the Buddha. All Buddhists should be aware that the Buddha was not a god or any kind of supernatural being. Like us, he was born a man. The difference between the Buddha and an ordinary man is simply that the former has awakened to his Buddha nature while the latter is still deluded about it. However, whether we are awakened or deluded, the Buddha nature is equally present in all beings. Therefore, the term “Buddha” is an epithet of those who successfully break the hold of ignorance, liberate themselves from cyclic existence, and teach others the path to liberation. The word “Buddha” derived from the Sanskrit root budh, “to awaken,” it refers to someone who attains Nirvana through meditative practice and the cultivation of such qualities as wisdom, patience, and generosity. Such a person will never again be reborn within cyclic existence, as all the cognitive ties that bind ordinary beings to continued rebirth have been severed. Through their meditative practice, buddhas have eliminated all craving, and defilements. The Buddha of the present era is referred to as

“Sakyamuni” (Sage of the Sakya). He was born Siddhartha Gautama, a member of the Sakya clan. The Buddha is One awakened or enlightened to the true nature of existence. The word Buddha is the name for one who has been enlightened, who brings enlightenment to others, whose enlightened practice is complete and ultimate. The term Buddha derived from the Sanskrit verb root “Budh” meaning to understand, to be aware of, or to awake. It describes a person who has achieved the enlightenment that leads to release from the cycle of birth and death and has thereby attained complete liberation. In the Ratana Sutta, Khuddakapatha, volume 6, the Buddha taught: “What the excellent Awakened One extolled as pure and called the concentration of unmediated knowing. No equal to that concentration can be found. This, too, is an exquisite treasure in the Dhamma. By this truth may there be well-being.”

***Buddhism Is a Religion of Wisdom of Emancipation, and Meditation in Buddhism Is Aiming At That Wisdom:*** Many people believe that they meditate to become a Buddha. Yes, they’re right. The exposition of meditation as it is handed down in the early Buddhist writings is more or less based on the methods used by the Buddha for his own attainment of enlightenment and Nirvana, and on his personal experience of mental development. Therefore, the final goal of any Buddhist is becoming a Buddha; however, meditation itself will not turn any beings to a Buddha. The contemplative traditions of Buddhism are not simple like that. What distinguishes Buddhism from the contemplative traditions of other religions is the fact that, for Buddhism, meditation by itself is not enough. We might say that, for Buddhism, meditation is like sharpening a knife. We sharpen a knife for a purpose, let’s say, in order to cut something easily. Similarly, by means of meditation, we sharpen the mind for a definite purpose, in the case of cultivation in Buddhism, the purpose is wisdom. The wisdom that’s able us to eliminate ignorance and to cut off sufferings and afflictions. The word meditation really is no equivalent for the Buddhist term “bhavana” which literally means ‘development’ or ‘culture,’ that is development of the mind, culture of the mind, or ‘making-the-mind become.’ It is the effort to build up a calm, concentrated mind that sees clearly the true nature of all phenomenal things and realizes Nirvana, the ideal state of mental health. In Buddhism, meditation functions the

job of a torch which gives light to a dark mind. Suppose we are in a dark room with a torch in hand. If the light of the torch is too dim, or if the flame of the torch is disturbed by drafts of air, or if the hand holding the torch is unsteady, it's impossible to see anything clearly. Similarly, if we don't meditate correctly, we can't never obtain the wisdom that can penetrate the darkness of ignorance and see into the real nature of existence, and eventually cut off all sufferings and afflictions. Therefore, sincere Buddhists should always remember that meditation is only a means, one of the best means to obtain wisdom in Buddhism. Furthermore, owing to obtaining the wisdom, one can see right from wrong and be able to avoid the extremes of indulgence in pleasures of senses and tormenting the body.

***Priceless Message from the Buddha Which Is Related to the Cultivation of Meditation:*** Priceless Message from the Buddha or the Four Noble Truths is one of the most important parts in the Buddha's Teachings. The Buddha gave this message to suffering humanity for their guidance, to help them to be rid of the bondage of "Dukkha" and to attain happiness, both relative and absolute (relative happiness or worldly happiness, absolute happiness or Nirvana). These Truths are not the Buddha's creation. He only re-discovered their existence. The Buddha said: "I am neither a vaguely so-called God nor an incarnation of any vaguely so-called God. I am only a man who re-discovers what had been covered for so long. I am only a man who attains enlightenment by completely comprehending all Noble Truths." In fact, the Buddha is a man who deserves our respect and reverence not only as a teacher but also as a Saint. He was a man, but an extraordinary man, a unique being in the universe. All his achievements are attributed to his human effort and his human understanding. He achieved the highest mental and intellectual attainments, reached the supreme purity and was perfect in the best qualities of human nature. He was an embodiment of compassion and wisdom, two noble principles in Buddhism. The Buddha never claimed to be a savior who tried to save 'souls' by means of a revelation of other religions. According to the Buddha, only through continuous meditation we can perceive our mind clearly and purely. Only through continuous meditation we can gradually overcome mental wandering and abandon conceptual distractions. At the same time we can focus our mind within



and observe whatever arises (thoughts, sensations of body, hearing, smelling, tasting and images). Through continuous meditation we are able to contemplate that they all are impermanent, we then develop the ability to let go of everything. Nirvana appears right at the moment we let go of everything. The Buddha's message is simple but priceless to all of us: "Infinite potentialities are latent in man and that it must be man's effort and endeavor to develop and unfold these possibilities. That is to say, in each man, there exists the Buddha-nature; however, deliverance and enlightenment lie fully within man's effort and endeavor."



## *Chương Hai*

### *Chapter Two*

#### *Tổng Quan Về Dòng Truyền Thừa Trong Thiên Tông Ấn Độ*

Lịch sử của Thiên Tông vẫn còn là một huyền thoại. Truyền thuyết cho rằng một ngày nọ, thần Phạm Thiên hiện đến với Đức Phật tại núi Linh Thứu, cúng dường Ngài một cánh hoa Kumbhala và yêu cầu Ngài giảng pháp. Đức Phật liền bước lên tòa sư tử, và cầm lấy cành hoa trong tay, không nói một lời. Trong đại chúng không ai hiểu được ý nghĩa. Chỉ có Ma Ha Ca Diếp là mỉm cười hoan hỷ. Đức Phật nói: “Chánh Pháp Nhân Tạng này, ta phó chúc cho người, này Ma Ha Ca Diếp. Hãy nhận lấy và truyền bá.” Một lần khi A Nan hỏi Ca Diếp Đức Phật đã truyền dạy những gì, thì Đại Ca Diếp bảo: “Hãy đi hạ cột cờ xuống!” A nan liền ngộ ngay. Cứ thế mà tâm ấn được truyền thừa. Giáo pháp này được gọi là “Phật Tâm Tông.” Như chúng ta được biết, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã truyền giáo pháp bí mật cho ngài Ma Ha Ca Diếp qua biến cố "Niêm Hoa Vi Tiếu". Tuy nhiên, theo lịch sử Thiên tông thì sự việc này không xuất hiện cho mãi đến năm 800 sau Tây Lịch (vì không được các bậc tông sư đời Tỳ và Đường nói đến. Đến đời Tống thì Vương An Thạch lại nói đến sự việc này), nhưng lại được coi như là điểm khởi đầu của Thiên Tông. Thuật ngữ Nhật Bản 'Nenge-misho' có nghĩa là 'dùng ngón tay vừa xoay bông hoa vừa mỉm cười'; từ ngữ thiền nói lên việc truyền Pháp của đức Phật Thích Ca một cách im lặng cho đồ đệ của Ngài là Ca Diếp, về sau được gọi là Đại Ca Diếp. Việc truyền từ tâm sang tâm là khởi đầu của việc 'truyền đặc biệt, ngoài kinh điển', như Thiền đã tự gọi mình. Câu chuyện này bắt nguồn từ một bộ kinh mang tên 'Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Kinh', kể lại một chuyến thăm của các vị Bà La Môn của một ngôi đền Ấn giáo đến thăm các môn đồ của Phật trên núi Linh Thứu, đã dâng Phật một cành hoa Kim Đàn Mộc (Ba La vàng) rồi xả thân làm sàng tọa thỉnh Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn dâng tọa, giơ cành hoa lên và vừa dùng mấy ngón tay xoay bông cho đại chúng xem, và vừa mỉm cười, nhưng không nói lời nào. Không một ai ở đó hiểu Thế Tôn muốn

nhấn nhủ gì, duy chỉ một mình Ca Diếp mỉm cười đáp lại thầy mình. Khi đức Thế Tôn niêm hoa, Ca Diếp phá nhan vi tiếu (Thế Tôn niêm khởi nhất chi hoa, Ca Diếp kim triều đắc đạo gia). Hành giả tu Thiền hãy mở mắt lớn lên mà nhìn một cách cẩn thận. Ngàn núi ngàn cách người tư duy khỏi người thật sự có mặt trong hiện tại. Theo quyển Chia Khóa Tu Thiền, một ông vua Việt Nam tên Trần Thái Tông đã nói: "Trong khi đang nhìn vào cành hoa mà đức Thế Tôn giơ lên trên tay, Ma Ha Ca Diếp đã bất thần tìm thấy chính mình ở nhà. Gọi đó là 'Truyền Pháp Yếu'." Theo sự trình bày được tóm lược phần nào về câu chuyện này trong thí dụ thứ 6 của Vô Môn Quan, nhân đó Đức Thế Tôn đã nói: "Ta có chính pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng trao lại cho Ma Ha Ca Diếp." Từ đó các đệ tử Phật gọi ông Ca Diếp bằng Đại Ca Diếp, và ông trở thành vị Tổ đầu tiên của dòng Thiền Ấn Độ. Câu chuyện đức Phật vẫy cành hoa trước đại chúng, cũng giống như chuyện kể "khi đức Phật vừa đản sanh ngài đã bước đi bảy bước, nhìn về bốn phương" không nên được hiểu theo nghĩa đen từng chữ. Phần giải thích đầu tiên cho việc đức Thế Tôn truyền chánh pháp cho Ma Ha Ca Diếp bắt đầu được truyền bá trong một quyển kinh có nguồn gốc từ Trung Hoa vào khoảng năm 1036 sau tây lịch, tức là khoảng một ngàn bốn trăm năm sau khi đức Phật đản sanh. Đó là vào thời nhà Tống, tột đỉnh của sự phát triển văn hóa Trung Hoa với nhiều thơ văn và điển tịch được xuất bản. Tư tưởng thần bí, truyền khẩu và những biện giải theo tông phái góp phần tạo nên một vai trò pháp điển này. Truyền thuyết về việc đức Phật vẫy cành hoa trước đại chúng đáp ứng nhu cầu cho việc giao tiếp với người khai sáng, và ngay lập tức được tin tưởng và truyền tụng giống như một loại phúc âm hay chân lý không thể bàn cãi. Bộ sách "Tứ Nguyên Lý" (Lăng Già Kinh Tứ Quyển) được cho là của Bồ Đề Đạt Ma, thật ra được diễn đạt vào thời nhà Tống, sau thời Bồ Đề Đạt Ma khoảng sáu trăm năm, dùng cùng một ngôn từ xem như lời của đức Phật "Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự." Những vị đại sư thời nhà Tống đã làm ra những trọng điểm với những huyền thoại của họ. Dầu chúng ta có nói gì đi nữa thì Thiền tông Ấn Độ khởi đầu từ Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp và truyền thừa được 28 đời trước khi truyền qua Trung Quốc. Theo trường phái Thiền, Thiền tông đã được lưu truyền qua từng vị tổ sư, không truyền bằng giáo pháp, nhưng chỉ lấy tâm truyền tâm và không không dùng đến văn tự.

## *An Overview of Lines of Transmission In Indian Zen School*

The history of Zen is mythical. It is said that one day Brahma came to the Buddha who was residing at the Vulture Peak, offered a Kumbhala flower, and requested him to preach the Law. The Buddha ascended the Lion seat and taking that flower touched it with his fingers without saying a word. No one in the assembly could understand the meaning. The venerable Mahakasyapa alone smiled with joy. The world-Honoured One said: "The doctrine of the Eye of the True Law is hereby entrusted to you, Oh Mahakasyapa! Accept and hand it down to posterity." Once when Ananda asked Mahakasyapa what the Buddha's transmission was, Mahakasyapa said: "Go and take the banner-stick down!" Ananda understood him at once. Thus the mind-sign was handed down successively. The teaching was called the 'school of the Buddha-mind.' We are told that Sakyamuni Buddha had given the secret doctrine to Mahakasyapa through the incident of "Smiling and twirling a flower between the fingers" (Buddha held up a flower and Kasyapa smiled). However, this incident does not appear till about 800 A.D., but is regarded as the beginning of the tradition on which the Ch'an or Intuitional sect based its existence. In Japanese, the term 'Nenge-misho' means 'smiling and swirling a flower between the fingers'; a Zen expression that refer to the wordless transmission of the Buddha-dharma from Sakyamuni Buddha to his student Kashyapa, later called Mahakashyapa. The transmission from heart-mind to heart-mind is the beginning of the "Special transmission outside the orthodox teaching," as Zen calls itself. The story begins with a sutra, the "Ta-fan T'ien-wang Wen Fo Ching." In it it is told that once Brahma, the highest deity in the Hinduist assembly of gods, visited a gathering of disciples of the Buddha on Mount Gridhrakuta (Vulture Peak Mountain). He presented the Buddha with a garland of flowers and requested him respectfully to expound the dharma. However, instead of giving a discourse, the Buddha only took a flower and twirled it, while smiling silently, between the fingers of his raised hand. None of the gathering understood except for Kashyapa, who responded with a smile. When the World-Honored One holds up a flower to the assembly.

Mahakasyapa's face is transformed, and he smiles. Zen practitioners should open your eyes and look carefully. A thousand mountain ranges separate the one who reflects from the one who is truly present. According to Zen Keys, Vietnamese King Tran Thai Tong said: "While looking at the flower that the World-Honored One raised in his hand, Mahakasyapa found himself suddenly at home. To call that 'transmission of the essential Dharma' is to say that, for him alone, the chariot shaft is adequate transport." According to the somewhat shortened version of this episode given in example 6 of the Wu-Men-Kuan, the Buddha then said, "I have the treasure of the eye of true dharma, the wonderful mind of nirvana, the true form of no form, the mysterious gate of dharma. It cannot be expressed through words and letters and is a special transmission, outside of all doctrine. This I entrust to Mahakasyapa." After this event, Kashyapa was called Mahakasyapa, thus became the first patriarch of the Indian transmission lineage of Ch'an. The story of the Buddha twirling a flower before his assembly, like the story of the baby Buddha taking seven steps in each of the cardinal directions, need not be taken literally. The first account of his transmitting the Dharma to Mahakasyapa is set forth in a sutra of Chinese origin that is dated A.D. 1036, fourteen hundred years after the Buddha's time. This was the Sung period, a peak in the development of Chinese culture when great anthologies, encyclopedias, and directories were being produced. Myth, oral tradition, and sectarian justification all played a role in this codification. The fable of the Buddha twirling a flower filled a great need for connection with the founder, and it was picked up immediately and repeated like gospel. The 'Four Principles' attributed to Bodhidharma were also formulated during the Sung period, some six hundred years after Bodhidharma's time, using some of the same language attributed to the Buddha: 'A special transmission outside tradition, not established on words or letters.' The Sung teachers were making important points with their myths." No matter what we say, Indian Zen Sect began with the First Patriarch Maha Kasyapa and handed down to the twenty-eighth Patriarch Bodhidharma before moving to China (handing down the Patriarchs in China). According to the Zen sect, men who inherited and passed on teaching of Sakyamuni. Zen sect was transmitted from one patriarch after the other, which was not expounded in words but transmitted from mind to mind and without the use of written texts.

## *Chương Ba*

### *Chapter Three*

#### *Ma Ha Ca Diếp: Sơ Tổ Thiên Tông Ấn Độ*

##### ***I. Tổng Quan Về Ma Ha Ca Diếp:***

Ma Ha Ca Diếp là một nhà cự phú theo đạo Bà La Môn. Ông sống ở ngoại ô của thành Vương Xá, là một trong mười đại đệ tử của Phật, người ta nói ông là một trong những đệ tử vượt trội các đệ tử khác về mặt buông xả và hạnh đầu đà. Ông vốn thông minh học rộng, thường đến tịnh xá Trúc Lâm nghe Phật thuyết pháp. Có một lần sau khi nghe Phật giảng kinh xong, trên đường trở về, nhìn thấy Đức Phật đang tĩnh tọa dưới bóng cây trước mặt, thì ông vô cùng kinh ngạc. Thì ra Phật thị hiện thân thông để thu phục ông. Sau đó đã trở thành một trong những môn đồ lớn của Đức Phật, nổi tiếng về kỷ luật khổ hạnh và đạo đức nghiêm khắc. Nhờ những đức tánh ấy mà Ngài đã được tứ chúng tín nhiệm chủ trì kiết tập kinh điển lần đầu cũng như trọng trách lãnh đạo Tăng già sau khi Phật nhập diệt. Ông được coi như là vị tổ thứ nhất trong 28 vị tổ của dòng Thiên cổ Ấn Độ (Ba anh em ông Ca Diếp Ba đều là người trước kia tu theo ngoại đạo, thờ thần Lửa. Ngài Đại Ca Diếp có 500 đệ tử, hai người em mỗi vị có 250 đệ tử. Sau khi tín phục giáo nghĩa của Đức Phật, ba vị đã mang hết chúng đệ tử của mình về quy-y Phật). Ông được coi như sơ tổ dòng thiên Ấn Độ từ câu chuyện “Truyền Tâm Ấn” về Ma Ha Ca Diếp mỉm cười khi Đức Phật đưa lên nhành kim hoa. Người ta nói Ma Ha Ca Diếp đắc quả A La Hán chỉ sau tám ngày theo Phật. Sau khi Phật nhập diệt, Đại Ca Diếp đã nối tiếp Phật hướng dẫn Tăng đoàn. Ông cũng là người chủ tọa hội đồng kiết tập kinh điển đầu tiên. Sau khi Ma Ha Ca Diếp thị tịch, ông ủy thác cho ngài A Nan làm chủ tịch hội đồng Tăng Già thời bấy giờ.

##### ***II. Niêm Hoa Vi Tiếu:***

Từ ngữ thiên nói lên việc truyền Pháp của đức Phật Thích Ca một cách im lặng cho đồ đệ của Ngài là Ca Diếp, về sau được gọi là Đại Ca Diếp. Việc truyền từ tâm sang tâm là khởi đầu của việc 'truyền đặc biệt, ngoài kinh điển', như Thiên đã tự gọi mình. Câu chuyện này bắt

nguồn từ một bộ kinh mang tên 'Đại Phạm Thiên Vương Vấn Phật Kinh', kể lại một chuyến thăm của các vị Bà La Môn của một ngôi đền Ấn giáo đến thăm các môn đồ của Phật trên núi Linh Thứu, đã dâng Phật một cành hoa Ba La vàng rồi xả thân làm sàng tọa thỉnh Phật thuyết pháp. Đức Thế Tôn dâng tọa, giơ cành hoa lên và vừa dùng mấy ngón tay xoay bông cho đại chúng xem, và vừa mỉm cười, nhưng không nói lời nào. Không một ai ở đó hiểu Thế Tôn muốn nhắn nhủ gì, duy chỉ một mình Ca Diếp mỉm cười đáp lại thầy mình. Theo sự trình bày được tóm lược phần nào về câu chuyện này trong thí dụ thứ 6 của Vô Môn Quan, nhân đó Đức Thế Tôn đã nói: "Ta có chính pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, chẳng lập thành văn tự, truyền riêng ngoài giáo, nay trao lại cho Ma Ha Ca Diếp." Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, thật tình mà nói, nếu lúc bấy giờ cả đám đều cười cả thì nhãn tạng chính pháp làm sao truyền? Lại giả như Ca Diếp không cười thì chính pháp nhãn tạng làm sao truyền được? Nếu nói nhãn tạng chính pháp có truyền thụ, thì hóa ra Thế Tôn đã gạt chúng hay sao? Còn nếu bảo không truyền thụ, thì sao lại chỉ truyền cho Ca Diếp? Hành giả tu Thiền hãy mở mắt lớn lên mà nhìn một cách cẩn thận. Ngàn núi ngàn cách người tư duy khỏi người thật sự có mặt trong hiện tại. Theo quyển Chia Khóa Tu Thiền, một ông vua Việt Nam tên Trần Thái Tông đã nói: "Trong khi đang nhìn vào cành hoa mà đức Thế Tôn giơ lên trên tay, Ma Ha Ca Diếp đã bất thần tìm thấy chính mình ở nhà. Gọi đó là 'Truyền Pháp Yếu'." Theo sự trình bày được tóm lược phần nào về câu chuyện này trong thí dụ thứ 6 của Vô Môn Quan, nhân đó Đức Thế Tôn đã nói: "Ta có chính pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng trao lại cho Ma Ha Ca Diếp." Từ đó các đệ tử Phật gọi ông Ca Diếp bằng Đại Ca Diếp, và ông trở thành vị Tổ đầu tiên của dòng Thiền Ấn Độ. Câu chuyện đức Phật vẫy cành hoa trước đại chúng, cũng giống như chuyện kể "khi đức Phật vừa đản sanh ngài đã bước đi bảy bước, nhìn về bốn phương" không nên được hiểu theo nghĩa đen từng chữ. Phần giải thích đầu tiên cho việc đức Thế Tôn truyền chánh pháp cho Ma Ha Ca Diếp bắt đầu được truyền bá trong một quyển kinh có nguồn gốc từ Trung Hoa vào khoảng năm 1036 sau tây lịch, tức là khoảng một ngàn bốn trăm năm sau khi đức Phật đản sanh. Đó là vào thời nhà Tống, tột đỉnh của sự phát triển văn hóa Trung Hoa với nhiều thơ văn và điển tịch được xuất bản. Tư tưởng thần bí, truyền khẩu và những biện giải theo



tông phái góp phần tạo nên một vai trò pháp điển này. Truyền thuyết về việc đức Phật vẩy cành hoa trước đại chúng đáp ứng nhu cầu cho việc giao tiếp với người khai sáng, và ngay lập tức được tin tưởng và truyền tụng giống như một loại phúc âm hay chân lý không thể bàn cãi. Bộ sách "Tứ Nguyên Lý" (Lăng Già Kinh Tứ Quyển) được cho là của Bồ Đề Đạt Ma, thật ra được diễn đạt vào thời nhà Tống, sau thời Bồ Đề Đạt Ma khoảng sáu trăm năm, dùng cùng một ngôn từ xem như lời của đức Phật "Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự." Những vị đại sư thời nhà Tống đã làm ra những trọng điểm với những huyền thoại của họ.

### ***Mahakashyapa: The First Patriarch of the Indian Zen School***

#### ***I. An Overview of Mahakashyapa:***

He was a wealthy man and a wise and widely read scholar. He lived on the outskirts of Rajagrha, one of the Buddha's great disciples. He was said to be foremost among the ten great disciples in non-attachment, and foremost at the practice of austerity. He never missed any of the Buddha's discourse at Venuvana Vihara. On one occasion when he had just finished listening to the Buddha's exposition of a sutra and was on his way home, he saw the Buddha already seated underneath a tree in the road ahead. He was very surprised. It transpired that the Buddha showed a little of his supernatural powers to win over Mahakasyapa. Since then he became a close disciple of the Buddha. He was renowned for his ascetic self-discipline and moral strictness. Thanks to the qualities right after the death of the Buddha, he was asked to reside at the First Council and to take over leadership of the Sangha. He was considered (reckoned) as the first of 28 Great Ancient Patriarchs Indian Zen. He was regarded as the First Patriarch from the story of the "transmission" of the Mind-seal when the Buddha held up a golden flower and Maha-Kasyapa smiled. Maha-Kasyapa is said to have become an Arhat after being with the Buddha for eight days. After the Buddha's death, Mahakasyapa succeeded the Buddha as a leader of Buddhist Order. He also presided the First Council at

Rajagrha. After his death he is reputed to have entrusted Ananda with leadership of the Order.

## ***II. A Smile With One Twirls a Flower:***

The story begins with a sutra, the "Ta-fan T'ien-wang Wen Fo Ching." In it it is told that once Brahma, the highest deity in the Hinduist assembly of gods, visited a gathering of disciples of the Buddha on Mount Gridhrakuta (Vulture Peak Mountain). He presented the Buddha with a garland of flowers and requested him respectfully to expound the dharma. However, instead of giving a discourse, the Buddha only took a flower and twirled it, while smiling silently, between the fingers of his raised hand. None of the gathering understood except for Kashyapa, who responded with a smile. According to the somewhat shortened version of this episode given in example 6 of the Wu-Men-Kuan, the Buddha then said, "I have the treasure of the eye of true dharma, the wonderful mind of nirvana, the true form of no form, the mysterious gate of dharma. It cannot be expressed through words and letters and is a special transmission, outside of all doctrine. This I entrust to Mahakashyapa." According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, as a matter of fact, suppose that all the monks had smiled, how would the eye treasury have been transmitted? Or suppose that Mahakasyapa had not smiled, how could he have been entrusted with it? If you say the eye treasury can be transmitted, that would be as if the World Honored One were swindling people in a loud voice at the town gate. If you say the eye treasury cannot be transmitted, then why did the Buddha say that he entrusted it to Mahakasyapa? Zen practitioners should open your eyes and look carefully. A thousand mountain ranges separate the one who reflects from the one who is truly present. According to Zen Keys, Vietnamese King Tran Thai Tong said: "While looking at the flower that the World-Honored One raised in his hand, Mahakasyapa found himself suddenly at home. To call that 'transmission of the essential Dharma' is to say that, for him alone, the chariot shaft is adequate transport." According to the somewhat shortened version of this episode given in example 6 of the Wu-Men-Kuan, the Buddha then said, "I have the treasure of the eye of true dharma, the wonderful mind of nirvana, the true form of no form, the mysterious gate of dharma. It cannot be expressed through

words and letters and is a special transmission, outside of all doctrine. This I entrust to Mahakashyapa." After this event, Kashyapa was called Mahakashyapa, thus became the first patriarch of the Indian transmission lineage of Ch'an. The story of the Buddha twirling a flower before his assembly, like the story of the baby Buddha taking seven steps in each of the cardinal directions, need not be taken literally. The first account of his transmitting the Dharma to Mahakasyapa is set forth in a sutra of Chinese origin that is dated A.D. 1036, fourteen hundred years after the Buddha's time. This was the Sung period, a peak in the development of Chinese culture when great anthologies, encyclopedias, and directories were being produced. Myth, oral tradition, and sectarian justification all played a role in this codification. The fable of the Buddha twirling a flower filled a great need for connection with the founder, and it was picked up immediately and repeated like gospel. The 'Four Principles' attributed to Bodhidharma were also formulated during the Sung period, some six hundred years after Bodhidharma's time, using some of the same language attributed to the Buddha: 'A special transmission outside tradition, not established on words or letters.' The Sung teachers were making important points with their myths."



**Chương Bốn**  
**Chapter Four**

**Hai Mươi Tám Tổ Ấn Độ**

**(I) Ma Ha Ca Diếp**

Ông là một nhà cự phú theo đạo Bà La Môn. Ông sống ở ngoại ô của thành Vương Xá, là một trong mười đại đệ tử của Phật, người ta nói ông là một trong những đệ tử vượt trội các đệ tử khác về mặt buông xả và hạnh đầu đà. Ông vốn thông minh học rộng, thường đến tịnh xá Trúc Lâm nghe Phật thuyết pháp. Có một lần sau khi nghe Phật giảng kinh xong, trên đường trở về, nhìn thấy Đức Phật đang tĩnh tọa dưới bóng cây trước mặt, thì ông vô cùng kinh ngạc. Thì ra Phật thị hiện thân thông để thu phục ông. Sau đó đã trở thành một trong những môn đồ lớn của Đức Phật, nổi tiếng về kỷ luật khổ hạnh và đạo đức nghiêm khắc. Nhờ những đức tánh ấy mà Ngài đã được tứ chúng tín nhiệm chủ trì kiết tập kinh điển lần đầu cũng như trọng trách lãnh đạo Tăng già sau khi Phật nhập diệt. Ông được coi như là vị tổ thứ nhất trong 28 vị tổ của dòng Thiền cổ Ấn Độ (Ba anh em ông Ca Diếp Ba đều là người trước kia tu theo ngoại đạo, thờ thần Lửa. Ngài Đại Ca Diếp có 500 đệ tử, hai người em mỗi vị có 250 đệ tử. Sau khi tín phục giáo nghĩa của Đức Phật, ba vị đã mang hết chúng đệ tử của mình về quy-y Phật). Ông được coi như sơ tổ dòng thiền Ấn Độ từ câu chuyện “Truyền Tâm Ấn” về Ma Ha Ca Diếp mỉm cười khi Đức Phật đưa lên nhành kim hoa. Người ta nói Ma Ha Ca Diếp đắc quả A La Hán chỉ sau tám ngày theo Phật. Sau khi Phật nhập diệt, Đại Ca Diếp đã nối tiếp Phật hướng dẫn Tăng đoàn. Ông cũng là người chủ tọa hội đồng kiết tập kinh điển đầu tiên. Sau khi Ma Ha Ca Diếp thị tịch, ông ủy thác cho ngài A Nan làm chủ tịch hội đồng Tăng Già thời bấy giờ—Xem Chương 3.

## (II) A Nan

**Tổng Quan Về A Nan:** A Nan (Hoan Hỷ Vô nhiễm), anh em họ của Phật, em trai của Đề Bà Đạt Đa, và cũng là một trong những đại đệ tử. A Nan nổi tiếng là người đệ tử học rộng nhất của Đức Phật. Ngài có một trí nhớ toàn hảo và vì thế mà có thể nhớ hết những bài thuyết giảng của Đức Phật. A Nan chính là thị giả thân cận nhất của Đức Phật trong suốt 25 năm. Ông nổi tiếng nhờ trí nhớ tuyệt hảo mà ông đã nhớ lại hết những lời thuyết pháp của Phật, sau này nhờ đó mà ghi lại thành kinh điển Phật giáo. A Nan thường được dẫn ra như một tấm gương trong các kinh điển vì tính khiêm nhường và lòng tận tụy của ông đối với Đức Phật. Ông chỉ nhận phục vụ riêng cho Đức Phật sau khi Đức Phật bảo đảm với ông rằng cương vị ấy không mang lại cho ông bất cứ ưu thế nào. Tên ông có nghĩa là “Hoan Hỷ” vì ngày ông sanh ra chính là ngày Đức Phật thành đạo. Với trí nhớ vô song của ông nên ông là người đầu tiên được chọn trùng tụng trong lần kết tập kinh điển đầu tiên (4 tháng sau khi Phật nhập diệt). Ông là người bình vực nữ quyền. Sau khi Đức Phật từ chối lời khẩn cầu của Di Mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề về việc thành lập Ni đoàn, A Nan đã can thiệp cho bà và cuối cùng Đức Phật đã đồng ý cho thành lập Ni đoàn.

**Cuộc đời của ngài A Nan:** A Nan là con vua Hộc Phạn (em trai của vua Tịnh Phạn). A Nan là em ruột của Đề Bà Đạt Đa. Ông được biết đến như là Thiện Hoan Hỷ vì khi ông sanh ra mang lại hoan hỷ cho mọi người nên mới được đặt tên là A Nan. Ngài là em họ của Phật Thích Ca và cũng là một trong thập đại đệ tử của Ngài. Hai năm sau ngày Phật thành đạo, A Nan đã cùng với năm vị hoàng thân khác của dòng Thích Ca (Anuruddha, Devadatta, Bhaddiya, Bhagu, và Kimbala) đã xin xuất gia với Đức Phật. Khi Đức Phật được 55 tuổi ông A Nan đã theo làm thị giả cho Ngài trên hai mươi năm.

A Nan nổi tiếng nhờ trí nhớ xuất sắc, có khả năng nhớ từng chữ trong những lời thuyết giảng của Phật, rồi sau này được trùng tụng thành kinh điển. Ông được chọn trùng tụng về Kinh điển trong lần Đại hội kết tập kinh điển đầu tiên (4 tháng sau ngày Phật nhập diệt). Người ta nói chính ngài A Nan đã đọc thuộc lòng những bài thuyết pháp của Đức Phật mà về sau được ghi lại thành Kinh Tạng. Ngài là vị Tổ thứ hai sau Đại Ca Diếp. Người ta nói ngài A Nan chứng đạo sau khi Phật

đã nhập diệt và ông sống đến 120 tuổi. Phật thọ ký cho ngài sau này thành Phật hiệu là Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Phật.

***Ngài A Nan Xin Được Phục Dịch Đức Phật Với Những Điều Kiện Sau Đây:*** Thứ nhất, Đức Phật không ban cho ngài những bộ y mà thiện tín đã dâng cúng cho Phật. Thứ nhì, Đức Phật không ban cho ngài vật thực mà thiện tín đã cúng dường cho Phật. Thứ ba, Đức Phật không cho phép ngài cùng ở trong một tịnh thất với Phật. Thứ tư, Đức Phật không cho phép ngài đi cùng với Đức Phật những nơi nào mà thí chủ thỉnh Đức Phật. Thứ năm, Đức Phật sẽ hoan hỷ cùng ngài đi đến nơi nào mà thí chủ thỉnh ngài đến. Thứ sáu, Đức Phật hoan hỷ cho phép ngài được tiến dẫn những vị khách từ phương xa đến viếng Phật. Thứ bảy, Đức Phật hoan hỷ cho phép ngài đến bạch Đức Phật mỗi khi có điều hoài nghi phát sanh. Thứ tám, Đức Phật hoan hỷ lập lại bài pháp mà Đức Phật đã giảng lúc ngài vắng mặt.

***Vai Trò Của Ngài A Nan Trong Phật Giáo:*** Sau khi tang lễ của vua Tịnh Phạn, Đức Phật còn lưu lại tịnh xá Na Ma Đề Kiện Ni trong thành Ca Tỳ La Vệ. Ngài A Nan đã khẩn khoản xin Phật cho mẹ là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cũng là di và nhũ mẫu của Đức Phật, được xuất gia làm Tỳ Kheo Ni đầu tiên. Mười bốn năm sau ngày Đức Phật thành đạo, Ngài đã nhận di của Ngài và các phụ nữ vào giáo đoàn đầu tiên, nhưng Ngài nói rằng việc nhận người nữ vào giáo đoàn sẽ làm cho Phật giáo giảm mất đi 500 năm. Bà di mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề dẫn theo 500 phụ nữ yêu cầu được làm lễ xuất gia, đức Phật không ưng thuận, nhưng lòng họ đã quyết, tự cạo mái tóc dài, đổi cà sa, đến chỗ Phật ở. A Nan Đà nhìn thấy năm trăm phụ nữ cạo trọc đầu tóc, hết sức kinh ngạc, hỏi rõ nguyên nhân, rất đổi đồng tình. Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề khẩn cầu A Nan Đà hãy vì họ mà cầu xin với Phật. A Nan Đà dẫn họ đến chỗ Phật. Đức Phật từ bi đáp thuận thỉnh cầu của A Nan Đà và bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề. Chính nhờ lời thỉnh cầu của tôn giả A Nan và Hoàng Hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề mà Đức Phật đã cho thành lập Ni Đoàn. Đức Phật đã chọn bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đứng đầu Ni Đoàn, hai nữ tôn giả An Hòa và Liên Hoa Sắc làm hai nữ đại đệ tử trong Ni chúng làm phụ tá cho Hoàng Hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề. Sau đó Phật nói cho họ về giới luật đối với Tỳ kheo Ni và Bát Kính Pháp. Từ đó Tăng đoàn Phật giáo có phụ nữ xuất gia, đó là những Tỳ Kheo Ni và Sa Di Ni đầu tiên.

***Vai Trò Của Ngài A Nan Trong Lần Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ***

**Nhất:** A Nan Đa đã đóng một vai trò hết sức trọng yếu trong kỳ “Kết Tập Kinh Điển lần thứ Nhất” được tổ chức tại thành Vương Xá, trong đó có 500 vị A La Hán hội họp để trùng tuyên những bài giảng của Đức Phật bằng trí nhớ. A Na cũng có mặt nhưng không được tham dự vì Ngài chưa chứng quả A La hán, tuy nhiên, đêm trước ngày đại hội, ngài đã chứng quả A La Hán và cũng được tham dự. *Trong Hội Nghị Kết Tập Kinh Điển lần thứ nhất:* Ngài A Nan, người đệ tử thân cận nhất của Phật trong suốt 25 năm, thiên phú với một trí nhớ xuất sắc. Lúc đầu đã không được xếp vào thành viên Hội Nghị. Theo Kinh Tiểu Phẩm, sau đó vì có sự phản đối của các Tỳ Kheo quyết liệt bênh vực cho A Nan, mặc dù ông này chưa đắc quả A La Hán, bởi vì ông có phẩm chất đạo đức cao và cũng vì ông đã được học kinh tạng và luật tạng từ chính Đức Bổn Sư. Sau cùng A Nan đã được Đại Ca Diếp chấp nhận vào Hội Nghị. A Nan đã trùng tụng lại tất cả những gì mà Đức Phật nói. Tuy nhiên, tại Hội Nghị này, A Nan đã bị các Tỳ Kheo trách cứ nhiều tội mà ông đã giải thích như sau: a) Ông không thể kể lại được hết các giới luật nhỏ nhặt mà Đức Phật nói là có thể bỏ bớt sau khi Ngài nhập diệt, bởi vì ông quá đau buồn trước sự nhập diệt sắp xảy ra của Đức Bổn Sư. b) Ông phải đập chân lên áo của Đức Phật lúc vá áo vì không có ai cầm giúp ông. c) Ông đã cho phép nữ giới lễ xá lợi Đức Phật trước những người khác vì ông không muốn giữ họ lại lâu. Ông làm như thế cũng là để khai trí cho họ, giúp họ mong muốn được cải thân người nam ở kiếp sau. d) Vì bị quỷ ma che mờ tâm trí nên ông đã quên không cầu xin Đức Bổn sư cho ông có thể tiếp tục học đạo cho đến suốt đời. e) Ông đã xin cho nữ giới là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề gia nhập Tăng đoàn trái với luật lệ, bởi vì bà ta đã nuôi dưỡng Đức Bổn sư khi Ngài còn bé. f) Tuy nhiên, theo bộ Dulva thì Ngài A Nan còn bị gán thêm hai tội nữa. g) Ông đã không lấy nước uống cho Đức Phật mặc dù ngài đã ba lần đòi uống. Ông làm như thế vì bấy giờ nước sông đang đục không thể lấy cho Đức Phật uống được. h) Ông đã để cho nam và nữ giới thuộc hàng hạ phẩm được xem âm tạng của Đức Phật. Ông nói sự để lộ âm tạng của Đức Thế Tôn nhằm giải thoát cho những kẻ còn bận tâm về chuyện ái dục.

**Người Con Gái Chiên Đà La và Ngài A Nan:** Lúc Đức Phật còn tại thế, một ngày nọ tôn giả A Nan y phục chỉnh tề, tay ôm bát đi vào thành Xá Vệ khát thực, ngài đi từng bước đều đặn, và mắt nhìn xuống. Sau khi thọ thực xong, ngài tìm nước uống và thấy một cái giếng bên



đường. Vào lúc ấy có một thiếu nữ thuộc giai cấp Chiên Đà La đang lấy nước tại giếng. Tôn giả A Nan đến gần giếng rồi đứng lại, mắt vẫn nhìn xuống, hai tay vẫn ôm bát. Cô gái Chiên Đà La bèn hỏi: “Bạch ngài cần gì?” Tôn giả đáp: “Xin cho tôi một ít nước uống.” Cô gái Chiên Đà La đáp lại: “Bạch ngài, làm thế nào một người con gái Chiên Đà La như tôi có thể dâng nước cho ngài? Chỉ đến cái bóng của chúng tôi, người ở giai cấp cao còn không dám dẫm chân lên nữa là. Họ tránh chúng tôi, họ hắt hủi chúng tôi, và nếu tình cờ thấy chúng tôi là họ phải lập tức đi rửa mặt với nước thơm mà còn than vãn là hôm nay rủi cho họ phải gặp một người thuộc hạng cùng đinh. Họ khinh khi chúng tôi như vậy đó.” Tôn giả A Nan bèn đáp lại: “Tôi không biết giai cấp cao hay giai cấp thấp. Cô cũng là một con người như tôi. Tất cả đều cùng là con người. Tất cả đều có máu đỏ như nhau, có gì là khác biệt? Có gì để có thể phân chia? Chính Đức Bổn Sư đã dạy là cùng đinh không phải do sanh trưởng, không phải do sanh trưởng là Bà La Môn; do hành động trở thành cùng đinh, cũng do hành động mà trở thành Bà La Môn.” Cô gái Chiên Đà La cảm xúc không nói một lời, nghiêng đầu về phía trước, dâng nước đến ngài A Nan. Đây là một trong những câu chuyện dài về ngài A Nan, nhưng tôi xin tạm kết thúc câu chuyện ở đây để nhấn mạnh rằng đối với người con Phật không có vấn đề giai cấp, mà chỉ có hành vi thiện ác làm cho một người trở thành Bà La Môn hay Chiên Đà La mà thôi. Trong kinh Pháp Cú, câu 43, Đức Phật đã dạy: “Chẳng phải cha mẹ hay bà con nào khác làm, nhưng chính tâm niệm hướng về hành vi chánh thiện làm cho mình cao thượng hơn.”

**Cây Bồ Đề A Nan:** Còn gọi là A Nan Bồ Đề Thu, vì chính ngài A Nan đã trồng nó. Trong thời Đức Phật còn tại thế, thiện tín đến thăm viếng Phật đều mang theo bông hay những tràng hoa để cúng dường. Trong những lúc Đức Phật đi vắng thì thiện tín đặt những thứ hoa ấy trước cửa tịnh thất của Phật rồi ra về. Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy vậy thỉnh cầu Đại Đức A Nan bạch với Phật tìm một nơi nào khác để thiện tín có thể đến lễ bái cúng dường trong lúc Đức Phật đi chu du hoàng pháp. A Nan bèn bạch với Đức Phật cho phép ông lấy một hạt Bồ Đề gieo thành cây ngay trước cổng tịnh xá làm biểu tượng của Phật cho thiện tín đến lễ bái cúng dường khi Phật bận đi hoàng hóa phương xa. Cây Bồ Đề ấy đến nay vẫn còn và được gọi là “cây Bồ Đề A Nan”.

### *(III) Thương Na Hòa Tu*

Còn gọi là Na Hòa Tu, Thương Nặc Ca, Thương Nặc Ca Phục Sa, Xá Na Ba Tư, người em trai và cũng là đệ tử của ngài A Nan. Theo lịch sử nổi pháp của đức Phật Thích Ca, ông là một thương gia giàu có trong thành Vương Xá, kinh đô của xứ Ma Kiệt Đà. Trong cuộc sống hằng ngày, ông rất thông minh và gan dạ. Lúc còn là cư sĩ, ông cúng dường phòng ốc nhà cửa và những vật dụng khác cho Giáo Đoàn. Cuối cùng ông xuất gia làm Tăng tu tập Phật pháp. Thương Na Hòa Tu trở thành người nổi pháp của A Nan Đà và sau đó làm Tổ thứ ba trong truyền thống Thiên ở Ấn Độ. Ông du hành sang các xứ Ma Thâu Đà và Kế Tân để hoằng pháp. Thương Na Hòa Tu là một vị A La Hán, mà theo Eitel, trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, cho là vị tổ thứ ba ở Ấn Độ, người đã chủ trì cuộc kết tập kinh điển lần thứ hai. Theo truyền thống Tây Tạng, ông được gọi là “Thiết Nặc Ca” vì khi sanh ra ông đã được trùm bởi áo Thiết Nặc Ca (có thuyết nói Thương Nặc Ca là tên một loại áo. Khi ngài đổi đời mặc áo “thiết nặc ca” nên nhân đó mà gọi áo “thiết nặc ca” là áo gai. Theo Tây Vực Ký, Thương Na Hòa Tu khi còn ở kiếp trước đã lấy cỏ “thiết nặc ca” làm áo, và bố thí cho chúng Tăng vào ngày giải an cư kiết hạ. Ngài thường mặc chiếc áo này trong năm trăm thân. Ở đời hậu thân, ngài và chiếc áo cũng theo thai ra đời. Thân thể lớn dần, chiếc áo cũng rộng theo. Khi ngài được A Nan độ cho xuất gia, thì chiếc áo trở thành pháp phục. Khi ngài thọ cụ túc giới thì chiếc áo trở thành chiếc Cà sa 9 mảnh. Khi tịch diệt ngài phát nguyện sẽ để lại chiếc áo cho hết thầy di pháp của Đức Thích Ca, nguyện lưu cái áo lại cho đến khi đạo pháp của Đức Thích Ca truyền tận áo mới bị mục nát). Tuy nhiên, theo truyền thuyết Phật giáo, Mạc Điền cũng là một người nổi pháp khác của Tổ A Nan Đà. Mạc dẫu Mạc Điền cũng hoằng pháp trong vùng Kế Tân, nhưng không có dòng truyền thừa nào đặc biệt hay những cố gắng của chính ông cho sự nổi pháp mà ông đã được truyền thụ từ Tổ A Nan Đà. Tuy vậy, thỉnh thoảng Mạc Điền được bao gồm trong số những vị Tổ nổi pháp đức Phật, đưa con số lên thành 29 thay vì chỉ có 28, Thương Na Hòa Tu theo truyền thống được coi như là tổ thứ tư, và Mạc Điền là tổ thứ ba.

### ***(IV) Ưu Ba Cúc Đa***

Tổ thứ tư thuộc dòng Thiên Ấn Độ. Người sanh ra trong giai cấp Thủ Đà La (giai cấp hạ tiện nhất trong xã hội Ấn Độ), gia nhập Tăng đoàn lúc 17 tuổi. Ngài nổi tiếng như một vị Phật, dưới triều vua A Dục, và là thầy của vua A Dục, ngài đã trở thành vị tổ thứ tư của Ấn Độ, 100 năm sau ngày Phật nhập Niết Bàn. Theo bộ Đại Sử và bộ Văn Thù Căn Kiếp, ngài A Nan bảo đệ tử của mình là Thương Na Hòa Tu hãy bảo hộ Phật giáo và truyền pháp lại cho Ưu Ba Cúc Đa, người xứ Ma Thâu La, làm tổ thứ tư của Thiên Tông Ấn Độ. Chính ngài A Nan đã nói lại theo lời thọ ký của Đức Phật thì Ưu Ba Cúc Đa sẽ trở thành một vị Phật, nhưng không phải là một vị Đẳng Giác Phật. Vì không thấy tên Ưu Ba Cúc Đa xuất hiện trong văn học Phật giáo Nguyên Thủy, nên người ta cho rằng ông là một vị Tăng thuộc phái Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ (Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ, gọi tắt là Hữu Bộ, một trong 20 bộ phái Tiểu Thừa, là trường phái dạy về sự hiện hữu hay thực hữu của chư pháp hữu vi và vô vi, trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Trường phái này đã phát triển bên Ấn Độ trong nhiều thế kỷ, sau lan truyền rộng rãi qua Trung Hoa và Nhật Bản).

### ***(V) Đề Đa Ca***

Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Đề Đa Ca, tổ thứ năm tại Ấn Độ, không được Phật Giáo Nam Truyền biết đến, sanh trưởng tại xứ Ma Kiệt Đà, vào khoảng trên một trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn. Ông là đệ tử và người nối pháp của Tổ Ưu Ba Cúc Đa. Ông đến xứ Mạt Thế Đề Xá, một vương quốc trung tâm (trung tâm Ấn Độ), nơi đây ông làm lễ quy y thọ giới cho Micchaka và 8.000 đệ tử.

### ***(VI) Di Già Ca***

Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Di Già Ca là một cư dân thuộc trung bộ Ấn Độ, hoàng hóa vùng Bắc Ấn, rồi đến Ferghana nơi mà ông đã chọn Bà Tu Mật làm tổ thứ bảy. Ông thị tịch

bằng lửa tam muội của chính mình. Di Già Ca nguyên là một giảng sư Bà La Môn với tám ngàn đệ tử. Khi nghe nói về sự thuyết giảng của ngài Đề Đa Ca, vị Tổ tiên nhiệm của ông, ông mới cùng với tất cả đệ tử của mình cải sang đạo Phật. Ông được biết đến vì tài bác học và biện tài của mình, ông hoằng hóa Phật pháp tại miền Bắc Ấn Độ.

### ***(VII) Bà Tu Mật***

Bà Tu Mật hay Phiệt Tô Mật Đát La là tên của một vị Bồ Tát ra đời 400 năm sau ngày Phật nhập diệt, cư dân vùng Bắc Ấn, sanh ra vào cuối thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch. Từ Phạn ngữ chỉ "Thế Hữu" (Người bạn tuyệt vời). Vị Tăng Ấn Độ tên Bà Tu Mật, người mà theo truyền thống được vua Ca Nị Sắc Ca mời chủ tọa hội nghị kết tập kinh điển lần thứ tư tại vùng Kế Tân. Ông cũng là vị tổ thứ bảy của Thiên Tông Ấn Độ. Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Phiệt Tô Mật Đát La được mô tả như là một Tăng sĩ thuộc phái Đại Chúng Bộ, người bắc Thiên Trúc. Trước kia theo ngoại đạo Micchaka sống đời phóng dăng, nhưng về sau quy-y Phật và trở thành vị Thượng Thủ trong lần kết tập kinh điển lần thứ tư dưới triều vua Kaniska. Luận chứng của ông bàn về sai biệt nhiệm vụ hay vị trí. Bà Tu Mật đã giúp biên soạn bộ Luận Tạng Vi Diệu Pháp, và ông cũng được biết đến như là tác giả của bộ "Giáo Pháp của Những Trường Phái Khác Nhau".

### ***(VIII) Phật Đà Nan Đề***

Dòng dõi Thích Ca và là tổ thứ tám bên Ấn Độ. Sư đến từ Ca Ma Lũ Ba, thuộc miền bắc Ấn Độ. Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Ca Ma Lũ Ba, bây giờ là Kamrup, là một vương quốc cổ được thành lập bởi một phần đất tây bộ của Assam (theo Tây Vực Ký của Huyền Trang, thì xứ này rộng trên vạn dặm, giống người nhỏ bé, nói tiếng khác với Ấn Độ, thờ phụng thiên thần, không tin Phật Pháp. Đến đời nhà Đường vẫn chưa thấy dựng chùa thờ Phật. Người dân chỉ lén lút niệm Phật. Đến đời vua Câu Ma La, nghe tin Huyền Trang đi ngang, bèn thỉnh ngài đến thuyết pháp). Người ta nói Phật Đà Nan Đề chứng quả A La Hán ngay sau khi được cải sang đạo Phật. Ông rất xuất sắc

trong việc giảng dạy và truyền bá giáo pháp Phật giáo Tiểu Thừa. Người ta nói Phật Đà Nan Đề thường sử dụng phương tiện xảo để độ người, và thường đánh bại những giáo sĩ Bà La Môn qua các cuộc tranh luận.

### ***(IX) Phật Đà Mật Đa***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Phật Đà Mật Đa, chúng ta chỉ biết Sư trở thành vị tổ thứ chín vì Sư là một trong những đệ tử xuất sắc của Tổ Phật Đà Nan Đề. Ngài sanh ra và lớn lên tại vùng Tra Lan Đạt La, tên của một vương quốc và thành phố cổ trong khu vực Punjab, bây giờ là Jalandar. Theo ngài Huyền Trang trong Tây Vực Ký, nơi đây có khoảng 20 ngôi tự viện với 1.000 Tăng sĩ, cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa, nhưng con số Tiểu thừa rất ít. Người ta nói cũng như thầy mình, Phật Đà Mật Đa thường sử dụng phương tiện xảo để độ người, và thường đánh bại những giáo sĩ Bà La Môn qua các cuộc tranh luận. Theo truyền thuyết Phật giáo, vị vua trong xứ Tra Lan Đạt La yểm trợ Bà La Môn giáo một cách mạnh mẽ và cố gắng bằng mọi giá làm mất đi ảnh hưởng của Phật giáo. Quyết định vượt thắng định kiến của nhà vua, người ta nói Phật Đà Mật Đa đã mang một lá cờ đỏ và cứ đi tới đi lui trước cung điện của nhà vua ròng rã suốt 12 năm. Cuối cùng nhà vua cảm động trước sự quyết tâm của ông, nên cho phép ông tranh luận với một thầy Bà La Môn với sự hiện diện của nhà vua. Phật Đà Mật Đa đã phản bác đối thủ và do vậy mà đã khiến nhà vua cải sang đạo Phật. Trong một dịp khác, ông đã phản bác một nhà tu khổ hạnh người đã phỉ báng đức Phật, và đã khiến nhà tu khổ hạnh ấy cùng 500 đệ tử cải sang đạo Phật, một thành quả khiến ông nổi tiếng một cách rộng rãi.

### ***(X) Hiếp Tôn Giả***

Là một cư dân vùng Trung Ấn. Ông là người chủ tọa Đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư. Theo Giáo Sư Soothill trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Hiếp Tôn Giả (thời Đường bên Trung Quốc gọi Ngài Parsva là Hiếp Tôn Giả) là vị Tổ thứ mười của Ấn Độ, là thầy của Tổ

Mã Minh, người đã thệ nguyện không nằm cho đến khi nào thấu triệt chơn lý trong Tam Tạng Kinh Điển. Trong ba năm, Ngài đã cắt đứt mọi dục vọng trong Dục giới, sắc giới, và Vô sắc giới, đạt được lục thông và Bát Ba La Mật. Ngài thị tịch khoảng năm 36 trước Tây Lịch.

### ***(XI) Phú Na Dạ Xa***

Phú Na Dạ Xa là một cư dân của vương quốc cổ Kosala, miền Bắc Ấn Độ. Ông thuộc dòng dõi nhà họ Cồ Đàm, sinh ra tại Thành Hoa Thị (Thành Hoa Thị là một thành phố cổ của Ấn Độ, tương ứng với bây giờ là Patna, nguyên thủy là thành Kusumapura. Kinh đô của triều đại Mauryan, nằm về phía Nam của xứ Ma Kiệt Đà. Nơi trị vì của Vua A Dục, nơi mà vị vua này đã triệu tập đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba), khoảng trên năm trăm năm sau ngày đức Phật nhập Niết Bàn. Ông hoằng hóa vùng Varanasi. Ông chính là người đã quy y cho Mã Minh Bồ Tát. Phú Na Xa là vị tổ thứ 11 trong hai mươi tám vị Tổ của dòng Thiền Ấn Độ.

### ***(XII) Mã Minh***

Cư dân của thành Xá Vệ. Ông là tác giả của quyển Buddha carita (Tiểu Sử Đức Phật). Mã Minh Bồ Tát, một nhà thơ và nhà triết học Ấn độ thuộc phái Đại thừa, sống vào thế kỷ I hoặc II sau Tây lịch (khoảng 600 năm sau ngày Phật nhập diệt). Ông là tác giả của Buddha-Charita mô tả về cuộc đời Đức Phật. Ông còn là một nhà trước tác nổi danh đương thời rất được vua Ca Ni sắc Ca (Kanishka) hộ trì. Theo truyền thống Phật giáo thì Asvaghosa sinh ra trong một gia đình Bà La Môn nhưng cải sang đạo Phật bởi vị sư tên Parsva trong trường phái Tỳ Bà Sa. Sau khi quy-y Phật, ông về trú ngụ trong thành Ba La Nại, và trở thành vị Tổ thứ 12 của dòng Thiền Ấn Độ. Ngài là tác giả của 10 bộ kinh, trong đó có hai bộ nổi tiếng là Phật Sở Hành Tán Kinh, được ngài Pháp Hộ Đàm Ma La Sát dịch sang Hoa ngữ khoảng từ năm 414 đến 421 sau Tây lịch, sau này được Beal S.B.E. dịch sang Anh ngữ; bộ thứ hai là Đại Thừa Khởi Tín Luận được ngài Paramartha dịch sang Hoa ngữ khoảng năm 554 sau Tây Lịch, và ngài Thực Xoa Nan Đà dịch

sang Hoa ngữ khoảng những năm 695-700 sau Tây Lịch. Ngài Mã Minh chính là người đã có công lớn từ việc chuyển tư tưởng Phật giáo Tiểu Thừa sang Đại Thừa. Mã Minh không những có một địa vị đặc biệt trong lịch sử tư tưởng Phật giáo, mà cả trong toàn bộ truyền thống thi ca tiếng Phạn nữa. Cống hiến lớn nhất của Mã Minh cho lịch sử tư tưởng Phật giáo là sự nhấn mạnh niềm tin vào Đức Phật của ông. Mặc dù giáo lý Đại Thừa đã có trước thời ông từ hai ba thế kỷ về trước, nhưng các giáo lý này đã tìm được sự thể hiện quan trọng đầu tiên trong các tác phẩm của ông, dù rằng ông thuộc phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sarvastivada school). Tác phẩm Phật Sở Hành Tán (Buddha-carita) miêu tả cuộc đời Đức Phật bằng một bút pháp mộc mạc và trang trọng, dù được viết rất dè dặt. Nguyên bản của bài thơ có 28 đoạn, theo Nghĩa Tịnh qua bản dịch chữ Hán vào thế kỷ thứ bảy. Bản dịch Tây Tạng cũng có một số đoạn tương tự như thế. Do đó bản gốc tiếng Phạn hẳn là phải có 28 đoạn. Tuy nhiên, ngày nay chỉ có 17 đoạn tiếng Phạn còn được lưu lại, nhìn chung thì chỉ có 13 đoạn đầu được xem là đích thực của ông. Nghĩa Tịnh nói: “Từ thời của ngài Mã Minh đến nay, bài thơ tuyệt vời này được đọc và ngâm rộng rãi khắp nơi trong năm miền Ấn Độ và trong các nước vùng Nam Hải.” Trong tập thi sử này, Mã Minh không chỉ thuật lại cho chúng ta cuộc đời Đức Phật cùng sự thuyết pháp của Ngài, mà còn chứng tỏ một kiến thức bách khoa của Ngài về các truyền thuyết thần thoại Ấn Độ, về các triết học trước Phật giáo, nhất là triết học Sankhya. Còn thi phẩm Saundarananda-kavya kể lại chuyện truyền giới cho Nan Đà, người anh em cùng cha khác mẹ với Phật. Ngoài hai thi phẩm quan trọng này, Mã Minh còn viết ba vở tuồng Phật giáo, đã được H. Luders tìm thấy ở Turfan, Trung Á vào đầu thế kỷ thứ 20. Trong các vở tuồng đó, có tuồng Sariputraprakarana với chín hồi là quan trọng nhất. Đây là một tác phẩm kịch nghệ hiện còn trong văn học Sanskrit. Ngoài ra, Mã Minh còn viết một thi phẩm trữ tình Gandistotra-gatha gồm 29 bài thơ theo vận luật sragdhara. E. H. Johnston nghi ngờ không phải là của Mã Minh, nhưng Winternitz nhận xét: “Đây là một bài thơ hay, xứng đáng là của Mã Minh cả về hình thức lẫn nội dung.” Ngoài ra, theo truyền thống Phật giáo, khi mà vở kịch Lại Tra Hòa La, một vở kịch Phật giáo viết về một vị Tăng mà đức Phật đề cập trong kinh A Hàm, xuất gia theo Phật, sau đó trở về thuyết pháp cứu độ mẹ cha. Khi vở kịch này được diễn thì ngay lập tức có 500 vị hoàng tử từ bỏ cuộc sống thế tục làm Tăng sĩ Phật giáo. Ông

hoàng hóa Phật pháp trong vùng Bắc Ấn Độ dưới sự bảo trợ của vua Ca Nị Sắc Ca. Ông còn viết những bộ hùng ca như bộ Phật Sở Hành Tán Kinh và Nan Đà Sở Hành Tập. Bộ Phật Sở Hành Tán Kinh nói về cuộc đời đức Phật và được xem như là một đại tác phẩm trong văn chương Ấn Độ. Nan Đà Sở Hành Tập là câu chuyện về Nan Đà, một người em họ của đức Phật, người đã cắt đứt mối quan hệ với người vợ thân yêu kiêu diễm để trở thành một Tăng sĩ.

### ***(XIII) Ca Tỳ Ma La***

Ca Tỳ Ma La là một cư dân của thành phố Hoa Thị Thành, thuộc xứ Ma Kiệt Đà, vùng trung Ấn. Hoa Thị Thành là một thành phố cổ của Ấn Độ, tương ứng với bây giờ là Patna, nguyên thủy là thành Kusumapura. Kinh đô của triều đại Mauryan, nằm về phía Nam của xứ Ma Kiệt Đà, Bản địa của Vô Ưu Vương hay A Dục Vương thuộc xứ Ma Kiệt Đà. Thoạt đầu ông là thủ lĩnh của trên 3000 ngoại đạo, nhưng sau khi gặp Ngài Mã Minh, ông đã chứng được chân lý, và sau này đem Phật pháp truyền bá khắp miền Tây Ấn.

### ***(XIV) Long Thọ***

Còn được gọi là Long Thắng. Long Thọ sống vào khoảng thế kỷ thứ nhì hay thứ ba trước Tây lịch. Ông sanh ra trong một gia đình Bà la môn ở miền Nam Ấn. Ông xuất gia và trở thành một Tỳ kheo của trường phái Tiểu Thừa, nhưng sau đó ông đã du hành đến Tuyết Sơn và tu học theo trường phái Đại Thừa. Long Thọ Bồ Tát, một nhà triết học Phật giáo nổi tiếng, người sáng lập ra trường phái Trung Quán. Ngài là vị tổ thứ 14 dòng Thiền Ấn Độ, người đã biên soạn bộ Trung Quán Luận và Đại Trí Độ Luận. Long Thọ Bồ Tát, theo Cưu Ma La Thập, thì ngài sinh ra trong một gia đình Bà La Môn tại miền nam Ấn Độ, nhưng theo Huyền Trang thì ngài sanh ra ở miền nam Kiêu Tát La, nay là Berar. Ngài đã nghiên cứu toàn bộ tam tạng kinh điển trong ba tháng nhưng không thấy thỏa mãn. Ngài tiếp nhận kinh Đại Thừa từ một Tăng sĩ cao niên ở vùng Hy Mã Lạp Sơn, nhưng phần lớn cuộc đời ngài ngài sống ở miền Nam Ấn, rồi biến miền này thành một trung tâm quảng bá



đạo Phật. Ngài là một trong những nhà triết học chính của Phật giáo, người sáng lập ra trường phái Trung Đạo hay Trung Luận Tông (Madhyamika school) hay Không Tông (Sunyavada school). Long Thọ là bạn thân của vua Yajnasri Gautamiputra của xứ Satavahana. Ông là một nhà biện chứng vĩ đại chưa từng thấy. Một trong những thành tựu chính của ông là hệ thống hóa giáo thuyết trong Kinh Bát Nhã Ba La Mật. Phương pháp lý luận để đạt đến cứu cánh của ông là căn bản “Trung Đạo,” bác bỏ nhị biên. Ông được coi là tác giả của các tác phẩm Nhật ký thơ về Trung Đạo, Hai Mươi ca khúc Đại Thừa, bản về Thập Nhị Môn (Mười Hai Cửa). Ông là Tổ thứ 14 Thiền Tông Ấn Độ. Chính ông là người đặt cơ sở của phái trung Đạo bằng Tám Phủ định (không thủ tiêu, không sáng tạo, không hủy diệt, không vĩnh hằng, không thống nhất, không đa dạng, không đến, không đi). Đối với ông luật nhân duyên rất quan trọng vì đó là thực chất của thế giới phi hiện thực và hư không; ngoài nhân duyên ra, không có sinh ra, biến mất, vĩnh hằng hay thay đổi. Sự tồn tại của cái này là giả định vì phải có sự tồn tại của cái kia. Ngài Long Thọ được các phái Đại Thừa Phật Giáo tôn kính như một vị Bồ Tát. Chẳng những Thiền Tông, mà ngay cả Tịnh Độ tông cũng xem Ngài Long Thọ như tổ của chính họ. Long Thọ đã tạo ra một kỷ nguyên trong lịch sử triết học Phật giáo và khiến cho lịch sử này có một khúc quanh quyết định. Huyền Trang đã nói về bốn mặt trời rạng sáng thế giới. Một trong số đó là Long Thọ; còn ba mặt trời kia là Mã Minh, Cưu Ma La Thập, và Thánh Thiên. Thật vậy, Long Thọ là một nhà triết học không có đối thủ trong lịch sử triết học Ấn Độ. Theo truyền thuyết thì vào thế kỷ thứ ba, ngài Long Thọ du hành xuống Long cung để chép kinh Hoa Nghiêm. Theo một truyền thuyết khác thì Ngài đã tìm thấy kinh này trong một tu viện bỏ hoang. Ngài là tổ thứ 14 của dòng Thiền Ấn Độ, là sơ tổ của phái Trung Quán hay Tam Luận và Tịnh Độ tông. Mặc dù một số tông phái tin rằng ngài đã trước tác một số lớn các tác phẩm, nhưng các học giả đương thời lại cho rằng ngài chỉ thực sự sáng tác một vài bộ mà thôi. Quan trọng nhất là bộ Kệ Căn Bản về Trung Đạo trong đó ngài mở rộng lý luận về học thuyết “Tánh Không.” Trong Kinh Lăng Già, khi được hỏi ai là người sẽ giảng dạy giáo pháp Đại Thừa về sau này, thì Đức Phật đã tiên đoán về sự xuất hiện cũng như sự vắng sanh Cực Lạc của ngài Long Thọ: “Khi ta diệt độ khoảng 500 về sau sẽ có một vị Tỳ Kheo tên là Long Thọ xuất hiện giảng pháp Đại Thừa, phá nát biên kiến. Người ấy sẽ

tuyên dương pháp Đại Thừa Tối Thượng của ta, và người ấy sẽ vãng sanh về cõi Cực Lạc.”

### **(XV) Ca Na Đề Bà**

Sở dĩ gọi là Kanadeva vì ông chỉ có một mắt. Kana theo Phạn ngữ là một mắt. Ông còn được gọi là Aryadeva. Ông sống tại miền Nam Ấn vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, vị Tổ thứ XV của Thiền Tông Ấn Độ. Ông là một trong những đệ tử nổi trội nhất của ngài Long Thọ và cống hiến cả đời mình trong việc kế tục công việc của Thầy mình, làm vững chắc truyền thống triết học Trung Quán. Những nét chính yếu của triết học Trung Quán vừa là triết học vừa là thuyết thần bí. Bằng cách xử dụng biện chứng pháp và chiếu rọi sự phê bình vào tất cả những phạm trù tư tưởng, nó đã thẳng tay vạch trần những khoa trương hư trá của lý trí để nhận thức Chân Lý. Bây giờ người tâm đạo quay sang với thiền định theo những hình thức khác nhau của ‘Không Tánh,’ và thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa. Nhờ thực hành tinh thần đức hạnh Du Già, người tâm đạo theo Trung Quán dọn đường để tiếp nhận Chân Lý. Tại giai đoạn sau cùng của Bát Nhã, những bánh xe tưởng tượng bị chặn đứng, tâm trí vọng động lắng đọng tịch tịnh lại, và, trong sự tịch tịnh đó, Thực Tại cúi hôn lên đôi mắt của người tâm đạo; kẻ đó đón nhận sự tán dương của Bát Nhã và trở thành hiệp sĩ phiêu du của Chân Lý. Đây là kinh nghiệm thuộc về một chiều khác, một chiều vô không gian, vô thời gian, nó siêu việt lên trên lãnh vực của tư tưởng và ngôn ngữ. Cho nên nó không thể diễn đạt được bằng bất cứ ngôn ngữ nào của nhân loại. Theo truyền thống Phật giáo, ông là một trong sáu nhà phê bình nổi tiếng của Phật giáo thời đó, và là tác giả của bộ "Bốn Trăm Bài Kệ Về Du Già Bồ Tát Hạnh". Người ta kể rằng ông bị một người ngoại đạo ám hại.

### **(XVI) La Hầu La Đa**

La Hầu La Đa vốn là một cư dân của thành Ca Tỳ La Vệ, mà bây giờ là Nepal. La Hầu La Đa của thành Kapila (Ca Tỳ La Vệ), là vị tổ thứ 16, người đã tự di chuyển một cách kỳ diệu đến vương quốc

Sravasti, nơi đó ngài đã thấy bóng năm vị Phật trên đỉnh Hiranyavati. Ông là một bậc thầy buổi sơ kỳ của trường phái Trung Quán, có đôi lúc người ta nói ông đã từng là một vị Bà La Môn. Ông nổi tiếng với những bài kệ tán tụng Bát Nhã Ba La Mật Đa.

### ***(XVII) Tăng Già Nan Đề***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Tăng Già Nan Đề, chúng ta chỉ biết Sư vốn là cư dân của thành Vương Xá, kinh đô của vương quốc cổ Kosala. Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, Sư là một trong những vị hoàng tử con vua Bảo Trang Nghiêm ở miền Bắc Ấn Độ vào khoảng giữa thế kỷ thứ VII. Ông học nói lúc chưa đầy một tuổi và thường nói Phật pháp. Vào năm lên bảy tuổi ông xin cha mẹ cho vào chùa làm Tăng và về sau này trở thành người nối pháp của Tổ La Hầu La Da.

### ***(XVIII) Tăng Già Da Xá (Dà Da Xá Đa)***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Tăng Già Da Xá, chúng ta chỉ biết Sư trở thành vị tổ thứ mười tám vì Sư là một trong những đệ tử xuất sắc của Tổ Tăng Già Nan Đề. Lịch Sử Truyền Thừa Đức Phật, vào cuối thế kỷ thứ VII, Tổ Tăng Già Nan Đề thường nói với đồ chúng là thầy ông thường bảo ông thế này: "Sẽ có một vị thánh tên Già Da Xá Đa nối truyền chánh pháp, hoằng hóa lợi sanh." Vì vậy Tổ Tăng Già Nan Đề và hội chúng của ngài di chuyển đến vùng mà bây giờ là Bắc Ấn để tìm vị Thánh này. Trên đường đi đến xứ Ma Đề, Tổ gặp một cậu bé. Tổ hỏi: "Cháu mấy tuổi?" Cậu bé đáp: "Con một trăm tuổi." Tổ nói: "Con vẫn còn là một đứa trẻ, sao lại nói là một trăm tuổi?" Cậu bé đáp: "Con cũng không biết tại sao chính con là một trăm tuổi." Tổ nói: "Con có căn cơ lành chăng?" Cậu bé nói: "Có phải chính đức Phật dạy, 'Sống một trăm năm mà không hiểu Phật pháp chẳng bằng được sống chỉ một ngày mà thông hiểu Phật pháp.'" Sau cuộc nói chuyện này, cha mẹ của Tăng Già Da Xá đồng ý để cho cậu đi theo Tổ Tăng Già Nan Đề để học thêm Phật pháp, và kết quả là Tăng Già Da Xá trở thành người nối pháp và làm Tổ thứ mười tám của Ấn Độ.

### ***(XIX) Cưu Ma La Đa***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Cưu Ma La Đa, chúng ta chỉ biết Ngài sanh ra vào khoảng 400 năm sau khi đức Phật nhập diệt. Có vài nguồn nói rằng ông sống vào khoảng cuối thế kỷ thứ ba, nhưng không có bằng chứng rõ ràng nào minh xác niên đại đó. Theo Lịch Sử Những Vị Kế Thừa Đức Phật, ông sanh ra tại vùng Đán Xóa Thi La (cũng nên biết rằng Đán Xóa Thi La là tên của một thành phố ở Gandhara, mà bây giờ là Taxila ở Pakistan, nơi đã từng có một trường đại học Phật giáo nổi tiếng. Theo Nalinnaksha Dutt trong Các Tông Phái Phật Giáo Ấn Độ, các nhà khảo cổ đã tìm thấy tại đây, trong số những cổ vật có ít nhất 55 tháp và 28 ngôi tự viện, 9 ngôi đền. Ngài Huyền Trang đã viếng thăm nơi này đến hai lần, một lần vào năm 630 khi ngài mới đến xứ này, và một lần vào năm 645 trong chuyến trở lại đây. Tại đây ông đã tìm thấy nhiều phế tích của các ngôi tự viện. Một vài Tăng sĩ mà ngài gặp đều thuộc trường phái Đại Thừa), thuộc vùng tây bắc Ấn Độ thời cổ và là một người rất không ngoan ngay lúc còn là một đứa trẻ. Xuất gia làm Tăng và kế thừa Phật pháp với Tổ Tăng Già Da Xá để làm tổ đời thứ XIX tại Ấn Độ. Trí huệ và sự hiểu biết của ông nổi tiếng khắp xứ Ấn Độ và đã thu hút nhiều người theo với đạo Phật. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, Huyền Trang đã liệt kê ông như là một trong bốn mặt trời thời đó, những vị khác là Mã Minh, Long Thọ và Thánh Đề Bà. Họ được gọi là "mặt trời" là bởi vì họ được xem như chiếu sáng thế gian với trí huệ của mình. Tổ Cưu Ma La Đa còn được xem như là người sáng lập ra Kinh Lượng Bộ và là người đã truyền Phật pháp lại cho Tổ Xà Dạ Đa. Tên Sautrantika có nghĩa là "Kinh là tối hậu," vì thế khi Tổ Cưu Ma La Đa sáng lập ra trường phái này, Tổ cho rằng kinh điển là cực kỳ quan trọng trong việc tu tập chứ không phải những luận giải, những thứ không phải là lời Phật dạy. Trường phái này bác bỏ lời tuyên bố cho rằng A Tỳ Đạt Ma có thẩm quyền tối thượng. Tên của trường phái là "Kinh Điển là Tối Hậu," ngụ ý không có gì có thể được gọi là kinh điển sau Tạng Kinh do chính Đức Phật tuyên thuyết. Đây là một tông phái Phật Giáo Ấn Độ phát xuất từ trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ, có lẽ vào khoảng năm 150 trước Tây Lịch. Như tên gọi của nó, truyền thống này dựa trên kinh điển, hơn là

dựa trên những văn bản của bộ luận A Tỳ Đạt Ma. Giáo thuyết trong kinh điển (một trong 18 bộ của Tiểu Thừa. Sau khi Đức Phật nhập diệt 400 năm, nó được tách ra từ Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Trong số Tam Tạng trường phái này chỉ dùng kinh làm chính lượng nên gọi là Kinh Lượng Bộ, người khai sáng ra bộ này là Cưu Ma La Đà (bộ phái này chỉ lấy Kinh làm chính lượng, chỉ dùng kinh điển để chứng minh). Bộ này cho rằng có sự chuyển thực thể từ kiếp này sang kiếp khác. Theo các Phật tử của phái này thì trong ngũ uẩn của con người, chỉ có một uẩn vi tế nhất chuyển từ kiếp này sang kiếp khác, trái với Chánh Lượng Bộ cho rằng toàn bộ ‘pudgala’ đều được chuyển đi. Phái này cũng tin rằng mỗi người đều có một khả năng tiềm ẩn trở thành Phật, đây vốn là chủ thuyết của giáo phái Đại Thừa. Do những quan điểm đó nên bộ phái này được xem là một cầu nối giữa Thanh Văn Thừa (thường được gọi là Tiểu Thừa) và Đại Thừa. Trường phái Kinh Lượng Bộ phát khởi như một phản ứng đối với những trào lưu chú giải và đề cao Vi Diệu Pháp của trường phái Tỳ Bà Sa, phủ nhận giá trị của những sách chỉ nam và khảo luận phức tạp mà trường phái Tỳ Bà Sa biên soạn. Mặc dù được phát triển từ truyền thống Nhất Thiết Hữu Bộ, nhưng người ta tin rằng đây là một trường phái Tiểu Thừa quan trọng, mà học thuyết chỉ dựa vào kinh điển. Có một số quan điểm khác mà trường phái Kinh Lượng Bộ tương phản với Nhất Thiết Hữu Bộ. Đặc biệt Kinh Lượng Bộ bác bỏ khái niệm về “Pháp” của Nhất Thiết Hữu Bộ về ba cách của thời gian. Để giải quyết các vấn đề về nghiệp quả, trường phái Nhất Thiết Hữu Bộ đã tìm cách giải quyết nhờ ý tưởng các pháp tồn tại qua cả ba thời. Theo Nhất Thiết Hữu Bộ, nghiệp và quả liên hệ nhau trong ba thời, quá khứ, hiện tại và vị lai. Tuy nhiên, Kinh Lượng Bộ chủ trương rằng các hành động của một người toả ra hương thơm khắp môi trường tâm linh của người đó để tạo ra những kết quả nhất định. Lý thuyết này khiến Kinh Lượng Bộ gặp khó khăn và họ đã phải khai triển ý tưởng về “hạt giống” được trồng bởi một hành vi với một đặc tính đạo đức nhất định, để sau này mới đâm chồi khi điều kiện cho phép, và phát sanh ra cái quả phù hợp với hành vi ban đầu. Trường phái Kinh Lượng Bộ không thừa nhận những luận giải không phải là lời Phật dạy. Họ bác bỏ lời tuyên bố rằng Vi Diệu Pháp (A Tỳ Đạt Ma) có thẩm quyền tối thượng. Thật ra, nguồn gốc của trường phái Kinh Lượng Bộ xuất phát bởi việc phủ nhận sự mở rộng không ngừng của Tỳ Bà Sa luận, tức những tác phẩm tóm lược kinh của trường phái Tỳ Bà Sa trong

Nhất Thiết Hữu Bộ. Vào thế kỷ thứ tư sau Tây Lịch, ngài Thế Thân đã viết bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận dưới quan điểm của một người theo Kinh Lượng Bộ, và ngài thành công đến độ trường phái Tỳ Bà Sa phải tàn rụi. Từ đó về sau tác phẩm A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận được xem như là Vi Diệu Pháp chính thức của Nhất Thiết Hữu Bộ và Kinh Lượng Bộ.

### ***(XX) Xà Dạ Đa***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Xà Dạ Đa, chúng ta chỉ biết Sư vốn là cư dân vùng Bắc Ấn, thầy dạy của ngài Thế Thân Bồ Tát. Chúng ta chỉ biết rằng Sư là một trong những nhà phê bình vĩ đại và có thẩm quyền nhất vào thời cổ Ấn Độ. Sư là em trai của ngài Vô Trước Bồ Tát, và đã biên soạn bộ Vi Diệu Pháp, một tác phẩm có hệ thống và toàn diện về diệu pháp, đỉnh của bác học về căn bản thừa. Về sau này Sư theo quan điểm Đại Thừa Du Già, và đã viết nhiều tác phẩm như Tam Thập Tụng Về Tâm. Những tác phẩm của Sư bao gồm: Vi Diệu Pháp, Phân Tích Ngũ Uẩn, Tam Thập Tụng, Nghiệp Luận, Tam Tánh Luận, Nhị Thập Tụng, và Lý Luận Thông Giải, vân vân.

### ***(XXI) Bà Tu Bàn Đầu (420-500 AD)***

Thế Thân Bồ Tát, sanh tại Purusapura (gần Peshawar bây giờ), kinh đô của Gandhara (bây giờ là một phần của A Phú Hãn). Ông là một trong những đại triết gia nổi tiếng nhất của xứ Ấn Độ vào thế kỷ thứ 5 sau tây lịch. Bà Tẩu Bàn Đầu (Vasubandhu) hay Thế Thân sanh tại Bạch Sa Ngõa thuộc xứ Kiện Đà La, sanh 900 năm sau ngày Phật nhập Niết bàn. Ngài là con thứ hai trong số ba người con của một gia đình Bà La Môn. Cả ba người đều được gọi là Bà Tẩu Bàn Đầu và cả ba đều trở thành Tỳ Kheo Phật giáo. Thời niên thiếu, ngài đã gắn bó với giáo thuyết Tiểu Thừa, trường phái Kinh Lượng Bộ. xuất gia theo Hữu Bộ. Ngài âm thầm đến Ca Thấp Di La để học triết học A Tỳ Đàm. Khi trở về cố hương, ngài viết bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận, có lẽ đây là bộ luận nổi tiếng nhất trong các bộ A Tỳ Đạt Ma Luận, Nhưng sau đó không thỏa mãn với giáo lý chính của trường phái này, ngài đã được

người anh là Vô Trước (Asanga) giúp chuyển tu từ Tiểu Thừa sang Đại Thừa. Vào ngày lễ đổi tông phái ấy, ông muốn cắt bỏ cái lưỡi đã phỉ báng Đại Thừa, nhưng ngài Vô Trước đã can ngăn và khuyên ông nên dùng chính cái lưỡi ấy chuộc lỗi. Ông đã viết bộ Duy Thức Học và những tác phẩm Đại Thừa khác. Ông là tổ thứ 21 của dòng Thiền Ấn Độ. Thế Thân Bồ tát là một trong những nhà triết học Phật giáo nổi tiếng người Ấn Độ. Cùng với người anh của ngài là Vô Trước (Asanga) đã sáng lập ra hai trường phái Sarvastivada và Yogachara. Ngài và người anh là Vô Trước được xem như là một trong hai nhân vật chính trong việc phát triển trường phái Du Già. Thế Thân (Vasubandhu) còn là tác giả của 30 ca khúc Trimshika, giải thích học thuyết Yogachara. Ngài còn trước tác những bộ luận nổi tiếng gồm các bộ “Nhị Thập Luận,” và bộ “Tam Thập Luận,” vân vân. Hiện nay bộ A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận vẫn còn lưu trữ với 60 quyển của bản Hán dịch. Bản văn Phạn ngữ đã bị thất lạc, nhưng may chúng ta có một bản chú giải do Yasomitra viết mệnh danh là A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Thích Luận; nhờ tác phẩm này mà cố giáo sư Louis de la Vallée-Pousin ở Bỉ dễ dàng trong việc tái tạo bản văn thất lạc và được kiện toàn bởi Rahula Sankrityayana người Tích Lan.

### **(XXII) Ma Nô La**

Ma Nô La là tên của một vị hoàng tử xứ Na Đề của Ấn Độ, người sống khoảng tám trăm năm sau ngày đức Phật nhập Niết Bàn. Theo Lịch Sử Những Vị Kế Thừa Đức Phật, khi ông sanh ra, có những điềm lành xuất hiện trong hoàng cung, nên về sau này vua cha không dám ràng buộc ông ta với đời sống thế tục. Lúc ông 30 tuổi, vua cha cho phép xuất gia và trở thành đệ tử của ngài Thế Thân và kế vị ngài để trở thành Tổ thứ 22 của Thiền Tông Ấn Độ. Ông là tác giả của bộ Tỳ Bà Sa Luận. Ông làm việc và tịch ở miền đông Ấn vào khoảng năm 165 sau Tây Lịch. Sau đây là bài kệ phó pháp của ông:

"Tâm theo muôn cảnh chuyển  
 Chuyển đâu cũng chẳng mờ  
 Theo dòng nhận được tánh  
 Chẳng mừng cũng chẳng lo."

### ***(XXIII) Hạc Lặc Na***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Hạc Lặc Na, chúng ta chỉ biết Sư sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn trong xứ Nguyệt Chi và sống khoảng chín trăm năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn (Theo Eitel trong Trung Anh Phật Học Từ Điển, Nguyệt Chi còn gọi là nước Đô Hóa La, gọi theo từ địa lý học thì đây là xứ sở của băng tuyết, vùng mà bây giờ gọi là Badakchan, và các nhà địa lý Ả Rập vẫn còn gọi là Tokharestan. Theo nhân chủng học thì đây vùng của dân tộc Tocharoi hay Indo-Scythians (người Trung Quốc gọi là Tocharoi Tartars), bị người Hung Nô đuổi chạy về phương nam, chiếm vùng Trans-oxania, tiêu diệt vương quốc Đại Hạ vào năm 126 trước Tây Lịch, và cuối cùng chiếm vùng Punjab, Cashmere, và phần lớn lãnh thổ Ấn Độ. Vị vua nổi tiếng của xứ này là Kanichka). Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, nơi ông ở dân chúng kinh sợ quỷ thần nên giết bò mua rượu tế lễ. Ông một mình đi vào ngôi miếu trong rừng sâu, phá đàn và thả bò đi, và quở trách mấy ông thần núi rừng rằng: "Mấy ông đừng hòng bày chuyện gạt gẫm dân nghèo, hàng năm việc vô lý này hao tổn tiền của người dân và tổn hại sinh mạng loài vật quá nhiều!" Ông đã truyền bá đạo Phật vào vùng Trung Ấn. Người ta kể lại rằng khi Tỳ Kheo Sư Tử gặp ông, Sư Tử hỏi: "Bạch Thầy! Con muốn dụng tâm cầu Đạo, Thầy có thể giúp con được không?" Ông đáp: "Không có chỗ dụng tâm." Sư Tử nói: "Nếu không có chỗ cho con dụng tâm, thì làm sao con làm Phật sự đây?" Ông nói: "Nếu mà ông cố dụng cái mà ông gọi là tâm, thì đó chẳng phải là công đức thật sự. Nếu ông không làm tức là Phật sự. Nên nhớ, chúng ta, những người Phật tử, ra sức làm Phật sự, nhưng chẳng bao giờ nghĩ đến những cái mình làm." Lắng nghe những lời này, Sư Tử bỗng giác ngộ. Về sau này Tỳ Kheo Sư Tử trở thành đệ tử nối pháp của Tổ Hạc Lặc Na.

### ***(XXIV) Sư Tử Tỳ Kheo***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Sư Tử, vị Tổ thứ XXIV của Thiên Tông Ấn Độ. Chúng ta chỉ biết Sư sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn ở Trung Ấn vào thế kỷ thứ VI. Ông là người đã truyền bá Phật giáo về phía Bắc Ấn Độ. Lịch Sử Truyền Thừa Đức



Phật nói rằng khi Tổ Sư Tử đang truyền bá Phật giáo tại vùng Kế Tân thì bị vua xứ này hành quyết (chặt đầu). Và khi đầu của Sư bị chặt thì bản văn kể tiếp, sữa tuôn ra từ cổ của Sư thay vì máu. Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, ngay khi hành quyết, nhà vua té quy xuống đất, cánh tay vẫn còn nắm thanh gươm, và bảy ngày sau đó thì nhà vua chết. Tổ Sư Tử thường được trích dẫn như là một biểu tượng của việc sẵn sàng xả thân vì Pháp.

### ***(XXV) Bà Xá Tư Đa***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Bà Xá Tư Đa, chúng ta chỉ biết Tổ vốn là một cư dân của vùng Tây Ấn, dòng dõi Bà La Môn. Lúc tuổi còn nhỏ, ông đã được cha mẹ cho gia nhập Giáo Đoàn và học Phật pháp với Tổ Sư Tử Tỳ Kheo. Về sau này, ông trở thành vị tổ thứ hai mươi lăm của dòng Thiên Ấn Độ, hoằng hóa vùng Trung và Nam Ấn. Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, thời đó vua nước Nam Ấn vì nghe lời ngoại đạo xúi giục nhà vua hãm hại Tổ Bà Xá Tư Đa, nhưng một vị thái tử con vua của nước này can thiệp với nhà vua là Tổ Bà Xá Tư Đa theo đạo Phật với chánh pháp. Nhà vua tức giận, bèn ra lệnh hạ ngục thái tử. Nhưng về sau này, sau một cuộc nói chuyện với Tổ, nhà vua hiểu thông, nên chẳng những đối xử tốt với Tổ mà còn cho con mình là thái tử Bất Như Mật Đa theo làm đệ tử của Tổ, và về sau này Bất Như Mật Đa trở thành Tổ thứ XXVI. Người ta nói Tổ Bà Xá Tư Đa mất khoảng năm 325 sau Tây Lịch.

### ***(XXVI) Bất Như Mật Đa***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Bất Như Mật Đa, chúng ta chỉ biết Sư là con trai của một vị vua thuộc giai cấp sát đế lợi thuộc miền Nam Ấn. Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, ông cố gắng can thiệp về trường hợp bị hại của Tổ Bà Xá Tư Đa, nên bị vua cha hạ ngục. Sau khi được thả, ông xin phép vua cha cho xuất gia làm Tăng và theo học Phật pháp với Tổ Bà Xá Tư Đa. Về sau này, ông trở thành người nối pháp của Tổ Bà Xá Tư Đa và làm Tổ thứ hai mươi sáu của Ấn Độ.

### ***(XXVII) Bát Nhã Đa La***

Chúng ta không có những ghi chép chi tiết về Tổ Bát Nhã Đa La, chúng ta chỉ biết Sư sanh ra trong một gia đình Bà La môn ở vùng Đông Ấn. Theo Phật Tổ Truyền Thừa Ký, cha mẹ qua đời khi ông còn rất trẻ nên ông phải gia nhập với những người láng giềng đi lang thang ở thôn quê xin thức ăn. Tuy nhiên, ngôn ngữ và cử chỉ của ông hoàn toàn khác với họ. Bất cứ lúc nào ông được yêu cầu làm việc gì thì ông cố gắng hết sức mình hoàn thành mà không đòi hỏi tiền bạc. Một vận may đến với ông sau khi gặp được Tổ Bát Như Mật Đa, ông trở thành đệ tử của ngài và sau đó trở thành người nối pháp. Bát Nhã Đa La là tổ thứ 27 của Thiền Tông Ấn Độ, hoằng hóa tại miền Nam Ấn và tự hóa bằng ngọn lửa vào năm 457, ngài là thầy của Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

### ***(XXVIII) Bồ Đề Đạt Ma***

*(Xem Sơ Lược Về Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma nơi Chương 5)*

## ***Twenty-Eight Indian Patriarchs***

### ***(I) Mahakashyapa***

He was a wealthy man and a wise and widely read scholar. He lived on the outskirts of Rajagrha, one of the Buddha's great disciples. He was said to be foremost among the ten great disciples in non-attachment, and foremost at the practice of austerity. He never missed any of the Buddha's discourse at Venuvana Vihara. On one occasion when he had just finished listening to the Buddha's exposition of a sutra and was on his way home, he saw the Buddha already seated underneath a tree in the road ahead. He was very surprised. It transpired that the Buddha showed a little of his supernatural powers to win over Mahakasyapa. Since then he became a close disciple of the Buddha. He was renowned for his ascetic self-discipline and moral strictness. Thanks to the qualities right after the death of the Buddha,

he was asked to reside at the First Council and to take over leadership of the Sangha. He was considered (reckoned) as the first of 28 Great Ancient Patriarchs Indian Zen. He was regarded as the First Patriarch from the story of the “transmission” of the Mind-seal when the Buddha held up a golden flower and Maha-Kasyapa smiled. Maha-Kasyapa is said to have become an Arhat after being with the Buddha for eight days. After the Buddha’s death, Mahakasyapa succeeded the Buddha as a leader of Buddhist Order. He also presided the First Council at Rajagrha. After his death he is reputed to have entrusted Ananda with leadership of the Order—See Chapter 3.

## *(II) Ananda*

*An Overview on Ananda:* Ananda, a cousin of Shakyamuni, a younger brother of Devadatta; he was noted as the most learned disciple of the Buddha. He had a perfect memory and thus was capable of recalling all of the Buddha’s sermons, one of the Buddha’s ten great disciples. Ananda served as the Buddha’s personal attendant during the last twenty-five years of his life. He was famous for his excellent memory and is supposed to have memorized all the Buddha’s sermons, which were later recorded as sutras. Ananda is often extolled (praised) in the canonical writings for his humility and devotion toward the Buddha. He first took his position of a personal attendant after the Buddha had assured him he would acquire no advantages as a result of his position. His name means ‘rejoicing,’ because he was born on the day the Buddha realized Buddhahood. With his flawless memory, he was chosen to recite the Dharma at the First Council (4 months after the cremation of Buddha’s sacred body). Ananda was more than any other an advocate for the cause of women. After the Buddha initially refused a request by his stepmother Mahaprajapati that he allow her and other women to be ordained, Ananda interceded with the Buddha on her behalf, and the Buddha eventually agreed to institute ordination for women.

*Life of Ananda:* Ananda was the son of Dronodana-rajā (a younger brother of King Sudhodana). Ananda was a younger brother of Devadatta. He was known as Sundarananda or Beautiful Nanda, as he

was born bringing happiness to all his kinsfolk, he was named Ananda. He was a cousin of Sakyamuni and one of the Buddha's ten great disciples. In the second year of the Buddha's ministry, Ananda entered the Sangha together with the other Sakya Nobles (Anuruddha, Devadatta, Bhaddiya, Bhagu, and Kimbala). When the Buddha was fifty-five years old, Venerable Ananda became his chief attendant (he was personal attendant to the Lord Buddha for more than twenty years). Ananda volunteered to become a personal attendant for Lord Buddha on condition the Buddha would grant the following eight things.

He was famous (famed) for his extraordinary (excellent) memory, capable of remembering every word ever spoken by the Buddha in his sermons, which were later recorded as sutras. Who was chosen to recite the Dharma at the First Council (4 months after the cremation of Buddha sacred body). He is said to have recited all the Buddhas's sermons which were later recorded as "Basket of Buddhist Scriptures." He was the second patriarch in India, after Mahakasyapa. Ananda is said to have attained enlightenment after the passing of the Buddha and to have lived to the age of 120. The Buddha predicted that Ananada will become a Buddha named Saga-ravara-dhara-buddhi-vikridi-tabhidjina.

***Ananda Begged to Serve the Buddha With the Following Conditions:*** First, the Buddha should not give him robes which people offered to the Buddha. Second, the Buddha should not give him food which people offered to the Buddha. Third, the Buddha should not allow him to dwell in the same fragrant chamber. Fourth, the Buddha should not take him with him wherever the Buddha is invited. Fifth, the Buddha should kindly go with him wherever he is invited. Sixth, the Buddha should give him permission to introduce visitors that come from afar to see the Buddha. Seventh, the Buddha should kindly grant him permission to approach him whenever any doubt should arise. Eight, the Buddha should kindly repeat to him the discourses that were declared in his absence.

***The Roles of Ananda in Buddhism:*** After King Suddhodana's funeral, the Buddha still stayed at Namatighani in Kapilavastu. Ananda insisted the Buddha to accept his mother, Mahaprajapati, she was also the Buddha's aunt and step-mother, to be the first nun to be ordained.

In the fourteenth years after his enlightenment, the Buddha yielded to persuasion and admitted his aunt and women to his order of religious mendicants, but said that the admission of women would shorten the period of Buddhism by 500 years. One day, Prajapati requested the Buddha to accept the 500 odd women for ordination, but the Buddha did not consent. However, since they were already determined to do so, they shaved away their long hair themselves, put on the kasaya, and rushed to where the Buddha was staying. Ananda was very surprised when he saw the 500 women all with their hair shaven, he inquired as to the cause, and he was sympathetic. Prajapati begged Ananda to plead for them. Ananda led them to see the Buddha and they prostrated before him. The Buddha compassionately agreed to the sincere request of Ananda and Prajapati. It was the request of Elder Ananda and Queen Mahaprajapati, that the Buddha founded the Order of Nuns. The Buddha also appointed Nun Gotami, used to be Queen Mahaprajapati, Chief of the Order of Nuns, and Venerable Nuns Khema and Uppalavanna, two chief to be deputy for Venerable Nun Gotami. He then spoke to them of Precepts for a Bhiksuni as well as the Eight Rules of Respect. Henceforth, there were Bhiksunis and Sramanerika, femal members of the Order among the Buddhist Sangha. They are first Bhiksunis and Sramanerikas in Buddhist Sangha.

***Roles of Ananda in the First Buddhist Council:*** Ananda also played a crucial role in the “First Buddhist Council” held at Rajagrha, at which 500 Arhats assembled to recite the discourses of the Buddha from memory. Ananda had been presented at most of these, but he had not yet attained arhathood, and so was initially excluded from the council. He became an arhat on the night before the council, however, and so was able to attend. *In the First Council:* Venerable Ananda, the closest disciple and the attendant of the Buddha for 25 years. He was endowed with a remarkable memory. First Ananda was not admitted to the First Council. According to the Cullavagga, later other Bhikkhus objected the decision. They strongly interceded for Ananda, though he had not attained Arhathood, because of the high moral standard he had reached and also because he had learnt the Dharma and vinaya from the Buddha himself. Ananda was eventually accepted by Mahakasyapa into the Council, and was able to recite what was spoken by the Buddha (sutras and doctrines). However, Ananda was charged by other

Bhikshus several charges which he explained as follows: a) He could not formulate the lesser and minor precepts, as he was overwhelmed with grief at the imminent death of the Master. b) He had to tread upon the garment of the Master while sewing it as there was no one to help him. c) He permitted women to salute first the body of the Master, because he did not want to detain them. He also did for their edification. d) He was under the influence of the evil one when he forgot to request the Master to enable him to continue his study for a kalpa. e) He had to plead for the admission of women into the Order out of consideration for Mahaprapati Gautami who nursed the Master in his infancy. f) However, according to the Dulva, two other charges also seem to have brought against Ananda. g) He failed to supply drinking water to the Buddha though he had thrice asked for it. He said that the water of the river at that time was muddy, not potable for the Buddha. h) He showed the privy parts of the Buddha to men and women of low character. He said that the exhibition of the privy parts of the Buddha would rid those concerned of their sensuality.

***The Chandala Maid and Venerable Ananda:*** At the time of the Buddha, one day Venerable Ananda donned his robe with neatness and care and taking bowl in hand entered the city of Savatthi with measured steps and downcast eyes. After he had finished his meal, he searched for water and saw a well by the roadside. At that time, a Chandala maid was drawing the water at the well. Venerable Ananda approached the well and stood with downcast eyes, holding the bowl with both arms. The girl asked: "What do you need?" Ven. Ananda replied: "Please give me some water." The Chandala maid replied: "How can I, a Chandala girl, offer you water? The people of high class dare not trample even our shadows. They avoid us, they spurn us, and if by chance they see us, they will rush to the bathroom to wash their face with perfumed water, lamenting 'O bad luck, we have seen an outcast' in such a contemptuous manner do they look down upon us." Venerable Ananda replied: "I know not of high and low caste, you are just as much a human being as I am. All human beings are alike. We all belong to the common race of mankind. Our blood is red. What difference is there? What distinction can there be? I have learned from my Teacher that not by birth is one an outcast, not by birth is one a Brahmin; by deed one becomes an outcast, by deed one becomes a

Brahmin.” The Chandala was so impressed and could not say a word, but bending forward and graciously offered water to Venerable Ananda. This is one of the long stories about Ananda; however, I just want to conclude the story right here to emphasize that to Buddhist disciples, there does not exist a so-called “caste system”, only good and bad deeds will make a person a Brahmin or a Chandala. In the Dhammapada Sutta, sentence 43, the Buddha taught: “What neither mother, nor father, nor any other relative can do, a well-directed mind can do one far greater good.”

**Ananda Bodhi Tree:** Ananda Bodhi Tree, so called because it was Venerable Ananda who was responsible for the planting of the tree. In the absence of the Buddha, devout followers, who used to bring flowers and garlands, laid them at the entrance to the fragrant chamber and departed with much rejoicing. Anathapindika heard of it and requested Venerable Ananda to inquire from the Buddha whether there was a possibility of finding a place where his devotees might pay obeisance to the Buddha when he is away on his preaching tours. Venerable Ananda mentioned this matter to the Buddha and asked if he might bring a seed from the great Bodhi Tree and plant at the entrance to Jetavana, as a symbol of the Buddha for people to pay homage when the Buddha was on his preaching tours. The Buddha agreed. The tree that sprang up in that place was known as the Ananda-Bodhi.

### ***(III) S(h)anavasa***

A younger brother and disciple of Ananda. According to the history of the Buddha's successors, he was a wealthy man of Rajagriha, the capital of Magadha in India. In daily life, he was wise and valiant. As a layperson, he made offerings of buildings and other things for to the Buddhist Order. Finally he renounced the secular world to devote himself as a monk to practicing the Buddha's teachings. Shanavasa became Ananda's Dharma heir and later became the third Patriarch in Indian tradition. He, then, traveled to Mathura and Kashmir to spread the Buddha-dharma. An arhat, whom Eitel, in *The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms*, gives as the third patriarch, and says:

“A Tibetan tradition identifies him with yasang, the leader of the II Synod. Because of his name he is associated with a hemp or linen garment, or a covering with which he was born. However, according to the Buddhist legends, Madhyantika was also another successor of the Second Patriarch Ananda. Although Madhyantika also propagated in Kashmir, no distinct lineage or successorship emerged from his efforts and the recorded transmission of teachings he had received from Ananda ended. Madhyantika, however, is sometimes included among the Buddha's successors, bringing the total number of successors to twenty-nine successors, Shanavasa is traditionally regarded as the fourth, and Madhyantika, as the third.

#### *(IV) Upagupta*

The fourth patriarch in the Indian lineage of Zen. A Sudra by birth, who entered upon monastic life when 17 years of age. He was renowned as almost a Buddha, lived under king Asoka, and teacher of Asoka, and is reputed as the fourth patriarch, 100 years after the nirvana. According to the Mahavamsa Commentary and the Manjusrimulakalpa, Ananda asked his dharma heir Sanavasa to protect the religion after his demise and to ordain Upagupta, a citizen of Mathura, to become the fourth patriarch of Indian Ch'an Sect. He foretold that, according to the prophecy of the Buddha, Upagupta would become a Buddha but not a Sambuddha. Due to the absence of his name in Theravada literature, it is assumed that Upagupta was a Sarvastivadin monk (Realistic school, Prajnaptivadinah, a branch of the Mahasanghikah (Đại Chúng Bộ), one of the twenty Hinayana sects, the School which preaches the Existence of All Things which held that dharmas have a real existence in the past, present and future. This school took the view of phenomenality and reality, founded on the Prajnapti-sastra. This school flourished in India for many centuries and was widely studied in China and Japan).



### ***(V) Dhitaka (Dhritaka)***

According to Eitel in The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms, Dhrtaka, the fifth patriarch “Unknown to Southern Buddhists, born in Magadha, about a little more than one hundred years after the Buddha's parinirvana. He was a disciple and dharma heir of Patriarch Upagupta, went to Madhyadesa, the central kingdom (in Central India), where he converted the heretic Micchaka and his 8,000 followers.

### ***(VI) Mikkaka (Micchaka)***

According to Eitel in The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms, Mikkaka, a native of Central India, who laboured in Northern India transported himself to Ferghana where he chose Vasumitra as his successor. He died by the fire of samadhi of his own. Mikkaka was originally a teacher of Brahmanism with a following of eight thousand disciples. When he heard the preaching of Dhritaka, his predecessor, he converted to Buddhism with all his followers. Known for his scholarship and eloquence, Mikkaka spread the Buddha's teachings in northern India.

### ***(VII) Vasumitra***

Vasumitra, name of a Bodhisattva, born 400 years after the Buddha's death, a native of Northern Indian state of Gandhara, born at the end of the first century AD. A Sanskrit term for “Excellent Friend.” An Indian monk named Vasumitra, who according to tradition presided over the “Fourth Buddhist Council” sponsored by Kaniska I and held in Gandhara around 100 A.C. in Kashmir. He was also the seventh patriarch of Indian Zen Sect. According to Eitel in the Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms, Vasumitra is described as a native of northern India, converted from riotous living by Micchaka, was a follower of the Sarvastivadah school, became president of the last synod for the revision of the Canon under Kaniska, and wrote the Abhidharma-prakarana-pada sastra. Vasumitra's argument from the

difference of function or position in accounting where the same numeral may be used to express three different values. He helped compile the "Great Commenatary on the Abhidharma" and he was also known as the author of the "Doctrines of the Different Schools."

### ***(VIII) Buddhanandi***

A descendant of the Gautama family and eighth patriarch in India. He was from Kamarupa in northern India. According to Eitel in The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms, Kamarupa, now Kamrup, an ancient kingdom formed by the western portion of Assam. Until the T'ang dynasty, no temples were ever built there. When King Kamala heard that Hsuan-Tsang crossed by the country, he invited Hsuan-tsang to stop by to preach Buddha's teaching. He is said to have immediately attained the state of Arhat right after he was converted to Buddhism. He excelled in preaching and propagated the Hinayana teachings. It is said that Buddhananda often converted people by skillful means, and defeated a number of Brahmanists in debates.

### ***(IX) Buddhmitra***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that the reason he became the ninth patriarch because he was one of the best disciples of Patriarch Buddhanandi. He was born and raised in Jalandhara, an ancient kingdom and city in the Punjab, the present Jalandar. According to Hsuan-Tsang in the Records of the Western Lands, there were about 20 monasteries with 1,000 monks, who were either Hinayanists or Mahayanists, but the number of Hinayanists was few. It is said that as his predecessor, Buddhmitra often converted people by skillful means, and defeated a number of Brahmanists in debates. According to the Buddhist legends, the king of his country was strongly supported Brahmanism and tried by all means to rid the kingdom of all Buddhist influences. Determined to overcome the king's prejudice, Buddhmitra, bearing a red flag, is said to have walked back and forth in front of the palace for twelve years. Finally the king,

moved by his resolve, allowed him to debate with a Brahmanist teacher in the king's presence. Buddhmitra refuted his opponent and thus converted the king to Buddhism. On another occasion, he refuted an ascetic who was slandering the Buddha, and converted the man and his five hundred followers to Buddhism, an accomplishment for which he became widely known.

### ***(X) Bhikshu Pars(h)va***

A native of Central India. He is also said to have presided over the Fourth Council. According to Professor Soothill in *The Dictionary of Chinese-English Buddhist Terms*, Parsva was the tenth patriarch, the master of Avaghosa, previously a Brahman of Gandhara, who took a vow to not lie down until he had mastered the meaning of the Tripitaka, cut off all desire in the realms of sense, form, and non-form, and obtained the six supernatural powers and the eight paramitas. This he accomplished after three years. He died around 36 B.C.

### ***(XI) Punyayas(h)as***

A native of the ancient Indian state of Kosala, north of India. He was a descendant of Gautama family, born in Pataliputra (Pataliputra is name of an ancient Indian city corresponding to modern-day Patna, originally Kusumapura. It was the capital of Magadha kingdom of the Mauryan dynasty, it located in the southern part of Magadha. The residence of King Asoka, known as Pataliputra, the modern Patna. It was the residence of King Asoka, he there convoked the third synod), about over five hundred years after the Buddha's parinirvana. He laboured in Varanasi and converted Asvaghosa. Punyanaysa was the eleventh of the twenty-eight patriarch in the Indian Zen tradition.

### ***(XII) Asvaghosha***

Asvaghosha was a native of Sravasti. He was the author of the *Buddha Carita*, a biography of the Buddha. He was a Buddhist writer

and poet of the first or the second century A.D. (600 years after the Buddha's nirvana). Author of the Buddha-Carita Kavya, famous life of Buddha in verse. He was a famous writer whose patron was the Indo-Scythian king Kanishka. According to Buddhist tradition he was born a brahman but was converted to Buddhism by a monk named Parsva, who belonged to the Vaibarsva. He finally settled at Benares, and became the twelfth patriarch. His name is attached to the ten works. The two of which have exerted great influence on Buddhism are Buddha-carita-kavya-sutra, translated into Chinese by Dharmaraksa around 414-421 A.D., later translated into English by Beal, S.B.E.; and Mahayana-sraddhotpada-sastra, translated by Paramartha, around 554 A.D., and by Siksanda, 695-700 A.D.; later translated into English by Taitaro Suzuki in 1900. He gave to Buddhism the philosophical basis for its Mahayana development. Asvaghosa occupies a unique position not only in the history of Buddhist thought but also in the whole tradition of Sanskrit poetry. The chief contribution which Asvaghosa made to the history of Buddhist thought was his emphasis on Buddha-bhakti. Though the Mahayanist teachings had been spreading for at least two to three centuries before his time, they find the first notable expression in his writings, in spite of the fact that he belonged to the Sarvastivada school. The Buddhacarita described the life of Lord Buddha in a chaste and stately style, though written with considerable restraint. The original poem, as known to I-Ch'ing in the Chinese translation in the seventh century A.D., contains 28 cantos. The Tibetan translation also has the same number of cantos. Hence the original Sanskrit version must also have consisted of 28 cantos. However, only 17 are preserved in Sanskrit today, and generally only the first thirteen are regarded as authentic. I-Ch'ing says that in his time this beautiful poem was 'widely read or sung throughout the five divisions of India, and the countries of the Southern Sea.' In Buddhacariya, Buddhaghosa not only gives us the best account of the life of Lord Buddha, but also gives evidence of his encyclopaedic knowledge of India's mythological traditions and pre-Buddhistic philosophical systems, notably the Sankhya. The Saundarananda-kavya narrates the ordination by the Buddha of Nanda, his half-brother. Besides these two significant poetical works, Asvaghosa wrote three Buddhist dramas which were discovered by H. Luders in Turfan in Central Asia at the beginning of

the twentieth century. Of these, the Sariputraprakarana with nine acts is the most important. It is the oldest dramatic work in Sanskrit literature. Asvaghosa also wrote a lyrical poem called Gandistotragatha which consists of 29 stanzas in the sragdhara metre. E.H. Johnston questions Asvaghosa's authorship of this work, but as Winternitz observes: "It is a beautiful poem, worthy of Asvaghosa both in form and content." Besides, according to Buddhist tradition, when Rashtrapala, a Buddhist drama he wrote about a noted monk whom the Buddha mentioned in the Agama Sutra, he left home to follow the Buddha, then went back to preach to save his parents. When this drama was staged, five hundred princes immediately renounced secular life to become Buddhist monks. He propagated Buddhism in Northern India under the patronage of King Kanishka. He wrote epics such as Buddhacharita and Saundarananda. Buddhacharita recounts the Buddha's life and is considered a masterpiece of Indian literature. Saundarananda is the story of Nanda, a cousin of the Buddha, who severed his relationship with his beloved and beautiful wife and became a monk.

### ***(XIII) Bhikshu Kapimala***

Kapimala was a native of Pataliputra in the Indian state of Magadha in central Indian in the second century. Pataliputra was an ancient Indian city corresponding to modern-day Patna, originally Kusumapura. It was the capital of Magadha kingdom of the Mauryan dynasty, it located in the southern part of Magadha. This was the residence of Asoka, to whom the title of Kusuma is applied. At the time Pataliputra was ruled by king Asoka. It is said that at first he led a group of three thousand non-Buddhists, but later he met Asvaghosa, realized the truth, and spread the Dharma through the North and West of India.

### *(XIV) Nagarjuna*

Also called Long Thǎng. Nagarjuna lived in the second or third century AD. He was born into a Brahmin family in Southern India. When he became a monk he first studied Hinayana canon, but later he travelled to the Himalaya and learned the teachings of Mahayana. An Indian Buddhist philosopher, founder of the Madhyamika School. He was the 14<sup>th</sup> Patriarch of Indian Zen School. He composed Madhyamika sastra and sastra on Maha prajna paramita. According to Kumarajiva, Nagarjuna was born in South India in a Brahmin family. Hsuan-Tsang, however, stated that Nagarjuna was born in South Kosala, now Berar. When he was young, he studied the whole of the Tripitaka in three months, but was not satisfied. He received the Mahayana-Sutra from a very old monk in the Himalayas, but he spent most of his life at Sriparvata of Sri Sailam in South India which he made into a center for propagation of Buddhism. He was one of the most important philosophers of Buddhism and the founder of the Madhyamika school or Sunyavada. Nagarjuna was a close friend and contemporary of the Satavahana king, Yajnasri Gautamiputra (166-196 A.D.). The world has never seen any greater dialectician than Nagarjuna. One of his major accomplishments was his sytematization of the teaching presented in the Prajnaparamita Sutra. Nagarjuna's methodological approach of rejecting all opposites is the basis of the Middle Way. He is considered the author of the Madhyamika-Karika (Memorial Verses on the Middle teaching), Mahayana-vimshaka (Twenty Songs on the Mahayana), and Dvada-Shadvvara-Shastra (Treatise of the Twelve Gates). He was the 14<sup>th</sup> patriarch of the Indian lineage. He was the one who laid the foundation for (established) the doctrine of the Madhyamika in the "Eight Negations" (no elimination, no production, no destruction, no eternity, no unity, no manifoldness, no arriving, no departing). To him, the law of conditioned arising is extremely important for without this law, there would be no arising, no passing away, no eternity, or mutability. The existence of one presupposed the existence of the other. Nagarjuna is revered in all of Mahayana as a great religious figure, in many places as a Bodhisattva. Not only Zen, but also Tantric branch of Buddhism and the devotional

communities of Amitabha Buddha, count Nagarjuna among their patriarchs. Nagarjuna created an age in the history of Buddhist philosophy and gave it a definite turn. Hsuan-Tsang speaks of the 'four suns which illumined the world.' One of these was Nagarjuna, the other three being Asvaghosa, Kumarajiva, and Aryadeva. Indeed as a philosophical thinker, Nagarjuna has no match in the history of Indian philosophy. According to one legend, in the 3<sup>rd</sup> century, Nagarjuna traveled to the sea dragon's palace beneath the ocean to retrieve the Avatamsaka Sutra. According to another legend, he discovered the sutra in an abandoned monastery. Nagarjuna was the fourteenth patriarch of Indian Zen. He was the founder and first patriarch of the Madhyamika (Middle Way) school, also the founder of the Pure Land Sect (Salvation School). Although a great number of works are attributed to him by Buddhist tradition, only a handful are thought by contemporary scholars to have actually been composed by him. The most important of these is the Fundamental Verses on the Middle Way (Mulamadhyamaka-Karika), in which he extends the logic of the doctrine of emptiness (sunyata). In the Lankavatara Sutra, the Buddha is asked who will teach the Mahayana after he has passed away. He foretold the coming of Nagarjuna and Nagarjuna's rebirth in the Pure Land: "After 500 years of my passing away, a Bhikshu most illustrious and distinguished will be born; his name will be Nagarjuna, he will be the destroyer of the one-sided views based on being and non-being. He will declare my Vehicle, the unsurpassed Mahayana, to the world; attaining the stage of Joy he will go to the Land of Bliss."

### ***(XV) Aryadeva (Kanadeva)***

He was called Kanadeva because he had only one eye. The Sanskrit "Kana" means one-eyed. He was also called Aryadeva. He lived in Southern India in the third century, the fifteenth patriarch of the Indian Zen School. He was one of the most foremost disciples of Nagarjuna and devoted his life to continuing his master's work, consolidating the Madhyamika tradition. The main features of Madhyamaka Philosophy. It is both philosophy and mysticism. By its dialectic, its critical probe into all the categories of thought, it

relentlessly exposes the pretensions of Reason to know Truth. The hour of Reason's despair, however, becomes the hour of truth. The seeker now turns to meditation on the various forms of 'Sunnyata,' and the practice of 'Prajnaparamitas.' By moral and yogic practices, he is prepared to receive the Truth. In the final stage of Prajna, the wheels of imagination are stopped, the discursive mind is stilled, and in that silence Reality stoops to kiss the eye of the aspirant; he receives the accolade of prajna and becomes the knighterrant of Truth. It is an experience of a different dimension, spaceless, timeless, which is beyond the province of thought and speech. Hence it cannot be expressed in any human language. According to the Buddhist tradition, he was one of the six great commentators on the Buddha's teachings and was the author of Four Hundred Verses on the Yogic Deeds of Bodhisattvas (Catuhshataka). It is said to have been killed by a non-Buddhist.

### ***(XVI) Arya Rahulata***

Arya Rahulata was originally a native of Kapilavastu, in present day Nepal. Rahulata of Kapila, the sixteenth patriarch, who miraculously transported himself to the kingdom of Sravasti, where he saw on the Hiranyavati the shadow of five Buddhas. He was an early Madhyamika master, sometimes said to have been a Brahmin. He is most famous for his verses in praise of the Prajnaparamita (Skt. Prajnaparamitastotra).

### ***(XVII) Samghanandi***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was a native of the city of Sravasti, the capital of the ancient state of Kosala. According to The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, he was one of the princes of King Ratna-Alamkaraka in northern India in the middle of the seventh century. He learned to speak when he was not one year of age yet, and he always spoke about Buddhadharma. At the age of seven, he entered the



monk's life and later became the dharma hier of Patriarch Arya Rahulata.

### ***(XVIII) Samgayashas (Gayasata)***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that the reason he became the eighteenth patriarch because he was one of the best disciples of Patriarch Samghanandi. A History of the Buddha's Successors, in the late seventh century, Patriarch Samghanandi always told his disciples that his master had told him this: "There would be a saint named Samgayashas, who would continue to preach the correct dharma to benefit sentient beings." So Patriarch Samghanandi and his assembly moved to the area, now north of India, to seek the saint. On the way to Mati he met a little boy. The Patriarch asked, "How old are you?" The boy replied, "I am one hundred years old." The Patriarch said, "You're still a boy, how can you say you're one hundred years old?" The boy said, "I don't know the reason why I myself am a hundred years old." The Patriarch asked, "You have a good original endowment and nature." The boy said, "Is it the Buddha who teach "To live one hundred years without understanding Buddhism is not equal to live just one day with a thorough understanding of Buddhism." After this conversation, Samgayashas' parents allowed him to follow Patriarch Samghanandi to study more on Buddhism, and as a result, Samgayashas became Samghanandi's dharma hier, and the eighteenth Indian Patriarch.

### ***(XIX) Kumarata***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that Kumarata was born in about 400 years after the Buddha's death. Some sources said that he lived near the late third century, but there is no clear evidence confirming that date. According to A History of the Buddha's Successors, he was born in Takshashilain (it should be noted that Taksasila was the name of a city in Gandhara, modern Taxila in Pakistan, where there was a well-known Buddhist university.

According to Nalinnaksha Dutt in *Buddhist Sects in India*, here have been found, among other objects, traces of at least 55 stupas, 28 monasteries and 9 temples. Hsuan-Tsang visited this place twice, once in 630, when he came to this country and, again in 645, on his return journey. There he saw numerous monasteries but all in ruins. The few monks he saw were all Mahayanists), the north-western part of ancient India and was very wise even as a child. He became a monk and is said to have later inherited Sakyamuni Buddha's teachings from Samghayashas to become the nineteenth patriarch. His wisdom and scholarship were famed throughout India and attracted numerous people to Buddhism. Hsuan-tsang's *Record of the Western Regions* lists Kumarata as one of the "Four Suns," the others being Ashvaghosha, Nagarjuna, and Aryadeva. They were called "Suns" because they were considered to illuminate the world with the light of wisdom. Kumarata is regarded as the founder of the Sauntrantika school. He transferred the Buddha's teaching to Jayata. The name "Sautrantika" itself means "Ending with the Sutra," so when Patriarch Kumarata founded Sautrantika, he claimed "Canonical Texts" to be extremely important in Buddhist cultivation. The Sautrantika School Rejected the claim that the Abhidharma was ultimately authoritative. Its name means "Ending with the Sutras," implying that its concept of what was canonical ended with the Sutra Pitaka, which preached by the Buddha, and nothing else but the Satras can be considered as sutras. This is an Indian Buddhist school that developed from the Sarvastivada, probably sometime around 150 B.C. As the name suggests, this tradition bases itself on the Sutras, rather than on Abhidharma texts. The teaching of the sutras, an important Hinayana school, which based its doctrine on the sutras alone, the founder of this division is Kumara-labha. This school believed in the transmigration of a substance (sankranti) from one life to another. According to its followers, of the five skandhas of an individual, there is only one subtle skandha which transmigrates, as against the whole of the pudgala of the Sammitiyas. It also believed that every man had in him the potentiality of becoming a Buddha, a doctrine of the Mahayanists. On account of such views, this school is considered to be a bridge between the Sravakayana (often called the Hinayana) and the Mahayana. The Sautrantika School arose as a reaction to the commentarial and Abhidharmic trend of the

Vaibhasikas, denying the authority of the complex manuals and treatises that it produced. Although developed from the Sarvastivada, but is believed that this is an important Hinayana school, which based its doctrine on the sutras alone. There were a number of views on which the Sautrantika School differed from the Sarvastivadin. In particular it opposed the Sarvastivadin concept of dharmas existing in the three modes of time, asserting that all dharmas had only a momentary, or 'ksanika,' existence. In order to deal with the problems of karman that the Sarvastivada had sought to resolve through the idea of dharmas persisting through all three times. According to the Sarvastivadin, karma and effect relate in three mode of time: past, present and future. However, Sautrantika School proposed actions perfumed one's mental continuum in such a way as to determine particular results. Difficulties with this model led them to develop the idea of "seed" which were planted by an action with a particular ethical character, only to "sprout" at a later point, when conditions allowed, and give rise to a "fruit" appropriate to the original action. The Sautrantika School did not regard other commentaries or treatises as the word of the Buddha. They rejected the claim that the Abhidharma was ultimately authoritative. In fact, the origin of the Sautrantika School lay in the rejection of the ever growing Vibhasas, or scholastic summaries, of the Vaibhasika-Sarvastivada. In the fourth century A.D., Vasubandhu wrote his famous Abhidharmakosa from a Sautrantika viewpoint and he was so successful that the Vaibhasika School died out. Thereafter Abhidharmakosa was regarded as a definitive Abhidharma text, expounding both the Sarvastivada and Sautrantika philosophies.

### *(XX) Jayata*

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was a native of Northern India, teacher of Vasubandhu. We only know that he was one of the greatest commentators and the the greatest authorities of ancient India. He was the younger brother of Asanga, and composed The Treasury of Abhidharma (Abhidharmakosha), a complete and systematic account of the

Abhidharma, the peak of scholarship in the Fundamental Vehicle. Later he followed the Mahayana Yogachara view, and wrote many works, such as Thirty Stanzas on the Mind (Trimsikavijnapti-karika). His writings include: Abhidharmakosha, Analysis of the Five Skandhas, Thirty Stanzas, Treatise on Karma, Treatise on the Three Natures, Twenty Stanzas, and Well Explained Reasoning, and so on.

### ***(XXI) Vasubandhu (420-500 AD)***

He was born in the fifth century in Purusapura (close to present-day Peshawar), the capital of Gandhara (now is part of Afghanistan). He was one of the great philosophers in India in the fifth century, a native of Peshawar (now is Peshawar) in Gandhara, born 900 years after the Buddha's nirvana. He was the second of the three sons of a Brahmin family. All three sons were called Vasubandhu and all three became Buddhist monks. In his youth he adhered to the Hinayana teachings of the Sautrantika School. He went to Kashmir to learn the Abhidharma philosophy. On his return home he wrote the Abhidharma-kosa, perhaps the most well-known of all treatises on the Abhidharma. Later he became dissatisfied with key elements of its philosophical system and was converted from Hinayana to Mahayana by his brother, Asanga. On his conversion he would have cut out his tongue for its past heresy, but he was dissuaded by his brother, who bade him use the same tongue to correct his errors, whereupon he wrote "The Teaching of the Nature of the Eight Consciousnesses" (Duy Thức Học) and other Mahayanist works. He is called the twenty-first patriarch. He was one of the famous Indian Buddhist philosophers and writers, with his brother Asanga founded the Sarvastivada and Yogacara Schools of Mahayana Buddhism. Vasubandhu along with his brother Asanga is considered to be one of the two main figures in the early development of the Yogacara tradition. He was also the twenty-first patriarch of the Indian lineage of Zen. He was also the author of the Trimshika, a poem made of thirty songs, expounded Yogachara (the works of Asanga on important Mahayana sutras). He also composed some of the most influential Yogacara treatises, including the "Twenty Verses," and the "Thirty Verses," and so on. The Abhidharmakosa Sastra is preserved in

sixty volumes of Chinese translation. The Sanskrit text is lost, but fortunately we have a commentary written by Yasomitra called the Abhidharma-kosa-vyakhya which has facilitated the restoration of the lost text undertaken by the late Professor Louis de la Vallée-Pousin of Belgium and completed by Rahula Sankrityayana of India.

### ***(XXII) Manorhita (Manura)***

Manorhita was name of an Indian prince of the Nadai Kingdom who lived in around eight hundred years after the Buddha's parinirvana. According to A History of the Buddha's Successors, when he was born, auspicious signs appeared in the royal palace, so later his father dared not to bind him with secular life. At the age of thirty, his father allowed him to enter the Buddhist Order, and he became disciple and successor to Vasubandhu as 22<sup>nd</sup> patriarch. Author of the Vibhasa-Sastra. He laboured in Western India and Ferghana where he died in 165 AD. The following is the gatha from Patriarch Manorhita:

"The mind moves with the ten thousand things;  
Even when moving, it is serene.  
Perceive its essence as it moves on,  
And neither joy nor sorrow there is."

### ***(XXIII) Haklena (Haklenayasas or Padmaratna)***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was born into a Brahmin family in a the Tokhara country and who lived in around nine hundred years after the Buddha's parinirvana (according to Eitel in Chinese-English Buddhist Terms, Tukhara is the name of the Yueh-Chih country, a topographical term designating a country of ice and frost (tukhara), and corresponding to the present Badakchan which Arab geographers still call Tokharestan. An ethnographical term used by the Greeks to designate the Tocharoi or Indo-Scythians, and likewise by Chinese writers applied to the Tochari Tartars who driven on by the Huns (180 B.C.) conquered Trans-Oxania, destroyed the Bactrian kingdom in 126 B.C., and finally conquered the

Punjab, Cashmere, and the greater part of India. Their greatest king was Kanichka). According to The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, the people where he grew up feared demons and performed debased sacrifices of oxen and wine. He would go alone into the deep woods and destroy the ceremonial altars, seize the oxen, and drive them away, and scolded the mountain and forest gods: "Do not try to cheat poor people, every year, this nonsense thing wasted people's money and killed a lot of animals!" He spreaded the Buddha's Teachings in Central India. It is said that when Aryasimha came to see him, Aryasimha asked, "Master! I want to function my mind to see the Way, can you help me?" He replied, "There is no place for you to function your mind." Aryasimha said, "If there is no place for me to function the mind, how can I do the Buddhs-work?" He said, "If you try to function the so-called mind, it's not the real merit. If you don't do, that is Buddha-work. Remember, we, Buddhists, try to do the Buddha-work, but never think about the things we do." Listening to these words, Aryasimha suddenly became awakening. Later, Aryasimha became Haklena's dharma heir.

#### *(XXIV) Aryasimha (Bhikshu Simha)*

We do not have detailed records of this Patriarch, the twenty-fourth Patriarch of Indian Zen School. We only know that he was born into a Brahmin family in Central India in the sixth century. He spreaded the Buddha's Teachings in the Northern India. It is said that he was executed by the king of Kashmira. A History of the Buddha's Successors states that Aryasimha was executed (beheaded) by the king of Kashmira when he was propagating Buddhism there. And when he was beheaded, the text states, milk instead of blood flowed from his neck. According to The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, at the moment of the execution, the king's arm, still holding the sword, fell to the ground, and he died seven days later. Aryasimha is often cited as the symbol of willingness to give up one's life for the sake of the Law.

### ***(XXV) Vasiasita***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was a native of Western India, belonged to a Brahmin family. At early age his parents allowed him to enter the Buddhist Order and studied Buddhism under Patriarch Aryasimha. Later, he became the twenty-fifth patriarch of the Indian Ch'an Sect, who laboured in Central and Southern India. According to The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, at the time, king of the Southern India listened to non-Buddhists who tried to hurt Patriarch Vasiasita, but a son of the king named Punyamitra, tried to convince the king that Patriarch Vasiasita followed Buddhism with correct dharma. The king was so angry that he imprisoned his son immediately, but later he was imprisoned by his father. But after a dialogue with Vasiasita, the king thoroughly understood, so he not only treated Vasiasita well, but he also allowed his son to become a monk and studied Buddhism under Patriarch Vasiasita. Later, Punyamitra became Vasiasita's dharma heir and the twenty-sixth Indian Patriarch. The date of Patriarch Vasiasita's death is given as 325 A.D.

### ***(XXVI) Punyamitra***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was the son of a king belonged to the Sastriya class in Southern India. According to The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, he tried to intervene in the case of Patriarch Vasiasita, as a result, he was imprisoned by his father. After he was released from the jail, he asked permission from the king to become a monk and studied Buddhism under Patriarch Vasiasita. Later, he became Vasiasita's dharma heir and the twenty-sixth Indian Patriarch.

### ***(XXVII) Prajnatara***

We do not have detailed records of this Patriarch, we only know that he was born into a Brahmin family in Eastern India. According to

The Record of the Lineage of the Buddha and the Patriarchs, his parents passed away when he was very young, so he had to join his neighbors to wander in the countryside to beg for food. However, his language and behavior were totally different from them. Whenever, he was asked to do anything, he tried his best to accomplish without asking for any money. A good opportunity came to his life after he met Patriarch Punyamitra, became the Patriarch's disciple and later a dharma hier. Prajnatarā, the 27<sup>th</sup> patriarch in India, who laboured in southern India and consumed himself by the fire of transformation, 457 A.D., teacher of Bodhidharma.

***(XXVIII) Bodhidharma***

*(See Sơ Lược Về Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma in Chapter Five)*



## **Chương Năm** **Chapter Five**

### **Sơ Lược Về Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

#### ***I. Tổng Quan về Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma:***

Bồ Đề Đạt Ma là một vị cao Tăng Ấn Độ đến vương triều Hán võ Đế của Trung quốc vào khoảng năm 520 sau Tây lịch. Tuy nhiên, sau đó, ông đã diện bích 9 năm và âm thầm ra đi. Bồ Đề Đạt Ma là vị Tổ thứ 28 của dòng Thiền Ấn Độ và là sơ Tổ của dòng Thiền Trung Hoa. Ngài là một biểu tượng cho sự kiên trì tu tập. Theo truyền thống Ấn Độ, Bồ Đề Đạt Ma, một thiền sư người Ấn Độ, được xem như là vị Tổ thứ 28 trong Thiền tông Ấn Độ. Theo huyền thoại Đông Á, ngài du hành hoằng pháp từ xứ Ấn Độ và người ta nghĩ rằng ngài đã đến Lạc Dương, thuộc miền Nam Trung Hoa giữa năm 516 và 526. Huyền thoại kể rằng ngài du hành đến chùa Thiếu Lâm trên Núi Tống, tại đó ngài đã thiền diện bích trong 9 năm trường. Trong thời gian đó người ta kể rằng chân của ngài đã bị rớt ra, và người ta cũng nói rằng ngài đã cắt đi đôi mí mắt để cho mình khỏi phải buồn ngủ. Một truyền thuyết khác cho rằng khi ngài cắt bỏ đôi mí mắt liệng xuống đất thì cây trà đã mọc phún lên, và loại cây này có công năng chống buồn ngủ vì chất caffeine trong đó và người ta nghĩ đó là món quà của Tổ Đạt Ma ban cho những thế hệ hành giả sau này. Về sau này vị đại đệ tử của ngài là Huệ Khả đã cắt một cánh tay để chứng tỏ lòng thành muốn được ngài chỉ dạy. Huệ Khả được xem như là nhị tổ Thiền Tông Trung Hoa.

#### ***II. Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma và Vua Lương Võ Đế:***

Vua Lương Võ Đế vời Tổ đến Nam Kinh để triều kiến. Vua hỏi: “Từ khi tức vị đến nay, trẫm đã cho tạo chùa, sao chép kinh điển và độ Tăng rất nhiều. Công đức như vậy lớn như thế nào?” “Không có công đức gì cả,” là câu trả lời. Tổ lại nói tiếp: “Tất cả những công việc ấy chỉ là những quả báo nhỏ của một cái thân hữu lậu, như bóng theo hình, tuy có mà không phải thật.” Võ Đế hỏi: “Vậy đúng nghĩa thế nào là công đức?” Bồ Đề Đạt Ma đáp: “Đó là sự thanh tịnh, giác ngộ, sự hoàn mãn, và thâm thúy. Công đức như thế không xây dựng bằng phương

tiện thế gian.” Võ Đế lại hỏi: “Thế nào là Thánh Đế đệ nhất nghĩa? “Tổ trả lời: “Rỗng tuếch, không có Thánh Đế gì hết.” Vua lại hỏi tiếp: “Vậy ai đang diện kiến trẫm đây?” Tổ nói: “Không biết.” Võ Đế không hiểu Tổ muốn nói gì. Sau cuộc nói chuyện nổi tiếng với vua Hán Vũ Đế, Tổ đã vượt dòng Dương Tử và đến Lạc Dương, kinh đô của Bắc Ngụy. Người ta nói Tổ đã dùng “Lư Diệp”, tức là chiếc thuyền bằng lá cây lau để vượt sông Dương Tử. Sau một thời gian ở đây, Tổ đến Ngũ Đài Sơn và trú tại Thiếu Lâm Tự, nơi đây ngài diện bích (ngồi xoay mặt vào tường) trong 9 năm trường. Qua cuộc đối thoại với Võ Đế, ta thấy rõ rằng cốt lõi chủ thuyết của Tổ Bồ Đề Đạt Ma là triết lý “Không Tánh” (sunyata), mà cái không thì không thể nào chứng minh được. Do đó, Bồ Đề Đạt Ma cũng đã đối đáp dưới hình thức phủ định. Về sau này, Võ Đế hỏi Chí Công về cuộc đối thoại với Bồ Đề Đạt Ma, Chí Công nói: “Bệ Hạ có biết người ấy hay không?” Võ Đế thú nhận: “Trẫm thật sự không biết người ấy.” Chí Công nói: “Người ấy là Quan Âm Bồ Tát muốn truyền tâm ấn của Phật.” Võ Đế buồn bã và cố gởi một sứ đoàn đuổi theo Bồ Đề Đạt Ma. Song Chí Công nói: “Bệ Hạ cố tìm người ấy cũng vô ích mà thôi. Dầu cho dân cả xứ này có đuổi theo ông ta, ông ta cũng không bao giờ quay trở lại đâu.” Khi nói về ảnh hưởng của đạo Phật trên đời sống và nền văn hóa của người Trung Hoa, chúng ta không thể không nói đến khuynh hướng bí hiểm này của triết lý Bồ Đề Đạt Ma, vì rõ ràng là khuynh hướng này đã tác động nhiều trên sự hình thành tinh thần Phật giáo Trung Hoa, và từ đó xuất hiện Phật giáo Thiên tông. Thiên giả khắp nơi nhảy không qua khỏi chỗ này. Tổ Bồ Đề Đạt Ma cho họ một nhác đao đứt sạch mọi thứ. Ngày nay có một số người lầm hiểu! Trở lại đùa với tinh thần của chính mình, trợn mắt nói: “Rỗng thên không Thánh.” Thật may, chỗ này không dính dáng gì với nó. Thiên sư Ngũ Tổ Pháp Diễn có lần nói: “Chỉ câu 'Rỗng thên không Thánh' nếu người thấu được về nhà ngồi an ổn (qui gia ổn tọa).” Tất cả những thứ này đang tạo ra nhiều phức tạp, nhưng cũng không ngừng được Tổ Bồ Đề Đạt Ma vì người mà đập nát thùng sơn. Trong tất cả thì Tổ Bồ Đề Đạt Ma thật là kỳ đặc nhất. Chân lý linh thánh chính là Tánh Không Vô Biên, ở đâu mà người ta có thể vạch ra các tướng của của nó được? Thật vậy, khi Võ Đế hỏi: “Vậy ai đang diện kiến trẫm đây?” Bồ Đề Đạt Ma nói: “Không biết.” Võ Đế không hiểu Tổ muốn nói gì. Sau cuộc nói chuyện nổi tiếng với vua Hán Vũ Đế, Tổ đã vượt dòng Dương Tử và đến Lạc Dương, kinh đô của Bắc

Ngụy. Nhưng mà hãy còn lằm gai góc phía sau ông! Dầu cho tất cả mọi người trong xứ này có đuổi theo ông ta thì cũng chỉ là vô ích mà thôi vì ông không trở lại đâu. Chúng ta đừng uống công nghi về ông nữa. Vì vậy nên người ta nói: "Nếu hành giả tham thấu một câu thì cùng lúc ngàn câu muôn câu đồng thấu." Rồi thị tự nhiên nằm ngồi đều yên định. Người xưa nói: "Tan xương nát thịt chưa đủ đền; khi một câu rõ suốt, vượt qua trăm ức." Tổ Bồ Đề Đạt Ma đối đầu thẳng với Vua Lương Vũ Đế, một phen muốn chịu cho vua thấy! Vua chẳng ngộ lại đem cái chấp nhân ngã mà hỏi lại: "Đối diện trẫm là ai?" Lòng từ bi của Tổ Bồ Đề Đạt Ma quá lắm; nên lần nữa lại nói với nhà vua: "Chẳng biết." Ngay lúc đó Vũ Đế sửng sốt, không hiểu ý của Tổ. Khi hành giả đến được chỗ này, có việc hay không việc lại đều không kham được. Qua thí dụ này, chúng ta thấy vào thế kỷ thứ sáu, tổ Bồ Đề Đạt Ma thấy cần phải đến Trung Hoa để truyền tâm ấn cho những người có căn cơ Đại Thừa. Chủ đích của chuyến đi truyền giáo của ngài là vạch bày những lớp mê, chẳng lập ngôn ngữ văn tự, chỉ thẳng tâm người để thấy tánh thành Phật.

### ***III. Bồ Đề Đạt Ma Thiên Pháp:***

Vào năm 527, Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma trụ lại chùa Thiếu Lâm để dạy Thiên. Giáo pháp của ngài có thể được chia làm hai hướng tới: thứ nhất là vào Thiên qua cửa hiểu biết, và thứ hai là vào qua cửa tu tập. Sự hiểu biết chỉ cho trí tuệ đạt được qua thiền định, qua đó người học đạt được sự hiểu biết về chân lý vũ trụ. Hình thức thực hành thiền định do Bồ Đề Đạt Ma dạy vẫn còn đậm nét trong Phật giáo Ấn Độ. Những lời dạy của ông phần lớn dựa vào các kinh điển Phật giáo Đại thừa. Bồ Đề Đạt Ma đặc biệt nhấn mạnh đến tầm quan trọng của kinh Lăng Già. Thiên theo lối Trung Hoa là kết quả một sự pha trộn thiền định Phật giáo được Bồ Đề Đạt Ma đưa vào Trung Hoa và Đạo giáo chính thống tại đây, và nó được mô tả như là sự "truyền thụ riêng biệt, nằm ngoài các bản kinh chính thống", được tổ thứ sáu là Huệ Năng và những vị thầy thiền thời Đường kế tục sau này phát triển.

### ***IV. Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma và Cuộc Truyền Bá Thiên Không Kinh Điển:***

Theo các sử gia thì Bồ Đề Đạt Ma bác bỏ việc đọc tụng kinh điển. Do đó hệ thống triết học của ông khiến cho các tu viện ít chú trọng về

kiến thức mà thiên về trầm tư thiền định nhiều hơn. Theo Bồ Đề Đạt Ma, Phật tử nên để ý đến thiền, vì chỉ cần hành thiền là có thể đạt đến giác ngộ. Do đó ông chỉ dịch có mỗi quyển Đại Bát Niết Bàn Kinh Luận (Mahaparinirvana-sutra-sastra). Ông là vị tổ thứ 28 của dòng Thiền Ấn Độ và là sơ tổ của dòng Thiền Trung Quốc. Các học giả vẫn còn không đồng ý với nhau về việc Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa từ lúc nào, ở lại đó bao lâu, và mất vào lúc nào, nhưng nói chung giới Phật tử nhà Thiền chấp nhận rằng Bồ Đề Đạt Ma đến Nam Trung Hoa bằng thuyền vào khoảng năm 520 sau Tây Lịch, sau một nỗ lực không kết quả để thiết lập giáo thuyết của mình tại đây, ông đã đến Lạc Dương thuộc miền bắc Trung Hoa, và cuối cùng ông định cư tại chùa Thiếu Lâm. Ngài đã mang sang Trung Quốc một thông điệp thù thắng, được tóm gọn trong mười sáu chữ Hán sau đây, dù rằng người ta chỉ nhắc đến thông điệp này về sau thời Mã Tổ:

Bất lập văn tự  
Giáo ngoại biệt truyền  
Trực chỉ nhân tâm  
Kiến tánh thành Phật.

#### ***V. Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma và Nhị Tổ Huệ Khả:***

Tổ Bồ Đề Đạt Ma và môn đệ của ông, Huệ Khả, người mà tổ đã truyền pháp, luôn là đề tài của công án Thiền Vô Môn cũng như bức tranh nổi tiếng của Sesshu, một họa sĩ lừng danh của Nhật Bản. Huệ Khả, một học giả nổi tiếng thời bấy giờ, tìm đến Bồ Đề Đạt Ma lúc ông đang tọa thiền, phàn nàn với ông rằng mình không an tâm và làm thế nào để tâm được an. Bồ Đề Đạt Ma đuổi Huệ Khả đi, bảo rằng muốn đạt được an tâm phải tu lâu và khó nhọc không tự phụ và nản lòng. Sau khi đứng hàng giờ dưới tuyết, Huệ Khả bèn chặt đứt bàn tay trái của mình để dâng lên Bồ Đề Đạt Ma. Bấy giờ tin chắc vào lòng chân thành và quyết tâm của Huệ Khả, Bồ Đề Đạt Ma nhận Huệ Khả làm môn đệ. Câu chuyện trên đây nhấn mạnh đến tầm quan trọng mà các thiền sư buộc vào kẻ khao khát sự an tâm vào việc tọa thiền, vào lòng chân thành và khiêm tốn, sự kiên nhẫn và nghị lực như là những tiên đề trong sự đạt thành đạo vô thượng. Vì thương kẻ tình thành nên Tổ bèn chỉ cho chân đạo: “Bích quán là phép an tâm, tứ hạnh là phép phát hạnh, phòng ngừa sự chê hiềm là phép thuận vật, và đừng chấp trước là

phương tiện tu hành cũng như cứu độ chúng sanh.” Khi ở chùa Thiếu Lâm, Tổ thường dạy nhị tổ bằng bài kệ sau:

Ngoài dứt chư duyên  
 Trong không toan tính  
 Tâm như tường vách  
 Mới là nhập đạo

### ***VI. Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma Nói Về Sự Chứng Đắc Của Đệ Tử:***

*Bồ Đề Đạt Ma Bì Nhục Cốt Tủy:* Sau chín năm ở Thiếu Lâm, Tổ muốn trở về Thiên Trúc, bèn gọi môn nhân đến bảo: “Ngày ta lên đường sắp đến, các người thử trình xem chỗ sở đắc của mỗi người về Đạo Thiền.” Bấy giờ ông Đạo Phó bạch: “Theo chỗ thấy của tôi, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là chỗ sở dụng của đạo.” Tổ nói: “Ông được phần da của ta.” Ni Tổng Trì bạch: “Chỗ hiểu của tôi nay như Khánh Hỷ (A Nan) nhìn vào nước Phật A Súc (Bát Động Như Lai), thấy một lần không thấy lại được.” Tổ nói: “Bà được phần thịt của tôi.” Đạo Dục bạch: “Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng thật, chỗ thấy của tôi là không có gì sở đắc hết.” Tổ nói: “Ông được phần xương của tôi.” Sau cùng, Huệ Khả đến đánh lễ Tổ, xong cứ thế mà đứng thẳng, chứ không nói gì. Tổ nói: “Ông được phần tủy của tôi.” Những ngày cuối cùng của Tổ Bồ Đề Đạt Ma ở Trung Quốc không ai biết rõ, sư đi đâu và thị tịch hồi nào. Có người nói sư băng qua sa mạc trở về Ấn Độ, cũng có người nói sư qua Nhật.

### ***VII. Chiếc Giày Cỏ Của Bồ Đề Đạt Ma:***

Câu chuyện nói về Tổ Bồ Đề Đạt Ma trở về Ấn Độ sau khi thị tịch với một chiếc giày cỏ. Theo truyền thống còn ghi lại trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, khoảng ba năm sau ngày Tổ Bồ Đề Đạt Ma thị tịch và được an táng tại Trung Hoa, một viên quan người Hoa tên Tống Vân trên đường trở về Trung Hoa sau một chuyến công tác ở Ấn Độ, ông ta đã gặp Tổ Bồ Đề Đạt Ma một nơi nào đó ở vùng Trung Á. Tổ quảy chỉ một chiếc giày trên vai. Khi viên quan hỏi Tổ đi đâu, thì Tổ trả lời là ngài trở về Ấn Độ. Khi về đến triều đình, viên quan đã báo cáo cuộc gặp gỡ này lên hoàng đế. Hoàng đế đã ra lệnh khai quật mả của Tổ Bồ Đề Đạt Ma để xem xét. Quan tài trống rỗng, và họ chỉ tìm thấy trong đó có một chiếc giày. Vì câu chuyện này, mà Tổ Bồ Đề Đạt Ma luôn

xuất hiện trong nghệ thuật Thiền với hình ảnh một người trên vai mang một chiếc giày cỏ.

### ***VIII. Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất:***

Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất là bộ sưu tập gồm sáu bài luận, tất cả theo truyền thống được cho là của Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Chữ "Shôshitsu" chỉ am hay cốc dành cho ẩn sĩ trên núi Tống Sơn, nơi mà Bồ Đề Đạt Ma đã tu tập thiền định, và thường được dùng như một tên khác cho Sơ Tổ. Vì vậy nhan đề có thể được dịch là "Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất Của Tổ Bồ Đề Đạt Ma." Các học giả tin tưởng rằng sáu văn bản là những bài luận về sau này, có lẽ mới được viết vào thời nhà Đường. Thoạt tiên chúng được viết như những văn bản độc lập, về sau này được sưu tập lại dưới chỉ một nhan đề. Bộ sưu tập được làm hồi nào thì không ai biết, nhưng văn bản cổ nhất còn tồn tại là bản tiếng Nhật xuất bản vào năm 1647. Bài luận đầu tiên được viết theo kệ và được gọi là "Tâm Kinh tụng", hay "Kệ Tâm Kinh." Năm bài còn lại được viết bằng văn xuôi, với nhan đề "Phá Tướng Luận," "Nhị Chứng Nhập," "An Tâm Pháp Môn," "Ngộ Tính Luận," và "Huyết Mạch Luận." Ba trong số sáu bài luận đã được dịch sang Anh ngữ tại trung tâm Bồ Đề Đạt Ma Xích Tùng Thiền Giáo.

### ***IX. Bồ Đề Đạt Ma: Tây Lai Ý:***

Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã tiên đoán rằng đến đời Tổ thứ hai mươi tám, nên truyền Phật pháp Đại Thừa đến Trung Hoa. Do vậy mà Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma đã đến Đông Độ. Theo Hòa Thượng Tuyên Hóa trong quyển "Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma," lúc bấy giờ Phật pháp tại Trung Hoa hình như có, mà cũng hình như không. Tại sao nói vậy? Bởi vì đương thời tuy có Phật pháp, nhưng ở đó họ chỉ thực hành bề ngoài. Có một số tụng kinh, nghiên cứu kinh điển, hay giảng kinh, thậm chí đến sám hối cũng không có. Học giả thế tục thì xem Phật giáo như là một môn học để nghiên cứu và thảo luận. Những nguyên lý trong kinh điển phải được dùng để tu hành. Tuy nhiên, đâu có ai chịu tu hành. Tại sao lại không chịu tu? Vì sợ đau khổ nên nên không ai thật sự tu tập thiền. Ngoại trừ Hòa Thượng Chí Công đã dụng công tu thiền và đắc được Ngũ Nhãn. Nhưng đa phần người ta sợ đau sợ khổ nên không chịu tu hành. Không một ai chịu nghiêm chỉnh tham thiền và tọa thiền, cũng như quý vị hiện nay, ngồi một chút thì thấy chân đau, bèn muốn

bung chân, nhúc nhích lắc lư, rồi duỗi căng xoa bóp một hồi. Bởi vì con người thì dầu sao cũng chỉ là con người nên đều sợ khổ. Tình trạng thời đó và bây giờ cũng không có gì khác nhau. Cho nên mới gọi là: hình như có Phật pháp, mà thật ra thì không có Phật pháp--Hình như có, hình như không.

#### **X. Bồ Đề Đạt Ma: Diện Bích:**

Diện Bích là tọa thiền mặt xoay vào tường, như Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã 9 năm diện bích mà không nói một lời. Đây là một loại thiền trong đó Bồ Đề Đạt Ma đã thực hành tại Chùa Thiếu Lâm trong chín năm khi ngài mới đến Trung quốc. Loại tu tập này vẫn còn thông dụng ở các tu viện Tào Động của Nhật Bản, trong đó các nhà sư trẻ hơn thường tu tập thiền diện bích. Khi Pháp sư Thần Quang đến chùa Thiếu Lâm thì chỉ thấy Tổ Bồ Đề Đạt Ma đang tọa thiền diện bích. Pháp sư thấy Tổ ngồi thiền liền quỳ xuống ngay đó không đứng dậy, nói: “Thưa Ngài! Lúc đầu gặp Ngài con không biết Ngài là Tổ sư, là Thánh nhân, mà còn lấy râu chuổi đánh Ngài, con rất hối hận và con xin thành tâm sám hối. Con biết Ngài là bậc thật có đạo đức, là một đạo sĩ vì đạo. Nay con thật lòng xin cầu đạo, cầu Pháp với Ngài.” Tổ Bồ Đề Đạt Ma nhìn qua không nói một lời nào mà vẫn ngồi đó tọa thiền. Pháp sư Thần Quang cũng quỳ nơi đó cầu Pháp. Quỳ như thế trải qua chín năm. Bởi vì Tổ Bồ Đề Đạt Ma quay mặt vào vách tọa thiền mãi chín năm, Pháp sư Thần Quang cũng quỳ như vậy ròng rã chín năm. Loại tu tập này vẫn còn thông dụng ở các tu viện Tào Động của Nhật Bản, trong đó các nhà sư trẻ hơn thường tu tập thiền diện bích.

#### **XI. Tổ Bồ Đề Đạt Ma Và Thiếu Lâm Tự:**

Thiếu Lâm Tự, một trong những đại tự viện ở Trung Quốc, tọa lạc trên núi Tung Sơn, thuộc huyện Đãng Phong, tỉnh Hồ Nam, được xây vào năm 477, dưới thời hoàng đế Hiếu Văn thuộc triều đại Bắc Ngụy. Một nhà sư người Thiên Trúc tên Bồ Đề Lưu Chi đã sống tại đây và ngài đã dịch nhiều kinh điển sang tiếng Trung Hoa. Theo truyền thuyết về Thiền tông, tổ Bồ Đề Đạt Ma sau cuộc gặp gỡ với vua Lương Vũ Đế. Khi Vũ Đế chưa sẵn sàng nên đã để mất cơ hội đạt ngộ này, tổ Bồ Đề Đạt Ma đi về hướng Bắc đến dòng sông Dương Tử, bước lên một bè lau bồng bênh và dùng thần thông lực của mình vượt qua dòng sông chia hai Nam Bắc Trung Hoa này. Ngài đã quyết định xứ này chưa sẵn

sàng cho giáo pháp của mình, nên đi đến Thiếu Lâm và ngồi diện bích trong 9 năm cho đến khi Huệ Khả đến gặp và thuyết phục được ngài dạy đạo. Tuy nhiên, ngày nay, rất nhiều người, đặc biệt là những người trong vùng Đông Á, thường gắn cho chùa Thiếu Lâm với việc luyện tập công phu, một hình thức của khí công, thường được hiểu lầm như là một thứ võ, chứ thật ra đó là một phương pháp vừa rèn luyện tâm linh vừa thực hành nơi thể chất.

### ***XII. Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma Và Bốn Hạnh Trong Tu Tập:***

Theo Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma, có bốn hạnh. Thứ nhất là Báo Oán Hạnh. Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vậy: “Ta từ bao kiếp trước buông lung không chịu tu hành, nặng lòng thương ghét, gây tổn hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ đã gieo từ trước nay kết trái chín, điều ấy nào phải do trời hoặc người tạo ra đâu, vậy ta đành nhẫn nhục chịu khổ, đừng nên oán trách chi ai. Như kinh đã nói ‘gặp khổ không buồn.’ Vì sao vậy? Vì đã thấu suốt luật nhân quả vậy. Đây gọi là hạnh trả oán để tiến bước trên đường tu tập.” Thứ nhì là Tùy Duyên Hạnh. Chúng sanh đều do duyên nghiệp mà chuyển thành, chứ chẳng có cái ‘tôi.’ Mọi nỗi khổ vui đều do nhân duyên sanh. Nếu nay được quả báo tốt, hưởng đủ vinh dự, ấy là do nhân lành thuở trước cảm nên, nay mới được vậy. Hễ duyên hết thì lại hoàn không, mừng vui nỗi gì? Được mất gì đều tùy theo duyên, nhưng tâm người thì không vì vậy mà được thêm hay bớt mất cái gì. Nếu thấu đáo được như vậy thì gió vui chẳng động, lặng lẽ mà thuận đạo, nên nói là tùy thuận theo duyên nghiệp vậy. Thứ ba là Vô Sở Cầu Hạnh. Người đời mãi mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước, thế gọi là cầu. Bạc trí ngộ lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên an tâm trụ nơi vô vi, thân hình tùy nghi mà vận chuyển. Muôn vật đều là không, có gì vui mà cầu được. Hễ có công đức thì liền có hắc ám đuổi theo. Ở lâu trong ba cõi khác nào như trong nhà lửa. Có thân có khổ, được gì mà vui? Thông suốt được vậy ắt buông hết sự vật, dứt tường, chẳng cầu. Kinh nói: ‘Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui. Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh nên nói là hạnh không cầu mong. Thứ tư là Xứng Pháp Hạnh. Cái lý thanh tịnh của tự tánh gọi là pháp. In hiểu lý ấy thì mọi hình tướng hóa thành không. Không nhiễm không trước, không bỉ không thử. Kinh nói: ‘Pháp không có chúng sanh, hãy lìa chúng sanh cầu. Pháp không có tướng ngã, hãy lìa ngã cầu.’ Bạc trí ví như tin hiểu



được vậy thì tùy xứng theo pháp mà hành. Bốn thể của pháp vốn không tham lận cho nên dầu đem thân mạng và của cải ra mà bố thí vẫn không hối tiếc. Thấu rõ ba cái không thì không còn ý lại và chấp trước. Chỉ cần gạt trừ trần cấu, tùy nghi mà giáo hóa chúng sanh, nhưng không mắc phải hình tướng, thế tức là tự hành, đã lợi người lại thêm trang nghiêm đạo Bồ Đề. Bố thí đã vậy thì năm độ Bát Nhã khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng mà hành pháp tu lục độ, nhưng thật không gì gọi là hành cả, nên nói là hạnh tùy xứng theo pháp.

## ***Summaries of the First Patriarch Bodhidharma***

### ***I. An Overview of Patriarch Bodhidharma:***

Bodhidharma was a deeply learned Indian Buddhist monk who arrived at the Chinese Court in 520 AD. After his famous interview with Emperor Han Wu Ti. However, later on, he meditated for nine years in silence and departed. Bodhidharma was the 28<sup>th</sup> Indian and first Zen Patriarch in China. He is an archetype for steadfast practice. According to the Indian tradition, Bodhidharma, an Indian meditation master who is considered by the Ch'an tradition to be its first Chinese patriarch and the twenty-eighth Indian patriarch. According to East Asian legends, he traveled from India to spread the true Dharma and is thought to have arrived in the town of Lo-Yang in Southern China between 516 and 526. The legends report that he traveled to Shao-Lin Ssu monastery on Mount Sung, where he meditated facing a wall for nine years. During this time his legs reportedly fell off, and he is also said to have cut off his own eyelids to prevent himself from falling asleep. Another legend holds that when he cast his eyelids to the ground a tea plant sprang up, and its ability to ward off sleep due to its caffeine content is thought to be a gift from Bodhidharma to successive generations of meditators. Later, his main disciple was Hui-K'o, who is said to have cut off his own arm as an indication of his sincerity in wishing to be instructed by Bodhidharma. Hui-K'o is considered by the tradition to be its second Chinese patriarch.

## ***II. Patriarch Bodhidharma and King Liang Wu-Ti:***

The Emperor Wu-Ti invited him to Nanking for an audience. The Emperor said: "Since my enthronement, I have built many monasteries, copied many holy writings and invested many priests and nuns. How great is the merit due to me?" "No merit at all," was the answer. Bodhidharma added: "All these things are merely insignificant effects of an imperfect cause. It is the shadow following the substance and is without real entity." The emperor asked: "Then, what is merit in the true sense of the word?" Bodhidharma replied: "It consists in purity and enlightenment, completeness and depth. Merit as such cannot be accumulated by worldly means." The emperor asked again: "What is the Noble Truth in its highest sense?" Bodhidharma replied: "It is empty, no nobility whatever." The emperor asked: "Who is it then that facing me?" Bodhidharma replied: "I do not know, Sir." The Emperor could not understand him. Bodhidharma was famous for his interview with Emperor Han Wu Ti. But after that, Bodhidharma went away. He crossed the Yangtze River and reached the capital, Lo-Yang, of Northern Wei. People said Bodhidharma used the rush-leaf boat to cross the Yangtse River. After a sojourn there he went to Mount Wu-T'ai-Shan and resided in the Shao-Lin Temple where he meditated (facing the wall) for nine years in silence and departed. As is clear from the dialogue between the emperor and Bodhidharma, the essential core of Bodhidharma's doctrine is the philosophy of emptiness (sunyata), and sunyata is beyond demonstration of any kind. Therefore, Bodhidharma also replied in the negative form. Later, Wu-ti asked Chih-kung about this interview with Bodhidharma. Said Chih-kung: "Do you know this man?" The Emperor confessed his ignorance, saying: "I really do not know him." Chih-kung said: "He is a Kuan-Yin Bodhisattva attempting to transmit the seal of the Buddha-mind." The Emperor was grieved and tried to hasten an envoy after Bodhidharma. But Chih-kung said: "It is of no use for your Majesty to try to send for him. Even when all the people in this land run after him, he will never turn back." When we speak of the Buddhist influence on the life and literature of the Chinese people, we should keep this mystic trend of Bodhidharma's philosophy in mind, for there is no doubt that it has had a great deal to do with the moulding of the spirit of Chinese Zen Buddhism. Zen practitioners in the world can leap clear of this.

Bodhidharma gives them a single swordblow that cuts off everything. These days how people misunderstand! They go on giving play to their spirits, put a glare in their eyes and say, "Empty, without holiness!" Fortunately, this has nothing to do with it. Zen master Wu Tsu once said, "If only you can penetrate 'empty, without holiness,' then you can return home and sit in peace." All this amounts to creating complications; still, it does not stop Bodhidharma from smashing the lacquer bucket for others. Among all, Bodhidharma is most extraordinary. The sacred truth is Vast Emptiness itself, and where can one point out its marks? In fact, when the emperor asked: "Who is it then that facing me?" Bodhidharma replied: "I do not know, Sir." The Emperor could not understand him. After that, Bodhidharma went away. He crossed the Yangtze River and reached the capital, Lo-Yang, of Northern Wei. But what thorny brambles that have grown after him! Even the entire populace of the land pursued, there is no turning back for him. So it is said, "If you can penetrate a single phrase, at the same moment you will penetrate a thousand phrases, ten thousand phrases." Then naturally you can cut off, you can hold still. An Ancient said, "Crushing your bones and dismembering your body would not be sufficient requital; when a single phrase is clearly understood, you leap over hundreds of millions." Bodhidharma confronted Emperor Wu directly; how he indulged! The Emperor did not awaken; instead, because of his notions of self and others, he asked another question, "Who is facing me?" Bodhidharma's compassion was excessive; again he addressed him, saying, "I don't know." At this, Emperor Wu was taken aback; he did not know what Bodhidharma meant. When Zen practitioners get to this point, as to whether there is something or there isn't anything, pick and you fail. Through this koan, we see that in the sixth century, Bodhidharma saw that he need to go to China to transmit the Mind seal to people who had the capability of the Great Vehicle. The intent of his mission was to arouse and instruct those mired in delusion. Without establishing written words, he pointed directly to the human mind for them to see nature and fulfill Buddhahood.

### ***III. Bodhidharma's Zen Methods:***

In 527, the first Patriarch Bodhidharma settled in Shao-lin Monastery to teach Zen. His teaching can be divided into two

approaches: first, entry through understanding and, second, entry through practice. Understanding refers to wisdom achieved through meditation, with the practitioner attaining insight into cosmic reality. The form of meditative practice the Bodhidharma taught still owed a great deal to Indian Buddhism. His instructions were to a great extent based on the traditional sutra of Mahayana Buddhism; he especially emphasized the importance of the Lankavatara Sutra. Typical Chinese Zen, which is a fusion of the Dhyana Buddhism represented by Bodhidharma and indigenous Chinese Taoism and which is described as a "special transmission outside the orthodox teaching," first developed with Hui-Neng, the sixth patriarch of Zen in China, and the great Zen masters of the Tang period who followed him.

#### ***IV. Patriarch Bodhidharma and the Spreading of Zen without Sutras:***

According to historians, Bodhidharma denied canon reading, and his system therefore made the Buddhist monasteries much less intellectual and much more meditative than they were ever before. According to Bodhidharma, Buddhists should stress on meditation, because by which alone enlightenment can be attained. Bodhidharma was the 28<sup>th</sup> Indian (in line from the Buddha) and first Zen Patriarch in China. Scholars still disagree as to when Bodhidharma came to China from India, how long he stayed there, and when he died, but it is generally accepted by Zen Buddhists that he came by boat from India to southern China about the year 520 A.D., and after a short, fruitless attempt to establish his teaching there he went to Lo-Yang in northern China and finally settled in Shao-Lin Temple. Bodhidharma came to China with a special message which is summed in sixteen Chinese words, even though Zen masters only mentioned about this message after Ma-Tsu:

“A special transmission outside the scriptures;  
No dependence upon words and letters  
Direct pointing at the soul of man;  
Seeing into one’s nature and the attainment of

Buddhahood.”

### ***V. Patriarch Bodhidharma and the Second Patriarch Hui-K'e:***

Bodhidharma and Hui-K'e, his disciple to whom he had transmitted the Dharma, are always the subject of koan in the "No Gate Zen" as well as of a famous painting by Sesshu, Japan's greatest painter. Hui-K'e, a scholar of some repute, complains to Bodhidharma, who is silently doing meditation, that he has no peace of mind and asks how he can acquire it. Bodhidharma turns him away, saying that the attainment of inward peace involves long and hard discipline and is not for the conceited and fainthearted. Hui-K'e, who has been standing outside in the snow for hours, implores Bodhidharma to help him. Again he is rebuffed. In desperation he cuts off his left hand and offers it to Bodhidharma. Now convinced of his sincerity and determination, Bodhidharma accepts him as a disciple. This story emphasizes the importance which Zen masters attach to the hunger for self-realization, to meditation, and to sincerity and humility, perseverance and fortitude as prerequisites to the attainment of the highest truth. He was moved by the spirit of sincerity of Hui-K'o, so he instructed him: "Meditating facing the wall is the way to obtain peace of mind, the four acts are the ways to behave in the world, the protection from slander and ill-disposition is the way to live harmoniously with the surroundings, and detachment is the upaya to cultivate and to save sentient beings." When he lived at Shao-Lin temple, he always taught the second patriarch with this verse:

Externally keep you away from all relationships, and,  
Internally, have no hankerings in your heart;  
When your mind is like unto a straight-standing wall  
You may enter into the Path.

### ***VI. Patriarch Bodhidharma Talked About His Disciples' Attainments:***

*Bodhidharma's Skin, Flesh, Bone and Marrow:* After nine years at Shao-Lin temple, the Patriarch wished to return to India. He called in all his disciples before him, and said: "The time is come for me to depart, and I want to see what your attainments are." Tao-Fu said: "According to my view, the truth is above affirmation and negation, for this is the way it moved." The Patriarch said: "You have got my skin." Then Nun Tsung-Ch'ih said: "As I understand it, it is like Ananda's

viewing the Buddhaland of Akshobhya Buddha: it is seen once and never again." The Patriarch said: "You have got my flesh." Tao-Yu said: "Empty are the four elements and non-existent the five skandhas. According to my view, there is not a thing to be grasped as real." The Patriarch said: "You have got my bone." Finally, Hui-K'o reverently bowed to the master, then kept standing in his place and said nothing. The Patriarch said: "You have my marrow." Nobody knows his whereabouts and when he passed away. Some people say that he crossed the desert and went to India, and others say that he crossed the sea to go to Japan.

### ***VII. Bodhidharma's Straw Sandal:***

The story of Bodhidharma returning to India after his death with one straw sandal. According to the legend preserved in the Ching te Ch'uan-teng Lu (Dentôroku), some three years after Bodhidharma had died and been buried in China, a Chinese official named Sung Yun was returning to China from a mission to India and encountered the master somewhere in Central Asia. The master carried a single straw sandal in his shoulder. When the emissary asked where he was going, the master replied that he was returning to India. The official reported this encounter to the emperor on his return to the capitol. The emperor ordered Bodhidharma's grave opened for inspection. They found the coffin completely empty, save for a single straw sandal. Because of this story, Bodhidharma often appears in Zen art carrying a single sandal (seriki daruma).

### ***VIII. Bodhidharma's Six Zen Essays:***

A collection of six Zen essays, all of which are traditionally attributed to Bodhidharma. The word "Shôshitsu" refers to the hermitage on Mount Sung where Bodhidharma practiced meditation, and is often used as another name for Bodhidharma. The title therefore can be translated as "The Six Gates of Bodhidharma." Scholars believe that the six texts are later compositions, probably written during the T'ang dynasty (618-907). They were originally written as independent texts and later collected under a single title. Exactly when the collection was put together is unknown, but the oldest extant copy is a Japanese edition published in 1647. The first essay is written in verse

and called "Hsin-ching Sung" (Shingyô Ju), or "Verse on the Heart Sutra." The other five are prose texts, entitled "P'o-hsiang Lun" (Hasô Ron) or "On Breaking Through Form"; Erh-chung-ju (Nishu'nyû), Two Ways of Entrance; An-hsin fa-mên (Anjin Hômon), The Gate of Peaceful Mind; Wu-hsing Lun (Goshô Ron), On Awakened Nature; and Hsueh-mo Lun (Ketsumyaku Ron), On the Blood Lineage. Three of the six essays are translated into English in Red Pine's Zen Teaching of Bodhidharma.

### ***IX. Bodhidharma's Coming From the West:***

Before entering the Parinirvana, the Buddha made a prediction that from the Twenty-eighth Patriarch on, the Great Vehicle teaching should go to China. Thus the Patriarch Bodhidharma came to China. According to Most Venerable Hsuan-hua in "The Intention of Patriarch Bodhidharma's Coming From the West," at that time, the Buddhadharma seemed to exist in China, but it really did not. It was as if it were and yet weren't there. That is because the work being done was superficial. There were few who recited Sutras, investigated Sutra texts, or explained the Sutras, and virtually no one bowed repentance ceremonies. Ordinary scholars regarded Buddhism as a field of study and engaged in debates and discussions about it. But the principles in the Sutras should be cultivated! However, nobody was cultivating. Why not? People were afraid of suffering. No one truly meditated. Except Venerable Patriarch Chi-kung, who practiced meditation and attained the Five Eyes. But most people feared suffering and didn't cultivate. No one seriously investigated Zen and sat in meditation, just like you people now who sit in meditation for a while until your legs begin to hurt. When their legs began to ache, they would wince and fidget then gently unbend and rub them. People are just people and everyone avoids suffering as much as possible. That's the way it was then; that the way it is now. That's called Buddhadharma seeming to be there but not really being there.

### ***X. Bodhidharma's Sitting Facing the Wall:***

To sit in meditation with the face to a wall, as did Bodhidharma for nine years, without uttering a word. This practice is still common in Japanese Soto monasteries, in which younger monks generally practice

Zazen facing a wall, while Rinzai monasteries meditators generally face the center of the meditation hall (zendo). When Dharma Master Shen-Kuang caught up with Patriarch Bodhidharma, only to find him sitting in meditation facing a wall. He was turned toward the wall and not speaking to anyone. The Dharma Master immediately knelt down and did not get up, saying, “Venerable Sir! When I first saw you, I did not know that you were a patriarch, a sage. I hit you with my recitation beads, and I'm really sorry. I'm really remorseful. I know you are a person with true virtue. You are a noble one who cherishes the Way. I am now seeking the Way, the Dharma, from you.” Patriarch Bodhidharma took one look at him and said nothing; he remained sitting in meditation. Dharma Master Shen-Kuang (Hui-k'o) knelt there seeking the Dharma for nine years. Patriarch Bodhidharma meditated facing the wall for nine years, and Dharma Master Shen-Kuang knelt there for nine years. This practice is still common in Japanese Soto monasteries, in which younger monks generally practice Zazen facing a wall, while Rinzai monasteries meditators generally face the center of the meditation hall (zendo).

***XI. The First Patriarch Bodhidharma and Shao-Lin Monastery:***

One of the great monasteries in China, located on Mount Sung, in Teng-Feng district, Hunan province, built in 477 by Emperor Hsiao-Wen of the Northern Wei dynasty. The Indian monk named Bodhiruci lived at this monastery at the beginning of the sixth century and he translated numerous sutras into Chinese. According to Ch'an Tradition, after Bodhidharma arrived in China and encountered King Liang Wu Ti. As the emperor was not ready, he missed this opportunity to experience an awakening. Bodhidharma then went north, as he came to Yangtze River, Bodhidharma stepped on a floating reed and used his supernatural powers to cross this river that separates south and north China. He decided that the country was not yet ready for his teachings, so he went to Shao-Lin, where he meditated facing a wall for nine years until his eventual disciple Hui-K'o convinced him to accept him as a student. However, today many people, especially people from East Asia, usually associate the Shao-Lin Monastery with the practice of kung-fu, a form of chi-kung, that is often misunderstood as a combat



sport though it was originally a form of both spiritual and physical training.

***XII. The First Patriarch Bodhidharma and Four Disciplinary Processes:***

According to the first patriarch Bodhidharma. First, to requite hatred. Those who discipline themselves in the Path should think thus when they have to struggle with adverse conditions: “During the innumerable past eons I have wandered through multiplicity of existences, never thought of cultivation, and thus creating infinite occasions for hate, ill-will, and wrong-doing. Even though in this life I have committed no violations, the fruits of evil deeds in the past are to be gathered now. Neither gods nor men can foretell what is coming upon me. I will submit myself willingly and patiently to all the ills that befall me, and I will never bemoan or complain. In the sutra it is said not to worry over ills that may happen to you, because I thoroughly understand the law of cause and effect. This is called the conduct of making the best use of hatred and turned it into the service in one’s advance towards the Path. Second, to obedient to karma. Being obedient to karma, there is not ‘self’ (atman) in whatever beings that are produced by the interplay of karmic conditions; pain and pleasure we suffer are also the results of our previous action. If I am rewarded with fortune, honor, etc., this is the outcome of my past deeds which, by reason of causation, affect my present life. When the force of karma is exhausted, the result I am enjoying now will disappear; what is then the use of being joyful over it? Gain or loss, let us accept karma as it brings us the one or the other; the spirit itself knows neither increase nor decrease. The wind of gladness does not move it, as it is silently in harmony with the Path. Therefore, his is called ‘being obedient to karma.’ Third, not to seek after anything. By ‘not seeking after anything’ is meant this: “Men of the world, in eternal confusion, are attached everywhere to one thing or another, which is called seeking. The wise, however, understand the truth and are not like the vulgar. Their minds abide serenely in the uncreated while the body turns about in accordance with the laws of causation. All things are empty and there is nothing desirable and to be sought after. Wherever there is nothing merit of brightness there follows the demerit of darkness. The

triple world there one stays too long is like a house on fire; all that has a body suffers, and who would ever know what is rest? Because the wise are thoroughly acquainted with this truth, they get neer attached to anything that becomes, their thoughts are quieted, they never seek. Says the sutra: 'Wherever there is seeking, there you have sufferings; when seeking ceases you are blessed. Thus we know that not to seek is verily the way to the truth. Therefore, one should not seek after anything.' Fourth, to be in accord with the Dharma. By 'being in accord with the Dharma; is meant that the reason in its essence is pure which we call the Dharma, and that this reason is the principle of emptines in all that is manifested, as it is above defilements and attachments, and as there is no 'self' or 'other' in it. Says the sutra: 'In the Dharma there are no sentient beings, because it is free from the stains of being; in the Dharma there is no Self because it is free from the stain of selfhood. When the wise understand this truth and believe in it, their conduct will be in accordance with the Dharma. As the Dharma in essence has no desire to possess, the wise are ever ready to practise charity with their body, life, property, and they never begrudge, they never know what in ill grace means. As they have a perfect understanding of the threefold nature of emptiness they are above partiality and attachment. Only because of their will to cleanse all beings of their stains, they come among them as of them, but they are not attached to the form. This is known as the inner aspect of their life. They, however, know also how to benefit others, and again how to clarify the path of enlightenment. As with the virtue of charity, so with the other five virtues in the Prajnaparamita. That the wise practise the six virtues of perfection is to get rid of confused thoughts, and yet they are not conscious of their doings. This is called 'being in accord with the Dharma.'

## *Chương Sáu*

### *Chapter Six*

#### *Sơ Lược Về Thiên Tông Trung Hoa*

##### ***I. Tổng Quan Về Thiên Tông Trung Hoa:***

Thiên tông, Phật Tâm tông, hay Vô Môn tông, được Tổ Bồ Đề Đạt Ma, Tổ thứ 28 ở Ấn Độ, mang vào Trung Quốc. Thiên được coi như là một trường phái quan trọng của Phật giáo tại Trung Hoa. Đây là sự tái tạo độc đáo những tư tưởng trong kinh Phật trong lần kết tập kinh điển lần thứ tư. Ba lần kết tập trước đã sản sinh ra bộ luận A Tỳ Đạt Ma, giáo lý Đại Thừa, và giáo điển Mật tông. Thiên tông gần như đồng thời với giáo lý Mật tông, và cả hai có nhiều điểm rất tương đồng. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Hoa vào khoảng năm 470 và trở thành người sáng lập ra phái Mật Tông và Thiên Tông ở đây. Người ta nói ngài đã hành thiền trước một bức tường của Thiếu Lâm tự trong chín năm. Những đệ tử của Bồ Đề Đạt Ma hoạt động mạnh mẽ ở mọi nơi và đã hoàn toàn chiến thắng các tôn giáo bản địa để rồi cuối cùng Thiên tông được đánh giá rất cao ở Trung Quốc.

##### ***II. Thiên Môn Ngũ Tông Sau Thời Lục Tổ Huệ Năng:***

Sau thời Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, Thiên phái Bắc Truyền do đại sư Thần Tú lãnh đạo. Môn đồ phía Bắc chủ trương theo tiệm ngộ, cho rằng những điều bất tịnh của chúng ta phải được trừ bỏ một cách dần dần, nhờ vào nỗ lực công phu chuyên cần. Tuy nhiên, Thiên phái này bị mai một không bao lâu sau khi Thần Tú thị tịch. Trong khi đó, Thiên Phái phía Nam, từ thời Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Lục Tổ Huệ Năng, Thiên Tông Trung Hoa vẫn là một tông duy nhất, nhưng sau đó được chia làm năm tông. Trong số năm tông phái Thiên này, tông thứ nhì và thứ ba đã bị mai một, tông thứ tư đã di chuyển sang Đại Hàn, hai tông khác vẫn còn tồn tại, tông thứ nhất là thành công nhất. ***Thứ Nhất Là Lâm Tế Tông:*** Lâm Tế tông là một trong năm tông phái Thiên Phật Giáo của Trung Quốc được sáng lập và xiển dương bởi ngài Lâm Tế, pháp tử của Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Tại Trung Hoa, tông này có 21 đời đệ tử truyền thừa, suy thoái dần từ thế kỷ thứ XII, nhưng trước

đó đã được mang sang Nhật Bản và tiếp tục phát triển cho đến ngày nay dưới tên gọi là Rinzai. Đây là một trong những trường phái Thiền nổi tiếng của trung Quốc được Thiền sư Lâm Tế sáng lập. Lâm Tế là đại đệ tử của Hoàng Bá. Vào thời kỳ mà Phật giáo bị ngược đãi ở Trung Quốc khoảng từ năm 842 đến năm 845 thì thiền sư Lâm Tế sáng lập ra phái thiền Lâm Tế, mang tên ông. Trong những thế kỷ kế tiếp, tông Lâm Tế chẳng những nổi bậc về Thiền, mà còn là một tông phái thiết yếu cho Phật giáo Trung Hoa thời bấy giờ. Tông Lâm Tế mang đến cho Thiền tông một yếu tố mới: công án. Phái Thiền Lâm Tế nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự “Đốn Ngộ” và dùng những phương tiện bất bình thường như một tiếng hét, một cái tát, hay đánh mạnh vào thiền sinh cốt làm cho họ giật mình tỉnh thức mà nhận ra chân tánh của mình. Vào khoảng năm 1000, Thiền tông đã làm lu mờ tất cả mọi tông phái Phật giáo ở Trung Hoa, trừ phái Di Đà. Trong Thiền tông, phái Lâm Tế giữ vai trò lãnh đạo. Phương pháp phái này bây giờ đã được hệ thống hóa. Trong hình thức mật ngôn và thoại đầu bí hiểm, thường nối kết với các Thiền sư đời Đường, những chuyên thư được trước tác vào thế kỷ thứ 12 và 13. Những mật ngôn theo thuật ngữ công án. Đây là một thí dụ: Một hôm vị Tăng hỏi Động Sơn “Phật là gì?” Động Sơn trả lời “Ba lạng vải gai.” Trong khi pháp môn tu tập của tông Tào Động là dạy cho môn đồ cách quán tâm mình trong tĩnh lặng. Trái lại, pháp môn của tông Lâm Tế là bất tâm của các môn đồ phải tìm cách giải quyết một vấn đề không thể giải quyết được mà chúng ta gọi là tham công án hay thoại đầu. Chúng ta có thể xem pháp môn của tông Tào Động là hiển nhiên hay công truyền thì pháp môn của tông Lâm Tế là ẩn mật hay bí truyền. So với pháp môn công truyền của phái Tào Động thì pháp môn bí truyền của tông Lâm Tế rắc rối hơn nhiều, vì lối tham thoại đầu hay công án hoàn toàn vượt ra ngoài tầm của kẻ sơ học. Người ấy bị xô đẩy một cách cốt ý vào bóng tối tuyệt đối cho đến khi ánh sáng bất ngờ đến được với y. Tông Lâm Tế vẫn còn tồn tại đến hôm nay và rất thành công. Dưới thời nhà Tống, tông này chia làm hai nhánh là Dương Kỳ và Hoàng Long. ***Thứ Nhì Là Quy Ngưỡng Tông:*** Quy Ngưỡng Tông Quy Ngưỡng Tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi hai đệ tử của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Vào giữa thế kỷ thứ mười, tông phái này sáp nhập vào tông Lâm Tế nên từ đó nó được coi

như đã bị mai một, không còn tồn tại như một tông phái độc lập nữa.

**Thứ Ba Là Vân Môn Tông:** Vân Môn tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi ngài Vân Môn Văn Yến. Về sau này thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển tập hợp những bài ca ngợi nổi tiếng kèm theo các công án mà sau này Viên Ngộ Khắc Cần công bố dưới nhan đề Bích Nham Lục. Tuyết Đậu là vị đại sư cuối cùng của phái Vân Môn, phái này bắt đầu suy thoái từ giữa thế kỷ thứ XI và cuối cùng tàn lụi hoàn toàn vào thế kỷ thứ XII.

**Thứ Tư Là Pháp Nhãn Tông:** Pháp Nhãn Tông, một dòng Thiền được sáng lập bởi ngài Văn Ích Thiền Sư. Đây là một trong 'Ngũ Gia Thất Tông', tức là những trường phái lớn thuộc truyền thống Thiền thật sự. Nó được Huyền Sa Sư Bị, môn đồ và người kế vị pháp của Tuyết Phong Nghĩa Tôn thành lập. Lúc đầu phái này gọi là Huyền Sa, theo tên gọi của người sáng lập. Nhưng sự vinh quang của Huyền Sa chẳng bao lâu bị cháu mình là Pháp Nhãn lấn lướt. Do đó nó có tên là Pháp Nhãn. Pháp Nhãn là một trong những thiền sư quan trọng, có 63 người nối pháp đã giúp truyền bá pháp của ông đi khắp Trung Hoa và đến tận Triều Tiên. Trong ba thế hệ đầu, trường phái này đã trải qua thời kỳ phồn thịnh, nhưng đến thế hệ thứ năm thì tàn lụi. Tuy nhiên, Thiền tông Pháp Nhãn vẫn còn rất phổ thông bên Hàn Quốc.

**Thứ Năm Là Tào Động Tông:** Tào Động tông, một truyền thống Thiền tông Trung Hoa được ngài Động Sơn Lương Giới cùng đệ tử của ngài là Tào Sơn Bản Tịch sáng lập. Tên của tông phái lấy từ hai chữ đầu của hai vị Thiền sư này. Có nhiều thuyết nói về nguồn gốc của phái Tào Động. Một thuyết cho rằng nó xuất phát từ chữ đầu trong tên của hai Thiền sư Trung Quốc là Tào Sơn Bản Tịch và Động Sơn Lương Giới. Một thuyết khác cho rằng đây là trường phái Thiền được Lục Tổ Huệ Năng khai sáng tại Tào Khê. Ở Việt Nam thì Tào Động là một trong những phái Thiền có tầm cỡ. Những phái khác là Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Lâm Tế, Thảo Đường, vân vân. Tào Động được truyền sang Nhật Bản vào thế kỷ thứ XIII bởi thiền sư Đạo Nguyên; tông phái nhấn mạnh đến tọa thiền như là lối tu tập chính yếu để đạt được giác ngộ. Trong nửa đầu thế kỷ thứ XIII, truyền thống của phái Tào Động được một thiền sư Nhật Bản tên Đạo Nguyên đưa vào Nhật. Thiền Tào Động, cùng với thiền Lâm Tế, là những dòng duy nhất còn tồn tại hiện nay ở Nhật. Dầu mục đích của hai phái này về căn bản là giống nhau, nhưng những phương pháp đào tạo của họ lại khác nhau. Trong khi phái Tào Động đặt pháp Mặc Chiếu Thiền và phương pháp 'Chỉ Quán Đả

Tọa' lên hàng đầu; thì phái Lâm Tế lại đặt lên hàng đầu Khán Thoại Thiền và phương pháp công án. Độc tham là một trong những yếu tố chính trong sự đào tạo Thiền Tào Động đã tàn lụn từ giữa thời kỳ Minh Trị. Tông tào Động vẫn còn tồn tại đến nay.

## *Summaries of the Chinese Zen School*

### ***I. An Overview of the Zen Sects in China:***

The Ch'an (Zen), meditative or intuitional, sect usually said to have been established in China by Bodhidharma, the twenty-eighth patriarch, who brought the tradition of the Buddha-mind from India. Ch'an is considered as an important school of Buddhism in China. This was the recreation of the Buddhist sutras in the Fourth Council. The first three councils being the Abhidharma, the Mahayana, and the Tantra. Zen is nearly contemporary with the Tantra and the two have much in common. Bodhidharma came to China about 470 A.D. and became the founder of esoteric and Zen schools there. It is said that he had practised meditation against the wall of the Shao-Lin-Tzu monastery for nine years. The followers of Bodhidharma were active everywhere, and were completely victorious over the native religions with the result that the teachings of Zen have come to be highly respected everywhere in China.

### ***II. The Five Ch'an Schools After the Sixth Patriarch Hui-Neng:***

After the time of the Fifth Patriarch Hung-Jen, the Northern Zen branch headed by great master Shen-Hsiu (606-706). The Northern followers of "gradual enlightenment", who assumed that our defilements must be gradually removed by strenuous practice. However, this branch soon died out not long after the death of Shen-Hsiu. Meanwhile, for the Southern Zen branch, from the First Patriarch Bodhidharma to the Sixth Patriarch Hui-Neng, the Chinese Zen School was just only one, but after the Sixth Patriarch Hui-Neng, the Chinese Zen School was divided into 5 sects. Among these five sects, the second and the third already disappeared; the fourth was removed to Korea; the other two remained, the first being the most successful. ***First, the Lin-Chi School:*** Lin-Chi is one of the five sects of Zen

Buddhism in China, which was founded and propagated by Lin-Chi, a Dharma heir of Zen Master Huang-Bo. In China, the school has 21 dharma successors, gradually declined after the twelfth century, but had been brought to Japan where it continues up to the present day and known as Rinzai. This is one of the most famous Chinese Ch'an founded by Ch'an Master Lin-Chi I-Hsuan, a disciple of Huang-Po. At the time of the great persecution of Buddhists in China from 842 to 845, Lin-Chi founded the school named after him, the Lin-Chi school of Ch'an. During the next centuries, this was to be not only the most influential school of Ch'an, but also the most vital school of Buddhism in China. Lin-Chi brought the new element to Zen: the koan. The Lin-Chi School stresses the importance of "Sudden Enlightenment" and advocates unusual means or abrupt methods of achieving it, such as shouts, slaps, or hitting them in order to shock them into awareness of their true nature. By about 1,000 A.D., Zen had overshadowed all Chinese Buddhist sects, except Amidism. Within the Zen school, the Lin-Chi sect had gained the leadership. Its approach was now systematized, and to some extent mechanized. In the form of collections of riddles and cryptic sayings, usually connected with the T'ang masters, special text books were composed in the Twelfth and Thirteenth centuries. The riddles are technically known as Kungan (Japanese Koan), literally "official document." An example of this one: Once a monk asked Tung-Shan: "What is the Buddha?" Tung-Shan replied: "Three pounds of flax." While the Tsao-tung approach to Zen practice is to teach the student how to observe his mind in tranquility. On the contrary, the Lin-chi approach is to put the student's mind to work on the solution of an unsolvable problem known as koan or head phrase exercise. The approach of Tsao-tung school may be regarded as overt or exoteric, while the approach of the Lin-chi as covert or esoteric one. The approach of Lin-chi sect is much more complicated compared to that of Tsao-tung sect, for the Lin-chi approach of head phrase exercise is completely out of the beginner's reach. He is put purposely into absolute darkness until the light unexpectedly dawns upon him. Lin-Ji Sect, which remains and is very successful until this day. During the Sung dynasty, it divided into two sects of Yang-Qi and Hung-Lung. **Second, the Kui-Yang Sect:** Kui-Yang Sect, a Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. 'Kuei' is the first

word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). In the middle of the tenth century, this school merged with Lin-Chi school and since then it was disappeared, no longer subsisted as an independent school. **Third, the Yun-Men Sect:** Yun-Men Sect, a Zen sect established by Yun-Mên-Wên-Yen (864-949). Later, Hsueh-Tou Ch'ung-Hsien collected the koans which published by Yuan Wu K'o Ch'in in the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record). Hsueh-Tou was the last important master of the Yun Men School, which began to decline in the middle of the 11th century and died out altogether in the 12th. **Fourth, the Fa-Yen Sect:** The Fa-Yen Sect, established by Wen-Yi Zen Master. The Fa-Yen school of Zen that belongs to the 'Five houses-Seven schools', i.e., belongs to the great schools of the authentic Ch'an tradition. It was founded by Hsuan-sha Shih-pei, a student and dharma successor of Hsueh-feng I-ts'un, after whom it was originally called the Hsuan-sha school. Master Hsuan-sha's renown was later overshadowed by that of his grandson in dharma Fa-yen Wen-i and since then the lineage has been known as the Fa-yen school. Fa-yen, one of the most important Zen masters of his time, attracted students from all parts of China. His sixty-three dharma successors spread his teaching over the whole of the country and even as far as Korea. For three generations the Fa-yen school flourished but died out after the fifth generation. However, the Fa-Yen school is still popular in Korea. **Fifth, the Tsao-Tung Sect:** The Ts'ao-Tung tsung, a Chinese Ch'an tradition founded by Tung-Shan Liang-Chieh (807-869) and his student Ts'ao-Shan Pen-Chi (840-901). The name of the school derives from the first Chinese characters of their names. It was one of the "five houses" of Ch'an. There are several theories as to the origin of the name Ts'ao-Tung. One is that it stems from the first character in the names of two masters in China, Ts'ao-Shan Pên-Chi, and Tung-Shan Liang-Chieh. Another theory is that Ts'ao refers to the Sixth Patriarch and the Ch'an school was founded by Hui-Neng, the sixth patriarch. In Vietnam, it is one of several dominant Zen sects. Other Zen sects include Vinitaruci, Wu-Yun-T'ung, Linn-Chih, and Shao-T'ang, etc. Ts'ao-Tung was brought to Japan by Dogen in the thirteenth century; it emphasizes zazen, or sitting meditation, as the central practice in order to attain enlightenment. In the first half of the 13th century, the tradition of Soto



school was brought to Japan from China by the Japanese master Dogen Zenji; there, Soto Zen, along with Rinzai, is one of the two principal transmission lineages of Zen still active today. While the goal of training in the two schools is basically the same, Soto and Rinzai differ in their training methods. Though even here the line differentiating the two schools cannot be sharply drawn. In Soto Zen, 'Mokusho' Zen and thus 'Shikantaza' is more heavily stressed; in Rinzai, 'Kanna' Zen, and koan practice. In Soto Zen, the practice of 'dokusan', one of the most important elements of Zen training, has died out since the middle of the Meiji period. Tsao-Tung Sect still remains until this day.



## *Chương Bảy* *Chapter Seven*

### *Các Vị Tổ Thiên Tông Trung Hoa*

#### *I. Sơ Lược Về Các Vị Tổ Thời Tiền Lịch Sử Thiên Tông Trung Hoa:*

**Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma:** Trước ngài Huệ Năng đã có một giai đoạn tiền lịch sử Thiên tông, bắt đầu từ Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma, một vị cao Tăng mà theo huyền thoại xuất thân từ Nam Ấn, đã đến Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ 6 và đã trải qua 9 năm diện bích trong thành Lạc Dương. Sự quan trọng của sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma là ngài đã tạo cho Thiên tông Trung Hoa có được một mối liên hệ cụ thể với truyền thống Ấn Độ, một mối liên hệ mà Thiên tông Trung Hoa rất trân trọng dù rằng sự giáo lý nguyên thủy của họ rất thâm sâu (Xem Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma nơi Chương 5). **Nhị Tổ Huệ Khả:** Bắt đầu từ Tam Tổ Tăng Xán đến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn là giai đoạn mà các tổ giảng giải Phật giáo pha lẫn phần nào với Lão giáo. Theo Truyền Đăng Lục, Huệ Khả (487-593) là một nhà nho nhiệt tâm, một mẫu người tánh tình phóng khoáng, rộng rãi, dù đã quen với sách Nho Lão, nhưng luôn luôn không hài lòng với những thuyết ấy vì ngài thấy chúng chưa được thấu đáo. Khi nghe tin Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn sang, ngài tìm đến gặp Tổ Bồ Đề Đạt Ma ở Thiếu Lâm Tự để hỏi pháp. Khi đến cầu đạo với tổ Đạt Ma, nhưng thầy cứ ngồi im lặng quay mặt vào vách. Huệ Khả suy nghĩ: “Người xưa cầu đạo đến phải chẻ xương lấy tủy, đổ máu nuôi người đói, xóa tóc phủ đường lầy, hay đến cả gieo mình vào miệng cọp đói. Còn ta là kẻ nào? Ta há không thể hiến mình để phụng thờ chánh pháp hay sao?” vào ngày mồng chín tháng chạp cùng năm, vì muốn làm cho tổ có ấn tượng sâu đậm, ông đã đứng trong tuyết lạnh, rồi quỳ gối trong sân phủ đầy tuyết trong nhiều ngày. Bấy giờ Tổ Bồ Đề Đạt Ma động lòng thương xót bèn hỏi: “Nhà ngươi muốn gì mà đứng mãi trong tuyết như thế?” Huệ Khả đáp: “Tôi đến để mong được lời dạy vô giá của thầy; ngưỡng mong thầy mở cửa từ bi duỗi tay tế độ quần sanh đau khổ này.” Tổ bảo: “Giáo lý vô thượng của Phật chỉ có thể hiểu khi đã trải qua một thời gian dài cần khổ, nhẫn cái khó nhẫn, hành cái khó hành. Những

người trí và đức thấp kém mà lòng thì khinh mạn, đâu có thể ghé mắt trông vào chân thừa của đạo Phật; chỉ luống công mà thôi.” Huệ Khả bị xúc cảm sâu xa, và cuối cùng để chứng tỏ tấm lòng thành khẩn mong được học hỏi đạo lý của chư Phật, ngài đã dùng dao chặt đứt cánh tay trái của mình dâng lên Tổ để được nhận làm đệ tử. Sau khi được Tổ Bồ Đề Đạt Ma nhận làm đệ tử. Tổ nhận xét: “Đừng đi tìm cái chân lý này ở kẻ khác.” Sau khi được Tổ nhận làm đệ tử, Huệ Khả hỏi Tổ: “Tâm con không an, xin Hòa Thượng dạy pháp an tâm.” Tổ nhìn thẳng bảo: “Đem tâm ra ta an cho.” Huệ Khả xoay tìm lại tâm mình, không thấy bóng dáng, bèn thưa với Tổ: “Con tìm tâm không được.” Tổ bảo: “Đừng lo, ta đã an tâm cho người rồi.” Qua đó Huệ Khả liền ngộ. Huệ Khả trình bày đủ cách hiểu của ông về tánh lý của tâm, nhưng lần nào Tổ cũng một mực bảo ‘chẳng phải,’ mà cũng không bảo nói gì về tâm thể vô niệm. Một hôm Huệ Khả nói: “Ta đã dứt hết chư duyên rồi.” Tổ hỏi: “Người không biến thành hư vô đoạn diệt chứ?” Huệ Khả đáp: “Chẳng thành đoạn diệt.” Tổ lại hỏi: “Lấy gì làm tin chẳng phải là đoạn diệt?” Huệ Khả đáp: “Do cái biết tự nhiên vậy, còn nói thì chẳng được.” Tổ nói: “Đó là chỗ bí quyết tâm truyền của chư Phật, người chớ ngỡ gì hết.” Cuối cùng Huệ Khả được truyền y bát làm Nhị Tổ Thiên Tông Trung Hoa kế nghiệp tổ Bồ Đề Đạt Ma. Sau ngày từ giả Tổ cất bước du phương, sư không hoảng hóa ngay, mà tạm lánh ẩn giữa lớp hạ lưu cùng khổ, không để lộ chân tướng một cao Tăng trang nghiêm trí huệ. Dầu vậy, sư vẫn tùy duyên hóa độ. Sư luôn giữ vẻ điềm đạm khiêm cung, chứ không phô trương ra bề ngoài. Ngày kia, trong khi sư đang nói pháp ngoài cửa tam quan chùa Khuôn Cứu thì trong chùa vị trụ trì học cao danh vọng là pháp sư Biện Hòa đang giảng kinh Niết Bàn. Bốn đạo ùn ùn bỏ vị pháp sư đứng giảng một mình để ra bu quanh ông thầy đang giảng giữa trời. Chắc là lúc ấy quần áo của sư bê bối lắm, tuyệt không có gì tỏ ra sư thuộc hàng giáo phẩm. Pháp sư thấy vậy nổi giận, đến đầu cáo với quan trên về ông đạo ăn mày kia truyền tà giáo. Do đó Huệ Khả bị bắt, và bị xử giáo. Ngài không hề kêu oan, mà ngược lại cứ một mực bình thản thuận theo, cho rằng đúng với luật nhân quả rằng sư có một món nợ cũ cần phải trả. Nội vụ xảy ra trong năm 593, sư thọ 107 tuổi. **Tam Tổ Tăng Sán:** Tam Tổ Tăng Sán rất nổi tiếng với bài “Tín Tâm Minh”, một trong những tác phẩm cổ điển lớn của nền văn học Phật giáo. Theo Truyền Đăng Lục, thì lúc Tăng Sán tìm đến Tổ Huệ Khả, ngài đã là một cư sĩ tuổi đã ngoài bốn mươi. Ngài đến đảnh

lễ Thiên sư Huệ Khả, thưa: “Đệ tử mắc chứng phong dạng, thỉnh Hòa Thượng từ bi sám hối tội dùm!” Tổ Huệ Khả nói: “Đưa cái tội ra đây ta sám cho.” Hồi lâu cư sĩ thưa: “Đệ tử kiếm tội mãi chẳng thấy đâu cả.” Tổ nói: “Thế là ta đã sám xong tội của ngươi rồi đó. Từ nay, ngươi khác y nơi Phật Pháp Tăng mà an trụ.” Cư sĩ thưa: “Nay tôi thấy Hòa Thượng thì biết đó là Tăng, nhưng chưa rõ thế nào là Phật và Pháp.” Tổ nói: “Là Tâm là Phật, là Tâm là Pháp, Pháp và Phật chẳng hai, Tăng bảo cũng y như vậy.” Cư sĩ thưa: “Nay tôi mới biết tội tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa; cũng như tâm, Phật là vậy, Pháp là vậy, chẳng phải hai vậy.” Cư sĩ được Tổ Huệ Khả thế phát, sau đó biệt dạng mất trong đời, ít ai rõ được hành tung. Một phần do nạn ngược đãi Phật giáo dưới thời Bắc Châu, do vua Lương Võ Đế chủ xướng. Đến năm thứ 12 đời Khai Hoàng nhà Tùy, Tăng Xán tìm được bậc pháp khí để truyền ngôi Tổ vị, đó là Đạo Tín. Sau đó Tăng Xán đi đâu không ai biết; tuy nhiên, người ta nói ngài tịch khoảng năm 606 sau Tây Lịch.

**Tứ Tổ Đạo Tín:** Tổ thứ tư của dòng Thiên Trung quốc, là người kế vị tổ Tăng Xán và là thầy của Hoàng Nhẫn. Khác với các tổ Thiên đời trước vẫn còn chịu ảnh hưởng nặng nề của Kinh điển, Đạo Tín đã cho thấy một xu hướng đặc trưng về Thiên. Một đoạn trong các trước tác của ông ông đã viết: “Hãy ngồi thiền định với lòng hăng hái, vì Thiên là căn bản là nền tảng phát triển giác ngộ. Hãy đóng cửa lại và ngồi xuống! Đừng tiếp tục đọc kinh mà không chịu hành trì nữa.” Một hôm trên đường đi gặp Tổ Tăng Xán, Đạo Tín liền thưa: “Xin Hòa Thượng dạy con pháp môn giải thoát.” Tổ trở mắt nhìn bảo: “Ai trói buộc ngươi?” Đạo Tín thưa: “Không ai trói buộc.” Tổ bảo: “Vậy thì cầu giải thoát để làm gì?” Câu trả lời như sấm sét ấy đã đánh động tâm của vị sư trẻ, khiến ngài liền đại ngộ. Đạo Tín liền sụp lạy Tổ. Về sau ngài được truyền y bát làm Tổ thứ tư của dòng Thiên Trung Quốc. Theo Thiên sư D.T. Suzuki trong Thiên Luận, Tập I, dưới trào Tứ Tổ Đạo Tín, Thiên chia ra làm hai ngành. Ngành đầu gọi là ‘Ngưu Đầu Thiên’ ở núi Ngưu Đầu và không được coi như Thiên chánh tông. Tuy nhiên, ngành này đã sớm mai một sau khi vị tổ khai sáng ra nó là Pháp Dung viên tịch. Ngành sau do Hoàng Nhẫn thống quản; đó là ngành Thiên còn tồn tại đến ngày hôm nay.

**Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn:** Hoàng Nhẫn (601-674), tổ thứ năm của dòng Thiên trung quốc, người kế vị Đạo Tín. Ông là thầy của Thần Tú và Huệ Năng. Ông là một vị sư nổi tiếng, tổ thứ năm của Thiên Tông Trung Hoa, đệ tử của Tứ Tổ Đạo Tín, và là

thầy của Lục Tổ Huệ Năng. Hoàng Nhãn cùng quê với Tổ Đạo Tín, ở Kỳ Châu. Hoàng Nhãn đến với Tứ Tổ khi ngài còn là một đứa trẻ; tuy nhiên, điều mà ngài đã làm hài lòng sư phụ là với cung cách trả lời của ngài qua cuộc nói chuyện đầu tiên. Khi tứ tổ hỏi ngài về họ mà tiếng Trung Hoa gọi là ‘Tánh’ thì ngài đáp: “Con có tánh, nhưng chẳng phải là tánh thường.” Tổ bèn hỏi: “Vậy là tánh gì?” Hoàng Nhãn đáp: “Là Phật tánh.” Tổ lại hỏi: “Con không có tánh sao?” Hoàng Nhãn đáp: “Nhưng tánh vốn là không.” Tổ thâm nhận biết đây là người sẽ được truyền thừa về sau này. Đây chỉ là thuật chơi chữ, vì nói về tộc họ hay danh tánh và bốn thể hay tự tánh, người Trung Hoa đều đọc chung là ‘tánh.’ Tổ Đạo Tín hỏi là hỏi về danh tánh, còn cậu bé Hoàng Nhãn lại đáp về tự tánh, cậu đã mượn chữ đồng âm ấy cốt đưa ra kiến giải của mình. Thật vậy về sau này Hoàng Nhãn được Tổ Đạo Tín truyền y bát làm tổ thứ năm của dòng Thiền Trung Quốc. Đạo trường của Tổ Hoàng Nhãn ở Hoàng Mai, tại đây Tổ nói pháp và dạy Thiền cho đồ chúng năm trăm người. Nhiều người cho rằng ngài là vị Thiền sư đầu tiên có ý định giải thông điệp Thiền theo giáo lý Kim Cang. Trước thời Hoàng Nhãn, thường các vị Thiền sư hoàng hóa trong im lặng, khiến đại chúng chú ý; các ngài lánh ẩn trên núi cao, xa cảnh gió bụi của thế gian, nên không ai biết việc làm của các ngài phải trái thế nào mà định luận. Nhưng Hoàng Nhãn là vị đã công khai xuất hiện giữa đại chúng, và dọn đường cho người kế vị của mình là Huệ Năng. **Lục Tổ Huệ Năng:** Huệ Năng là một trong các nhà sư xuất chúng đời nhà Đường, sanh năm 638 sau Tây Lịch, tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa. Huệ Năng là người huyện Tân Châu xứ Lĩnh Nam, mồ côi cha từ thuở nhỏ. Người ta nói ngài rất nghèo nên phải bán củi nuôi mẹ già góa bụa; rằng ông mù chữ; rằng ông đại ngộ vì vào lúc thiếu thời nghe được một đoạn trong Kinh Kim Cang. Ngày kia, sau khi gánh củi bán tại một tiệm khách, ngài ra về thì nghe có người tụng kinh Phật. Lời kinh chấn động mạnh tinh thần của ngài. Ngài bèn hỏi khách tụng kinh gì và thỉnh ở đâu. Khách nói từ Ngũ Tổ ở Hoàng Mai. Sau khi biết rõ ngài đem lòng khao khát muốn học kinh ấy với vị thầy này. Huệ Năng bèn lo liệu tiền bạc để lại cho mẹ già và lên đường cầu pháp. Về sau ngài được chọn làm vị tổ thứ sáu qua bài kệ chứng tỏ nội kiến thâm hậu mà ông đã nhờ người khác viết dùm để đáp lại với bài kệ của Thần Tú. Như một vị lãnh đạo Thiền Tông phương Nam, ông dạy thiền đốn ngộ, qua thiền định mà những tư tưởng khách quan và vọng chấp đều tan biến. Lục Tổ

Huệ Năng không bao giờ chính thức trao ngôi tổ cho người đấng pháp của ông, do vậy mà có khoảng trống; tuy nhiên, những vị sư xuất chúng của các thế hệ kế tiếp, ở Trung Hoa, Việt Nam (đặc biệt là dòng Lâm Tế), và Nhật Bản, đều được kính trọng vì thành quả sáng chói của họ. Lịch sử Thiền tông Trung Hoa cho chúng ta thấy sự giảng giải giáo lý của các vị tổ sư nhiều đời trước đã đưa đến sự phân chẻ Thiền tông Trung Hoa ra làm hai nhánh, một nhánh ở miền Bắc, đứng đầu là ngài Thần Tú, và một nhánh ở miền Nam, đứng đầu là ngài Huệ Năng. Điểm chính yếu trong sự tranh luận giữa hai nhánh này là “tịch ngộ” và “đốn ngộ” Lục Tổ Huệ Năng người đứng đầu trong Thiền phái Nam truyền. Môn đồ phía Nam chủ trương theo đốn ngộ, cho rằng giác ngộ phải tức thì, chứ không phải do loại bỏ dần những điều bất tịnh của chúng ta, cũng không phải nhờ vào nỗ lực công phu chuyên cần (Xem Lục Tổ Huệ Năng nơi Chương 8).

## ***II. Ảnh Hưởng Của Các Vị Tổ Thời Hoàng Kim Của Thiền Tông Trung Hoa:***

Ảnh hưởng của Thiền tông từ thời Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Lục Tổ Huệ Năng rất nhỏ đối với xã hội vì các vị tổ này sống trong thanh bần, không có trụ xứ cố định, và thường theo một nguyên tắc là không ngủ lại bất cứ nơi nào quá một đêm. Chính ngài Bách Trượng Hoài Hải đã đưa ra một loạt những quy tắc mới đối với các Tăng sĩ Thiền tông, nhằm khôi phục lại những điều kiện sống khắc khổ và đơn giản của Tăng già thuở ban đầu. Ngày nay hầu hết thanh quy của các Thiền viện đều được rút ra từ các quy tắc của ngài Bách Trượng. Ngài đã áp dụng một sự cải cách rất hiệu quả nhằm bảo đảm sự sinh tồn và thành công trong xã hội của Thiền tông. Tăng sĩ trong các Thiền viện đi khất thực vào buổi sáng, nhưng ngoài ra còn phải làm việc trong Thiền viện vào buổi chiều nữa. Ngài Bách Trượng đã nổi tiếng với châm ngôn: “Một ngày không làm, một ngày không ăn”. Đây là một điều mà trước đó chưa từng nghe nói đến trong các tự viện Phật giáo.

## *Patriarchs in Chinese Zen Sects*

### *I. Summaries of Patriarchs During the Pre-History of Zen Sect in China:*

***The First Patriarch Bodhidharma:*** Before Hui-Neng (638-713), we have a kind of pre-history of Zen in China, which is said to begin with Bodhidharma, a more or less legendary Southern Indian who came to China at the beginning of the sixth century and spent nine years in Lo-Yang, the capital, in “wall-gazing”. The importance of Bodhidharma lies in providing the Zen Sect with a concrete link with the Indian tradition, a link which the school in spite of its profound originality greatly cherished (See The First Patriarch Bodhidharma in Chapter 5). ***The Second Patriarch Hui-K’o:*** The period from the Third Patriarch Seng-Tsan to the Fifth Patriarch Heng-Ren was a period in which patriarchs taught a Buddhism strongly tinged with Taoism. According to the Transmission of the Lamp, Hui-K’o (487-593), a strong-minded Confucian scholar, a liberated minded, open-hearted kind of person. He thoroughly acquainted with Confucian and Taosit literature, but always dissatisfied with their teachings because they appeared to him not quite thorough-going. When he heard of Bodhidharma coming from India, he came to Bodhidharma and asked for instruction at Sha-Lin Temple, when arrived to seek the dharma with Bodhidharma, but the master was always found sitting silently facing the wall. Hui-K’o wondered to himself: “History gives examples of ancient truth-seekers, who were willing for the sake of enlightenment to have the marrow extracted from their bones, their blood spilled to feed the hungry, to cover the muddy road with their hair, or to throw themselves into the mouth of a hungry tiger. What am I? Am I not also able to give myself up on the altar of truth?” On the ninth of December of the same year, to impress Bodhidharma, he stood still under the snow, then knelt down in the snow-covered courtyard for many days. Bodhidharma then took pity on him and said: “You have been standing in the snow for some time, and what is your wish?” Hui-K’o replied: “I come to receive your invaluable instruction; please open the gate of mercy and extend your hand of salvation to this poor



suffering mortal.” Bodhidharma then said: “The incomparable teaching of the Buddha can be comprehended only after a long and hard discipline and by enduring what is most difficult to endure and practising what is most difficult to practise. Men of inferior virtue and wisdom who are light-hearted and full of self-conceit are not able even to set their eyes on the truth of Buddhism. All the labor of such men is sure to come to naught.” Hui-K’o was deeply moved and in order to show his sincerity in the desire to be instructed in the teaching of all the Buddhas, he finally cut off his left arm in appeal to be received as disciple. Until he seemed to be well prepared, Bodhidharma called him in and asked: “What do you wish to learn?” Hui-K’o replied: “My mind is always disturbed. I request your honor that I could be taught a way to pacify it.” Bodhidharma then ordered: “Bring me your troubled mind and I will calm it down for you.” Hui-K’o replied: “But Honorable Master, I could not locate it.” Bodhidharma then said: “Don’t worry, disciple. I have appeased your mind for you already.” With that short encounter, Hui-K’o immediately became enlightened. Hui-K’o tried so many times to explain the reason of mind, but failed to realize the truth itself. The Patriarch simply said: “No! No! And never proposed to explain to his disciple what was the mind-essence in its thought-less state. One day, Hui-K’o said: “I know now how to keep myself away from all relationships.” The Patriarch queried: “You make it total annihilation, do you not?” Hui-K’o replied: “No, master, I do not make it a total annihilation.” The Patriarch asked: “How do you testify your statement?” Hui-K’o said: “For I know it always in a most intelligible manner, but to express it in words, that is impossible.” The Patriarch said: “That is the mind-essence itself transmitted by all the Buddhas. Harbour no doubts about it.” Eventually Hui-K’o received the teaching directly “mind-to-mind.” Subsequently, he inherited his robe and alms-bowl to become the Second Patriarch of the Chinese Zen Sect (the successor of Bodhidharma). After he left the master, he did not at once begin his preaching, hiding himself among people of lower classes of society. He evidently shunned being looked up as a high priest of great wisdom and understanding. However, he did not neglect quietly preaching the Law whenever he had an occasion. He was simply quiet and unassuming, refusing to show himself off. But one day when he was discoursing about the Law before a three-entrance gate of a

temple, there was another sermon going on inside the temple by a resident Monk, learned and honoured. The audience, however, left the reverend lecturer inside and gathered around the street-monk, probably clad in rags and with no outward signs of ecclesiastical dignity. The high Monk got angry over the situation. He accused the beggar-monk to the authorities as promulgating a false doctrine, whereupon Hui-K'o was arrested and put to death. He did not specially plead innocent but composedly submitted, saying that he had according to the law of karma an old debt to pay up. This took place in 593 A.D. and he was one hundred and seven years old when he was killed. ***The Third Patriarch Seng-T'san:*** The third patriarch was Sêng-Ts'an, who was famous for his superb poem on "Believing in Mind", which is one of the great classics of Buddhist literature. According to The Transmission of the Lamp Records, when Seng-Ts'an came to see Hui-K'o he as a lay man of forty years old. He came and bowed before Hui-K'o and asked: "I am suffering from feng-yang, please cleanse me of my sins." The Patriarch said: "Bring your sins here and I will cleanse you of them." He was silent for a while but finally said: "As I seek my sins, I find them unattainable." The Patriarch said: "I have then finished cleansing you altogether. From now on, you should take refuge and abide in the Buddha, Dharma, and Sangha." Seng-Ts'an said: "As I stand before you, O master, I know that you belong to the Sangha, but please tell me what are the Buddha and the Dharma?" The Patriarch replied: "Mind is the Buddha, Mind is the Dharma; and the Buddha and the Dharma are not two. The same is to be said of the Sangha (Brotherhood). This satisfied the disciple, who now said: "Today for the first time I realize that sins are neither within nor without nor in the middle; just as Mind is, so is the Buddha, so is the Dharma; they are not two." He was then ordained by Hui-K'o as a Buddhist monk, and after this he fled from the world altogether, and nothing much of his life is known. This was partly due to the persecution of Buddhism carried on by the Emperor of the Chou dynasty. It was in the twelfth year of K'ai-Huang, of the Sui dynasty (592 A.D.), that he found a disciple worthy to be his successor. His name was Tao-Hsin. His whereabouts was unknown; however, people said that he passed away around 606 A.D. ***The Fourth Patriarch T'ao-Hsin:*** Tao-Hsin (580-651), the fourth patriarch of Zen in China, the student and dharma successor of Seng-

Ts'an and the master of Hung-Jen. Tao Hsin was different from other patriarchs preceding him who were still strongly influenced by the orthodox Mahayana tradition and sutras. We can find in his works paragraphs encouraged disciples to meditate: "Let's sit in meditation, Sitting is the basis, the fundamental development of enlightenment. Shut the door and sit! Don't continue to read sutras without practicing." One day Tao Hsin stopped the Third Patriarch Seng-Ts'an on the road and asked: "Honorable Master! Please be compassionate to show me the door to liberate." The Patriarch stared at him and earnestly said: "Who has restrained you, tell me." Tao-Hsin replied: "No Sir, no one has." The Patriarch then retorted: "So, what do you wish to be liberated from now?" This sharp reply thundered in the young monk's head. As a result, Tao-Hsin awaked instantaneously, and prostrated the Patriarch in appreciation. Thereafter, he was bestowed with robe and bowl to become the Fourth Patriarch of the Zen Sect in China. According to Zen master D.T. Suzuki in the *Essays in Zen Buddhism*, Book I, under Tao-Hsin, the fourth patriarch, Zen in China was divided into two branches. The one known as 'Niu-T'ou-Ch'an' at Mount Niu-T'ou, and was considered not belonging to the orthodox line of Zen. However, this branch did not survive long after the passing of its founder, Fa-Jung. The other branch was headed by Hung-Jen, and it is his school that has survived till today. ***The Fifth Patriarch Hung-Jên:*** The fifth patriarch of Ch'an in China; the dharma successor of Tao-hsin and the master of Shen-hsui and Hui-Neng. Hung-Jên, a noted monk. He was the fifth patriarch, a disciple of the fourth patriarch Tao-Hsin, and the master of the sixth patriarch Hui-Neng. Hung-Jen came from the same province as his predecessor, Tao-Hsin in Ch'i-Chou. Hung-Jen came to the fourth patriarch when he was still a little boy; however, what he pleased his master at their first interview was the way he answered. When Tao-Hsin asked what was his family name, which pronounced 'hsing' in Chinese, he said: "I have a nature (hsing), and it is not an ordinary one." The patriarch asked: "What is that?" Hung-Jen said: "It is the Buddha-nature (fo-hsing)." The patriarch asked: "Then you have no name?" Hung-Jun replied: "No, master, for it is empty in its nature." Tao-Hsin knew this boy would be an excellent candidate for the next patriarch. Here is a play of words; the characters denoting 'family name' and that for 'nature' are both pronounced 'hsing.' When Tao-

Hsin was referring to the 'family name' the young boy Hung-Jen took it for 'nature' purposely, whereby to express his view by a figure of speech. Finally, Hung-Jen became the fifth patriarch of the Chinese Zen line. His temple was situated in Wang-Mei Shan (Yellow Plum Mountain), where he preached and gave lessons in Zen to his five hundred pupils. Some people said that he was the first Zen master who attempted to interpret the message of Zen according to the doctrine of the Diamond Sutra. Before the time of Hung-Jen, Zen followers had kept quiet, though working steadily, without arresting public attention; the masters had retired either into the mountains or in the deep forests where nobody could tell anything about their doings. But Hung-Jen was the first who appeared in the field preparing the way for his successor, Hui-Neng. ***The Sixth Patriarch Hui-Neng:*** Chinese Zen history gives us clues that the interpretation of the teachings of the previous patriarchs led to a split between a Northern branch, headed by Shen-Hsiu, and a Southern branch, headed by Hui-Neng. The main point of dispute being the question of "gradual" and "sudden" enlightenment. The Southern followers of "sudden enlightenment", who assumed that our enlightenment must be sudden or instantaneous, not from removing defilements gradually, nor by strenuous practice. However, this branch soon died out. He was born in 638 A.D., one of the most distinguished of the Chinese masters during the T'ang dynasty, the sixth patriarch of Intuitional or meditation sect (Zen Buddhism) in China. Hui-Neng came from Hsin-Chou in the southern parts of China. His father died when he was very young. It is said that he was very poor that he had to sell firewood to support his widowed mother; that he was illiterate; that he became enlightened in his youth upon hearing a passage from the Diamond sutra. One day, he came out of a house where he sold some fuel, he heard a man reciting a Buddhist Sutra. The words deeply touched his heart. Finding what sutra it was and where it was possible to get it, a longing came over him to study it with the master. Later, he was selected to become the Sixth Patriarch through a verse someone wrote for him to respond to Shen-Hsiu demonstrating his profound insight. As leader of the Southern branch of Ch'an school, he taught the doctrine of Spontaneous Realization or Sudden Enlightenment, through meditation in which thought, objectively and all attachment are eliminated. The Sixth Patriarch Hui-Neng never passed on the

patriarchy to his successor, so it lapsed. However, the outstanding masters of succeeding generations, both in China, Vietnam (especially Lin-Chi) and Japan, were highly respected for their high attainments (See The Sixth Patriarch Hui Neng in Chapter 8).

## ***II. The Influences of Patriarchs During the Golden Age of Zen Sect in China:***

The influence of the Zen Sect in China from the first patriarch Bodhidharma to the sixth patriarch Hui-Neng was very little on society because these patriarchs lived in poverty without a fixed residence and generally made it a rule not to spend more than one night in any one place. It was Po-Chang Hoai-Hai who made a new set of rules for Zen monks, which tried to revive the austerity and simplicity of living conditions in the early Order. Nowadays, most of the regulations of all Zen monasteries are derived from Po-Chang. He introduced an innovation which did much to ensure the survival and social success of the Zen sect. Monks in Zen monasteries went on their begging round each morning, but in addition, they were expected to work in the monastery in the afternoon too. Po-Chang was famous with this watchword: "A day without work, a day without eating". This was something unheard of so far in any monasteries.



## *Chương Tám* *Chapter Eight*

### *Lục Tổ Huệ Năng*

#### ***I. Tổng Quan Về Lục Tổ Huệ Năng:***

Lục Tổ Huệ Năng (638-713) là một trong các nhà sư xuất chúng đời nhà Đường, sanh năm 638 sau Tây Lịch, tổ thứ sáu của Thiền Tông Trung Hoa. Huệ Năng là người huyện Tân Châu xứ Lĩnh Nam, mồ côi cha từ thuở nhỏ. Người ta nói ngài rất nghèo nên phải bán củi nuôi mẹ già góa bụa; rằng ông mù chữ; rằng ông đại ngộ vì vào lúc thiếu thời nghe được một đoạn trong Kinh Kim Cang. Ngày kia, sau khi gánh củi bán tại một tiệm khách, ngài ra về thì nghe có người tụng kinh Phật. Lời kinh chấn động mạnh tinh thần của ngài. Ngài bèn hỏi khách tụng kinh gì và thỉnh ở đâu. Khách nói từ Ngũ Tổ ở Hoàng Mai. Sau khi biết rõ ngài đem lòng khao khát muốn học kinh ấy với vị thầy này. Huệ Năng bèn lo liệu tiền bạc để lại cho mẹ già và lên đường cầu pháp. Về sau ngài được chọn làm vị tổ thứ sáu qua bài kệ chứng tỏ nội kiến thâm hậu mà ông đã nhờ người khác viết dùm để đáp lại với bài kệ của Thần Tú. Như một vị lãnh đạo Thiền Tông phương Nam, ông dạy thiền đốn ngộ, qua thiền định mà những tư tưởng khách quan và vọng chấp đều tan biến. Lục Tổ Huệ Năng không bao giờ chính thức trao ngôi tổ cho người đắc pháp của ông, do vậy mà có khoảng trống; tuy nhiên, những vị sư xuất chúng của các thế hệ kế tiếp, ở Trung Hoa, Việt Nam (đặc biệt là dòng Lâm Tế), và Nhật Bản, đều được kính trọng vì thành quả sáng chói của họ.

#### ***II. Bài Kệ Bát Hủ Của Một Người Cư Sĩ Mang Tên Huệ Năng:***

Khi người cư sĩ mang tên Huệ Năng đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi rằng: “Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì?” Huệ Năng đáp: “Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lĩnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác.” Tổ bảo rằng: “Ông là người Lĩnh Nam, là một giống người mọi rợ, làm sao kham làm Phật?” Huệ Năng liền đáp: “Người tuy có Bắc Nam, nhưng Phật tánh không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa Thượng chẳng đồng, nhưng

Phật tánh đâu có sai khác.” Lời đáp đẹp lòng Tổ lắm. Thế rồi Huệ Năng được giao cho công việc giã gạo cho nhà chùa. Hơn tám tháng sau mà Huệ Năng chỉ biết có công việc hạ bạc ấy. Đến khi Ngũ Tổ định chọn người kế vị ngôi Tổ giữa đám môn nhân. Ngày kia Tổ báo cáo vị nào có thể tỏ ra đạt lý đạo, Tổ sẽ truyền y pháp cho mà làm Tổ thứ sáu. Lúc ấy Thần Tú là người học cao nhất trong nhóm môn đồ, và nhuần nhĩ nhất về việc đạo, cố nhiên được đồ chúng coi như xứng đáng nhất hưởng vinh dự ấy, bèn làm một bài kệ trình chỗ hiểu biết, và biên nơi vách bên chái nhà chùa. Kệ rằng:

Thân thị Bồ đề thọ,  
 Tâm như minh cảnh đài  
 Thời thời thường phát thức,  
 Vật xử nhạ trần ai.  
 (Thân là cây Bồ Đề,  
 Tâm như đài gương sáng  
 Luôn luôn siêng lau chùi  
 Chớ để dính bụi bặm).

Ai đọc qua cũng khoái trá, và thâm nghĩ thế nào tác giả cũng được phần thưởng xứng đáng. Nhưng sáng hôm sau, vừa thức giấc, đồ chúng rất đỗi ngạc nhiên khi thấy một bài kệ khác viết bên cạnh, kệ rằng:

Bồ đề bốn vô thọ,  
 Minh cảnh diệt phi đài,  
 Bản lai vô nhất vật,  
 Hà xử nhạ trần ai ?  
 (Bồ đề vốn không cây,  
 Gương sáng cũng chẳng đài,  
 Xưa nay không một vật,  
 Chỗ nào dính bụi bặm?)

Tác giả của bài kệ này là một cư sĩ chuyên lo tạp dịch dưới bếp, suốt ngày chỉ biết bữa củi, giã gạo cho chùa. Diện mạo người quá tầm thường đến nỗi không mấy ai để ý, nên lúc bấy giờ toàn thể đồ chúng rất đỗi sửng sốt. Nhưng Tổ thì thấy ở vị Tăng không tham vọng ấy một pháp khí có thể thống lãnh đồ chúng sau này, và nhất định truyền y pháp cho người. Nhưng Tổ lại có ý lo, vì hầu hết môn đồ của Tổ đều chưa đủ huệ nhãn để nhận ra ánh trực giác thâm diệu trong những hàng chữ trên của người giã gạo Huệ Năng. Nếu Tổ công bố



vinh dự đặc pháp ấy lên e nguy hiểm đến tánh mạng người thọ pháp. Nên Tổ ngầm bảo Huệ Năng đứng canh ba, khi đồ chúng ngủ yên, vào tịnh thất Tổ dạy việc. Thế rồi Tổ trao y pháp cho Huệ Năng làm tín vật chứng tỏ bằng cơ đặc pháp vô thượng, và báo trước hậu vận của đạo Thiền sẽ rực rỡ hơn bao giờ hết. Tổ còn dặn Huệ Năng chớ vội nói pháp, mà hãy tạm mai danh ẩn tích nơi rừng núi, chờ đến thời cơ sẽ công khai xuất hiện và hoàng dương chánh pháp. Tổ còn nói y pháp truyền lại từ Tổ Bồ Đề Đạt Ma làm tín vật sau này đừng truyền xuống nữa, vì từ đó Thiền đã được thế gian công nhận, không cần phải dùng y áo tiêu biểu cho tín tâm nữa. Ngay trong đêm ấy Huệ Năng từ giả tổ.

### ***III. Huệ Năng Trở Thành Pháp Tử Chính Thức Của Ngũ Tổ***

#### ***Hoàng Nhân:***

Sau khi Huệ Năng đã trở thành pháp tử chính thức của Ngũ Tổ Hoàng Nhân, nhưng mãi đến mười lăm năm sau, khi ông vẫn chưa bao giờ được phong làm sư, đến tu viện Pháp Tâm ở Quảng Châu, nơi diễn ra cuộc tranh luận về phước động hay gió động. Sau khi biết được sự việc, thì pháp sư Ying-Tsung đã nói với Huệ Năng rằng: “Hỡi người anh em thế tục kia, chắc chắn người không phải là một kẻ bình thường. Từ lâu ta đã nghe nói tám cà sa Hoàng Mai đã bay về phương Nam. Có phải là người không?” Sau đó Huệ Năng cho biết chính ông là người kế vị ngũ tổ Hoàng Nhân. Thầy Ying Tsung liền thí pháp cho Huệ Năng và phong chức Ngài làm thầy của mình. Sau đó Lục tổ bắt đầu ở tu viện Pháp Tâm, rồi Bảo Lâm ở Tào Khê. Huệ Năng và Thiền phái của ngài chủ trương đốn ngộ, bác bỏ triệt để việc chỉ học hiểu kinh điển một cách sách vở. Dòng thiền này vẫn còn tồn tại cho đến hôm nay. Trong khi ở phương Bắc thì Thân Tú vẫn tiếp tục thách thức về ngôi vị tổ, và tự coi mình là người sáng lập ra dòng Thiền “Bắc Tông,” là dòng thiền nhấn mạnh về “tịch ngộ.” Trong khi người ta vẫn xem Huệ Năng là Lục Tổ, và cũng là người sáng lập ra dòng thiền “Nam Tông,” tức dòng thiền “đốn ngộ.” Chẳng bao lâu sau đó thì dòng thiền “Bắc Tông” tàn lụi, nhưng dòng thiền “Nam Tông” trở thành dòng thiền có ưu thế, mà mãi đến hôm nay rất nhiều dòng thiền từ Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam, vẫn vẫn đều cho rằng mình bắt nguồn từ dòng thiền này. Ông tịch năm 713 sau Tây Lịch. Sau khi Huệ Năng viên tịch, chức vị tổ cũng chấm dứt, vì Ngài không chỉ định người nào kế vị.

#### ***IV. Cuộc Gặp Gỡ Giữa Huệ Minh Và Lục Tổ Huệ Năng:***

Người ta kể rằng ba ngày sau khi Huệ Năng rời khỏi Hoàng Mai thì tin mật truyền y pháp tràn lan khắp chốn già lam, một số Tăng phần uất do Huệ Minh cầm đầu đuổi theo Huệ Năng. Qua một hẻm núi cách chùa khá xa, thấy nhiều người đuổi theo kịp, Huệ Năng bèn ném cái áo pháp trên tảng đá gần đó, và nói với Huệ Minh: “Áo này là vật làm tin của chư Tổ, há dùng sức mà tranh được sao? Muốn lấy thì cứ lấy đi!” Huệ Minh nắm áo cố dỡ lên, nhưng áo nặng như núi, ông bèn ngừng tay, bối rối, run sợ. Tổ hỏi: “Ông đến đây cầu gì? Cầu áo hay cầu Pháp?” Huệ Minh thưa: “Chẳng đến vì áo, chính vì Pháp đó.” Tổ nói: “Vậy nên tạm dứt tướng niệm, lành dữ thấy đừng nghĩ tới.” Huệ Minh vâng nhận. Giây lâu Tổ nói: “Đừng nghĩ lành, đừng nghĩ dữ, ngay trong lúc ấy đưa tôi xem cái bốn lai diện mục của ông trước khi cha mẹ chưa sanh ra ông.” Thoạt nghe, Huệ Minh bỗng sáng rõ ngay cái chân lý căn bản mà bấy lâu nay mình tìm kiếm khắp bên ngoài ở muôn vật. Cái hiểu của ông bây giờ là cái hiểu của người uống nước lạnh nóng tự biết. Ông cảm động quá đỗi đến toát mồ hôi, trào nước mắt, rồi cung kính đến gần Tổ chấp tay làm lễ, thưa: “Ngoài lời mật ý như trên còn có ý mật nào nữa không?” Tổ nói: “Điều tôi nói với ông tức chẳng phải là mật. Nếu ông tự soi trở lại sẽ thấy cái mật là ở nơi ông.”

### ***The Sixth Patriarch Hui Neng***

#### ***I. An Overview of the Sixth Patriarch Hui-Neng:***

Hui Neng was born in 638 A.D., one of the most distinguished of the Chinese masters during the T'ang dynasty, the sixth patriarch of Intuitionist or meditation sect (Zen Buddhism) in China. Hui-Neng came from Hsin-Chou in the southern parts of China. His father died when he was very young. It is said that he was very poor that he had to sell firewood to support his widowed mother; that he was illiterate; that he became enlightened in his youth upon hearing a passage from the Diamond sutra. One day, he came out of a house where he sold some fuel, he heard a man reciting a Buddhist Sutra. The words deeply touched his heart. Finding what sutra it was and where it was possible to get it, a longing came over him to study it with the master. Later, he was selected to become the Sixth Patriarch through a verse someone

wrote for him to respond to Shen-Hsiu demonstrating his profound insight. As leader of the Southern branch of Ch'an school, he taught the doctrine of Spontaneous Realization or Sudden Enlightenment, through meditation in which thought, objectively and all attachment are eliminated. The Sixth Patriarch Hui-Neng never passed on the patriarchy to his successor, so it lapsed. However, the outstanding masters of succeeding generations, both in China, Vietnam (especially Lin-Chi) and Japan, were highly respected for their high attainments.

## ***II. An Extraordinary Verse of a Layperson Named Hui Neng:***

When the lay person named Hui Neng arrived at Huang Mei and made obeisance to the Fifth Patriarch, who asked him: "Where are you from and what do you seek?" Hui Neng replied: "Your disciple is a commoner from Hsin Chou, Ling Nan and comes from afar to bow to the Master, seeking only to be a Buddha, and nothing else." The Fifth Patriarch said: "You are from Ling Nan and are therefore a barbarian, so how can you become a Buddha?" Hui Neng said: "Although there are people from the north and people from the South, there is ultimately no North or South in the Buddha Nature. The body of this barbarian and that of the High Master are not the same, but what distinction is there in the Buddha Nature?" Although there are people from the North and people from the South, there is ultimately no North or South in the Buddha Nature. This pleased the master very much. Hui-Neng was given an office as rice-pounder for the Sangha in the temple. More than eight months, it is said, he was employed in this menial labour, when the fifth patriarch wished to select his spiritual successor from among his many disciples. One day the patriarch made an announcement that any one who could prove his thorough comprehension of the religion would be given the patriarchal robe and proclaimed as his legitimate heir. At that time, Shen-Hsiu, who was the most learned of all the disciples and thoroughly versed in the lore of his religion, and who was therefore considered by his fellow monks to be the heir of the school, composed a stanza expressing his view, and posted it on the outside wall of the meditation hall, which read:

The body is like the bodhi tree,  
The mind is like a mirror bright,  
Take heed to keep it always clean,

And let no dust accumulate on it.

All those who read these lines were greatly impressed and secretly cherished the idea that the author of this gatha would surely be awarded the prize. But when they awoke the next morning they were surprised to see another gatha written alongside of it. The gatha read:

The Bodhi is not like the tree,  
 (Bodhi tree has been no tree)  
 The mirror bright is nowhere shining,  
 (The shining mirror was actually none)  
 As there is nothing from the first,  
 (From the beginning, nothing has existed)  
 Where can the dust itself accumulate?  
 (How would anything be dusty?)

The writer of these lines was an insignificant layman in the service of the monastery, who spent most of his time inpounding rice and splitting wood for the temple. He has such an unassuming air that nobody ever thought much of him, and therefore the entire community was now set astir to see this challenge made upon its recognized authority. But the fifth patriarch saw in this unpretentious monk a future leader of mankind, and decided to transfer to him the robe of his office. He had, however, some misgivings concerning the matter; for the majority of his disciples were not enlightened enough to see anything of deep religious intuition in the lines by the rice-pounder, Hui-Neng. If he were publicly awarded the honour they might do him harm. So the fifth patriarch gave a secret sign to Hui-Neng to come to his room at midnight, when the rest of the monks were still asleep. The he gave him the robe as insignia of his authority and in acknowledgement of his unsurpassed spiritual attainment, and with the assurance that the future of their faith would be brighter than ever. The patriarch then advised him that it would be wise for him to hide his own light under a bushel until the proper time arrived for the public appearance and active propaganda, and also that the robe which was handed down from Bodhi-Dharma as a sign of faith should no more be given up to Hui-Neng's successors, because Zen was now fully recognized by the outside world in general and there was no more necessity to symbolize the faith by the transference of the robe. That night Hui-Neng left the monastery.

### ***III. Hui-Neng Became an Official Dharma Successor of the Fifth Patriarch Hung-Jen:***

After Hui-Neng became an official Dharma successor of the fifth patriarch Hung-Jen, but 15 years of hiding, he went to Fa-hsin monastery (at the time he was still not even ordained as a monk) in Kuang Chou, where his famous dialogue with the monks who were arguing whether it was the banner or the wind in motion, took place. When Ying-Tsung, the dharma master of the monastery, heard about this, he said to Hui-Neng, "You are surely no ordinary man. Long ago I heard that the dharma successor of Heng-Jen robe of Huang Mei had come to the south. Isn't that you?" The Hui-Neng let it be known that he was the dharma successor of Heng-Jen and the holder of the patriarchate. Master Ying-Tsung had Hui-Neng's head shaved, ordained him as a monk, and requested Hui neng to be his teacher. Hui-Neng began his work as a Ch'an master, first in Fa-Hsin monastery, then in Pao-Lin near Ts'ao-Ch'i. Hue Neng and his Ch'an followers began the golden age of Ch'an and they strongly rejected method of mere book learning. After the passing away of the fifth patriarch Hung-Jen, the succession was challenged by Shen-Hsiu, who considered himself as the dharma-successor of Hung-Jen, and founder of the "Northern School," which stressed on a "gradual awakening." While in the South, Hui-Neng was considered to be the real dharma successor of Hung-Jen, and the founder of the "Southern School," which emphasized on "sudden awakening." Soon later the Northern School died out within a few generations, but the Southern School continued to be the dominant tradition, and contemporary Zen lineages from China, Japan, Korea and Vietnam, etc..., trace themselves back to Hui-Neng. He died in 713 A.D. After his death, the institution of the patriarchate came to an end, since he did not name any dharma-successor.

### ***IV. The Meeting Between Hui Ming and the Sixth Patriarch Hui Neng:***

Three days after Hui-Neng left Wang-Mei, the news of what had happened in secret became noised abroad throughout the monastery,

and a group of indignant monks, headed by Hui-Ming, pursued Hui-Neng, who, in accordance with his master's instructions, was silently leaving the monastery. When he was overtaken by the pursuers while crossing a mountain-pass far from the monastery, he laid down his robe on a rock near by and said to Hui-Ming: "This robe symbolizes our patriarchal faith and is not to be carried away by force. Take this along with you if you desired to." Hui-Ming tried to lift it, but it was as heavy as a mountain. He halted, hesitated, and trembled with fear. At last he said: "I come here to obtain the faith and not the robe. Oh my brother monk, please dispel my ignorance." The sixth patriarch said: "If you came for the faith, stop all your hankerings. Do not think of good, do not think of evil, but see what at this moment your own original face even before you were born does look like." After this, Hui-Ming at once perceived the fundamental truth of things, which for a long time he had sought in things without. He now understood everything, as if had taken a cupful of cold water and tasted it to his own satisfaction. Out of the immensity of his feeling he was literally bathed in tears and perspirations, and most reverently approaching the patriarch he bowed and asked: "Besides this hidden sense as is embodied in these significant words, is there anything which is secret?" The patriarch replied: "In what I have shown to you there is nothing hidden. If you reflect within yourself and recognize your own face, which was before the world, secrecy is in yourself."

***Phần Hai***  
***Thiền Tông Trung Hoa***  
***Trước Thời Ngũ Gia Thất Tông***

***Part Two***  
***The Chinese Zen School***  
***Before the time of the***  
***Five Houses & Seven Schools***





**Chương Chín**  
**Chapter Nine**

***Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng***  
***Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma***

***(A) Nói Pháp Lục Tổ Huệ Năng***

Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Nói Pháp Lục Tổ Huệ Năng còn ghi lại được 18 vị: 1) Thiền Sư Thanh Nguyên Hành Tư. 2) Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng. 3) Thiền Sư Huyền Giác Vĩnh Gia. 4) Thiền Sư Nam Dương Huệ Trung. 5) Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch. 6) Thiền Sư Pháp Hải. 7) Thiền Sư Chí Thành. 8) Thiền Sư Quật Đa Tam Tạng. 9) Thiền Sư Hiếu Liễu. 10) Thiền Sư Trí Hoàng. 11) Thiền Sư Pháp Đạt. 12) Thiền Sư Trí Thông. 13) Thiền Sư Chí Triệt. 14) Thiền Sư Trí Thường. 15) Thiền Sư Chí Đạo. 16) Thiền Sư Ấn Tông. 17) Thiền Sư Huyền Sách. 18) Thiền Sư Linh Thao.

***(I) Thiền Sư Hành Tư (660-740)***

*(Xem Phái Thiền Hành Tư nơi Phần II Chương 10)*

***(II) Thiền Sư Hoài Nhượng***

*(Xem Phái Thiền Hoài Nhượng nơi Phần II Chương 11)*

***(III) Thiền Sư Huyền Giác Vĩnh Gia***

***Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Huyền Giác Vĩnh Gia Thiền Sư:***  
Dòng Thiền Thứ Bảy ở Trung Quốc (dòng thứ nhì sau Huệ Năng). Huyền Giác là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Huyền Giác Vĩnh Gia như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển II, và Kinh Pháp Bảo Đàn. Sư Huyền Giác ở Vĩnh Gia, Ôn Châu, còn được gọi là

Minh Đạo, có rất đông đệ tử. Huyền Giác xuất gia rất sớm. Ông học tất cả các kinh điển quan trọng của Phật giáo, đặc biệt ông hiểu sâu những tư tưởng của tông Thiên Thai về tinh tâm và thực hiện hoàn hảo bài tập 'đi đứng nằm ngồi' của nó. Khi ông nghe nói tới Huệ Năng, ông tìm tới tu viện Bảo Lâm ở Tào Khê. Ông thường được người đời nhớ đến qua tên đệm "Người Khách Qua Đêm." Người ta nói sư giác ngộ chỉ sau một đêm được đàm đạo với Lục Tổ Huệ Năng, vì vậy mà sư cũng được biết đến như là Nhứt Túc Giác (ở trọ một đêm mà giác ngộ). Chính vì vậy mà người ta nói sư là đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Thiền Sư Huyền Giác ở Vĩnh Gia, họ Đới, quê ở Ôn Châu, thuở nhỏ tập kinh luận, chuyên về pháp môn chỉ quán của Tông Thiên Thai, như xem kinh Duy Ma Cật phát minh được tâm địa; chợt gặp đệ tử của Tổ là Huyền Sách thăm hỏi, cùng bàn chuyện sôi nổi mà mỗi lời nói ra đều thâm hợp với chư Tổ. Huyền Sách mới hỏi: "Nhơn giả được pháp nơi Thầy nào?" Huyền Giác đáp: "Tôi nghe kinh luận Phương đẳng mỗi vị đều có thầy truyền thừa, sau nơi kinh Duy Ma Cật ngộ được Phật tâm tông mà chưa có người chứng minh." Huyền Sách bảo: "Từ Đức Phật Oai Âm Vương về trước tức được, từ Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy mà tự ngộ trọn vẹn là thiên nhiên ngoại đạo." Huyền Giác nói: "Xin nhơn giả vì tôi chứng minh." Huyền Sách bảo: "Lời tôi nhẹ, ở Tào Khê có Lục Tổ Đại Sư, bốn phương nhóm họp về đều là những người thọ pháp. Nếu ông chịu đi thì cùng tôi đồng đi." Huyền Giác bèn đồng với Huyền Sách đến tham vấn.

Trong cách giảng dạy Phật Pháp, Vĩnh Gia Huyền Giác kết hợp triết học phái Thiên Thai và phương pháp Thiền với cấu trúc lý thuyết mà ông bổ sung thêm bằng phép biện chứng Madhyamika. Những tác phẩm của ông được lưu giữ dưới nhan đề: Toàn Tập của Thầy Thiền Vĩnh Gia Huyền Giác."

Năm 713, ngày mười bảy tháng mười, sư ngồi an nhiên thị tịch trong tư thế thiền định. Người đương thời gọi Sư là Chân Giác. Vua ban sắc "Vô Tướng Đại Sư." Tháp hiệu "Tịnh Quang" được xây về mặt nam của Tây Sơn.

***Huyền Giác Chứng Đạo Ca:*** Bài Chứng Đạo Ca là một bài viết về thiền rất được phổ biến, được Thiền sư Trung Quốc Huyền Giác Vĩnh Gia, một trong những đệ tử xuất sắc của Lục Tổ Huệ Năng vào đời nhà

Đường, vào thế kỷ thứ VIII. Trong “Chứng Đạo Ca” Thiền Sư Huyền Giác đã dạy:

“Liễu tức nghiệp chướng bản lai không  
Vị liễu ứng tu hoàn tức trái.”

(Khi tỏ rõ rồi thì nghiệp chướng hóa thành  
không, chưa tỏ rõ nợ xưa đành trang trái).

Liễu tức là liễu ngộ, người liễu ngộ rồi thì thấy nghiệp chướng trong quá khứ và hiện tại là không. Nhưng người chưa giác ngộ thì phải tái sinh để trả nợ trước. Một thí dụ khác trong Chứng Đạo Ca:

“Ma ni châu nhân bất thức  
Như Lai tàng lý thân thâm đắc  
Lục ban thân dụng không bất không  
Nhất thỏa viên quang sắc phi sắc.”

(Ngọc ma-ni, người chẳng biết  
Như Lai kho ấy thâm trọn hết  
Sáu ban thân dụng không chẳng không  
Một điểm viên quang sắc chẳng sắc).

#### ***(IV) Thiền Sư Huệ Trung***

*(Xem Thiền Phái Huệ Trung nơi Phần II Chương 12)*

#### ***(V) Thiền Sư Thân Hội (670-762/686-760?)***

*(Xem Phái Thiền Hà Trạch nơi Phần II Chương 13)*

#### ***(VI) Thiền Sư Pháp Hải Thiệu Châu***

Pháp Hải là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Pháp Hải như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Tăng Pháp Hải, người quê ở Khúc Giang, Thiệu Châu.

Ban đầu đến tham vấn Lục Tổ, Pháp Hải hỏi Lục Tổ rằng: “Hòa Thượng để lại giáo pháp gì khiến cho những người mê đời sau được thấy Phật tánh?”

Tổ bảo: “Thành tất cả tướng tức tâm, lia tất cả tướng tức Phật.”

Sau đó, Pháp Hải lại hỏi rằng: “Tức tâm tức Phật,” cúi xin ngài chỉ dạy.

Tổ bảo: “Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật.” Nếu nói cho đủ, cùng kiếp cũng không không hết, hãy lắng nghe tôi nói kệ:

“Tức tâm là huệ, tức Phật là định,  
Định huệ bình đẳng, trong ý thanh tịnh.  
Ngộ pháp môn này, do ông tập tánh,  
Dụng vốn không sanh, song tu là chánh.”

Ngài Pháp Hải ngay lời đó liền đại ngộ, làm bài kệ tán thán:

“Tức tâm nguyên là Phật,  
Chẳng ngộ mà tự khinh,  
Con biết hơn định huệ,  
Đồng tu lia các vật.”

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương mười, mỗi khi đồ chúng nghe Tổ nói kệ rồi thấy đều làm lễ biết rõ ý Tổ, mỗi người nhiếp tâm, y theo pháp tu hành, lại không dám tranh cãi, biết Tổ không còn ở đời bao lâu, Thượng Tọa Pháp Hải lại đánh lễ hỏi rằng: “Sau khi Hòa Thượng nhập diệt, y pháp sẽ trao cho người nào?”

Tổ bảo: “Tôi ở chùa Đại Phạm nói pháp cho đến ngày nay, sao chép để lưu hành, gọi là Pháp Bảo Đàn Kinh, các ông gìn giữ, truyền trao cho nhau, độ khắp quần sanh, chỉ y nơi lời nói này, ấy gọi là chánh pháp, nay vì các ông nói pháp chớ chẳng trao y, bởi vì các ông lín căn đã thuần thực, quyết định không còn nghi ngờ, kham nhận được đại sự, nhưng cứ theo ý bài kệ “Phó Thọ” của Sơ Tổ Đạt Ma, y không nên truyền. Kệ rằng:

“Ta đến ở cõi này,  
Truyền pháp cứu mê tình.  
Một hoa nở năm cánh,  
Kết quả tự nhiên thành.”

### ***(VII) Thiên Sư Chí Thành Cát Châu***

Chí Thành là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên Sư Trí Thành như trong Truyền

Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương tám, Trí Thành là người Thái Hòa Cát Châu. Khi Tổ ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, còn Thần Tú Đại Sư ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Nam. Bấy giờ hai Tông thanh hóa, người đương thời đều gọi là Nam Năng Bắc Tú nên có hai tông Nam Bắc, chia ra đốn tiệm, mà người học không biết tông thú. Tổ bảo chúng rằng: “Pháp vốn một tông, người có Nam Bắc, pháp tức là một thứ, thấy có mau và có chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp không có đốn tiệm, người có lợi căn, độn căn, nên gọi là đốn tiệm.” Nhưng đồ đệ của ngài Thần Tú thường chê Tổ sư Nam Tông là không biết một chữ, có cái gì hay. Thần Tú nói rằng: “Tổ Huệ Năng được trí vô sư, thâm ngộ được pháp thượng thừa, tôi không bằng vậy. Vả lại Thầy tôi là Ngũ Tổ, chính Ngài truyền y pháp, há lại suông ư? Tôi hận không có thể đi xa để mà thân cận, luống thọ ân Quốc Vương, vậy những người các ông không nên kẹt ở đây, nên đến Tào Khê tham hỏi.” Một hôm Thần Tú sai đệ tử là Chí Thành rằng: “Ông thông minh nhiều trí, nên vì tôi mà đến Tào Khê nghe pháp, nếu nghe được điều gì, hết lòng ghi lấy, trở về nói cho tôi nghe.”

Trí Thành vâng mệnh đến Tào Khê, theo chúng tham thỉnh, không nói từ đâu đến. Khi ấy Lục Tổ bảo chúng rằng: “Ngày nay có người trộm pháp đang ẩn trong hội này.” Chí Thành liền ra lễ bái và thưa đầy đủ việc của ông. Tổ bảo: “Ông từ Ngọc Tuyền lại nên là kẻ do thám.” Trí Thành đáp: “Không phải.” Tổ hỏi: “Sao được không phải?” Trí Thành thưa: “Chưa nói là phải, đã thưa rồi là không phải.” Tổ bảo: “Thầy ông dùng cái gì chỉ dạy chúng?” Trí Thành thưa: “Thường chỉ dạy đại chúng trụ tâm quán tịnh, thường ngồi chẳng nằm.”

Tổ bảo: “Trụ tâm quán tịnh là bệnh chớ không phải thiền, thường ngồi là câu chấp nơi thân, đối với lý có lợi ích gì?” Hãy lắng nghe bài kệ của tôi đây:

“Khi sống ngồi không nằm,  
 Khi chết nằm không ngồi,  
 Vốn là đầu xương thú,  
 Vì sao lập công khóa.”

Trí Thành lễ bái thưa rằng: “Đệ tử ở chỗ đại sư Thần Tú, học đạo chín năm mà không được khế ngộ. Ngày nay nghe Hòa Thượng nói một bài kệ liền khế ngộ được bốn tâm. Sanh tử là việc lớn, đệ tử xin Hòa Thượng vì lòng đại bi chỉ dạy thêm.” Tổ bảo: “Tôi nghe thầy ông dạy

học như pháp giới định huệ, hành tướng như thế nào, ông vì tôi nói xem?” Trí Thành thưa: “Đại sư Thần Tú nói các điều ác chớ làm gọi là giới, các điều thiện vâng làm gọi là huệ, tự tịnh ý mình gọi là định, chưa biết Hòa Thượng lấy pháp gì dạy người?” Tổ bảo: “Nếu tôi nói có pháp cho người tức là nói dối, ông chỉ tùy phương mở trói, giả danh là tam muội. Như thầy ông nói giới định huệ, thật là không thể nghĩ bàn, nhưng chỗ thấy giới định huệ của tôi lại khác.” Trí Thành thưa: “Giới định huệ chỉ là một thứ vì sao lại có khác?”

Tổ bảo: “Thầy ông nói giới định huệ là tiếp người Đại thừa, còn tôi nói giới định huệ là tiếp người tối thượng thừa, ngộ hiểu chẳng đồng, thấy có mau chậm; ông nghe tôi nói cùng với kia đồng hay chẳng? Tôi nói pháp chẳng lia tự tánh, lia thể nói pháp thì gọi là nói tướng, tự tánh thường mê, phải biết tất cả muôn pháp đều từ nơi tự tánh khởi dụng, ấy là pháp chơn giới, chơn định, chơn huệ.” Hãy lắng nghe tôi nói kệ đây:

“Đất tâm không lỗi tự tánh giới,  
Đất tâm không si tự tánh huệ,  
Đất tâm không loạn tự tánh định.  
Chẳng tăng chẳng giảm tự kim cang,  
Thân đến thân đi vốn tam muội.”

Trí Thành nghe kệ rồi hối tạ, mới trình một bài kệ:

“Năm uẩn thân huyễn hóa,  
Huyễn làm sao cứu cánh,  
Xoay lại tìm chân như,  
Pháp trở thành bất tịnh.”

Tổ liền ấn khả đó, lại bảo Trí Thành rằng: “Giới định huệ của Thầy ông là khuyên dạy người tiểu căn tiểu trí, còn giới định huệ của tôi đây là dạy người đại căn đại trí. Nếu ngộ được tự tánh cũng chẳng lập Bồ Đề, Niết Bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, không một pháp có thể được mới hay dựng lập muôn pháp. Nếu hiểu được ý này cũng gọi là thân Phật, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người thấy tánh lập cũng được, không lập cũng được, đi lại tự do, không bị trệ ngại, ứng dụng tùy việc làm, nói năng tùy đáp, khắp hiện hóa thân, chẳng lia tự tánh, liền được tự tại thần thông, du hí tam muội, ấy gọi là kiến tánh.”

Trí Thành lại thưa: “Thế nào là nghĩa chẳng lập?”

Tổ bảo: “Tự tánh không lỗi, không si, không loạn, niệm niệm Bát Nhã quán chiếu, thường lia pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang trọn

được, có gì nên lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ, đốn tu cũng không thứ lớp, cho nên chẳng lập tất cả pháp. Các pháp là lặn lẽ, có thứ lớp gì?"

Trí Thành liền lễ bái, nguyện làm người hầu hạ, sớm chiều không lười mỗi.

### ***(VIII) Thiền Sư Quật Đa Tam Tạng***

Quật Đa Tam Tạng là tên của một vị Thiền sư Tây Vực vào thế kỷ thứ bảy. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Tây Vực Quật Đa Tam Tạng; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Thiền sư Quật Đa Tam Tạng, người xứ Tây Vực, Sư đến Thiều Dương vào cuối thế kỷ thứ bảy. Sư tỏ ngộ khi tình cờ nghe được lời thuyết giảng của Lục Tổ Huệ Năng. Về sau Sư đến Ngũ Đài Sơn, tại đó Sư gặp một vị Tăng dựng am tịnh tọa. Sư hỏi vị Tăng: "Tại sao ông ngồi đây một mình?" Vị Tăng đáp: "Quán tịnh." Sư hỏi: "Ai quán và tịnh gì?" Vị Tăng làm lễ và hỏi: "Xin thầy nói cho biết lý ấy thế nào?" Sư nói: "Sao ông không tự quán tự tịnh?" Vị Tăng cảm thấy bối rối không đáp được. Sư lại hỏi: "Ông từ môn phái nào?" Vị Tăng đáp: "Từ Thiền sư Thần Tú." Sư nói: "Loại ngoại đạo thấp nhất ở xứ Tây Vực ta còn không sa vào kiến chấp này. Ngồi lặng yên và thờ ra đó để làm gì?" Vị Tăng liền hỏi: "Thầy học của Sư là ai?" Sư đáp: "Thầy ta là Lục Tổ Huệ Năng. Sao ông không mau đến đó để sớm được tỏ ngộ?" Sau đó vị Tăng nghe lời Sư khuyên đến gặp Lục Tổ và cuối cùng cũng được tỏ ngộ Thiền. Từ đó về sau này, không còn ai biết Sư ở đâu và thị tịch lúc nào.

### ***(IX) Thiền Sư Hiểu Liễu Biển Đam***

Tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào cuối thế kỷ thứ bảy. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Hiểu Liễu Biển Đam; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Ông là một trong những học trò của Đại Sư Huệ Năng. Thiền sư Hiểu Liễu đã chứng được trạng thái Vô Tâm. Ông tin rằng hành giả tu Thiền phải dứt bỏ thị phi và mọi hình thức của ngôn ngữ.

### **(X) *Thiền Sư Trí Hoàng Hà Bắc***

Trí Hoàng Hà Bắc là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Trí Hoàng như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Thiền sư Trí Hoàng, từng theo học tọa thiền dưới sự dẫn dắt của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn

Sau hai mươi năm ngồi tịnh trong am, Sư tự xem như mình được chánh định. Huyền Sách, một trong những đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng, nhân du phương đến Hà Sóc nghe tiếng đồn tìm đến thảo am, hỏi: "Ông ngồi làm gì đây?" Trí Hoàng đáp: "Nhập định." Huyền Sách nói: "Ông nói nhập định, vậy ông có tâm mà nhập? Hay vô tâm mà nhập? Nếu là vô tâm thì tất cả thế giới vô tình như cỏ cây gạch ngói đều có thể nhập định hết thảy. Bằng có tâm mà nhập thì mọi giống hữu tình, hàm linh, có ý thức, đều cũng định được." Trí Hoàng nói: "Trong khi tôi nhập định thì không biết là hữu tâm hoặc vô tâm." Huyền Sách liền hỏi: "Nếu không biết là hữu tâm hay vô tâm thì lúc nào cũng là định, sao còn nói 'xuất nhập'. Nếu có xuất nhập thì chẳng phải là đại định." Trí Hoàng không đáp, giây lâu hỏi lại Huyền Sách: "Thầy của ông là ai?" Huyền Sách đáp: "Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê." Trí Hoàng hỏi: "Lục Tổ dạy thế nào về thiền định?" Huyền Sách nói: "Thầy tôi nói rằng Thiền vốn lặng im mà huyền diệu (diệu trạm), vắng lặng mà tròn đầy (viên tịch), nắm ấm vốn không, sáu trần chẳng phải có, thể và dụng đều như như, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn (Diệu trạm viên tịch, thể dụng như như). Thiền tánh không có chỗ trụ, chớ trụ chỗ vắng lặng của Thiền. Thiền tánh chẳng sanh, chớ đắm nghĩ về sự sanh diệt của Thiền. Tâm như hư không, nhưng đừng có suy lường về hư không."

Trí Hoàng nghe xong bèn đến yết kiến Lục Tổ Huệ Năng. Tổ hỏi: "Ông là ai?" Trí Hoàng trình rõ mọi việc. Tổ nói: "Đúng như lời Huyền Sách nói, ông cứ để tâm ông tự nhiên như hư không, mà vẫn không có một kiến giải nào về cái không ấy, thì tâm sẽ ứng dụng tự do, không vướng mắc, dầu làm gì, động hay tịnh, vẫn là vô tâm, và đó là lúc



phàm hay thánh đều quên hết, năng (chủ) và sở (khách) đều dứt trọn, tánh và tướng đều như như, tức là không lúc nào chẳng là định vậy.”

Trí Hoàng ngay nơi đây liền đại ngộ, hai mươi năm đã được tâm, trọn không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc, dân chúng nghe trong hư không có tiếng nói: “Thiền sư Hoàng ngày nay được đạo.” Trí Hoàng sau đó lễ từ trở về Hà Bắc, khai hóa bốn chúng.

### ***(XI) Thiền Sư Pháp Đạt***

Pháp Đạt là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Pháp Đạt như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Tăng tên là Pháp Đạt, người ở Hồng Châu, xuất gia lúc bảy tuổi, thường tụng kinh Pháp Hoa, đến lễ Lục Tổ mà đầu không sát đất. Tổ mới quở rằng: “Lễ mà đầu không sát đất, chi bằng đừng lễ, trong tâm ông ắt có một vật, vậy ông chứa chất sự nghiệp gì?” Pháp Đạt thưa: “Tôi tụng kinh Pháp Hoa đã đến ba ngàn bộ.” Tổ bảo: “Nếu ông tụng đến muôn bộ, được cái ý kinh mà chẳng cho là hơn, ắt cùng với ta sánh vai, nay ông mang sự nghiệp này, trọn không biết lỗi, nghe ta nói kệ:

“Lễ cốt chặt cờ mạn,  
Sao đầu không sát đất,  
Có ngã tội liền sanh,  
Quên công phước vô tỷ.”

Tổ lại hỏi rằng: “Ông tên gì?” Pháp Đạt thưa: “Tên Pháp Đạt.” Tổ bảo: “Ông tên Pháp Đạt mà đầu từng đạt pháp.” Lại nói bài kệ:

“Nay ông tên Pháp Đạt,  
Chuyên tụng chưa từng thôi,  
Tụng rỗng chỉ theo tiếng,  
Sáng tâm hiệu Bồ Tát,  
Nay ông vì có duyên,  
Nay tôi vì ông nói,  
Chỉ tin Phật không lời,  
Hoa sen từ miệng Phật.”

Tăng Pháp Đạt nghe qua bài kệ liền hối hận, tạ lỗi thưa rằng: “Từ nay về sau con sẽ khiêm cung đối với tất cả. Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, tâm thường có nghi, Hòa Thượng là bậc trí tuệ rộng lớn, cúi mong lược nói nghĩa lý trong kinh.”

Tổ bảo: “Pháp Đạt, pháp tức rất thâm đạt mà tâm ông chẳng đạt, kinh vốn không nghi mà tâm ông khởi nghi. Ông tụng kinh này, lấy cái gì làm tông?”

Pháp Đạt thưa: “Học nhưn căn tánh ám độn, từ trước đến nay chỉ y văn mà tụng niệm, đâu có biết tông thú.”

Tổ bảo: “Tôi không biết chữ, ông thử lấy kinh tụng một biến, tôi sẽ vì ông giải nói.”

Pháp Đạt liền to tiếng tụng kinh, đến phẩm Thí Dụ, Tổ bảo: “Dừng! Kinh này nguyên lai lấy nhưn duyên ra đời làm tông, dù nói nhiều thứ thí dụ cũng không vượt qua chỗ này. Sao là nhưn duyên? Kinh nói chư Phật Thế Tôn chỉ có một đại sự nhưn duyên mà xuất hiện ở đời, một đại sự đó là Tri Kiến Phật. Người đời do mê bên ngoài nên chấp tướng, mê bên trong nên chấp không.

Lục Tổ lại bảo: “Nếu hay nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không thì trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ được pháp này, một niệm tâm khai, ấy là khai Tri Kiến Phật. Phật tức là giác, phân làm bốn môn: Khai giác tri kiến, thị giác tri kiến, ngộ giác tri kiến, nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị liền hay ngộ nhập tức là giác tri kiến, chơn chánh xưa nay mà được xuất hiện. Ông dè dặt chớ hiểu lầm ý kinh, nghe trong kinh nói khai thị ngộ nhập rồi tự cho là Tri Kiến của Phật, chúng ta thì vô phần. Nếu khởi cái hiểu này tức là chê bai kinh, hủy báng Phật vậy. Phật kia đã là Phật rồi, đã đầy đủ tri kiến, cần gì phải khai nữa. Nay ông phải tin Phật tri kiến đó chỉ là tự tâm của ông, lại không có Phật nào khác; vì tất cả chúng sanh tự che phủ cái quang minh, tham ái trần cảnh, ngoài thì duyên với ngoại cảnh, trong tâm thì lăng xăng, cam chịu lời cuốn, liền nhọc Đức Thế Tôn kia từ trong tam muội mà dậy, dùng bao nhiêu phương tiện nói đến đấng miêng, khuyên bảo khiến các ông buông dứt chớ hưởng ra ngoài tìm cầu thì cùng Phật không hai, nên nói khai Phật tri kiến. Tôi cũng khuyên tất cả các người nên thường khai tri kiến Phật ở trong tâm của mình. Người đời do tâm tà, ngu mê tạo tội, miêng thì lành tâm thì ác, tham sân tật đố, siểm nịnh, ngã mạn, xâm phạm người hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu ngay chánh tâm, thường sanh trí huệ, quán chiếu tâm mình, đừng ác làm lành, ấy là

tự khai tri kiến Phật. Ông phải mỗi niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ông chỉ nhọc nhằn chấp việc tụng niệm làm công khóa thì nào khác con trâu ly mền cái đuôi của nó!”

Pháp Đạt thưa: “Nếu vậy thì chỉ được hiểu nghĩa, chẳng cần tụng kinh chẳng?”

Tổ bảo: Kinh có lỗi gì? Đâu có chướng ngại ông tụng, chỉ vì mê ngộ là tại người, tổn giảm hay lợi ích là do mình, miệng tụng tâm hành tức là chuyển được kinh, còn miệng tụng mà tâm không hành tức là bị kinh chuyển.” Hãy nghe ta nói kệ đây:

“Tâm mê Pháp Hoa chuyển,  
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa,  
Tụng lâu không rõ nghĩa,  
Cùng nghĩa trở thành thù.  
Không niệm niệm là chánh,  
Có niệm niệm là tà,  
Có không đều chẳng chấp,  
Hằng ngồi xe Bạch Ngưu.”

Pháp Đạt nghe kệ rồi bất giác rơi lệ đầm dề, ngay lời nói liền đại ngộ và thưa với Tổ rằng: “Pháp Đạt từ xưa đến nay thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, mà bị Pháp Hoa chuyển.” Lại thưa rằng: “Kinh nói ‘các vị Đại Thanh Văn cho đến Bồ Tát đều đem hết khả năng suy nghĩ cùng chung nghĩ lường cũng không thể nào đo được trí của Phật, ngày nay khiến kẻ phàm phu chỉ ngộ được tự tâm liền gọi là tri kiến Phật, tự chẳng phải là hàng thượng căn nên chưa khỏi nghi báng.’ Lại kinh nói ba xe ‘xe dê, xe nai, xe trâu cùng với xe trâu trắng khác nhau như thế nào? Cúi xin Hòa Thượng rũ lòng từ bi khai thị cho?”

Tổ bảo: “Ý kinh rõ ràng, ông tự mê trái. Các hạng người tam thừa không thể đo lường được trí tuệ Phật, đó là lỗi tại chỗ đo lường. Dù ông đem tất cả sự suy nghĩ mà suy xét lại càng thêm xa vời. Phật vốn vì phàm phu mà nói, chẳng phải vì Phật mà nói, lý này nếu chẳng tin chắc thì sẽ như những vị Thanh Văn trong hội Pháp Hoa thối tịch vậy, đâu chẳng biết đã ngồi trên bạch ngưu lại tìm ba xe ngoài cửa; huống là kinh văn rõ ràng nhằm ông mà nói, chỉ một Phật thừa, không có thừa nào khác; hoặc là hai, hoặc là ba cho đến vô số phương tiện, bao nhiêu hơn duyên thí dụ, ngôn từ nói về pháp ấy đều vì một Phật thừa. Ông sao chẳng tỉnh, ba xe là giả, là việc thuở xưa, một xe là thật, là việc

hiện nay, chỉ dạy ông dẹp giả trở về thật, sau khi trở về thật, thật cũng không tên; nên biết có những cửa bấu trợn thuộc về ông, do ông thọ dụng, lại không khởi tưởng của cha, cũng không khởi tưởng của con, cũng không khởi tưởng dùng, ấy gọi là trì kinh Pháp Hoa, từ kiếp này đến kiếp khác, tay không rời quyển kinh, từ sáng đến tối không lúc nào chẳng tụng kinh.”

Pháp Đạt nhờ chỉ dạy, vui mừng nhảy nhót, liền nói kệ tán thán:

“Kinh tụng ba ngàn bộ,  
Tào Khê một câu quên,  
Chưa rõ ý xuất thế,  
Đâu hết cuồng nhiều đời.  
Dê, nai, trâu quyền lập,  
Trước, giữa, sau khéo bày,  
Ai biết trong nhà lửa,  
Nguyên là vị vua Pháp.”

Tổ bảo rằng: “Từ nay về sau ông mới đáng gọi là Tăng tụng kinh.”  
Pháp Đạt từ đây lãnh hội huyền chỉ, cũng không ngừng tụng kinh.

## ***(XII) Thiên Sư Thọ Châu Trí Thông***

Trí Thông là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên Sư Trí Thông như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Tăng Trí Thông, người quê ở An Phong thuộc Thọ Châu.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, ban đầu xem kinh Lăng Già đến hơn một ngàn lần nhưng không hiểu được Tam Thân Tứ Trí, đến lễ Tổ cầu giải nghĩa này. Tổ bảo: “Ba thân là Thanh Tịnh Pháp Thân, đó là tánh của ông, Viên Mãn Báo Thân là trí của ông, Thiên Bá Úc Hóa Thân là hạnh của ông vậy. Nếu lìa bốn tánh riêng nói ba thân, tức gọi có thân mà không trí, nếu ngộ được ba thân không có tự tánh tức là rõ ba trí Bồ Đề.” Hãy lắng nghe tôi nói kệ:

“Tự tánh đủ ba thân,  
Phát minh thành tứ trí,  
Chẳng lìa duyên thấy nghe,  
Siêu nhiên lên quả Phật.

Nay tôi vì ông nói,  
Tin chắc hằng không mê,  
Chớ nhọc người tìm cầu,  
Trọn ngày nói Bồ Đề.”

Ngài Trí Thông lại thưa rằng: “Về nghĩa Tứ Trí có thể nghe được chăng?”

Tổ bảo: “Đã hiểu ba thân liền rõ tứ trí, sao lại hỏi ư? Nếu lìa ba thân riêng nói tứ trí, đây gọi là có trí mà không thân, tức đây có trí lại thành vô trí.” Tổ bèn nói kệ:

“Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,  
Bình đẳng tánh trí tâm không bệnh,  
Diệu quán sát trí thấy không công,  
Thành sở tác trí đồng Viên Cảnh.  
Ngũ bát lục thất quả như chuyển,  
Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh,  
Nếu ngay chỗ chuyển không dấy niệm,  
Ngay nơi ồn náo hằng đại định.”

Trí Thông liền đốn ngộ được tánh trí nên trình kệ rằng:

“Ba thân nguyên thể ta,  
Tứ trí vốn tâm sáng,  
Thân trí dung không ngại,  
Ứng vật mặc tùy hình,  
Khởi tu đều vọng động,  
Giữ trụ trái chơn tình.  
Diệu chỉ như thấy rõ,  
Trọn quên tên nhiễm ô.”

Ghi Chú: Như trên nói chuyển thức thành trí, trong kinh nói: “Chuyển năm thức trước làm thành Sở Tác Trí, chuyển thức thứ sáu làm Diệu Quán Sát Trí, chuyển thức thứ bảy làm Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ tám làm Đại Viên Cảnh Trí. Tuy thức thứ sáu, thức thứ bảy là ở trong như chuyển, còn năm thức trước và thức thứ tám là trên quả chuyển, chỉ chuyển tên mà không chuyển thể.”

### (XIII) *Thiền Sư Chí Triệt Giang Tây*

Chí Triệt là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Chí Triệt như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương tám, Tăng Chí Triệt, quê ở Giang Tây, họ Trương tên Hành Xương, thuở nhỏ là một hiệp khách. Vì lý do này mà người đương thời luôn gọi ông là Hành Xương.

Từ khi chia ra hai tông Nam Bắc, hai vị Tông chủ tuy quên bỉ ngã, nhưng đồ chúng tranh nhau khởi yêu ghét. Khi ấy đệ tử của Bắc Tông tự lập Ngài Thần Tú làm Tổ thứ sáu, mà kỵ vì Lục Tổ được truyền y, mọi người đều nghe nên mới dạy Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Tổ tâm thông dự biết việc ấy nên liền để mười lạng vàng ở dưới tòa. Khi ấy ban đêm Hành Xương vào trong thất Tổ, toan muốn hại Tổ, Tổ đưa cổ cho chém, Hành Xương liền hươi kiếm ba lần, thấy đều không thương tổn. Tổ bảo: “Kiếm chánh chẳng tà, kiếm tà chẳng chánh, chỉ nợ vàng của ông.” Hành Xương hoảng hốt té xỉu, giây lâu mới tỉnh, cầu xin sám hối, liền nguyện xuất gia. Tổ liền cho vàng bảo: “Ông hãy đi, e đồ chúng trở lại hại ông, một ngày khác ông có thể thay hình đổi dạng mà trở lại, tôi sẽ nhận ông.” Hành Xương vâng lời dạy, giữa đêm trốn đi, sau theo Tăng xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu hành. Một hôm ông nhớ lại lời Tổ, từ xa đến lễ ra mắt Tổ. Tổ bảo: “Tôi nhớ ông đã lâu, sao ông đến muộn vậy?” Hành Xương thưa: “Trước nhờ ơn Hòa Thượng xá tội, ngày nay tuy xuất gia khổ hạnh, trọn khó đền đáp ân đức, đâu mong truyền pháp độ sanh ư? Đệ tử thường xem kinh Niết Bàn, chưa hiểu nghĩa thường và vô thường, cúi xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.” Tổ bảo: “Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức là tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy.” Hành Xương thưa rằng: “Hòa Thượng nói pháp rất trái với văn kinh.” Tổ bảo: “Ta được truyền tâm ấn của Phật, đâu dám trái với kinh Phật.” Hành Xương thưa: “Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa Thượng lại nói là vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ Đề đều là vô thường mà Hòa Thượng lại nói là hữu thường, đây tức là trái nhau, khiến cho học như cày thêm nghi ngờ.” Tổ nói: “Kinh Niết Bàn thuở xưa tôi có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc một lần liền vì bà giảng nói, không có một chữ, một nghĩa nào không hiệp

với văn kinh, cho đến vì ông nói cũng trọn không có hai thuyết.” Hành Xương thưa: “Học nhưn thức lượng cạn tối, cúi mong Hòa Thượng lượng theo mà từ bi khai thị.”

Nhơn đó Tổ bảo: “Ông biết chăng, Phật tánh nếu thường lại nói gì là các pháp thiện ác, cho đến cùng kiếp không có một người phát tâm Bồ ĐỀ, nên tôi nói là vô thường, mà chính là đạo chơn thường của Phật nói. Lại tất cả pháp nếu là vô thường, tức là mỗi vật đều có tự tánh, dung thọ sanh tử mà tánh chơn thường có chỗ bất biến, nên tôi nói thường chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật xưa vì phạm phu ngoại đạo chấp tà thường, còn các hàng nhị thừa thường mà chấp là vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong giáo lý liễu nghĩa kinh Niết Bàn phá thiên kiến kia mà hiển bày chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Nay ông y theo lời nói mà trái với nghĩa, dùng đoạn diệt vô thường và xác định cái tử thường mà lầm hiểu lời nói mầu nhiệm viên diệu tối hậu của Phật, dù có xem một ngàn biến kinh thì có lợi ích gì?”

Hành Xương bỗng nhiên đại ngộ, liền nói kệ rằng:

“Vì giữ tâm vô thường,  
Phật nói có tánh thường,  
Không biết được phương tiện,  
Như ao xuân mò gạch,  
Nay tôi chẳng thi công,  
Mà Phật tánh hiện tiền,  
Không phải thầy trao cho,  
Tôi cũng không sở đắc.”

Tổ bảo: “Nay ông mới triệt vậy, nên đặt tên ông là Chí Triệt.” Chí Triệt lễ tạ mà lui.

#### ***(XIV) Thiên Sư Trí Thường Tín Châu***

Trí Thường Tín Châu là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên Sư Trí Thường như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Tăng Trí Thường, người ở Quý Khê, Tín Châu, thuở nhỏ xuất gia, chí cầu thấy tánh, một hôm đến

tham lễ, Lục Tổ hỏi: “Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì?” Sư thưa: “Học nhân gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hòa Thượng Đại Thông nhờ chỉ nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng chưa giải quyết được hồ nghi, nên từ xa đến đây lễ Hòa Thượng, mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.” Tổ bảo: “Kia có ngôn cú gì ông thử nhắc lại xem.” Trí Thường thưa: “Trí Thường đến nơi kia, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy, vì lòng tha thiết vì pháp nên một hôm riêng vào trước thất thưa hỏi: ‘Thế nào là bản tâm, bản tánh của con?’ Ngài Đại Thông nói rằng: ‘Ông thấy hư không?’ Trí Thường đáp: ‘Thấy!’ Hòa Thượng Đại Thông hỏi: ‘Ông thấy hư không có tướng mạo chẳng?’ Trí Thường đáp: ‘Hư không vô hình mà có tướng mạo gì?’ Ngài Đại Thông bảo: ‘Bản tánh của ông ví như hư không, trọn không một vật có thể thấy, ấy gọi là chánh kiến, không một vật có thể biết, ấy gọi là chơn tri, không có xanh, vàng, dài, ngắn, chỉ thấy bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng tức gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là Như Lai Tri Kiến.’”

Trí Thường khẩn khoản với Lục Tổ: ‘Học nhơn tuy nghe lời này vẫn chưa giải quyết xong điều nghi, cúi xin Hòa Thượng chỉ dạy.’

Lục Tổ bảo: “Lời thầy kia nói vẫn còn kiến tri nên khiến ông chưa rõ.” Nay tôi chỉ ông một bài kệ:

“Chẳng thấy một pháp còn thấy không,  
Giống như mây nổi che mặt nhật,  
Chẳng biết một pháp giữ biết không,  
Lại như hư không sanh điện chớp,  
Tri kiến này bỗng nhiên dấy lên,  
Lầm nhận đâu từng hiểu phương tiện,  
Ông phải một niệm tự biết lỗi,  
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.”

Trí Thường nghe bài kệ rồi tâm trí hoát nhiên đại ngộ, bèn nói kệ:

“Vô cố khởi tri kiến,  
Chấp tướng cầu Bồ Đề,  
Tinh còn một niệm ngộ,  
Đâu vượt mê ngàn xưa.  
Tự tánh giác nguyên thể,  
Tùy chiếu luống đổi dời,  
Chẳng vào thất Tổ Sư,  
Mờ mịt chạy hai đầu.”



Trí Thường một hôm hỏi Tổ rằng: “Phật nói pháp ba thừa, lại nói Tối thượng thừa, đệ tử chưa hiểu, mong ngài chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Ông xem nơi bản tâm mình, chớ có chấp tướng bên ngoài. Pháp không có bốn thừa, tâm người tự có những sai biệt. Thấy nghe tụng đọc ấy là Tiểu thừa, ngộ pháp hiểu nghĩa ấy là Trung thừa, y pháp tu hành ấy là Đại thừa, muôn pháp trọn thông, muôn pháp đầy đủ, tất cả không nhiễm, lìa các pháp tướng, một cũng không được gọi là Tối thượng thừa. Thừa là nghĩa hành, không phải ở miệng tranh, ông phải tự tu chớ có hỏi tôi, trong tất cả thời, tự tánh tự như.”

Trí Thường liền lễ tạ và hầu Tổ đến trọn đời.

Theo Truyền Đăng Lục, quyển VII: Một hôm, Thiền sư Trí Thường dạy chúng: “Ta sắp giảng Thiền; các ông hãy bước tới đây cả.” Khi đồ chúng bước tới, Sư tiếp: “Các ông có nghe nói Quan Âm Diệu Trí Lực, năng cứu thế gian khổ?” Một vị Tăng hỏi: “Thế nào là Quan Âm Diệu Trí Lực?” Sư búng ngón tay và nói: “Ông có nghe không?” Vị Tăng đáp: “Có nghe.” Sư quát âm lên: “Một lũ ngây ngô; các ông muốn khám phá cái gì ở đây?” Nói xong Sư lấy gậy gạt họ ra, rồi cười lớn và bỏ đi vào trú phòng của mình.

### *(XV) Thiền Sư Trí Đạo Quảng Châu*

Trí Đạo Quảng Châu là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Trí Đạo như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Tăng Trí Đạo, người quê ở Nam Hải Quảng Châu, đến tham vấn Tổ: “Học hơn từ xuất gia, xem Kinh Niết Bàn hơn mười năm chưa rõ được đại ý, cúi mong Hòa Thượng xót thương chỉ dạy.” Tổ bảo: “Chỗ nào ông chưa rõ?”

Trí Đạo thưa: “Chư hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui,” nơi đây con nghi ngờ.

Tổ hỏi: “Ông nghi như thế nào?” Trí Đạo thưa: “Tất cả chúng sanh đều có hai thân gọi là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường có sanh có diệt, pháp thân có thường không tri giác không giác. Kinh nói ‘Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, chẳng biết thân nào tịch diệt, thân nào thọ vui?’ Nếu là sắc thân, khi sắc thân tịch diệt, bốn đại phân tán,

toàn là khổ, khổ không thể nói vui; nếu pháp thân tịch diệt tức đồng cỏ cây gạch đá, ai sẽ thọ vui? Lại pháp tánh là thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt, một thể năm dụng, sanh diệt là thường, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì từ dụng nhiếp về thể, nếu cho lại sanh tức là loài hữu tình không đoạn không diệt, nếu chẳng cho lại sanh tức là hằng trở về tịch diệt thì đồng với vật vô tình, như thế ắt tất cả pháp bị sự ngăn cấm của Niết Bàn, còn chẳng được sanh, có gì là vui?”

Tổ quở: “Ông là Thích tử sao lại tập theo ngoại đạo về đoạn kiến và thường kiến mà luận nghị về Tối thượng thừa. Cứ theo lời ông nói, tức là ngoài sắc thân riêng có pháp thân, lìa sanh diệt để cầu tịch diệt, lại suy luận Niết Bàn thường lạc nói có thân thọ dụng, đây là chấp lẫn về sanh tử, đắm mê cái vui thế gian; nay ông nên biết, Phật vì tất cả người mê mà nhận thân năm uẩn hòa hợp làm thể tướng của mình, phân biệt tất cả pháp cho là tướng ngoại trần, ưa sanh, ghét chết, niệm niệm đổi dời, không biết là mộng huyễn hư giả, luống luân hồi, lấy thường lạc Niết Bàn đổi thành tướng khổ, trọn ngày tìm cầu. Phật vì thương những người này, mới chỉ dạy Niết Bàn chơn lạc, trong sát na không có tướng sanh, trong sát na không có tướng diệt, lại không có sanh diệt có thể diệt, ấy là tịch diệt hiện tiền. Chính ngay khi hiện tiền cũng không có cái lượng hiện tiền, mới gọi là thường lạc. Vui này không có người thọ, cũng không có người chẳng thọ, há có tên một thể năm dụng, huống là nói Niết Bàn ngăn cấm các pháp khiến hằng chẳng sanh. Đây là ông chê Phật hủy pháp. Hãy nghe tôi nói kệ:

“Đại Niết Bàn vô thượng,  
Tròn sáng thường lặng soi,  
Phàm phu gọi là chết,  
Ngoại đạo chấp là đoạn,  
Những người cầu nhị thừa,  
Cho đó là vô tác,  
Trọn thuộc chỗ tình chấp,  
Gốc sáu mươi hai chấp.  
Dối lập tên hư giả,  
Sao đạt nghĩa chơn thật,  
Chỉ có người vượt qua,  
Thông suốt không thủ xả,  
Do biết pháp năm uẩn,  
Vô ngã ở trong uẩn,

Ngoài hiện các sắc tướng,  
 Mỗi mỗi tướng âm thanh,  
 Bình đẳng như mộng huyễn,  
 Không khởi chấp phàm Thánh,  
 Không khởi hiểu Niết Bàn,  
 Hai bên ba mé dứt.  
 Thường hiện dụng các căn,  
 Mà chẳng khởi tưởng dụng,  
 Phân biệt tất cả pháp,  
 Không khởi tưởng phân biệt.  
 Kiếp hỏa đốt biển cả,  
 Gió thổi núi chạm nhau.  
 Chơn thường tịch diệt vui,  
 Tướng Niết Bàn như thế.  
 Nay tôi gắng gượng nói,  
 Khiến ông bỏ tà kiến,  
 Ông chớ theo lời hiểu,  
 Nhận ông biết ít phần.”

Trí Đạo nghe kệ đại ngộ, vui mừng nhảy nhót, làm lễ rồi lui.

### ***(XVI) Thiên Sư Ấn Tông Pháp Tính***

Ấn Tông Pháp Tính là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ bảy. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Ấn Tông Pháp Tính; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Ấn Tông là một Pháp sư Trung Hoa nổi tiếng. Ban đầu ông đến Kinh sư, được bổ nhiệm trụ trì chùa Đại Kính Ái. Sau Sư đến tham yết Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Sau nữa, ông gặp Lục Tổ Huệ Năng khi đang giảng kinh Niết Bàn tại chùa Pháp Tính ở Quảng Châu. Ông đã thỉnh cầu Tổ Huệ Năng thuyết pháp cho mình được giác ngộ.

### ***(XVII) Thiên Sư Huyền Sách Vụ Châu***

Huyền Sách là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Huyền Sách; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V. Thiên sư Huyền Sách, một trong những đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng. Một hôm thiên sư Huyền Sách đến tìm Huyền Giác. Họ say sưa bàn bạc về Phật pháp, và Huyền Sách thấy rằng những nhận định của Huyền Giác hoàn toàn phù hợp với chư Tổ, đầu chính Huyền Giác cũng không để ý. Huyền Sách hỏi: "Bổn sư của nhân giả là ai?" Huyền Giác đáp: "Đối với sự hiểu biết của tôi về kinh điển thuộc hệ Phương Đẳng, mỗi kinh đều có thầy ấn chứng. Về sau nhờ đọc kinh Duy Ma Cát, tự tôi thâm nhập giáo lý của Phật Tâm Tông, nhưng chưa có ai ấn chứng cho quan điểm của mình." Huyền Sách nói: "Thời đức Oai Âm Vương Phật về trước không cần có ấn chứng, nhưng sau thời này những ai tự mình chứng ngộ mà không có thầy đều thuộc phái thiên nhiên ngoại đạo." Huyền Giác yêu cầu: "Vậy xin nhân giả làm chứng cho tôi đi." Nhưng Huyền Sách bảo: "Lời nói của tôi không nặng cân đầu. Bây giờ Lục Tổ đang ở Tào Khê, mọi người từ bốn phương kéo về tụ tập để tiếp thọ chánh pháp. Chúng ta hãy tìm đến ngài thì tốt hơn."

### ***(XVIII) Thiên Sư Linh Thao Tào Khê***

Linh Thao (666-760) là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ bảy-thứ tám. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Linh Thao Tào Khê; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Thiên sư Linh Thao Tào Khê, người Cát Châu, họ Trương. Sư xuất gia tại Tào Khê với Lục Tổ Huệ Năng. Có lần vua Đường Túc Tông có hạ chiếu vời Sư vào triều, nhưng Sư từ chối. Sư lưu trú tu hành tại núi Tào Khê cho đến khi thị tịch ở tuổi 95.

## ***(B-1) Dòng Thiền Lão An***

### ***(I) Thiền Sư Lão An***

Theo Truyền Đăng Lục, quyển V, ngoài hai đại sư Huệ Năng và Thần Tú, pháp tử nối pháp dòng Thiền của Thiền Sư Hoằng Nhẫn còn ghi lại được gồm nhiều vị khác, trong số đó có: Thiền sư Tuyên Thập, Tư Châu Trí Sần và Huệ An (Lão An). Chúng ta không có chi tiết về những vị Thiền Sư này, chỉ biết họ là những đệ tử nổi trội nhất trong số hàng ngàn đệ tử của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Lão An là tên của một Thiền sư Trung Hoa, sống vào khoảng thế kỷ thứ VII hay thứ VIII. Người ta còn gọi Lão An là thiền sư Huệ An, quốc sư Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ VII. Theo Truyền Đăng Lục, quyển V, một hôm có hai vị Tăng đến hỏi quốc sư Huệ An về ý chỉ của Đạt Ma Đông du. Huệ An đáp: "Sao mấy ông không tự hỏi ý của mình là gì?" Thiền Nhiên và Hoài Nhượng thưa: "Ý của tự mình là gì?" Huệ An đáp: "Nên quán tác dụng mật." Thiền Nhiên và Hoài Nhượng thưa: "Tác dụng mật là gì?" Huệ An chỉ mở mắt và nhắm mắt, thay cho lời giảng giải. Thật vậy, thông điệp của Tổ Bồ Đề Đạt Ma không phải là một thông điệp bình thường khả dĩ truyền trao bằng ngôn ngữ hay văn tự. Hành giả tu Thiền nên nhớ điều này: Trong Phật Giáo Thiền Tông có cái vốn không thể tỏ bày và dẫn giải được trong Tam Tạng Kinh Điển. Có phải chăng đó là bức thông điệp của Tổ Bồ Đề Đạt Ma mà hành giả nên luôn suy ngẫm trên bước đường tu tập của chính mình? "Bất lập văn tự; giáo ngoại biệt truyền; trực chỉ nhân tâm; kiến tánh thành Phật."

### ***(II) Thiền Sư Vô Trụ (714-774)***

Vô Trụ là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thời nhà Đường (618-907). Vào đầu hậu bán thế kỷ thứ tám, Thiền sư Vô Trụ đã khai sáng dòng Thiền Bảo Đường. Hòa Thượng Vô Trụ là người ở Mi Huyền, Phụng Tương, phía tây Trường An. Sư họ Lý, pháp danh Vô Trụ. Về ưu điểm, Sư vượt trội hơn những người khác. Sư là một nhà võ thuật chuyên nghiệp. Một lần, tình cờ Sư gặp cư sĩ Trần Sở Chương, người không rõ nguồn gốc. Người đương thời cho rằng cư sĩ là hiện thân

của Ngài Duy Ma Cật. Cư sĩ Trần tuyên thuyết đốn giáo. Vào cái hôm mà Hòa Thượng Vô Trụ gặp cư sĩ, hai người hợp nhau một cách thân tình và kết thân từ đó, và cư sĩ Trần đã âm thầm truyền tâm pháp... Trong khoảng từ ba đến năm năm, Vô Trụ tiến hành pháp tu của cư sĩ. Trong những năm Thiên Bảo (742-756) Sư tình cờ nghe nói về Hòa Thượng Minh của Đáo Thứ Sơn ở Phạm Dương, nằm về phía bắc tỉnh Hà Bắc ngày nay, Hòa Thượng Thần Hội của Đông Đô vùng Lạc Dương, và Hòa Thượng Tự Tại ở quận Thái Nguyên trong tỉnh Sơn Tây ngày nay, tất cả đều là đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng, người nói pháp đốn giáo. Lúc ấy Vô Trụ vẫn chưa xuất gia. Sau đó, Sư đi đến Thái Nguyên để tham bái Hòa Thượng Tự Tại. Vô Trụ từ bỏ con đường mình đã đi trước đây, và rồi cạo tóc đắp y. Sau khi thọ cụ túc giới vào năm 749, Sư từ giả thầy mình là Hòa Thượng Tự Tại để đi nhập hạ tại chùa Thanh Lương trên Ngũ Đài Sơn. Sư nghe thuyết giảng về các oai nghi của Hòa Thượng Minh trên Đáo Thứ Sơn và ẩn ý các pháp của Hòa Thượng Thần Hội. Từ khi Sư lãnh hội được nghĩa lý của các vị này rồi, Sư không đến tham bái và lễ kính riêng. Ở hết mùa an cư kiết hạ năm 750, Sư xuống núi và đi đến Tây đô Trường An. Sư qua lại giữa hai chùa An Quốc và Sùng Thánh. Năm 751 Sư đi đến Linh Châu ở phương Bắc và trụ lại hai năm tại Hạ Lam Sơn, phía bắc Linh Châu. Một hôm, có một vị thượng nhân tên Tào Hoài đến hỏi: "Hòa Thượng có từng đến Kiếm Nam để gặp Hòa Thượng Kim chưa?" Sư đáp: "Lão Tăng không biết ông ấy." Tào Hoài nói: "Mặt của Hòa Thượng giống mặt của Hòa Thượng Kim." Sư hỏi Tào Hoài: "Vì ông đã đến Kiếm Nam, vậy Hòa Thượng Kim nói những giáo pháp gì?" Tào Hoài nói: "Ngài ấy nói pháp vô ức, ức niệm và mặc vong." Sau cuộc nói chuyện này, Sư đi Kiếm Nam và lễ bái Hòa Thượng Kim. Tháng ba năm 759, Sư đến chùa Tịnh Chúng ở Thành Đô. Thoạt tiên, Sư gặp Hòa Thượng An Kiên, sau đó Sư gặp Hòa Thượng Kim. Khi thấy Sư, Hòa Thượng Kim hài lòng một cách khác thường. Trong lễ thọ giới ba ngày, Hòa Thượng Kim luôn bảo Sư: "Tại sao ông không đi vào núi đi? Ở lại đây lâu có lợi ích gì?" Hết thấy hội chúng đều bảo Sư: "Hòa Thượng Kim chưa bao giờ nói như thế trước đây. Tại sao Ngài lại bất ngờ nói lên những lời ấy?" Sau khi nghe được những lời này, Hòa Thượng Vô Trụ đi vào trong núi, nơi Sư tu tập tĩnh thức và đạt được cảnh giới tự chứng. Mặc dầu Thiền Sư Vô Trụ nhận Hòa Thượng Kim là thầy, nhưng theo Thiền Sư Khuê Phong Tông Mật thì rõ ràng Hòa Thượng Kim và Vô Trụ thuộc hai

dòng Thiền khác nhau, Hòa Thượng Kim thuộc phái Tịnh Chứng trong khi Vô Trụ lại thuộc phái Bảo Đường. Trong quyển Lịch Đại Pháp Bảo Ký, Thiền Sư Tông Mật chỉ kể rằng Vô Trụ thọ giới ở một trong những chúng hội của Hòa Thượng Kim. Tuy nhiên, Trung Hoa Truyền Tâm Địa Thiền Môn Sư Tư Thừa Tập Đồ, Thiền Sư Tông Mật lại đưa ra người nối pháp của Hòa Thượng Kim không phải là Vô Trụ, mà là Thiền sư Ích Châu Thạch (Tịnh Chứng Thân Hội), truy nguyên Tịnh Chứng từ Hoàng Nhẫn, đến Tư Châu Trí Sần, đến Tư Châu Xử Tịch, đến Ích Châu Kim, rồi đến Ích Châu Thạch. Theo Bắc Sơn Lục của Thần Thanh, người ở trong dòng Thiền Tịnh Chứng thì Tịnh Chứng và Bảo Đường không những là hai phái Thiền riêng biệt, mà còn là những dòng Thiền tương phản nhau nữa. Trong giáo pháp Thiền, Thiền sư Vô Trụ luôn dạy chúng đệ tử: "Vô tâm là giới; vô niệm là định; và vô sanh là hay không sanh vọng tưởng là huệ."

## ***(B-2) Nói Pháp Thiền Sư Lão An***

### ***(I) Thiền Sư Phá Táo Đọa***

Theo Thiền Luận, Tập II của Thiền sư D.T. Suzuki, Phá Táo Đọa là cái tên mà Thiền sư Huệ An đặt cho một đệ tử của mình ở Tung Nhạc. Nghĩa đen là bếp hư đổ, chỉ cho biến cố trong đời sống của một Thiền sư không tên tuổi, nhờ đấy mà được chú ý.

Tại một làng vùng núi Tung Nhạc, có một cái miếu bên trong điện có để một bếp lửa. Dân ở gần xa đến tế tự bếp lửa này không ngớt, họ luộc rất nhiều thú vật để cúng. Một hôm có nhà sư vô danh dẫn các Tăng hầu vào miếu. Sư lấy gậy gõ vào bếp ba lần, và bảo: "Chắc! Bếp ơi là bếp! Mi há không phải chỉ là bùn gạch hiệp thành sao? Thánh linh đâu nơi mi vậy? Sao mi đòi luộc nhiều mạng thú vật để cúng như thế?" Nói xong, ông lại gõ vào bếp ba lần nữa. Bếp liền nghiêng đổ xuống đất vỡ ra từng mảnh.

Chốc lát, có một người đến gần sư cúi đầu lạy. Sư hỏi ông là ai. Y đáp: "Tôi là Táo thân của miếu này. Tôi ở đây rất lâu do nghiệp báo đời trước của mình. Nay nhờ nghe 'pháp vô sinh' của thầy mà thoát khỏi ràng buộc và được thác sinh lên trời. Nay tôi đến đây để bái tạ

Thầy.” Sư bảo: “Vô sinh là bản tánh của người, chẳng phải nhờ ta thuyết pháp.” Thần bết lạy và biến mất.

Sau đó, các Tăng hầu và các người khác hỏi sư: “Chúng con theo hầu thầy rất lâu, nhưng chưa hề được nghe chính ngài giảng pháp. Táo thần được ngài dạy cho pháp gì mà có thể thác sinh ngay trên trời?” Sư nói: “Ta chỉ bảo nó là nó, do bùn gạch hiệp thành, chứ chẳng có đạo lý gì khác dạy riêng cho nó.” Các tăng hầu và những người khác đứng im không nói. Sư lên tiếng: “Hiểu không?” Vị chủ sự thưa: “Bẩm, chúng con không hiểu.” Sư tiếp lời: “Tánh bản hữu của hết thảy các pháp. Tại sao các ông không hiểu?” Các thầy Tăng bèn lạy, sư liền bảo: “Đổ rồi! Đổ rồi! Vỡ rồi! Vỡ rồi!” Năm và nơi sư thị tịch không ai rõ.

***The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School  
The Seventh Generation After the First Patriarch  
Bodhidharma***

***(A) The Sixth Patriarch Hui-Neng's Dharma Heirs***

The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School, the Seventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma. There were 18 recorded persons of the Sixth Patriarch Hui-Neng's Dharma Heirs: 1) Zen Master Ch'ing Yuan Hsing-Ssu. 2) Zen Master Nan Yueh Huai-Jang. 3) Zen Master Hsuan-Chueh Yung Chia. 4) Zen Master Nan Yang Hui-Chung. 5) Zen Master Shên-Hui He Che. 6) Zen Master Fa-Hai. 7) Zen Master Chih-Ch'eng. 8) Zen Master Upagupta Tripitaka. 9) Zen Master Shiao-Liao. 10) Zen Master Chih-Huang. 11) Zen Master Fa-Ta. 12) Zen Master Chih-T'ung. 13) Zen Master Chih-Ch'e. 14) Zen Master Chih-Ch'ang. 15) Zen Master Chih-Tao. 16) Zen Master Yin-Tsung. 17) Zen Master Hsuan-T'se. 18) Zen Master Ling-T'ao.

***(I) Zen Master Hsing-ssu***

*(See Phái Thiên Hành Tư in Part II Chapter 10)*



## ***(II) Zen Master Huai-jang***

*(See Phái Thiền Hoài Nhượng in Part II Chapter 11)*

## ***(III) Zen Master Hsuan-Chueh Yung Chia***

***Life and Acts of Zen Master Hsuan-Chueh Yung-Chia:*** The seventh generation of Chinese Zen (the second generation after Hui-Neng). Zen Master Hsuan-Chiao, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, Wudeng Huiyuan, volume II, and the Platform Sutra. Hsuan-Chiao, a Wen-Chou monk, also named Ming-Tao. He was born in 665 A.D. in Wenchou. Hsuan-Chiao left home to become a Buddhist monk at an early age and he studied all the important Buddhist sutras. He was especially well-versed in the teachings of the T'ien-T'ai school; and was said to have perfectly realized this in 'walking, standing, lying and sitting'. When he heard of Hui-Neng, he sought him out in Pao-lin monastery in Ts'ao-chi. He was one of the great disciples of Hui-Neng. It is said that he had a large number of followers. He is often remembered by his nickname, the "Overnight Guest," due to his legendary brief encounter with his teacher. He is said to have attained enlightenment in one night after a dharma talk with the Sixth Patriarch Hui Neng, hence is known as An Overnight Enlightenment. For this reason, people said he was a disciple of Hui Neng.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Dhyana Master Hsuan-Chiao of Yung-Chia was the son of a family called Tai in Wen-Chou. When he was young he studied the Sutras and commentaries and was skilled in the T'ien-T'ai Dharma-door of "Stop and Look." Upon reading the Vimalakirti Sutra, he understood the mind-ground. One day he happened to meet the Master's disciple Hsuan-Ch'e and they had a pleasant talk. As Hsuan-Chiao's words were consonant with the words of all the Patriarchs, Hsuan-Ch'e asked him, "Kind Sir, from whom did you obtain the Dharma?" He replied, "I have heard the Vaipulya Sutras and Sastras, receiving each from a master. Later, upon reading the Vimalakirti Sutra, I awakened to the doctrine of the Buddha-mind, but as yet no one has certified me." Hsuan-Ch'e said, "That was

acceptable before the time of the Buddha called The Awesome-Voiced King. But since the coming of that Buddha, all those who 'self-enlightened' without a master belong to other religions which hold to the tenet of spontaneity." "Then will you please certify me, Kind Sir?" said Hsuan-Chiao. Hsuan-Ch'e said, "My words are of little worth, but the Great Master, the Sixth Patriarch, is at Ts'ao-His, where people gather like clouds from the four directions. He is one who has received the Dharma. If you wish to go, I will accompany you." Thereupon Hsuan-Chiao went with Hsuan-Ch'e to call upon the Master.

Hsuan-Chiao combined in his teaching of the Buddha dharma the philosophy of the T'ien-T'ai school and the practice of Ch'an. He also introduced into the theoretical superstructure of the latter the dialectic of the Madhyamika. His writings are preserved in the Collected Works of Ch'an Master Yun-Chia-Hsuan-Chiao.

In the year 713 Zen master Yun-Chia-Hsuan-Chiao (Yongjia) passed away peacefully while sitting in meditation. During his lifetime he was called "Chen-Chiao." He received the posthumous title "Great Teacher No Form." A stupa named "Shining Purity" was constructed on the south face of West Mountain.

*A Song of Enlightenment:* Song of Realization, a popular Zen writing, written by Yung-Chia-Hsuan-Chueh, one of the famous disciples of the Sixth Patriarch Hui-Neng in the eighth century. In his "Song of Enlightenment" Zen master Hsuan-Chiao said:

"When truly understood,  
all karmic obstructions,  
in their essence, are empty,  
When there is no realization,  
All debts must be paid."

To the enlightened mind, past and present karmic effects are non-existent, but if the practitioner has not got enlightened, he must be reborn to pay his debts. Another example in the "Song of Realization":

"You have a mani jewel, but you don't know,  
That Tathagata store can gather everything.  
The six magical powers seem to be nothing,  
but not really void.  
The round, bright ball has a form,  
but it is formless."

***(IV) Zen Master Hui-Chung***

*(See Phái Thiên Huệ Trung in Part II Chapter 12)*

***(V) Zen Master Shên-Hui***

*(See Phái Thiên Hà Trạch in Part II Chapter 13)*

***(VI) Zen Master Fa-Hai Shao Chou***

Zen Master Fa-Hai, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra. According to the Platform Sutra, Chapter Seven, when Bhikshu Fa-Hai of Ch'u-Ch'iang city in Shao-Chou.

At first he called on the Sixth Patriarch, he asked, "What teaching dharma will the High Master leave behind so that confused people can be led to see the Buddha-nature?"

The Sixth Patriarch said: "The setting up of marks is mind, and separation from them is Buddha."

Then, Fa-Hai asked, "Will you please instruct me on the sentence, 'Mind is Buddha'?"

The Master said, "When one preceding thoughts are not produced, this is mind." Were I to explain it fully, I would not finish before the end of the present age." Listen to my verse:

"When the mind is called wisdom,  
Then the Buddha is called concentration.  
When concentration and wisdom are equal.  
The intellect is pure.  
Understand this Dharma teaching  
By practicing with your own nature.  
The function is basically unproduced;  
It is right to cultivate both."

At these words, Fa-Hai was enlightened and spoke a verse in praise:

"This mind is basically Buddha;

By not understanding I disgrace myself.  
 I know the cause of concentration and wisdom  
 Is to cultivate both and separate myself from all things.”

According to the Platform Sutra, Chapter Ten, each time the followers heard this verse, they understood its meaning and bowed down before the Master. They made up their minds to practice in accord with the Dharma and not to argue, knowing that the Great Master would not remain long in the world. The Senior Seated Fa-Hai bowed again and asked, “After the High Master enters extinction, who will inherit the robe and Dharma?”

The Master said, “Since the time I lectured on the Dharma in Ta-Fan Temple, transcriptions of my lectures have been circulated. They are to be called ‘The Dharma Jewel Platform Sutra.’ Protect and transmit them in order to take humankind across. If you speak according to them, you will be speaking the Orthodox Dharma. I will explain the Dharma to you, but I will not transmit the robe because your roots of faith are pure and ripe. You certainly have no doubts and are worthy of the great Work. According to the meaning of the transmission verse of the First Patriarch Bodhidharma, the robe should not be transmitted. His verse said,

“Originally I came to this land,  
 Transmitting Dharma, saving living beings.  
 One flower opens; five petals and  
 The fruit comes to bear of itself.”

### ***(VII) Zen Master Chih-Ch’eng Chi Chou***

Zen Master Chih-Ch’eng, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch’uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra. According to the Platform Sutra, Chapter Eight, he was a native of T’ai Ho in Chi Chou. While the Sixth Patriarch was staying at Pao-Lin Temple in Ts’ao-His, the Great Master Shen Hsiu was at Yu Ch’uan Temple in Ching-Nan. At that time the two schools flourished and everyone called them, ‘Southern Neng and Northern

Hsiu.' So it was that the two schools, northern and southern, were divided into 'Sudden' and 'Gradual.' As the students did not understand the doctrine, the Master said to them, "The Dharma is originally of one school. It is people who think of North and South. The Dharma is of one kind, but people understand it slowly or quickly. Dharma is not sudden or gradual, rather it is people who are sharp or dull. Hence the terms sudden and gradual." Nonetheless, Shen-Hsiu's followers continually ridiculed the southern Patriarch, saying that he couldn't read a single word and had nothing in his favor. But Shen Hsiu said, "He has obtained wisdom without the aid of a teacher and understands the Supreme Vehicle deeply. I am inferior to him. Furthermore, my Master, the Fifth Patriarch, personally transmitted the robe and Dharma to him and not without good reason. I regret that I am unable to make the long journey to visit him, as I unworthily receive state patronage here. But do not let me stop you. Go to Ts'ao-Hsi and call on him." One day Shen Hsiu told his disciple Chih-Ch'eng, "You are intelligent and very wise. You may go to Ts'ao-Hsi on my behalf and listen to the Dharma. Remember it all and take careful notes to read to me when you return."

As ordered, Chih-Ch'eng proceeded to Ts'ao-Hsi and joined the assembly without saying where he had come from. The Patriarch told the assembly, "Today there is a Dharma thief hidden in this assembly." Chih-Ch'eng immediately stepped forward, bowed and explained his mission. The Master said, "You are from Yu-Ch'uan; you must be a spy." "No," he replied, "I am not." The Master said, "What do you mean?" He replied, "Before I confessed, I was; but now that I have confessed, I am not." The Master said, "How does your Master instruct his followers?" Chih-Ch'eng replied, "He always instructs us to dwell with the mind contemplating stillness and to sit up all the time without lying down."

The Master said, "To dwell with the mind contemplating stillness is sickness, not Dhyana. Constant sitting restrains the body. How can it be beneficial? Listen to my verse:

"When living, sit, don't lie.  
When dead, lie down, don't sit.  
How can a set of stinking bones  
Be used for training?"

Chih-Ch'eng bowed again and said, "Your disciple studied the way for nine years at the place of great Master Hsiu but obtained no enlightenment. Now, hearing one speech from the High Master, I am united with my original mind. Your disciple's birth and death is a serious matter. Will the High Master be compassionate enough to instruct me further?" The Master said, "I have heard that your Master instructs his students in the dharmas of morality, concentration, and wisdom. Please tell me how he defines the terms." Chih-Ch'eng said, "The great Master Shen-Hsiu says that morality is abstaining from doing evil, wisdom is offering up all good conduct, and concentration is purifying one's own mind. This is how he explains them, but I do not know, High Master, what dharma of instruction you use." The Master said, "If I said that I had a dharma to give to others, I would be lying to you. I merely use expedients to untie bonds and falsely call that samadhi. Your master's explanation of morality, concentration, and wisdom is truly inconceivably good but my conception of morality, concentration and wisdom is different from his." Chih-Ch'eng said, "There can only be one kind of morality, concentration, and wisdom. How can there be a difference?"

The Master said, "Your master's morality, concentration, and wisdom guide those of the Great Vehicle, whereas my morality, concentration, and wisdom guide those of the Supreme Vehicle. Enlightenment is not the same as understanding; seeing may take place slowly or quickly. Listen to my explanation. Is it the same as Shen-Hsiu's? The Dharma which I speak does not depart from the self-nature, for to depart from the self-nature in explaining the Dharma is to speak of marks and continually confuse the self-nature. You should know that the functions of the ten thousand dharmas all arise from the self-nature and that this is the true morality, concentration, and wisdom. Listen to my verse:

"Mind-ground without wrong:  
 Self-nature morality.  
 Mind-ground without delusion:  
 Self-nature wisdom.  
 Mind-ground without confusion:  
 Self-nature concentration.  
 Neither increasing nor decreasing:

You are vajra.  
 Body comes, body goes:  
 The original samadhi."

Hearing this verse, Chih-Ch'eng regretted his former mistakes and he expressed his gratitude by saying this verse:

"These five heaps are a body of illusion.  
 And what is illusion?  
 Ultimately? If you tend toward True suchness  
 The Dharma is not yet pure."

The Master approved, and he said further to Chih-Ch'eng, "Your Master's morality, concentration and wisdom exhort those of lesser faculties and lesser wisdom, while my morality, concentration, and wisdom exhort those of great faculties and great wisdom. If you are enlightened to your self-nature, you do not set up in your mind the notion of Bodhi or of Nirvana or of the liberation of knowledge and vision. When not a single dharma is established in the mind, then the ten thousand dharmas can be established there. To understand this principle is to achieve the Buddha's body which is also called Bodhi, Nirvana, and the liberation of knowledge and vision as well. Those who see their own nature can establish dharmas in their minds or not establish them as they choose. They come and go freely, without impediments or obstacles. They function correctly and speak appropriately, seeing all transformation bodies as integral with the self-nature. That is precisely the way they obtain independence, spiritual powers and the samadhi of playfulness. This is what is called seeing the nature."

Chih Ch'eng asked the Master further, "What is meant by 'not establishing?'"

The Master replied, "When your self-nature is free from error, obstruction and confusion when Prajna is present in every thought, contemplating and shedding illumination and when you are constantly apart from the dharma marks and are free and independent, both horizontally and vertically, then what is there to be established? In the self-nature, in self-enlightenment, in sudden enlightenment, and in sudden cultivation there are no degrees. Therefore, not a single dharma is established. All dharmas are still and extinct. How can there be stages?"

Chih-Ch'eng made obeisance and attended on the Master day and night without laziness.

### ***(VIII) Zen Master Upagupta Tripitaka***

Zen Master Upagupta Tripitaka, name of an Indian Zen monk in the seventh century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume V: He was from India, came to Shao-Yang by the end of the seventh century. He was enlightened when he happened to hear the teachings of the Sixth Patriarch. Later, he went to Wu Tai Shan, there he met a monk who built a hermitage to sit in deep meditation by himself. He asked the monk, "Why do you sit here by yourself?" The monk replied, "To contemplate on the purity." He asked, "Who contemplates and what is that purity?" The monk bowed him and asked, "Would you please tell me that principle." He said, "Why do you not contemplate and purify yourself?" The monk was puzzled and could not answer. He asked, "From what sect are you from?" The monk said, "From Zen Master Shen-Hsiu." He said, "The lowest heretical sect in India does not fall into this kind of view-attachment. What is the use of quiet sitting in dumbfounded state like this?" The monk asked, "Who is your master?" He replied, "My master is the Sixth Patriarch Hui Neng. Why don't you hurry to visit him so that you can be enlightened soon?" Then the monk followed his advice to come to visit the Sixth Patriarch; and eventually the monk was also enlightened by the Patriarch. From that time, his whereabouts and passing-away time were unknown.

### ***(IX) Zen Master Shiao-Liao Pien Tan***

Zen Master Shiao-Liao Pien-Tan, name of a Chinese Zen monk in the end of the seventh century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume V: Zen master Shiao-Liao Pien-Tan was one of the disciples of



Great Master Hui Neng. Zen Master Shiao-Liao realized the state of no-thought. He believed that a practitioner should be able to get rid of the mind distinguishing of right and wrong and all forms of language.

### *(X) Zen Master Chih-Huang He Pei*

Chih-Huang He-Pei, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e., the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra. According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Chih-huang was an adept in meditation, which he studied under the fifth patriarch Hung-jen.

After twenty years of cultivation, he thought he well understood the purport of meditation or samadhi. Hsuan-t'se, learning his attainment, visited him, and said, "What are you doing there?" Chih-huang said, "I am entering into a samadhi." Hsuan-t'se said, "You speak of entering, but how do you enter into samadhi with a thoughtful mind or with a thoughtless mind? If you say with a thoughtless mind, all non-sentient beings such as plants or bricks could attain samadhi. If you say with a thoughtful mind, all sentient beings could attain it." Chih-huang said, "When I enter into samadhi, I am not conscious of either being thoughtful or thoughtless." Hsuan-t'se said, "If you are conscious of neither, you are right in samadhi all the while; why do you then talk at all of entering into it or coming out of it? If, however, there is really entering or coming out, it is not Great Samadhi." Chih-huang did not know how to answer. After a while he asked who was Hsuan-t'se's teacher and what was his understanding of samadhi. Hsuan-t'se said, "The Sixth Patriarch Hui-neng is my teacher, and according to him, the ultimate truth lies mystically serene and perfectly quiet; substance and function are not to be separated, they are of one Suchness. The five skandhas are empty in their nature, and the six sense-objects have no reality. The truth knows of neither entering nor going out, neither being tranquil nor disturbed. Dhyana in essence has no fixed abode, be serene in dhyana. Dhyana in essence is birthless; without attaching

yourself to the thought of birth and death, think in dhyana. Have your mind like unto space and yet have no thought of space."

Thus learning of the sixth patriarch's view on samadhi or dhyana, Chih-huang came to visit the master. The Sixth Patriarch said, "What Hsuan-t'se told you is true. Have your mind like unto space and yet entertain in it no thought of emptiness. Then the truth will have its full activity unimpeded. Every movement of yours will come out of an innocent heart, and the ignorant and the wise will have an equal treatment in your hands. Subject and object will lose their distinction, and essence and appearance will be of one suchness. When a world of absolute oneness is thus realized, you have attained to eternal samadhi."

Just then Chih-Huang attained the great enlightenment. What he had gained in twenty years vanished from his mind without a trace. That night, the people of Hopei heard a voice in space announcing, 'Today, Dhyana Master Chih-Huang has attained the Way.' Later, he made obeisance and left, returning to Hopei to teach and convert the four assemblies there."

### ***(XI) Zen Master Fa-Ta***

Zen Master Fa-Ta Hung-Chou, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Bhikshu Fa-Ta of Hung-Chou left home at age seven and constantly recited the Dharma Flower Sutra, but when he came to bow before the Sixth Patriarch, his head did not touch the ground. The Master scolded him, saying, "If you do not touch the ground, isn't it better not to bow? There must be something on your mind. What do you practice?" "I have recited the Dharma Flower Sutra over three thousand times," Fa-Ta replied. The Master said, "I don't care if you have recited it ten thousand times. If you understood the Sutra's meaning, you would not be so overbearing,

and you could walk along with me. You have failed in your work and do not recognize your error. Listen to my verse:

“As bowing is basically to cut off arrogance,  
 Why don’t you touch your head to the ground?  
 When you possess an ego, offenses arise,  
 But forgetting merit brings supreme blessings.”

The Master asked further, “What is your name?” “Fa-Ta,” he replied. The Master said, “Your name means ‘Dharma Penetration,’ but what dharma have you penetrated?” The Master then spoke a verse:

“Your name means Dharma Penetration,  
 And you earnestly recite without pause to rest.  
 Recitation is merely sound,  
 But one who understands his mind is  
 called a Bodhisattva.  
 Now, because of your karmic conditions,  
 I will explain it to you:  
 Believe only that the Buddha is without words,  
 And the lotus blossom will bloom from your mouth.”

Hearing the verse, Fa-Ta was remorseful and he said, “From now on I will respect everyone. Your disciple recites the Dharma Flower Sutra but, has not yet understood its meaning. His mind often has doubts. High Master, your wisdom is vast and great. Will you please explain the general meaning of the Sutra for me?”

The Master said, “Dharma Penetration, the Dharma is extremely penetrating but, your mind does not penetrate it. There is basically nothing doubtful in the Sutra. The doubts are in your own mind. You recite this Sutra but what do you think its teaching is?”

Fa-Ta said, “This student’s faculties are dull and dim. Since I have only recited it by heart, how could I understand its doctrine?”

The Master said, “I cannot read, but if you take the Sutra and read it once, I will explain it to you.”

Fa-Ta recited loudly until he came to the ‘Analogies Chapter.’ The Master said, “Stop! This Sutra fundamentally is based on the principle underlying the causes and conditions of the Buddha’s appearance in the world. None of the analogies spoken go beyond that. What are the causes and conditions? The Sutra says, ‘All Buddhas, the World-

Honored Ones, appear in the world for the causes and conditions of the One Important Matter.’ The One Important Matter is the knowledge and vision of the Buddha. Worldly people, deluded by external world, attach themselves to marks, and deluded by their inner world, they attach themselves to emptiness.

The Sixth Patriarch also said, “If you can live among marks and yet be separate from it, then you will be confused by neither the internal nor the external. If you awaken to this Dharma, in one moment your mind will open to enlightenment. The knowledge and vision of the Buddha is simply that. The Buddha is enlightenment. There are four divisions: Opening to the enlightened knowledge and vision; demonstrating the enlightened knowledge and vision; awakening to the enlightened knowledge and vision; and entering the enlightened knowledge and vision. If you listen to the opening and demonstrating of the Dharma, you can easily awaken and enter. That is the enlightened knowledge and vision, the original true nature becoming manifested. Be careful not to misinterpret the Sutra by thinking that the opening, demonstrating, awakening, and entering of which it speaks is the Buddha’s knowledge and vision and that we have no share in it. To explain it that way would be to slander the Sutra and defame the Buddha. Since he is already a Buddha, perfect in knowledge and vision, what is the use of his opening to it again? You should now believe that the Buddha’s knowledge and vision is simply your own mind, for there is no other Buddha. But, because living beings cover their brilliance with greed, and their love with states of defilement; external conditions and inner disturbance make slaves of them. That troubles the World-Honored One to rise from Samadhi, and with various reproaches and expedients, he exhorts living beings to stop and rest, not to seek outside themselves, and to make themselves the same as he is. That is called ‘Opening the knowledge and vision of the Buddha.’ I, too, am always exhorting all people to open to the knowledge and vision of the Buddha within their own minds. The mind of worldly people are deviant. Confused and deluded, they commit offenses. Their speech may be good, but their minds are evil. They are greedy, hateful, envious, given to flattery, deceit and arrogance. They oppress one another and harm living creatures, thus, they open not the knowledge and vision of Buddha but that of living beings. If you can

with an upright mind constantly bring forth wisdom, contemplating and illuminating your own mind, and if you can practice the good and refrain from evil, you, yourself will open to the knowledge and vision of the Buddha. In every thought you should open up to the knowledge and vision of the Buddha; do not open up to the knowledge and vision of living beings. To be open to the knowledge and vision of the Buddha is transcendental; to be open to the knowledge and vision of living beings is mundane. If you exert yourself in recitation, clinging to it as a meritorious exercise, how does that make you different from a yak who loves his own tail?"

Fa-Ta said, "If this is so, then I need only to understand the meaning and need not to exert myself in reciting the Sutra. Isn't that correct?"

The Master replied, "What fault does the Sutra have that would stop you from reciting it? Confusion and enlightenment are in you. Loss or gain comes from yourself. If your mouth recites and your mind practices, you 'turn' the Sutra, but if your mouth recites and your mind does not practice, the Sutra 'turns' you. Listen to my verse:

"When the mind is confused,  
the Dharma Flower turns it.  
The enlightened mind will turn the Dharma Flower.  
Reciting the Sutra so long without understanding  
Has made you an enemy of its meaning.  
Without a thought your recitation is right.  
With thought, your recitation is wrong.  
With no 'with' and no 'without'  
You may ride forever in  
the White Ox Cart."

Fa-Ta heard this verse and wept without knowing it. At the moment the words were spoken, he achieved a great enlightenment and said to the Master, "Until today I have never actually turned the Dharma Flower; instead it has turned me." Fa-Ta asked further, "The Lotus Sutra says, 'If everyone from Sravakas up to the Bodhisattvas were to exhaust all their thought in order to measure the Buddha's wisdom, they still could not fathom it.' Now, you cause common people merely to understand their own minds, and you call that the knowledge and vision of the Buddha. Because of this, I am afraid that those without

superior faculties will not be able to avoid doubting and slandering the Sutra. The Sutra also speaks of three carts. How do the sheep, deer, and ox carts differ from the White Ox Cart? I pray the High Master will once again instruct me.”

The Master said, “The Sutra’s meaning is clear. You yourself are confused. Disciples of all three vehicles are unable to fathom the Buddha’s wisdom; the fault is in their thinking and measuring. The more they think, the further they go. From the start, the Buddha speaks for the sake of common people, not for the sake of other Buddhas. Those who chose not to believe were free to leave the assembly. Not knowing that they were sitting in the White Ox Cart, they sought three vehicles outside the gate. What is more, the Sutra text clearly tells you ‘There is only the one Buddha Vehicle, no other vehicle, whether two or three, and the same is true for countless expedients, for various causes and conditions, and for analogies and rhetoric. All these Dharma are for the sake of the One Buddha Vehicle. Why don’ you wake up? The three carts are false because they are preliminary. The one vehicle is real because it is the immediate present. You are merely taught to go from the false and return to the real. Once you have returned to reality, the real is also nameless. You should know that all the treasure and wealth is ultimately your own, for your own use. That is called maintaining the Dharma Flower Sutra. Then from aeon to aeon, your hands will never let go of the scrolls; from morning to night you will recite it unceasingly.”

Fa-Ta received this instruction and, overwhelmed with joy, he spoke a verse:

“Three thousand Sutra recitations:  
 At Ts’ao-Hsi not one single world.  
 Before I knew why he appeared in the world,  
 How could I stop the madness of accumulated births?  
 Sheep, deer, and ox provisionally set up;  
 Beginning, middle, end, well set forth.  
 Who would have thought that within the burning house  
 Originally the king of Dharma dwelt?”

The Master said, “From now on you may be called the monk mindful of the Sutra.” From then on, although Fa-Ta understood the profound meaning, he continued to recite the Sutra unceasingly.

*(XII) Zen Master Shou Chou Chih-T'ung*

Zen Master Chih-T'ung, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Bhikshu Chih-T'ung, a native of An-feng in Shou-Chou, had read the Lankavatara Sutra over a thousand times but still did not understand the three bodies and the four wisdoms. He made obeisance to the Master, seeking an explanation of the meaning. The Master said, "The three bodies are: the clear, pure Dharma-body, which is your nature; the perfect, full Reward-body, which is your wisdom; and the hundred thousand myriad Transformation-bodies, which are your conduct. To speak of the three bodies as separate from your nature is to have the bodies but not the wisdom. To remember that the three bodies have no self-nature is to understand the four wisdom of Bodhi. Listen to my verse:

"Three bodies complete in your own self-nature  
When understood become four wisdoms.  
While not apart from seeing and hearing  
Transcend them and ascend to the Buddha realm.  
I will now explain it for you.  
If you are attentive and faithful,  
you will never be deluded.  
Don't run outside in search of them,  
By saying 'Bodhi' to the end of your days."

Chih-T'ung asked further, "May I hear about the meaning of the four wisdoms?"

The Master said, "Since you understand the three bodies, you should also understand the four wisdom. Why do you ask again? To speak of the four wisdoms as separate from the three bodies is to have the wisdoms but not the bodies, in which case the wisdom becomes non-wisdom." He then spoke the verse:

"The wisdom of the great, perfect mirror

Is your clear, pure nature.  
 The wisdom of equal nature  
 Is the mind without disease.  
 Wonderfully observing wisdom  
 Is seeing without effort.  
 Perfecting wisdom is  
 The same as the perfect mirror.  
 Five, eight, six, seven,  
 Effect and cause both turn;  
 Merely useful names:  
 They are without real nature.  
 If, in the place of turning,  
 Emotion is not kept,  
 You always and forever dwell  
 In Naga concentration.

Instantly enlightened to the nature of wisdom, Chih-T'ng submitted the following verse:

“Three bodies are my basic substance,  
 Four wisdoms my original bright mind.  
 Body and wisdom in unobstructed fusion  
 In response to beings I accordingly take form.  
 Arising to cultivate them is false movement.  
 Holding to or pondering over them a waste of effort.  
 Through the Master I know the wonderful principle,  
 And, in the end, I lose the stain of names.”

Note: The transformation of consciousness into wisdom has been described. The teaching says, “The first five consciousnesses turned become the perfecting wisdom; the sixth consciousness turned becomes the wonderfully observing wisdom; the seventh consciousness turned becomes the wisdom of equal nature; the eighth consciousness turned becomes the wisdom of great perfect mirror. Although the sixth and seventh are turned in the cause and the first five and the eighth in the effect, it is merely the names which turn. Their substance does not turn.”



### *(XIII) Zen Master Chih-Ch'e Chiang Hsi*

Zen Master Chih-Ch'e, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra. According to the Platform Sutra, Chapter Eight, Bhikshu Chih-Ch'e, a native of Chiang Hsi, had the family name Chang and the personal name Hsing-Ch'ang. For this reason, contemporary people always called him "Hsing-Ch'ang". As a youth, he was an itinerant warrior.

When the schools split into the Northern and Southern, although the two leaders had lost the notion of self and other, the disciples stirred up love and hate. The disciples of the Northern School secretly set up Shen-Hsiu as the Sixth Patriarch. Fearing that the country would hear of the transmission of the robe, they hired Hsing-Ch'ang to assassinate the Master. But the Master had the power of knowing the thoughts of others. He knew of this matter in advance and set ten ounces of gold in his chair. That night, Hsing-Ch'ang entered his room intending to kill him. The Master stretched out his neck. Hsing-Ch'ang swung the blade three times but could not harm him. The Master said, "A straight sword is not bent, a bent sword is not straight, I merely owe you gold, I do not owe you life." Hsing-Ch'ang fell to the ground in fright. After a while he came to and begged for mercy, repenting of his error and vowing to leave home. The Master gave him the gold and said, "Go. I fear that my followers will come and take revenge. Change your appearance and return another day and I will accept you." Hsing Ch'ang received his orders and disappeared into the night. Later, he left home under another Bhikshu, received complete precepts and was vigorous in practice. One day, remembering the Master's words, he made the long journey to have an audience. The Master said, "I have thought of you for a long time. What took you so long?" He replied, "The High Master once favored me by pardoning my crime. Although I have left home and although I practice austerities, I shall never be able to repay his kindness. May I try to repay you by transmitting the Dharma and taking living beings across? Your disciple often studies the Mahaparinirvana

Sutra, but he has not yet understood the principles of permanence and impermanence. I beg the High Master to be compassionate and explain them for me.” The Master said, “Impermanence is just the Buddha nature and permanence is just the mind discriminating good and evil dharmas.” Hsing-Ch’ang replied, “High Master, your explanation contradicts the Sutra text!” The Master said, “I transmit the Buddha’s mind-seal. How could I dare to contradict the Buddhas’ Sutras?” Hsing-Ch’ang replied, “The Sutra says that the Buddha nature is permanent and the High Master has just said that it is impermanent; it says that good and evil dharmas, reaching even to the Bodhi Mind, are impermanent and the High Master has just said that they are permanent. This contradiction has merely intensified your student’s doubt and delusion.” The Master said, “Formerly, I heard Bhikshuni Wu Chin Tsang recite the Nirvana Sutra. When I commented on it, there was not one word or principle which did not accord with the sutra text. My explanation to you now is not different.” Hsing-Ch’ang replied, “Your student’s capacity for understanding is superficial. Will the High Master please explain further?”

Then the Master said, “Don’t you understand? If the Buddha nature were permanent, what use would there be in speaking of good and evil dharmas? To the end of an aeon not one person would produce the Bodhi Mind. Therefore, I explain it as impermanent. That is exactly what the Buddha explained as the meaning of true permanence. Furthermore, if all dharmas were permanent, all things would have a self-nature subject to birth and death and the true permanent nature would not pervade all places. Therefore, I explain it as impermanent. That is exactly what the Buddha explained as the meaning of the true permanence. It was for the sake of common people and those who belong to other religions who cling to deviant views of permanence, and for all those who follow the two-vehicle way, mistaking permanence for impermanence formulating the eight perverted views, that the Buddha in the ultimate Nirvana teaching destroyed their prejudiced views. He explained true permanence, true bliss, true selfhood and true purity. You now contradict this meaning by relying on the words, taking annihilation to be impermanence and fixing on a lifeless permanence. In this way you misinterpret the last, subtle,

complete and wonderful words of the Buddha. Even if you read it a thousand times, what benefit could you derive from it?"

Hsing-Ch'ang suddenly achieved the great enlightenment and spoke this verse:

"To those who hold impermanence in mind  
The Buddha speaks of the permanent nature;  
Not knowing expedients is like  
Picking up pebbles from a spring pond.  
But now without an effort  
The Buddha nature manifests;  
The Master did not transmit it,  
And I did not obtain a thing."

The Master said, "Now you understand! You should be called Chih-Ch'e (breadth of understanding)." Chih-Ch'e thanked the Master, bowed and withdrew.

#### ***(XIV) Zen Master Chih-Ch'ang Hsin Chou***

Zen Master Chih-Ch'ang Hsin-Chou, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Bhikshu Chih-Ch'ang, a native of Kuei-Hsi in Hsin-Chou, left home when he was a child and resolutely sought to see his own nature. One day he called on the Sixth Patriarch, who asked him, "Where are you from and what do you want?" Chih-Ch'ang replied, "Your student has recently been to Pai-Feng Mountain in Hung-Chou to call on the High Master Ta-T'ung and received his instruction on the principle of seeing one's nature and realizing Buddhahood. As I have not yet resolved my doubts, I have come from a great distance to bow reverently and request the Master's compassionate instruction." The Master said, "What instruction did he give you? Try to repeat it to me." Chih-Ch'ang said, "After arriving there, three months passed and still I had received no instruction. Being eager for the Dharma, one evening I went alone into the Abbot's room

and asked him, 'What is my original mind and original substance?' But Ta-T'ung then said to me, 'Do you see empty space?' 'Yes,' I said, 'I see it.' Ta-T'ung said to me, 'Do you know what appearance it has?' Chih-Ch'ang replied, 'Empty space has no form. How could it have an appearance?' Ta-T'ung said, 'Your original mind is just like empty space. To understand that nothing can be seen is called right seeing; to know that nothing can be known is called true knowing. There is nothing blue or yellow, long or short. Simply seeing the clear, pure original source, the perfect bright enlightened substance, this is what is called 'seeing one's nature and realizing Buddhahood. It is also called 'the knowledge and vision of the Tathagata.'"

Although I heard this instruction, I still do not understand and beg you, O Master to instruct me."

The Master said, "Your former master's explanation still retains the concepts of knowing and seeing; and that is why you have not understood. Now, I will teach you with a verse:

Not to see a single dharma  
still retains no-seeing,  
Greatly resembling floating clouds  
covering the sun.  
Not to know a single dharma  
holds to empty knowing,  
Even as a lightning flash  
comes out of empty space.  
This knowing and seeing  
arise in an instant.  
When seen wrongly,  
can expedients being understood?  
If, in the space of a thought,  
you can know your own error,  
Your own spiritual light  
will always be manifested.

Hearing the verse, Chih-Ch'ang understood it with his heart and mind, and he composed this verse:

Without beginning,  
knowing and seeing arise.  
When one is attached to marks

Bodhi is sought out.  
 Clinging to a thought of  
 enlightenment,  
 Do I rise above my former confusion?  
 The inherently enlightened  
 substance of my nature  
 Illuminates the turning twisting flow.  
 But had I not entered  
 the Patriarch's room,  
 I'd still be running, lost  
 between the two extremes.

One day Chih-Ch'ang asked the Master, "The Buddha taught the dharma of the three vehicles and also the Supreme Vehicle. Your disciple has not yet understood that and would like to be instructed."

The Master said, "Contemplate only your own original mind and do not be attached to the marks of external dharmas. The Dharma doesn't have four vehicles; it is people's minds that differ. Cultivating by seeing, hearing, and reciting is the small vehicle. Cultivating by awakening to the Dharma and understanding the meaning is the middle vehicle. Cultivating in accord with Dharma is the great vehicle. To penetrate the ten thousand dharmas entirely and completely while remaining without defilement, and to sever attachment to the marks of all the dharmas with nothing whatsoever gained in return: that is the Supreme Vehicle. Vehicles are methods of practice, not subjects for debate. Cultivate on your own and do not ask me, for at all times your own self-nature is itself 'thus.'"

Chih-Ch'ang bowed and thanked the Master and served him to the end of the Master's life.

According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume VII: One day, Zen master Chih-Ch'ang said to his monks, "I am now going to talk on Zen; you will all come forward." When all the monks came forward, he continued, "Do you hear the way Kwannon lives in full response to varieties of situations?" A monk asked, "What is Kuan Yin's way of living?" The master snapped his fingers, and said, "Do you hear?" The monk said, "Yes." The master exploded, "A company of stupid fellows, what do you want

to find out here?" So saying, he drove them out with his staff, and laughing aloud went away to his quarters.

### ***(XV) Zen Master Chih-Tao Kuang Chou***

Zen Master Chih-Tao, name of a Chinese Zen master. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in Platform Sutra.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Bhikshu Chih-Tao, a native of Nan-Hai in Kuang-Chou, asked a favor: "Since leaving home, your student has studied the Nirvana Sutra for over ten years and has still not understood its great purpose. I hope that the High Master will bestow his instruction." The Master said, "What point haven't you understood?"

Chih-Tao replied: "All activities are impermanent, characterized by production and extinction; when production and extinction are extinguished. That still extinction is bliss, my doubts are with respect to this passage."

The Master said, "What are your doubts?" Chih-Tao replied, "All living beings have two bodies, the physical body and Dharma-body. The physical body is impermanent and is produced and destroyed. The Dharma-body is permanent and is without knowing or awareness. The Sutra says that the extinction of production and extinction is bliss, but I do not know which body is in tranquil extinction and which receives the bliss. How could it be the physical body which receives the bliss? When this physical body is extinguished, the four elements scatter. That is total suffering cannot be called bliss. If the Dharma-body were extinguished it would become like grass, trees, tiles, or stones; then what would receive the bliss? Moreover, the Dharma-nature is the substance of production and extinction and the five heaps are the function of production and extinction. With one body having five functions, production and extinction are permanent; at the time of production, the functions arise from the substance, and at the time of extinction, the functions return to the substance. If there were rebirth

then sentient beings would not cease to exist or be extinguished. If there were not rebirth, they would return to tranquil extinction and be just like insentient objects. Thus, all dharmas would be suppressed by nirvana and there would not even be production. How could there be bliss?”

The Master said, “You are a son of Sakya! How can you hold the deviant views of annihilationism and permanence which belongs to other religions and criticize the Supreme Vehicle Dharma! According to what you say, there is a Dharma-body that exists apart from physical form a tranquil extinction to be sought apart from production and extinction. Moreover, you propose that there is a body which enjoys the permanence and bliss of Nirvana. But, that is to grasp tightly onto birth and death and to indulge in worldly bliss. You should now know that deluded people mistook the union of five heaps for their own bodies and determined the dharmas as external to themselves. They loved life, dreaded death and drifted from thought to thought, not knowing that this illusory dream is empty and false. They turned vainly around on the wheel of birth and death and mistook the permanence and bliss of Nirvana for a form of suffering. All day long they sought after something else. Taking pity on them, the Buddha made manifest in the space of an instant the true bliss of Nirvana, which has no mark of production or extinction; it has no production or extinction to be extinguished. That, then, is the manifestation of tranquil extinction. Its manifestation cannot be reckoned; it is permanent and blissful. The bliss has neither an enjoyer nor a non-enjoyer. How can you call it ‘one substance with five functions?’ Worse, how can you say that Nirvana suppresses all dharmas, causing them to be forever unproduced? That is to slander the Buddha and defame the Dharma. Listen to my verse:

Supreme. Great Nirvana is bright  
 Perfect, permanent, still, and shining.  
 Deluded common people call it death,  
 Other teachings hold it to be annihilation.  
 All those who seek two vehicles  
 Regard it as non-action.  
 Ultimately these notions arise from feeling,  
 And form the basis for sixty-two views,  
 Wrongly establishing unreal names.

What is the true, real principle?  
 Only one who has gone beyond measuring  
 Penetrates without grasping or rejecting,  
 And knows that the dharma of the five heaps  
 And the self within the heaps,  
 The outward appearances--a mass of  
 images--the mark of every sound,  
 Are equally like the illusion of dreams,  
 For him, views of common and holy do not arise  
 Nor are explanations of Nirvana made.  
 The two boundaries, the three limits are cut off.  
 All organs have their function,  
 But there never arises the thought of the function.  
 All dharmas are discriminated  
 Without a thought of discrimination arising.  
 When the fire at the aeon's end burns  
 the bottom of the sea  
 And the winds blow the mountain against each other,  
 The true, permanent, still extinct bliss,  
 The mark of Nirvana is 'thus.'  
 I have struggled to explain it,  
 To cause you to reject your false views.  
 Don't understand it by words alone  
 And maybe you'll understand a bit of this."

After hearing this verse, Chih-Tao was greatly enlightened.  
 Overwhelmed with joy, he made obeisance and withdrew.

### ***(XVI) Zen Master Yin-Tsung Fa Hsin***

Zen Master Yin-Tsung Fa Hsin, name of a Chinese Zen monk in the seventh century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V: He was a famous Dharma Master in China, when he first came to the Capital, he was appointed to stay at Tai Ching Ai Temple. Later, he came to see and study with the Fifth Patriarch Hung-Jen. Then, he met



the Sixth Patriarch Hui Neng when he preached the Nirvana Sutra at Fa Hsin Temple in Kuang-Chou; he the asked Hui Neng to preach to help enlighten him.

### ***(XVII) Zen Master Hsuan-T'se Wu-Chou***

Zen Master Hsuan-T'se, name of a Chinese Zen monk. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V. Zen master Hsuan-T'se, one of the Sixth Patriarch's disciples. One day, Hsuan-T'se happened to call on Hsuan-chiao. They talked absorbingly on Buddhism, and Hsuan-T'se found out that Hsuan-chiao's remarks were in complete agreement with those of the Zen Patriarchs, though Chiao himself was not conscious of it. Hsuan-T'se asked, "Who is your teacher in the Dharma?" Hsuan-chiao replied, "As regard my understanding of the sutras of the Vaipulya class I have for each its regularly authorized teacher. Later while studying the Vimalakirti, by myself I gained an insight into the teaching of the Buddha-mind, but I have nobody yet to confirm my view." Hsuan-T'se said, "No confirmation is needed prior to Bhishmasvara-rajā (the dawn of consciousness), but after him those who have enlightenment by themselves with no master belong to the naturalistic school of heterodoxy." Hsuan-chiao asked, "Pray you testify." Hsuan-T'se said, however, "My words do not carry much weight. At T'sao-ch'i the Sixth Patriarch is residing now, and people crowd upon him from all quarters to receive instruction in the Dharma. We'd better go over to him."

### ***(XVIII) Zen Master Ling-T'ao Ts'ao Ch'i***

Zen Master Ling-T'ao (666-760), name of a Chinese Zen monk in the seventh and eighth centuries. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V: Zen master Ling-T'ao was from Chih-Chou, his last name

was Chang. He became a monk at Tsao-Ch'i, and was ordained by the Sixth Patriarch Hui-Neng. King T'ang Tzu Tsung once invited him to the Royal Court, but he declined. He stayed at Mount Tsao-Ch'i until he passed away at the age of 95.

### ***(B-1) The Lao-An Zen Line***

#### ***(I) Zen Master Lao-an***

According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, beside two great masters Hui-neng and Shen-hsiu, there were several other recorded disciples of Zen Master Hung-jên's Dharma heirs. They include Hsuan-shih, Chih-hsien, and Hui-an. We do not have detailed information regarding these Zen Masters, we only know that they were the most outstanding of Hung-jên's thousands of disciples. Lao-an, name of a Zen master who lived in around the VII or VIII centuries. Lao-an was also called Zen master Hui-an, who was also a National Teacher in Chinese in the seventh century. According to the Transmission of the Lamp, Volume V, one day, two monks came and asked Hui-an about the meaning of Bodhidharma's coming to China. Hui-an said, "Why don't you ask about your own mind?" T'ien-Jan and Huai-jang asked again, "What is our own mind, master?" Hui-an said, "You should contemplate the secret working." T'ien-Jan and Huai-jang continued to ask, "What is the secret working, master?" The teacher merely opened and closed his eyes, instead of giving any verbal explanation. As a matter of fact, Bodhidharma's message is not an ordinary message which can be transmitted by words. Zen practitioners should remember this: Is there anything in Zen Buddhism which cannot be expressed and explained in the canonical writings classified into the Three Baskets? Is it a message from Bodhidharma that we, Zen practitioners, should always think about on our own path of cultivation? "A special transmission outside the scriptures; no dependence upon words and letters; direct pointing at the soul of man; seeing into one's nature and the attainment of Buddhahood."

## *(II) Zen Master Wu-Chu*

Wu Chu, name of a Chinese Zen master who lived in the T'ang Dynasty in China. In the beginning of the second half of the eighth century, Zen master Wu chu founded the Pao-T'ang Zen Sect. Ho-shang Wu-chu was a native of Mei-hsien, Feng-hsiang, west of Ch'ang-an. His family name was Li and Dharma name Wu-chu... In strength he surpassed others. He was a martial arts expert... One time, he unexpectedly met the white-robed layman Ch'en Ch'u-chang, whose origins are unknown. People of the time called him a magical apparition body of Vimalakirti. He spoke the all-at-once teaching. On that very day that Wu-chu met layman Ch'en, they intimately coincided and knew each other, and Ch'en silently transmitted the mond-dharma... For three to five years, Li engaged in the white-robed practice. During the T'ien-pao years (742-756), one day, he accidentally heard of Most Venerable Ming of Tao-tz'u Shan in Fan-yang, northern Hopei, Most Venerable Shen-hui of the eastern capital Lo-yang, and Most Venerable Tzu-tsai of the superior prefecture of T'ai-yuan in Shan-hsi, all disciples of the Sixth Patriarch Hui-neng who spoke the Dharma of sudden teaching. At that time, Wu-chu had not yet left home. He subsequently went to T'ai-yuan and paid respect to Most Venerable Tzu-tsai. After meeting with Tzu-tsai, Li (Wu-chu) said good-bye to his previous path... and subsequently cut his hair and took the robe. Having received the full precepts in 749, he left the monastery of Most Venerable Tzu-tsai and went to spend a summer at Ch'ing-liang Monastery on Wu-t'ai Shan. He heard lectures on the deportment of Most Venerable Ming of Tao-tz'u Shan and the idea behind Most Venerable Shen-hui's sayings. Since he understood their meanings, he did not visit and paid obeisance to them. After the end of the summer of 750, he came out of the mountains and went to the western capital Ch'ang-an. He went back and forth between the An-kuo Monastery and the Ch'ung-sheng Monastery. In 751, he went to Ling-chou in the North, Ninghsia, and dwelled on Ho-lan Shan, north of Ling-chou, for two years. One day, a merchant named Tao-k'uei came and asked: "Has the Master ever gone to Chien-nan (Szechwan) and

met Most Venerable Kim?" He answered: "I do not know him." Tao-k'uei said: "Master's countenance is just like that of Most Venerable Kim." He asked Tao-k'uei: "Since you have come from Chien-nan, what sort of Dharma does that Most Venerable speak?" Tao-k'uei answered: "He speaks of no-remembering, no-thought, and no-forgetting." After this conversation, he left Ho-lan Shan and went to Chien-nan to pay obeisance to Most Venerable Kim. In march 759, he arrived at Ching-chung Monastery in Ch'eng-tu. When he first arrived he met Master An-ch'ien who led him in to see Most Venerable Kim. When Most Venerable Kim saw him he was extraordinarily pleased. During the three-day celebration of receiving the precepts, Most Venerable Kim always said to him: "Why don't you go to the mountains? Of what benefit is it to stay here for a long time?" The whole assembly told him: "Most Venerable Kim has never talked like that before. Why does he suddenly come out with these words?" After hearing these words, Wu-chu silently entered the mountains, where he practiced mindfulness and entered the realm of self-realization. It is clear from Zen Master Tsung-mi that, although Wu-chu recognized Most Venerable Kim as his master, but Most Venerable Kim and Wu-chu belonged to two distinct lineages, Most Venerable Kim belonged to the Ching-chung Zen Sect while Wu-chu belonged to the Pao-t'ang Zen sect. In the Record of the Dharma Treasure Down Through the Generations, Zen Master Tsung-mi only mentioned that Wu-chu received the precepts at one of Most Venerable Kim's assemblies. However, in Tsung-mi's chart of the Master-Disciple Succession of the Ch'an Gate Which Transmits the Mind-Ground in China, Zen Master Tsung-mi mentioned that Most Venerable Kim's successor not as Wu-chu, but as I-chou Shih (Ching-chung Shen-hui), tracing Ching-chung from Hung-jen to Tzu-chou Chih-hsien to Tzu-chou Ch'u-chi to I-chou Kim to I-chou Shih. According to the Record of the Northern Mountain (Pei-shan Lu) of Shen-ch'ing, who was in the Ching-chung line, we know that Ching-chung and Pao-t'ang were not just two separate lineages, but antagonistic ones. In the teaching of Zen, Zen master Wu-chu always taught his assembly: "No-mind is morality; no-thought is concentration; and non-production of the illusion mind is insight."

## ***(B-2) Zen Master Lao-An's Dharma Heirs***

### ***(I) Zen Master P'o-Tsao-To***

The P'o-Tsao-To is the name given by Zen master Hui-An to one of his disciples at Tsung-Yueh. It literally means, 'a broken range fallen to pieces,' which illustrates an incident in the life of a nameless Zen master, whereby he became famous.

There was a shrine in one of the Tsung-Yueh villages where a lonely range was kept. This was the object of worship for the country people far and near, who here roasted alive many animals for sacrifice. One day a nameless monk appeared in the shrine accompanied by his attendants. He struck the range three times with his staff, and said: "Tut! O you an old range, are you not a mere composite of brick and clay? Whence your holiness? Whence your spirituality? And yet you demand so many animals roasted alive for sacrifice!" So saying, the master struck the range for another three times. The range then tipped by itself, and falling on the ground broke in pieces.

After a while there suddenly appeared a man, and approaching the master bowed reverentially to him. The master asked who he was, and he answered: "I am the spirit of the range enshrined here. I have been here for a long time owing to my previous karma. But listening to your sermon on the doctrine of no-birth, I am now released from the bondage and born in the heavens. To offer my special thanks to you I have come." Said the master: "No-birth is the original nature of your being. No sermonizing of mine was needed." The heavenly being bowed again and vanished.

Later on the attendant-monks and others asked the master: "We have been with you for ever so long, but we have never been permitted to listen to your personal discourses on the Dharma. What effective teaching did the range-spirit get from you which enabled him to be born immediately in the heavens?" The master said: "What I told him was simply that he was a composite of brick and clay; I had no further teaching specially meant for him." The attendant-monks and others stood quietly without a saying a word. The master remarked, "Do you understand?" The chief secretary of the monastery said: "No, we do

not.” The master continued: “The original nature of all beings, why do you not understand it?” The monks all made bows to the master, whereupon exclaimed the master: “It’s fallen, it’s fallen. It’s broken to pieces, it’s broken to pieces!” His whereabouts and when he passed away were unknown.

**Chương Mười**  
**Chapter Ten**

**Phái Thiền Hành Tư**

**(A) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**(A-1) Thiền Sư Thanh Nguyên Hành Tư (660-740)**

**I. Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Thiền Sư Hành Tư Thanh Nguyên:**

Hành Tư là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa, sống vào triều đại nhà Đường bên Trung Hoa (618-907). Ông thuộc thế hệ thứ bảy sau Bồ Đề Đạt Ma (thứ nhất sau Lục Tổ Huệ Năng). Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Hành Tư tại núi Thanh Nguyên như trong Truyền Đăng Lục và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V. Thiền Sư Hành Tư tại núi Thanh Nguyên, sanh năm 660 sau Tây Lịch, là một đệ tử xuất sắc của Lục Tổ Huệ Năng. Ông xuất gia từ thuở nhỏ. Chính từ hai vị nối pháp của Lục Tổ Huệ Năng: Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng mà Thiền Tông Ngũ Môn mới được lưu truyền. Ba trong số năm Thiền phái bắt nguồn từ những người nối pháp của Thiền sư Hành Tư là Tào Động Tông, được Thiền sư Động Sơn Lương Giới sáng lập, tông phái Thiền lớn nhất vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay; Vân Môn Tông, được Thiền sư Vân Môn Văn Yển sáng lập; và Pháp Nhãn Tông, được Thiền sư Pháp Nhãn Văn Ích sáng lập.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, Thiền sư Hành Tư, sanh tại An Thành, Kiết Châu, họ Lưu, nghe pháp tịch Tào Khê giáo hóa thành hành, bèn thẳng đến tham lễ Tổ: “Phải làm việc gì mà không rơi vào giai cấp? (phải làm việc gì để khỏi rơi vào những trạng thái phát triển tâm linh?)”

Tổ gạn hỏi lại, “Ông từng làm việc gì?” Hành Tư trả lời, “Tôi không thực hành tứ diệu đế.” Tổ nói lại, “Vậy rơi vào cái gì?” Hành tư

đáp lại, “Tứ Thánh Đế cũng chẳng làm, thì làm gì có rơi vào giai đoạn phát triển tâm linh nào?” Tổ thầm thán phục và hứa nhận Hành Tư. Dầu tại Tào Khê tăng chúng khá đông, Hành Tư được Tổ cho đứng đầu trong chúng.

Một hôm Tổ gọi Hành Tư lại bảo, “Từ trước y pháp cả hai đều được thầy truyền cho trò, y để tiêu biểu làm tin, pháp để ấn tâm, nay không còn sợ người chẳng tin. Ta từ ngày nhận y đến nay đã gặp nhiều tai nạn khó khăn. Hơn nữa, đời sau lắm cạnh tranh. Y để lại Sơn Môn, người đến một phương truyền bá pháp ta không cho đứt đoạn.

Sau khi đắc pháp, sư trở về sống trên núi Thanh Nguyên. Ngày nọ, sư hỏi đệ tử Thạch Đầu: “Ông đến từ phương nào?” Thạch Đầu thưa: “Từ Tào Khê đến.” Thanh Nguyên đưa cây phất tử lên hỏi: “Nhưng ở Tào Khê có cái này không?” Thạch Đầu thưa: “Thiên Trúc cũng chẳng có thì nói gì đến Tào Khê.” Thanh Nguyên liền nói: “Ông chưa từng đến Thiên Trúc, có phải vậy không?” Thạch Đầu nói: “Nếu đến tức có.” Thanh Nguyên nói: “Chưa tốt! Hãy nói lại đi.” Thạch Đầu nói: “Hòa Thượng cũng cần nói giúp phân nửa. Đừng trông cậy vào học nhơn.” Thanh Nguyên nói: “Ta nói giúp ông không thành vấn đề, chỉ ngại về sau này không có người nối Pháp của ta mà thôi.”

Một hôm Thiền sư Thân Hội đến tham vấn, sư hỏi: “Ở đâu đến?” Thân Hội đáp: “Tào Khê đến.” Sư hỏi: “Ý chỉ Tào Khê thế nào?” Thân Hội chĩnh thân rồi thôi. Sư bảo: “Vẫn còn đeo ngói gạch.” Thân Hội hỏi: “Ở đây Hòa Thượng có vàng ròng cho người chẳng?” Sư hỏi: Giả sử có cho, ông để vào chỗ nào?”

Có vị Tăng đến hỏi sư: “Thế nào là đại ý Phật pháp?” Sư đáp: “Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu?”

Sau khi truyền pháp lại cho Thạch Đầu Hy Thiên, vào ngày 13 tháng chạp âm lịch năm 740, ngài đi đến pháp đường từ biệt Tăng chúng, rồi ngồi kiết già thị tịch. Về sau, ngài được vua (Hi Tông) ban hiệu là “Quảng Tế Thiền Sư”, tháp hiệu là “Qui Chân”.

## ***II. Những Công Án Liên Quan Đến Thiền Sư Hành Tư Thanh Nguyên:***

***Lô Lãng Mễ Giá:*** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư với một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, có vị Tăng đến hỏi Thiền sư Thanh Nguyên: “Thế nào là đại ý Phật pháp?” Sư đáp: “Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu?”



**Hành Tư: Núi Vãn Là Núi-Sông Vãn Là Sông:** Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư là tác giả của bài diễn tả nổi tiếng về Thiền: "Trước khi lão Tăng bắt đầu học Thiền, thì núi là núi và sông là sông. Khi lão Tăng đã có được chút ít ánh sáng chân lý Thiền, thì núi không là núi và sông không là sông. Nhưng bây giờ lão Tăng đã đạt được giác ngộ tròn đầy, thì núi lại là núi và sông lại là sông."

**(B) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Tám Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
Nói Pháp Thiền Sư Thanh Nguyên Hành Tư**

**(I) Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên**  
(Xem Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiền Phái Tào Động  
Phần IV Chương 21 (I))

**(C) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**Nói Pháp Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên**

Nói Pháp Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên, ghi lại được 11 vị: 1) Thiền Sư Duy Nghiễm. 2) Thiền Sư Thiên Nhiên. 3) Thiền Sư Đạo Ngộ. 4) Thiền Sư Bảo Thông. 5) Thiền Sư Huệ Lãng. 6) Thiền Sư Chấn Lãng. 7) Thiền Sư Linh Mặc. 8) Thạch Thất Hành Giả. 9) Thiền Sư Thiệu Đạo. 10) Thiền Sư Long Uẩn. 11) Thiền Sư Ni Linh Chiếu.

**(D) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Mười Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**(D-1) Nói Pháp Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm**

Nói Pháp Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm, ghi lại được 6 vị: 1) Thiền Sư Đàm Thạnh. 2) Thiền Sư Đức Thành. 3) Thiền Sư Sa Di Cao. 4) Thiền Sư Minh Triết. 5) Thiền Sư Viên Trí. 6) Thiền Sư Lý Cao.

***(D-2) Nối Pháp Thiền Sư Đan Hà Thiên Nhiên***

Nối Pháp Thiền Sư Đan Hà Thiên Nhiên, ghi lại được 2 vị: 1) Thiền Sư Vô Học. 2) Thiền Sư Tánh Không.

***(E) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Mười Một Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma******(E-1) Nối Pháp Thiền Sư Đàm Thạnh***

Nối Pháp Thiền Sư Đàm Thạnh, ghi lại được 1 vị: 1) Thiền Sư Lương Giới.

***(E-2) Nối Pháp Thiền Sư Viên Trí Đạo Ngộ***

Nối Pháp Thiền Sư Viên Trí Đạo Ngộ, ghi lại được 2 vị: 1) Thiền Sư Khánh Chư. 2) Thiền Sư Trọng Hưng.

***(E-3) Nối Pháp Thiền Sư Đức Thành***

Nối Pháp Thiền Sư Đức Thành, ghi lại được 1 vị: 1) Thiền Sư Thiện Hội.

***(E-4) Nối Pháp Thiền Sư Vô Học***

Nối Pháp Thiền Sư Vô Học, ghi lại được 2 vị: 1) Thiền Sư Đại Đồng (819-914). 2) Thiền Sư Thanh Bình Linh Tuân (845-919).

***The Hsing Ssu Zen Branch******(A) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Seventh Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma******(A-1) Zen Master Ch'ing Yuan Hsing-Ssu (660-740)***

### ***I. Life and Acts of Zen Master Hsing-Ssu Ch'ing-Yuan:***

Zen Master Xing-Si-Qing-Yuan, name of a Chinese Zen master, who lived during the Tang Dynasty in China. He belonged to the Seventh Generation of Chinese Zen after Bodhidharma (First Generation after the Sixth Patriarch Hui-Neng). We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e., Ch'uan-Teng-Lu and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V. Xing-Si Qing-Yuan was born in 660 A.D., an eminent student of the Sixth Patriarch Hui-Neng. He left home when he was young. It was from Hui-neng's two heirs: Ch'ing-yuan Hsing-ssu and Nan-yueh Huai-jang, that the Five Houses of Zen would descend. Three of the five Zen schools would derive from Hsing-ssu's descendants: the Ts'ao-tung School, founded by Zen master Tung-shan Liang-chieh, the largest existing Zen school today; the Yun-men School, founded by Zen master Yunmen Wenyan; and the Fayen School, founded by Zen master Fayen Wenyi.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, Dhyana Master Hsing Szu was born into the Liu Family, which lived in An-Cha'ng district in Chih-Chou. Hearing of the flourishing influence of the Ts'ao-His Dharma Assembly, Hsing-Szu went directly there to pay homage and asked, "What is required to avoid falling into successive stages? (in all that I do, how can I avoid falling into stages of spiritual development?)"

The Sixth Patriarch said, "How do you practice?" Xing-Si said, "I don't even practice the four noble truths." The Sixth Patriarch said, "What stage have you fallen into?" Xing-Si said, "Without even studying the four noble truths, what stages could I have fallen into?" The Sixth Patriarch esteemed Xing-Si's ability. Although there were many in the congregation, Xing-Si was selected as head monk.

One day the Sixth Patriarch said to Xing-Si, "In the past, the robe and teaching have been passed down together, each generation of teacher and student passing them on in turn. The robe has been evidence of the transmission. The authentic teaching is passed from mind to mind. Now I have suitable heirs. Why worry about not having evidence of transmission? Since I received the robe I have encountered

innumerable difficulties. Moreover, in future times, the competition for preeminence between Zen schools will be even greater. The robe remains at the Zen Mountain Gate. You must establish a separate assembly and expound the teaching. Don't allow my Dharma to be cut off.

After receiving transmission, he returned to live at Mount Qing-Yuan. One day, Qing-yuan asked his disciple Shih-t'ou, "Where have you come from?" Shih-t'ou said, "From Cao-Xi." Qing-Yuan then held up his whisk and said, "But does Cao Xi have this?" Shih-t'ou said, "Not just Cao Xi, but even India doesn't have it." Qing-Yuan said, "You haven't been to India, have you?" Shih-t'ou said, "If I'd been there, then it would have it." Qing-Yuan said, "No good! Try again." Shih-t'ou said, "Master, you must say half. Don't rely on your disciple for all of it." Qing-yuan said, "Me speaking to you isn't what matters. What I fear is that there will be no one to carry on my Dharma."

One day, He-Ze-Shen-Hui came to visit the master. Xing-Si said: "Where have you come from?" Shen-Hui said: "From Cao-Xi." Xing-Si said: "What is the essential doctrine of Cao-Xi?" Shen-Hui suddenly stood up straight. Xing-Si said: "So, you're still just carrying common tiles." Shen-Hui said: "Does the Master not have gold here to give people?" Xing-Si said: "I don't have any. Where would you go to find some?"

A monk asked Xing-Si: "What is the great meaning of the Buddhadharma?" Xing-Si said: "What is the price of rice in Lu-Ling?"

After the master had passed Dharma transmission to Shih-t'ou, on the thirteenth day of the twelfth lunar month in 740 A.D., he went into the hall and said goodbye to the congregation. Then, sitting in cross-legged posture, he passed away. Later, the emperor (Xi Zong) gave him the posthumous name "Zen Master Vast Benefit," and his burial stupa was named "Return to Truth."

## ***II. Kôans Related To Zen Master Hsing-Ssu Ch'ing-Yuan:***

***Ch'ing Yuan "What Is the Price of Rice in Lu-Ling?":*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Ch'ing Yuan and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, a monk

asked Xing-Si: "What is the great meaning of the Buddhadharma?"  
Xing-Si said: "What is the price of rice in Lu-Ling?"

***Hsing-ssu: Mountains Were Mountains and Waters Were Waters:***  
Zen master Ch'ing-yuan Hsing-ssu was the author of this famous description of Zen: "Before I began the study of Zen, mountains were mountains and waters were waters. When I first achieved some insight into the truth of Zen through the benevolence of my teacher, mountains were no longer mountains and waters were no longer waters. But now that I've attained full enlightenment, I'm at rest, and mountains were mountains and waters were waters."

***(B) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Eighth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma  
Zen Master Ch'ing-Yuan  
Hsing-Ssu's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien***  
*(See Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiền Phái Tào Động  
in Part IV Chapter 21 (I))*

***(C) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Ninth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma***

***Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien's Dharma Heirs***

Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien's Dharma Heirs, there were 11 recorded persons: 1) Zen Master Wei-yen. 2) Zen Master T'ien-jan. 3) Zen Master Tao-wu. 4) Zen Master Pao-T'ung. 5) Zen Master Hui-Lang. 6) Zen Master Chen-Lang. 7) Zen Master Ling-mo. 8) Practitioner Shih-Shi. 9) Zen Master Shan-tao. 10) Zen Master Lung Yun. 11) Nun Zen Master Ling-chiao.

***(D) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Tenth Generation After the First Patriarch Bodhidharma***

***(D-1) Zen Master Yao Shan Wei-Yen's Dharma Heirs***

Zen Master Yao Shan Wei-Yen's Dharma Heirs, there were 6 recorded persons: 1) Zen Master T'an-shêng. 2) Zen Master Tê-ch'êng. 3) Zen Master Sramanera Kao. 4) Zen Master Ming-che. 5) Zen Master Yuan-chih. 6) Zen Master Li-Kao.

***(D-2) Zen Master Tan Hsia T'ien-Jan's Dharma Heirs***

Zen Master Tan Hsia T'ien-Jan's Dharma Heirs, there were 2 recorded persons: 1) Zen Master Wu-hsueh. 2) Zen Master Hsing-k'ung.

***(E) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eleventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma***

***(E-1) Zen Master T'an-shêng's Dharma Heirs***

Zen Master T'an-shêng's Dharma Heirs, there was 1 recorded person: 1) Zen Master Liang-chieh.

***(E-2) Zen Master Yuan-chih Tao-wu's Dharma Heirs***

Zen Master Yuan-chih Tao-wu's Dharma Heirs, there were 2 recorded persons: 1) Zen Master Ch'ing-chu. 2) Zen Master Chien-yuan.

***(E-3) Zen Master Te-sheng's Dharma Heirs***

Zen Master Te-sheng's Dharma Heirs, there was 1 recorded person: 1) Zen Master Shan-hui.

***(E-4) Zen Master Wu-hsueh's Dharma Heirs***

Zen Master Wu-hsueh's Dharma Heirs, there were 2 recorded persons: 1) Zen Master Ta-t'ung. 2) Zen master T'sing-ping Ling-tsun.





**Chương Mười Một**  
**Chapter Eleven**

**Thiền Phái Hoài Nhượng**

**(A) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**(A-1) Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng**

**I. Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Nam Nhạc Hoài Nhượng**  
**Thiền Sư (677-744):**

Hoài Nhượng là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng sanh năm 677 sau Tây Lịch tại Kim Châu, ông là một thiền sư xuất sắc đời nhà Đường, đại đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng, và cũng là thầy của Mã Tổ. Hoài Nhượng xuất gia năm 15 tuổi với luật Sư Hoàng Cảnh. Sau khi thọ giới cụ túc, sư học hết Tạng Luật, nhưng sư không thỏa mãn nên du phương tìm đến một vị thầy tên là Huệ An ở núi Tung Sơn. Dù sư có tiến bộ, nhưng Hòa Thượng Huệ An bảo sư nên đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng. Hai Thiền phái đi xuống từ Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng là Quy Ngưỡng Tông, được sáng lập bởi Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu và Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch; và Lâm Tế Tông, được sáng lập bởi Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, Sư đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng. Tổ hỏi: “Ở đâu đến?” Sư thưa: “Ở Tung Sơn đến.” Tổ hỏi: “Mà vật gì đến?” Nam Nhạc không trả lời được, và phải mất đến tám năm Sư mới giải quyết xong vấn đề này, và khi mà Sư đã giải quyết xong, Sư bạch với Lục Tổ: “Nói in tuồng một vật tức không trúng!”

Đệ tử nhập thất của Thiền sư Hoài Nhượng gồm có sáu người, sư ấn khả rằng: “Sáu người các người đồng chứng thân ta, mỗi người khế

hội một phần. Người thứ nhất được chân mày ta, giỏi về uy nghi là Thường Hạo. Người thứ nhì được mắt ta giỏi về ngó liếc là Trí Đạt. Người thứ ba được tai ta giỏi về nghe lý là Thản Nhiên. Người thứ tư được mũi ta giỏi về biết mùi là Thần Chiếu. Người thứ năm được lưỡi ta giỏi về đàm luận là Nghiêm Tuấn. Người thứ sáu được tâm ta giỏi về xưa nay là Đạo Nhất.

Sư lại bảo: “Tất cả các pháp đều từ tâm sanh, tâm không chỗ sanh, pháp không thể trụ. Nếu đạt tâm địa, việc làm không ngại, không phải thương căn thì dè dặt chớ nói (nhất thiết chớ pháp giai từng tâm sanh, tâm vô sở sanh, pháp vô sở trụ. Nhược đạt tâm địa sở tác vô ngại, phi ngộ thượng căn nghi tận từ tai).

Cũng giống như những người đi trước trong truyền thống Thiền, Nam Nhạc là một vị thầy Thiền, cũng như Thầy mình là Huệ Năng, nhấn mạnh rằng Thiền không phải là thứ gì đó chỉ giới hạn trong chuyện tập ngồi. Người ta ghi lại được Nam Nhạc đã bảo đệ tử: "Có phải mấy ông ở đây là để học thiền tọa hay học làm Phật? Nếu mấy ông tìm học thiền tọa, thì nên biết rằng Thiền không phải là ngồi hay nằm. Nếu mấy ông tìm học Phật tính, thì nên biết rằng Phật không phải là một thứ hình tướng cố định. Giáo pháp 'vô chấp' chỉ cho mấy ông thấy không chấp nhận mà cũng không chối bỏ, không thừa nhận mà cũng chẳng từ chối. Nếu mấy dụng công ngồi để thành Phật là mấy ông giết Phật. Nếu mấy ông chấp vào cái chuyện ngồi thì mấy ông sẽ chẳng bao giờ đạt ngộ được."

Sau Đạo Nhất đi giáo hóa ở Giang Tây, Hoài Nhượng hỏi chúng: “Đạo Nhất vì chúng thuyết pháp chẳng?” Chúng thưa: “Đã vì chúng thuyết pháp.” Sư hỏi: “Sao không thấy người đem tin tức về?” Chúng lặng thinh. Sư bèn sai một vị Tăng đi thăm. Trước khi hỏi: ‘Làm cái gì?’ Y trả lời, nhớ ghi những lời ấy đem về đây.” Vị Tăng đi thăm, làm đúng như lời sư đã dặn. Khi trở về vị Tăng thưa: “Đạo Nhất nói: ‘Từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối.’” Sư nghe xong gật đầu.

Đến ngày 11 tháng tám âm lịch, nhằm năm 744, sư viên tịch tại núi Hoàn Nhạc. Vua ban hiệu là Đại Huệ Thiền Sư, tháp hiệu là Thắng Luân.

## II. Những Công Án Liên Quan Đến Nam Nhạc Hoài Nhượng Thiền Sư:

*Nam Nhạc Ma Chuyên:* Công án nói về cơ duyên vấn đáp về việc Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng khai ngộ cho Mã Tổ Đạo Nhất. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, thời nhà Đường, niên hiệu Khai Nguyên, có vị Sa Môn ở huyện Truyền Pháp hiệu Đạo Nhất, hằng ngày ngồi thiền. Sư biết đó là pháp khí (người hữu ích trong Phật pháp) bèn đi đến hỏi: “Đại đức ngồi thiền để làm gì?” Đạo Nhất thưa: “Để làm Phật.” Sau đó sư lấy một cục gạch đến trên hòn đá ở trước am Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất thấy lạ hỏi: “Thầy mài gạch để làm gì?” Sư đáp: “Mài để làm gương.” Đạo Nhất nói: “Mài gạch đâu có thể thành gương được?” Sư hỏi lại: “Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?” Đạo Nhất hỏi: “Vậy làm thế nào mới phải?” Sư nói: “Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, thì đánh xe là phải hay đánh trâu là phải?” Đạo Nhất lặng thinh, sư nói tiếp: “Người học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật, tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi, chẳng đạt ý kia.” Đạo Nhất nghe sư chỉ dạy như uống đê hồ, lễ bái hỏi: “Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam muội?” Sư bảo: “Người học pháp môn tâm địa như gieo giống, ta nói pháp yếu như mưa móc, nếu duyên người hợp sẽ thấy đạo này.” Đạo Nhất lại hỏi: “Đạo không phải sắc tướng làm sao thấy được?” Sư nói: “Con mắt pháp tâm địa hay thấy được đạo. Vô tướng tam muội cũng lại như vậy.” Đạo Nhất hỏi: “Có thành hoại chăng?” Sư nói: “Nếu lấy cái thành hoại tụ tán, thiện ác mà thấy đạo, là không thể thấy đạo. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng,  
Ngộ trạch tức giai manh  
Tam muội hoa vô tướng  
Hà hoại phục hà thành?  
(Đất tâm chứa các giống  
Gặp ướt liền nảy mầm  
Hoa tam muội không tướng  
Nào hoại lại nào thành?)

Nhờ những lời này mà Đạo Nhất khai ngộ tâm ý siêu nhiên.

*Nam Nhạc Như Cảnh Chú Tượng:* Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng và một vị Tăng. Theo Cảnh

Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, có vị Đại đức đến hỏi sư: “Như gương đức tượng, sau khi tượng thành không biết cái sáng của gương đi về chỗ nào?” Sư bảo: “Như Đại đức tượng mạo lúc trẻ thơ hiện thời ở đâu?” Đại đức lại hỏi: “Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?” Sư bảo: “Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một điểm cũng chẳng được.”

*Nam Nhạc Thuyết Tự Nhất Vật*: Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Lục Tổ Huệ Năng và Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng. Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương bảy, và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, Sư đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng. Tổ hỏi: “Ở đâu đến?” Sư thưa: “Ở Tung Sơn đến.” Tổ hỏi: “Mà vật gì đến?” Sư thưa: “Nói in tuồng một vật tức không trúng.” Tổ hỏi: “Lại có thể tu chứng chăng?” Sư thưa: “Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được.” Tổ nói: “Chính cái không nhiệm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế. Tổ Bát Nhã Đa La ở Tây Thiên có lời sấm rằng: ‘Dưới chân người sẽ xuất hiện NHẤT MÃ CÂU (con ngựa tơ) đạp chết người trong thiên hạ. Ứng tại tâm người chẳng cần nói sớm.’” Nghe xong Hoài Nhượng hoát nhiên khế ngộ, liền hầu hạ Tổ mười lăm năm, mỗi ngày càng thâm được sự huyền áo. Sau đó Sư đi đến núi Nam Nhạc, kiến dương Thiền tông.

**(B) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Tám Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**  
**Nói Pháp Thiền Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng**

**(I) Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất**  
*(See Mã Tổ Đạo Nhất nơi Phần V Chương 40 (II))*

**(C) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**  
**Nói Pháp Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất**

Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, đời thứ Chín sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Nói Pháp Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất còn ghi lại được 27 vị, trong số đó, Thiền Sư Hoài Hải là vị thiền sư nổi trội nhất: 1)

Thiền Sư Hoài Hải. 2) Thiền Sư Bàn Sơn Bảo Tịch. 3) Thiền Sư Phổ  
 Nguyễn. 4) Thiền Sư Huệ Hải. 5) Thiền Sư Ẩn Phong. 6) Thiền Sư  
 Huệ Tạng. 7) Thiền Sư Trí Tạng. 8) Thiền Sư Vô Nghiệp. 9) Thiền Sư  
 Pháp Hội. 10) Thiền Sư Đạo Thông. 11) Thiền Sư Pháp Thường. 12)  
 Thiền Sư Hồng Ân. 13) Thiền Sư Bảo Vân. 14) Thiền sư Hoài Uẩn. 15)  
 Thiền Sư Đại Nghĩa. 16) Thiền Sư Bảo Triệt. 17) Thiền Sư Tề An. 18)  
 Thiền Sư Duy Khoan. 19) Thiền Sư Như Hội. 20) Thiền Sư Trí Thường.  
 21) Thiền Sư Ô Cự. 22) Thiền Sư Kim Ngưu. 23) Thiền Sư Vân Cư  
 Năng. 24) Thiền Sư Linh Kiệu. 25) Thiền Sư Thạch Cự. 26) Thiền Sư  
 Thủy Lão Hồng Châu. 27) Lượng Sa Môn.

### ***(I) Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải***

Thiền Sư Hoài Hải (Ông là một trong những đại thiền sư thời nhà  
 Đường, môn đồ và là người nối Pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, thầy của  
 Quy Sơn Linh Hựu và Hoàng Bá Hy Vận)—See Thiền Sư Bách Trượng  
 Hoài Hải nơi Phần V Chương 40 (III).

### ***(D) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng Đời Thứ Mười Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma***

#### ***(D-1) Nói Pháp Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải***

Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng-Đời Thứ Mười Sau  
 Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Nói Pháp Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải còn ghi  
 lại được 11 vị: 1) Thiền Sư Linh Hựu. 2) Thiền Sư Hy Vận. 3) Thiền Sư  
 Hoàn Trung. 4) Thiền Sư Thường Quan. 5) Thiền Sư Đại An. 6) Thiền  
 Sư Thần Tấn. 7) Thiền Sư Thông. 8) Thiền Sư Bách Trượng Niết Bàn.  
 9) Thiền Sư Quan Nam Đạo Thường. 11) Thiền Sư Đại Tỳ Pháp Chân  
 (878-963). Trong số những người truyền thừa này của Thiền sư Hoài  
 Hải, Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận là nổi trội nhất vì ông chính là thầy  
 của Thiền sư Lâm Tế, khai tổ dòng truyền thừa Lâm Tế Tông sau này.

### ***(I) Thiền Sư Hoàng Bá Hy Vận***

*(See Hoàng Bá Hy Vận nơi Phần V Chương 40 (IV))*

**(E) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Mười Một Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
(E-1) Nổi Phá Thiền Sư Hoàng Bá Hy Vận**

**(I) Thiền Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền:  
Khai Tổ Thiền Tông Lâm Tế  
(See Thiền Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền:  
Khai Tổ Thiền Tông Lâm Tế nơi Phần V Chương 41)**

***Huai Jang's Zen Branch***

**(A) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Seventh Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma**

**(A-1) Zen Master Nan Yueh Huai Jang**

**I. Life and Acts of Zen Master Nan-Yueh Huai-Jang (677-744):**

Zen Master Nan-Yueh-Huai-Jang, name of a Chinese Zen monk in the eighth century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V: Nan-Yueh was born in 677 A.D. in Jing-Chou, one of the famous Zen masters during the T'ang dynasty. He was the great disciple of the Sixth Patriarch. He left home at the age of fifteen to study under a Vinaya master named Hung-Jing. After his ordination, he studied the Vinayapitaka, but he became dissatisfied, and then traveled to see a teacher named Hui-An on Mount Tsung. Although Nan-Yueh made some spiritual progress with Hui-An, he soon continued on to Tsao-Xi to studied with the Sixth Patriarch Hui-Neng. These two houses to descend from Zen master Nan-yueh were Kuei-yang Tsung, founded

by Zen masters Kuei-shan Ling-yu and Yang-shan Hui-chi; and Lin-chi Tsung, founded by Lin-chi I-hsuan.

According to the Platform Sutra, Chapter Seven, and the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, Nan-Yueh came to Tsao-Xi to study with Hui-Neng. Hui-Neng said to Nan-Yueh: "Where did you come from?" Nan-Yueh said: "From Mount Song." Hui-Neng said: "What is it that thus come?" Nan-Yueh couldn't answer. It took Nan-yueh eight years to resolve this question, and when he did, he told the Sixth Patriarch: "Even when it's said to be something, it's off the mark!"

Six disciples entered Huai-Rang's room to receive transmission. He commended each of them, saying: "Six of you represent my body, each in accord with one part of it." Chang-Hao inherits my eyebrows and their dignified appearance. Zhi-T'a inherits my eyes and their stern glare. T'an-Ran inherits my ears and their ability to hear true principle. Shen-Zhao inherits my nose and its ability to perceive smelling. Yuan-Xuan inherits my tongue and its ability to articulate speaking. T'ao-Yi inherits my mind and its knowledge of past and present.

Huai-Rang also said: "All dharmas are born of mind. Mind is unborn. Dharmas are nonabiding. When one reaches the mind-ground, one's actions are unobstructed. Be careful using this teaching with those not of superior understanding.

Like his predecessors in the Zen tradition, Nan-yueh was a meditation teacher and yet, like his master Hui-neng, he stressed that meditation was not something limited to the practice of sitting. It is recorded that he told his students: "Are you here to learn zazen or Buddha? If you seek to learn zazen, know that Zen isn't sitting or lying down. If you seek to learn Buddhahood, know that Buddha isn't a sort of fixed form. The teaching of non-attachment instructs you neither to accept nor to reject, neither to adopt nor to refuse. If you labor to sit to become a Buddha, you kill the Buddha. If you are attached to sitting, you won't attain awakening."

Once after T'ao-Yi left Huai-Rang and was teaching in Jiang-Hsi, Huai-Rang addressed the monks, saying: "Is T'ao-Yi teaching for the benefit of beings or not?" Some monks in the congregation replied: "He's been teaching for the benefit of beings." Huai-Rang said: "I've never heard any specific news about this." The congregation couldn't

offer any news on this. Huai-Rang dispatched a monk to Ma-Tsu's place, instructing him: "Wait until he enters the hall to speak, and then ask him: 'What's going on?' Take note of his answer and then bring it back to tell it to me." The monk then carried out Huai-Rang's instructions. He returned and said: "Master Ma-Tsu said: 'In the thirty years since the barbarian uprising I've never lacked salt or sauce.'" Huai-Rang approved this answer.

On the eleventh day of the eighth month in the year 744 the master died on Mount Heng. He received the posthumous name "Zen Master of Great Wisdom." His burial stupa was named "Most Victorious Wheel."

## ***II. Kôans Related To Zen Master Nan-Yueh Huai-Jang:***

The koan about the potentiality and conditions of questions and answers regarding Zen master Nan Yueh (677-744) opened up the intelligence and brought enlightenment to Ma-tsu Tao-i (709-788). According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, during the Kai-Yuan era of the T'ang dynasty (713-741) there was a novice monk called Ma-Tsu T'ao-Yi who constantly practice Zen meditation upon Mount Heng. Nan-Yueh knew that T'ao-Yi was a great vessel for the Dharma, and once walked up to him and said: "What does your Worthiness intend to do by sitting in meditation?" Ma-Tsu said: "I intend to become a Buddha." Nan-Yueh then picked up a piece of tile from the ground and began grinding on a rock. T'ao-Yi then asked: "What are you trying to make by grinding that?" Nan-Yueh said: "I'm grinding it to make a mirror." T'ao-Yi said: "How can you make a mirror by grinding a tile on a rock?" Nan-Yueh said: "If you can't make a mirror by grinding a tile on a rock, how can you become a Buddha by sitting in meditation?" T'ao-Yi said: "What is the correct way?" Nan-Yueh said: "It can be compared to an ox pulling a cart. If the cart doesn't move, do you strike the cart or strike the ox?" T'ao-Yi didn't answer. Nan-Yueh then said: "Are you sitting in order to practice Zen, or are you sitting to be a Buddha? If you're sitting to practice Zen, then know that Zen is not found in sitting or lying down. If you're sitting to become a Buddha, then know that Buddha has no fixed form. With respect to the constantly changing world, you should neither grasp it nor reject it. If you sit to become a Buddha, you kill



Buddha. If you grasp sitting form then you have not yet reached the meaning.” When T’ao-Yi heard this instruction it was as though he had drunk sweet nectar. He bowed and asked: “How can one cultivate mind to be in accord with formless samadhi?” Nan-Yueh said: “You’re studying the Dharma gate of mind-ground, and this activity is like planting seeds there. The essential Dharma of which I speak may be likened to the rain that falls upon the seeded ground. In this same manner your auspicious karmic conditions will allow you to perceive the Way.” T’ao-Yi then asked: “The Way is without color or form. How can one perceive it?” Nan-Yueh said: “The Dharma eye of mind-ground can perceive the true way. The formless samadhi is likewise perceived.” T’ao-Yi then asked: “Does it have good and bad, or not?” Nan-Yueh said: “If the Way is seen in the aggregation and disintegration of good and bad, then it is not the way. Listen to this verse:

“The mind-ground fully sown,  
When moisture comes, all seeds sprout  
The formless flower of samadhi,  
How can it be bad or good?”

At these words T’ao-Yi experienced great enlightenment and unsurpassed realization.

*Nan Yueh "An Image Is Reflected in a Mirror":* The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Nan Yueh (677-744) and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch’uan-Teng-Lu), Volume V, a great worthy one asked Nan-Yueh: “If an image is reflected in a mirror, where does the light of the image go when it’s no longer observed?” Nan-Yueh said: “It’s similar to remembering when Your Worthiness was a child. Where has your childlike appearance gone now? The worthy one asked: “But afterward, why does the image not remain?” Nan-Yueh said: “Although it is no longer reflected, it can be reproved even slightly.”

*Nan Yueh "To Say It's a Thing Misses the Mark.":* The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between the Sixth Patriarch, Hui Neng, and Zen master Nan Yueh (677-744). According to the Platform Sutra, Chapter Seven, and the Records of the Transmission of the Lamp (Ch’uan-Teng-Lu), Volume V, Nan-Yueh

came to Tsao-Xi to study with Hui-Neng. Hui-Neng said to Nan-Yueh: "Where did you come from?" Nan-Yueh said: "From Mount Song." Hui-Neng said: "What is it that thus come?" Nan-Yueh couldn't answer. After eight years, Nan-Yueh suddenly attained enlightenment. He informed the Sixth Patriarch of this, saying: "I have an understanding." The Sixth Patriarch said: "What is it?" Nan-Yueh said: "To say it's a thing misses the mark." The Sixth Patriarch said: "Then can it be made evident or not?" Nan-Yueh said: "I don't say it can't be made evident, but it can't be defiled." The Sixth Patriarch said: "Just this that is undefiled is what is upheld and sustained all Buddhas. You are thus. I am also thus. "Prajnadhara has foretold that from beneath your feet will come a horse which will trample to death everyone in the world. Bear this in mind but don't soon repeat it." Huai-Jang suddenly understood (experienced Great Enlightenment). Accordingly he waited upon the Master for fifteen years, daily penetrating more deeply into the profound and mysterious. He later went to Nan-Yao where he spread the Dhyana School.

***(B) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Eighth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma  
Zen Master Nan Yueh Huai Jang's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Ma Tsu Tao I***  
*(See Mā Tổ Đạo Nhất nơi Phần V Chương 40 (II))*

***(C) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Ninth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma  
Zen Master Ma Tsu Tao I's Dharma Heirs***

The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School, the Ninth Generation after the First Patriarch Bodhidharma. There were 27

recorded persons of Zen Master Ma-Tsu Tao I's Dharma Heirs, among them, Zen master Pai Chang Huai Hai was the most outstanding Zen master. 1) Zen Master Huai-hai (He was the master of Kuei-shan Ling-yu and Huang-po Hsi-yun). 2) Zen Master P'an-shan-Pao-chi. 3) Zen Master Pu-yuan. 4) Zen Master Hui-Hai. 5) Zen Master Yin-Feng. 6) Zen Master Hui-tsang. 7) Zen Master Chih-tsang. 8) Zen Master Wu-Yeh. 9) Zen Master Fa-hui. 10) Zen Master Tao-T'ung. 11) Zen Master Fa-ch'ang. 12) Zen Master Hung-ên. 13) Zen Master Pao-yun. 14) Zen Master Huai-Yun. 15) Zen Master Ta-i. 16) Zen Master Pao-ch'ê. 17) Zen Master Ch'i-an. 18) Zen Master Wei-k'uan. 19) Zen Master Ju Hui. 20) Zen Master Chih-ch'ang. 21) Zen Master Wu-Chiu. 22) Zen Master Chin-niu. 23) Zen Master Yun-Chu Neng. 24) Zen Master Ling-chiao. 25) Zen Master Shih-chiu. 26) Zen Master Shui-lao Hung-chou. 27) Sramana Liang.

***(I) Zen Master Pai Chang Huai Hai***

Zen Master Huai-hai (He was the master of Kuei-shan Ling-yu and Huang-po Hsi-yun)—See Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải nơi Phần IV Chương (III).

***(D) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Tenth Generation After the First Patriarch Bodhidharma***

***(D-1) Zen Master Pai Chang Huai Hai's Dharma Heirs***

The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Tenth Generation After the First Patriarch Bodhidharma. There were 11 recorded people of Zen Master Pai Chang Huai Hai's Dharma Heirs: 1) Zen Master Ling-yu. 2) Zen Master Hsi-yun. 3) Zen Master Huan-Chung. 4) Zen Master Ch'ang-kuan. 5) Zen Master T'a-an. 6) Zen Master Shen-Tsan. 7) Zen Master T'ung. 8) Zen Master Pai-chang Nieh-pan. 9) Zen Master Kuan-nan Tao-ch'ang. 10) Zen Master Hua Lin Chueh. 11) Zen Master Ta-sui Fa-chên. Among these dharma heirs of Zen master Huai Hai, Zen master Huang Po Hsi Yun was the most outstanding because he was the master of Lin Chi, the founding patriarch of the Lin Chi Zen School.

***(I) Zen Master Huang Po Hsi Yun***

*(See Hoàng Bá Hy Vận in Part V Chapter 40 (IV))*

***(E) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Eleventh Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma***

***(E-1) Zen Master Huang Po Hsi Yun's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Lin-Chi I-Hsuan:***

***The Founding Patriarch of the Lin Chi Zen School***

*(See Thiên Sư Lâm Tế Nghĩa Huyền:*

*Khai Tổ Thiên Tông Lâm Tế in Part V Chapter 41)*

**Chương Mười Hai**  
**Chapter Twelve**

**Thiên Phái Huệ Trung**

**(A) Dòng Thiên Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**(A-1) Thiên Sư Nam Dương Huệ Trung**

**I. Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Huệ Trung Nam Dương**  
**Thiên Sư (675-775):**

Huệ Trung là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám, thuộc dòng Thiên thứ bảy tại Trung Hoa (thứ hai sau Lục Tổ Huệ Năng). Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Huệ Trung Nam Dương; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Thiên sư Huệ Trung sanh năm 675 sau Tây Lịch, là một đệ tử nổi bật của Lục Tổ Huệ Năng. Quê ông ở tại một thành phố mà ngày xưa tên là Châu Kỵ. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, ban đầu theo học với một luật sư. Sau khi được tâm ấn nơi Lục Tổ Huệ Năng, sư về cốc Đẳng Tử trên núi Bạch Nhai tại Nam Dương, và tu hành ở đây trong suốt bốn mươi năm chưa từng xuống núi. Huệ Trung thường được những thế hệ sau này biết đến như là "Quốc Sư" là bởi vì, cũng giống như thầy mình, Sư được triệu thỉnh về triều đình, nhưng không như Huệ Năng, Sư đã chấp nhận lời triệu thỉnh. Huệ Trung không phải là vị Thiên sư duy nhất được ban cho danh hiệu này, nhưng Sư là người thường có nhiều quan hệ với danh hiệu này nhất, nên Sư thường được gọi là "Quốc Sư".

Người ta kể rằng, đến năm 16 tuổi, Nam Dương không hề nói một lời nào, cũng như không bao giờ băng qua chiếc cầu trước nhà. Một hôm, có một thiên sư vừa qua cầu trước ngõ, ông vội vàng bước qua cầu để gặp thầy và xin được làm đệ tử. Thấy được tài năng của chàng thiếu niên, thầy bèn phái chàng đến gặp Lục Tổ Huệ Năng. Lục Tổ

tiên đoán Huệ Trung sẽ là một vị Phật độc nhất trên thế giới, nên nhận làm đệ tử và kế thừa Pháp của Ngài.

Sau khi hoàn tất việc huấn luyện với Huệ Năng, Huệ Trung lui về một ngôi chùa trên núi Bạch Nhai. Mặc dầu khoảng bốn mươi năm Sư chưa từng xuống núi, tiếng tăm của Sư lan xa đến triều đình, và vua Đường Túc Tông đã cho người đến triệu thỉnh Sư về kinh. Huệ Trung đã hai lần thoái thoát, nhưng đến lần triệu thỉnh thứ ba thì Sư nhận lời. Người ta nói rằng nhà vua rất vui khi nghe tin Sư nhận lời đi đến kinh đô, nên khi xe rước Sư về đến hoàng thành thì đích thân nhà vua đã ra nắm trục mà kéo xe khoảng đường cuối.

Một hôm, sư gọi thị giả, vị thị giả trả lời. Quốc sư tiếp tục gọi thị giả ba lần, và thị giả đều trả lời trong cả ba lần. Quốc sư nói: "Như vậy là ta cô phụ người, hay người cô phụ ta?" Quốc sư lại nói thêm: "Tưởng đâu ta phụ người, hóa ra người phụ ta."

Một hôm, có một vị Tăng giảng sư đến hỏi Nam Dương quốc sư: "Tông của ngài truyền những gì?" Nam Dương hỏi vặn lại: "Tông của ông truyền những gì?" Vị Tăng giảng sư nói: "Truyền ba bộ kinh và năm bộ luận." Nam Dương nói: "Quả nhiên! Ông là sư tử con." Vị Tăng giảng sư cung kính làm lễ, vừa sắp sửa bước ra thì Nam Dương gọi giật lại bảo: "Giảng sư!" Vị Tăng giảng sư nói: "Dạ, bẩm Hòa Thượng." Nam Dương hỏi: "Cái gì đó?" Vị Tăng giảng sư không có lời giải đáp.

Một hôm có một vị sư hỏi Huệ Trung, "Thế nào là Phật?" Sư đáp, "Tâm tức Phật." Vị sư lại hỏi, "Tâm có phiền não chăng?" Quốc Sư trả lời, "Tánh phiền não tự là." Vị sư tiếp tục hỏi, "Như vậy chúng ta không cần đoạn lìa phiền não hay sao?" Quốc Sư trả lời, "Đoạn phiền não tức gọi nhị thừa. Phiền não không sanh gọi là Đại Niết Bàn."

Một vị sư khác hỏi, "Ngôi thiền quán tịnh làm gì?" Quốc Sư đáp, "Chẳng cấu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm quán tưởng tịnh".

Một vị sư khác lại hỏi, "Thiền sư thấy mười phương hư không là pháp thân chăng?" Quốc Sư đáp, "Lấy tâm tưởng nhận, đó là thấy diên đảo." Vị sư lại hỏi, "Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chăng?" Quốc Sư đáp, "Chư Thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước huệ), nhưng có tránh khỏi nhân quả đâu." Đoạn Quốc Sư nói tiếp, "Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp cũng không hết, nói càng nhiều càng xa đạo. Cho nên nói: Thuyết pháp có sở đắc, đây là dã can kê; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi sư tử hồng."

Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên đến tham vấn Quốc Sư. Quốc Sư hỏi: "Ông ở đâu đến?" Nam Tuyền thưa: "Ở Giang Tây đến." Quốc Sư hỏi: "Ông có đem chân pháp của Mã Sư đến đây không vậy?" Nam Tuyền đáp: "Dạ có đây." Quốc Sư bèn nói: "Nó ở sau lưng ông phải không?" Qua lời nói này Nam Tuyền chợt ngộ và lễ bái rồi lui ra.

Ma Cốc Bảo Triệt đến tham vấn, đi nhiều quanh sòng thiền ba vòng, rồi chống tích trượng đứng trước mặt Quốc Sư. Quốc Sư bảo: "Đã như vậy thì cần gì tới bần đạo?" Ma Cốc lại nện tích trượng xuống đất. Quốc Sư nói: "Ồ tinh! Đi ra ngay!"

Quốc Sư thường dạy chúng, "Người học thiền tông nên theo lời Phật, lấy nhất thừa liễu nghĩa khế hợp với nguồn tâm của mình, kinh không liễu nghĩa chẳng nên phối hợp. Như bọn trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy, nếu dính mắc danh lợi bèn bày điều dị đoan, thế là mình và người có lợi ích gì? Như người thợ mộc giỏi, búa rìu không dứt tay họ. Sức con voi lớn chở, con lừa không thể kham được".

Huệ Trung Nam Dương được nhắc tới trong thí dụ thứ 17 của Vô Môn Quan, cũng như trong các thí dụ 18, 69 và 99 của Bích Nham Lục.

Ngày mười chín tháng hai năm 775, Sư nằm nghiêng bên phải mà thị tịch. Đệ tử bèn xây tháp cạnh cốc Đẳng Tử thờ sư. Vua sắc ban hiệu Đại Chứng Thiền Sư.

## ***II. Những Công Án Liên Quan Đến Huệ Trung Nam Dương Thiền Sư:***

*Nam Dương: Đại Chứng Chỉ Thạch Sư Tử:* Công án về Huệ Trung chỉ con sư tử đá. Theo Truyền Đăng Lục, quyển V, một hôm, vua Đường Túc Tông và Huệ Trung đang đi dạo trước cung điện, Huệ Trung chỉ con sư tử đá và thỉnh nhà vua cho một chuyển ngữ. Túc Tông bảo: "Trẫm không nói được, vậy thỉnh Quốc Sư nói." Huệ Trung nói: "Sơn Tăng đắc tội vậy." Về sau này Đàm Nguyên Ứng Chân hỏi Huệ Trung: "Vậy Hoàng đế Túc Tông có hiểu vấn đề hay không?" Huệ Trung nói: "Việc ấy hãy gác lại, còn ông hiểu thế nào?"

*Nam Dương: Đại Nhĩ Tâm Thông:* Thiền sư Huệ Trung là Quốc sư của vua Túc Tông nhà Đường, được hoàng đế cũng như các Thiền gia ở Trung Hoa thời đó rất kính trọng. Đạo hạnh của sư được dân chúng đồn đãi đến tai nhà vua. Năm Thượng Nguyên thứ hai đời Đường, vua Túc Tông sai sứ giả đến triệu thỉnh ông về kinh, và tại đây ông đã dạy Phật pháp cho ba triều vua Đường, nên được danh hiệu là Quốc Sư. Vào thời

đó có một vị sư Ấn Độ đến từ Thiên Trúc tên là: Đại Nhĩ Tam Tạng.” tự nói có huệ nhãn và tha tâm thông. Vua muốn trải nghiệm nên mời ông đến ra mắt Quốc Sư. Đại Nhĩ Tam Tạng vừa thấy Quốc Sư liền lễ bái và đứng hầu bên phải. Sư hỏi: "Ông được tha tâm thông chẳng?" Đại Nhĩ Tam Tạng đáp: "Chẳng dám." Quốc Sư hỏi: "Ông nói xem, hiện giờ lão Tăng đang ở chỗ nào?" Đại Nhĩ Tam Tạng nói: "Hòa Thượng là thầy cả nước sao lại đến Giang Tây xem đua đò?" Một lúc sau, Quốc Sư lại hỏi: "Ông nói xem, hiện giờ lão Tăng đang ở chỗ nào?" Đại Nhĩ Tam Tạng nói: "Hòa Thượng là thầy cả nước sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ giỡn?" Một lúc sau nữa, Quốc Sư lại hỏi: "Ông nói xem, hiện giờ lão Tăng đang ở chỗ nào?" Đại Nhĩ Tam Tạng lặng thinh không biết đoán chỗ nào. Quốc Sư liền nạt: "Hồ tinh! Tha tâm thông ở chỗ nào?" Đại Nhĩ Tam Tạng lặng câm không thể trả lời Quốc Sư. Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng tự thức, hoặc cái hình thức đã tu tập của nó, cái ý thức chiếu diệu, là một manh mối của tất cả những thực hiện nội tâm, bản chất và đặc tánh của nó vẫn là chấp trước. Ngộ của Phật giáo không đạt được bằng cách bám lấy hay bành trướng tự thức của chính mình. Trái lại, ngộ đạt được nhờ giết chết hay tiêu diệt bất cứ sự chấp trước nào vào cái ý thức chiếu diệu này; chỉ bằng cách vượt qua nó mà may ra chúng ta mới đạt đến được cái tâm điểm tận cùng của Tâm, cái "Không" hoàn toàn tự do, hoàn toàn vô tướng sáng tỏ. Cái tính Không chiếu diệu này, trống rỗng nhưng năng động, là "Thế" của Tâm. Vì vậy, ngộ với sự chấp trước vào những thứ được gọi là tha tâm thông, theo Quốc sư Huệ Trung, chỉ là tinh thần của một con dã hồ (cáo đồng).

*Nam Dương: Nhựt Vị:* Vì sao? Thế nào? Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, và Huệ Trung Quốc Sư Ngữ Lục, tập 3, một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Vì sao Phật tánh của Hòa Thượng hoàn toàn không sanh diệt? Vì sao Phật tánh ở phương Nam thì nửa sinh nửa diệt, nửa không sinh diệt?" Huệ Trung nói: "Xanh xanh trúc biết thầy đều là Chân như, rờ rờ hoa vàng đâu chẳng là Bát nhã. Có người chẳng chấp nhận, cho là tà thuyết, có người lại tin, nói là chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng biết thế nào (nhựt vị)?" Một vị sư khác lại hỏi, "Thiền sư thấy mười phương hư không là pháp thân chẳng?" Quốc Sư đáp, "Lấy tâm tưởng nhận, đó là thấy điên đảo." Vị sư lại hỏi, "Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chẳng?" Quốc Sư đáp, "Chư Thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước huệ), nhưng có tránh khỏi nhân quả đâu." Đoạn



Quốc Sư nói tiếp, “Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp cũng không hết, nói càng nhiều càng xa đạo. Cho nên nói: Thuyết pháp có sở đắc, đây là dã can kê; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi sư tử hống.”

*Nam Dương Tịnh Bình:* Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển V, một hôm, có vị Tăng đến hỏi Thiền sư Nam Dương Huệ Trung: “Thế nào là bốn thân Phật Tỳ Lô Giá Na?” Thiền sư Nam Dương bảo: “Đem cái bình đồng kia đến cho ta.” Vị Tăng liền lấy tịnh bình đem lại. Thiền sư Nam Dương bảo: “Đem để lại chỗ cũ.” Vị Tăng đem bình để lại chỗ cũ xong, bèn hỏi lại câu trước. Thiền sư Nam Dương bảo: Phật xưa đã quá khứ lâu rồi.”

**(B) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Tám Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
Nói Pháp Thiền Sư Nam Dương Huệ Trung**

Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, đời thứ Tám sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Phái Thiền Huệ Trung, nói Pháp Thiền Sư Nam Dương Huệ Trung, còn ghi lại được 3 vị: 1) Thiền Sư Đàm Nguyên Ứng Chân. 2) Vua Đường Túc Tông. 3) Thiền Sư Huyền Giác Trưng.

**(I) Thiền Sư Đàm Nguyên Ứng Chân**

*Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Đàm Nguyên Ứng Chân Thiền Sư:* Tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám và thứ chín. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Đàm Nguyên Ứng Chân; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển V: Thiền sư là môn đồ và truyền nhân nói pháp của Nam Dương Huệ Trung. Người ta biết được ít về Đàm Nguyên. Ông từng là thị giả của "Thế Sư Trung" được nhắc tới trong thí dụ thứ 17 của Vô Môn Quan. Tên của ông cũng được nhắc tới trong thí dụ thứ 18 của Bích Nham Lục.

Từ khi thay thế Nam Dương, môn đồ cũ của trưởng lão thứ sáu của Thiền là Huệ Năng, ông nhận được bí quyết của một phương pháp giảng dạy do Huệ Năng lập ra, mang 97 biểu tượng, mỗi cái được ghi vào một vòng tròn. Thiền sư Ứng Chân cũng dạy cho Huệ Tịch cách sử

dụng hệ thống 97 dấu hiệu trong một vòng tròn mà về sau này đóng một vai trò rất quan trọng trong phái Qui Ngưỡng.

Lúc làm thị giả cho Quốc Sư Huệ Trung, một ngày kia Quốc Sư đang ngồi trên sàng thiền trong pháp đường. Đam Nguyên bước vô pháp đường, Quốc Sư thông một chân xuống, Sư nhìn thấy liền quay ra. Một lúc sau đó Sư quay trở vô. Quốc Sư hỏi: "Vừa rồi là ý thế nào?" Sư nói: "Quốc Sư nói với ai mới được chớ?" Quốc Sư nói: "Ta nói với ông đấy!" Sư nói: "Ở nơi nào mà Quốc Sư thấy con?" Một hôm khác, Đam Nguyên xách một cái giỏ tre vào phòng phượng trưng. Quốc Sư hỏi: "Ông đang mang cái gì trong giỏ tre đó?" Sư nói: "Mận xanh (thanh mai)." Quốc Sư nói: "Tại sao ông đem mận xanh tới để làm gì?" Sư nói: "Cúng dường Quốc Sư." Quốc Sư nói: "Mận còn sống làm sao cúng dường được?" Sư nói: "Lấy đó mà biểu thị lòng hiến dâng." Quốc Sư nói: "Phật không nhận cúng dường." Sư nói: "Con đây chỉ như thế, tại sao Quốc Sư lại hành động bằng cách này?" Quốc Sư nói: "Ta chẳng cúng dường." Sư nói: "Vì sao mà không cúng dường?" Quốc Sư nói: "Ta không có trái cây."

Một hôm, Ma Cốc hỏi Đam Nguyên: "Tượng Quán Âm 12 mặt có linh thiêng không?" Đam Nguyên nói: "Có." Ma Cốc vả cho Sư một bịch tai, Sư nói: "Ta không tưởng tượng là ông đã tới cảnh đó."

Sau lần gặp gỡ với vua Đường Túc Tông, Đam Nguyên ra đi, sống và giảng dạy trên núi Đam Nguyên. Vào ngày kỵ giỗ đầu tiên của Quốc Sư, Đam Nguyên thiết tiệc chay để cúng. Có một vị Tăng hỏi: "Quốc Sư có đến không vậy?" Đam Nguyên nói: "Chưa có đầy đủ tha tâm thông nên không biết." Vị Tăng nói: "Vậy thì thiết tiệc chay để làm gì?" Đam Nguyên đáp: "Không cắt đứt thế tục để."

Mặc dầu Thiền Sư Ứng Chân hội tụ được một số đồ đệ của mình, nhưng không có trường phái nào của Quốc Sư Huệ Trung tồn tại sau ông.

**Những Công Án Liên Quan Đến Đam Nguyên Ứng Chân Thiền Sư:** *Ba lần Quốc Sư gọi Ứng Chân:* Công Án Huệ Trung Tam Hoán. Quốc Sư Tam Hoán, thí dụ thứ 17 của Vô Môn Quan. Một trong những công án nổi tiếng nhất của Huệ Trung là "Ba lần Quốc Sư gọi" của Vô Môn Quan 17. Ba lần Quốc Sư gọi thị giả của mình và ba lần người này đáp lại. Quốc sư nói: "Cho đến bây giờ ta nghĩ rằng chính ta quay lưng lại phía con. Bây giờ ta mới biết rằng chính con quay lưng lại phía ta." Công án này được lý giải theo nhiều cách khác nhau. Một số nhà bình

luận Thiền tin rằng lời nói của Quốc Sư, nếu chỉ được nắm bắt bằng giá trị ngoài mặt thì thấy Quốc Sư hoàn toàn thất vọng vì vị thị giả không nắm bắt được ý chỉ của Sư qua ba lần gọi liên tiếp. Những người khác thì cho rằng Quốc Sư đã ngầm ẩn chứng cho vị thị giả, rằng trong ngôn ngữ Thiền, những lời nói có vẻ như chê trách lại thường có hàm ý khen ngợi. Thật không may, không có cách gì để cho chúng ta biết Quốc Sư diễn giải công án này như thế nào. Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, Quốc sư ba lần gọi, lưỡi rụng xuống đất. Người thị giả ba lần dạ, tùy duyên tùy thuận một cách sáng suốt. Quốc sư già nua và cảm thấy cô độc, dè dặt trâu xuống bắt trâu ăn cỏ. Thị giả không chịu. Của ngon không đáng cho người đã ăn no. Hành giả tu thiền, thử hỏi người thị giả này phụ lòng quốc sư chỗ nào?

*Vô Phùng Tháp:* Vô Phùng Tháp là tháp không có mối nối, nhà Thiền dùng để chỉ Thiền pháp kín đáo vi diệu, khó dùng lời biểu đạt. Khi Huệ Trung cảm thấy cái chết gần kề, Sư bèn đến viếng vua Túc Tông. Nhà vua có thể nhìn thấy sức khỏe đang suy yếu của Huệ Trung nên hỏi: "Sau khi Thầy rời bỏ thế gian, trẫm có thể làm gì để tưởng nhớ Thầy?" Huệ Trung nói: "Xin Bệ hạ xây cho lão Tăng một ngôi Vô Phùng Tháp." Không chắc là Huệ Trung có ý gì, nhà vua bèn hỏi: "Thầy muốn trẫm xây ngôi tháp này theo kiểu nào?" Huệ Trung ngồi yên lặng một lúc, đoạn hỏi nhà vua: "Bệ hạ có hiểu ý của lão Tăng không?" Nhà vua thừa nhận: "Không, trẫm không hiểu." Quốc Sư Huệ Trung nói: "Sau khi lão Tăng thị tịch, Ứng Chân sẽ hiểu vấn đề này." Quốc Sư thị tịch ngày mồng 4 tháng giêng năm 776. Sau tang lễ của Quốc Sư, nhà vua triệu Ứng Chân vào triều đình và diễn tả lại cuộc nói chuyện sau cùng với Huệ Trung, nhà vua kết luận: "sau khi Quốc Sư thị tịch, ông sẽ hiểu vấn đề này." Ứng Chân ngồi yên lặng một lúc, rồi hỏi nhà vua: "Bệ hạ có hiểu không?" Nhà vua nói: "Không, trẫm không hiểu." Sau đó Ứng Chân đọc bài kệ:

"Bên Nam sông Tương  
 Bên Bắc cái đầm,  
 Khoảng giữa có vàng ròng đầy một nước,  
 Dưới cây không bóng nên đồng thuyền  
 Trên điện Kim các, không ai biết gì."

## ***(II) Vua Đường Túc Tông***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên của Vua Đường Túc Tông; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về Thiên của vị vua này trong Truyền Đăng Lục, quyển V và Theo Bích Nham Lục, tấc 18. Đó là Công Án Quốc Sư Vô Phùng Tháp. Tháp không có mối nối, nhà Thiên dùng để chỉ Thiên pháp kín đáo vi diệu, khó dùng lời biểu đạt. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Huệ Trung Quốc Sư và vua Đại Tông. Một hôm Huệ Trung Quốc Sư thấy duyên hóa độ sắp mãn, bèn đến từ giả vua Đại Tông để trở về núi. Vua hỏi: "Sau khi diệt độ, đệ tử này phải làm gì để tưởng nhớ thầy?" Sư đáp: "Bảo đàn việt xây một ngôi tháp Vô Phùng cho ta." Vua nói: "Xin thầy cho con bản vẽ của ngôi tháp." Sư lặng thinh giấy lát rồi hỏi lại vua: "Ngài có hiểu chăng?" Vua nói: "Không hiểu." Sư nói: "Khi bản đồ đi rồi có thị giả Ứng Chơn sẽ biết việc này. Xin hỏi ông ta."

## ***(III) Thiên Sư Huyền Giác Trưng***

Một hôm, Quốc Sư Huệ Trung gọi thị giả, vị thị giả trả lời. Quốc sư tiếp tục gọi thị giả ba lần, và thị giả đều trả lời trong cả ba lần. Quốc sư nói: "Như vậy là ta cô phụ người, hay người cô phụ ta?" Quốc sư lại nói thêm: "Tưởng đâu ta phụ người, hóa ra người phụ ta." Về sau này, một vị Tăng hỏi thiên sư Huyền Sa Sư Bị: "Quốc sư gọi thị giả là ngụ ý gì?" Huyền Sa nói: "Ông thị giả hiểu rõ đấy." Thiên sư Vân Cư Tích lại bình như thế này: "Thị giả hiểu, hay không hiểu? Nếu nói là hiểu, tại sao Huyền Sa lại nói 'ông thị giả hiểu rõ đấy?' Vậy thử nghĩ xem thế nào?" Về sau, thiên sư Huyền Giác Trưng hỏi một vị Tăng: "Thị giả hiểu là hiểu cái gì?" Vị Tăng đáp: "Nếu không hiểu, tại sao thị giả cứ dạ?" Huyền Giác Trưng bảo: "Ông khá sáng trí." Qua lời bình của thiên sư Huyền Giác trưng, có phải ngài muốn nhấn nhủ với chúng ta rằng Thiên không bao giờ được giảng dạy bằng lời? Thật vậy, Thiên, trước hết và trên hết, là thân chứng cá nhân; nếu trong đời này có cái gì được gọi là triệt để duy nghiệm, cái ấy là Thiên. Không từ vốn liếng đọc tụng, học hỏi, hay trầm tư mặc tưởng nào có thể làm ra một thiên sư. Trong thiên, cuộc sống cần được nắm bắt trong dòng luân lưu của nó; chặn đứng nó lại để quan sát và phân tách là giết chết nó để chỉ ôm lấy

một cái thân ma lạnh ngắt mà thôi. Vì thế mọi sinh hoạt hằng ngày của hành giả đều phải trôi chảy bình thường như dòng đời của họ thì họ mới có thể có được tuyệt độ hiệu năng trong Thiền.

***(C) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
Dòng Thiền Huệ Trung***

Theo lịch sử Thiền Tông Trung Hoa, Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, không có chi tiết nào về Thiền Phái Huệ Trung vào đời thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

***Hui Chung's Zen Branch***

***(A) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Seventh Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma***

***(A-1) Zen Master Nan Yang Hui Chung***

***I. Life and Acts of Zen Master Nan-Yang Hui-Chung (675-775):***

Zen Master Nan-Yang-Hui-Zhung, name of a Chinese Zen monk in the eighth century, belonged to the Seventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma (the second after the Sixth Patriarch Hui Neng). We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V: Nan-Yang-Hui-Zhung was born in 675 A.D., was an eminent student of the Sixth Patriarch, Hui-Neng. He came from an ancient city named Chou-Ji. As a boy, he entered monastic life, first studying under a Vinaya master. From the time he received Dharma transmission from the Sixth Patriarch Hui Neng, he remained in Dang-Zi Valley on Bai-Ya

Mountain in Nan-Yang, not leaving there for forty years. Hui-Zhung was more popularly known to later generations as the "National Teacher" because, like his master, he was invited to the imperial court, but, unlike Huineng, he accepted the invitation. Hui-Zhung was not the only Zen master to be given this title, but he is the one with whom it is most commonly associated, so he was often referred to as "National Teacher."

It is said that he did not speak a single word till the age of sixteen and would never cross the bridge in front of his parents' house. One day a Ch'an master was approaching the house, he ran over the bridge to the master and requested him to accept him as a disciple. The master, who recognized the boy's great potential, sent him to the monastery of Hui-Neng. Hui-Neng told him that he would be a "Buddha standing alone in the world," accepted him as a student and later confirmed him as his Dharma successor.

After completing his work with Huineng, Hui-zhung retired to a temple on Mount Baiya, where he remained for forty years. Although he never left the temple during that period, his fame extended to the court, and emperor Tzu-zong invited him to come to the capital. Hui-zhung deferred twice before finally agreeing to a third invitation. It is said that the emperor was so pleased with his acceptance that when the carriage carrying Hui-zhung approached the palace, the emperor himself went out to grasp its shaft and help pull it the final distance.

One day the National Teacher called to his attendant. The attendant responded. The National Teacher called three times, and three times the attendant responded. The National Teacher said, "Have I been ungrateful to you, or have you been ungrateful to me?" The National Teacher further said, "I thought I was not fair to you, but it was you that were not fair to me."

One day, a scholar-monk came and asked Nan-Yang, "What is transmitted in your school?" The master proposed a counter-question, "What is transmitted in your school?" The scholar-monk said, "My transmission consists in the three sutras and five sastras." Nan-Yang said, "Indeed! You are a lion's son." The scholar-monk respectfully bowed and was at the point of departure when the master called him back, saying, "O scholar!" The scholar-monk responded, "Yes, master." Nan-Yang asked, "What is that?" The scholar-monk gave no reply.

One day a monk asked him, "What is Buddha?" The National Teacher said, "Mind is Buddha." A monk asked again, "Does mind have defilements?" The National Teacher said, "Defilements, by their own nature, drop off." A monk continued to ask, "Do you mean that we shouldn't cut them off?" The National Teacher said, "Cutting off defilements is called the second vehicle. When defilement do not arise, that is called great nirvana."

Another monk asked, "How does one sit in meditation and observe purity?" The National Teacher said, "There being neither pollution nor purity, why do you need to assume a posture of observing purity?"

Another monk asked, "When a Zen master observes that everything in the ten directions is empty, is that the dharmakaya?" The National Teacher said, "Viewpoints attained with the thinking mind are upside down." A monk asked, "Aside from mind is Buddha, are there any other practices that can be undertaken?" The National Teacher said, "All of the ancient sages possessed the two grand attributes, but does this allow them to dispel cause and effect?" He then continued, "The answers I have just given you cannot be exhausted in an incalculable eon. Saying more would be far from the Way. Thus it is said that when the Dharma is spoken with an intention of gaining, then it is just like a barking fox. When the Dharma is spoken without the intention of gaining, then it is like a lion's roar."

Zen master Nan-Ch'uan-Pu-Yuan paid a visit to the National Teacher. The National Teacher said, "Where did you come from?" Nan-Ch'uan said, "From Jiangxi." The National Teacher said, "Then maybe you brought Zen master Ma-tsu's true Dharma along with you." Nan-Ch'uan said, "Here it is." The National Teacher said, "On your back?" At these words, Nan-Ch'uan-Pu-Yuan attained awakening, then he bowed and went out.

When Mayu Baoche came to practice with the National Teacher, he circled the meditation platform three times, then struck his staff on the ground and stood there upright. The National Teacher said, "You are thus, I also am thus." Mayu struck his staff on the ground again. The National Teacher said, "Get out of here, you wild fox spirit!"

The National Teacher always taught, "Those who study Zen should venerate the words of Buddha. There is but one vehicle for attaining Buddhahood, and that is to understand the great principle that is to

connect with the source of mind. If you haven't become clear about the great principle then you haven't embodied the teaching, and you are like a lion cub whose body is still irritated by fleas. And if you become a teacher of others, even attaining some worldly renown and fortune, but you are still spreading falsehoods, what good does that you do or anyone else? A skilled axeman does not harm himself with the axe head. What is inside the incense burner can't be carried by a donkey."

Hui-Zhong-Nan-Yang appears in example 17 of the Wu-Men-Kuan, and in examples 18, 69 and 99 of the Pi-Yen-Lu.

On the nineteenth day of the second month in the year 775 the National Teacher laid down on his right side and passed away. His stupa was built in the Dangzi Valley and he received the posthumous name "Zen Master Great Rectitude."

## ***II. Kôans Related To Zen Master Nan-Yang Hui-Chung:***

*Hui-Chung's Pointing at the Stone Lion:* According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, one day, Emperor Su Tsung and Hui-Chung were walking in the front of the royal palace. Hui-Chung pointed at a stone lion and asked Emperor Su Tsung to give a turning word. Emperor Su Tsung said, "I can't, invite Kuo-Shih to give one." Hui-Chung said, "This mountain monk is guilty." Later, Tan-yuan-Ying-chên asked Hui-Chung, "Did Emperor Su Tsung understand the matter?" Hui-Chung said, "Let's not talk about that, now I want to know how do you understand this matter?"

*Nan-Yang: Great Ear Tripitaka:* Hui-chung, who was Zen Master to the Emperor Su Tsung of the Tang Dynasty, was highly respected by the emperor, as well as by all the Zen Buddhists of China. His reputation spread to the emperor in the capital city. In the second year of Shang-Yuan era, the emperor Su-Zong, dispatched an envoy to invite him to the Imperial Capital and there he taught Dharma for three T'ang emperors, thus earning the title "National Teacher." At that time, a famous Indian monk named "Big Ears Tripitaka" came from the west to stay at the capital city. He claimed to have telepathic powers. The emperor Su-Zong called on the "National Teacher" to test this monk. When Tripitaka saw the National Teacher, he bowed and stood in deference to his right. The National Teacher said, "I hear that you have mind-reading power." Tripitaka Master replied, "I don't



presume to say so." The National Teacher said, "Where do you say I am right now." Tripitaka Master said, "The master is a teacher of the whole nation. So why have you gone to the West River to see the boat race?" After a while, the National Teacher asked again, saying, "Now where do you say I am?" Tripitaka Master said, "The master is a teacher of the whole nation. So why have you gone to the Tianjin Bridge to see monkeys playing?" After some time, the National Teacher asked again, saying, "Where do you say I am right now?" Tripitaka Master made a wild guess and the master shouted, saying, "You wild fox spirit! Where is your mind-reading ability?" Tripitaka Master couldn't answer. Zen practitioners should always remember that self-awareness or its cultivated form, the illuminating consciousness which is a key to all inner realization, basically and qualitatively it is still "clinging-bound". Buddhist enlightenment is not gained through holding on to or inflating one's self-awareness. On the contrary, it is gained through killing or crushing any attachment to this illuminating consciousness; only by transcending it may one come to the innermost core of Mind, the perfect free and thoroughly nonsubstantial illuminating-Voidness. This illuminating-Void character, empty yet dynamic, is the Essence of the mind. So, enlightenment with the attachment of so-called telepathic powers, according to Hui-chung, only a wild fox spirit.

*Nan Yang: Why? How?:* According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and Nan-yang Hui-chung's records of Teachings, volume III, one day, a monk came and asked National Teacher, Hui-chung, "Why does the Master's Buddha-nature completely not have birth and death? Why is that from the Southern Region half birth and death, and half is not birth and death?" Hui-chung said, "The greenish bamboo is all Suchness; the yellowish flowers are all Prajna. Someone does not accept and says it's a false doctrine; someone accepts and says it's inconceivable. How is it about?" Another monk asked, "When a Zen master observes that everything in the ten directions is empty, is that the dharmakaya?" The National Teacher said, "Viewpoints attained with the thinking mind are upside down." A monk asked, "Aside from mind is Buddha, are there any other practices that can be undertaken?" The National Teacher said, "All of the ancient sages possessed the two grandattributes, but

does this allow them to dispel cause and effect?" He then continued, "The answers I have just given you cannot be exhausted in an incalculable eon. Saying more would be far from the Way. Thus it is said that when the Dharma is spoken with an intention of gaining, then it is just like a barking fox. When the Dharma is spoken without the intention of gaining, then it is like a lion's roar."

*Nan-Yang's Vase of Pure Water:* According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, one day, a monk came and asked Zen master Nan-yang Hui-chung (675-775): "What is the true body of Vairocana Buddha?" Nan-yang said: "Bring me that pitcher of pure water." The monk brought him the pitcher. Nan-yang then said: "Now put it back where it was before." The monk returned the bottle to its former position. Then the monk asked his previous question again. Nan-yang said: "The ancient Buddhas are long gone."

***(B) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eighth Generation After the First Patriarch Bodhidharma***

***Zen Master Nan Yang Hui Chung's Dharma Heirs***

The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eighth Generation After the First Patriarch Bodhidharma. Hui-Chung's Zen Branch, there were 3 recorded persons of Zen Master Nan Yang Hui Chung's Dharma Heirs: 1) Zen Master Tan Yuan Ying-Chên. 2) King T'ang Shu Tsung. 3) Zen Master Hsuan-chueh Cheng.

***(I) Zen Master Tan Yuan Ying-Chên***

*Life and Acts of Zen Master Tan-Yuan Ying-Zhen:* Zen Master Tan-Yuan-Ying-Zhen, name of a Chinese Zen monk in the 8th-and 9th-century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V: He was a student and dharma successor of Zen master Nan-yang Hui-chung. Little is known of Tan-yuan; he is the attendant of Teacher Hui-

chung in example 17 of the Wu-Men-Kuan. He also appears in example 18 of the Pi-Yen-Lu.

From his master Nan-yang, a student of the sixth patriarch of Ch'an, Hui-Neng, Tan-yuan received a secret system of instructions based on ninety-seven symbols, each inscribed in a circle. Tan-Yuan-Ying-Zhen also taught Hui Chi the use of the ninety-seven circle symbols that were later play a major role in the Kuei-Yang School (Igyo).

When Zen master Tan-Yuan-Ying-Zhen served as attendant for National Teacher Huizhong, one day the National Teacher sat on the meditation platform in the Dharma hall. When Tan-Yuan came in, the National Teacher put down one foot. When Tan-Yuan saw this he immediately went out again. After a while he came back into the hall. The National Teacher said, "What was that about when you came in a while ago?" Tan-Yuan said, "To whom do you speak of it?" The National Teacher said, "I am asking you." Tan-Yuan said, "Where did you see me?" On another day, Tan-Yuan carried a bamboo basket into the abbot's room. The National Teacher asked, "What are you carrying in the basket?" Tan-Yuan said, "Green plums." The National Teacher said, "Why did you bring them?" Tan-Yuan said, "To provide you support." The National Teacher said, "What good are they if they're green?" Tan-Yuan said, "I just give them as an offering." The National Teacher said, "Buddha doesn't accept support." Tan-Yuan said, "When I do something like this, why do you act in this manner?" The National Teacher said, "I don't give support." Tan-Yuan said, "Why not?" The National Teacher said, "I don't have any fruit."

One day, Mayu asked Tan-Yuan, "Is the twelve-faced Kwan Yin holy or not?" Tan-Yuan said, "Yes." Mayu then slapped Tan-Yuan's ears. Tan-Yuan said, "I didn't imagine that you'd reached this state."

After his encounter with the emperor, Ying-zhen went off to live and teach on Mount Tan-Yuan. On the first anniversary of the death of the National Teacher, Tan-Yuan held a memorial banquet. A monk asked, "Is the National Teacher coming?" Tan-Yuan said, "We won't have his mind." The monk asked, "When why give this banquet?" Tan-Yuan said, "To not stop the truth of the world."

Although Ying-zhen gathered some of his own students, no lasting school originated from National Teacher Hui-chung followed him.

*Kôans Related To Zen Master Tan-Yuan Ying-Zhen: Three Times the National Teacher Called Ying-Zhen:* Hui-Zhung Kuo-shih's Three Calls, example 17 of the Wu-Men-Kuan. One of the most famous koans in which National Teacher appears is "The National Teacher called three times." (Wu-Men-Kuan 17): "Three times the National Teacher called his monastic servant and three times the servant answered. The National Teacher said, 'Until now I thought I was turning my back on you. But it's really you who are turning your back on me.'" Interpretations of this koan differ. Some commentators believe that the National Teacher's words are to be taken at face value and that he was genuinely disappointed at the lack of vitality in his attendant's response. Others see his words as an expression of approval in Zen ostensible condemnation often indicates praise. Unfortunately there is no way to tell how Daio Kokushi himself interpreted the koan. According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, Kuo-shih called three times and his tongue fell out. His attendant answered three times, and his responses were brilliant. Kuo-shih was old and feeling lonely. He held the cow's head to make it eat grass. The attendant would have none of it. Delicious food does not attract a person who is full. Zen practitioners, at what point was there any ingratitude to the other?

*Seamless Tower:* Zen methods are wonderful and cannot be expressed by words. When Hui-chung felt his death approaching, he paid a final visit to his imperial patron. The emperor could see that the Zen master was in failing health and asked, "After you have departed from this world, what can I do to honor your memory?" Hui-chung told the king, "Build a seamless tower for me." Unsure of what Hui-chung meant, the emperor asked, "What design do you wish us to follow in building this tower?" Hui-chung sat silent a while, then asked, "Do you understand?" "No, I don't," the emperor admitted. "After my death, Ying-zhen will understand the matter." The National Teacher died on January 4, 776. After the funeral ceremonies, the emperor summoned Ying-zhen before him and described his final conversation with Hui-chung. "And then he told me," the emperor concluded, "after his death you'd understand this matter." Ying-zhen sat silently before the emperor for a while, then asked, "Do you understand?" "No, I don't understand," the emperor said. Ying-zhen then recited a verse:

"South of Xiang

And north of the Tan  
 Is a country abounding in gold  
 Under a shadowless tree, a ferry boat,  
 In the Emerald Pavilion, no one who knows."

### ***(II) King T'ang Shu Tsung***

We do not have detailed documents regarding acts of Zen of this King; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and in the Pi-Yen-Lu, example 18. The Koan of National Teacher Chung's seamless monument. Zen methods are wonderful and cannot be expressed by words. The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between National Teacher Chung and Emperor Dai Zong. According to the Pi-Yen-Lu, example 18, one day when Nanyang was near death, he took leave of the emperor Dai Zong. The emperor said, "After you have gone, how should this disciple memorize you?" Nanyang said, "Please build me a seamless monument." The emperor said, "Please give me the drawing plan for the stupa." After a long pause, Nanyang said, "Do you understand?" The emperor said, "No." Nanyang said, "After I'm gone, my disciple Danyuan will understand about this matter. Please ask him about this."

### ***(III) Zen Master Hsuan-Chueh Cheng***

One day the National Teacher called to his attendant. The attendant responded. The National Teacher called three times, and three times the attendant responded. The National Teacher said, "Have I been ungrateful to you, or have you been ungrateful to me?" The National Teacher further said, "I thought I was not fair to you, but it was you that were not fair to me." Later, a monk asked Hsuan-sha, "What is the idea of the National Teacher's calling out to his attendant?" Said Hsuan-sha, "The attendant knows well." Yun-chi Hsi commented on this: "Does the attendant really know, or does he not?" If we say he does, why does the National Teacher say, "It is you that

are not fair to me?" But if the attendant knows not, how about Hsuan-sha's assertion? What would be our judgment of the case? Later, Zen master Hsuan-chueh Cheng asked a monk, "What is the point the attendant understands?" Replied the monk, "If he did not understand, he would never have responded." Hsuan-chueh Cheng said, "You seem to understand some." Through Hsuan-chueh Cheng's comment, does he mean Zen can never be taught and explained by words? In fact, Zen is emphatically a matter of personal experience; if anything can be called radically empirical, it is Zen. No amount of reading, no amount of teaching, and no amount of contemplation will ever make one a Zen master. In Zen, life itself must be grasped in the midst of its flow; to stop it for examination and analysis is to kill it, only leaving its extremely cold corpse to be embraced. Therefore, in order to maintain the most efficient prominence, everyday activities of Zen practitioners must flow along with the flow of their own lives.

***(C) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Ninth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma  
The Hui Chung's Zen Branch***

According to the history of the Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School, there existed none details of the Hui Chung Zen Branch of the Ninth Generation After the First Patriarch Bodhidharma.

**Chương Mười Ba**  
**Chapter Thirteen**

**Thiền Phái Hà Trạch**

**(A) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng**  
**Đời Thứ Bảy Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma**

**(A-1) Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch**

**I. Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Thần Hội Hà Trạch Thiền Sư (670-762/686-760?):**

Thần Hội là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám. Mặc dầu còn một người nói pháp khác nữa của Lục Tổ Huệ Năng, Thần Hội Hà Trạch, không được nhớ đến trong những câu chuyện Thiền truyền thống được truyền lại cho chúng ta ngày nay, Sư đóng một vai trò lịch sử cực kỳ quan trọng trong mắc xích của những câu chuyện này. Nguyên thủy Sư theo học Đạo giáo của Lão Trang, rồi sau đó lại được huấn luyện Thiền với Thần Tú của Thiền phái Bắc Tông. Khi Thần Tú được triệu hồi vào triều đình, ông này đã đề nghị rằng Thần Hội, lúc đó mới chỉ là một cậu bé hầy còn rất trẻ, nên đến gia nhập với chúng hội của Huệ Năng ở miền Nam. Hiện nay chúng ta có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền Sư Thần Hội như trong Truyền Đăng Lục, quyển V, và Kinh Pháp Bảo Đàn; tuy nhiên, có một số chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Kinh Pháp Bảo Đàn. Thần Hội Hà Trạch, họ Cao, sanh năm 670 sau Tây Lịch, xuất gia năm 13 tuổi. Ông là một trong những đệ tử nổi bật của Lục Tổ Huệ Năng. Ông mạnh mẽ ủng hộ cho vị trí của Lục Tổ trong lịch sử Thiền Tông Trung Hoa. Thần Hội dẫn đầu Thiền Phái truyền lại bởi Lục Tổ Huệ Năng ở phương Nam, và mạnh mẽ tấn công phái Thần Tú phương Bắc. Ông đưa ra hai lý do để tấn công phái Thần Tú. Lý do thứ nhất, ông tấn công về sự không chính thống của phái Thần Tú và mạnh mẽ cho rằng Huệ Năng mới là người truyền thừa y bát chính thống từ Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Dĩ nhiên cuộc tranh luận tự nói lên rằng ông chính là Thất Tổ của dòng Bồ Đề Đạt Ma. Lý do thứ nhì mà ông tấn công phái Thần Tú, ông cho rằng thiền

phái của Thần Tú là “tiệm môn,” rất xa lạ với thiền phái “đốn ngộ” mà Lục Tổ Huệ Năng đã truyền lại.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương tám, năm mươi ba tuổi, Sư từ chùa Ngọc Tuyên đến tham lễ Lục Tổ Huệ Năng. Tổ hỏi: “Tri thức từ xa nhọc nhằn đến lại đem được cái gốc đến chăng? Nếu có gốc thì nên biết được ông chủ, thử nói xem?” Thần Hội thưa: “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ.” Tổ bảo: Ông sa di này đâu nên nói như thế.” Thần Hội liền hỏi: “Hòa Thượng tọa thiền lại thấy hay chẳng thấy?” Tổ cầm gậy đánh ba gậy hỏi: “Tôi đánh ông đau hay chẳng đau?” Thần Hội đáp: “Cũng đau cũng không đau.” Tổ bảo: “Tôi cũng thấy cũng chẳng thấy.” Thần Hội hỏi: “Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?” Tổ bảo: “Chỗ thấy của tôi thường thấy những lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy phải quấy tốt xấu của người khác, ấy do cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Ông nói đau cũng chẳng đau là thế nào? Nếu ông chẳng đau thì đồng như cây đá, nếu ông đau thì đồng với phàm phu, tức khởi sân hận, ông hướng về trước thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt, ông tự tánh lại chẳng thấy mà dám đùa với người.” Trong khi bị đánh, Thần Hội nghĩ: “Vị Thầy này thật vĩ đại. Thật khó mà gặp được một người như vậy dù trong nhiều kiếp. Đã gặp rồi không thể bỏ lỡ dịp may ngàn đời. Thần Hội liền lễ bái sám hối. Tổ lại nói: “Tâm ông nếu mê chẳng thấy thì hỏi thiện tri thức để tìm đường, còn tâm ông nếu ngộ tức tự thấy tánh, y pháp tu hành, ông tự mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì tự biết há thay cái mê cho ông, nếu ông tự thấy cũng chẳng thay được cái mê cho ta, sao chẳng tự biết tự thấy mà hỏi ta thấy cùng chẳng thấy.” Thần Hội lại lễ hơn một trăm lạy, xin sám hối tội lỗi rồi siêng năng hầu hạ bên cạnh không rời.

Một hôm Tổ bảo chúng: “Tôi có một vật không đầu, không đuôi, không danh, không tự, không lưng, không mặt, các người lại biết chăng?” Thần Hội bước ra nói rằng: “Ấy là bốn nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.” Tổ bảo: “Tôi đã nói với ông không danh không tự, ông liền gọi là bốn nguyên, là Phật tánh, ông nhằm đi lấy cỏ tranh che đầu, cũng chỉ thành cái hạng tông đồ của tri giải.” Thần Hội nói: “Phật tánh không tên cũng không có sự diễn tả, nhưng vì Thầy hỏi nó là cái gì, thì tên và sự diễn tả đã được sử dụng. Tuy vậy, ngay khi dùng tên và được diễn tả đi nữa, thì Phật tánh vẫn vậy, vẫn không tên và không có sự diễn tả.” Tổ bèn đánh Thần Hội ba gậy. Đoạn, Tổ lại bảo tiếp: “Nói gì thì nói, người trẻ tuổi này sau này nếu đứng đầu tự



viện, đem đến cho tông môn nhiều đệ tử chứng ngộ." Rồi Tổ cho phép chúng hội giải tán. Đến tối, Tổ cho gọi Thần Hội vào phương trượng và hỏi: "Hôm nay ta đánh ông. Ông hay là Phật tánh cảm nhận cú đánh vậy?" Khi đối mặt với câu hỏi này thành linh Thần Hội đạt ngộ.

Sau khi Tổ diệt độ, ngài Thần Hội vào Kinh Lạc, hoàng truyền pháp đốn giáo Tào Khê, viết bộ Hiển Tông Ký, tạ hành ở đời gọi là Thiền Sư Hà Trạch.

Tổ thấy các tông nạn vấn nhau, đều khởi tâm ác, phần nhiều nhóm ở dưới tòa của Tổ, Ngài thương xót mới bảo rằng: "Người học đạo, tất cả niệm thiện, niệm ác nên phải dẹp sạch, không tên có thể gọi, ấy gọi là tự tánh, tánh không hay ấy gọi là thật tánh, trên thật tánh dựng lập tất cả giáo môn, ngay lời nói liền phải tự thấy." Các người nghe nói, thấy đều làm lễ, xin thờ Ngài làm Thầy.

Theo Kinh Pháp Bảo Đàn, chương mười, vào niên hiệu Thái Cực năm Nhâm Tý, Diên Hòa tháng bảy (712 sau Tây Lịch), Tổ sai đệ tử đến Tân Châu, chùa Quốc Ân dựng tháp và khiến thợ khởi công gấp, năm kế cuối mùa hạ lạc thành, ngày mồng một tháng bảy Tổ họp đồ chúng bảo rằng: "Tôi đến tháng tám muốn lìa thế gian, các ông có nghi phải hỏi nhau sớm, tôi vì các ông phá nghi khiến các ông dứt mê, nếu tôi đi rồi, sau không có người dạy các ông." Ngài Pháp Hải, vân vân, nghe Tổ nói thấy đều rơi lệ chỉ có Thần Hội thần tình bất động, cũng không có khóc.

Tổ bảo: "Thần Hội tiểu sư lại được thiện bất thiện cùng là đồng, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra đều không được, ở trong núi mấy năm, cứu cánh tu đạo gì? Nếu các ông buồn khóc là vì lo cho ai? Nếu lo ta chẳng biết chỗ đi thì ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì trọn không báo trước cho các ông, các ông buồn khóc bởi vì chẳng biết chỗ đi của ta, nếu biết chỗ đi của ta tức không nên buồn khóc. Pháp tánh vốn không sanh diệt đi lại, các ông ngồi đây ta sẽ vì các ông nói một bài kệ gọi là 'Chơn Giả Động Tĩnh' kệ. Các ông tụng bài này cùng với ta ý đồng, ý đây mà tu hành thì không mất tông chỉ. Chúng Tăng đều làm lễ, Tổ nói kệ rằng:

"Tất cả không có chơn, chẳng do thấy nơi chơn  
 Nếu thấy được cái chơn, thấy đó trọn không chơn.  
 Nếu hay tự có chơn, lìa giả tức tâm chơn.  
 Tự tâm không lìa giả, không chơn chỗ nào chơn.  
 Hữu tình tức biết động, vô tình tức không động.

Nếu tu hạnh bất động, đồng vô tình bất động.  
 Nếu tìm chơn bất động, trên động có bất động.  
 Bất động là bất động, vô tình không Phật tánh.  
 Hãy khéo phân biệt tướng, đệ nhất nghĩa bất động,  
 Chỉ khởi cái thấy này, là dụng của chơn như.  
 Bảo những người học đạo, gắng sức phải dụng tâm,  
 Chớ đối pháp Đại thừa, lại chấp trí sanh tử.  
 Nếu bàn luận tương ứng, liền cùng bàn nghĩa Phật,  
 Nếu thật không tương ứng, chấp tay khiến hoan hỷ.  
 Tông này vốn không tranh, tranh tức mất ý đạo,  
 Chấp nghịch tranh pháp môn, tự tánh vào sanh tử.”

Năm 760, Sư thị tịch trong lúc đang ngồi thiền. Tháp của sư được đặt tại Long Môn. Sau khi thị tịch ông được tôn vinh là "Chân Tông Đại Sư".

## ***II. Những Công Án Liên Quan Đến Thân Hội Hà Trạch Thiền Sư:***

*Thần Hội: Tri Chi Nhất Tự Chúng Diệu Chi Môn:* Một chữ "Tri" là cửa vào tất cả lẽ huyền diệu. Thiền sư Thần Hội nói: "Một chữ "Tri" là cửa vào tất cả lẽ huyền diệu." Chữ "Tri" mà ngài Thần Hội muốn nói ở đây là sự tự chứng sâu xa hay trực giác Bát Nhã. Theo Thiền sư D.T. Suzuki, cái "Tri" hay tự chứng này tự bản chất vốn bất nhị. Nó có thể tự tri và có thể biết cái như thế mà không cần đến bất cứ một đối tượng bên ngoài nào để làm một điểm tựa hay sở y hay chất kích thích nhờ đó mà những tư tưởng trong vòng nhị nguyên mới hiện hành được. Như vậy, sự duy trì tự chứng sẽ tự động ngừng tác động của tướng phần (đối tượng sở tri) cũng như kiến phần (chủ thể năng tri). Sự tu tập tự chứng hay bản thể thức như vậy cuối cùng sẽ hủy diệt tất cả những tư tưởng nhị nguyên và mang hành giả đến với Phật quả. Đó là cốt tủy của Duy Thức và là lý do tại sao mà cả Duy Thức và Thiền đề cao sự quan trọng của việc kiến tính bằng cách dẹp bỏ mẫu mực của tư tưởng nhị nguyên.

### ***(B) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng Đòi Thứ Tám Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma Nói Pháp Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch***

Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, đời thứ Tám sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Phái Thiền Hà Trạch, nối Pháp Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch, còn ghi lại được 3 vị: 1) Thiền Sư Thụy Châu Đạo Viên. 2) Thiền sư Ngũ Đài Vô Minh. 3) Thiền Sư Ma Ha Diễn.

### ***(I) & (II) Thiền Sư Thụy Châu Đạo Viên & Ngũ Đài Vô Minh***

Hà Trạch Tông là tên của một tông phái do Thiền sư Thần Hội Hà Trạch sáng lập. Thần Hội là môn đồ của Lục Tổ Huệ Năng. Trái với thuyết giảng của Phật giáo truyền thống Ấn Độ, trong đó Bồ Đề Đạt Ma, sơ tổ của dòng Thiền Trung Hoa, có ảnh hưởng sau đó với các vị trưởng lão trước Huệ Năng và dòng thiền Bắc Tông. Hà Trạch giải thích rằng không thể đạt được đại giác bằng những kỹ thuật suy tưởng của môn đồ, vì làm như vậy sẽ làm chậm thêm sự tiến bộ. Theo ông, sự luyện tập thiền thật sự trái lại, phải là thực hiện 'sự tách khỏi tinh thần' để có thể đi tới nhìn thấy ngay lập tức bản tính riêng của mình, tức là tới một đại giác đột ngột hay đốn ngộ. Tuy Hà Trạch đã góp phần cống hiến quyết định vào việc thừa nhận Huệ Năng và Thiền Nam Tông là chính thức, phái Hà Trạch do ông lập ra không bao giờ là một bộ phận của "Ngũ Gia Thất Tông" (năm nhà bảy phái) và nó biến mất chỉ sau vài thế hệ. Pháp tử Nói Pháp dòng Thiền của Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch còn ghi lại được gồm có 2 vị: Thiền sư Thụy Châu Đạo Viên và Ngũ Đài Vô Minh (727-793). Chúng ta không có chi tiết về hai vị Thiền sư này, chỉ biết họ là những đệ tử nối pháp nổi trội nhất của Thiền sư Thần Hội Hà Trạch. Thiền sư nổi tiếng duy nhất của phái này là Khuê Phong Tông Mật, nhưng ít được biết tới như là một thiền sư hơn là vị trưởng lão thứ năm của trường phái Hoa Nghiêm.

### ***(III) Thiền Sư Ma Ha Diễn***

Ma Ha Diễn Thiền Sư: Tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thời nhà Đường (618-907). Từ năm 780 đến 805, Sư du hành đến Tây Vực hoằng pháp. Sư thường nhấn mạnh với hàng đệ tử: "Mục đích của tu hành trong Phật giáo là kiến Tánh hay là nhìn thấy được Phật tánh hay nhìn thấy bản tánh thật của chính mình. Như vậy, mục đích rất đơn giản của hành giả trong tu tập là kiến Tánh Thành Phật hay nhìn thấy

cho được Phật tánh hay nhìn thấy bản tánh thật của chính mình." Trong quyển Lịch Đại Pháp Bảo Ký, Thiền sư Khuê Phong Tông Mật liệt kê Thiền Sư Ha Ha Diễn như là một môn đồ của Thiền Sư Thần Hội Hà Trạch của trường phái Thiền Nam Tông. Giáo pháp của Thiền sư Ma Ha Diễn ở Tây Tạng là một đề xuất có tiếng về Đốn Môn, có thể được tóm lược như là "Khán tâm" và "Bất quán" hay là "Bất tư, Bất quán." Mà "Khán tâm" lại là giáo pháp nguyên thủy của trường phái Thiền Bắc Tông hay Pháp Môn Đông Sơn. Điều này cho thấy Thiền Bảo Đường và Thiền Bắc Tông ăn khớp với nhau trong các nguồn tài liệu Tây Tạng. Nói tóm lại, giáo pháp của Thiền sư Ma Ha Diễn dường như là tiêu biểu đặc thù cho Thiền hậu Bắc Tông hơn là Thiền Nam Tông.

***(C) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
Nổi Pháp Dòng Thiền Hà Trạch***

***(I) Thiền Sư Khuê Phong Tông Mật (780-841)***

Khue Phong Tông Mật là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Khuê Phong Tông Mật; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XIII: Tông Mật lớn lên trong một gia đình Khổng giáo. Năm 807 ông đang chuẩn bị đi thi làm quan thì gặp một thiền sư. Vị thiền sư này đã gây cho ông một ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi ông quyết định đi tu. Ông bắt đầu từ việc nghiên cứu học thuyết thiền. Nhưng sau khi đọc một lời bình giải trong kinh Hoa Nghiêm, ông đã đến xin làm đệ tử của ngài Trùng Quán và là một trong những đại biểu chính của phái Hoa Nghiêm. Sau đó ít lâu, ông bắt đầu giảng pháp, đặc biệt tập trung vào việc giải thích kinh Hoa Nghiêm. Tuy nhiên, cả đời ông dồn tâm vào việc tu tập thiền quán một cách thâm sâu. Tiếng tăm của ông lớn đến nỗi hoàng đế đã nhiều lần thỉnh ông vào triều và phong danh hiệu 'Tứ Y Sư' (thầy mang y áo tía).

Sư được biết như một vị thiền sư ít hơn là tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, một tông phái luôn giữ những mối liên hệ chặt chẽ với Thiền ở Trung Hoa cũng như ở Nhật Bản trong buổi ban sơ của thiền. Tông Mật soạn nhiều tác phẩm, trong đó một số được các môn đồ thiền quý

trọng. Trong các trước tác của mình, Tông Mật chủ trương một sự phối hợp triết học của phái Hoa Nghiêm và thực hành của thiền. Ông giải thích rõ ràng các lý thuyết phức tạp của Hoa Nghiêm, nhất là các lý thuyết Pháp Tạng. Luận văn của ông về 'Bản tính gốc của con người' đã trở thành một trong những cuốn giáo khoa làm chỗ dựa để đào tạo các nhà sư Phật giáo ở Nhật Bản. Trong đó, ông trình bày một cách có hệ thống và có phê phán những ý tưởng của các tông phái Phật giáo khác nhau thời mình, cũng như phân định rõ những ranh giới giữa các trào lưu tư tưởng khác nhau ấy.

Khuê Phong xem thường sự chống báng lẫn nhau giữa các trường phái Thiền vào thời của ông. Ông cho rằng quan điểm của sự phân chia giữa Bắc "tịch" và Nam "đốn" là giả tạo từ căn bản. Ông không còn kiên nhẫn với những phương pháp cực đoan mà ông cho là kết quả của sự quá nhấn mạnh vào pháp môn đốn giáo. Do vậy mà ông đặc biệt chỉ trích nhánh Thiền Mã Tổ ở Hán Châu và đàn hậu bối của nó, Sư xem thường sự phủ nhận những thực hành Phật giáo đã được thiết lập của một vài vị thầy. Theo sau đây là những giải thích rút ra từ trong bộ "Thiền Nguyên Chư Thuyên" (giải thích về nguồn gốc của Thiền). Thiền là thuật ngữ Thiên Trúc. Từ này xuất phát từ danh từ "Thiền Na" (dhyana). Ở đây, chúng ta nói rằng chữ này có nghĩa là "tu tập tâm" hay là "tịnh lự". Căn nguyên của Thiền là bản tánh giác ngộ chân thật của chúng sanh, còn gọi là Phật tánh hay tâm địa. Giác ngộ được gọi là "trí huệ." Tu tập thì gọi là "định." "Thiền" là sự hợp nhất của hai từ đó (định và tuệ). Thiền sư Khuê Phong Tông Mật thị tịch vào năm 841. Ông nhận được thụy hiệu là "Định Tuệ."

## ***(II) Thiền Sư Linh Kiệu***

Linh Kiệu là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thời nhà Đường (618-907). Sư đến từ tỉnh Phúc Kiến, xuất gia từ lúc còn nhỏ và trở thành một trong những đệ tử xuất sắc nhất của Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Ngài cũng có thời tu tập với Thiền sư Hà Trạch và cũng nhận ấn khả từ vị này. Tuy nhiên, sau khi nhận ấn khả từ Thầy thì Sư lui về ẩn tu trong thời bách hại Phật giáo từ năm 842 đến năm 845.

***(D) Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng  
Đời Thứ Mười Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma  
Thiền Phái Hà Trạch***

Theo lịch sử Thiền Tông Trung Hoa, Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng, không có chi tiết nào về Thiền Phái Hà Trạch vào đời thứ Mười Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

***Ho Tse's Zen Branch***

***(A) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Seventh Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma***

***(A-1) Zen Master Shen Hui Ho Tse***

***I. Life and Acts of Zen Master Ho-Tsê Shên-Hui (670-762/686-760?):***

Zen Master Shen-Hui, name of a Chinese Zen master in the eighth century. Although another heir of Hui-neng, Ho-tsê Shên-hui, is not remembered in the tradition Zen tales that have come down to us, he played an extremely important historical role in that chain of tales. He originally studied the Daoist teachings of Laozi and Zhuangzi, then trained Zen with Shen-hsiu of the Northern School. When Shen-hsiu was summoned to serve the Imperial Court, he suggested that Shen-hui, who was just a very young boy at the time, join Hui-neng's assembly in the South. We do have a lot of detailed documents on this Zen Master, i.e, the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume V, and the Platform Sutra; however, there is some interesting information on him in the Platform Sutra. Shen-Hui-He-Ze, surname was Kao. He was born in 670 A.D., and left home at the age of 13. He was one of the eminent disciples of the Sixth Patriarch. He strongly supported and promoted Hui-Neng's place in Chinese Zen history. Shen-Hui led the Southern school, and strongly attacked what became widely known as the Northern school, the school associated

with Shen-Xiu. Shen-Hui put forward two reasons for his attack on the Northern school: The first reason, he attacked the legitimacy as the Dharma heir of Hung-Jen and proposed that the honour belonged to Hui-Neng. Of course the argument was self-serving, since Shen-Hui could claim to be the true Seventh Patriarch of the Bodhidharma line. The second reason, for attacking Shen-Hsiu was his Dharma gate was gradual, which was fundamentally at odds with what Shen-Hui regarded as the genuine Zen of his teacher, Hui-Neng.

According to the Platform Sutra, Chapter Eight, as a young boy at the age of thirteen years old, Shen-Hui came from Yu-Ch'uan to pay homage to the Sixth Patriarch Hui-Neng. The master said, "The Knowing One's journey must have been difficult. Did you bring the original with you? If you have the original, you should know the owner. Try to explain it to me." Shen-Hui said, "I take non-dwelling as the original and seeing as the owner." The Master said, "This Sramanera imitates the talk of others." Shen-Hui then asked, "When you sit in Ch'an, High Master, do you see or not?" The Master hit him three times with his staff and said, "When I hit you, does it hurt or not?" Shen-Hui replied, "It both hurts and does not hurt." The Master said, "I both see and do not see." Shen-Hui asked, "How can you both see and not see?" The Master said, "What I see is the transgression and error of my own mind. I do not see the right, wrong, good or bad of other people. This is my seeing and not seeing. How can you say it both hurts and does not hurt? If it does not hurt you are like a piece of stone but if it does hurt you are just like a common person and will give rise to hatred. Your 'seeing and not seeing' are two extreme and your 'hurting and not hurting' are production and extinction. You have not even seen your own nature and yet you dare to ridicule others." As he was being beaten, Shen-Hui thought: "This Master is such a great and wise sage. It is difficult to meet such a person even after many kalpas of time. Having met him today how can I lament my life?" Shen-Hui bowed, apologized and thanked the Master. The Master continued, "If your mind is confused and you do not see, then ask a Good Knowing Advisor to help you find the way. If your mind is enlightened, then see your own nature and cultivate according to the Dharma. You yourself are confused and do not see your own mind and, yet, you come to ask me whether or not I see. If I see, I know it for myself but is that of any

help to you in your confusion? In the same way your seeing is of no use to me. Why don't you know and see it for yourself, instead of asking me whether or not I see?" Shen-Hui bowed again over one hundred times, seeking forgiveness for his error. He served the Master with diligence, never leaving his side.

One day the Master addressed the assembly as follows: "I have a thing. It has no head or tail, no name or label, no back or front. Do you all know what it is?" Shen-Hui stepped forward and said, "It is the root source of all Buddhas, Shen-Hui's Buddha nature!" The Master said, "I just told you that it has no name or label, and you immediately call it the root-source of all Buddhas. Go and build a thatched hut over your head! You're nothing but a follower who pursues knowledge and interpretation." Shen-hui said, "Buddha-nature has neither name nor description, but because my master asked what it was, name and description are used. However, even name and described, it remains without name or description." The Master hit him three times with his staff. Then, the Sixth Ancestor continued to say, "No matter what I just said, in the future if this youngster heads a monastery, it will certainly bring forth fully realized disciples of our school." The the master dismissed the assembly. In the evening, Hui-neng called Shen-hui in and asked, "Today I struck you. Was it you or Buddha-nature that felt the blow?" When confronted with this question, Shen-hui suddenly came to awakening.

After the Master's extinction, Shen-Hui went to Ching Lo where he propagated the Ts'ao-His Sudden Teaching. He wrote the Hsien-Tsung Chi which circulated widely throughout the land. He is known as Dhyana Master Ho-Che.

The Master saw many disciples of other schools, all with evil intentions, gathered beneath his seat to ask him difficult questions. Pitying them, he said, "Students of the way, all thoughts of good or evil should be completely cast away. What cannot be named by any name is called the self-nature. This non-dual nature is the real nature and it is within the real nature that all teaching doors are established. At these words you should see it for yourselves." Hearing this, they all made obeisance and asked him to be their master.

According to the Platform Sutra, Chapter Ten, in the seventh month of the year Jen-Tsu, the first year of T'ai-Chi and Yen-Ho reigns



(around 712 A.D.), the Master sent his disciples to Hsin-Chou to build a pagoda at Kuo-Ên Temple. He ordered them to hurry the work and it was completed by the end of the summer of the following year. On the first day of the seventh month, he gathered his disciples together and said, "In the eighth month I wish to leave this world. Those of you with doubts should ask about them soon so that I may resolve them for you and put an end to your confusion, because when I am gone there will be no one to teach you." Hearing this, Fa-Hai and others wept. Only Shen-Hui was unmoved and did not cry.

The Master said, "Little Master Shen-Hui has attained the equality of good and evil. He is not moved by blame or praise and does not feel sadness or joy. None of the rest of you have attained that. All these years on the mountain, how have you been cultivating? Now you cry. Who are you worrying about? Are you worrying that I don't know where I'm going? I know where I'm going. If I did not know, I wouldn't have been able to tell you about it in advance. No doubt you are crying because you don't know where I am going but if you knew you wouldn't need to cry. Originally, the Dharma nature is not produced or extinguished; it does not come or go. All of you sit down, and I will recite a verse called "The True-False Motion-Stillness Verse." If you take it up and recite it, you will be of the same mind as I am. If you rely on it to cultivate, you will not stray from the true principle of our school." The assembly bowed and begged the Master to recite the verse.

There is nothing true in anything,  
 so don't view anything as true.  
 If you view anything as true,  
 your view will be completely false.  
 You can know what is true by yourself.  
 Being apart from the false is the truth of the mind.  
 When your own mind is not apart from the false  
 And lacks the truth, then where is the truth?  
 Sentient beings understand motion,  
 insentient beings do not move.  
 If you cultivate the work of Non-movement,  
 like insentient beings, you will not move.  
 If you seek the true non-movement,

in movement, there is non-movement.  
 Non-movement is non-movement,  
 but things without sentience lack the Buddha-seed.  
 Fully able to discriminate among marks,  
 but unmoving in the primary meaning:  
 The very act of viewing in this way,  
 itself is the function of true suchness.  
 I tell you, students of the Way, apply your minds with effort  
 and take care.  
 At the gate of the Great Vehicle,  
 do not grasp the wisdom of Birth and death.  
 If there is response of these words,  
 then let us discuss the Buddha's meaning together.  
 If there is no response,  
 join your hands together and make others glad.  
 The basis of this school is non-contention,  
 contention is not the meaning of the Way.  
 For in grasping at the Dharma doors of  
 contradiction and contention,  
 The self-nature enters birth and death.

In 760, he passed away while sitting in meditation. His burial stupa was located at Dragon Gate. After his death Ho-tse received the honorific title Chen-tsung ta-shih (Shinshu Daishi).

## ***II. Kôans Related To Zen Master Ho-Tsê Shên-Hui:***

*Shen Hui: The One Word Knowledge Is the Gateway to All Mysteries:* Zen master Shen-hui (666-770) said, "The one word knowledge is the gateway to all mysteries." What he meant here by "knowledge" (chih) was deep self-awareness or Prajna intuition. According to Zen master D.T. Suzuki, this "knowledge" or self-awareness, is intrinsically nondualistic. It can be aware of itself, and can be aware of such, without any outer object as an indispensable "support" or stimulus whereby thoughts within the dualistic pattern are brought into play. Thus the retaining of self-awareness will automatically stop the functioning of the objective known as well as the subjective knowing. The cultivation of self-awareness or pure consciousness will thus eventually annihilate all dualistic thoughts and

bring one to Buddhahood. This is the core of Yogacara and the reason why both Yogacara and Zen claim the importance of seeing one's mind-essence by warding off the dualistic pattern of thought.

***(B) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen  
School-The Eighth Generation After  
the First Patriarch Bodhidharma  
Zen Master Shen Hui He Tse's Dharma Heirs***

The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eighth Generation After the First Patriarch Bodhidharma. He-Tse's Zen Branch, there were 3 recorded persons of Zen Master Shen-hui He-tse's Dharma Heirs: 1) Zen Masters Sui-chou Tao-yuan. 2) Zen master Wu-t'ai Wu-ming. 3) Zen Master Mo-ho Yen.

***(I) & (II) Zen Masters Sui-chou Tao-yuan &  
Wu-T'ai Wu-Ming***

He-tse tsung or Hezezong (Kataku-shu), name of a school founded by Zen master He-Ze-Shen-Hui. Ho-tse Shen-hui, a student of the sixth patriarch (Hui-neng). In contrast to the traditional Indian "Meditation Buddhism" (Dhyana Buddhism), in which Bodhidharma, the first patriarch of Ch'an stood and in contrast to the Zen of Hui-neng's predecessors of Northern school of Ch'an (Southern school), Ho-tse emphasized that enlightenment could not be realized gradually with the help of meditative techniques. According to him the true practice of Zen consisted rather in "mental nonattachment", also translated as "no mind" or "non-thought," which leads to direct insight into one's own nature and thus to sudden enlightenment. Although Ho-tse made an essential contribution toward the official recognition of Hui-neng and his Southern school, the Ho-tse school founded by him did not belong to the "Five Houses and Seven Schools" and died out after a few generations. There were two recorded disciples of Zen Master Shen-hui He-tse's Dharma heirs: Zen masters Sui-chou Tao-yuan (Suishû Dôen) and Wu-t'ai Wu-ming (Godai Mumyô). We do not have detailed information regarding these two masters, we only know that they were the most outstanding disciples of Zen Master Shen-hui He-tse. The

only well-known master produced by this lineage was Kuei-feng Tsung-mi, who is actually less known as a Zen master than as the fifth patriarch of the Hua-Yen school of Chinese Buddhism.

### ***(III) Zen Master Mo-Ho Yen***

Mo Ho Yen, name of a Chinese Zen master who lived in the T'ang Dynasty in China. From 780 to 805, he traveled to Tibet to spread the Buddha-dharma. He strongly supported the theme "Seeing one's own nature and becoming a Buddha." He always emphasized to his disciples, "The purpose of practicing Buddhism is to see one's own nature or to behold the Buddha-nature within oneself or to see into one's own nature. So, it's the simple goal to all practitioners: beholding the Buddha-nature within oneself or to see into one's own nature." In the Record of the Dharma Treasure Down Through the Generations, Zen master Kuei-feng Tsung-mi lists Mo-ho Yen as a student of the Southern Ho-tse Shen-hui. Zen master Mo-ho Yen's teaching in Tibet as a famed proponent of the Sudden Gate can be summarized as "gazing at mind" (k'an-hsin) and "no-examining" (pu-kuan) or "no-thought no-examining" (pu-ssu pu-kuan). But "Gazing at mind" is an original Northern (or East Mountain Dharma Gate) teaching. This shows us that Zen teachings of Pao-t'ang match these of Northern Ch'an in the Tibetan sources. In short, Mo-ho Yen's Zen teachings seem typical of late Northern Ch'an rather than that of the Southern Ch'an.

### ***(C) The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Tenth Generation After the First Patriarch Bodhidharma The Ho Tse's Zen Branch***

According to the history of the Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School, there existed none details of the Ho Tse Zen Branch of the Tenth Generation After the First Patriarch Bodhidharma.

***Phần Four***  
***Sơ Lược Về***  
***Quy Ngưỡng Tông***

***Part Four***  
***Summaries of the***  
***Kuei Yang Zen School***



**Chương Mười Bốn**  
**Chapter Fourteen**

**Những Vị Tổ Tiên Phong Của**  
**Thiền Phái Quy Ngưỡng**

Theo lịch sử Thiền Tông Trung Hoa, trong sự phát triển của Ngũ Gia Thất Tông, 3 tông phái Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh **Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên**. Hai truyền thống kia: Lâm Tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ **Mã Tổ Đạo Nhất** và **Bách Trượng Hoài Hải**. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sinh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông.

**(I) Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất**

*(Xem Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiền Phái Lâm Tế  
Phần V Chương 40 (II))*

**(II) Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải**

*(Xem Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiền Phái Lâm Tế  
Phần V Chương 40 (III))*

**(III) Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu**

**Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Linh Hựu Quy Sơn Thiền Sư (771-853):** Theo Thiền sử Trung Hoa, Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu là một trong những người nối Pháp của Thiền Sư Hoài Hải. Linh Hựu là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Ngoài việc Quy Sơn xuất hiện trong tấc 40 của Vô Môn Quan, và trong các tấc 4, 24 và 70 của Bích Nham Lục, chúng ta còn có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển IX: Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu họ Triệu, người ở làng Trường Khê thuộc Phúc Châu. Quy Sơn xuất gia

vào tuổi 15 và bắt đầu tu tập trong một tu viện Luật Tông với sư Pháp Thường. Về sau, sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ cụ túc giới, nơi sư cũng học kinh điển Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đến năm 22 tuổi, ông gặp Bách Trượng, trở thành đồ đệ và đạt được giác ngộ dưới sự hướng dẫn của thầy. Sau khi đạt được đại giác, ông tiếp tục tu học với Bách Trượng và làm người nấu bếp trong tự viện của thầy khoảng hai mươi năm. Đây là một chức vụ rất danh dự trong các Thiền viện vào thời đó bởi vì người ta tin rằng trạng thái tâm của người đầu bếp ảnh hưởng đến những bữa ăn mà vị ấy chuẩn bị. Ông là người kế vị Bách Trượng và được thầy trao lại cho cây phát tử như một dấu hiệu xác nhận. Cây phát tử này cũng đóng một vai trò trong cuộc pháp chiến giữa ông và Đức Sơn (tức thứ 4 trong Vô Môn Quan). Ông là thầy của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và Hương Nghiêm Trí Nhân. Vào thời của ông, Qui Sơn là vị thầy Phật giáo nổi tiếng ở miền nam Trung Hoa. Cộng đồng tu tập tập hợp quanh ông có đến ngàn rưỡi, và ông có cả thầy 41 truyền nhân nối pháp. Ông cùng với môn đồ của mình là Ngưỡng Sơn lập ra tông phái Qui Ngưỡng, lấy tên từ hai chữ đầu của hai người. Qui Sơn xuất hiện trong tác 40 của Vô Môn Quan, và trong các tác 4, 24 và 70 của Bích Nham Lục. Những lời nói và thuyết giảng của ông được thu thập trong Đan Châu Qui Sơn Linh Hựu Thiền Sư Ngũ Lục (sưu tập lời dạy của thiền sư Linh Hựu ở Đan Châu)—Xem Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu: Khai Tổ Quy Ngưỡng Tông nơi Phần III Chương 16.

**Công Án và Lời Dạy Liên Quan Đến Linh Hựu Qui Sơn Thiền Sư:**  
 Xem Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu: Khai Tổ Quy Ngưỡng Tông nơi Phần III Chương 16.

**Quy Ngưỡng Tông:** Ngũ Gia Thiền chỉ giáo pháp riêng biệt được giảng dạy từ những truyền thống có liên hệ tới những vị Thiền sư đặc biệt. Ba trong số năm truyền thống này: Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên. Hai truyền thống kia: Lâm tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ Mã Tổ Đạo Nhất và Bách Trượng Hoài Hải. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sinh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông. Quy Ngưỡng tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi hai đệ tử của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Vào



giữa thế kỷ thứ mười, tông phái này sáp nhập vào tông Lâm Tế nên từ đó nó không còn tồn tại như một tông phái độc lập nữa.

**Nói Pháp Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu:** Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng-Đời Thứ Mười Một Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma-Phái Hoài Nhượng. Nói Pháp Thiền Sư Linh Hựu còn ghi lại được 6 vị: 1) Thiền Sư Huệ Tịch. 2) Thiền Sư Hương Nghiêm Trí Nhàn (?-898). 3) Thiền Sư Linh Vân Chí Cẩn. 4) Thiền Sư Kinh Triệu. 5) Ni Thiền Sư Lưu Thiết Ma. 6) Thiền Sư Hồng Nhân (?-901). Trong số này, Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đã chính thức khai sáng dòng Thiền Quy Ngưỡng.

### ***The Pioneer Patriarchs of The Kuei Yang Zen Schools***

According to the history of Chinese Zen School, in the development of the Five Houses and Seven Sects, three sects of Ts'ao-tung, Yun-men, and Fa-yan descended from the transmission line traced back to **Ch'ing-yuan Hsing-ssu** and **Shih-t'ou Hsi ch'ien**. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from **Ma-tsu Tao-i** and **Pai-chang Huai-hai**. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen.

#### ***(I) Zen Master Ma Tsu Tao-I***

*(See Những Vị Tổ Tiên Phong Của  
Thiền Phái Lâm Tế in Part V Chapter 40 (II))*

#### ***(II) Zen Master Pai Chang Huai-Hai***

*(See Những Vị Tổ Tiên Phong Của  
Thiền Phái Lâm Tế in Part V Chapter 40 (III))*

### *(III) Zen Master Kuei Shan Ling-Yu*

#### *Life and Acts of Zen Master Ling-Yu Kuei-Shan (771-853):*

According to the history of the Chinese Zen School, Zen master Kuei Shan Ling Yu was one of Zen Master Huai-hai's Dharma Heirs. Zen Master Kuei-Shan-Ling-Yu, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. Beside the fact that Kuei-shan appears in example 40 of the Wu-Men-Kuan, as well as in examples 4, 24, and 70 of the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record), we still have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume IX: Zen master Kuei-shan Ling-Yu had the surname Zhao. He came from the village of Changxi in Fuzhou. He left home and became a monk at the age of fifteen and first trained in a monastery of the Vinaya school of Buddhism with master Fa-chang. Later, he received full ordination at Lung-hsing Temple in Hang-chou, where he also studied the Mahayana and Hinayana scriptures. At the age of twenty-two he came to Pai-chang, became his student, and under him realized profound enlightenment. Even after his enlightenment he trained further under Pai-chang and served for twenty years in his monastery as head cook. At that time, this was an honored position within the Zen monasteries because it was believed that the state of mind of the cook affected the means he prepared. He is Pai-chang's most important dharma successor and received from him his duster (hossu) as a token of confirmation. This duster plays a role in the famous Dharma dueling (hossen) with Master Te-shan (example 4 in Pi-Yen-Lu). He was the master of Yang-shan-Hui-chi and Hsiang-yen-Chih-hsien. Kuei-shan was quite best known Buddhist master of his time in southern China. The monastic community that gathered about him numbered 1,500, and he had forty-one dharma successors. He and his principal student Yang-shan founded the Kuei-Yang-Tsung, the name of which comes from the initial characters of their names. Kuei-shan appears in example 40 of the Wu-Men-Kuan, as well as in examples 4, 24, and 70 of the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record). His sayings and teachings are recorded in the T'an-chou Kuei-shan Ling-yu Ch'an-Shih yu-lu—See

Zen Master Kuei Shan Ling-Yu: The Founding Patriarchs of the Kuei Yang Sect in Part III, Chapter Sixteen.

***Kôans and Teachings Related To Zen Master Ling-yu Kuei-shan:*** See Zen Master Kuei Shan Ling-Yu: The Founding Patriarchs of the Kuei Yang Sect in Part III, Chapter Sixteen.

***The Kuei-Yang Ch'an Tsung:*** The Five Houses of Zen refers to separate teaching lines that evolved from the traditions associated with specific masters. Three of these traditions, Ts'ao-tung, Yun-men, and Fa-yan, descended from the transmission line traced back to Ch'ing-yuan Hsing-ssu and Shih-t'ou Hsi ch'ien. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from Ma-tsu Tao-i and Pai-chang Huai-hai. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen. Kuei-yang tsung, name of a Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. 'Kuei' is the first word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). In the middle of the tenth century, this school merged with Lin-Chi school and since then no longer subsisted as an independent school.

***Zen Master Kuei Shan Ling-Yu's Dharma Heirs:*** The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eleventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma-The Huai Jang Branch. There were 6 recorded persons of Zen Master Ling Yu's Dharma Heirs: 1) Zen Master Hui-chi. 2) Zen Master Hsiang-yen Chih-hsien. 3) Zen master Ling-yun Chih-ch'in. 4) Zen Master Jingzhao. 5) Nun Zen Master Liu T'ieh-mo. 6) Zen Master Hung-Jen. Among them, Zen master Yang Shan Hui Chi officially founded the Kuei Yang Zen Sect.



## *Chương Mười Lăm*

### *Chapter Fifteen*

#### *Tóm Lược Về Quy Ngưỡng Tông*

##### ***I. Tổng Quan Về Quy Ngưỡng Tông:***

Sau khi Linh Hựu lên núi Quy Sơn và lấy tên núi này làm tên mình. Tại đây ông không dựng một tòa nhà nào cả, mà chỉ một cái lều và tiếp tục tu tập một mình. Trong thời gian này, những người đồng hành với Sư chỉ là những con khỉ trong rừng và thực phẩm duy nhất của Sư chỉ là những hạt dẻ mà bầy khỉ đã ăn. Ban đầu Sư cũng không nhận học trò. Phải mất đến bảy hoặc tám năm sau người ta mới chú ý đến nhân vật lạ lùng này. Sau đó đồ chúng đổ xô tới đây rất đông và một tu viện lớn mọc lên ngay trên núi này. Và cuối cùng đã có đến 1.500 đệ tử và 41 vị nổi pháp. Người quan trọng nhất là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Qui Ngưỡng Tông, tông phái đầu tiên trong Ngũ Gia Thiên, lấy tên từ sự phối hợp giữa hai cái tên Qui Sơn và Ngưỡng Sơn. Quy Ngưỡng Tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi ngài Quy Sơn Linh Hựu, một trong những đệ tử xuất sắc của Thiền sư Bách Trượng Hoài Hải. Quy Ngưỡng Tông là một trong Ngũ Gia Thiên, chỉ giáo pháp riêng biệt được giảng dạy từ những truyền thống có liên hệ tới những vị Thiền sư đặc biệt. Ba trong số năm truyền thống này: Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên. Hai truyền thống kia: Lâm tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ Mã Tổ Đạo Nhất và Bách Trượng Hoài Hải. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sinh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông. Quy Ngưỡng tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi hai đệ tử của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Tưởng cũng nên nhắc lại, sau khi Ngưỡng Sơn đã được thừa nhận là người nối pháp của Qui Sơn, hai thầy trò tiếp tục thử nhau về sự hiểu biết trong suốt thời gian họ sống tu bên nhau. Trong thời gian đó, Sư cùng thầy mình phát triển trường phái mà về sau này mang tên của hai người. Vì vậy Quy Ngưỡng tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi hai đệ tử

của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Vào giữa thế kỷ thứ mười, tông phái này sáp nhập vào tông Lâm Tế nên từ đó nó không còn tồn tại như một tông phái độc lập nữa.

## **II. Giáo Pháp Quy Ngưỡng Tông:**

**Học Làm Người Vô Sự:** Thiền sư Quy Sơn thường dạy chúng: "Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong mọi lúc mọi thời thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư Thánh chỉ nói, bên như bên là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tướng lập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là đạo nhưn, cũng gọi là người vô sự".

**Không Sử Dụng Những Luận Chứng Thuần Lý Của Triết Gia:** Có những trường hợp Quy Sơn lấy một vật gần đó để trả lời câu hỏi vì khi được hỏi thì có thể ngài đang làm một công việc, hay đang nhìn ra cửa sổ, hay đang lặng lẽ ngồi tư duy, và rồi giải đáp của ngài có thể nhắc đến những vật như thế có liên hệ đến việc làm của ngài lúc bấy giờ. Vì vậy, ngài có thể nói bất cứ điều gì, bằng những cơ duyên như thế, cái đó không phải là một lối đoán ngôn trù tượng đặt vào một vật được lựa chọn tùy ý để thuyết minh quan điểm của mình. Thí dụ như Ngưỡng Sơn hỏi, và Quy Sơn đáp: "Cái lồng đèn đẹp quá ha!" Có lẽ lúc bấy giờ ngài đang nhìn cái lồng đèn, hay lồng đèn ở gần họ nhất nên ngài coi là ứng cơ nhất đáng được dùng cho mục đích trước mắt. Trường hợp khác, cùng câu hỏi nhưng không cùng câu trả lời, tất nhiên ngài thấy nên khai thị Thiền theo cách khác thích hợp hơn. Đây là chỗ Thiền khác với những luận chứng thuần lý của triết gia.

## **III. Những Dòng Truyền Thừa Và Tổ Sư Của Quy Ngưỡng Tông (Tính Từ Tổ Ma Ha Ca Diếp):**

Tính từ tổ Thiền Tông Ấn Độ, thì Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu, Sơ Tổ Tông Quy Ngưỡng thuộc đời thứ 37. **(1-28) Hai Mươi Tám Tổ Ấn Độ:** 1) Ma Ha Ca Diếp. 2) A Nan. 3) Thương Na Hòa Tu. 4) Ưu Ba Cúc Đa. 5) Đề Đa Ca. 6) Di Già Ca. 7) Bà Tu Mật. 8) Phật Đà Nan Đề. 9)

Phật Đà Mật Đa. 10) Hiếp Tôn Giả. 11) Phú Na Dạ Xa. 12) Mã Minh. 13) Ca Tỳ Ma La. 14) Long Thọ. 15) Ca Na Đề Bà. 16) La Hầu La Đa. 17) Tăng Già Nan Đề. 18) Tăng Già Da Xá (Đà Da Xá Đa). 19) Cưu Ma La Đa. 20) Xà Dạ Đa. 21) Bà Tu Bàn Đầu. 23) Hạc Lạc Na. 24) Sư Tử Tỳ Kheo. 25) Bà Xá Tư Đa. 26) Bất Như Mật Đa. 27) Bất Nhã Đa La. 28) Bồ Đề Đạt Ma.

**(29-33) Lục Tổ Trung Hoa:** 1) Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. 2) Nhị Tổ Huệ Khả. 3) Tam Tổ Tăng Sán. 4) Tứ Tổ Đạo Tín (580-651). 5) Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. 6) Huệ Năng, vị Tổ cuối cùng của Lục Tổ Thiền Tông Trung Hoa.

**(34-37) Thiên Phái Hoài Nhượng:** **34)** Phái Thiền Hoài Nhượng, đời thứ 34 tính từ Tổ Ma Ha Ca Diếp: Thiên Sư Nam Nhạc Hoài Nhượng, một trong những Pháp tử nổi trội của Lục Tổ Huệ Năng—Xem Phái Thiền Hoài Nhượng nơi Chương 11 (A). **35)** Phái Thiền Hoài Nhượng, đời thứ 35 tính từ Tổ Ma Ha Ca Diếp: Thiên Sư Mã Tổ Đạo Nhất—Xem Thiên Sư Mã Tổ Đạo Nhất nơi Phần 5 Chương 40 (II). **36)** Phái Thiền Hoài Nhượng, đời thứ 36 tính từ Tổ Ma Ha Ca Diếp: Thiên Sư Bách Trượng Hoài Hải—Xem Thiên Sư Bách Trượng Hoài Hải nơi Phần 5 Chương 40 (III). **37)** Phái Thiền Hoài Nhượng, đời thứ 37 tính từ Tổ Ma Ha Ca Diếp: Thiên Sư Linh Hựu, Sơ Tổ Khai Sáng Tông Quy Ngưỡng.

#### ***IV. Chư Thiên Đúc Quy Ngưỡng Tông:***

Thiên Sư Linh Hựu, Sơ Tổ Quy Ngưỡng Tông. Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Hai: Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiên sư Linh Hựu gồm có 5 vị: Thiên sư Huệ Tịch, Hương Nghiêm, Linh Vân, Kinh Triệu, và Thiên Sư Ni Lưu Thiết Ma. Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Ba: Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiên sư Huệ Tịch gồm có 3 vị: Thiên sư Vô Trước, Nam Thập Quang Dũng, và Tây Thập Quang Mục. Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Tư: a) Pháp tử nối Pháp Thiên Sư Quang Dũng còn ghi lại được có một vị: Thiên sư Huệ Thanh. b) Pháp tử nối Pháp Thiên Sư Tây Thập Quang Mục còn ghi lại được có một vị: Thiên sư Từ Phước Như Bảo. Quy Ngưỡng Tông Đời Thứ Năm: Nối Pháp Thiên Sư Huệ Thanh Ba Tiêu còn ghi lại được có một vị: Thiên sư Thanh Nhượng.

## *A Summary of the Kuei-Yang-Tsung*

### *I. An Overview of the Kuei-Yang-Tsung:*

After Ling-yu went to Mount Kuei-Shan and assumed the name of the mountain as his. There, he built nothing but a hut, and did nothing other than train himself further there. During that period, his only companions were the monkeys in the forest and his only food were the chestnuts they ate. Besides, he offered teaching to no students. Only after seven or eight years did anyone notice him; students began to gather around him and soon a large monastery came into being. And eventually had 1,500 disciples and would acknowledged forty-one of these as dharma heirs. The most important was Yang-shan Huichi. The Kuei-yang School, the first of the Five Houses of Zen, takes its name from the combination of the two names Kuei-shan and Yang-shan. The Kuei-Yang-Tsung, a Zen sect established by Kuei Shan Ling Yu, one of the most outstanding disciples of Zen Master Pai-Ch'ang-Huai-Hai. The Kuei-Yang-Tsung, one of the Five Houses of Zen, which refers to separate teaching lines that evolved from the traditions associated with specific masters. Three of these traditions, Ts'ao-tung, Yun-men, and Fa-yan, descended from the transmission line traced back to Ch'ing-yuan Hsing-ssu and Shih-t'ou Hsi ch'ien. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from Ma-tsu Tao-i and Pai-chang Huai-hai. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen. Kuei-yang tsung, name of a Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. 'Kuei' is the first word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). It should be reminded that after Yang-shan was recognized as Kuei-shan's heir, they continued to test each other's understanding throughout their time together. During that time, Yang-shan worked with his master to develop the school that would be later be named after both of them. So, Kuei-yang tsung was the name of a Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. 'Kuei' is the first word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). In the



middle of the tenth century, this school merged with Lin-Chi school and since then no longer subsisted as an independent school.

## ***II. Teachings of the Kuei-Yang-Tsung:***

***Learn to Be A Person Without Worldly Affairs:*** Zen master Kui-shan entered the hall and addressed the monks, saying, "The mind of a person of the Way is forthright and undeviating, with no front or back. It is neither deceitful nor deluded and at all times it is watchful and straightforward, never covering the eyes nor plugging the ears. Such a mind is realized when emotions do not chase after things. All the ancient sages have simply said that by the practice of not giving rise to evil views or thoughts, the difficulties of the corrupted world become like the clear autumn waters, pure and unmoving, tranquil yet unimpeded. A person with such a mind may be called of the Way, a person without worldly affairs."

***No Conceptual Arguments of the Philosophers:*** Cases where an object near by is made use of in answering the question. When questioned, he may happen to be engaged in some work, or looking out of the window, or sitting quietly in meditation, and then his response may contain some allusion to the objects thus connected with his doing at the time. Whatever he may say, therefore, on such occasion is not an abstract assertion on an object deliberately chosen for the illustration of his point. Wei-shan, for instance, questioned by Yang-shan, answered, "What a fine lantern this!" Probably he was looking at a lantern at the moment, or it stood nearest to them and came in most convenient for the master to be utilized for his immediate purpose. On another occasion his answer to the same question may not be the same; he is sure to find it more desirable and appropriate to demonstrate Zen in some other way. This is where Zen differs from the conceptual arguments of the philosopher.

## ***III. Lineages of Transmission And Patriarchs of the Kuei-Yang-Tsung (Counted From Patriarch Mahakasyapa):***

If we count from the Indian First Patriarch of the Zen School to the founding patriarch Ling Yu of the Kuei Yang Zen Sect, the founding patriarch Ling Yu belonged to the thirty-seventh generation. ***(I-28) Twenty-eight Indian Patriarchs:*** 1) Mahakasyapa. 2) Ananda. 3)

S(h)anavasa. 4) Upagupta. 5) Dhitaka (Dhritaka). 6) Mikkaka (Micchaka). 7) Vasumitra. 8) Buddhanandi. 9) Buddhamitra. 10) Bhikshu Pars(h)va. 11) Punyayas(h)as. 12) Asvaghosha. 13) Bhikshu Kapimāla. 14) Nagarjuna. 15) Aryadeva (Kanadeva). 16) Arya Rahulata. 17) Samghanandi. 18) Samgayashas (Gayasata). 19) Kumarata. 20) Jayata. 21) Vasubandhu (420-500 AD). 22) Manorhita (Manura). 23) Haklena (Haklenayayas or Padmaratna). 24) Aryasimha (Bhikshu Simha). 25) Vasiyasa. 26) Punyamitra. 27) Prajnatarā. 28) Bodhidharma.

**(29-33) *The Six Chinese Patriarchs:*** 1) The First Patriarch Bodhidharma. 2) The Second Patriarch Hui-K'e. 3) The Third Patriarch Seng-T'san. 4) The fourth patriarch was T'ao-Hsin. 5) The fifth patriarch was Hung-Jên. 6) Hui Neng, the last Patriarchs of the six patriarchs in the Zen Sect in China.

**(34-37) *The Huai Jang Zen Branch:*** **34)** Huai-Jang's Zen Branch, the Thirty-fourth generation counted from Patriarch Mahakasyapa: Zen Master Nan Yueh Huai Jang, one of the most outstanding Dharma Heirs of the Sixth Patriarch Hui Neng—See *Phái Thiên Hoài Như* in Part Two Chapter 11 (A). **35)** Huai-Jang's Zen Branch, the Thirty-fifth generation counted from Patriarch Mahakasyapa: Zen Master Ma Tsu Tao-I—See *Thiền Sư Mã Tổ Đạo Nhất* in Part 5 Chapter 40 (II). **36)** Huai-Jang's Zen Branch, the Thirty-sixth generation counted from Patriarch Mahakasyapa: Zen Master Pai Chang Huai Hai—See *Thiền Sư Bách Trượng Hoài Hải* in Part 5 Chapter 40 (III). **37)** Huai-Jang's Zen Branch, the Thirty-seventh generation counted from Patriarch Mahakasyapa: Zen Master Kuei Shan Ling Yu, the founding patriarch of the Kuei Yang Tsung.

#### ***IV. Zen Virtues of the Kuei-Yang-Tsung:***

Zen Master Kuei Shan Ling Yu, the First Patriarch of the Kuei-yang Tsung. The Second Generation of the Kuei-yang Tsung: There were five recorded disciples of Zen Master Ling-yu's Dharma heirs: Zen master Hui-chi, Hsiang-yen, Ling-yun, Jingzhao, and Nun Zen Master Liu T'ieh-mo. The Third Generation of the Kuei-yang Tsung: There were three recorded disciples of Zen Master Hui-chi's Dharma heirs: Zen master Wu-Cho, Nan-t'a Kuang-yung, and Hsi-t'a Kuang-mu. The Fourth Generation of the Kuei-yang Tsung: a) There was one

recorded disciple of Zen Master Nan-t'a Kuang-yung's Dharma Heirs: Zen Master Hui-ch'ing. b) There was one recorded disciple of Zen Master Hsi-t'a Kuang-mu's Dharma Heirs: Zen Master Tsu-fu Ju-pao. The Fifth Generation of the Kuei-yang Tsung: There was one recorded disciple of Zen Master Hui-ch'ing Pa-chiao's Dharma Heirs: Zen Master Ch'ing-Jang.



**Chương Mười Sáu**  
**Chapter Sixteen**

**Thiền Sư Quy Sơn Linh Hựu:**  
**Khai Tổ Quy Ngưỡng Tông**

**I. Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Linh Hựu Quy Sơn Thiền Sư (771-853):**

Linh Hựu là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Ngoài việc Quy Sơn xuất hiện trong tắc 40 của Vô Môn Quan, và trong các tắc 4, 24 và 70 của Bích Nham Lục, chúng ta còn có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển IX: Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu họ Triệu, người ở làng Trường Khê thuộc Phúc Châu. Quy Sơn xuất gia vào tuổi 15 và bắt đầu tu tập trong một tu viện Luật Tông với sư Pháp Thường. Về sau, sư đến chùa Long Hưng ở Hàng Châu thọ cụ túc giới, nơi sư cũng học kinh điển Đại Thừa và Tiểu Thừa. Đến năm 22 tuổi, ông gặp Bách Trượng, trở thành đồ đệ và đạt được giác ngộ dưới sự hướng dẫn của thầy. Sau khi đạt được đại giác, ông tiếp tục tu học với Bách Trượng và làm người nấu bếp trong tự viện của thầy khoảng hai mươi năm. Đây là một chức vụ rất danh dự trong các Thiền viện vào thời đó bởi vì người ta tin rằng trạng thái tâm của người đầu bếp ảnh hưởng đến những bữa ăn mà vị ấy chuẩn bị. Ông là người kế vị Bách Trượng và được thầy trao lại cho cây phất tử như một dấu hiệu xác nhận. Cây phất tử này cũng đóng một vai trò trong cuộc pháp chiến giữa ông và Đức Sơn (tắc thứ 4 trong Vô Môn Quan). Ông là thầy của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và Hương Nghiêm Trí Nhàn. Vào thời của ông, Quy Sơn là vị thầy Phật giáo nổi tiếng ở miền nam Trung Hoa. Cộng đồng tu tập tập hợp quanh ông có đến ngàn rưởi, và ông có cả thầy 41 truyền nhân nổi pháp. Ông cùng với môn đồ của mình là Ngưỡng Sơn lập ra tông phái Quy Ngưỡng, lấy tên từ hai chữ đầu của hai người. Quy Sơn xuất hiện trong tắc 40 của Vô Môn Quan, và trong các tắc 4, 24 và 70 của Bích Nham Lục. Những lời nói và thuyết giảng của ông được thu thập trong Đan Châu Quy Sơn Linh Hựu Thiền Sư Ngữ Lục (sưu tập lời dạy của thiền sư Linh Hựu ở Đan Châu).

Một hôm Qui Sơn đang đứng hầu Bách Trượng, Bách Trượng hỏi: "Ai?" Qui Sơn đáp: "Dạ, Linh Hựu." Bách Trượng bảo: "Vào khươi trong bếp xem có lửa trong đó không?" Qui Sơn khươi bếp lửa và nói: "Dạ không có lửa." Bách Trượng rời chỗ ngồi, khươi sâu bếp lửa thì tìm thấy một cục than nhỏ xíu cháy đỏ, đưa lên cho Qui Sơn thấy và nói: "Đây không phải là cục than đó hả?" Ngay đó Qui Sơn hoát nhiên đại ngộ. Sư lễ bái và trình bày sở ngộ của mình. Bách Trượng bảo: "Đây là con đường rẽ tạm thời. Kinh nói: 'Muốn thấy Phật tánh phải quán thời tiết nhân duyên, thời tiết đã đến như mê chợt ngộ, như quên được nhớ, mới tỉnh thức vật và mình không từ bên ngoài được.' Cho nên Tổ Sư bảo: 'Ngộ rồi đồng chưa ngộ, không tâm cũng không pháp'. Chỉ là không tâm hư vọng phạm thánh, vân vân, xưa nay tâm pháp nguyên tự đầy đủ. Nay ông đã vậy, tự khéo gìn giữ." Điều này cho thấy Bách Trượng không dùng thủ đoạn hay phương pháp riêng biệt nào giúp cho tâm trí của đệ tử có thể được chín muồi cho chứng nghiệm. Ngài đã vì Qui Sơn, tùy cơ duyên mà bày tỏ Thiền bằng những đường lối thực tiễn nhất. Thật vậy, Thiền không phải là trò hý luận mà là một sự thực sống động, sự thực liên hệ mật thiết với chính sự sống. Các thiền sư thường hay lợi dụng mọi cơ hội trong đời sống hằng ngày. Trong trường hợp này, Bách Trượng đã dùng cục than nhỏ trong lò để đánh thức ý thức của đồ đệ mình trước chân lý của Thiền.

Một hôm, sư theo Bách Trượng làm việc trong núi. Bách Trượng hỏi: "Đem được lửa chãng?" Sư thưa: "Có đem." Bách Trượng hỏi: "Ở chỗ nào?" Sư cầm một miếng củi thối hai cái, rồi đem đưa cho Bách Trượng. Bách Trượng bảo: "Như trùng đục cây."

Tư Mã Đầu Đà từ Hồ Nam đến yết kiến Bách Trượng, nói: "Qui Sơn là thắng cảnh nên lập đại đạo tràng kết tập bạn pháp." Bách Trượng hỏi: "Lão Tăng muốn đến Qui Sơn có nên không?" Tư Mã nói: "Qui Sơn kỳ tuyệt có thể kết hợp một ngàn năm trăm Tăng chúng, nhưng không phải là chỗ cho Hòa Thượng đi." Bách Trượng hỏi: "Sao vậy?" Tư Mã đáp: "Hòa Thượng là thầy của xương sống, còn chỗ đó là thịt." Bách Trượng lại hỏi: "Vậy trong chúng của lão Tăng có người đến đó được không?" Tư Mã nói: "Đợi tôi xem qua mới biết." Bách Trượng nói: "Trong trường hợp đó, lão Tăng để nghị đệ nhất tòa Hoa Lâm." Tư Mã Đầu Đà yêu cầu Bách Trượng gọi Hoa Lâm vô phương trượng để ông ta có thể quan sát. Khi Hoa Lâm trình diện, Tư Mã kêu ông tăng hăng và đi qua đi lại trong phòng. Khi Hoa Lâm rời phương trượng, Tư

Mã bảo Bách Trọng: "Người này vẫn chưa thích hợp cho núi Qui." Bách Trọng nói: "Còn một người nữa mà lão Tăng có thể đề nghị." Nói xong, Bách Trọng cho gọi Linh Hựu vào phương trượng. Từ Mã Đầu Đà chỉ cần nhìn sơ qua là tuyên bố: "Chính người này cho núi Qui."

Tuy nhiên, theo Vô Môn Quan, khi thầy Bách Trọng đi tìm một vị viện trưởng có thể đứng đầu một tu viện mới trên núi Qui Sơn, sự cố sau đây xảy ra được ghi lại trong thí dụ thứ 40 của Vô Môn Quan. Một hôm Bách Trọng bày tỏ với Tăng chúng rằng người giỏi nhất sẽ phải ra đi trụ tại núi Qui. Nói xong Bách Trọng giơ một tổ ong lên trước khi đặt nó xuống đất và hỏi: "Các con không được gọi nó là tổ ong. Vậy các con sẽ gọi nó là cái gì?" Vị Tăng niên trưởng nói: "Cũng không thể gọi đó là chiếc guốc gỗ." Bách Trọng bèn hỏi Linh Hựu. Linh Hựu liền lộn ngược cái tổ ong và đi khỏi nơi đó. Bách Trọng vừa nói vừa cười: "Niên trưởng đã thua Linh Hựu rồi!" Và ngài ra lệnh cho Linh Hựu ra đi lập tu viện mới.

Linh Hựu lên núi và sau đó lấy tên núi này làm tên mình. Tại đây ông không dựng một tòa nhà nào cả, mà chỉ một cái lều và tiếp tục tu tập một mình. Trong thời gian này, những người đồng hành với Sư chỉ là những con khỉ trong rừng và thực phẩm duy nhất của Sư chỉ là những hạt dẻ mà bầy khỉ đã ăn. Ban đầu Sư cũng không nhận học trò. Phải mất đến bảy hoặc tám năm sau người ta mới chú ý đến nhân vật lạ lùng này. Sau đó đồ chúng đổ xô tới đây rất đông và một tu viện lớn mọc lên ngay trên núi này. Và cuối cùng đã có đến 1.500 đệ tử và 41 vị nối pháp. Người quan trọng nhất là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Qui Ngưỡng Tông, tông phái đầu tiên trong Ngũ Gia Thiên, lấy tên từ sự phối hợp giữa hai cái tên Qui Sơn và Ngưỡng Sơn.

Sư thượng đường dạy chúng: "Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng chân thật không dối gạt, không tâm hạnh sau lưng trước mặt, lừa phỉnh, trong mọi lúc mọi thời thấy nghe bình thường không có chiều uốn, cũng chẳng phải nhắm mắt bịt tai, chỉ lòng chẳng chạy theo vật là được. Từ trước chư Thánh chỉ nói, bên như bợn là lỗi lầm. Nếu không như thế, lòng nhiều nghĩ ác là việc tình kiến tưởng lập. Ví như nước mùa thu lóng đứng trong trẻo lặng lẽ không động không ngại, gọi người này là đạo nhưn, cũng gọi là người vô sự".

Một hôm, Sư cùng chúng hái trà. Sư bảo Ngưỡng Sơn: "Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà không thấy hình con." Ngưỡng Sơn liền

rung cây trà. Sư bảo: "Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó." Ngưỡng Sơn thưa: "Hòa Thượng nói sao?" Sư im lặng. Ngưỡng Sơn nói: "Hòa Thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó." Sư nói: "Cho con ba chục gậy." Ngưỡng Sơn nói: "Nếu con lãnh ba chục gậy của Hòa Thượng thì ai lãnh ba chục gậy của con đây?" Qui Sơn nói: "Vậy tha cho con ba chục gậy."

Một hôm, sư nói với đồ chúng rằng: "Có nhiều người chỉ có đại cơ mà chẳng có đại dụng." Ngưỡng Sơn bèn đem lời này hỏi vị ẩn sĩ dưới chân núi: "Hòa Thượng Qui Sơn nói vậy là ý gì?" Ẩn sĩ nói: "Nói lại xem." Ngưỡng Sơn vừa định nói liền bị vị ẩn sĩ đá nhào xuống đất. Ngưỡng Sơn trở về thuật lại cho Qui Sơn. Qui Sơn cười to "Ha! Ha! Ha!"

Hôm khác, Sư hỏi Ngưỡng Sơn: "Kinh Niết Bàn 40 quyển, bao nhiêu phần Phật nói, bao nhiêu phần ma nói?" Ngưỡng Sơn đáp: "Tất cả đều là ma nói." Qui Sơn cho rằng đúng, nhưng nói: "Chỉ sợ về sau này chẳng có ai đối phó nổi với ông."

Một hôm, Qui Sơn cho gọi viện chủ. Sau khi viện chủ đến, Qui Sơn lại hỏi: "Lão Tăng cho gọi viện chủ, ông làm gì ở đây?" Viện chủ cảm thấy không có lời nào để gọi điều kỳ diệu ấy. Về sau này, Tào Sơn nói thay cho viện chủ: "Con biết Thầy không thể gọi được con." Qui Sơn lại bảo thị giả gọi đệ nhất tòa. Sau khi đệ nhất tòa đến, Qui Sơn cũng nói: "Lão Tăng cho gọi đệ nhất tòa, ông làm gì ở đây?" Đệ nhất tòa cũng không biết phải đối đáp thế nào. Tào Sơn đáp thay cho đệ nhất tòa: "Nếu Thầy cho thị giả gọi hấn, con sợ là hấn không tới đâu."

Sư hỏi Vân Nham Đàm Thạnh: "Nghe huynh ở Dực Sơn lâu lắm phải không?" Vân Nham thưa: "Phải." Qui Sơn hỏi: "Tướng Dực Sơn đại nhân thế nào?" Vân Nham nói: "Sau khi Niết bàn mới có." Qui Sơn hỏi: "Sau khi Niết bàn mới có là thế nào?" Vân Nham nói: "Không có chỗ rỉ ra." Vân Nham hỏi lại sư: "Bách Trượng đại nhân tướng thế nào?" Qui Sơn đáp: "Chững chạc vôi vọi, sáng suốt rục rờ, trước tiếng chẳng phải tiếng, sau sắc chẳng phải sắc, con muối đậu trên trâu sắt, không có chỗ cho huynh cắm mỏ vào."

Có những trường hợp Qui Sơn lấy một vật gần đó để trả lời câu hỏi vì khi được hỏi thì có thể ngài đang làm một công việc, hay đang nhìn ra cửa sổ, hay đang lặng lẽ ngồi tư duy, và rồi giải đáp của ngài có thể nhắc đến những vật như thế có liên hệ đến việc làm của ngài lúc bấy giờ. Vì vậy, ngài có thể nói bất cứ điều gì, bằng những cơ duyên như



thế, cái đó không phải là một lối đoán ngôn từ tượng đặt vào một vật được lựa chọn tùy ý để thuyết minh quan điểm của mình. Thí dụ như Ngưỡng Sơn hỏi, và Qui Sơn đáp: "Cái lồng đèn đẹp quá ha!" Có lẽ lúc bấy giờ ngài đang nhìn cái lồng đèn, hay lồng đèn ở gần họ nhất nên ngài coi là ứng cơ nhất đáng được dùng cho mục đích trước mắt. Trường hợp khác, cùng câu hỏi nhưng không cùng câu trả lời, tất nhiên ngài thấy nên khai thị Thiền theo cách khác thích hợp hơn. Đây là chỗ Thiền khác với những luận chứng thuần lý của triết gia.

Trong khi họp chúng, Qui Sơn bảo đồ chúng: "Khi lão Tăng trăm tuổi sẽ đến ngôi làng dưới chân núi làm con trâu. Bên hông trái có viết năm chữ: Qui Sơn Tăng Linh Hựu. Nếu mấy ông gọi là Qui Sơn Tăng, nó lại thật sự là con trâu. Nếu mấy ông gọi nó là con trâu, thì nó lại thật sự là Qui Sơn Linh Hựu. Vậy thì, mấy ông gọi nó là gì?" Một số đề nghị được đưa ra nhưng đều bị Qui Sơn bác bỏ. Ngưỡng Sơn bước tới, lễ bái, rồi lui ra.

Thiền sư Qui Sơn truyền bá Thiền giáo hơn bốn mươi năm, pháp ngữ của ông đã đến với vô số người. Vào ngày mồng chín tháng giêng, nhằm năm 853, Sư tắm rửa xong, ngồi kiết già vui vẻ thị tịch. Sư thọ 83 tuổi, sáu mươi bốn tuổi hạ. Sư được vua ban pháp hiệu "Đại Toàn Thiền Sư" và tháp được xây trên núi Qui Sơn với tháp hiệu "Thanh Tịnh."

## ***II. Công Án và Lời Dạy Liên Quan Đến Linh Hựu Qui Sơn Thiền Sư:***

**Qui Sơn: Được Đáo Tịnh Bình:** Quy Sơn đá đổ tịnh bình, thí dụ thứ 40 của Vô Môn Quan. Hòa Thượng Quy Sơn trước ở với ngài Bách Trượng, giữ chức điển tòa. Bách trượng sắp chọn người đến núi Đại Quy làm chủ trì, bèn dạy sư cùng ông thủ tòa ra đối đáp trước chúng, xem ai đối đáp giỏi sẽ được phái đi. Bách trượng cầm tịnh bình đặt xuống đất hỏi: "Không được gọi là tịnh bình thì gọi là gì?" Ông thủ tòa đáp: "Không thể gọi là khúc cây." Bách Trượng quay sang hỏi Quy Sơn, Quy Sơn bèn đá đổ tịnh bình mà đi. Bách Trượng cười nói: "Ông đệ nhất tòa thua mất hòn núi rồi vậy" Nói xong bèn phái Quy Sơn đi làm Tổ khai sơn Đại Quy. Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, Quy Sơn một phen hăng hái, ngắt rằng vẫn không vượt qua được cái bẫy của Bách Trượng. Xét lại cho kỹ, té ra bỏ nhẹ lựa nặng. Tại sao vậy? Tránh khỏi bưng mâm, lại bị mang gông sắt.

**Qui Sơn: Quán Thủy Lai, Diễm Trà Lai:** Đem cái chậu rửa mặt và mang trà lại. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển IX, một hôm, sau khi Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu vừa thức giấc Ngưỡng Sơn bèn mang đến cho Sư một cái chậu rửa mặt. Hương Nghiêm Trí Nhân nói rằng mình đã "Hạ diện liễu tri." Sư Qui Sơn bảo Hương Nghiêm diễn tả sự hiểu biết về hoàn cảnh này của mình. Hương Nghiêm bèn đi pha trà. Qui Sơn khen cả hai, nói rằng: "Thần lực và trí tuệ của hai đệ tử còn vượt xa hơn cả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên."

**Qui Sơn Tam Chủng Sinh:** Ba cơ pháp hay ba nguồn gốc gây nên dục vọng và ảo tưởng mà Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu luôn nhắc nhở đệ tử: tướng sinh, tướng sinh, và lưu chú sinh.

**Qui Sơn Thỉnh Bách Trượng:** Theo thí dụ thứ 70 của Bích Nham Lục. Qui Sơn, Ngũ Phong, Vân Nham đồng đứng hầu Bách Trượng. Bách Trượng hỏi Qui Sơn: "Dẹp hết cỏ họng môi mép, làm sao nói?" Qui Sơn thưa: "Thỉnh Hòa Thượng nói." Bách Trượng bảo: "Ta chẳng từng nói với ông, chỉ e về sau mất hết con cháu." Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, tuy Bách Trượng nói như thế, cái nổi đã bị người kẻ khác cướp mất rồi. Bách Trượng lại hỏi Ngũ Phong. Ngũ Phong thưa: "Hòa Thượng cũng phải dẹp hết." Bách Trượng nói: "Chỗ không người vạch trán nhìn ông." Bách Trượng hỏi Vân Nham. Vân Nham thưa: "Hòa Thượng có hay chưa?" Bách Trượng nói: "Mất hết con cháu của ta. Ba người mỗi vị một nhà." Cổ nhân nói: "Trên đất bằng người chết vô số, qua đưng rừng gai góc là người tay khéo." Vì thế hàng Tông sư đem rừng gai góc nghiệm người. Cớ sao? Nếu ở dưới câu thường tình nghiệm người chẳng được. Hàng thiền khách cần phải trong câu trình cơ, trong lời biện mục đích. Nếu là kẻ gánh bản, phần đông nhằm trong câu mà chết, nghe nói dẹp hết cỏ họng môi mép thì không có chỗ mở miệng. Nếu là người biến thông, có lối sống ngược nước, chỉ nhằm trên câu hỏi có lối đi, tay chẳng bị thương tích. Qui Sơn thưa: "Thỉnh Hòa Thượng nói." Hãy nói ý nghĩ thế nào? Trong đây như chọi đá nháng lửa, tự lòn điển chớp, như chỗ hỏi kia liền đáp, tự có con đường xuất thân, chẳng tổn mảy may khí lực. Vì thế nói, kia tham câu sống chẳng tham câu chết. Bách Trượng chẳng biện kia, chỉ nói chẳng từng nói với ông, chỉ e về sau mất hết con cháu của ta. Đại phạm bậc Tông sư vì người phải nhổ đinh tháo chốt. Như người nay nói: "Đáp này chẳng thừa nhận, kia thông lãnh thoại." Đâu chẳng biết trong đây một đường sanh cơ, vách đứng ngàn năm, khách chủ lẫn kéo, sống linh động.

Tuyết Đậu mền lời của Qui Sơn, phong cách uyển chuyển tự tại, lại hay nắm vững phong cương.

***Zen Master Kuei Shan Ling-Yu:  
The Founding Patriarchs of the Kuei Yang Sect***

***I. Life and Acts of Zen Master Ling-Yu Kuei-Shan:***

Zen Master Kuei-Shan-Ling-Yu, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. Beside the fact that Kuei-shan appears in example 40 of the Wu-Men-Kuan, as well as in examples 4, 24, and 70 of the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record), we still have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume IX: Zen master Kuei-shan Ling-Yu had the surname Zhao. He came from the village of Changxi in Fuzhou. He left home and became a monk at the age of fifteen and first trained in a monastery of the Vinaya school of Buddhism with master Fa-chang. Later, he received full ordination at Lung-hsing Temple in Hang-chou, where he also studied the Mahayana and Hinayana scriptures. At the age of twenty-two he came to Pai-chang, became his student, and under him realized profound enlightenment. Even after his enlightenment he trained further under Pai-chang and served for twenty years in his monastery as head cook. At that time, this was an honored position within the Zen monasteries because it was believed that the state of mind of the cook affected the means he prepared. He is Pai-chang's most important dharma successor and received from him his duster (hossu) as a token of confirmation. This duster plays a role in the famous Dharma dueling (hossen) with Master Te-shan (example 4 in Pi-Yen-Lu). He was the master of Yang-shan-Hui-chi and Hsiang-yen-Chih-hsien. Kuei-shan was quite best known Buddhist master of his time in southern China. The monastic community that gathered about him numbered 1,500, and he had forty-one dharma successors. He and his principal student Yang-shan founded the Kuei-Yang-Tsung, the name of which comes from the initial characters of their names. Kuei-shan appears in example 40 of the Wu-Men-Kuan, as well as in examples 4, 24, and 70

of the Pi-Yen-Lu (the Blue Cliff Record). His sayings and teachings are recorded in the T'an-chou Kuei-shan Ling-yu Ch'an-Shih yu-lu.

One day when Kuei-shan was in attendance on his master, Pai-chang, the master asked him: "Who are you?" Kuei-shan replied: "Ling-yu, sir." Pai-chang said, "Dig into the ashes and see if there is any fire in the fireplace." Shan dug into the fireplace, and said, "No fire, sir." Pai-chang rose from his seat, dug deeper into the ashes, and, finding a little piece of live charcoal, held it up, and showing it to Shan, said, "Is this not a live one?" This opened Shan's mind. He then bowed and made his realization known to Pai-chang. Pai-chang said, "What you've experienced is a temporary fork in the road. In the scripture it says, 'If you want to understand the meaning of Buddha-nature, then you should look in the realm of temporal causation.' When it expresses itself, it is like delusion suddenly turning into enlightenment, like remembering something that was forgotten, and realizing that the self and other things do not come from someplace else. Thus an ancient teacher said, 'Enlightenment is but the same as non-enlightenment, without mind and without dharma.' It is just this mind that does not hold to ideas of emptiness, delusion, mundane, or sacred. It is the original mind-Dharma that is, of itself, perfect and complete. Having arrived at this, you must uphold and sustain it." This shows us that Pai-chang used no special contrivance or method by which the mind of the disciple could be matured for the experience. As a matter of fact, Zen is not a conceptual plaything with them but a vital fact which intimately concerned life itself. Zen masters usually make use of every opportunity in their daily life. In this case, Pai-chang used a little piece of live charcoal to demonstrate Zen in most practical ways for the sake of Kuei-shan's enlightenment.

One day, Kuei-shan accompanied Pai-chang to do work on the mountain. Pai-chang said, "Did you bring fire?" Kuei-shan said, "I brought it." Pai-chang said, "Where is it?" Kuei-shan then picked up a piece of firewood and whistled twice, then handed the piece of wood to Pai-chang. Pai-chang said, "Like a termite eating wood."

A Buddhist pilgrim named Si-ma came from Hu-nan. He spoke to Pai-chang, saying, "Recently at Hu-nan, I came upon a mountain named Big Kui where fifteen hundred Buddhist worthies reside." Pai-chang said, "Should I go there as abbot?" The pilgrim said, "It is not

where Master Pai-chang should reside." Pai-chang said, "Why is that?" Si-ma said, "The master is a teacher of bone. That place is the flesh." Pai-chang said, "Is there anyone in my congregation here who could assume that position?" Si-ma said, "Let me examine them and see." Pai-chang said, "In that case, I recommend my chief monk, Hua-lin." Si-ma asked Pai-chang to call Hua-lin into the room so he could observe him. When Hua-lin presented himself, Si-ma asked him to clear his throat, then walk across the floor. Once Hua-lin retired, Si-ma told Pai-chang, "This man still isn't appropriate for Kuei Mountain." Pai-chang said, "There is one other I could recommend." Then Pai-chang called Ling-yu in. Si-ma needed only a brief look before declaring, "This is the very man for the position."

However, according to the Wu-Men-Kuan, when Master Pai-chang was looking for a suitable abbot for a newly founded monastery on Mount Kuei-Shan, the following incident, which appears as example 40 (of the Wu-Men-Kuan) took place. One day, Pai-chang wanted to select an abbot for the Kuei-shan monastery. He opened the matter up to the head monk and all the monks, indicating that they should speak and the right one would go. Thereupon Pai-chang held up a jug, placed it on the floor and asked: "This you should not call jug, so what do you call it?" Then the head monk said: "One can't call it a wooden sandal." Now Pai-chang asked Ling-yu. Ling-yu immediately knocked the jug over and went away. Pai-chang said, laughing, "The head monk lost to Ling-yu," and he directed that Ling-yu should found the new monastery.

Ling-yu went to Mount Kuei-shan, the name of which he later assumed, built nothing but a hut, and did nothing other than train himself further there. During that period, his only companions were the monkeys in the forest and his only food were the chestnuts they ate. Besides, he offered teaching to no students. Only after seven or eight years did anyone notice him; students began to gather around him and soon a large monastery came into being. And eventually had 1,500 disciples and would acknowledged forty-one of these as dharma heirs. The most important was Yang-shan Huichi. The Kuei-yang School, the first of the Five Houses of Zen, takes its name from the combination of the two names Kuei-shan and Yang-shan.

Zen master Kuei-shan entered the hall and addressed the monks, saying, "The mind of a person of the Way is forthright and undeviating, with no front or back. It is neither deceitful nor deluded and at all times it is watchful and straightforward, never covering the eyes nor plugging the ears. Such a mind is realized when emotions do not chase after things. All the ancient sages have simply said that by the practice of not giving rise to evil views or thoughts, the difficulties of the corrupted world become like the clear autumn waters, pure and unmoving, tranquil yet unimpeded. A person with such a mind may be called of the Way, a person without worldly affairs."

One day, while Kuei-shan and the monks were picking tea leaves, Kuei-shan said to Yang-shan, "All day today I've heard your voice but I haven't seen your form." Yang-shan then shook the tea tree. Kuei-shan said, "You attained its function, but you haven't realized its essence." Yang-shan said, "What does the master say?" Kuei-shan was silent. Yang-shan said, "The master has attained its essence but hasn't realized its function." Kuei-shan said, "I give you thirty blows with the staff." Yang-shan said, "If I receive thirty blows of the master's staff, who then will receive thirty blows from me?" Kuei-shan said, "You will be spared of my thirty blows."

One day, Zen master Kuei-shan addressed the congregation, saying, "There are many who attain the great potential, but few who realize the great function." Yangshan repeated these words to a hermit who lived below the mountain and said, "What does the master mean when he speaks in this manner?" The hermit said, "Say it again and we'll see." When Yangshan began to speak the hermit kicked him and knocked him down. Yangshan returned and reported this to Kuei-shan. Kuei-shan laughed loudly, "Ha, ha, ha."

Another day, Kuei-shan asked Yangshan, "Of the forty sections of the Nirvana Sutra, how many were spoken by the Buddha and how many were spoken by a devil?" Yangshan said, "All of them were spoken by a devil!" Kuei-shan said, "Hereafter, no one will be able to cope with you."

One day, Kuei-shan summoned the monastery director. When he came, Kuei-shan said, "I called the monastery director, what are you doing here?" The director stood there speechless. Later, Caoshan answered on behalf of the monastery director, saying, "I know the

master can't call me." Kuei-shan also had his attendant summon the head monk. When the head monk came, Kuei-shan said, "I called for the head monk, what are you doing here?" The head monk also stood there speechless. Caoshan said on his behalf, "If you ask the attendant to summon him, I'm afraid he won't come."

Kuei-shan asked Yun-yan, "I've heard that you've lived on Mount Yao for a long time. Is that so?" Yun-yan said, "Yes." Kuei-shan said, "What about the great personage Yao-shan?" Yun-yan said, "There's something after nirvana." Kuei-shan said, "What is it that's after nirvana?" Yun-yan said, "There are no leaks." Yun-yan then asked Kuei-shan, "What did the great Pai-chang look like?" Kuei-shan said, "Lofty and grand. Brilliantly incandescent. Behind his voice there was no voice. After his form, there is no form. It's like a mosquito on the back of an iron ox. There's no place to take a bite."

Cases where an object near by is made use of in answering the question. When questioned, he may happen to be engaged in some work, or looking out of the window, or sitting quietly in meditation, and then his response may contain some allusion to the objects thus connected with his doing at the time. Whatever he may say, therefore, on such occasion is not an abstract assertion on an object deliberately chosen for the illustration of his point. Kuei-shan, for instance, questioned by Yang-shan, answered, "What a fine lantern this!" Probably he was looking at a lantern at the moment, or it stood nearest to them and came in most convenient for the master to be utilized for his immediate purpose. On another occasion his answer to the same question may not be the same; he is sure to find it more desirable and appropriate to demonstrate Zen in some other way. This is where Zen differs from the conceptual arguments of the philosopher.

During an assembly, Kuei-shan told his disciples, "When I die, I'll be reborn as a water buffalo in the village at the foot of the mountain. On the side of the buffalo, you'll find these words written: "This is the monk Kuei-shan." If you call it Kuei-shan, it's actually a buffalo. But if you call it a buffalo, it's actually Kuei-shan Ling-yu. What, then, will you call it? A number of suggestions were put forward that Kuei-shan rejected. Then Yang-shan stepped forward, bowed, and left the assembly.

Zen master Kuei-shan expounded the teaching of Zen for more than forty years, his words reaching countless people. On the ninth day of the first lunar month in the year 853, Kuei-shan finished bathing, sat in a cross-legged position and peacefully passed away. His age was eighty-three and he had been a monk for sixty-four years. He received the posthumous name "Zen Master Great Perfection" and his stupa was constructed on Mount Kuei and named "Clear Purity."

## ***II. Kôans and Teachings Related To Zen Master Ling-Yu Kuei-Shan:***

***Kuei-shan Kicks Over the Water Bottle:*** Kuei-shan Kicks Over the Water Bottle, example 40 of the Wu-Men-Kuan. When Kuei-shan was with Pai-chang's assembly, he was a cook of the monastery. Pai-chang wanted to choose a founding teacher for Mount ta-kuei. He invited all his monk to make a presentation, saying, "The outstanding one will be sent." Then he took a water bottle and set it on the floor, and said, "Don't call this a water bottle. What would you call it?" The head monk said, "It can't be called a wooden clog." Pai-chang then asked Kuei-shan his opinion. Kuei-shan kicked over the water bottle and walked out. Pai-chang laughed and said, "The head monk loses." Then Pai-chang assigned the assignment to Kuei-shan. Kuei-shan thereupon was made the founding teacher at Mount Ta-kuei. According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, though Kuei-shan was altogether valiant, he could not leap out of Pai-chang's trap. if you scrutinize what happened next, you'll see that he accepted the heavy and rejected the light. How? Look! Removing his sweatband, he shouldered an iron yoke.

***Kansui-Rai Tensa-Rai (jap):*** According to Ching Te Ch'uan Teng Lu, Volume IX, one day, after Zen master Isan-Reiyû (Kuei-shan-Ling-yu) had woken up from a nap Kyôzan Ejaku (Yang-shan Hui-chi) brought him a tub of water to wash his face. Kyôgen Chikan (Hsiang-yen Chih-hsien) said that he had been watching from the wings, and had witnessed everything clearly. Master Isan asked him to express his understanding of the situation. Kyôgen went to make some tea. Isan praised them, saying, "The mystical powers and the wisdom of you two disciples are far superior to those of Sariputra and Maudgalyayana."

***Kuei Shan's Three Sources of passions and Illusions:*** Three causes of the rise of the passions and illusions that Zen master Kuei-shan



always reminded his disciples: the mind or active thought, the objective world, and constant interaction, or the continuous stream of latent predispositions.

***Kuei Shan Attends on Pai Chang:*** According to example 70 of the Pi-Yen-Lu, Kuei Shan, Wu Feng, and Yun Men were together attending on Pai Chang. Pai Chang asked Kuei Shan, "With your throat, mouth, and lips shut, how will you speak?" Kuei Shan said, "Please, Teacher, you speak instead." Pai Chang said, "I don't refuse to speak to you, but I fear that if I did, in the future I would be bereft of descendants." According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, although Pai Chang acted like this, his pot had already been carried off by someone else. He also asked Wu Feng this same question. Wu Feng said, "Teacher, you too should shut up." Pai Chang said, "Where there's no one, I shade my eyes with my hand and gaze out towards you." Pai Chang also asked Yun Men the same question. Yun Men said, "Teacher, do you have any way to speak or not?" Pai Chang said, "I have lost my descendants." Each of these three men was a Master. An Ancient said, "On the level ground there are dead people without number. Those who can pass through the forest of brambles are the skillful ones." Therefore teachers of our school use the forest of brambles to test people. Why? They couldn't test people if they stuck to phrases based on ordinary feelings. Patchrobed monks must be able to display their ability in phrases and discern the point within words. As for board-carrying fellows, they often die within the words and say, "If throat, mouth, and lips are shut, there's no longer a way to say anything." As for those who can adapt successfully, they have waves which go against the current, they have a single road in the question. They don't cut their hands blundering against its sharp point. Kuei Shan said, "Please, Teacher, you speak instead." Tell me, what did he mean? Here he was like sparks struck from stone, like a flash of lightning: pressing back against Pai Chang's question, he answered immediately. He had his own way to get himself out, without wasting the slightest effort. Thus it is said, "He studies the living phrase; he doesn't study the dead phrase." Nevertheless, Pai Chang did not take him up on it, but just said, "I don't refuse to speak to you, but I fear that if I did, in the future I would be bereft of descendants." Whenever teachers of our school help people, they pull out nails and extract pegs. As for people

these days who say that this answer doesn't approve of Kuei Shan and doesn't comprehend his words, how far they are from knowing that right here is the one path of his living potential, towering up like a thousand fathom wall, interchanging guest and host, leaping with life. Hsueh Tou likes these words of Kuei Shan's, like his freedom to revolve around and maneuver elegantly while still being able to hold fast to his territory.

**Chương Mười Bảy**  
**Chapter Seventeen**

**Quy Ngưỡng Tông Đồi Thứ Hai:**  
**Nói Pháp Thiền Sư Linh Hựu**

**(I) Thiền Sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch**

**(A) Cuộc Đồi Và Hành Trạng Của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền Sư (807-883 or 814-891):**

Huệ Tịch là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Hiện nay chúng ta có khá nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Ngưỡng Sơn; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XI: Ngưỡng Sơn sanh năm 807 tại Thiều Châu (bây giờ là tỉnh Quảng Đông). Năm 15 tuổi sư muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không cho. Đến năm 17 tuổi sư chặt hai ngón tay, đến quỳ trước cha mẹ thệ cầu chánh pháp để báo ân sanh thành dưỡng dục. Ông đã gặp nhiều đại thiền sư, trong đó có Mã Tổ và Bách Trượng Hoài Hải. Ông cũng nổi tiếng là học trò xuất sắc của những vị này. Lúc Ngưỡng Sơn theo Tổ Bách Trượng học Thiền, sư có cái lưỡi lém lỉnh, thậm chí Tổ nói một sư đáp mười. Bách Trượng nói: “Ta nghĩ, sẽ có người khác chiếu cố cho ông.” Sau một thời gian hành cước du phương, Ngưỡng Sơn ở lại và học Thiền với Thiền sư Đàm Nguyên Ứng Chân, một đệ tử xuất sắc của Nam Dương Huệ Trung Quốc Sư. Tại đây, ông được huyền chỉ lần đầu. Tuy nhiên, ông chỉ đạt được đại giác dưới sự hướng dẫn của thiền sư Qui Sơn Linh Hựu. Cùng với thầy mình, ông được coi như là một trong hai người sáng lập ra phái Qui Ngưỡng. Phái này lấy hai chữ đầu trong tên của hai vị làm tên cho tông phái. Sư Ngưỡng Sơn, một vị Tăng nổi tiếng của Trung Quốc, một trong những đại thiền sư của Trung Quốc. Ông là môn đồ và là người kế thừa Pháp của Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu, và là thầy của Nam Thập Quang Dũng. Ngưỡng Sơn là một trong những thiền sư chính vào thời của ông. Những năng lực rộng lớn của ông đã làm cho ông được mang danh hiệu “Tiểu Thích Ca Mâu Ni.”

Sư đến yết kiến Đam Nguyên Ung Chân, nhưn đây được huyền chỉ. Đam Nguyên rất trọng vọng Ngưỡng Sơn, và nói: “Quốc Sư Huệ Trung lúc đương thời được sáu đời Tổ Sư truyền cho 97 viên tướng (tướng tròn), Ngài trao cho lão Tăng dặn rằng: ‘Sau khi ta tịch diệt 30 năm, có ông sa di từ phương Nam đến, sẽ làm hưng thịnh giáo này, người nên thứ lớp truyền trao chỗ để đoạn dứt.’ Nay ta trao cho con, con phải vâng giữ.” Chính thiền sư Đam Nguyên đã hướng dẫn cho Ngưỡng Sơn đạt đại giác lần đầu tiên.

Nói xong Đam Nguyên trao bản ấy cho Ngưỡng Sơn. Sư nhận được, xem qua một lượt bèn đem đốt. Hôm khác Đam Nguyên hỏi sư: “Những tướng ta trao cho hôm trước cần phải quý trọng giữ kín.” Sư thưa: “Hôm ấy xem xong, con đốt quách rồi.” Đam Nguyên bảo: “Pháp môn này của ta không người hiểu được, chỉ có thầy ta và các bậc Tổ Sư Đại Thánh mới hiểu hết, sao con lại đốt đi?” Sư thưa: “Con một phen xem qua đã biết ý chỉ trong đó, ứng dụng được chẳng cần cầm bản.” Đam Nguyên bảo: “Tuy như thế, nơi con thì được, người sau làm sao tin đến được?” Sư thưa: “Hòa Thượng nếu cần, con chép lại chẳng khó.” Sư liền chép hết lại thành một tập chẳng sót một điều. Đam Nguyên khen là đúng. Về sau này khi Đam Nguyên thăng tòa, Ngưỡng Sơn từ trong chúng bước ra đến trước mặt, làm một vòng trên không, đẩy nó đi tới bằng hai tay, rồi đứng đó khoang tay trước với tay này trên tay kia. Đam Nguyên vỗ tay rồi đưa ra như hình một nắm tay, ngay đó Ngưỡng Sơn bước tới ba bước gần hơn và lễ bái theo cách của người nữ. Đam Nguyên gật đầu, và Ngưỡng Sơn lễ bái rồi lui ra.

Một hôm, Thiền sư Ngưỡng Sơn đang giặt y áo thì Đam Nguyên đến hỏi: “Tư tưởng của Thầy hiện giờ ở đâu?” Ngưỡng Sơn lập tức trả lời: “Vào lúc này Thầy muốn tôi có tư tưởng gì?” Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng một vị hành giả chân chính không thể giặt quần áo của mình một cách vô ý thức được!

Sau khi Đam Nguyên thị tịch, cuối cùng Ngưỡng Sơn đến học Thiền với Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu. Khi Sư trình diện Qui Sơn, Qui Sơn hỏi: “Ta nghe trong lúc theo hầu Bách Trượng, Bách Trượng nói một ông đáp mười, có phải vậy không?” Ngưỡng Sơn đáp: “Không dám!” Qui Sơn hỏi: “Đối với thâm nghĩa của Phật pháp, ông đã đến đâu?” Ngưỡng Sơn sắp sửa mở miệng thì Qui Sơn hét lên. Ba lần hỏi, ba lần há hốc mồm và ba lần hét. Cuối cùng Ngưỡng Sơn bị khuất

phục, cúi đầu rơi nước mắt, nói: “Tiên sư Bách Trọng nói con sẽ gặp một vị thầy thích hợp với con hơn, và giờ đây con đã tìm thấy rồi!”

Một hôm, Qui Sơn thấy Ngưỡng Sơn đang ngồi dưới một gốc cây, ngài đến gần, đung cây gậy vào lưng sư. Ngưỡng Sơn quay lại, Qui Sơn nói: “Này Tịch, giờ ông có thể nói một lời hay không?” Ngưỡng Sơn đáp: “Không, không lời nào nữa, tôi không muốn nhờ vả ai hết.” Qui Sơn bảo: “Này Tịch, ông hiểu rồi đó.”

Lúc còn sa di sư đến tham vấn Qui Sơn Linh Hựu. Qui Sơn hỏi: “Người là Sa Di có chủ hay Sa Di không chủ?” Sư thưa: “Có chủ.” Qui Sơn hỏi: “Chủ ở chỗ nào?” Sư từ bên Đông sang bên Tây đứng. Qui Sơn biết con người kỳ lạ nên cố tâm chỉ dạy.

Ngưỡng Sơn hỏi Qui Sơn: “Thế nào là chỗ ở của chơn Phật?” Qui Sơn đáp: “Dùng cái diệu tư (nghĩ nhớ) mà không tư (không nghĩ nhớ) xoay cái suy nghĩ tinh anh vô cùng, suy nghĩ hết trở về nguồn, tánh tướng thường trụ, sự lý không hai, chơn Phật như như.” Ngay câu nói ấy, Ngưỡng Sơn đại ngộ.

Một hôm, Thiền sư Ngưỡng Sơn thượng đường dạy chúng: “Hết thấy các người mỗi người tự hồi quang phản quán, chớ ghi ngôn ngữ của ta. Các người từ vô thủy đến nay trái sáng hợp tối, gốc vọng tưởng quá sâu khó nhổ mau được. Do đó, giả hợp lập phương tiện đẹp thức thô của các người, như đem lá vàng dỗ con nít khóc, có cái gì là phải. Như người đem các thứ hàng hóa cùng vàng lập phố bán. Bán hàng hóa chỉ nghĩ thích hợp với người mua. Vì thế, nói: ‘Thạch Đầu là phố chơn kim, chỗ ta là phố tạp hóa.’ Có người đến tìm phần chuộc ta cũng bết cho, kẻ khác đến cầu vàng thật ta cũng trao cho.” Có một vị Tăng hỏi: “Chẳng cần phần chuộc, xin Hòa Thượng cho vàng thật.” Ngưỡng Sơn bảo: “Răng nhọn nghĩ mở miệng, năm lửa cũng chẳng biết.” Tăng không đáp được. Ngưỡng Sơn tiếp: “Tìm hỏi thì có trao đổi, chẳng tìm hỏi thì chúng ta chẳng có gì để trao đổi. Nếu ta thật sự nói về Thiền tông, thì cần một người làm bạn cũng không, huống là có đến năm bảy trăm chúng? Nếu ta nói Đông nói Tây, ắt giành nhau lượm lật, như đem nắm tay không để gạt con nít, trọn không có thật. Nay ta nói rõ với các người việc bên cạnh Thánh, chớ đem tâm nghĩ tít, chỉ nhằm vào biển tánh của mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Vì sao? Vì đây là việc bên chót của Thánh. Hiện nay cần thức tâm đạt bản, cốt được cái gốc chẳng lo cái ngọn. Sau này, khi khác sẽ tự đầy đủ. Nếu chưa được gốc, dầu cho đem tâm học y cũng chẳng được. Các

người đầu chẳng nghe Hòa Thượng Qui Sơn nói: “Tình phạm Thánh hết, bày biện chơn thường, sự lý chẳng hai, tức như như Phật.” Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch sống vào khoảng cuối nhà Đường đầu nhà Tống (vào khoảng giữa thế kỷ thứ X). Lúc đó thiên hướng phát triển của giáo pháp Thiền tông lần hồi thay thế các tông phái khác ở Trung Hoa. Nghĩa là thái độ Thiền đối với truyền thống, và triết lý đạo Phật, có khuynh hướng coi nhẹ việc học hỏi theo thứ lớp của nó, lơ là kinh điển và các thứ siêu hình trong kinh.

Một vị quan Thị Ngự họ Lưu hỏi Ngưỡng Sơn: "Con có thể nghe chỉ ý khiến đạt được tâm hay không?" Ngưỡng Sơn đáp: "Nếu ông muốn đạt được tâm, thì không có cái tâm nào để mà đạt cả. Cái tâm chẳng cần đạt được ấy được biết như là chân lý."

Những lời Thiền Sư Ngưỡng Sơn chỉ dạy Tăng chúng làm tiêu chuẩn cho Thiền Tông. Sư có làm bài kệ:

“Nhất nhị tam tứ  
 Bình mục phục ngưỡng thị  
 Lương khẩu nhất vô thiết  
 Thử thị ngô tông chi.”  
 (Một hai hai ba con  
 Mắt thường lại ngược xem  
 Hai miệng một không lưỡi  
 Đây là tông chỉ ta).

Những “vấn đáp” giữa Ngưỡng Sơn và Qui Sơn, cũng như những thiền sư khác, về tinh thần Thiền được thu thập lại trong Viễn Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền Sư Ngữ Lục (sưu tập những lời của thiền sư Ngưỡng Sơn ở Viễn Châu). Tên của ông được nhắc tới trong thí dụ thứ 25 của Vô Môn Quan, và trong các thí dụ 34 và 68 của Bích Nham Lục.

Khi sắp thị tịch sư ngồi thẳng nói lời từ biệt với chúng, rồi đọc bài kệ:

“Niên mãn thất thập thất  
 Lão khứ thị kim nhật  
 Nhậm tánh tự phù trầm  
 Lương thủ phan quật tất.”  
 (Năm đầy bảy mươi bảy  
 Chính là ngày tôi đi  
 Mặc tánh tự chìm nổi)

Hai tay ngồi bó gối)

Nói xong sư an nhiên thị tịch, năm 883, sư thọ 77 tuổi, vua ban hiệu “Thông Trí Thiên Sư” tháp hiệu “Diệu Quang.”

**(B) Những Công Án Liên Quan Đến Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiên Sư:**

**Ngưỡng Sơn Bất Tăng Du Sơn:** Thí dụ thứ 34 của Bích Nham Lục. Ngưỡng Sơn hỏi một vị Tăng: "Vừa rời chỗ nào?" Vị Tăng thưa: "Lô Sơn." Ngưỡng Sơn hỏi: "Từng dạo Ngũ Lão Phong chẳng?" Vị Tăng thưa: "Chẳng từng đến." Ngưỡng Sơn nói: "Xà Lê chẳng từng dạo núi." Về sau Vân Môn nói: "Lời này vì cố từ bi nên nói rơi trong cỏ." Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, nghiệm người đến chỗ đoan đích, thốt lời liền là tri âm. Cổ nhân nói: "Không lượng đại nhân nhằm trong ngữ mạch chuyển đi." Nếu là đủ con mắt ở đánh môn, nhắc đến liền biết chỗ rơi. Xem kia một hỏi một đáp, rõ ràng phân minh, vì sao Vân Môn lại nói "Lời này vì cố từ bi nên nói rơi trong cỏ"? Cổ nhân đến trong ấy như gương sáng tại đài, minh châu trong tay, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán, mới nên buông nắm. Vân Môn niêm rằng: "Vị Tăng này chính từ Lô Sơn đến," vì sao lại nói "Xà Lê chẳng từng dạo núi"? Một hôm Qui Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Có Tăng các nơi đến, con đem cái gì nghiệm họ?" Ngưỡng Sơn thưa: "Con có chỗ nghiệm." Qui Sơn bảo: "Con thử nêu xem?" Ngưỡng Sơn thưa: "Con bình thường thấy Tăng đến chỉ dựng cây phát tử lên, nhằm y nói 'Các nơi lại có cái này chẳng'? Đợi y có nói, chỉ nhằm y bảo 'Cái này thì gác lại, cái ấy thì thế nào?'" Qui Sơn bảo: "Đây là nanh vuốt của người hưởng thượng." Há chẳng thấy Mã Tổ hỏi Bách Trượng: "Ở chỗ nào đến?" Bách Trượng thưa: "Dưới núi đến." Mã Tổ hỏi: "Trên đường gặp được một người chẳng?" Bách Trượng thưa: "Chẳng từng gặp." Mã Tổ hỏi: "Vì sao chẳng từng gặp?" Bách Trượng thưa: "Nếu gặp được tức trình lên Hòa Thượng." Mã Tổ hỏi: "Ở đâu được tin tức này?" Bách Trượng thưa: "Con tội lỗi." Mã Tổ nói: "Lại là lão Tăng tội lỗi." Ngưỡng Sơn hỏi Tăng chính giống loại này. Khi ấy đợi hỏi: "Từng đến Ngũ Lão Phong chẳng?", vị Tăng này nếu là người cụ nhãn chỉ đáp "Việc họa", trở lại đáp: "Chẳng từng đến." Vị Tăng này đã chẳng phải là hàng tác gia, Ngưỡng Sơn sao chẳng cứ lệnh mà hành, khởi thấy phần sau có nhiều sẵn bìm. Ngưỡng Sơn lại nói: "Xà lê chẳng từng dạo núi." Vì thế mà

Vân Môn nói "Lời này vì cố từ bi nên nói rơi trong cỏ." Nếu là lời ra khỏi cỏ thì chẳng thế ấy.

**Ngưỡng Sơn Chỉ Tuyết:** Công án nói về cơ duyên về những lời dạy của Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm tuyết đổ trắng, phủ đầy trên mình con sư tử đá trước sân. Thiền sư Ngưỡng Sơn chỉ sư tử rồi hỏi đại chúng: "Có thứ gì trắng hơn màu này không?" Không ai trả lời được. Về sau, Thiền sư Vân Môn Văn Yến bình: "Ngay lúc ấy nên xô ngã." Thiền sư Tuyết Đậu Trùng Hiển lại bình Vân Môn rằng: "Chỉ biết xô ngã, chẳng biết đỡ dậy."

**Ngưỡng Sơn Đắc Thể Thất Dụng:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu và đệ tử của mình là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển IX, một hôm, Qui Sơn cùng chúng hái trà. Sư bảo Ngưỡng Sơn: "Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà không thấy hình con." Ngưỡng Sơn liền rung cây trà. Sư bảo: "Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó." Ngưỡng Sơn thưa: "Hòa Thượng nói sao?" Sư im lặng. Ngưỡng Sơn nói: "Hòa Thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó." Sư nói: "Cho con ba chục gậy." Ngưỡng Sơn nói: "Nếu con lãnh ba chục gậy của Hòa Thượng thì ai lãnh ba chục gậy của con đây?" Qui Sơn nói: "Vây tha cho con ba chục gậy."

**Ngưỡng Sơn Sáp Thâu:** Ngưỡng Sơn cắm xuống. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Qui Sơn và đệ tử của mình là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm Thiền sư Qui Sơn hỏi Ngưỡng Sơn: "Từ đâu về?" Ngưỡng Sơn đáp: "Từ ruộng về." Qui Sơn lại hỏi: "Trong ruộng có bao nhiêu người?" Ngưỡng Sơn liền cắm xuống xuống đất rồi khoanh tay đứng nhìn. Qui Sơn nói: "Nam Sơn có nhiều người cắt cỏ." Ngưỡng Sơn lại nhổ cây xuống lên rồi vác đi.

**Tịch Tử Tam Thập Trượng:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển IX, một hôm, Thiền sư Qui Sơn cùng chúng hái trà, Sư bảo Ngưỡng Sơn: "Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà không thấy hình con." Ngưỡng Sơn liền rung cây trà. Qui Sơn bảo: "Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó." Ngưỡng Sơn thưa: "Hòa Thượng nói sao?" Sư im lặng. Ngưỡng Sơn nói: "Hòa Thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó." Qui Sơn nói: "Cho con ba chục gậy." Ngưỡng Sơn nói: "Nếu con lãnh ba chục gậy của Hòa



Thượng thì ai lãnh ba chục gậy của con đây?" Qui Sơn nói: "Vậy tha cho con ba chục gậy."

**Công Án Ngưỡng Sơn Thời Xuất Châm Tử:** Ngưỡng Sơn đẩy cái gối. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm, có một vị Tăng hỏi Ngưỡng Sơn: "Pháp Thân có thuyết pháp chăng?" Ngưỡng Sơn đáp: "Lão Tăng không thuyết được, nhưng có một người thuyết được." Vị Tăng lại hỏi: "Người thuyết được ở đâu?" Ngưỡng Sơn liền đẩy cái gối tới. Khi Qui Sơn nghe chuyện này, Sư bình rằng: "Huệ Tịch đang chơi với đao kiếm."

**Ngưỡng Sơn Tỳ Phần:** Ngưỡng Sơn: Tỳ hỏi mà đáp. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Qui Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm, có một vị Tăng hỏi Thiền sư Ngưỡng Sơn: "Biết chữ không?" Ngưỡng Sơn đáp: "Tỳ phần (tỳ hỏi mà đáp)." Vị Tăng đi nhiều một vòng theo chiều tay phải; Ngưỡng Sơn vẽ một chữ thập trên mặt đất. Vị Tăng lại đi một vòng theo hướng bên trái; Ngưỡng Sơn bôi chữ thập và sửa thành chữ vạn. Vị Tăng lại vẽ một vòng tròn, dùng hai tay nâng lên, như thể Tu La che mặt trời và mặt trăng. Ngưỡng Sơn lại vẽ một vòng tròn bao quanh chữ vạn. Vị Tăng lại làm theo tư thế của Phật Lô Lô Chí (vị Phật thứ 1.000 trong thời Hiền kiếp). Ngưỡng Sơn liền ấn khả và căn dặn hãy cố hộ trì Phật pháp.

**Ngưỡng Sơn Tứ Đằng Điều:** Ngưỡng Sơn: đánh bốn roi mây. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch và đệ tử của mình là Hoắc Sơn Cảnh Thông. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm Cảnh Thông đến tham vấn với thầy mình là Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn vẫn nhắm mắt ngồi yên. Cảnh Thông nói: "Như thế! Như thế! 28 vị Tổ Ấn Độ cũng đều như thế, 6 vị Tổ Trung Hoa cũng như thế, Hòa Thượng lại cũng như thế, Cảnh Thông cũng như thế." Nói xong, Cảnh Thông xoay sang bên phải đứng kiễng chân. Ngưỡng Sơn đứng dậy đánh cho Cảnh Thông 4 roi mây. Cảnh Thông nhân đó tự xưng Tập Vân Phong Hạ Tứ Đằng Điều Thiên Hạ Đại Thiên Phật.

**Ngưỡng Sơn: Tương Bạt:** Bồi tiếp, giúp đỡ cơm cháo. Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển IX, và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm, Thiền sư Ngưỡng Sơn thượng đường dạy chúng: "Hết thấy các người mỗi người tự hỏi quang phản quán, chớ ghi ngôn ngữ

của ta. Các người từ vô thủy đến nay trái sáng hợp tối, gốc vọng tưởng quá sâu khó nhổ mau được. Do đó, giả hợp lập phương tiện dẹp thức thô của các người, như đem lá vàng dỗ con nít khóc, có cái gì là phải. Như người đem các thứ hàng hóa cùng vàng lập phố bán. Bán hàng hóa chỉ nghĩ thích hợp với người mua. Vì thế, nói: ‘Thạch Đầu là phố chợ kim, chỗ ta là phố tạp hóa.’ Có người đến tìm phần chuộc ta cũng bết cho, kẻ khác đến cầu vàng thật ta cũng trao cho.” Có một vị Tăng hỏi: “Chẳng cần phần chuộc, xin Hòa Thượng cho vàng thật.” Ngưỡng Sơn bảo: “Răng nhọn nghĩ mở miệng, năm lửa cũng chẳng biết.” Tăng không đáp được. Ngưỡng Sơn tiếp: “Tìm hỏi thì có trao đổi, chẳng tìm hỏi thì chúng ta chẳng có gì để trao đổi. Nếu ta thật sự nói về Thiền tông, thì cần một người làm bạn cũng không, huống là có đến năm bảy trăm chúng? Nếu ta nói Đông nói Tây, ắt giành nhau lượm lật, như đem nắm tay không để gạt con nít, trọn không có thật. Nay ta nói rõ với các người việc bên cạnh Thánh, chớ đem tâm nghĩ tén, chỉ nhằm vào biển tánh của mình mà tu hành như thật. Chẳng cần tam minh lục thông. Vì sao? Vì đây là việc bên chót của Thánh. Hiện nay cần thức tâm đạt bốn, cốt được cái gốc chẳng lo cái ngọn. Sau này, khi khác sẽ tự đầy đủ. Nếu chưa được gốc, dầu cho đem tâm học y cũng chẳng được. Các người đâu chẳng nghe Hòa Thượng Qui Sơn nói: ‘Tình phạm Thánh hết, bày biện chợ thường, sự lý chẳng hai, tức như như Phật.’” Thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch sống vào khoảng cuối nhà Đường đầu nhà Tống (vào khoảng giữa thế kỷ thứ X). Lúc đó thiên hướng phát triển của giáo pháp Thiền tông lần hồi thay thế các tông phái khác ở Trung Hoa. Nghĩa là thái độ Thiền đối với truyền thống, và triết lý đạo Phật, có khuynh hướng coi nhẹ việc học hỏi theo thứ lớp của nó, lơ là kinh điển và các thứ siêu hình trong kinh.

**Ngưỡng Sơn Vấn Tam Thánh Huệ Nhiên:** Theo thí dụ thứ 68 của Bích Nham Lục. Ngưỡng Sơn hỏi Tam Thánh: "Ông tên gì?" Tam Thánh thưa: "Huệ Tịch." Ngưỡng Sơn nói: "Huệ Tịch là tên ta." Tam Thánh thưa: "Huệ Nhiên." Ngưỡng Sơn cười ha hả! Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, Tam Thánh là hàng tôn túc trong tông Lâm Tế, thuở nhỏ đã đủ khả năng xuất quần, có đại cơ đại dụng, ở trong chúng ngang ngang tàng tàng, tiếng vang khắp nơi. Sau từ giả Lâm Tế, Sư dạo khắp sông biển, đến các tùng lâm đều được đãi vào hành khách quý. Sư từ miền Bắc đến phương Nam, trước đến Tuyết Phong hỏi: "Cá vàng thoát khỏi lưới, lấy gì làm thức ăn?" Tuyết Phong đáp: "Đợi ông ra khỏi

lưỡi đến, sẽ nói với ông." Tam Thánh nói: "Là thiện tri thức của một ngàn năm trăm người, mà thoại đầu cũng chẳng biết." Tuyết Phong nói: "Lão Tăng trụ trì nhiều việc." Tuyết Phong cùng Tam Thánh đi thăm trang sở của chùa, trên đường gặp một con khỉ. Tuyết Phong nói: "Con khỉ này mỗi mỗi mang một mặt gương xưa." Tam Thánh nói: "Nhiều kiếp không tên, do đâu bày là gương xưa?" Tuyết Phong nói: "Có tỳ vậy." Tam Thánh nói: "Là thiện tri thức của một ngàn năm trăm người, mà thoại đầu cũng chẳng biết." Tuyết Phong nói: "Tội lỗi, lão Tăng trụ trì nhiều việc." Sau Sư đến Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn rất mến tài hùng biện của Sư nên đái ở Minh Song. Một hôm, có ông quan đến tham vấn Ngưỡng Sơn, Ngưỡng Sơn hỏi: "Quan ở vị nào?" Quan thưa: "Đẹp quan." Ngưỡng Sơn dựng cây phát tử, hỏi: "Lại đẹp được cái này chăng?" Ông quan không đáp được. Cả chúng đáp thay cũng không khế hợp ý Ngưỡng Sơn. Khi ấy Tam Thánh nằm bệnh tại nhà Diên Thọ, Ngưỡng Sơn sai thị giả đem lời này hỏi. Tam Thánh đáp: "Hòa Thượng có việc." Ngưỡng Sơn lại sai thị giả hỏi: "Chưa biết có việc gì?" Tam Thánh nói: "Tái phạm chẳng tha." Ngưỡng Sơn thầm nhận đó. Bách Trượng đương thời lấy thiên bản bồ đoàn trao cho Hoàng Bá, lấy cây gậy phát tử trao cho Qui Sơn. Sau Qui Sơn trao cho Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn đã thừa nhận Tam Thánh. Một hôm, Tam Thánh từ già ra đi, Ngưỡng Sơn lấy cây gậy phát tử trao cho Tam Thánh. Tam Thánh thưa: "Con đã có thầy." Ngưỡng Sơn hỏi nguyên do, mới biết là đích tử của Lâm Tế. Chỉ như Ngưỡng Sơn hỏi Tam Thánh "Ông tên gì?" Sư không thể chẳng biết tên kia, cơ sao lại hỏi thế ấy? Sở dĩ hàng tác gia cần nghiệm người biết cho chín chắn, dường như thông thả hỏi ông tên gì? Không suy tính Tam Thánh đáp là Huệ Tịch, mà chẳng nói là Huệ Nhiên, là tại sao? Xem kia đủ con mắt tự nhiên chẳng đồng. Tam Thánh thế ấy mà chẳng phải điên, một bề dụng ý cướp cờ đoạt trống ngoài lời của Ngưỡng Sơn. Lời này chẳng rơi trong thường tình, khó bề dò tìm. Những kẻ có thủ đoạn này là làm sống được người. Vì thế nói, kia tham câu sống chẳng tham câu chết. Nếu theo thường tình thì dứt người chẳng được. Xem cổ nhân kia nghĩ đạo thế ấy, dùng hết tinh thần mới được đại ngộ, đã ngộ rồi khi dùng cũng đồng chưa ngộ, giống hết thời nhưn, tùy phần một lời nửa câu, chẳng được rơi chỗ thường tình. Tam Thánh biết chỗ rơi của Ngưỡng Sơn, liền nói với Sư, con tên Huệ Tịch. Ngưỡng Sơn cốt thấu Tam Thánh, ngược lại Tam Thánh thấu Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn chỉ được nhằm trên thân đánh kẻ cướp, nói

Huệ Tịch là ta, là chỗ phóng hành. Tam Thánh thưa: "Con tên Huệ Nhiên," cũng là phóng hành. Vì thế ở dưới Tuyết Đậu tụng: "Hai thân, hai phóng nếu làm tông." Chỉ trong một câu đồng thời tụng xong. Ngưỡng Sơn cười hả! hả!, cũng có quyền có thật, có chiếu có dụng, vì kia tám mặt linh lung. Thế nên chỗ dùng được tự tại. Cái cười này cùng cái cười của Nham Đầu không đồng. Nham Đầu cười có thuốc độc. Cái cười này ngàn xưa muôn xưa gió mát lạnh run.

**Ngưỡng Sơn: Xà Nhập Trúc Đồng:** Rắn chui vào ống tre. Trong nhà Thiền, từ nầy được dùng để chỉ hành giả gặp phải sự mờ mịt trong thiền tập. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI và Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển IX, một hôm, Ngưỡng Sơn bảo Hương Nghiêm: "Sư đệ ngộ Như Lai thiền mà chưa ngộ Tổ Sư thiền." Một vị Tăng gần đó hỏi: "Ý này thế nào?" Ngưỡng Sơn đáp: "Xà nhập đồng trúc (rắn chui vào ống tre)." Sư lại nói bài kệ: "Ngã hữu nhất cơ

“Thuần mục thị y  
Nhược nhưn bất hội  
Biệt hoán Sa Di.”

(Ta có một cơ, chớp mắt chỉ y. Nếu người chẳng hội, riêng gọi Sa Di). Ngưỡng Sơn gật đầu và về thưa lại Qui-Sơn: "Đáng mừng! Sư đệ Trí Nhân đã ngộ Tổ Sư Thiền."

**Ngưỡng Sơn Xuất Tỉnh:** Ngưỡng Sơn ra khỏi giếng. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Thạch Sương Tánh Không và đệ tử của mình là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển IX, khi Ngưỡng Sơn còn làm thị giả cho thiền sư Tánh Không, một hôm có một vị Tăng đến hỏi thiền sư Tánh Không Thạch Sương: "Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?" Sư bảo: "Giả sử có một người bị rơi xuống tận đáy giếng sâu ngàn thước, nếu ông có thể kéo y lên khỏi mà không cần đến một tấc dây, ta sẽ trả lời cho ông ý chỉ của Tổ Sư từ Tây đến." Vị Tăng dường như không lấy đó làm trọng; nên nói: "Gần đây, Hồ Nam Sương Hòa Thượng trụ trì tại một tu viện cũng có chỉ giáo này nọ cho chúng tôi về vấn đề ấy." Sư gọi vị sa di thị giả và ra lệnh: "Hãy mang cái dây ma này tống khứ đi." Thiền sư Tánh Không trả lời bằng cách viện dẫn những việc không thể có trong thế giới nhân quả tương đối này. Và điều kiện vừa kể trên là hi hữu như mọi đối đãi thời không vẫn nguyên dạng đối với tâm thức hữu hạn của chúng ta. Chỉ có thể hiểu chừng nào chúng ta nhảy vào một cảnh giới vượt lên kinh nghiệm đối đãi của mình. Nhưng vì các thiền sư ghê

tỏm mọi thứ trừu tượng và thuyết lý, nên đôi khi các câu nói của họ quá ư lộn xộn và vô nghĩa; đồng thời những câu trả lời của họ luôn có cái lối độc điệu của chủ trương siêu nghiệm. Vị sa di thị giả đó chính là Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, một trong những tay cự phách của Thiền. Về sau Ngưỡng Sơn có đến hỏi Đam Nguyên làm sao kéo người kia ra khỏi giếng. Đam Nguyên bảo: "Suyt! Đồ ngu, ai ở dưới giếng." Sau nữa, Ngưỡng Sơn lại đi hỏi Qui Sơn làm cách nào để kéo người kia ra khỏi giếng. Qui Sơn gọi: "Huệ Tịch (tên của Ngưỡng Sơn)." Ngưỡng Sơn đáp: "Dạ, bẩm Hòa Thượng." Qui Sơn nói: "Kìa, ra rồi." Đến khi đủ duyên của Thiền và trụ trì tại Ngưỡng Sơn, lúc ấy Ngưỡng Sơn thường nhắc đến những cuộc phiêu lưu này và bảo: "Ở Đam Nguyên ta được danh, ở Quy Sơn ta được thể." Hành giả tu Thiền có có thể thay thế 'danh' bằng triết học và 'thể' bằng kinh nghiệm được chăng?

***(C) Ngưỡng Sơn Và Quy Ngưỡng Tông:***

Ngũ Gia Thiền chỉ giáo pháp riêng biệt được giảng dạy từ những truyền thống có liên hệ tới những vị Thiền sư đặc biệt. Ba trong số năm truyền thống này: Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên. Hai truyền thống kia: Lâm Tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ Mã Tổ Đạo Nhất và Bách Trượng Hoài Hải. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sanh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông. Tưởng cũng nên nhắc lại, sau khi Ngưỡng Sơn đã được thừa nhận là người nối pháp của Qui Sơn, hai thầy trò tiếp tục thử nhau về sự hiểu biết trong suốt thời gian họ sống tu bên nhau. Trong thời gian đó, Sư cùng thầy mình phát triển trường phái mà về sau này mang tên của hai người. Vì vậy Quy Ngưỡng tông là một dòng Thiền được sáng lập bởi hai đệ tử của ngài Bách Trượng Hoài Hải. Quy là chữ đầu của Quy Sơn Linh Hựu (đệ tử của ngài Bách Trượng). Ngưỡng là chữ đầu của Ngưỡng Sơn Huệ Tịch (đệ tử của ngài Quy Sơn). Vào giữa thế kỷ thứ mười, tông phái này sáp nhập vào tông Lâm Tế nên từ đó nó không còn tồn tại như một tông phái độc lập nữa.

## (II) *Thiền Sư Hương Nghiêm Trí Nhàn*

### (A) *Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Hương Nghiêm Trí Nhàn Thiền Sư (?-898):*

Trí Nhàn là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ chín. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XI và Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển IX: Thiền Sư Hương Nghiêm Trí Nhàn, quê ở Thanh Châu (bây giờ thuộc tỉnh Sơn Đông), là đệ tử của Tổ Bách Trượng Hoài Hải. Trước khi đến với Bách Trượng, Hương Nghiêm đã dành nhiều thì giờ học tứ thư ngũ kinh (Khổng học) cũng như kinh điển truyền thống của Phật giáo, và Sư đã được tiếng là bác học. Sư lưu giữ những bản ghi chép lại về những gì mình đã học và nổi tiếng là người có sẵn câu trả lời cho mọi câu hỏi. Khi Bách Trượng qua đời, Sư sang tiếp tục công quả với Tổ Quy Sơn và trở thành đệ tử của Thiền Sư Qui Sơn (Linh Hựu cũng là một cao đệ của Tổ Bách Trượng).

Sau khi Bách Trượng thị tịch, Hương Nghiêm trình diện Qui Sơn, người được tuyên bố là nối pháp thầy Bách Trượng, và mặc dầu có lẽ hai người cùng tuổi, Hương Nghiêm yêu cầu Qui Sơn nhận mình làm đệ tử. Tuy nhiên, Qui Sơn e dè không muốn chấp nhận lời yêu cầu này, vì vậy Qui Sơn bảo: “Ta nghe nói ông ở chỗ Thiền Sư Bách Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là người thông minh lanh lợi, ý tưởng là cội gốc sanh tử. Giờ đây ta không hỏi người những gì người nhớ từ kinh điển, mà thử nói một câu khi cha mẹ chưa sanh xem?” Sư bị một câu hỏi này làm mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Sư than: “Bánh vẽ chẳng no bụng đói.” Đến cầu xin Qui Sơn nói pháp, Qui Sơn bảo: “Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta; ta nói là việc của ta đâu can hệ gì đến người?” Sư bèn đem những sách vở đã thu thập được đồng thời đốt hết, coi như bánh vẽ ăn mấy cũng chẳng no. Sư nói: “Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm Tăng thường làm việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thần.” Sư khóc từ giả Qui Sơn ra đi.

Thăng đến Nam Dương chỗ di tích Quốc Sư Huệ Trung, sư trụ tại đây. Một hôm nhơn cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng. Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội thấp hương

nhắm hướng Qui Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: “Hòa Thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay.” Sư làm bài kệ:

“Nhất kích vong sở tri  
Cánh bất giả tu trì  
Động dung dương cổ lộ  
Bất đọa thiếu nhiên cơ.”  
(Một tiếng quên sở tri  
Chẳng cần phải tu trì  
Đổi sắc bày đường xưa  
Chẳng rơi cơ lặng yên).  
“Xứ xứ vô túng tích  
Thinh sắc ngoại oai nghi  
Chư nhơn đạt đạo giả  
Hàm ngôn thượng thượng cơ.”  
(Nơi nơi không dấu vết  
Oai nghi ngoài sắc thinh.  
Những người bậc đạt đạo  
Đều gọi thượng thượng cơ).

Qui Sơn nghe được, nói với Ngưỡng Sơn: “Kẻ này đã triệt ngộ.”  
Ngưỡng Sơn thưa: “Đây là máy tâm ý thức trước thuật được, đợi con đến nơi khám phá mới chắc.” Ngưỡng Sơn đến thăm sư, bảo: “Hòa Thượng khen ngợi sư đệ đã phát minh đại sự, thử nói tôi nghe?” Sư đọc bài tụng trước cho Ngưỡng Sơn nghe. Ngưỡng Sơn bảo: “Đó là do trước kia học tập ghi nhớ mà thành, nếu thật chánh ngộ hãy làm bài tụng khác. Sư nói bài khác:

“Khứ niên bản vị thị bản  
Kim niên bản thủy nhị bản  
Khứ niên bản du hữu trác chùy chi địa  
Kim niên bản chùy dã vô.”  
(Năm xưa nghèo chưa thật nghèo  
Năm xưa nghèo mới thật nghèo  
Năm xưa nghèo vẫn còn có đất cắm dùi  
Năm nay nghèo dùi cũng không).

Ngưỡng Sơn bảo: “Sư đệ ngộ Như Lai thiền mà chưa ngộ Tổ Sư thiền.” Sư liền nói bài kệ:

“Ngã hữu nhất cơ

Thuần mục thị y  
 Nhược nhơn bất hội  
 Biệt hoán Sa Di.”  
 (Ta có một cơ, chớp mắt chỉ y  
 Nếu người chẳng hội,  
 Riêng gọi Sa Di).

Ngưỡng Sơn gật đầu và về thưa lại Qui-Sơn: “Đáng mừng! Sư đệ Trí Nhân đã ngộ Tổ Sư Thiên.”

Một bài kệ khác của Thiên Sư Hương Nghiêm:

“Tử thốt mẫu trác  
 Tử giác mẫu xác  
 Tử mẫu câu vong  
 Ứng duyên bất thất.”

(Con kêu mẹ mỗ, con biết xác mẹ. Con mẹ đều quên, hợp duyên chẳng lố).

Một hôm, có một vị Tăng từ Qui Sơn đến chỗ Hương Nghiêm, Hương Nghiêm hỏi: "Nhân có một vị Tăng hỏi Tổ Qui Sơn về ý chỉ sang Trung Hoa của Tổ Bồ Đề Đạt Ma; và khi trả lời, Qui Sơn đưa cây phất tử lên. Bấy giờ mấy ông hiểu như thế nào về hành vi của Qui Sơn?" Vị Tăng đáp: "Ý của Tổ sư là tức sắc minh tâm, phu vật hiển lý." Hương Nghiêm bảo: "Hiểu thì hiểu, không hiểu thì không hiểu. Lợi ích gì mà vội vàng thuyết lý như vậy?" Vị Tăng tức thì xoay người lại và hỏi: "Như vậy ý của sư thì sao?" Hương Nghiêm đưa cây phất tử lên như tổ Qui Sơn đã làm.

Một hôm khác, có một vị Tăng đến và hỏi thiền sư Hương Nghiêm về ý chỉ Tây lai của Tổ Sư, Sư thọc tay vào túi, khi rút ra, bàn tay nắm lại thành cái nắm tay rồi lại mở nắm tay ra và làm như lấy vật gì cho người hỏi. Vị Tăng quỳ xuống và đưa tay ra nhận. Hương Nghiêm hỏi: "Cái này là cái gì?" Vị Tăng không đáp. Đây là trường hợp vị thiền sư lấy một vật gần đó để trả lời câu hỏi. Khi được hỏi thì vị thiền sư có thể đang làm một công việc, hay đang nhìn ra cửa sổ, hay đang lặng lẽ ngồi tư duy, và rồi giải đáp của ngài có thể nhắc đến những vật như thế có liên hệ đến việc làm của ngài lúc bấy giờ. Vì vậy, ngài có thể nói bất cứ điều gì, bằng những cơ duyên như thế, cái đó không phải là một lối đoán ngôn trù tượng đặt vào một vật được lựa chọn tùy ý để thuyết minh quan điểm của mình.



Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn thường dạy chúng: "Mục đích của Thiền là nhằm đưa hành giả tới giác ngộ, nhưng cái giác ngộ đó phải được tìm thấy từ bên trong hành giả chứ không phải từ bên ngoài hay từ những gì mà người khác đạt được. Lão Tăng muốn so sánh sự liên hệ giữa một vị Thiền sư và người đệ tử của mình với một con gà mái và gà con chưa nở còn nằm trong trứng. Chính con gà con chưa nở phải cố gắng thoát ra khỏi vỏ bằng cách mổ nó từ bên trong. Chỉ khi nào con gà con trong trứng có được tiến triển nào đó thì gà mẹ bên ngoài có thể giúp mổ bên ngoài vỏ trứng. Cũng giống như vậy, khi người đệ tử sẵn sàng, vị Thầy sử dụng thứ mà Phật giáo gọi là phương tiện thiện xảo giúp cho đệ tử đạt đến vòng rào cuối cùng. Phương tiện thiện xảo được sử dụng với người đệ tử này không nhất thiết thích hợp với người khác; sự lựa chọn phương tiện thiện xảo được sử dụng bởi vị Thầy bắt buộc phải theo đúng cái giai đoạn thiền tập và những điều kiện đặc biệt của sự tầm cầu giác ngộ của người đệ tử."

Một hôm Sư thượng đường dạy chúng: "Đạo do ngộ mà đạt, chẳng tại ngữ ngôn. Đó là cái thấy miên mật rở rở chưa từng cách rời, chẳng nhọc tâm ý. Tạm nhờ hồi quang phản chiếu. Những ai hằng ngày vận dụng công phu trọn vẹn trong ngữ ngôn để đạt ngộ chỉ là kẻ mê tự trá mà thôi."

Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh của Hương Nghiêm?" Hương Nghiêm đáp: "Không bón phân cho hoa lá cỏ cây."

Một vị Tăng khác hỏi: "Thế nào là Tiên Đà Bà (tiên đà bà theo tiếng Phạn là một loại mật ngữ của Phật)?" Hương Nghiêm gõ sàng Thiền và nói: "Lại đây!"

Một hôm, Hương Nghiêm thượng đường nói với Tăng chúng: "Nói chuyện này, mấy ông có thể so sánh nó như có một người trèo lên cây và cắn chặt được cành cây bởi đôi hàm răng (miệng ngậm cành cây), thân hình treo lơ lửng, chân không chỗ chõì đạp, tay không chỗ vịn níu. Thành linh có người ở dưới đất hỏi về chỉ ý của Tổ sư từ Tây lại. Nếu không đáp lời thì phụ lòng người ta, còn nếu mở miệng ra hồi đáp thì táng mạng. Ngay lúc đó biết tính làm sao?" Lúc ấy, có vị Tăng tên Chiêu Hồ Thủ bước ra nói: "Lúc leo lên cây thì không nói tới, con chỉ hỏi Hòa Thượng nói gì về lúc trước khi leo cây." Hương Nghiêm cười "Ha! Ha! Ha!"

Sư tùy cơ dạy chúng những lời đơn giản. Sư để lại hơn hai trăm bài tụng đối cơ ứng dụng không theo qui luật như những bài kệ vừa kể trên, các nơi truyền bá rất thịnh hành.

Thiền sư Hương Nghiêm thường nói đến cái nghèo là sự cần thiết cho sự tu hành như sau:

“Năm trước nghèo chưa thật nghèo  
 Năm nay nghèo mới thật nghèo  
 Năm trước nghèo không đất cắm dùi  
 Năm nay nghèo dùi cũng không có nốt.”

Một Thiền sư khác đã bình giảng bài kệ nghèo của Thiền sư Hương Nghiêm như sau:

“Không dùi không đất chữa rằng nghèo  
 Còn biết mình nghèo tức chấp nghèo.  
 Rốt ráo nghèo là như thế ấy:  
 bỗng lai chưa thấy một ai nghèo.”

Dù thế nào đi nữa, thì chính cái nghèo đã giúp cho Hương Nghiêm có một cuộc sống tu hành tốt đẹp và cuối cùng trở thành một trong những Thiền sư nổi tiếng trong Thiền tông Trung Hoa.

### ***(B) Những Công Án Liên Quan Đến Hương Nghiêm Trí Nhân Thiền Sư:***

**Hương Nghiêm Kịch Trúc:** Hương Nghiêm ném gạch chạm bụi tre. Công án nói về cơ duyên ngộ Thiền của Thiền sư Hương Nghiêm khi Sư ném một miếng gạch chạm vào bụi tre. Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển IX, khi Hương Nghiêm đi đến Nam Dương chỗ di tích Quốc Sư Huệ Trung, sư trụ tại đây. Một hôm nhơn cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng. Sư chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Sư trở về tắm gội thấp hương nhắm hương Qui Sơn đánh lễ, ca tụng rằng: “Hòa Thượng từ bi ơn như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay.” Sư làm bài kệ:

“Nhất kích vong sở tri  
 Cánh bất giả tu trì  
 Động dung dương cổ lộ  
 Bất đọa thiếu nhiên cơ.”  
 (Một tiếng quên sở tri  
 Chẳng cần phải tu trì  
 Đối sắc bày đường xưa

Chẳng rơi cơ lặng yên).  
 “Xứ xứ vô túng tích  
 Thịnh sắc ngoại oai nghi  
 Chư nhưn đạt đạo giả  
 Hàm ngôn thượng thượng cơ.”  
 (Nơi nơi không dấu vết  
 Oai nghi ngoài sắc thịnh.  
 Những người bậc đạt đạo  
 Đều gọi thượng thượng cơ).

**Hương Nghiêm Nguyên Mộng:** Hương Nghiêm đoán mộng. Công án nói về Thiền sư Hương Nghiêm và Ngưỡng Sơn đoán về giấc mộng của thầy mình là Quy Sơn Linh Hựu. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển IX, một hôm, trong giấc ngủ trưa, Thiền sư Quy Sơn có một giấc mộng, vì vậy Quy Sơn bèn kêu hai đệ tử Hương Nghiêm và Ngưỡng Sơn lại để đoán mộng. Ngưỡng Sơn không nói một lời, mà chỉ bưng đến thau rửa mặt và một cái khăn; trong khi Hương Nghiêm thì mang đến cho Quy Sơn một tách trà. Thiền sư Quy Sơn bình luận rằng kiến giải của hai đệ tử này còn hơn cả kiến giải của ngài Xá Lợi Phất nữa. Bằng những cơ duyên như thế mà các Thiền sư tùy cơ ứng biến chứ không phải là một lối đoán ngôn trù tượng đặt vào một vật được lựa chọn tùy ý để thuyết minh quan điểm của mình. Thật vậy, trong Truyền Đăng Lục, quyển XI và Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển IX, Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhân luôn dạy chúng: "Đạo do ngộ mà đạt, chẳng tại ngữ ngôn. Đó là cái thấy miên mật rở rở chưa từng cách rời, chẳng nhọc tâm ý. Tạm nhờ hồi quang phản chiếu. Những ai hằng ngày vận dụng công phu trọn vẹn trong ngữ ngôn để đạt ngộ chỉ là kẻ mê tỵ trái mà thôi."

**Hương Nghiêm: Như Nhân Lạc Hạ Tâm Tĩnh, Khẩu Hàm Thụ Chi, Đáp Bất Đáp Tha Sở Vấn?:** Công án của Thiền sư Hương Nghiêm, nói về một người rớt xuống giếng sâu (có tài liệu nói vực sâu), miệng chỉ ngậm được một cành cây, có nên đáp hay không đáp câu hỏi của người khác? Một hôm, Thiền sư Hương Nghiêm (vào thế kỷ thứ IX) thượng đường dạy chúng: "Ví như có người lơ lửng trên miệng vực sâu muôn trượng, răng cắn vào một cành cây, chân thõng giữa hư không, hai tay không níu vào đâu được. Và lúc ấy có người qua đó hỏi vọng lên: "Tổ Đạt Ma qua Trung Hoa có ý nghĩa gì?" Nếu người trên cây mở miệng ra trả lời thì rơi mất mạng trong vực sâu. Nếu không trả lời thì

phụ lòng người hỏi. Trong phút giây nguy kịch khó xử ấy, người ấy phải làm sao?" Hương Nghiêm đặt vấn đề phủ nhận tất cả đối thể một cách bức bách không sao né tránh được. Người bị treo trên miệng vực sâu là người bị kẹt trong tình thế tiến thoái lưỡng nan giữa cái chết và cái sống, không còn biện luận gì được để thối thác. Chúng ta có thể giải thích công án thú vị này theo hai cách. Thứ nhất, nó tiêu biểu cái kỹ thuật mà các Thiền sư thường sử dụng để bó buộc đệ tử thối lui vào ngõ bí của con đường mà tư tưởng thường lệ và những liên tưởng của người ấy luôn luôn tuân theo, như thế đặt ra một hoàn cảnh khiến người đệ tử không còn cách nào để cho phép tư tưởng của mình tác động được. Rồi bằng cách xô đẩy người đệ tử một bước xa hơn nữa vào một vùng bất tri, Thiền sư có thể khai mở huệ nhãn của đệ tử. Thứ nhì, nếu chúng ta nhìn công án này theo phép ẩn dụ, nó nhắc nhở chúng ta đến bản chất luôn luôn nắm giữ hay chấp trước của tâm thức con người. Quả đúng rằng con người chúng ta lúc nào cũng cần phải có một cái gì đó để ôm giữ hay bám víu. Hình như chúng ta không thể nghĩ rằng tâm thức có thể tác động mà không có đối tượng để suy tưởng. Chúng ta chưa từng có thể suy tưởng hay hoạt động mà không có một đối tượng trong bất kỳ khoảnh khắc nào. Hơn thế nữa, trong hầu hết các trường hợp, chúng ta phải có hơn một đối tượng để nắm giữ hay chấp trước. Nếu mất đi đối tượng này chúng ta luôn nhờ đến đối tượng khác. Nhưng các vị Thiền sư không cho phép chúng ta có bất cứ cơ hội nào để nắm bắt một đối tượng khác. Các Thiền sư luôn luôn xô đẩy chúng ta đến đường cùng, nơi chúng ta không có gì để nắm bắt hay chấp trước, hoặc trốn tránh. Chính ở đây, vào cái lúc tuyệt vọng này, chúng ta phải vứt bỏ cái thói quen chấp trước, nhảy ra khỏi chiến hào cuối cùng của con đường tư tưởng và đầu hàng với hai bàn tay không, không có gì để ôm giữ, để đạt đến sự giải thoát lớn trong kiếp nhân sinh. Trong hai trường hợp của Nam Tuyên và Ngưỡng Sơn, đồ chúng không cứu nổi mạng con mèo, không bảo vệ được tấm gương quý, chỉ vì tâm họ chưa cởi bỏ được nếp trí thức nên không mở được một lối thoát giữa mê đồ do hai sư phụ Nam Tuyên và Ngưỡng Sơn chủ tâm gài vào. Nhưng trong trường hợp này, mạng sống của chính mình, phải tính làm sao đây? Hãy lắng nghe cái này! Tương truyền ở một tiền kiếp đức Phật nhảy vào miệng quỷ la sát, đổi mạng sống để được nghe trọn bài kệ chánh pháp. Thiền, cốt thực tế, muốn chúng ta phát tâm đại hùng đại lực và cao rộng như vậy,

dám thí mạng sống nhị nguyên để đổi lấy giác ngộ và yên vui vĩnh viễn. Vì Thiền nói cánh cửa chỉ mở ra khi hùng tâm ấy phát hiện.

**Hương Nghiêm Thượng Thụ:** Hương Nghiêm Leo Cây, thí dụ thứ 5 của Vô Môn Quan. Một hôm Thiền Sư Hương Nghiêm thượng đường dạy chúng: “Ví như người leo lên cây cao, dưới là vực thẳm ngàn thước. Người ấy miệng ngậm cành cây, chơn không đạp chỗ nào, tay không bám vào đâu. Chợt có người đến hỏi: “Ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang.” Nếu mở miệng đáp thì mất mạng nát thân, bằng chẳng đáp thì phụ lòng người hỏi. Chính khi ấy phải làm sao?” Khi ấy có Thượng Tọa Chiêu bước vào thưa: “Chẳng hỏi khi đã leo lên cây, lúc chưa leo lên cây thì thế nào?” Sư bèn hỏi thầy Tăng: “Từ đâu đến?” Thầy Tăng đáp: “Từ Qui Sơn đến.” Sư hỏi: “Gần đây Hòa Thượng ở Qui Sơn có lời dạy gì?” Thầy Tăng đáp: “Khi có người hỏi ý chỉ của Tổ sư từ Tây lại là gì thì Hòa Thượng đưa cây phát tử lên.” Sư bèn hỏi: “Các huynh đệ ở đó hiểu ý chỉ của Hòa Thượng ra sao?” Thầy Tăng đáp: “Họ diễn giải rằng Hòa Thượng muốn nói ‘tức sắc minh tâm, phụ vật hiển lý.’” Sư bảo: “Hiểu thì phải hiểu ngay. Nếu không hiểu, lý luận có ích gì?” Thầy Tăng liền hỏi sư hiểu Hòa Thượng Qui Sơn như thế nào?” Sư bèn đưa cây phát tử lên, đoạn ngài cười ha hả. Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, hành giả tu thiền nên luôn nhớ rằng đâu có tài biện luận khúc chiết trôi chảy đến đâu đều cũng bằng thừa. Giảng được một tạng kinh lớn cũng vô ích. Nếu đáp được chỗ ấy thì bạn khởi dậy cuộc sống cho người đã chết trước kia, và diệt con đường của người sống trước kia. Còn nếu như chưa đáp được thì chờ sau này hỏi Di Lặc.

### ***(III) Thiền Sư Linh Vân Chí Cẩn***

Linh Vân là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Chí Cẩn ở núi Linh Vân; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XI: Thiền sư Chí Cẩn ở núi Linh Vân, một vị thiền sư Trung Hoa vào đời nhà Đường, khoảng thế kỷ thứ IX, một trong những đệ tử của ngài Trường Khánh Đại An. Ông đến từ Trường Khê, vùng mà bây giờ thuộc bờ biển tỉnh Phúc Kiến.

Thiền sư Linh Vân Chí Cẩn đạt ngộ nhân khi nhìn hoa đào nở. Ông đã làm bài kệ rằng:

"Tam thập niên lai tâm kiếm khách  
 Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi  
 Tự tùng nhất kiến đào hoa hậu  
 Trực chí như kim cánh bất nghi."  
 (Ba mươi năm qua tìm kiếm khách  
 Bao lần lá rụng cành trở trọi  
 Từ khi vừa thấy hoa đào nở  
 Cho đến hôm nay hết nghi thôi).

Khi Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu xem kệ thấy chỗ ngộ của Thiền sư Chí Căn Linh Vân khế hợp liền nói: "Từ duyên mà đạt ngộ, không bao giờ lui sụt, hãy khéo giữ gìn."

Một hôm, Sư thượng đường nói với Tăng chúng rằng: "Trong số mấy ông ở đây, có sở trường sở đoản khác nhau, nhưng cứ xem cỏ cây bốn mùa, lá rụng hoa nở; những sự kiện liên tục mãi trong vô số trần kiếp. Trời người và tất cả các cõi hiện hữu: đất, nước, lửa, gió thành hoại luân chuyển, nhân quả tiếp nối. Nhưng khi nhất thiết nhân quả và những đường đứt chấm dứt, trái khắp vũ trụ, lông tóc chẳng tạo chẳng diệt. Duy chỉ có gốc rễ của thân thức là thường còn. Chẳng cần biết ở đâu, kẻ thượng căn thường ở nơi thiện hữu trên đường Đạo, và làm cho chân lý được rõ ràng bằng cách từ bỏ trần tục, đó là chỗ mà Pháp được hiển lộ. Trung hạ căn ngu muội, không thể thể nghiệm giác chiếu, chìm trong tam giới và lưu chuyển trong sanh tử. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cung cấp cho họ giáo pháp chứng minh chân lý và hiển lộ con đường trí tuệ cho hàng trời người. Mấy ông có thể lãnh hội được không?"

Một vị Tăng hỏi: "Làm thế nào để liễu sanh già, thoát bệnh tử?" Linh Vân nói: "Núi xanh trên căn bản là chẳng bao giờ động; còn mây thì cứ bành bồng trôi nổi mãi." (chân tánh thường hằng bất biến, còn sanh lão bệnh tử là tuần hoàn biến thiên như mây trôi nổi vậy).

Một vị Tăng hỏi: "Khi quân vương xuất hiện thì thế nào?" Linh Vân nói: "Bên ngoài có ánh xuân. Đừng hỏi về kinh đô Trường An."

Một vị Tăng hỏi: "Làm thế nào để châu hầu thiên tử?" Linh Vân nói: "Hạc mù đáp xuống ao nước trong. Cá lội tản mát dưới chân hạc."

Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của tông ta?" Linh Vân nói: "Chuyện lừa chưa xong, chuyện ngựa lại đến." Vị Tăng nói: "Con không lãnh hội." Linh Vân nói: "Cảnh quang xảy ra mỗi đêm, nhưng tính linh thường ít gặp."

Một hôm, có một vị Tăng hỏi Linh Vân: “Thế nào là thời hồng hoang trước khi có sự phân biệt?” Linh Vân đáp: “Cây cột cái nhận thức được.” Vị Tăng nói: “Còn sau khi có sự phân biệt thì sao?” Linh Vân đáp: “Nó giống như một cụm mây đang làm dấu trên cõi Đại Tịnh Thiên vậy.” Vị Tăng hỏi: “Vậy Đại Tịnh Thiên có chấp nhận sự đánh dấu này hay không?” Linh Vân không nói gì. Vị Tăng tiếp tục: “Nếu mà như vậy thì chúng sanh sẽ không đi tới được.” Linh Vân cũng không nói gì. Vị Tăng lại tiếp tục: “Chỉ có tuyệt đối tịnh và tất cả nhiễm ô đều tránh thì sao?” Linh Vân đáp: “Cái đó gần giống cõi thanh tịnh của sự giác ngộ vậy.” Vị Tăng lại hỏi: “Thế nào là 'cõi thanh tịnh của sự giác ngộ'?” Linh Vân nói: “Nó giống như sự chiếu sáng vô tâm của một tấm kiếng vậy.” Vị Tăng lại hỏi: “Vậy thì có sự siêu việt ngay cả chuyện này hay không?” Linh Vân đáp: “Có đó.” Vị Tăng lại hỏi: “Sự siêu việt này là gì?” Linh Vân nói: “Đập vỡ kiếng đi rồi ông có thể thấy.” Vị Tăng lại hỏi: “Vào buổi hồng hoang trước khi có sự phân biệt, chúng sanh từ đâu mà đến?” Linh Vân trả lời: “Cây cột cái nhận thức được đấy!”

Một hôm, có một vị Tăng hỏi Linh Vân: "Muôn vật là thế nào trước khi Phật xuất thế?" Linh Vân đưa cây phát tử lên. Vị Tăng lại hỏi: "Muôn vật là thế nào sau khi Phật xuất thế?" Linh Vân lại đưa cây phát tử lên. Đưa phát tử lên hay hạ phát tử xuống là phương tiện khai thị rất thông thường của nhiều thiền sư, vì phát tử và trụ tượng là tượng trưng của giáo quyền nên lẽ tự nhiên các thiền sư thường dùng đến khi có người đến tham vấn. Thiền sư Linh Vân đã xử dụng một phương pháp trực tiếp hơn lời nói. Thật vậy, chân lý Thiền là chân lý của sinh hoạt, mà sinh hoạt có nghĩa là sống động, là hoạt động, là hành động chứ không phải là suy lường suông. Như vậy, lẽ dĩ nhiên Thiền sống trong chiều hướng hành động, hay nói đúng hơn, Thiền là vận dụng cái thực, là sống cái thực, thay vì chứng minh hoặc biểu thị cái thực bằng ngôn từ, nghĩa là bằng khái niệm. Theo thiền sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận, Tập I, phương pháp trực tiếp có công dụng nắm ngay lấy cuộc sống uyển chuyển trong khi nó đang trôi chảy, chứ không phải sau khi nó đã trôi qua. Trong khi dòng đời đang trôi chảy, không ai đủ thời giờ nhớ đến ký ức, hoặc xây dựng ý tưởng. Nghĩa là không có lý luận nào có giá trị trong lúc này. Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng ngôn ngữ có thể dùng được, nhưng ngôn ngữ từ muôn thuở vốn kết hợp chặt chẽ với nét tâm tưởng suy lường nên mất hết nội lực, không trực tiếp truyền

cảm được. Nếu dùng đến ngôn ngữ chỉ diễn tả được một ý nghĩa, một luận giải, chỉ biểu lộ một cái ngoại thuộc, nên không trực tiếp liên hệ gì đến cuộc sống. Đây chính là lý do tại sao nhiều khi các thiền sư tránh chuyện nói năng, tránh xác định, dầu là đối với những việc quá tỏ rõ, quá hiển nhiên cũng vậy. Hy vọng của các ngài là để cho đồ đệ tự tập trung tất cả tâm lực nắm lấy những gì người ấy mong ước, thay vì ghi bắt lấy những mối liên lạc xa xôi vòng ngoài khiến cho người đệ tử bị phân tâm.

#### ***(IV) Thiền Sư Kinh Triệu***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Kinh Triệu; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XI: Hòa Thượng Mễ còn gọi là "Thất Sư" là đệ tử của Thiền Sư Qui Sơn Linh Hựu. Ông sống và dạy Thiền ở cổ thành Kinh Triệu, tên khác của kinh đô cổ Tràng An.

Khi Hòa Thượng Mễ trụ tại Kinh Triệu, có một vị tôn túc đến hỏi: "Ngày nay nếu người ta gọi đây gọn trong mặt trăng là con rắn, xin hỏi Thất Sư thấy Phật thì gọi là gì?" Kinh Triệu nói: "Nếu có Phật thấy được thì không khác chúng sanh (Phật mà chúng ta chấp trước là thấy được thì có khác gì chúng sanh đâu)." Vị lão Tăng nói: "Ngàn năm hạt đào."

Một hôm, Kinh Triệu sai một vị Tăng đến hỏi Ngưỡng Sơn Huệ Tịch: "Trong thời đại hôm nay có ngộ thật hay không?" Ngưỡng Sơn nói: "Không phải thiếu ngộ, nhưng làm sao để tránh rơi vào cái gọi là đầu thứ hai?" Vị Tăng trở về kể lại cho Kinh Triệu nghe. Sư hết sức chấp nhận câu đáp của Ngưỡng Sơn.

Hôm khác, Kinh Triệu sai một vị Tăng khác đến hỏi Động Sơn Lương Giới: "Thầy nói xem cái Ngưỡng Sơn nói kia cứu cánh thế nào?" Động Sơn nói: "Ông phải quay trở về mà hỏi ông ấy mới được!" Vị Tăng trở về kể lại cho Kinh Triệu nghe. Sư cũng đồng ý với Động Sơn.



## **(V) Thiên Sư Ni Lưu Thiết Ma**

### **(A) Sơ Lược Về Lưu Thiết Ma Ni Thiên Sư:**

Lưu Thiết Ma là tên của một Ni Thiên sư, thể nghiệm sâu sắc về thiền, đệ tử của ngài Qui Sơn Linh Hựu vào thế kỷ thứ IX. Họ của bà là Lưu, người ta đặt cho bà biệt hiệu là "Thiết Ma" có nghĩa là cối xay sắt, vì trong giới thiền thời đó, bà khét tiếng đáng sợ là có thể 'nghiên' bất cứ ai dám sánh với mình trong pháp luận (pháp chiến) về mặt học thuyết. Bà xuất hiện trong thí dụ thứ 24 của Bích Nham Lục, trong một cuộc pháp chiến với thầy mình là Quy Sơn: "Lưu Thiết Ma đến thăm Quy Sơn. Quy Sơn nói: 'Này, con bò cái kia, đã đến đây à?' Thiết Ma nói: 'Ngày mai có lẽ lớn trên núi Thái. Thầy viện trưởng có đến đó không?'" Quy Sơn bèn nằm dài ra. Thiết Ma liền đi ra và rời khỏi đó."

### **(B) Những Công Án Liên Quan Đến Lưu Thiết Ma Ni Thiên Sư:**

**Lưu Thiết Ma Lão Ngưu:** Lưu Thiết Ma, Trâu Cái Già. Lưu Thiết Ma là một Ni Thiên sư, thể nghiệm sâu sắc về thiền, đệ tử của ngài Qui Sơn Linh Hựu vào thế kỷ thứ IX. Họ của bà là Lưu, người ta đặt cho bà biệt hiệu là "Thiết Ma" có nghĩa là cối xay sắt, vì trong giới thiền thời đó, bà khét tiếng đáng sợ là có thể 'nghiên' bất cứ ai dám sánh với mình trong pháp luận (pháp chiến) về mặt học thuyết. Bà xuất hiện trong thí dụ thứ 24 của Bích Nham Lục, trong một cuộc pháp chiến với thầy mình là Quy Sơn: "Lưu Thiết Ma đến thăm Quy Sơn. Quy Sơn nói: 'Này, con bò cái kia, đã đến đây à?' Thiết Ma nói: 'Ngày mai có lẽ lớn trên núi Thái. Thầy viện trưởng có đến đó không?'" Quy Sơn bèn nằm dài ra. Thiết Ma liền đi ra và rời khỏi đó." Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, bà Ni Lưu Thiết Ma như chọi đá nháng lửa, tợ làn điện chớp, nghĩ nghĩ thì tan thân mất mạng. Thiền đạo nếu đến chỗ khẩn yếu, trong ấy đâu có nhiều việc. Cả Qui Sơn và Lưu Thiết Ma đều là hàng tác gia gặp nhau, như cách tưởng thấy sừng liền biết là trâu, cách núi thấy khói liền biết là lửa, đẩy đến liền động, kéo lại liền xoay. Qui Sơn nói: "Lão Tăng trăm tuổi đến nhà thí chủ ở dưới núi làm một con trâu, bên hông trái, có viết năm chữ 'Qui Sơn Tăng Linh Hựu.' Chính khi ấy gọi Qui Sơn Tăng là phải hay gọi con trâu là phải?" Như hiện nay bị người hỏi đến cam chịu bối rối. Lưu Thiết Ma là bậc tham thiền đã lâu, cơ phong cao vót, thời nhân gọi là Lưu Thiết Ma (Lưu mài sắt),

cất am cách Qui Sơn độ mười dặm. Một hôm đến phỏng vấn Qui Sơn, Qui Sơn thấy đến liền nói: "Trâu cái già, người mới đến." Lưu Thiết Ma thưa: "Ngày mai ở Đài Sơn có đại hội trai, Hòa Thượng có đi dự chăng?" Qui Sơn buông thân nằm xuống. Lưu Thiết Ma liền đi ra. Ông xem kia dường như thuyết thoại một cách nhất như. Vả chẳng phải thiền cũng chẳng phải đạo, gọi là vô sự hiểu được không? Qui Sơn cách Đài Sơn đến mấy ngàn dặm, tại sao Lưu Thiết Ma lại hỏi Qui Sơn đi thọ trai? Hãy nói ý chỉ như thế nào? Bởi bà lão này hiểu được lời nói của Qui Sơn, nên tơ đến thì chỉ đi, một buông một bắt, đối đáp lẫn nhau như hai gương soi nhau, không có ảnh tượng nào khá thấy, cơ cơ xứng nhau, cú cú hợp nhau. Như người đời nay ba phen kéo chẳng xoay đầu, còn bà lão này một điểm để lừa gạt bà cũng chẳng được. Chỗ này chẳng phải là thế đế tình kiến, gương sáng trên đài, minh châu trong tay, Hồ đến hiện Hồ, Hán đến hiện Hán. Do kia biết có việc hưởng thưởng, cho nên như thế. Hiện nay chỉ chú trọng hiểu là vô sự. Hòa Thượng Diễn nói: "Chớ đem hữu sự làm vô sự, hữu sự thường từ vô sự sanh." Nếu ông tham được thấu, kia nói thế ấy, giống như người bình thường thuyết thoại, phần nhiều bị ngôn ngữ cách ngại, cho nên không hiểu, chỉ là tri âm mới hỏi được kia. Như Càn Phong dạy chúng: "Cử một chẳng được cử hai, bỏ qua một bậc rơi tại thứ hai." Vân Môn đứng dậy thưa: "Hôm qua có Tăng từ Thiên Thai đến, lại sang Nam Nhạc." Càn Phong nói: "Điển Tọa! Ngày nay chẳng được phổ thỉnh." Xem hai vị này buông thì cả hai đều buông, thâu thì cả hai đều thâu. Dưới tông Qui Ngưỡng gọi đó là cảnh trí gió thổi bụi dấy cỏ lay, tham cứu đến tận đầu mối, cũng gọi là cách thân cú, ý thông mà ngữ cách. Đến trong đó phải là vạch trái xoay phải mới là tác gia.

### ***(VI) Thiên Sư Hồng Nhân (?-901)***

Hồng Nhân là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thời nhà Đường (618-907). Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển IX và Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, lúc đầu Sư đến học Thiền với Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh, nhưng về sau lại nhận ấn khả từ Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu. Năm 853, sau khi Quy Sơn thị tịch, Sư nối pháp Quy Sơn làm trụ trì và tiếp tục truyền bá Thiền pháp cho đến khi thị tịch vào năm 901.

***The Second Generation of the Kuei-yang Tsung:  
Zen Master Ling-yu's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Yang Shan Hui-Chi***

***(A) Life and Acts of Zen Master Yang-Shan Hui-Chi:***

Zen Master Yang-Shan-Hui-Ji, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. We do have quite a few detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI: Zen master Yang-Shan-Hui-Ji was born in 807 in Shao-Chou (now in Kuang-T'ong Province). At the age of fifteen, he wanted to leave home, but his parents refused him permission to become a monk. So, at the age of seventeen, he demonstrated his resolve to them by cutting off two of his fingers, vowing that he would seek the true Dharma to repay his filial obligations. He had visited several great Ch'an masters, among them Ma-Tsu-T'ao-I and Pai-Chang-Huai-Hai. He had made himself a name as an outstanding student of Ch'an. When Yang-Shan was studying Zen under Pai-Chang he had such a flowing tongue that to Pai-Chang's one word he had ten words to answer. Pai-Chang said: "After me, there will be somebody else who will take care of you." After traveling for some time, Yangshan resided and studied under Zen master Danyuan Yingzhen, the famous disciple of National Teacher Nanyang Huizhong. There he had his first insight. However, he only realized profound enlightenment under Kuei-Shan. As his master's dharma successor of equal accomplishment, he is considered the cofounder with his master of the Kuei-Yang school of Ch'an, which derives its name from the first character of the names of the two men. Yang-Shan-Hui-Ji, name of a noted monk in China. Yang-Shan was one of the great Ch'an masters of China, a disciple and Dharma successor of Kuei-Shan-Ling-Yu, and the master of Nan-T'a-Kuang-Jun. Yang-Shan was one of the most important Ch'an masters of his time; his great abilities brought him the nickname Little Sakyamuni.

Tan-Yuan Ying-Chen greatly esteemed Yang-Shan and said to him: "Previously the National Teacher Hui-Zhong received the transmission of a total of ninety-nine symbolic circles from the Sixth Patriarch. He in turn passed these to me, saying: 'Thirty years after I've died, a novice monk will come from the South who will greatly revive this teaching. When that time comes, pass the teaching on to him and don't let it end.' Today I transmit them to you. You must uphold and preserve them." Yang-Shan had his first enlightenment experience under Tan-Yuan-Ying-Chen.

When he had finished speaking he passed the secret text to Yang-Shan. After receiving and examining the text, Yang-Shan burned it. One day Tan-Yuan said to Yang-Shan: "The symbols that I gave you are extremely rare, esoteric and precious. You must preserve them carefully." Yang-Shan said: "After I examined them I burned them." Tan-Yuan said: "This Dharma gate of ours can't be understood by most people. Only the Buddha, the patriarchs, and all the holy ones can fully understand it. How could you burn it?" Yang-Shan said: "After examining it, I fully comprehended its meaning. Then there was no use keeping the text." Tan-Yuan said: "Even so, when transmitting this to disciples, people of future times won't believe it." Yang-Shan said: "If you like another copy that won't be a problem. I'll make another copy and give it to you. Then it won't be lost." Tan-Yuan said: "Please do." Then Yang-shan recompiled it and presented it to Tan-yuan. Nothing was omitted, so Tan-yuan gave his approval. Later when Tan-yuan took the high seat, Yang-shan came forward from the assembly, made a circle in the air, pushed it forward with both hands, then stood there with his hands held, one atop the other, against his chest. Tan-yuan clasped his hands together and presented them in the form of a fist, upon which Yang-shan walked three steps closer and bowed in the manner of a woman. Tan-yuan nodded, and Yang-shan bowed and retreated.

One day, Zen master Yang-Shan was washing his robe when Tan-yuan came along and asked: "Where is your thought at this very moment?" Yang-Shan at once retorted: "At this very moment what thought do you want me to have?" Zen practitioners should always remember that a real practitioner cannot even have his own laundry thoughtlessly done!

After Tan-Yuan's death, Yang-shan came at last to study Zen with Kuei-shan. When he first presented himself to the master, Kuei-Shan asked: "I am told that while you were under Pai-Chang you had ten words to his one; is that so?" Yang-Shan said: "Yes, that is what they say." Kuei-Shan asked: "What do you have to state about the ultimate truth of Buddhism?" Yang-Shan was about to open his mouth when the master shouted. The question was repeated three times; the mouth vainly opened three times, the master shouted three times. Yang Shan finally broke down; drooping his head and with tears in his eyes, he said: "My late master, Pai-chang, said that I'd meet a teacher who would be better suited to me, and now I've found him!"

One day, Kuei-Shan saw Yang-Sha sitting under a tree. Approaching, he touched him on the back with the staff he carried. Yang-Shan turned round, and Kuei-Shan said: "O Chi (Yang-Shan's name), can you say a word now, or not?" Yang Shan replied: "No, not a word, nor would I borrow one from others." Kuei-Shan said: "O Chi, you understand."

When he was still a novice monk, Yang-Shan went to practice under Wei-Shan. Kuei-Shan asked Yang-Shan: "As a novice monk do you have a host or not?" Yang-Shan said: "I have one." Kuei-Shan asked: "Who is it?" Yang-Shan walked from west to east and then stood there erect. Kuei-Shan realized that Yang-Shan was extraordinary.

Yang-Shan asked Kuei-Shan: "What is the true abode of Buddha?" Kuei-Shan said: "Think of unfathomable mystery and return your thoughts to the inexhaustible numinous light. When thoughts are exhausted you've arrived at the source, where true nature is revealed as eternally abiding. In that place there is no difference between affairs and principle, and the true Buddha is manifested. Upon hearing these words Yang-Shan experienced great enlightenment.

One day, Zen master Yang-Shan entered the hall and addressed the monks, saying: "Each and every one of you, turn the light inward! Don't try to remember what I'm saying! For a beginningless eon you have faced away from the light and been shrouded in darkness. The roots of delusion are deep. They're difficult to cut off and uproot. So the Buddha established expedient means to grab your attention. These are like showing yellow leaves to a crying child, who imagines they're

gold and thus stops crying. You act as though you're in a shop where someone sells a hundred goods made from gold and jade, but you're trying to weigh each item. So you say that Shi-T'ou has a real gold shop? Well in my shop there's a wide range of goods! If someone comes looking for mouse turds the I give him some. If someone comes looking for real gold then I give it to him." A monk said: "I don't want mouse turds. May I have the master's real gold?" Yang-Shan said: "If you try to bite down on the head of a flying arrow you can try until the year of the ass but you won't succeed!" The monk couldn't answer. Yang-Shan said: "If you want to exchange something we can make a deal. If you don't want to exchange anything then we can't. If I truly speak of Zen, then there won't be a single companion at your side. How can this be if there're five or seven hundred in the assembly? If I talk about this and that, and you strain your neck trying to pick something up, then it will be like fooling a little child with an empty hand. There's nothing authentic about it. Today I'm clarifying what is holy, which is not a matter of collecting and calming the mind. Instead you must practice to realize the true sea of self-nature. Of what use is there for 'three clarifications' and 'six understandings'? What I speak of is the ultimate sacred matter. If right now you want to know mind and arrive at the root, then arrive at the root. Don't worry about the tips of the branches. If you do this, then hereafter you will possess it yourself. But if you don't attain the root, and just use your emotions to seek it, then you will never succeed. You'll never see what Master Kuei-Shan spoke of 'the place where ideas of mundane and sacred are exhausted, where matter and principle are united and the true eternal body of the Tathagata is manifested.'" Zen master Yang-Shan, who lived between late T'ang and early Sung (around the middle of the tenth century) when the trend of development of Zen teaching gradually superseded the other Buddhist schools in China. It is to say, Zen attitude towards Buddhist lore and philosophy tended to slight its study in an orderly manner, to neglect the sutras and what metaphysics there is in them.

A mandarin Shiyu named Liu asked Yangshan, "May I hear the principle of attaining mind?" Yangshan said, "If you want to attain mind, then there's no mind that can be attained. It is this unattainable mind that is known as truth."

Yang-Shan acted according to conditions to benefit beings and became a great example of the Zen school. One day when near death, Yang-Shan took a brush and wrote a verse for the monks to read:

“Countless disciples,  
I look across you all, and you gaze back,  
Two mouths, one without a tongue,  
This is my teaching.”

The “Questions and Answers” of Yang-Shan with his master Wei-Shan and other Ch’an masters, recorded in the Yuan-Chou-Hui-Chi-Ch’an-Shih-Yu-Lu (Record of the Words of the Ch’an Master Yang-Shan Hui-Chi from Yuan-Chou), are considered outstanding examples of Ch’an mind. Yang-Shan appears in example 25 of the Wu-Men-Kuan, and examples 34 and 68 of the Pi-Yen-Lu.

When near death, he sat upright in a cross-legged position to say farewell to the congregation. He then recited a verse:

“Completing seventy-seven years,  
Today it ends.  
When the orb of the sun is just at noon  
The two hands fold the legs.”

Upon saying these words, Yang-Shan calmly passed away, in the year 883, at the age of seventy-seven. Yang-Shan received posthumous name “Great Teacher Penetrating Wisdom.” The stupa was named “Wondrous Light.”

***(B) Kôans Related To Zen Master Yang-Shan Hui-Chi:***

***Yang Shan Asks "Where Have You Come From?":*** Example 34 of the Pi-Yen-Lu. Yang Shan asked a monk, "Where have you just come from?" The monk said, "Mount Lu." Yang Shan said, "Did you visit Five Elders Peak?" The monk said, "I didn't get there." Yang Shan said, "You never visited the mountain at all." Later Yun Men said, "These words were all for the sake of compassion; thus they had a conversation in the weeds." According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, the point of testing someone is to know him intimately as soon as he opens his mouth. An ancient said, "Immeasurably great people are turned about in the stream of speech." If you are one who has the eye on your forehead, as soon as it is being brought up, you immediately

know where it comes down. See their one question, one answer; each is distinctly clear. Why did Yun Men then say that these words were all for the sake of compassion, so they had a conversation in the weeds? When that man of old gets here, he is like a clear mirror on its stand, like a bright jewel in the palm of the hand: when a foreigner comes, a foreigner is reflected, and when a native comes, a native is reflected. Not even a single fly could get past his scrutiny. But tell me, how is it that there was a conversation in the weeds for the sake of compassion? It was nevertheless dangerously steep; getting to this realm, only this fellow could hold up. This monk had personally come from Mount Lu; why did Yang Shan then say, "You have never visited the mountain"? Kuei Shan one day asked Yang Shan, "When there are monks coming from various places, what do you use to test them?" Yang Shan said, "I have a way of testing." Kuei Shan said, "Try to show me." Yang Shan said, "Whenever I see a monk coming, I just lift up my whisk and say to him, 'Do they have this in other places?' When he has something to say, I just say to him, 'Leaving this aside for the moment, what about That?'" Kuei Shan said, "This has been the tooth and nail of our sect since time immemorial." Haven't you read how Ma Tsu asked Pai Chang, "Where do you come from?" Pai Chang said, "From down the mountain." Ma Tsu said, "Did you meet anyone on the road?" Pai Chang said, "Not at all." Ma Tsu said, "Why did you not meet anyone at all?" Pai Chang said, "If I had met anyone, I would mention it to you, teacher." Ma Tsu said, "How could this have been happening?" Pai Chang said, "I am at fault." Ma Tsu said, "On the contrary, I am at fault." Yang Shan's questioning the monk was just like these examples. At that time, when he said, "Did you ever get to Five Elders Peak?" If that monk had been a man, he would simply have said, "A disaster." Instead, he said, "I never got there." Since this monk was not an adept, why did Yang Shan not act according to the rule, so as to avoid the many complications that subsequently appeared? Instead he said, "You never visited the mountain." That is why Yun Men said, "These words were all for the sake of compassion, thus they had a conversation in the weeds." If it were a talk outside the weeds, then it would not be like this.

***Yang Shan: Pointing at the Snow:*** The koan about the potentiality and conditions of lectures from Zen master Yang Shan. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu),



Volume XI, one day, Yang-shan Hui-chi (807-883 or 814-891) pointed to the stone lion that was covered all over with snow and said to the assembly, "Is there anything whiter than this?" No-one was able to reply. Later, Zen master Yun-men commented, "Push it down right at that moment." Zen master Hsueh Tou criticized Yun men, saying, "Yun men only knows how to push it down, but doesn't know how to get it up."

***Yang-Shan "Obtaining the Essence and Not the Function":*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen Master Kuei-shan and his disciple, Yang-shan. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume IX, one day, while Kui-shan and the monks were picking tea leaves, Kui-shan said to Yang-shan, "All day today I've heard your voice but I haven't seen your form." Yang-shan then shook the tea tree. Kui-shan said, "You attained its function, but you haven't realized its essence." Yang-shan said, "What does the master say?" Kui-shan was silent. Yang-shan said, "The master has attained its essence but hasn't realized its function." Kui-shan said, "I give you thirty blows with the staff." Yang-shan said, "If I receive thirty blows of the master's staff, who then will receive thirty blows from me?" Kui-shan said, "You will be spared of my thirty blows."

***Yang Shan: Thrusting His Hoe into the Ground:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Kuei-Shan and his disciple Yang Shan. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day Zen master Kuei Shan asked Yang Shan, "Where have you been?" Yang Shan said, "I have just come from the fields." Kuei Shan went on, "How many people were there?" Yang Shan thrust his hoe into the ground and stood there. Kuei Shan said, "Today at the southern mountain there was one who harvested rushes." Yang Shan picked up his hoe and went away.

***Yang Shan's Thirty Blows:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume IX, one day, while Kui-shan and the monks were picking tea leaves, Kui-shan said to Yang-shan, "All day today I've heard your voice but I haven't seen your form." Yang-shan then shook the tea tree. Kui-shan said, "You attained its function, but you haven't realized its essence." Yang-shan

said, "What does the master say?" Kui-shan was silent. Yang-shan said, "The master has attained its essence but hasn't realized its function." Kui-shan said, "I give you thirty blows with the staff." Yang-shan said, "If I receive thirty blows of the master's staff, who then will receive thirty blows from me?" Kui-shan said, "You will be spared of my thirty blows.

***Yang Shan: Pushing Forward His Pillow:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yang Shan and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day, a monk asked Zen master Yang-shan, "Would dharmakaya (the essence of all beings) also know how to expound the teaching of Buddhism?" The Master answered, "I cannot answer you, but somebody else can." The monk asked, "Where is the one who can answer?" The Master pushed forward his pillow. When Kuei-shan heard of this, he remarked, "Hui-chi is engaging in swordplay."

***Yang Shan: Replying as Expected:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yang Shan and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day, a monk came and asked Zen master Yang-shan, "Master, do you know how to read?" Yang-shan said, "Reply as expected." The monk circumambulated (went around) clockwise once; Yang-shan drew a cross on the ground. The monk circumambulated (went around) counterclockwise once; Yang-shan erased the cross and drew a sauvastika on the ground. The monk drew a circle, and then raised it with his both hands as if an Asura wanted to cover both the Sun and the Moon. Yang-shan then drew an circle to encircle the sauvastika. The monk imitated the posture of Rucika Buddha (the last of the 1,000 Buddhas of the present kalpa). Yang-shan immediately approved the monk and advised him to do the best to support Buddhism.

***Yang Shan: Whipping Ching T'ung Four Whips:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yang Shan and his disciple Ching T'ung. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day, Ching T'ung came to seek instructions from his master Yang Shan, Yang Shan closed his eyes and sat quietly. Ching T'ung

said, "Like this! Like this! Twenty eight Indian Patriarchs were like this, Six Chinese Patriarchs were like this, Master was like this, and Ching T'ung was like this too!" After speaking, Ching T'ung turned to his right side and stood on tiptoe. Yang Shan stood up and whipped Ching T'ung four whips. By this opportunity, Ching T'ung gave himself a title: "Four whips under the accumulation of clouds and winds, the world Great Meditative Buddha."

*Yang Sha: A Single Companion at One's Side:* According to Wudeng Huiyuan, volume IX, and the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day, Zen master Yang-Shan entered the hall and addressed the monks, saying: "Each and every one of you, turn the light inward! Don't try to remember what I'm saying! For a beginningless eon you have faced away from the light and been shrouded in darkness. The roots of delusion are deep. They're difficult to cut off and uproot. So the Buddha established expedient means to grab your attention. These are like showing yellow leaves to a crying child, who imagines they're gold and thus stops crying. You act as though you're in a shop where someone sells a hundred goods made from gold and jade, but you're trying to weigh each item. So you say that Shi-T'ou has a real gold shop? Well in my shop there's a wide range of goods! If someone comes looking for mouse turds then I give him some. If someone comes looking for real gold then I give it to him." A monk said: "I don't want mouse turds. May I have the master's real gold?" Yang-Shan said: "If you try to bite down on the head of a flying arrow you can try until the year of the ass but you won't succeed!" The monk couldn't answer. Yang-Shan said: "If you want to exchange something we can make a deal. If you don't want to exchange anything then we can't. If I truly speak of Zen, then there won't be a single companion at your side. How can this be if there're five or seven hundred in the assembly? If I talk about this and that, and you strain your neck trying to pick something up, then it will be like fooling a little child with an empty hand. There's nothing authentic about it. Today I'm clarifying what is holy, which is not a matter of collecting and calming the mind. Instead you must practice to realize the true sea of self-nature. Of what use is there for 'three clarifications' and 'six understandings'? What I speak of is the ultimate sacred matter. If right now you want to know mind and arrive at the

root, then arrive at the root. Don't worry about the tips of the branches. If you do this, then hereafter you will possess it yourself. But if you don't attain the root, and just use your emotions to seek it, then you will never succeed. You'll never see what Master Wei-Shan spoke of 'the place where ideas of mundane and sacred are exhausted, where matter and principle are united and the true eternal body of the Tathagata is manifested.' Zen master Yang-Shan, who lived between late T'ang and early Sung (around the middle of the tenth century) when the trend of development of Zen teaching gradually superseded the other Buddhist schools in China. It is to say, Zen attitude towards Buddhist lore and philosophy tended to slight its study in an orderly manner, to neglect the sutras and what metaphysics there is in them.

***Yang Shan Questions San Sheng:*** According to example 68 of the Pi-Yen-Lu, Yang Shan asked San Sheng, "What is your name?" San Sheng said, "Hui Chi." Yang Shan said, "Hui Chi? That's me." San Sheng said, "My name is Hui Jan." Yang Shan laughed aloud. According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, San Sheng was a venerable adept in the Lin Chi succession. Since youth he possessed abilities that stood out from the crowd: he had great capacity and had great function; while still in the community, he was in full vigor, and his name was known everywhere. Later he left Lin Chi and travelled throughout Hui Nan and Hai Chou; the monasteries everywhere he went all treated him as a distinguished guest. He went from the north to the south; first he went to Hsueh Feng and asked, "What does a golden carp who has passed through the net take for food?" Hsueh feng said, "Wait till you've come out of the net; then I'll tell you." San Sheng said, "The teacher of fifteen hundred people doesn't even know what to say." Hsueh feng said, "My task as abbot are many." As Hsueh Feng was going to the temple manor, on the way he encountered some macaques, whereupon he said, "Each of the macaques is wearing an ancient mirror." San Sheng said, "For aeons it has been nameless; why do you depict it as an ancient mirror?" Hsueh Feng said, "A flaw has been created." San Sheng said, "The teacher of fifteen hundred people does not even know what to say." Hsueh Feng said, "My fault. My task as abbot are many." Later he came to Yang Shan. Shan very much admired his outstanding acuity and seated him under the bright window. One day an official came to call on Yang Shan. Shan asked

him, "What is your official position?" He said, "I am a judge." San Sheng raised his whisk and said, "And can you judge this?" The official was speechless. All the people of the community made comments, but none accorded with Yang Shan's idea. At that time San Sheng was sick and staying in the Life-Prolonging Hall: Yang Shan ordered his attendant to take these words and ask him about them. San Sheng said, "The Master has a problem." Yang Shan again ordered his attendant to ask, "What is the problem?" San Sheng said, "A second offense is not permitted." Yang Shan deeply approved of this. Pai Chang had formerly imparted his meditation brace and cushion to Huang Po, and had bequeathed his staff and whisk to Kuei Shan; Kuei Shan later gave them to Yang Shan. Since Yang Shan greatly approved of San Sheng, when one day Sheng took his leave and departed, Yang Shan took his staff and whisk to hand them over to San Sheng. Sheng said, "I already have a teacher." When Yang Shan inquired into his reason for saying this, it was that he was a true heir of Lin Chi. When Yang Shan asked San Sheng, "What is your name?" He could not have but known his name; why did he then go ahead and ask in this way? The reason is that an adept wants to test people to be able to know them thoroughly. He just seemed to be casually asking, "What is your name?", and spoke no further judgement or comparison. Why did San Sheng not say "Hui Jan," but instead said, "Hui Chi"? See how a man who has the eye is naturally not the same as others. This manner of San Sheng's was still not crazy, though; he simply captured the flag and stole the drum. His meaning was beyond Yang Shan's words. These words do not fall within the scope of ordinary feelings; they are difficult to get a grasp on. The methods of such a fellow can bring people to life; that is why it is said, "He studies the living phrase; he does not study the dead phrase." If they followed ordinary feelings, then they couldn't set people at rest. See how those men of old contemplated the Path like this: they exerted their spirits to the utmost, and only then were capable of great enlightenment. Once they were completely enlightened, when they used it, after all they appeared the same as people who were not yet enlightened. In any case, their one word or half a phrase could not fall into ordinary feelings. San Sheng knew where Yang Shan was at, so he said to him, "My name is Hui Chi." Yang Shan wanted to take in San Sheng, but San Sheng conversely took in Yang Shan. Yang Shan

was only able to make a counterattack and say, "I am Hui Jan." This too is letting go. This is why Hsueh Tou later says, "Both gather in, both let go, which is fundamental?" With just one phrase he has completely versified it all at once. Yang Shan laughed aloud. "Ha, ha!" There was both the provisional and the real, there was both illumination and function. Because he was crystal clear in every respect, therefore he functioned with complete freedom. This laugh was not the same as Yen Tou's; in Yen Tou's laugh there was poison, but in this laugh, for all eternity the pure wind blows chill.

***Yang Shan: A Snake Enters Into a Bamboo Cylinder:*** A snake enters into a bamboo cylinder. In Zen, the term is used to indicate that practitioners encounter an ambiguity in Zen practice. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI and in Wudeng Huiyuan, Volume IX, one day, Yang-Shan told Hsiang-Yen: "I grant that you have realized the Zen of the Tathagatas. But as for the Zen of the Ancestors, you haven't seen it in your dreams." A nearby monk asked Hsiang-Yen, "What does Venerable Yang-shan mean by saying like that?" Hsiang-Yen said: "A snake enters into a bamboo cylinder." Hsiang-Yen then composed another verse that said:

"I have a function  
It's seen in the twinkling of an eye.  
If others don't see it,  
They still can't call me a novice."

When Yang-Shan heard this verse, he reported to Kwei-Shan: "It's wonderful Hsiang-Yen has realized the Zen of the Ancestors!"

***Yang-Shan "Getting Someone Out of the Well Without Using a Bit of Rope":*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen Master Hsing-k'ung and his disciple, Yang-shan. According to Wudeng Huiyuan, volume, IX, when Yang-shan was serving as Hsing-k'ung's attendant, one day a monk came and asked Zen master Hsing-k'ung, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" The master said, "Suppose a man is down at the bottom of a well one thousand feet deep; if you could get him out without using a bit of rope, I would give you the answer as to the meaning of our patriarchal visit here." The monk did not evidently take this very seriously, for he said, "Lately, the venerable Ch'ang of Hu-

nan was given a monastery to preside over, and he is also giving us all kinds of instruction on the subject." The master called a boy-attendant and ordered him 'to take this lifeless fellow out.' Zen master Hsing-k'ung replied by utilizing cases where things impossible in the relative world of causation are referred to. And the above impossible condition so long as space-time relations remain what they are to our final consciousness; they will only be intelligible when we are ushered into a realm beyond our relative experience. But as the Zen masters abhor all abstractions and theorizations, so their propositions sound outrageously incoherent and nonsensical; at the same time, their answers too, harp on the same string of transcendentalism. Later, the boy-attendant for Zen master Hsing-k'ung came to be known as Yang-shan, one of the most masterful minds in Zen. Afterwards Yang-shan came and asked Tan-yuan how to get out the man in the well, when the master exclaimed, "Why, this fool, who is in the well?" Still later the boy-attendant asked Wei-shan as to the means of getting the man out of the bottom of the well. Wei-shan called out "O Hui-chi!" (as this was the name of the young monk). Hui-chi responded, "Yes, master!" Wei-shan said, "There, he is out!"

***(C) Yang-Shan and Kuei-Yang-Tsung:***

The Five Houses of Zen refers to separate teaching lines that evolved from the traditions associated with specific masters. Three of these traditions, Ts'ao-tung, Yun-men, and Fa-yan, descended from the transmission line traced back to Ch'ing-yuan Hsing-ssu and Shih-t'ou Hsi ch'ien. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from Ma-tsu Tao-i and Pai-chang Huai-hai. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen. It should be reminded that after Yang-shan was recognized as Kuei-shan's heir, they continued to test each other's understanding throughout their time together. During that time, Yang-shan worked with his master to develop the school that would be later be named after both of them. So, Kuei-yang tsung was the name of a Zen sect established by two disciples of Pai-Ch'ang-Huai-Hai. 'Kuei' is the first word of 'Kuei-Shan Ling-Yu' (a disciple of Pai-Ch'ang). 'Yang' is the first word of 'Yang-Shan-Hui-Ji' (a disciple of Kuei-Shan). In the

middle of the tenth century, this school merged with Lin-Chi school and since then no longer subsisted as an independent school.

## ***(II) Zen Master Hsiang-Yen Chih Hsien***

### ***(A) Life and Acts of Zen Master Hsiang-Yen Chih-Hsien:***

Zen Master Hsiang-Yen-Zhi-Hsien, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI and in *Wudeng Huiyuan*, Volume IX: Zen master Hsiang-Yen-Zhi-Hsien was born in Shing-Chou (now in Shan-T'ung Province), was a disciple of Zen master Pai-Ch'ang-Huai-Hai. Before coming to Pai-chang, Hsiang-yen had devoted himself to the study of the Chinese classics as well as the traditional Buddhist scriptures, and he acquired a reputation for scholarship. He kept copious notes on his studies and was known to have a ready answer to every question he was asked. After the master's death, he went to Kwei-Shan (who was also a senior disciple of Pai-Ch'ang).

After Pai-chang died, Hsiang-Yen presented himself to Kuei-shan, who had been declared the master's dharma successor, and even though they were probably about the same age, Hsiang-Yen asked to be accepted as a disciple. Kuei-shan, however, was reluctant to grant the request, so Kwei-Shan said to Hsiang-Yen: "I've heard that you are an intelligent monk at Pai-Zhang, responding ten times for what you're asked. Now I'm not asking you about what recorded or what can be learned from the scriptures! You must say something from the time before you were born and before you could distinguish objects. I want to record what you say." Hsiang-Yen was confused and unable to answer. He sat in deep thought for some time and then mumbled a few words to explain his understanding. But Kwei-Shan couldn't accept this. Hsiang-Yen said: "Then would the master please explain it?" Kwei-Shan said: "What I might say would merely be my own understanding. How could it benefit your own view?" Hsiang-Yen returned to the monk's hall and search through the books he had collected, but he couldn't find a single phrase that could be used to



answer Kwei-Shan's question. Hsiang-Yen then sighed and said: "A picture of a cake can't satisfy hunger." He then burned all his books and said: "During this lifetime I won't study the essential doctrine. I'll just become a common mendicant monk, and I won't apply my mind to this any more."

Hsiang-Yen tearfully left Kwei-Shan. He then went traveling and eventually resided at Nan-Yang, the site of the grave of National Teacher Nan-Yang Hui-Zhong. One day as Hsiang-Yen was scything grass, a small piece of the tile was knocked through the air and struck a stalk of bamboo. Upon hearing the sound of the tile hitting the bamboo, Hsiang-Yen instantly experienced vast enlightenment. Hsiang-Yen then bathed and lit incense. Bowing in the direction of Kwei-Shan, he said: "The master's great compassion exceeds that of one's parents! Back then if you had explained it, then how could this have come to pass?" Hsiang-Yen then wrote a verse:

"One strike and all knowledge is forgotten.

No cultivation is needed for this.

This occurrence reveals the ancient path,

And is free from the track of quiescence."

"Far and wide, not a trace is left.

Whatever I hear and see does not conform to rules.

In every direction the realized Way,

Beyond all speech, the ultimate principle."

Hsiang-Yen then dispatched a monk to take the verse to Kwei-Shan and recite it. Upon hearing it, Kwei-Shan said to Yang-Shan: "This disciple has penetrated!" Yang-Shan said: "This is a good representation of mind function. But wait and I'll personally go and check out Hsiang-Yan's realization." Later Yang-Shan met with Hsiang-Yen and said: "Master Kwei-Shan has praised the great matter of your awakening. What do you say as evidence for it?" Hsiang-Yen then recited his previous verse. Yang-Shan said: "This verse could be composed from the things you've studied earlier. If you've had a genuine enlightenment, then say something else to prove it." Hsiang-Yen then composed a verse that said:

"Last year's poverty was not real poverty.

This year's poverty is finally genuine poverty.

In last year's poverty there was still ground

where I could plant my hoe,  
 In this year' poverty,  
 not even the hoe remains."

Yang-Shan said: "I grant that you have realized the Zen of the Tathagatas. But as for the Zen of the Ancestors, you haven't seen it in your dreams." Hsiang-Yen immediately composed another verse that said:

"I have a function  
 It's seen in the twinkling of an eye.  
 If others don't see it,  
 Do not call yourself a novice."

When Yang-Shan heard this verse, he reported to Kwei-Shan: "It's wonderful Hsiang-Yen has realized the Zen of the Ancestors!"

Another verse of Hsiang-Yen:

"The chick pecks from within,  
 The hen from without.  
 The chick breaks free through the shell.  
 When hen and chick are both gone,  
 The function has not gone astray.  
 Singing the same song,  
 The mystical voice goes on alone."

A monk came from Kuei-shan to Hsiang-yen when the latter asked the monk, "There was once a monk who asked Kuei-shan concerning the Patriarch's idea of coming to the West, and Kuei-shan in answer held up his duster (hossu). Now how do you understand the meaning of Kuei-shan's action?" The monk replied, "The master's idea is to elucidate mind along with matter, to reveal truth by means of an objective reality." Hsiang-yen said, "Your understanding is all right as far as it goes. But what is the use of hurrying so to theorize?" The monk now turned around and asked, "What will be your understanding?" Hsiang-yen held up his duster like Kuei-shan.

Another day, a monk came and asked Hsiang-yen concerning Bodhidharma's idea of coming to the West. Hsiang-yen put his hand into his pocket, and when he got it out it was formed into a fist, which he opened as if handing the contents over to the questioner. The monk knelt down and extended both hands in the attitude of receiving. Hsiang-yen said, "What is this?" The monk made no reply. This is the

case where an object near by is made use of in answering the question. When questioned, the master may happen to be engaged in some work, or looking out of the window, or sitting quietly in meditation, and then his response may contain some allusion to the objects thus connected with his doing at the time. Whatever he may say, therefore, on such occasion is not an abstract assertion on an object deliberately chosen for the illustration of his point.

Zen Master Hsiang-Yen-Zhi-Hsien often told his assembly: "The goal of Zen is to bring the practitioner to awakening, but that awakening must be sought within oneself rather than outside of oneself or from something acquired from another. I would like compare the relationship between the Zen master and his student to that of a hen and a chick still in its egg. It is the chick that must strive to break free of the shell, pecking at it from within. Only when the chick makes some progress can the hen assist by pecking at the outside of the shell. Similarly, when the student is ready, the Zen master makes use of what Buddhism calls skillful means to assist him to attain the final breakthrough. The skillful means used with one student are not necessarily appropriate to another; the choice of skillful means employed by the master is dictated by the stage the student is at and the particular conditions of that student's quest for awakening."

One day, Zen master Hsiang-Yen entered the hall and addressed the monks, saying, "The Way is attained by means of enlightenment and is not found in words. It is mysterious and majestic, and without the slightest breach. Don't belabor your mind! Just turn the light inward. Those disciples using total effort every day in words to realize enlightenment are just backward and confused."

A monk asked Hsiang-Yen, "What is Hsiang-Yen's great situation?" Hsiang-Yen said, "Don't fertilize the flowers and trees."

Another monk asked, "What is a 'sindhava'?" Hsiang-Yen struck the meditation platform and said, "Come here!"

One day, Hsiang-Yen entered the hall and addressed the monks, saying, "Talking about this, you could compare it to a person who has climbed a tree and is grasping a branch, supported only by his teeth. His feet are hanging freely, as are his hands. Suddenly someone down on the ground yells out to him. 'What is the meaning of the First Ancestor coming from the west?' To not answer isn't acceptable, but if

he does so he'll fall, and so lose his life. At this very moment what can he do?" At that time a monk named Tiger Head Zhao came forth from the congregation and addressed Hsiang-Yen, saying, "Leaving aside the question of the tree top, I ask the master to comment about before climbing the tree." Hsiang-Yen then laughed, "Ha! Ha! Ha!"

To all of his disciples, Hsiang-Yen provided his teachings in a clear and direct manner. He left more than two hundred verses such as these above mentioned ones that were composed to meet the situations he encountered. These unmetred verses were popular throughout the country.

Zen master Hsiang-Yen always talked about the poverty as a 'must' for his life of cultivation as follows:

"My last year's poverty  
was not poverty enough,  
My poverty this year  
is poverty indeed;  
In my poverty last year  
there was room for a gimlet's point,  
But this year even the gimlet is gone."

Later, there was a Zen master who commented on this verse of poverty by Hsiang-Yen in the following verse:

"Neither a gimlet's point nor the room for it;  
but this is not yet real poverty:  
As long as one is conscious of having nothing,  
There still remains the guardian of poverty.  
I am lately poverty-stricken in all conscience,  
For from the very beginning  
I do not see even the one that is poor."

No matter what happened, poverty was the main reason to cause Hsiang-Yen to have a good life of cultivation and finally he became one of the most famous Zen masters in Chinese Zen sect.

***(B) Kôans Related To Zen Master Hsiang-Yen Chih-Hsien:***

***Hsiang-Yen's Throwing a Small Piece of the Tile and It Struck a Stalk of Bamboo:*** The koan about the potentiality and conditions of awakening of Zen master Hsiang-Yen when he threw a small piece of the tile and it struck a stalk of bamboo. According to Wudeng Huiyuan,

volume IX, when Hsiang-Yen left Kwei-Shan, he then went traveling and eventually resided at Nan-Yang, the site of the grave of National Teacher Nan-Yang Hui-Zhong. One day as Hsiang-Yen was scything grass, a small piece of the tile was knocked through the air and struck a stalk of bamboo. Upon hearing the sound of the tile hitting the bamboo, Hsiang-Yen instantly experienced vast enlightenment. Hsiang-Yen then bathed and lit incense. Bowing in the direction of Kwei-Shan, he said: “The master’s great compassion exceeds that of one’s parents! Back then if you had explained it, then how could this have come to pass?” Hsiang-Yen then wrote a verse:

“One strike and all knowledge is forgotten.

No more the mere pretense of practice.

Transformed to uphold the ancient path,

Not sunk in idle devices.”

“Far and wide, not a trace is left.

The great purpose lies beyond sound and form.

In every direction the realized Way,

Beyond all speech, the ultimate principle.”

***Hsiang-Yen's Interpreting of Master Kuei-Shan's Dream:*** The koan about Zen masters Hsiang-Yen's and Yang-shan's interpreting of Kuei-shan's dream. According to *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume IX, one day, Zen master Kuei-shan had a dream in his afternoon nap, so he called two of his disciples Hsiang-Yen and Yang-shan to come and asked them to interpret his dream. Yang-shan did not say a word, but brought him a wash-basin of water and a towel; while Hsiang-Yen brought him a cup of tea. Kuei-shan commented that these two disciples' understanding was even better than that of Sariputra's. On such occasion, these Zen masters adapt themselves to the circumstances, not using any abstract assertion on an object deliberately chosen for the illustration of his point. In fact, in the *Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI and in *Wudeng Huiyuan*, Volume IX, Zen master Hsiang-Yen always addressed the monks, saying, "The Way is attained by means of enlightenment and is not found in words. It is mysterious and majestic, and without the slightest breach. Don't belabor your mind! Just turn the light inward. Those disciples using total effort every day in words to realize enlightenment are just backward and confused."

***Hsiang-Yen: A Man Who Is Falling Down a Deep Well, Hanging from a Branch by His Teeth; Respond or Not Respond to a Question?:*** One day, Zen master Hsiang-yen (in the ninth century) entered the hall and addressed his monks, saying, "It is like a man over a precipice one thousand feet high, he is hanging himself there with a branch of a tree between his teeth; the feet are far off the ground, and his hands are not taking hold of anything. Suppose another man coming to him to propose a question, 'What is the meaning of the first patriarch coming over here from the West?' If this man should open the mouth to answer, he is sure to fall and lose his life; but if he would make no answer, he must be said to ignore the inquirer. At this critical moment what should he do?" Hsiang-yen is putting the negation of opposites in a most graphically illustrative manner. The man over the precipice is caught in a dilemma of life and death, and there can be no logical quibblings. This interesting koan can be interpreted in two ways. First, it is typical of the technique often used by Zen masters to compel the disciple to retreat to the dead end of the tracks which his habitual thinking and associations have always followed, thus setting up a condition in which he has no

way of allowing his thoughts to function. Then, by pushing the disciple one step beyond to the unknown, the Master may open his wisdom eye. Second, if we look upon this koan metaphorically, it reminds us of the ever-grasping or clinging nature of the human mind. It is indeed true that we as humans must have something to hold or to cling to all the time. It seems unthinkable to us that the mind can function without having an object to think about. Never for one moment can we do without an object to make mental or physical activity possible. Furthermore, on most occasions we must have more than one object to grasp or cling to. If we lose one we can always resort to another. But Zen masters will not allow us to have any chance to grasp on another object. Zen masters always drive us to the absolute dead-end state, where we have nothing to grasp, cling to, or escape from. It is right here, at this very point of desperation, that we must give up habit of clinging, and it is right here that we must withdraw from the last ditch of our thought-track and surrender, with both hands empty, with nothing to hold on to for the Absolute Great Release. In two cases of Nan-ch'uan and Yang-shan, the monks failed to save the innocent victim or the precious treasure, simply because their minds were not yet free from intellectualism and were unable to break through the entanglements purposely set up by Nan-ch'uan in one case and by Yang-shan in this case. But in this very case, how about one's own life? Listen to this! The Buddha in one of his former lives is said to have thrown himself down into the maw of a man-devouring monster, in order to get the whole stanza of the truth. Zen, being practical, wants us to make the same noble determination to give up our dualistic life for the sake of enlightenment and eternal peace. For it says that its gate will open when this determination is reached.

*Hsiang-Yen's Up a Tree:* Example 5 of the Wu-Men-Kuan. One day, Hsiang-Yen entered the hall and addressed the monks, saying: "Talking about this, you could compare it to a person who has climbed a tree and is grasping a branch, supported only by his teeth. His feet are hanging freely, as are his hands. Suddenly someone down on the ground yells out to him: 'What is the meaning of the First Ancestor coming from the west?' To not answer isn't acceptable, but if he does so he'll fall, and so lose his life. At this very moment what can he do?" At that time a monk named Tiger Head Zhao came forth from the

congregation and addressed Hsiang-Yen, saying: "Leaving aside the question of the tree top, I ask the master to comment about before climbing the tree." Hsiang-Yen asked the monk: "Where are you from?" The monk replied: "From Kwei-Shan." Hsiang-Yen asked: "There was once a monk who asked Wei-Shan concerning the Patriarch's idea of coming to China, and how did Kwei-Shan reply?" The monk said: "Kwei Shan gave no answer but held up his baton." Hsiang-Yen asked: "Now, how do you understand the meaning of Kwei-Shan's action?" The monk replied: "The master's idea is to elucidate mind along with matter, to reveal truth by means of an objective reality." Hsiang-Yen said: "Your understanding is alright as far as it goes. But what is the use of hurrying so to theorize?" The monk now turned around and asked: "What will be your understanding about Kwei-Shan?" Hsiang-Yen held up his stick like the other master, then laughed: "Ha! Ha!" According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, Zen practitioners should always remember that even if your eloquence flows like a river, it is all in vain. Even if you can expound cogently upon the whole body of Buddhist literature, that too is useless. If you can respond to this dilemma properly, you give life to those who have been dead and kill those who have been alive. If you can't respond, you must wait and ask Maitreya about it.

### ***(III) Zen Master Ling-Yun Chih Ch'in***

Zen Master Ling-yun Zhiqin, name of a Chinese Zen monk in ninth century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI: Name of a Chinese Zen master during the T'ang Dynasty, in around the ninth century, one of disciples and dharma heir of Zen master Chang-Qing Ta-An. He came from the ancient Changxi, now on the coast of Fujian Province.

Zen master Ling-yun Zhiqin gained enlightenment when he saw a peach tree in bloom. He then composed a verse that gave evidence of his awakening:

"For thirty years I've sought the swordsman.



Many times the leaves have fallen,  
 the branches bare.  
 After seeing the peach blossoms,  
 Never doubting again."

When Zen master Kuei-shan Ling-yu read Ling-yun's verses and found out Ling-yun had spiritual connection, Kuei-Shan said: "Enlightenment sparked from conditions will never be receding, please keep up your good work!"

One day, Zen master Ling-yun Zhiqin entered the hall and addressed the monks, saying, "Among you there are persons with various strengths and weaknesses, but you should all observe the vegetation of the four seasons, the leaves falling and the flowers blooming; events that have gone on for an incalculable eon. The gods, humankind, all the realms of existence: earth, water, fire, and wind, all these things come to completion and pass away in the cycle of existence. But when all of cause and effect is exhausted and the nether (lower) realms are finished, still throughout the universe not a single hair will have been created or taken away. There remains only a fundamental numinous consciousness that is eternal. No matter where it is that those of high ability permanently abide with their good companions of the Way, and make this truth evident by renouncing the world, that place is where Dharma is revealed. Those of middling and low ability who remain ignorant, unable to realize illumination, they remain submerged in the three realms and in transmigration through life and death. Sakyamuni Buddha provided a teaching to evidence this truth for gods and humanity, revealing the path of wisdom. Can you understand?"

A monk asked, "How can one escape from birth, old age, sickness, and death?" Ling-yun said, "The green mountain is fundamentally unmoving, but the floating clouds pass back and forth."

A monk asked, "At the time the emperor emerges, then what?" Ling-yun said, "Outside there's a luminous springtime. Don't ask about Changan City."

A monk asked, "How can one gain an audience with the emperor?" Ling-yun said, "The blind crane dives into the clear pond. Fish scatter from its feet."

A monk asked, "What is the great meaning of our school?" Ling-yun said, "The donkey's matters are unfinished, yet the horse's affairs arrive." The monk said, "I don't understand." Ling-yun said, "Spectacles happening every night, but the essential spirit seldom met."

One day, a monk asked Ling-yun, "What about the time of primordial chaos, before any differentiations?" Ling-yun answered, "A pillar conceives." The monk said, "What about after differentiation?" Ling-yun responded, "It is like a wisp of cloud marking the Great Pure Sky." The monk asked, "Does the Great Pure Sky accept this mark or not?" Ling-yun didn't say anything. The monk continued, "If that were so, living beings would not come forth." Again Ling-yun didn't say anything. The monk continued, "How about when there's only absolute purity and all stains are avoided?" Ling-yun replied, "That would closely resemble the pure realm of enlightenment." The monk asked, "What is it to 'closely resemble the pure realm of enlightenment?'" Ling-yun said, "It is like the infinite luminosity of a mirror." The monk asked, "Is there, then, a transcendence even of this?" Ling-yun replied, "There is." The monk asked, "What is this transcendence?" Ling-yun said, "Smash the mirror, then you and I can meet." The monk then asked, "At the time of primordial chaos, before any differentiation, from where do living beings come?" Ling-yun answered, "A pillar conceives!"

One day, a monk asked Ling-yun, "How were things before the appearance of the Buddha in the world?" Ling-yun raised his duster (hossu). The monk asked, "How were things after the appearance of the Buddha in the world?" Ling-yun again raised his duster. This raising or the lowering of the duster was quite a favorite method with many masters to demonstrate the truth of Zen, for the duster and the staff were the religious insignias of the master, and it was natural that they would be in much display when the monks approached with questions. Zen master Ling-yun utilized a more direct method instead of verbal medium. In fact, the truth of Zen is the truth of life, and life means to live, to move, to act, and not merely to reflect. Therefore, it is natural that the development of Zen should be towards acting or rather living its truth instead of demonstrating or illustrating it in words; it is to say, with ideas. According to Zen master D.T. Suzuki in *Essays in Zen Buddhism, First Series* (p.300), the direct method is used to get hold of

this fleeting life as it flees and not after it has flown. While it is fleeing, there is no time to recall memory or to build ideas. It is to say, no reasoning avails here. Language may be used, but this has been associated too long with ideation, and has lost directions or being by itself. As soon as words are used, they express meaning, reasoning; they represent something not belonging to themselves; they have no direct connection with life. This is the reason why the masters often avoid such expressions or statements as are intelligible in any logical way. Their aim is to have the disciple's attention concentrated in the thing itself which he wishes to grasp and not in anything that is in the remotest possible connection liable to disturb him.

#### *(IV) Zen Master Jing Zhao*

We do not have detailed documents on Zen Master Jingzhao; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume XI: Zen Master Jingzhao, also called "Mi the Seventh," was a disciple of Kuei-Shan. He lived and taught Zen in the ancient Chinese capital city of Jingzhao, another name for ancient Changan.

When Mi-hu resided at Jingzhao, an old worthy asked him, "Nowadays if people see a piece of broken well rope in the light of the moon they say it's a snake. I'd like to know what you would call it if you saw a Buddha?" Jingzhao said, "If there's a Buddha to be seen, it's not other than all beings." The old monk said, "A thousand years of peach pits."

One day, Jingzhao had a monk asked Yangshan Huiji, "During these times is there authentic enlightenment or not?" Yangshan said, "It's not that enlightenment is lacking, but how does one avoid falling into what's secondary?" The monk went back to Jingzhao and related what Yangshan said. Jingzhao deeply approved.

Another day, Jingzhao had another monk asked Dongshan, "What do you have to say about that?" Dongshan said, "You have to turn around and ask him, then you can find out." The monk went back to Jingzhao and related what Dongshan said. Jingzhao also agreed with this.

### ***(V) Nun Zen Master Liu T'ieh-mo***

***(A) A Summary of Nun Zen Master Liu T'ieh-Mo:***

A nun Zen master, a profoundly enlightened Buddhist nun, disciple of Kuei-Shan-Ling-Yu in the ninth century. Her family name was Liu, and she acquired the nickname 'T'ieh-mo,' 'iron mill stone,' because she was renowned in the Zen circles of her time for 'grinding to bits' like an iron millstone anyone who confronted her in dharma battle (hossen). In example 24 of the Pi-Yen-Lu, we see her in a hossen with her master, Kuei-shan: "Liu T'ieh-mo came to Kuei-shan. Kuei-shan said, 'So old cow, you-ve come.' T'ieh-mo said, 'Tomorrow will be the big festival on Mount T'ai; the abbot will go there?' Thereupon Kuei-shan relaxed his body and lay down. Immediately, T'ieh-mo went out and departed."

***(B) Kôans Related To Zen Master Liu T'ieh-Mo:***

***Iron Grindstone Liu, an Old Cow:*** A nun Zen master, a profoundly enlightened Buddhist nun, disciple of Kuei-Shan-Ling-Yu in the ninth century. Her family name was Liu, and she acquired the nickname 'T'ieh-mo,' 'iron mill stone,' because she was renowned in the Zen circles of her time for 'grinding to bits' like an iron millstone anyone who confronted her in dharma battle (hossen). In example 24 of the Pi-Yen-Lu, we see her in a hossen with her master, Kuei-shan: "Liu T'ieh-mo came to Kuei-shan. Kuei-shan said, 'So old cow, you-ve come.' T'ieh-mo said, 'Tomorrow will be the big festival on Mount T'ai; the abbot will go there?' Thereupon Kuei-shan relaxed his body and lay down. Immediately, T'ieh-mo went out and departed." According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, the Nun 'Iron Grndstone' Liu was like a stone-struck spark, like a lightening flash; hesitate and you lose your body and your life. In the path of meditation, if you get to the most essential place, where are there so many things? This meeting of adepts is like seeing horns on the other side of a wall and immediately knowing there's an ox, like seeing smoke on the other side of a mountain and immediately knowing there's a fire. When pushed they move, when pressed they turn about. Kuei Shan said, "After I die, I'll go down the mountain to an almsgiver's house and be a water buffalo."

On my left flank five words will be written, saying, 'A Kuei Shan monk, me.' At that time, would it be right to call it Kuei Shan monk, or would it be right to call it a water buffalo?" When people these days are questioned about this, they are stymied and can't explain. Iron Grindstone Liu had studied for a long time, her active edge was sharp and dangerous. People called her "Iron Grindstone Liu." She built a hut a few miles from Kuei Mountain. One day she went to call on Kuei Shan. When he saw her coming, he said, "Old cow, so you've come." Iron Grindstone Liu said, "Tomorrow there's a great communal feast on Mount T'ai; are you going to go, Teacher?" Kuei Shan relaxed his body and lay down, whereupon the Iron Grindstone Liu left. All of you look throughout they seem to be conversing, but this is not Ch'an, neither is it Tao. Can it be understood by calling it unconcern? Kuei Shan is over six hundred miles from Mount T'ai; how then did Iron Grindstone Liu want to have Kuei Shan go to the feast? Tell me, what was her meaning? This old lady understands Kuei Shan's conversation: fiber coming, thread going, one letting go, one gathering in; they answer back to each other like two mirrors reflecting each other, without any reflection image to be seen. Action to action, they complement each other; phrase to phrase, they accord. People these days can be poked three times and not turn their heads, but this old lady couldn't be fooled one little bit. By no means is this an emotional view based on mundane truth; like a bright mirror on its stand, like a bright jewel in the palm of the hand, when a foreigner comes, a foreigner is reflected, and when a native comes a native is reflected. It's that she knows there is something transcendent; that's why she acts like this. Right now you are content to understand this as unconcern. Master Yen of Wu Tsu said, "Don't take having concerns as not having concerns; time and time again concern is born of unconcern." If you can immerse yourself in this and penetrate through, you will see that Kuei Shan and Iron Grindstone Liu acting in this way is the same sort as ordinary people's conversation. People are often hindered by words, that's why they don't understand. Only an intimate acquaintance can understand them thoroughly. It's like Ch'ien Feng teaching his assembly saying, "If you raise one, you shouldn't raise two; let the first move go and you fall into the secondary." Yun Men came forward and said, "Yesterday, there was a monk who came from T'ien T'ai and returned to Nan

Yueh." Ch'ien Feng said, "Chief cook, don't participate in the general labor today." Observe these two, Liu and Kuei Shan; when letting go, both let go, and when gathering in, both gather in. In the Kuei Yang tradition, this is called "merging of perspectives." In the wind-blown dust the grass move; thoroughly comprehend the whole from the surface. This is also called "a phrase which hinders one", the meaning is conveyed but the words obstruct. When you get here, you must be able to sweep to the left and turn to the right; then you are an adept.

### ***(VI) Zen Master Hung-Jen***

Hung Jen, name of a Chinese Zen master who lived in the T'ang Dynasty in China. According to The Wudeng Huiyuan, Volume IX, and The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, first, he studied Zen under Zen master Yun-yen-T'an-shêng (780-841), but later he received the dharma seal from Zen master Kuei-shan-Ling-yu (771-853). In 853, after the passing away of master Kuei-shan, he became the abbot of Mount Kuei-shan Temple and continued to spread the Zen teachings until he passed away in 901.

**Chương Mười Tám**  
**Chapter Eighteen**

**Quy Ngưỡng Tông Đồi Thứ Ba**  
**Nói Pháp Thiên Sư Huệ Tịch**

**(I) Thiên Sư Vô Trước (821-900)**

Đệ tử và truyền nhân nói pháp của thiên sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Thời tuổi trẻ, ông đi khắp xứ để gặp các thiên sư khác nhau. Trong những chuyến chu du ấy, đã xảy ra các sự kiện được nhắc tới trong thí dụ thứ 35 của Bích Nham Lục. Tên của Vô Trước, không có vương mắc, được hoàng đế Trung Hoa đặt cho ông sau khi ông đạt được giác ngộ dưới sự hướng dẫn của Ngưỡng Sơn. Thí dụ thứ 35 của Bích Nham Lục. Văn Thù hỏi Vô Trước: "Vừa rời chỗ nào?" Vô Trước đáp: "Phương Nam." Văn Thù hỏi: "Phương Nam Phật pháp trụ trì thế nào?" Vô Trước đáp: "Thời mạt pháp, Tỳ kheo ít giữ giới luật." Văn Thù hỏi: "Chúng nhiều ít?" Vô Trước đáp: "Hoặc ba trăm hoặc năm trăm." Vô Trước hỏi Văn Thù: "Ở đây trụ trì thế nào?" Văn Thù đáp: "Phàm Thánh đồng ở, rần rông lẫn lộn." Vô Trước hỏi: "Chúng nhiều ít?" Văn Thù đáp: "Tiền tam tam, hậu tam tam." Những sự kiện thực, đối lại với những sự kiện trừu tượng (câu hỏi và trả lời giữa ngài Vô Trước và ngài Văn Thù). Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, Vô Trước đạo Ngũ Đài Sơn, đến giữa đường chỗ hoang vắng, Văn Thù hóa một cái chùa tiếp Sư nghỉ ngơi. Cuộc đối đáp trên đã diễn ra. Khi uống trà, Văn Thù đưa cái chung pha lê hỏi: "Phương Nam có cái này chăng?" Vô Trước đáp: "Không." Văn Thù hỏi: "Bình thường lấy cái gì uống trà?" Vô Trước im lặng không trả lời được, bèn từ giả ra đi. Văn Thù sai đồng tử Quân Đề tiến ra cổng. Vô Trước hỏi Quân Đề: "Vừa rồi nói 'tiền tam tam, hậu tam tam' là nhiều hay ít?" Quân Đề gọi: "Đại Đức!" Vô Trước đáp: "Dạ!" Quân Đề hỏi: "Nhiều hay ít?" Vô Trước lại hỏi: "Đây là chùa gì?" Quân Đề chỉ mặt sau chùa Kim Cang. Vô Trước xoay đầu nhìn thì chùa hóa và đồng tử đều ẩn chẳng thấy, chỉ chỗ kia là hang trống. Sau này gọi là hang Kim Cang. Có vị Tăng hỏi Phong Huyệt: "Thế nào là chủ trong núi Thanh Lương?" Phong Huyệt đáp: "Một câu

chẳng gấp Vô Trước hỏi, đến nay vẫn làm Tăng đồng quê." Nếu cần tham được thấu đến chỗ bình bình thật thật, chân đạp đến chỗ đất thật, nhằm dưới lời nói của Sư tiến được, tự nhiên ở trong chảo dầu lò lửa cũng chẳng nghe nóng, ở trên băng giá cũng chẳng nghe lạnh. Nếu cần tham được thấu, cao vót hiểm nguy như bảo kiếm Kim Cang Vương, nên nhằm dưới lời Văn Thù tiến được, tự nhiên nước rưới chẳng dính, gió thổi chẳng vào. Địa Tạng Quốc Sâm ở Chương Châu hỏi một vị Tăng: "Vừa rời chỗ nào?" Vị Tăng thưa: "Phương Nam." Địa Tạng hỏi: "Trong kia Phật pháp thế nào?" Vị Tăng thưa: "Tranh cãi ồn náo." Địa Tạng nói: "Đâu như ta ở đây, cấy lúa thổi cơm mà ăn." Hãy nói lời đáp này cùng chỗ đáp của Văn Thù là đồng hay là khác? Có người nói: "Chỗ đáp của Sư chẳng phải là chỗ đáp của Văn Thù, vì còn có rỗng có rấn, có phạm có thánh." Hiểu như vậy thì có gì giao thiệp. Lại biện rõ "Tiền tam tam, hậu tam tam" chẳng? Mũi tên trước còn nhẹ, mũi tên sau rất sâu. Hãy nói là nhiều hay ít? Nếu nhằm trong ấy thấu được thì ngàn câu muôn câu chỉ là một câu. Nếu ngay dưới một câu chặt được núi, nắm được đứng, chính lúc ấy đến được cảnh giới này.

## ***(II) Thiên Sư Nam Thập Quang Dũng***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Nam Thập Quang Dũng; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XII: Thiên sư Quang Dũng Nam Thập sanh năm 850 tại Phong Thành (bây giờ vẫn gọi là Phong Thành thuộc tỉnh Giang Tây). Sư rất thông minh và tinh thông Tứ Thư Ngũ Kinh lúc 13 tuổi. Ông là đệ tử của Thiên Sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch, và là thầy của thiên sư Ba Tiêu Huệ Thanh. Vào năm 19 tuổi sư thọ cụ túc giới và học thiền với đại sư Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sau đó Lâm Tế giao ông trở lại cho Ngưỡng Sơn, rồi ông trở thành thị giả, đệ tử, và là người nối pháp cho Ngưỡng Sơn.

Sư sang miền Bắc yết kiến Lâm Tế, lại trở về hầu Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn hỏi: "Người đến làm gì?" Sư thưa: "Đánh lễ ra mắt Hòa Thượng." Ngưỡng Sơn hỏi: "Thấy Hòa Thượng chẳng?" Sư thưa: "Đã thấy." Ngưỡng Sơn nói: "Hòa Thượng sao giống in lừa." Sư thưa: "Con thấy Hòa Thượng cũng chẳng giống Phật." Ngưỡng Sơn hỏi: "Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì?" Sư thưa: "Nếu con phải so sánh



Hòa Thượng với cái gì đó, thì Hòa Thượng nào có khác lừ?” Ngưỡng Sơn ngạc nhiên nói: “Phàm Thánh cả hai đều quên, tình hết, thể hiện bày, ta lấy đây nghiệm xét người, hai mươi năm không ngờ vực. Con nên gìn giữ đó.” Ngưỡng Sơn thường chỉ sư bảo với người: “Kẻ này là nhục thân Phật.”

Có vị Tăng hỏi: “Văn Thù là thầy bảy Đức Phật, Văn Thù có thầy chẳng?” Sư đáp: “Gặp duyên liền có.” Vị Tăng hỏi: “Thế nào là thầy Văn Thù?” Sư dựng đứng cây phát tử chỉ đó. Tăng thưa: “Cái ấy là phải sao?” Sư ném cây phát tử khoanh tay.

Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là diệu dụng một câu?” Sư đáp: “Nước đến thành hồ.” Vị Tăng hỏi: “Chơn Phật ở tại chỗ nào?” Nói ra không tưởng, cũng chẳng tại nơi khác. Sư thị tịch vào năm 938.

### ***(III) Thiên Sư Tây Tháp Quang Mục***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Tây Tháp Quang Mục; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XII: Thiên sư Tây Tháp Quang Mục là đệ tử của Thiên Sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Ông sống và dạy Thiền trên Ngưỡng Sơn. Sau đây là một vài mẫu chuyện ngắn về những lời dạy của Thiên sư Tây Tháp Quang Mục trong Truyền Đăng Lục.

Một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là chánh văn?" Quang Mục nói: "Không theo lỗ tai mà vào." Vị Tăng lại hỏi: "Làm sao có thể được?" Quang Mục nói: "Ông có nghe không?"

Có một vị Tăng hỏi: "Tổ ý và Giáo ý giống hay khác nhau?" Quang Mục nói: "Hãy gác qua một bên 'giống' hay 'khác,' ông hãy nói thử xem cái gì ra vào trong vòi của bình nước?"

Một vị Tăng hỏi: "Cái gì là yếu nghĩa của Thiền?" Quang Mục đáp: "Ông không có Phật tánh." Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là đốn?" Sư vẽ vòng tròn cho vị Tăng thấy. Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là đốn?" Sư lấy tay thọt lên không trung ba lần.

### ***(IV) Thiên Sư Hàng Châu Văn Hỷ***

Văn Hỷ là tên của một thiên sư Trung Hoa, pháp tử của thiên sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch vào thế kỷ thứ mười. Một hôm, vị Tăng đến hỏi Sư: "Thế nào là cái tự kỷ?" Nhưng thiên sư Hàng Châu vẫn giữ im lặng. Vị Tăng không hiểu cái im lặng ấy có ngụ ý gì, bèn hỏi lại. Hàng Châu bèn đáp: "Trời mây vẫn vũ trắng không ló dạng." Cái "im lặng" của Hàng Châu là một trong những phương tiện thiện xảo khá thông dụng mà các thiên sư thường dùng để giúp đỡ đệ tử của mình. Chắc hẳn chúng ta còn nhớ ngày trước khi Bồ Tát Văn Thù hỏi cư sĩ Duy Ma Cật về "pháp bất nhị", Duy Ma Cật im lặng không nói. Người đời sau ca tụng thái độ ấy của Duy Ma Cật là sự "im lặng sấm sét" (mặc như lôi). Về sau này có một vị Tăng hỏi Tào Sơn: "Cái im lặng có thể tiết lộ cho biết được chăng?" Tào Sơn nói: "Không thể tiết lộ ở đây." Vị Tăng hỏi: "Vậy thì tiết lộ ở đâu?" Tào Sơn đáp: "Canh ba đêm trước ta mất ba đồng tiền ở đầu giường." Lẽ lúc các vị thiên sư ngồi im lặng một lúc lâu, gọi là "Lương cửu", hoặc để đáp lại một câu hỏi, hoặc khi thượng đường thuyết pháp. Cái "lương cửu" này không cốt chỉ về thời gian trôi qua, mà còn để thử xem đệ tử của mình còn dùng cái nghe thấy của tình thức hay không.

### ***The Third Generation of the Kuei-yang Tsung Zen Master Hui-Chi's Dharma Heirs***

#### ***(I) Zen Master Wu-Cho (821-900)***

Mujaku (jap), name of a student and dharma successor of Yang Shan Hui-Chi. In his youth he traveled through the country seeking out various Zen masters. The occurrence reported in example 35 of the Pi-Yen-Lu is said to have taken place during this pilgrimage. The name Wu-cho "no attachment", was conferred upon the master by the Chinese emperor during the time after his enlightenment under Yangshan when he was active as a Zen master. Manjusri asked Wu Cho, "Where have you just come from?" Wu Cho said, "The South." Manjusri said, "How is the Buddhist Teaching being carried on in the

South?" Wu Cho said, "Monks of the Last Age have little regard for the rules of discipline." Manjusri said, "How numerous are the congregations?" Wu Cho said, "Some three hundred, some five hundred." Wu Cho asked Manjusri, "How is it being carried on hereabouts?" Manjusri said, "Ordinary people and sages dwell together; dragons and snakes intermingle." Wu Cho said, "How numerous are the congregations?" Manjusri said, "In front, three by three; in back, three by three." Concrete facts as opposed to general abstractions. According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, when Wu Cho was visiting Mount T'ai, when he came to a place on the way where it was wild and rough, Manjusri produced a temple to take him in for the night. After finishing the above conversation, they drank tea, Manjusri held up a crystal bowl and asked, "Do they have this in the South?" Wu Cho said, "No." Manjusri said, "What do they usually use to drink tea?" Wu Cho was speechless. After all he took his leave and departed. Manjusri ordered Ch'un T'i the servant boy to see him to the gate. When they got to the portals of the gate, Wu Cho asked the boy, "Before he said, 'In front three by three; in back, three by three'; how many is this?" The boy said, "O Worthy!" Wu Cho responded "Yes?" The boy said, "How many is this?" Wu Cho also asked, "What temple is this?" The boy pointed beyond the Vajrasattva; when Wu Cho turned his head, the illusory temple and the boy had vanished completely out of sight: it was just an empty valley. Later that place was called the Vajra or Adamantine Cave. Later on a monk asked Feng Hsueh, "What is the Master of Ch'ing Liang Mountain?" Hsueh said, "One phrase did not settle Wu Cho's question; to this very day he is still a monk who sleeps in the fields." If you want to penetrate the peaceful equanimity of actual truth, so that your feet tread upon the real earth, go to Wu Cho's words to get attainment; then naturally though you stay in a cauldron of hot water or the embers of a stove, still you would not feel hot, and though you stay on cold ice, neither would you feel cold. If you want to go through to use the solitary peril, the steep and sharp, like the Jewel Sword of Diamond King, go to Manjusri's words to get attainment; then naturally water poured will not wet, and wind blowing cannot enter. Have you not seen how Ti Tsang of Cheng Chou asked a monk, "Where have you just come from?" The monk said, "The South." Ti Tsang said, "How is Buddhism there?" The monk said, "There is

much deliberation." Ti Tsang said, "How can that compare with us here plowing fields and having a lot of rice to eat?" Now tell me, is this the same as Manjusri's answer, or is it different? Some say that Wu Cho's answers were wrong, while in Manjusri's answers there is both snake and dragon, there is both the ordinary and the sage. What bearing does this have on it? Can you clearly discern three by three in front, three by three in back? The first arrow will still light; the second arrow went deep. Now tell me, how many is this? If you can pass through here, then a thousand phrases, ten thousand phrases, are only one phrase. If at this one phrase you can cut off and hold still, in the next moment you will reach this realm.

## *(II) Zen Master Nan-T'a Kuang-Yung*

We do not have detailed documents on Zen Master Kuang-Yong; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume XII: Zen Master Nan-Ta-Kuang-Yong was born in 850 in Feng-Cheng (still called Feng-cheng and located in modern Jiang-Xi Province). He was clever, mastering the Confucian classics at the age of thirteen. He was a disciple of Yang-Shan-Hui-Chi, and master of Pa-Chiao-Hui-Ch'ing. At the age of nineteen, he underwent ordination and then went to study Zen under the great teacher Linji Yi-hsuan. Linji later directed him back to Yangshan, and he went on to become Yangshan's attendant, student, and eventual Dharma heir.

When Kuang-Yong return from a trip to visit Lin-Ji, Yang-Shan said: "Why have you come?" Kuang-Yong said: "To pay respects to the master." Yang-Shan said: "Do you still see me?" Kuang-Yong said: "Yes." Yang-Shan said: "When I observe the master, you don't look like a Buddha." Yang-Shan said: "If I don't look like a Buddha, then what do I look like?" Kuang-Yong said: "If I must compare you to something, then how do you differ from a donkey?" Yang-Shan cried out excitedly: "He's forgotten both ordinary and sacred! The passions are exhausted and the body is revealed. For twenty years I've tested them in this way and no one has gotten it. Now this disciple has done

it!" Yang-Shan would always point Kuang-Yong and say to people: "This disciple is a living Buddha."

A monk asked Zen master Kuang-Yong: "Manjushri was the teacher of seven Buddhas. Did Manjushri have a teacher or not?" Kuang-Yong said: "Manjushri was subject to conditions, and therefore had a teacher." The monk said: "Who was manjushri' teacher?" Kuang-Yong help up his whisk. The monk said: "Is that all?" Kuang-Yong put down the whisk and clasped his hands.

A monk asked: "What is a sentence of mystic function?" Kuang-Yong said: "The water comes and the ditch fills up." The monk asked: "Where does the real Buddha reside?" Kuang-Yong said: "It doesn't appear in words, nor anywhere else, either." He passed away in 938.

### *(III) Zen Master Hsi-T'a Kuang-Mu*

We do not have detailed documents on Zen Master Xi-ta Kuang-mu; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XII: Zen Master Xi-ta Guang-mu was a disciple of Yang-Shan-Hui-Chi. He lived and taught Zen on Mt. Yang. The followings are some brief accounts of Kuang-mu's teachings in the Ch'uan-Teng-Lu.

One day, a monk asked, "What is upright listening?" Kuang-mu said, "It doesn't enter through your ear." The monk said, "How can that be?" Kuang-mu said, "Do you hear it?"

A monk asked, "Is the meaning of the ancestors the same as the meaning of the scriptural teaching or not?" Kuang-mu said, "Putting aside 'same' or 'different,' can you say what it is that goes in and out of the mouth of a water pitcher?"

A monk asked, "What essential meaning of Zen?" Kuang-mu replied, "You don't have Buddha-nature." The monk said, "What is sudden enlightenment?" Kuang-mu drew a circle on the ground for the monk to see. The monk asked, "What is gradual enlightenment?" Kuang-mu poked the middle of the empty space three times with his hand.

#### *(IV) Zen Master Hang-Chou-Wen-Hsi*

Hang Chou Wen Hsi, name of a Chinese Zen master, a disciple of Zen master Yang-Shan-Hui-Ji in the tenth century. A monk came to ask Hang-chou, "What is the self?" Bút Hang-chou remained silent. As the monk did not know what to make of it, he asked again, to which the master replied, "When the sky is clouded, the moon cannot shine out." The "silence" of Hang-chou is one of the popularly skilful means that Zen masters use to help their disciples. Surely, we still remember Vimalakirti's silence in the story of Manjusri and Vimalakirti. Vimalakirti was silent when Manjusri asked him as to the doctrine of non-duality, and his silence was later commented upon by a master as "deafening like thunder." Later, a monk asked Ts'ao-shan, "How is the silence inexpressible to be revealed?" Ts'ao-shan said, "I do not reveal it here." The monk asked, "Where would you reveal it?" Ts'ao-shan said, "At midnight, I lost three pennies by my bed." Sometimes the masters sit quiet, "for some little while", either in response to a question or when in the pulpit (preaching). This sitting quiet, "for some little while" does not always merely indicate the passage of time, but it also serves as a test to see if the disciple is still consciously using the ordinary seeing and hearing.

***Chương Mười Chín***  
***Chapter Nineteen***

***Quy Ngưỡng Tông Đồi Thứ Tư***  
***(A) Nối Pháp Thiên Sư Quang Dũng***

***(I) Thiên Sư Huệ Thanh Ba Tiêu***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Ba Tiêu Huệ Thanh; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XII: Thiên Sư Huệ Thanh, gốc người Đại Hàn, là đệ tử của Thiên Sư Quang Dũng Nam Thập, và là thầy của Hưng Dương Thanh Nhượng. Ba Tiêu còn là một thi hào lãng du, một người yêu thiên nhiên vô cùng đắm đuối. Cuộc đời ông trôi theo cuộc lữ hành từ cực Bắc đến cực Nam của Nhật Bản. Trong thời đại của thiên sư Ba Tiêu, đời sống rất đơn giản, một cái nón tre, một cây gậy trúc và một cái túi vải có thể đủ cho nhà thơ lang thang đây đó, dừng lại chốc lát nơi một cô thôn để khơi dậy tâm tình lãng mạn, thưởng thức tất cả những vẻ đẹp thanh tịnh của thiên nhiên. Chúng ta gặp tên của ông trong thí dụ thứ 44 của Vô Môn Quan.

Vào tuổi 28, Ba Tiêu đến núi Ngưỡng và bắt đầu học Thiên với Thiên sư Nam Thập Quang Dũng. Một hôm, Nam Thập bảo chúng: "Hết thầy mấy ông, nếu can đảm, hãy ra khỏi thai tạng và rống lên như sư tử hồng di!" Ngay những lời này, Ba Tiêu đạt ngộ.

Lúc thiên sư Ba Tiêu Huệ Thanh đang còn học Thiên với ngài Phật Đỉnh, ngày nọ, Phật Đỉnh đến thăm Ba Tiêu và hỏi: "Lúc này con ra sao rồi?" Ba Tiêu đáp: "Sau cơn mưa vừa qua, rong rêu xanh hơn trước." Phật Đỉnh lại hỏi: "Vậy chứ trước khi rêu xanh thì Phật pháp là gì?" Ba Tiêu trả lời: "Con ếch nhảy vào nước, hãy nghe tiếng động kia!" Nhờ được thầy mình hỏi về chân lý rốt ráo của mọi vật trước khi có thế giới sai biệt này, đã thấy con ếch nhảy xuống giếng cạn, tiếng động rung lên giữa một vùng tĩnh lặng, từ đó bắt được mạch nguồn của đời sống, và thiên sư Ba Tiêu ngộ đó ngắm nhìn cõi lòng mình đang xuôi theo dòng sinh hóa triển miên của thế giới. Bài thơ sau đây cho chúng ta thấy Ba Tiêu quả là một nhà thơ của Vĩnh Tịch:

"Một cành cây trụ lá  
 Một con quạ đậu trên cành  
 Chiều thu sang."

Sư thượng đường cầm gậy đưa lên bảo chúng: "Các ông có cây gậy thì ta cho các ông cây gậy, các ông không có cây gậy thì ta cướp cây gậy các ông." Sư chống gậy đứng, rồi bước xuống tòa. Đây là một trong những công án thuộc loại giải minh chân lý Thiền bằng những lập trường phủ nhận, hư hóa hay phế bỏ. Với loại công án này, chúng ta thường cáo buộc các Thiền sư là phủ nhận. Nhưng kỳ thật họ chẳng phủ nhận gì cả, những gì họ đã làm chỉ nhằm để vạch rõ ra các ảo tưởng của chúng ta cho vô hữu là hữu, hữu là vô hữu, vân vân. Thật không có giáo thuyết nào chửi tai như Thiền! Duy Ma Cật, con người im lặng như sấm sét, lại tâm sự rằng ông bệnh vì chúng sanh bệnh. Quả thật tất cả những tâm hồn chí thánh chí thiện đều thân thiết mang trong người cái đại nghịch lý của vũ trụ này. Thật vậy, trong cách nói nghịch, Thiền dám cụ thể một cách táo bạo hơn những giáo thuyết huyền học khác, vì Thiền mang luôn cái điên đảo thị phi vào cả trong tình tiết của cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Thiền không ngại ngừng chối bỏ tất cả những gì thân thiết nhất trong kinh nghiệm của chúng ta. "Tôi đang viết đây mà chưa hề viết một chữ; có lẽ ông đang đọc đấy, nhưng trong đời không có ai đọc hết. Tôi điếc tôi mù, nhưng tôi thấy đủ thứ sắc màu, phân biệt đủ tiếng động." Cứ thế mà các thiền sư tiếp tục mãi không dứt.

Một hôm, Sư thượng đường bảo chúng: "Có lãnh hội không? Những ai lãnh hội thì hiểm lắm vậy. Cẩn trọng!" Hôm khác, Sư thị chúng: "Giống như có người đang du hành trên đường, bất thành linh gặp phải tình huống này: 'Phía trước là hố sâu vạn trượng, và hơn thế nữa, phía sau là đám lửa hoang đang đuổi tới. Hai bên lại là chông gai lùm bụi.' Con đường duy nhất là chạy về phía trước thì rơi xuống hố, nếu lui lại thì gặp lửa cháy đốt mình. Chông gai lùm bụi làm cản ngại cả hai bên. Chính ngay lúc ấy, làm thế nào để thoát được tai họa? Nếu muốn tránh được thì phải có con đường tháo thân, nếu như tránh không được thì phải đọa thân, táng mạng (tình huống bức bách kẻ học ập đến như chỉ mảnh treo chuông, bờ sanh tử cách nhau sợi tóc, mãnh nhiên kinh tởm và lãnh ngộ, đó là con đường tháo thân)."

Một hôm, có vị Tăng hỏi: "Dấu thân trong sao Bắc Đẩu, ý chỉ thế nào?" Ba Tiêu đáp: "Chín lần chín tám mươi mốt." Sư lại hỏi: "Có lãnh



hội không?" Vị Tăng nói: "Không lãnh hội." Ba Tiêu nói: "Một, hai, ba, bốn, năm."

Hôm khác, có một vị Tăng hỏi: "Cái gì là một câu xuyên thấu pháp thân?" Ba Tiêu nói: "Đệ nhất lý không thể hỏi được. Đệ nhị lý thì không dứt." Vị Tăng nói: "Con không lãnh hội." Ba Tiêu nói: "Ông vượt qua khỏi đệ tam lý đi rồi lão Tăng sẽ chỉ cho ông!"

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là nước Ba Tiêu (cây chuối)?" Sư đáp: "Mùa đông ấm mùa hạ mát." Tăng hỏi: "Thế nào là kiếm thổi lông (kiếm bén thổi sợi lông qua liền dứt)?" Sư đáp: "Tiến ba bước." Vị Tăng hỏi: "Để làm gì?" Sư đáp: "Lùi ba bước." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là Hòa Thượng một câu vì người?" Sư đáp: "Chỉ e Xà Lê chẳng hỏi."

Có vị Tăng hỏi: "Giặc đến cần đánh, khách đến cần xem, chột gặp khách giặc đồng thời đến thì làm sao?" Sư bảo: "Trong thất có một đôi giày cỏ rách." Vị Tăng nói: "Chỉ như đôi giày cỏ rách lại kham thọ dụng chăng?" Sư nói: "Ông nếu đem đi, trước hung sau chẳng kiết."

Có vị Tăng hỏi: "Chẳng hỏi hai đầu ba cổ, thỉnh thầy chỉ thẳng bản lai diện mục (chỉ cho thấy cái "Bản lai diện mục", trực tiếp, đừng qua ngôn từ suy lường)." Huệ Thanh tiếp tục ngồi trên tọa cụ, im lìm chẳng nói. Cái "im lặng" của Huệ Thanh là một trong những phương tiện thiện xảo khá thông dụng mà các thiền sư thường dùng để giúp đỡ đệ của mình. Chắc hẳn chúng ta còn nhớ ngày trước khi Bồ Tát Văn Thù hỏi cư sĩ Duy Ma Cật về "pháp bất nhị", Duy Ma Cật im lặng không nói. Người đời sau ca tụng thái độ ấy của Duy Ma Cật là sự "im lặng sấm sét" (mặc như lôi). Lắm lúc các vị thiền sư ngồi im lặng một lúc lâu, gọi là "Lương cứu", hoặc để đáp lại một câu hỏi, hoặc khi thượng đường thuyết pháp. Cái "lương cứu" này không cốt chỉ về thời gian trôi qua, mà còn để thử xem đệ tử còn dùng cái nghe thấy của tình thức hay không.

## ***(B) Nói Pháp Thiền Sư Tây Tháp Quang Mục***

### ***(I) Thiền Sư Từ Phước Như Bảo***

Như Bảo là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào giữa thế kỷ thứ chín và thứ mười. Bên cạnh những tài liệu chi tiết về Thiền sư Từ Phước Như Bảo trong Bích Nham Lục, thí dụ thứ 33 và 91. Trong cả hai thí dụ, ông dùng một trong những tượng trưng để thể hiện kinh nghiệm

của mình về chân lý sống động. Còn có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XII: Thiền sư Từ Phước Như Bảo thuộc tông Quy Ngưỡng. Ông là đệ tử nối pháp của Thiền sư Tây Tháp Quang Mục, và cũng là cháu nội truyền thừa pháp của thiền sư Ngưỡng Sơn Huệ Tịch. Người ta không biết nhiều về Từ Phước, nhưng vẫn xem ông là một thiền sư xuất sắc, vì ông thuộc vào những bậc thầy hiếm hoi của phái Quy Ngưỡng đã từng học cách dùng 97 biểu tượng vào một vòng tròn. Ông trụ và dạy Thiền ở chùa Từ Phước trong vùng Cát Châu.

Một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là câu ứng cơ?" Từ Phước lặng thinh. Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là huyền chỉ?" Từ Phước nói: "Ông đóng cửa giùm lão Tăng!"

Hôm khác, có một vị Tăng hỏi: "Lỗ Tổ nhìn vách, là ý làm sao?" Từ Phước nói: "Ông ấy không có liên hệ gì hết." Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là chân nhãn siêu việt?" Từ Phước đấm ngực nói: "Ồi trời ơi! Ối trời ơi!" Vị Tăng nói: "Có vấn đề với câu hỏi của con à?" Từ Phước nói: "Khổ!"

Có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là sự nhận thẳng từ một hạt vi trần?" Từ Phước làm ra vẻ như đi vào thâm định. Vị Tăng hỏi: "Thế nào là sự khởi định của tất cả các vi trần?" Từ Phước nói: "Ông đang hỏi ai câu hỏi này vậy?"

Có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là chỗ cấp thiết của nạp Tăng?" Từ Phước nói: "Đừng vượt qua khỏi cái này." Vị Tăng hỏi: "Thỉnh Sư nói giùm cái gì trước câu hỏi của kẻ học này." Từ Phước nói: "Ồi!"

Một hôm, Thiền sư Từ Phước đưa tám bồ đoàn lên thị chúng rằng: "Chư Phật, Bồ Tát cùng các bậc Thánh nhân nhập lý đều từ nơi này mà ra." Nói xong Sư ném bồ đoàn xuống, vạch ngực ra và nói: "Mấy ông nói thế nào?" Đại chúng không lời đối đáp.

Có một vị Tăng hỏi: "Từ khi kẻ học này vào tùng lâm đến nay, mùa an cư kiết hạ sắp chấm dứt mà vẫn chưa nhận được sự chỉ giáo của Hòa Thượng, mong Hòa Thượng cứu giúp cho những cố gắng của con!" Từ Phước đẩy vị Tăng ra và nói: "Từ khi lão Tăng trụ trì đến nay, lão Tăng chưa từng làm mù mắt một Tăng nhân nào cả!"

Một hôm, Thiền sư Từ Phước ngồi lặng thinh một hồi lâu, đoạn nhìn trước nhìn sau vào chúng hội và nói: "Có lãnh hội không?" Tăng chúng đáp: "Không lãnh hội." Từ Phước nói: "Nếu mấy ông không lãnh hội, tức là lão Tăng này đã đối gạt mấy ông rồi."

Một hôm, Thiền sư Từ Phước đội tấm bồ đoàn lên đầu rồi nói: "Khi mấy ông như vậy, thì thật là khó cho chúng ta nói chuyện với nhau." Chúng Tăng im lặng. Từ Phước đặt tấm bồ đoàn xuống và ngồi lên rồi nói: "Như vậy thì khá hơn."

Chúng ta cũng gặp tên của ông trong những thí dụ 33 và 91 của Bích Nham Lục. Trong mỗi thí dụ này, Từ Phước dùng một trong những biểu tượng để thể hiện kinh nghiệm của mình về chân lý sống động.

## ***The Fourth Generation of the Kuei-yang Tsung*** **(A) *Zen Master Nan-T'a Kuang-Yung's Dharma Heirs***

### **(I) *Zen Master Hui-Ch'ing Pa Chiao***

We do not have detailed documents on Zen Master Hui-Qing-Ba-Jiao; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XII: Zen master Hui-Qing-Ba-Jiao came from Korea, was a disciple of Kuang-Yong-Nan-T'a, and the master of Hsiang-yang Ch'ing-jang. Ba-jiao was also a great travelling poet, a most passionate lover of nature. His life was spent in travelling from one end of Japan to another. In Ba-jiao's day, life was so simple, one bamboo hat, on cane stick, and one cotton bag were perhaps enough for the poet to wander about with, stopping for a while in any solitary hamlet which struck his fancy and enjoying the serene beauty of nature. We encounter his name in example 44 of the Wu-Men-Kuan.

At the age of twenty-eight, Ba-Jiao arrived at Mt. Yang and began studying with Nanta. One day Nanta said to the assembled monks. "All of you, if you are brave, come out from the womb and roar like a lion!" At these words, Ba-Jiao gained enlightenment.

When Hui-Qing-Ba-Jiao was still studying Zen under his master Fo-ting, the latter one day came to visit him and asked, "How are you getting along these days?" Ba-Jiao said, "After a recent rain the moss has grown greener than ever." Fo-ting asked, "What Buddhism is there prior to the greenness of moss?" Ba-Jiao said, "A frog jumps into the water, hear the sound!" Owing to the opportunity of being questioned

by the master about the ultimate truth of things which existed even prior to this world of particulars, saw a frog leaping into an old pond, its sound making a break into the serenity of the whole situation, the source of life has been grasped and Ba-Jiao, sitting there watches every mood of his mind as it comes in contact with a world of constant becoming. The below poem shows us that Ba-jiao was really a poet of Eternal Loneliness:

"A branch shorn of leaves,  
A crow perching on it.  
This autumn eve."

Zen master Hui-Qing-Ba-Jiao entered hall and held up his staff and said to the monks: "If you have a staff, I give you a staff. If you don't have a staff, then I take it away from you." Then, using his staff for support, he got down and left the hall. This is one of the koans that illustrates Zen-truth through a negating approach with nullifying or abrogating expressions. With this type of koan, we usually accuse the Zen masters of being negatory. But in fact, they did not negate anything. What they have done is to point out our delusions in thinking of the non-existent as existent, and the existent as non-existent, and so on. What a shocking doctrine this Zen is! The silent thundering Vimalakirti confessed that he was sick because all his fellow-beings were sick. All wise and loving souls must be said to be embodiment of the Great Paradox of the universe. In fact, Zen is more daring concrete in its paradoxes than other mystical teachings, for Zen carries its paradoxical assertions into every detail of our daily life. It has no hesitation in flatly denying all our most familiar facts of experience. "I am writing here and yet I have not written a word. You are perhaps reading this now and yet there is not a person in the world who reads. I am utterly blind and deaf, but every color is recognized and every sound discerned." The Zen masters will go on like this indefinitely.

"Do you understand? Those who know are few. Take care!" Another day, Ba-Jiao addressed the monks, saying, "It's like a person who's traveling who suddenly encounters a ten-thousand-fathom-deep hole, and moreover, behind him a wildfire is pursuing him. On both sides are forests of thistles. The only way forward is into the hole, and going back means getting burned by the fire. Thistles obstruct both sides. How can a person get out of such a situation? If someone can get

out of this, then he is in accord with the transcendent path. If he can't escape then he's lost!"

One day, a monk asked, "What is the meaning of 'concealing the body in the Big Dipper'?" Ba-Jiao said: "Nine, nine, eight, eight, ten, one." Then Ba-Jiao said: "Do you understand?" The monk said, "I don't understand." Ba-Jiao said: "One, two, three, four, five."

Another day, a monk asked, "What is a phrase that penetrates the dharmakaya?" Ba-Jiao said, "The first principle cannot be queried. The second principle does not cease." The monk said, "I don't understand." Ba-Jiao said, "Get past the third principle, then I'll show you!"

A monk asked Hui-Qing: "What is banana juice?" (Ba-Jiao translates as 'banana'). Ba-Jiao said: "Winter warm, summer cool." A monk asked: "What is the blown feather sword?" Hui-Qing-Ba-Jiao said: "Come forward three steps." The monk said: "What for?" Hui-Qing-Ba-Jiao said: "Go back three steps." The monk asked, "What phrase does the master have for people?" Ba-Jiao said: "I'm just afraid you won't ask."

A monk asked: "Isn't it that when a thief comes you must beat him, when a guest comes you must greet him? So what do you do when a thief and guest both arrive?" Hui-Qing-Ba-Jiao said: "In the room there are a pair of worn-out grass sandals." The monk said: "If the sandals are worn-out, do they have any use or not?" Hui-Qing-Ba-Jiao said: "If you use them, then wherever you go, before you unlucky, behind you misfortune."

A monk asked Hui-Qing to show him the "original face" without the aid of any intermediary conception (without asking about principles or points of discussion, I invite the master to point directly at the original face). Hui-Qing kept sitting and remained silent (sat upright, silently). The "silence" of Hui-Qing-Ba-Jiao is one of the popularly skilful means that Zen masters use to help their disciples. Surely, we still remember Vimalakirti's silence in the story of Manjusri and Vimalakirti. Vimalakirti was silent when Manjusri asked him as to the doctrine of non-duality, and his silence was later commented upon by a master as "deafening like thunder." Sometimes the masters sit quiet, "for some little while", either in response to a question or when in the pulpit (preaching). This sitting quiet, "for some little while" does not always merely indicate the passage of time, but it also serves as a test

to see if the disciple is still consciously using the ordinary seeing and hearing. The "silence" of Hui-Qing-Ba-Jiao is one of the popularly skilful means that Zen masters use to help their disciples. Surely, we still remember Vimalakirti's silence in the story of Manjusri and Vimalakirti. Vimalakirti was silent when Manjusri asked him as to the doctrine of non-duality, and his silence was later commented upon by a master as "deafening like thunder." Sometimes the masters sit quiet, "for some little while", either in response to a question or when in the pulpit (preaching). This sitting quiet, "for some little while" does not always merely indicate the passage of time, but it also serves as a test to see if the disciple is still consciously using the ordinary seeing and hearing.

***(B) Zen Master Hsi-T'a  
Kuang-Mu's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Tzu-Fu Ju-Pao***

Zen Master Tzu Fu Rubao, name of a Chinese Zen monk in between the ninth and the tenth century. Besides some detailed documents on this Zen Master in examples 33 and 91 of the Pi-Yen-Lu. In both examples he makes use of one of the circle symbols as a means to express his realization of living truth. There is also some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XII: Zen Master Tzu Fu Rubao was a Chinese Zen master in the 9th-10th century of the Igyo School. He was a dharma heir of Zen master Hsi-t'a Kuang-mu, and a grandson dharma of Yang-shan Hui-chi. Very little is known of Tzu-fu. Nonetheless he must have been an outstanding master, since he was one of the few masters within the Igyo School selected to be initiated into the use of the ninety-seven circle symbols. He lived and taught Zen at Tzu-fu Temple in Jizhou.

One day, a monk asked, "What is the phrase that is in accordance with the great function?" Tzu Fu was silent. The monk asked, "What is the essential mystery?" Tzu Fu said, "Close the door for me!"

Another day, a monk asked Tzu Fu, "Luzu faced the wall. What is the meaning?" Tzu Fu said, "He never got involved." The monk asked, "What is the true transcendental eye?" Tzu Fu beat his chest and said, "Blue heaven! Blue heaven!" The monk asked, "What problem is there with my question?" Tzu Fu said, "Misery!"

A monk asked, "What is the upright receipt of a single mote of dust?" Tzu Fu appeared to enter a deep samadhi. The monk asked, "What is the arising samadhi of all dust?" Tzu Fu said, "Of whom are you asking this question?"

A monk asked, "What is the ultimate condition of a patch-robed monk?" Tzu Fu said, "Don't go beyond this." The monk asked, "Please, Master, speak of what before a monk's question." Tzu Fu exclaimed, "Ai!"

A monk asked, "What is the style of the master's house?" Tzu Fu said, "After the rice, three cups of tea."

One day, Zen master Tzu Fu held up a meditation cushion and said, "All Buddhas, Bodhisattvas, and saints who attained the Way come forth from this." Then Tzu Fu threw it down, open his robe at his chest and said, "What do you say?" The monks were speechless.

A monk asked, "Since I've arrived here, the summer practice period has nearly passed and I haven't received instruction from you. I want you to support my efforts." Tzu Fu gave the monk a push and said, "Since I became abbot here, I've never blinded a monk's eye!"

Once, the master sat for a long time in silence, then he looked back and forth at the monks and said, "Understand?" The monks answered, "We don't understand." Tzu Fu said, "If you don't understand then I've deceived you."

One day Tzu Fu placed a meditation cushion on his head and said, "When you are like this, then it's difficult for us to speak to each other." The monks were silent. Tzu Fu then sat on the cushion and said, "This is better."

We also encounter Tzu-fu in examples 33 and 91 of the Pi-Yen-Lu. In both examples he makes use of one of the circle symbols as a means to express his realization of living truth.





**Chương Hai Mươi**  
**Chapter Twenty**

**Quy Ngưỡng Tông Đồi Thứ Năm**  
**Nói Pháp Thiền Sư Huệ Thanh Ba Tiêu**

**(I) Thiền Sư Hưng Dương Thanh Nhượng**

Chúng ta gặp tên Hưng Dương Thanh Nhượng Thiền Sư trong thí dụ thứ 9 của Vô Môn Quan. Ngoài ra, còn có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục: Thiền sư Hưng Dương Thanh Nhượng thuộc phái Quy Ngưỡng, môn đồ và người nối pháp của thiền sư Ba Tiêu Huệ Thanh. Ông sống và dạy Thiền trên Cảnh Sơn, nay thuộc tỉnh Hồ Bắc. Ông nổi tiếng vào giữa thế kỷ thứ X và XI. Mặc dầu có ít ghi chép về ông, nhưng ông nổi tiếng là một trong những vị thầy cuối cùng của tông Qui Ngưỡng. Sau ông thì tông Qui Ngưỡng không hiện hữu nữa, và một phần của tông này nhập vào truyền thống Lâm Tế.

Một vị Tăng hỏi Thiền sư Hưng Dương: "Trước sự xuất hiện của Pháp, khi Vô Thượng Tuệ Vô Thượng Thông Đạt Phật tọa thiền mười kiếp trước khi thành Phật thì thế nào?" Hưng Dương nói: "Câu hỏi của ông thật sự trúng điểm đấy." Vị Tăng lại nói: "Vì ông ta ngồi trong tư thế tọa thiền, thì tại sao ông ấy không đạt thành Phật đạo chứ?" Hưng Dương nói: "Vì ông ấy đã không thành Phật."

Một hôm một ông Tăng hỏi Hòa Thượng Hưng Dương Thanh Nhượng: "Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi tu mười kiếp ở đạo tràng, Phật pháp không hiển hiện, không thành được Phật đạo, thế nghĩa là sao?" Hòa Thượng nói: "Hỏi thật hay!" Ông Tăng lại nói: "Đã ngồi tu ở đạo tràng, sao lại không thành được Phật đạo?" Hòa Thượng đáp: "Vì ông ấy không thành Phật." Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, rõ ràng Hòa Thượng Hưng Dương Thanh Nhượng chuẩn thuận sự chứng nghiệm của Lão Hồ, nhưng không chuẩn thuận cái hiểu biết của Lão Hồ. Hành giả tu thiền nên luôn nhớ rằng kẻ phàm phu mà biết thì đó là Thánh nhân, Thánh nhân mà hiểu, đó là phàm phu vậy.

***The Fifth Generation of the Kuei-yang Tsung  
Zen Master Hui-ch'ing Pa-chiao's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Hsing Yang Ch'ing-Jang***

We encounter Master Hsing-yang in example 9 of the Wu-Men-Kuan. Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu): Zen master Hsing-yang Ch'ing-jang was a student and dharma successor of Pa-chiao Hui-ch'ing of the Kuei-Yang Sect. He lived and taught Zen on Mount Jing in modern Hubei Province. He flourished in the 10th and 11th century. Although little is recorded about this teacher, he is notable as one of the last masters of the Kuei-Yang school. After him, the school passed out of existence, and it was partially absorbed by the Linji tradition.

A monk asked Zen master Hsing-yang Ch'ing-jang, "How was it in the time before the appearance of the Buddhadharma, when the Buddha of Supreme Wisdom and Penetration sat in meditation for ten kalpas before becoming a Buddha?" Hsing-yang said, "Your question truly hits the mark." The monk said, "Since he sat in the seat of meditation, why didn't he attain the Buddha way?" Hsing-yang said, "Because he had not become a Buddha."

One day a monk asked Hsing-yang, "The Buddha of Supremely Pervading, Surpassing Wisdom did sitting meditation on the Bodhi Seat for ten kalpas, but the Dharma of the Buddha did not manifest itself and he could not attain Buddhahood. Why was this?" Hsing-yang said, "Your question is exactly to the point." The monk said, "But he did sitting meditation on the Bodhi Seat; why couldn't he attain Buddhahood?" Hsing-yang said, "Because he is a nonattained Buddha." According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, it is obviously that Hsing-yang approves the Old Barbarian's realization, but does not approve his understanding. Zen practitioners should always remember that if an ordinary person realizes, he or she is thus a sage. If a sage understands, he or she is thus an ordinary person.

***Phần Bốn***  
***Sơ Lược Về Thiền Tông***  
***Tào Động Trung Hoa***

***Part Four***  
***Summaries of the Chinese***  
***Ts'ao Tung Zen School***



## *Chương Hai Mươi Một*

### *Chapter Twenty-One*

#### *Những Vị Tổ Tiên Phong Của Thiền Phái Tào Động*

Theo lịch sử Thiền Tông Trung Hoa, trong sự phát triển của Ngũ Gia Thất Tông, 3 tông phái Tào Động, Vân Môn, và Pháp Nhãn, đi xuống từ dòng truyền thừa được truy nguyên ngược về Thanh **Nguyên Hành Tư và Thạch Đầu Hy Thiên**. Hai truyền thống kia: Lâm Tế và Quy Ngưỡng, được tiếp nối từ **Mã Tổ Đạo Nhất** và **Bách Trượng Hoài Hải**. Tông Lâm Tế về sau này lại sản sinh ra hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Khi mà hai phái sau này được thêm vào Ngũ Gia thì người ta gọi đó là Thất Tông.

#### *(I) Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên*

*Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Thạch Đầu Hy Thiên Thiền Sư (700-790:* Trong vòng năm mươi năm sau ngày Lục Tổ Huệ Năng thị tịch, Thiền đã được thiết lập một cách toàn vẹn ở Trung Hoa. Vào cuối thế kỷ thứ tám, hai vị Thiền sư đặc biệt được kính trọng. Một người là đệ tử của Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư là Thạch Đầu Hy Thiên. Người kia là đệ tử của Nam Nhạc Hoài Nhượng, là Mã Tổ Đạo Nhất. Vào thời của hai vị này, người ta nói rằng một vị hành giả không thể nào được xem như là một đệ tử nghiêm túc của nhà Thiền nếu người ấy không đến tham vấn một trong hai vị Thiền sư này. Thạch Đầu là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ tám. Ông sanh vào khoảng năm 700 sau Tây Lịch, quê ở làng Cao Yếu, quận Đoan Châu (bây giờ là phía Tây của Quảng Châu). Vào thời đó Cao Yếu là một khu vực hầy còn rất hoang dã. Lúc nhỏ, Sư được mô tả như là một cậu bé rộng lượng và có hạnh kiểm tốt, sáng trí và tự tin vượt ra ngoài số tuổi của mình. Ông họ Trần. Người ta kể lại khi thọ thai ông, mẹ ông tránh ăn thịt. Khi còn rất nhỏ mà sư đã không bao giờ làm phiền ai. Đến lúc lớn khôn, lúc nào sư cũng tự an ổn vui tươi, không khi nào tỏ

về không bằng lòng. Nơi ông ở dân chúng kinh sợ quỷ thần nên giết bò mua rượu tế lễ. Sư một mình đi vào rừng sâu, phá đàn và thả bò đi. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XIV: Năm lên 13 tuổi, Thạch Đầu đi đến Tào Khê, được Lục Tổ Huệ Năng thân nhận, nhưng chưa thọ cụ túc giới. Khi Lục Tổ thị tịch, Sư đến học Thiền với Thanh Nguyên Hành Tư và trở thành người nối pháp của Thiền sư Thanh Nguyên. Sư cũng là thầy của Dược Sơn Duy Nghiễm, Thiên Hoàng Đạo Ngộ và Đôn Hà Thiên Nhiên. Sư là nhân vật chính trong việc phát triển Thiền sơ kỳ. Ba trong số năm truyền phái truyền thống Thiền ở Trung Hoa đều có nguồn gốc từ những người nối pháp của Thiền sư Thạch Đầu.

Thạch Đầu là một trong những vị Tăng ở bên cạnh Lục Tổ trong những giờ phút cuối của ngài. Ngay lúc trước khi Lục Tổ thị tịch, Thạch Đầu hỏi: "Bạch Thầy, con phải làm gì đây?" Huệ Năng bảo: "Con nên đi đến chỗ của Hành Tư." Nhưng Thạch Đầu lại diễn dịch sai lời này với nghĩa là tầm Tư hay quán sát những tư tưởng trong lúc tu tập Thiền, một phương cách được một số thầy thời đó giảng dạy. Và để theo đúng cái mà mình hiểu về lời khuyên bảo của Huệ Năng, Thạch Đầu hết lòng tu tập tọa thiền, quán sát những tư tưởng khi chúng khởi lên và biến mất. Một ngày khi một vị đệ tử lớn tuổi của Huệ Năng hỏi Thạch Đầu tu tập thế nào. Thạch Đầu đáp: "Tôi tuân theo lời Tổ dạy; tôi quán sát sự khởi lên và biến mất của tư tưởng." Vị Tăng lớn tuổi nhẹ nhàng đề nghị rằng rất có thể Thạch Đầu đã hiểu sai Lục Tổ và bảo Thạch Đầu nên tìm đến người nối pháp của Lục Tổ là Thanh Nguyên Hành Tư. Sau khi nghe vị Tăng lớn tuổi giải thích, Sư đến học Thiền với Thanh Nguyên Hành Tư. Lúc đó Thiền sư Hành Tư có vài vị Tăng đang tu tập với mình, nhưng khi Thạch Đầu đến ra mắt, Hành Tư lưu ý: "Trong số đồ đệ của Lão Tăng, có nhiều loại trâu với hai sừng, nhưng chỉ cần một con kỳ lân một sừng làm được việc (dân địa phương tin rằng rằng sự xuất hiện của một con kỳ lân báo trước một điềm lành đặc biệt)."

Đệ tử của Hành Tư chẳng những tu tập Thiền mà còn phải học tập kinh điển cũng như những bộ luận từ Ấn Độ đã được phiên dịch sang tiếng Hoa. Thạch Đầu giác ngộ nhờ kết quả từ việc đọc một đoạn trong kinh: "Chỉ những ai nhìn thế gian theo cách tự thấy mình trong vạn hữu mới có thể được gọi là bậc Thánh." Nghe xong đoạn văn, trí óc Thạch

Đầu bất chợt lóe sáng và cho rằng câu này vẫn chưa đủ. Sư đập tay xuống bàn và kêu lên: "Chỉ có bậc Thánh mới không có tự ngã, vì mọi thứ khác đều có cái ngã riêng của chúng. Vậy thì ai có thể nói về ông và về tôi, về cái ngã của tôi và của người khác?"

Một hôm thiền sư Thanh Nguyên hỏi: "Có người nói Lãnh Nam có tin tức." Thạch Đầu thưa: "Có người không nói Lãnh Nam không có tin tức." Thanh Nguyên nói: "Nếu thế thì đại tạng tiểu tạng từ đâu mà ra?" Thạch Đầu thưa: "Thấy từ trong ấy, trọn không thiếu việc gì." Thanh Nguyên gật đầu chấp thuận câu trả lời này.

Đời Đường niên hiệu Thiên Bảo, sau khi Hành Tư công nhận Thạch Đầu là một trong những người nổi pháp, Sư đến Hoành Nhạc tại Nam TỰ, cạnh chùa về phía đông có gộp đá cao. Ông có tên Thạch Đầu (đầu hòn đá) do sự kiện ông sống trong một cái am mà ông tự xây trên một tảng đá lớn và phẳng đó. Vào năm 763, đệ tử thỉnh Sư xuống Lương Doan hoằng hóa. Từ đây hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu và hóa chủ Giang Tây là Mã Tổ.

Trong một trong những buổi pháp thoại, một người đệ tử, Thiên Hoành Đạo Ngộ, người mà về sau này cũng đạt được tiếng tăm của một bậc Thiền sư. Truyền thống Thiền đã bắt đầu chia ra làm một số trường phái khác nhau. Vì vậy một hôm Đạo Ngộ hỏi Thạch Đầu: "Ý chỉ Tào Khê người nào được?" Thạch Đầu nói: "Người hội được Phật pháp." Đạo Ngộ hỏi: "Thầy hội được không?" Thạch Đầu đáp: "Ta không hội Phật pháp." Đạo Ngộ hỏi: "Tại sao thầy hội không được?" Thạch Đầu đáp theo kiểu của Lục Tổ Huệ Năng: "Tại vì ta không hiểu Phật pháp."

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là giải thoát?" Câu trả lời của Thạch Đầu cũng giống như câu trả lời được Tổ Bồ Đề Đạt Ma đáp cho Huệ Khả: "Ai trói ông?" Vị Tăng đáp: "Không có ai cả." Thạch Đầu nói: "Trong trường hợp này thì tại sao ông lại cần giải thoát?" Vị Tăng khác lại hỏi: "Thế nào là Tịnh Độ?" Nên ghi nhận rằng Tịnh Độ là một cảnh trời nơi mà các Phật tử thuần thành hy vọng tái sinh vào. Đó là nơi thiếu vắng sự nhiễm ô; vì vậy mà Thạch Đầu đáp lại câu hỏi này bằng cách hỏi: "Cái gì làm dơ ông?" Lại một vị Tăng khác hỏi: "Thế nào là Niết Bàn?" Thạch Đầu đáp: "Ai đem sanh tử cho ông?"

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang?" Thạch Đầu đáp: "Hỏi cây cột cái đi." Vị Tăng nói: "Con không hội." Thạch Đầu nói: "Ta cũng chẳng hội." Bằng cách này, Sư đối đầu với nhiều giáo

thuyết Phật giáo truyền thống khác nhau, buộc đồ đệ của mình phải ngoảnh mặt quay lưng với sự suy nghĩ và tìm về bên trong chính họ để thấy được chân tánh của mình.

Sư hỏi vị Tăng mới đến: "Từ đâu đến?" Vị Tăng thưa: "Từ Giang Tây đến." Thạch Đầu hỏi: "Thấy Mã Đại Sư chăng?" Vị Tăng đáp: "Dạ thấy." Thạch Đầu bèn chỉ đồng củi và bảo: "Mã Đại Sư có giống cái đồng này không?" Vị Tăng không đáp được, trở về thuật lại cho Mã Tổ. Mã Tổ hỏi: "Ông thấy đồng củi ấy bao lớn?" Vị Tăng nói: "Đồng củi lớn hết kể." Mã Tổ nói: "Ông mạnh thiệt!" Vị Tăng hỏi: "Sao thầy nói vậy?" Mã Tổ đáp: "Ông mang một đồng bầy lớn đó từ núi Nam Nhạc tới chỗ Thạch Đầu. Có phải là cần nhiều sức mạnh lắm không?"

Đại Diện nói: "Người xưa nói, 'Nói và không nói' đều đáng chê. Xin thầy giải thích." Thạch Đầu đáp: "Một vật cũng không, ông nắm cái gì đây?" Thạch Đầu lại nói: "Nếu dẹp bỏ cổ họng, miệng, môi, ông còn nói được không?" Đại Diện thưa: "Đâu còn gì nữa!" Thạch Đầu bảo: "Như thế là ông đã vào được cửa rồi đó!"

Đạo Ngộ hỏi Thạch Đầu: "Thế nào là đại ý Phật pháp?" Thạch Đầu đáp: "Không đạt, không biết." Đạo Ngộ lại hỏi: "Bên ngoài chỗ này, có cái gì khác hay không?" Thạch Đầu đáp: "Hư không không ngăn ngại mây trắng bay." Đạo Ngộ lại hỏi: "Thế nào là Thiên?" Thạch Đầu đáp: "Một miếng ngói." Đạo Ngộ lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Thạch Đầu đáp: "Cây gỗ."

Một hôm, sư thượng đường dạy chúng: "Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiên định tinh tấn, chỉ đạt tri kiến Phật. 'Tức tâm tức Phật'. Tâm, Phật, chúng sanh, Bồ Đề, phiền não tên tuy khác mà thể vẫn đồng. Các ông nên biết, thể tâm linh của mình lia tánh đoạn và thường, không phải dơ sạch, lặng lẽ tròn đầy, phàm thánh ngang bằng nhau, ứng dụng không lường, lia tâm ý thức, ba cõi sáu đường chỉ do tâm mình hiện, như trăng đáy nước, như bóng trong gương, đâu có sanh diệt. Các ông khéo biết nó thì không gì mà chẳng đủ."

Ba trong số năm Thiên phái Trung Hoa ngày nay có nguồn gốc từ Thạch Đầu và những người kế tục ông. Giống như thầy Thanh Nguyên, cuộc đời của Thạch Đầu gần như không được nhiều người biết đến. Từ các bản văn xưa người ta thấy ông đã từng lãnh đạo một trung tâm Thiên nổi tiếng nằm trên núi Hành ở Hồ Nam. Đã có những trao đổi quan trọng giữa thiền viện của ông với một trung tâm thiền lớn khác



thời đó trong tỉnh Giang Tây do thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất lãnh đạo. Hai đại sư vui lòng cho đệ tử của mình qua lại giữa hai thiền viện, để họ có thể đi sâu vào thể nghiệm thiền của mình qua những 'Vấn Đáp' (mondo) hay 'Pháp Chiến' (hossen) với những thầy khác. Tuy nhiên, Mã Tổ cũng đã cảnh cáo các đệ tử của mình là đừng để bị 'mặt trơn của đỉnh núi đá' (Thạch Đầu) lôi cuốn. Điều này nói lên sự khâm phục của ông đối với sự thể nghiệm thiền mà ông 'không thể đạt tới được' của thiền sư Thạch Đầu. Trong Biên Niên Sử Phật Giáo đời Đường, có thể đọc thấy: "Ở phía tây con sông có Mã Tổ, ở phía nam hồ có thầy Thạch Đầu. Hai người đi lại với nhau; ai không gặp họ, sẽ bị ngu dốt." Ba trong năm nhà của Thiền là hậu duệ của Thạch Đầu.

Ông tịch vào năm 790 sau Tây Lịch. Ông nhận thụy hiệu là "Vô Tế Đại Sư."

***Những Công Án Liên Quan Đến Thạch Đầu Hy Thiền Thiền Sư:***

*Thạch Đầu Lộ Hoạt:* Khi Đặng Ấn Phong từ biệt Mã Tổ đi nơi khác. Mã Tổ hỏi: "Ông định đi đâu?" Ấn Phong thưa: "Đến chỗ Thạch Đầu." Mã Tổ nói: "Đường đến chỗ Thạch Đầu trơn trượt lắm đó!" Ấn Phong nói: "Con có cây gậy tùy thân. Khi nào gặp chuyện thì nó sẵn sàng." Ấn Phong vừa đi đến chỗ Thạch Đầu, đi nhiều giường thiền ba vòng, rồi nện mạnh cây tích xuống đất hỏi: "Ấy là tông chỉ gì?" Thạch Đầu nói: "Trời xanh! Trời xanh!" Ấn Phong không đáp được, quay về thưa lại với Mã Tổ. Mã Tổ bảo: "Ông nên đi lại bên ấy, đợi đến khi Thạch Đầu trả lời, thì ông gầm 'hừ' lên hai tiếng." Ấn Phong lại đi đến chỗ Thạch Đầu và làm như trước. Thạch Đầu bèn gầm 'hừ' lên hai tiếng. Ấn Phong không đáp được, lại quay trở về báo với Mã Tổ. Mã Tổ bảo: "Ta đã nói với ông là 'đường Thạch Đầu trơn trượt lắm kia mà!'" Đây là loại công án ở mức độ nào đó khó hiểu và khó giải thích. Những Thiền Tăng mô tả loại công án này như là loại "bất khả thể nhập," giống như "những rặng núi bạc và những bức tường sắt." Nói đúng ra, loại này chỉ có thể được hiểu bởi những hành giả có trình độ cao mà trực giác sâu xa của họ tương xứng với trực giác của những người đề ra công án, như thế họ mới có thể nhận thức được trực tiếp và rõ ràng ý nghĩa của công án mà không cần phải nhờ đến phỏng đoán hay phân tích. Nếu hành giả sẵn sàng không sợ hiểu lầm thì những công án loại này có thể không phải là tuyệt đối không thể hiểu hoặc không thể giải thích được, nhưng đây không phải là điều mong muốn của nhiều hành giả tu Thiền.

*Thạch Đầu: Yếu Chỉ Phật Pháp:* Thạch Đầu Hy Thiên là một trong những đại sư của Thiền tông Trung Hoa trong giai đoạn Thiền tông đang phát triển rực rỡ vào thế kỷ thứ VIII. Một hôm Thiền Hoàng Đạo ngộ, một đệ tử của ngài, hỏi: "Yếu chỉ của Phật pháp là gì?" Thạch Đầu Hy Thiên đáp: "Không được, không biết." Đạo Ngộ nói: "Xin thầy dạy rõ hơn." Thạch Đầu Hy Thiên nói: "Bầu trời rộng mở không ngăn trở những đám mây trắng bồng bênh."

*Hy Thiên Tham Đồng Khế: Tổng Quan Về Tham Đồng Khế:* "Hòa hợp giữa sự khác nhau và sự giống nhau" hay sự đồng nhất giữa tương đối và tuyệt đối, hoặc "Tham Đồng Khế," được trước tác bởi Thiền sư Trung Hoa Thạch Đầu Hy Thiên. Sư sanh năm 700 sau tây lịch, đã tham vấn Lục Tổ Huệ Năng và Thanh Nguyên Hành Tư. Về sau Sư đến vùng Hoàn Nhạc tại Nam TỰ cất am tranh gần một đôi đá. Sư thường ngồi trên một mỏm đá lớn và bằng phẳng nên được gọi là Hòa Thượng Thạch Đầu. Sau nối pháp Thanh Nguyên Hành Tư, Hy Thiên là đệ tử nối pháp đời thứ hai của Lục Tổ Huệ Năng. Bài kệ "Tham Đồng Khế" được viết trước bài "Bảo Kính Tam Muội," một trước tác của đệ tử nối pháp đời thứ ba của Thiền sư Hy Thiên là Thiền sư Lương Giới Động Sơn. Cả hai bài này đã tạo thành giáo lý văn tự bí truyền của Thiền tông Tào Động Nhật Bản, được truyền từ đời này sang đời khác trong dòng Thiền Tào Động như những yếu tố quan trọng của việc truyền pháp. Do vậy, chúng là biểu hiện của tâm thức của một bậc giác ngộ. Cả hai đều bàn về năm mối quan hệ giữa cái tuyệt đối và cái tương đối. Sự nghiên cứu về năm mối quan hệ này từ lâu đã được xem như là một trong những nghiên cứu có ý nghĩa nhất trong hành trì Thiền. Bạch Ẩn Huệ Hạc, người đã hệ thống hóa các công án Thiền trong thế kỷ thứ XVIII, đã đưa nghiên cứu này gần cuối hệ thống công án của ông, như một công cụ đánh giá cơ bản về tham cứu công án. Trong "Tham Đồng Khế," từ "tham" nói về cảnh giới của những khác biệt, cái tương đối. Từ "đồng" có nghĩa là như nhau hoặc bằng nhau. "Khế" nghĩa là sự khế hợp, sự hợp nhất giữa cái giống nhau với cái khác biệt, và được liên hệ với hình ảnh bắt tay nhau. Khi chúng ta bắt tay nhau, các bàn tay là hai hay là một? Chúng không phải là hai mà cũng không phải là một. Do vậy, "khế" tức là sự hợp nhất cái tuyệt đối với cái tương đối như thể hai tay bắt nhau. "Tham Đồng Khế" là sự hòa hợp của cái tuyệt đối và cái tương đối, trong đó sự hòa hợp không có

nghĩa là tương tự theo nghĩa đen, mà thay vào đó nghĩa là cái đồng và cái khác là không phải một, mà cũng không phải hai.

*Nội Dung Tham Đồng Khế:* "Hòa hợp giữa sự khác nhau và sự giống nhau." Bài thơ của thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên vào thế kỷ thứ tám, trong đó tác giả ca ngợi trạng thái đại giác vượt lên tất cả các tính nhị nguyên. Chủ đề căn bản của bài thơ còn biểu đạt sự phù hợp giữa tương đối và tuyệt đối. Tham Đồng Khế luôn được dùng để tụng niệm trong các thiền viện, nhất là phái Tào Động. Dưới đây là toàn bộ nội dung của "Tham Đồng Khế," theo quyển "Chỉ Quán Đả Tọa" của Thiền sư Taizan Maezumi:

"Trúc độ Đại Tiên tâm  
 Đông Tây mật tương phú  
 Nhân căn hữu lợi độn  
 Đạo vô Nam Bắc Tổ.  
 Linh nguyên minh hạo khiết  
 Chi phái ám lưu chú  
 Chấp sự nguyên thị mê  
 Khế lý diệc phi ngộ.  
 Môn nhân nhất thiết cảnh  
 Hồi hử bất hồi hử  
 Hồi nhi cánh tương thiệp  
 Bất nhĩ ý vị trụ.  
 Sắc bản thù chất tượng  
 Thanh nguyên dị lạc khổ  
 Ám hiệp thượng trung ngôn  
 Minh minh thanh trước cú.  
 Tứ đại tánh tự phục  
 Như tử đắc kỳ mẫu  
 Hỏa nhiệt phong động dao  
 Thủy thấp địa kiên cố.  
 Nhãn sắc nhĩ âm thanh  
 Tị hương thiệt hàm thố  
 Nhiên y nhất nhất pháp  
 Y căn diệc phân bố.  
 Bản mạt tu quy tông  
 Tôn ty dụng kỳ ngữ  
 Đương minh trung hữu ám

Vật dĩ ám tương ngộ.  
 Đương ám trung hữu minh  
 Vật dĩ minh tương đối  
 Minh ám các tương đối  
 Thí như tiền hậu bộ.  
 Vạn vật tự hữu công  
 Đương ngôn dụng cập xứ  
 Sự tồn hàm cái hạp  
 Ly ứng tiền phong trụ.  
 Thừa ngôn tu hội tông  
 Vật tự lập quy cũ  
 Xúc mục bất hội đạo  
 Vận túc yên tri lộ.  
 Tiến bộ phi cận viễn  
 Mê cách sơn hà cố  
 Cẩn bạch tham huyền nhân  
 Quang âm mạc hư độ."  
 (Tâm Đại Tiên Tây Trúc,  
 Mật truyền Đông và Tây.  
 Căn tính có bốn lụt;  
 Đạo không Tổ Bắc Nam.  
 Nguồn linh sáng trong veo,  
 Chi phái thâm tuôn trào.  
 Chấp sự vốn mê muội,  
 Khế lý đã ngộ đầu.  
 Cửa cửa và mọi cảnh,  
 Giao hử không giao hử.  
 Giao hử dẫm lên nhau,  
 Chẳng thể, y chỗ đứng.  
 Sắc vốn khác tượng, chất;  
 Thanh cũng phi khổ lạc.  
 Ngâm hợp lời thượng, trung;  
 Sáng tỏ câu trong đục.  
 Hoàn nguyên tính bốn đại,  
 Như con tìm được mẹ.  
 Lửa nóng, gió động lay;  
 Nước ướt, đất cứng dày.

Mắt, sắc; tiếng với tai;  
 Mũi hương, lưỡi mặn chua.  
 Nhưng y mỗi một pháp,  
 Y gốc, là phân lớp.  
 Gốc ngọn phải về tông,  
 Tôn, ti, dụng ngữ riêng.  
 Ngay chỗ sáng có tối,  
 Chớ để tối gặp nhau.  
 Trong tối có ánh sáng,  
 Chớ để sáng nhìn nhau.  
 Sáng và tối đối nhau,  
 Như bước chân trước sau.  
 Vạn vật công riêng,  
 Ngay lời, là chỗ dụng.  
 Sự lưu, như hộp đậy;  
 Lý như mũi tên ghim.  
 Nương lời thấu rõ tông,  
 Chớ tự lập quy cũ.  
 Mắt chạm không rõ đường,  
 Vẫn bước vào lối Đạo.  
 Tiến bước chẳng gần xa,  
 Mê thì cách núi sông.  
 Cẩn bạch người tham học lẽ huyền,  
 Chớ để thời gian luống trôi qua).  
 (Theo Việt dịch của Tuệ Sỹ)

Sự ngụ ý của chữ "khế" này không những chỉ nói lên hai cái thực ra là một, mà còn chỉ cho chúng ta thấy sự hoạt động cả hai hợp thành một. Hợp nhất thành một loại mật khế. Tâm của bậc Đại Tiên Tây Trúc mật truyền Đông và Tây. Đức Phật đã chứng đắc cái "mật khế" này và truyền xuống nhiều đời, nhiều Tổ, cho đến chúng ta. "Mật khế" ngay trong sinh mệnh trần trề sức sống này và "mật khế" ngay với chính bạn. Thiền sư Thạch Đầu khẳng định cuộc sống bình thường của chúng ta là phần hiện tượng, phần tương đối. Tuyệt đối là tính căn bản mà mắt thường không thể thấy. Ngài muốn nói khi tương đối tồn tại, thì cái hộp và nắp của nó khớp vào nhau. Tuyệt đối khớp với tương đối, giống như hai mũi tên gặp nhau trên không trung. Làm sao hai mũi tên có thể gặp nhau trên không trung? Có lẽ ai trong chúng ta cũng đều nghĩ rằng điều

này hầu như là không thể, nhưng đây là một thí dụ rất thực tiễn bởi vì nó cũng giống như chuyện chúng ta có thể tương ngộ với thế giới hiện tượng bên ngoài thành nhất thể ở đây và bây giờ. Thiền sư Thạch Đầu muốn nhấn nhủ với tất cả hành giả tu Thiền rằng mọi người phải sống như thế nào để có thể làm cho sinh mệnh này khế hợp với tất cả hiện tượng bên ngoài thành đời sống của chính mình. Chúng ta không thể dựa vào bất cứ ai khác, một khi đã biết phương pháp rồi thì hãy thực hành. Mật khế không đâu khác, đó là tự mình thể chứng sự hoàn chỉnh mà mình đã có; thể tính của bạn không đâu khác, đó là chính bạn. Trong đời sống của bạn hai mũi tên này đã gặp nhau trên không trung từ lâu rồi. Chính trong suy nghĩ của bạn không phải là bạn thực sự mà là sinh mệnh Pháp, sinh mệnh Phật mới là bạn. Truyền chính là thể chứng sự thật này. Truyền cái gì và ai truyền cho? Kỳ thật, không ai có thể truyền cái gì cho bạn cả, tự tính chân thật của bạn đương nhiên càng không thể được truyền từ bên ngoài. Đó chính là "mật khế." Hành giả tu Thiền nên luôn tin tưởng chính mình; chính mình là Phật đạo. Mình phải hợp nhất với Phật đạo. Đừng tách rời mình khỏi những ý kiến, sự phán đoán, và tư tưởng của mình, và cũng đừng cho rằng mình khác biệt với đời sống của mình. Nếu mình làm như vậy thì hai mũi tên không gặp nhau. Nếu nói có sự khó khăn, thì đó chỉ là làm thế nào mới có thể hợp thành một với chính mình.

**Nói Pháp Thiền Sư Thạch Đầu Hy Thiên:** Dòng Thiền Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng-Đời Thứ Chín Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma-Phái Hành Tư. Nói Pháp Thiền Sư Thạch Đầu còn ghi lại được 11 vị: 1) Thiền Sư Duy Nghiễm. 2) Thiền Sư Thiên Nhiên. 3) Thiền Sư Đạo Ngộ. 4) Thiền Sư Bảo Thông. 5) Thiền Sư Huệ Lăng. 6) Thiền Sư Chấn Lăng. 7) Thiền Sư Linh Mặc. 8) Thạch Thất Hành Giả. 9) Thiền Sư Thiện Đạo. 10) Thiền Sư Long Uẩn. 11) Thiền Sư Ni Linh Chiếu.

## ***(II) Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm***

**Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Dược Sơn Duy Nghiễm Thiền Sư:** Duy Nghiễm là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa, thuộc Thiền Phái Hành Tư, nối Pháp Thiền Sư Thạch Đầu. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Dược Sơn; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XIV: Dược

Sơn Duy Nghiễm (745-828 hay 750-834), quê ở Giáng Châu, nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Năm 17 tuổi ông xuất gia với Thiền sư Tây Sơn Huệ Chiếu. Về sau, một vị Luật sư tên Hy Tháo làm lễ thọ cụ túc giới cho Dục Sơn ở núi Hành Nhạc vào năm 774. Là một hành giả nhiệt thành, Dục Sơn lâu thông kinh luận và trì giữ giới luật một cách nghiêm khắc. Nhưng cuối cùng, ông mệt mỏi với sự lặp đi lặp lại của việc trì giữ giới luật và quyết định tìm đến một vị thầy mới. Thoạt tiên ông tìm đến Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên trên núi Hành. Từ đó Thiền sư Dục Sơn Duy Nghiễm trở thành môn đồ và là người kế vị Pháp với Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên, và sau này là thầy của Đạo Ngộ Viên Trí và Vân Nham Đàm Thanh.

Sau đó sư tìm đến gặp Hy Thiên Thạch Đầu và hỏi: “Đối Tam thừa thập nhị kinh, con còn hiểu biết thô sơ, đến như thường nghe phương nam nói ‘chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật,’ thật con mù tịt. Vì thế con đến cúi mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.” Thiền sư Hy Thiên bảo: “Thế ấy cũng chẳng được, không thế ấy cũng chẳng được, thế ấy không thế ấy đều chẳng được, người làm sao?” Thiền sư Hy Thiên lại bảo thêm: “Khi con nói, ‘đây là cái này, con đã đứng sang một bên rồi.’ Là cái này hay không phải cái này, bao giờ con cũng đứng về một bên. Có phải thế không?” Dục Sơn mờ mịt không hiểu. Thạch Đầu bảo: “Nhơn duyên của người không phải ở đây, hãy đến chỗ Mã Tổ Đạo Nhất.” Dục Sơn Duy Nghiễm là một trong những đệ tử xuất sắc nhất mà Thạch Đầu Thiền Sư đã gửi tới Mã Tổ Đạo Nhất.

Dục Sơn vâng lệnh đến yết kiến Mã Tổ. Sư thưa lại câu đã thưa với Thạch Đầu. Mã Tổ bảo: “Ta có khi dạy y nhượng mày chớp mắt, có khi không dạy y nhượng mày chớp mắt; có khi nhượng mày chớp mắt là phải, có khi nhượng mày chớp mắt là không phải, người làm sao?” Ngay câu nói này, Dục Sơn liền khế ngộ, bèn lễ bái. Mã Tổ lại hỏi: “Người thấy đạo lý gì lễ bái?” Dục Sơn thưa: “Con ở chỗ Thạch Đầu như con muỗi đậu trên trâu sắt.” Mã Tổ bảo: “Người đã biết như thế, tự khéo gìn giữ.”

Dục Sơn ở đây hầu Mã Tổ ba năm. Một hôm Mã Tổ hỏi Dục Sơn: “Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?” Dục Sơn thưa: “Da mỏng da dầy đều rất sạch, chỉ có một chơn thật.” Mã Tổ bảo: “Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi. Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.” Dục Sơn thưa: “Con là người gì dám nói ở núi?” Mã Tổ bảo: “Chẳng phải vậy, chưa có thường

đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.” Dược Sơn từ giả Mã Tổ trở về Thạch Đầu.

Về sau, sau khi nhận sự truyền pháp từ Thạch Đầu, Sư du hành đến núi Dược, nằm về phía tây của Hồ Động Đình trong tỉnh Hồ Nam. Sư sống tại Dược Sơn Lễ Châu, đồ chúng theo học rất đông. Từ chỗ trú ngụ này mà Sư có được cái tên Dược Sơn mà mọi người thường biết đến. Cũng giống như nhiều hành giả tu Thiền, Dược Sơn tìm sống ẩn danh để tu tập cho sâu sắc thêm sự hiểu biết về pháp của mình. Nhu cầu của Sư là những thứ tầm thường nhất. Khi Sư mới đến ngôi làng vùng núi thì Sư chỉ yêu cầu được sử dụng một cái lùm lúa đã bỏ hoang để làm nơi trú ngụ. Nhưng ngay chính cái hành trạng ẩn danh này dường như đã thu hút những người khác, và khi mà Sư đã có quá nhiều đệ tử so với sức chứa của kho lúa, những phòng ốc thích hợp hơn cũng phải được xây dựng lên.

Dược Sơn thừa nhận rằng hành giả có thể làm cho giác ngộ được sâu sắc hơn bằng cách đọc thêm kinh điển, nhưng chỉ đọc kinh điển không thôi không mang hành giả đến chỗ giác ngộ. Rõ ràng người học thường bắt đầu bằng cách tầm cầu cái gì đó từ bên ngoài họ: hướng dẫn, chỉ giáo, phương thức. Dược Sơn liên tục nhấn mạnh rằng người học chỉ có thể tìm được cái mà họ đang tìm từ bên trong mà thôi. Và mặc dầu sự tu tập cho chính bản thân Dược Sơn bao gồm cả một sự nghiên cứu rộng rãi về kinh điển, nhưng Sư không ủng hộ con đường này cho đệ tử của mình. Trong một dịp, có một vị Tăng tìm thấy Sư đang đọc kinh điển nên phàn nàn: "Bạch Thầy, Thầy cấm chỉ chúng con đọc kinh điển, tại sao Thầy lại đọc chúng?" Dược Sơn trả lời: "Lão Tăng chỉ để tài liệu trước mắt mình thôi." Vị Tăng nói: "Chúng con cũng làm được giống như Hòa Thượng được chứ?" Dược Sơn nói: "Lão Tăng e rằng mấy ông cần phải có một thị lực sắc bén lắm mới nhìn xuyên qua được bìa sách."

Hầu hết những hành giả tu Thiền đều tiếp tục ngôi Thiền sau khi đạt ngộ và ngay cả sau khi đã trở thành Thầy Thiền. Vì vậy chính tọa thiền tiếp tục là một phần quan trọng trong tu tập cá nhân của Thiền sư Duy Nghiễm. Một hôm sau khi Sư đã tọa thiền một thời dài, có một vị Tăng hỏi Sư đã làm gì trong lúc tọa thiền: "Sư nghĩ cái gì trong khi tọa thiền tĩnh lặng như một quả núi?" Dược Sơn trả lời: "Lão Tăng nghĩ cái



không suy nghĩ." Vị Tăng bối rối hỏi tiếp: "Làm sao mà Thầy nghĩ cái không suy nghĩ được?" Dược Sơn nói: "Cái không được suy tưởng."

Một hôm, khi một vị Sa di đến viếng tự viện của Dược Sơn, Dược Sơn hỏi ông ta từ đâu đến. Vị Sa di nói rằng ông ta đến từ quận Nam Nhạc. Dược Sơn hỏi: "Và ông đi đâu?" Vị Sa di nói: "Đến Giang Lăng." Dược Sơn hỏi: "Tại sao đến Giang Lăng?" Vị Sa di nói: "Để dự lễ thọ giới làm Tăng trong Tăng già." Dược Sơn lại hỏi: "Vì sao ông muốn thọ giới làm Tăng trong Tăng già?" Vị Sa di nói: "Con muốn tìm giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử." Dược Sơn hỏi: "Vậy ông có biết hay không, có một người, thậm chí không dự lễ thọ giới mà vẫn được giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử?"

Ngày nọ, có một vị Tăng hỏi Dược Sơn: "Con có chỗ ngờ, xin thầy giải dùm." Sư đáp: "Đợi khi thượng đường, ta sẽ giải cho." Chiều đến, Sư thượng đường, đại chúng đã tập họp xong, Sư nói: "Hôm nay có thầy muốn ta quyết nghị ở đâu?" Vị Tăng bước ra khỏi chúng và đứng trước mặt Sư. Tức thì Sư bước xuống thiền sàng nắm lấy vị Tăng, bảo: "Này đại chúng, thầy này có chỗ nghi đây." Rồi Sư buông vị Tăng ra, và lui về phương trượng.

Quan Thứ sử ở địa phương là Lý Cao (có vài nguồn nói là "Lý Tường"), nghe rằng có một vị Thiền sư đáng kính đang trụ trong tỉnh mình, nên ông sai người đến thỉnh Sư đến phủ đường để gặp mình. Dược Sơn không để ý gì đến lời thỉnh cầu lần đó cũng như năm bảy lần kế tiếp nữa. Cuối cùng, Lý Cao đích thân đi đến thăm viếng Sư. Người ta nói rằng Dược Sơn đang tụng kinh khi Lý Cao đến, nhưng Dược Sơn không hề để ý gì đến quan Thứ sử cũng như đoàn tùy tùng của ông ta. Thị giả của Sư cảm thấy lúng túng vì sự thiếu lịch sự này, bèn ngắt ngang và tuyên bố rằng quan Thứ sử đã đến thăm viếng. Dược Sơn vẫn tiếp tục tụng mà chẳng thêm liếc qua một lần. Lý Cao bèn lớn tiếng lưu ý: "Thấy mặt không bằng nghe danh." Cuối cùng Dược Sơn mới nhìn nhận sự hiện diện của người khác và hỏi Lý Cao: "Vậy thì tại sao ông đánh giá nghe hơn thấy (quí lỗ tai mà khinh con mắt)?" Lý Cao vái chào rồi nói: "Tôi đến đây để hỏi Thầy Đạo là cái gì?" Dược Sơn lấy tay chỉ lên trời rồi chỉ xuống đất và hỏi Lý Cao: "Quan Thứ sử có hội chăng?" Lý Cao thừa nhận: "Bạch Thầy, không." Dược Sơn nói: "Mây trên trời; nước trong bình (Vân tại thanh thiên, thủy tại bình)." Quan Thứ sử thừa nhận lời bình nhưng vẫn hỏi: "Còn có thứ gì khác hơn thứ này nữa không?" Dược Sơn hỏi: "Chẳng hạn như là thứ gì?" Lý Cao

nói: "Chẳng hạn như giới luật, thiên tọa, hoặc sự đạt thành trí tuệ?"  
 Dực Sơn bảo Lý Cao: "Phòng của lão Tăng không ngổn ngang những thứ vô dụng đó." Lý Cao suy nghĩ về lời này trong một lúc vì không hiểu nổi huyền chỉ, rồi Dực Sơn lưu ý: "Nếu quan Thứ sử muốn giữ gìn được việc này, cần phải lên chót vót đỉnh núi mà ngồi, hoặc xuống tận biển sâu mà đi." Cuộc đàm thoại khiến quan Thứ sử xin làm đệ tử của Dực Sơn, và với sự cho phép của Dực Sơn, quan Thứ Sử tiếp tục đến thăm viếng và vấn Sư.

Một đêm, Sư leo núi kinh hành. Bỗng thấy những đám mây rẻ ra và mặt trăng lộ ra, Sư lớn tiếng cười. Tiếng cười vang dội về phía Đông của Lễ đường, cách thiền viện của Sư gần chín mươi dặm. Dân cư cứ tưởng tiếng cười từ nhà lán giềng. Sáng ra, họ hỏi chuyện nhau, đến tận thiền viện, và cư dân kết luận: "Đêm qua Hòa Thượng cười hết bình sinh trên đỉnh núi." Lý Cao, Thứ sử Lăng Châu, vốn là đệ tử tại gia của Dực Sơn, làm một bài thơ về vụ này gửi cho Sư:

"Tuyển đặc u cư hiệp giả tình  
 Chung niên vô tống diệc vô nghinh  
 Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh  
 Nguyệt hạ phi vân khiêu nhất thanh."  
 (Chọn chốn cô liêu thỏa dạ quê  
 Quanh năm nào biết đón đưa gì  
 Có khi lên tận đầu non vắng  
 Điểm nguyệt khơi mây lớn giọng kỳ).

Dực Sơn là một người sống ẩn dật tự nhiên, và khi thời khắc đến khi cuối cùng thậm chí Sư cũng rút lui khỏi ngay cả những đệ tử của mình. Khi Sư không còn thuyết giảng được cho hội chúng một đôi lần, vị Tăng đệ nhất tòa than phiền là Sư xao lãng nhiệm vụ của một người thầy. Ngày kia, đệ nhất tòa thỉnh sư thượng đường thuyết pháp. Tăng chúng hội đông đủ. Sư im lặng giây lâu rồi hạ đường, trở vào phương trượng đóng cửa lại. Đệ nhất tòa vào hỏi: "Hòa Thượng hứa nói pháp sao bây giờ vào phương trượng?" Dực Sơn nói: "Đệ nhất tòa, kinh thì có ông thầy kinh, luận thì có ông thầy luận, luật thì có ông thầy luật. Còn trách lão Tăng nổi gì?" Dực Sơn nói tiếp: "Lão Tăng đã cố gắng nói cái gì không thể nói được bằng nhiều cách có thể được. Một vài vị đã từng nghe lão Tăng diễn tả cái không thể diễn tả được, và họ đã mức độ nào đó giác ngộ. Lão Tăng có thể làm gì hơn được nữa đây? Hãy để cho những ai muốn tìm cầu chơn lý cùng ngồi bên cạnh những

vị đã giác ngộ và học hỏi từ những vị này. Về phần lão Tăng, công việc của lão Tăng đã xong. Mỗi ngày kể từ cái ngày mà lão Tăng đạt được giác ngộ và thấy sự trống rỗng của ngôn ngữ, ao ước của lão Tăng là muốn lui về sống ẩn dật. Nhưng vì có quá nhiều người đến tầm cầu giác ngộ làm động lòng từ bi của lão Tăng, và lão Tăng đã không giữ được im lặng, dầu cho đó chính là ước nguyện duy nhất của lão tăng. Mấy ông nên nhớ lời lẽ hay sự im lặng của lão Tăng không làm cho người khác giác ngộ, mà chỉ có mong muốn, nhu cầu và sự khao khát của chính họ mới giúp họ làm được chuyện đó." Thiền sư Dục Sơn muốn nói gì với hàng hậu bối chúng ta? Có phải ngài muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng Thiền không bao giờ được giảng dạy bằng lời? Thật vậy, Thiền, trước hết và trên hết, là thân chứng cá nhân; nếu trong đời này có cái gì được gọi là triệt để duy nghiệm, cái ấy là Thiền. Không từ vốn liếng đọc tụng, học hỏi, hay trầm tư mặc tưởng nào có thể làm ra một thiền sư. Trong thiền, cuộc sống cần được nắm bắt trong dòng luân lưu của nó; chặn đứng nó lại để quan sát và phân tách là giết chết nó để chỉ ôm lấy một cái thân ma lạnh ngắt mà thôi. Vì thế mọi sinh hoạt hằng ngày của hành giả đều phải trôi chảy bình thường như dòng đời của họ thì họ mới có thể có được tuyệt độ hiệu năng trong Thiền.

Vào tháng hai năm 828 (834?), khi sắp thị tịch, sư kêu to: "Pháp đường ngã! Pháp đường ngã!" Đại chúng đều mang cột đến chống đỡ. Sư khoát tay bảo: "Các người không hiểu ý ta." Sư bèn từ giả chúng thị tịch, thọ 84 tuổi, 60 tuổi hạ. Đồ chúng xây tháp thờ sư bên phía đông tự viện. Vua sắc phong là Hoàng Đạo Đại Sư, tháp hiệu Hóa Thành.

**Những Công Án Liên Quan Đến Dục Sơn Duy Nghiễm Thiền Sư:**  
*Duy Nghiễm Bất Vi:* Công án Thiền "Duy Nghiễm Bất Vi". Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XIV, một hôm sư ngồi trên tảng đá, Thạch Đầu trông thấy bèn hỏi: "Người ở đây làm gì?" Sư thưa: "Tất cả chẳng làm." Thạch Đầu lại hỏi: "Tại sao ngồi nhàn ở đây?" Sư thưa: "Ngồi nhàn rồi tức làm." Thạch Đầu lại hỏi: "Người nói chẳng làm, là chẳng làm cái gì?" Sư thưa: "Ngàn Thánh cũng không biết." Thạch Đầu dùng kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh  
 Nhậm vận tương tương chỉ ma hành  
 Tự cổ thượng hiền du bất thức  
 Tạo thứ phạm lưu khởi khả minh  
 (Chung ở từ lâu chẳng biết chi

Lặng lẽ theo nhau chỉ thế đi  
 Thượng hiền từ trước còn chẳng biết  
 Huống bọn phàm phu đâu dễ tri).

Về sau Thạch Đầu dạy: “Nói năng động dụng chớ giao thiệp.” Sư thưa: “Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.” Thạch Đầu nói: “Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.” Sư thưa: “Con trong ấy như trồng hoa trên đá.” Thạch Đầu ấn khả.

*Dược Sơn Chủ Trung Chủ:* Thí dụ thứ 81 của Bích Nham Lục. Một vị Tăng hỏi Dược Sơn: "Khỏa ruộng cỏ cạn, nai hươu thành bầy, thế nào bắn được hươu trong hươu?" Dược Sơn nói: "Xem tên!" Vị Tăng phóng thân liền nhào. Dược Sơn sai thị giả lôi gã chết này ra ngoài. Vị Tăng liền chạy. Dược Sơn nói: "Kẻ chơi đất có bao nhiêu hạng?" Tuyết Đậu niêm: "Ba bước tuy sống, năm bước phải chết." Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, công án này Tông Tào Động gọi là "Tá sự vấn", cũng gọi là "Biện chủ vấn" dùng để rõ đường cơ. Nai hươu tầm thường thì dễ bắn, chỉ có hươu trong hươu là vua trong loài nai rất là khó bắn. Loại hươu nai này thường đến trên bờ đá mài gạc giống như mũi nhọn rất bén, đem thân giữ gìn bầy nai, cọp cũng chẳng dám đến gần. Vị Tăng này cũng giống tỉnh tỉnh, dẫn lại hỏi Dược Sơn để rõ cơ thứ nhất. Dược Sơn nói: "Xem tên!" Hàng tông sư tác gia quả nhiên kỳ đặc như chọi đá nháng lửa, tợ làn điện chớp. Đầu chẳng thấy Tam Bình ban đầu đến tham vấn Thạch Củng. Thạch Củng vừa thấy đến liền làm thế kéo cung, nói: "Xem tên!" Tam Bình vạch ngực nói: "Đây là tên giết người hay tên sống người?" Thạch Củng khảy dây cung ba cái. Tam Bình lễ bái. Thạch Củng nói: "Ba mươi năm một trương cung hai mũi tên, ngày nay chỉ bắn được nửa người thánh." Nói xong liền bẻ gãy cung tên. Về sau Tam Bình thuật lại cho Đại Điền nghe. Đại Điền nói: "Đã là tên sống vì người vì sao nhằm trên dây cung mà biện?" Tam Bình không đáp được. Đại Điền nói: "Ba mươi năm sau cần người cử lời này cũng khó được." Pháp Đăng có làm bài tụng: "Xưa có thầy Thạch Củng, gác cung tên mà ngồi, như thế ba mươi năm, tri âm không một gã. Tam Bình trúng đích lại, cha con hợp nhau hòa, chín chắn suy nghĩ kỹ, nguyên là y bắn đất." Tác lược Thạch Củng cùng Dược Sơn là một loại, Tam Bình trên đánh môn đủ mắt, nhằm dưới một mũi tên liền trúng đích. Giống như Dược Sơn nói: "Xem tên!" Vị Tăng kia liền làm con hươu phóng thân nhào. Vị Tăng kia giống tác gia, chỉ là có đầu không đuôi, đã tạo lỏng bầy cốt gày Dược Sơn. Đầu ngờ Dược Sơn là tác gia

một bề ép ngặt phải đi, nói: "Thị giả, lời gã chết này ra." Giống như bày trận lại trước. Vị Tăng kia liền chạy. Cũng tốt, phải thì phải vẫn là không thành thời, dính chân dính tay. Vì thế Dục Sơn nói: "Kẻ chơi đất có bao nhiêu hạng?" Khi ấy nếu Dục Sơn không có lời nói sau, sẽ muôn đời bị người kiểm điểm. Dục Sơn nói xem tên, vị Tăng này liền nhào, hãy nói là hiểu hay chẳng hiểu? Nếu là hiểu, tại sao Dục Sơn lại nói kẻ chơi đất? Cái này rất ác. Giống như vị Tăng hỏi Đức Sơn: "Học như nương kiếm Mạc Da muốn lấy đầu thầy thì thế nào?" Đức Sơn đưa cổ ra nói: "Hề!" Vị Tăng nói: "Đầu thầy rụng." Đức Sơn cúi đầu đi về phương trước. Lại Nham Đầu hỏi một vị Tăng: "Ở đâu đến?" Vị Tăng thưa: "Tây Kinh đến." Nham Đầu hỏi: "Sau trận giặc Hoàng Sào từng lượm được kiếm chăng?" Vị Tăng thưa: "Lượm được." Nham Đầu đưa cổ ra nói: "Hề!" Vị Tăng nói: "Đầu thầy rụng." Nham Đầu cười ha hả! Loại công án này trọn là máy gài cọp. Chính so với chỗ này giống nhau. Dục Sơn chẳng quản y, chỉ vì biết được phá, nên ép y phải đi. Tuyết Đậu nói: "Vị Tăng này ba bước tuy sống, năm bước phải chết." Vị Tăng này tuy rất giỏi xem tên, phóng thân nhào. Dục Sơn bảo: "Thị giả lời gã chết này ra." Vị Tăng liền chạy. Tuyết Đậu nói: "Chỉ e ngoài ba bước chẳng sống." Khi ấy nếu nhảy ra ngoài năm bước, người trong thiên hạ chẳng làm gì được y. Hàng tác gia gặp nhau, phải là chủ khách trước sau lẫn đối không cho gián đoạn, mới có phần tự do tự tại. Khi ấy vị Tăng này đã không thể trước sau, nên bị Tuyết Đậu kiểm điểm.

*Dục Sơn Thăng Tòa:* Công án Thiên sư Dục Sơn Duy Nghiễm Thăng Tòa. Theo Thông Dong Lục, một hôm vị Sư Giám Viện đến báo cáo với Thiên sư Dục Sơn Duy Nghiễm rằng: "Bạch Thầy, cũng đã lâu Thầy không thượng đường thị chúng." Dục Sơn bèn thượng đường, thăng tòa, và nói: "Nào, bây giờ hãy rung chuông triệu tập đại chúng đến sảnh đường." Khi mọi người đã vân tập về sảnh đường, vị Sư Giám Viện nhắc Thầy là mọi người đang đợi thầy chỉ dạy. Dục Sơn vẫn ngồi im một lúc, rồi thành linh xuống tòa và rời khỏi sảnh đường. Vị Sư Giám Viện bèn đi theo sau vào phòng của Thầy và hỏi: "Thầy đã hứa ban cho chúng con bài pháp, mà tại sao Thầy không nói một lời nào hết vậy?" Dục Sơn nói: "Kinh thì có Kinh sư; Luật thì có Luật sư; Luận thì có Luận sư, vậy thì mấy ông còn trông mong gì ở lão Tăng?"

*Dục Sơn: Thiên Ngữ:* Không có ngôn ngữ nào trên cõi đời này có thể hiển thị được chân lý 'Như Thị'. Tuy nhiên, để chia sẻ kinh nghiệm

của mình, thường thường các thiền sư dùng thứ ngôn ngữ trong đời sống thường ngày. Trong kinh Lăng Già, đức Phật dạy: "Này Đại Huệ, kinh nói ra là tùy căn cơ của chúng sanh nên không hiển thị được chân lý 'Như Thị', lời nói không hiển thị được cái như thực. Đó giống như những dương diễm phỉn gạt lủ thú khát nước vọng hưởng tìm nước uống ở chỗ không hề có nước; cũng vậy, lời dạy của kinh là nhằm thỏa mãn trí tưởng tượng của phàm phu nên không hiển thị được thực tại, tức cứu cánh của thánh trí tự giác. Này Đại Huệ, nên nương theo nghĩa, chớ chấp vào ngôn từ và giáo thuyết." Theo Truyền Đăng Lục, một hôm, một vị Tăng đến gặp thiền sư Dục Sơn, Sư hỏi: "Ông ở đâu đến?" Vị Tăng đáp: "Con ở Hồ Nam." Sư nói: "Nước hồ có tràn không?" Vị Tăng thưa: "Bạch, không." Sư nói: "Lạ nhỉ, sao mưa như thế mà nước không tràn?" Vị Tăng không biết trả lời làm sao cho thỏa đáng, vừa lúc ấy Vân Nham, một trong những đệ tử của Dục Sơn, đáp: "Cố nhiên là tràn!" Trong khi một đệ tử khác là Động Sơn lại nói: "Từ đời kiếp nào có bao giờ chẳng tràn đây?" Trong cuộc đối thoại trên có dấu vết nào của Phật giáo không? Tuyệt nhiên là không. Dường như các vị thiền sư nói toàn chuyện bình thường, không ăn nhằm vào đâu hết. Nhưng theo các ngài, những câu nói ấy thấm nhuần cả mùi Thiền, và trong văn học Thiền đây đây những câu vớ vẩn như vậy. Tuy nhiên, hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng các thiền sư cũng biết thưởng thức thứ văn chương tao nhã như người đương thời, các ngài cũng học cao và uyên bác, nhưng các ngài thấy rằng chính thứ văn nói bình dân mới là lợi khí tuyệt diệu để trình bày sự nội chứng của mình. Chính vì vậy mà các ngài thích diễn đạt bằng những phương tiện thân thiết hơn và thích đáng với cảm nghĩ cũng như phù hợp nhất với cái thấy đặc trưng của họ. Đối với các ngài, kinh nghiệm sống phải được diễn tả bằng chữ nghĩa sống, chớ không phải bằng những hình ảnh và khái niệm cũ rích.

### ***(III) Thiền Sư Vân Nham Đàm Thạnh***

***Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Vân Nham Đàm Thạnh Thiền Sư (780-841):*** Nối Pháp Thiền Sư Duy Nghiễm là Thiền Sư Vân Nham Đàm Thạnh. Đàm Thạnh là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Vân Nham được nhắc tới trong các ví dụ thứ 70, 72 và 89 của Bích Nham Lục. Ngoài ra, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư

này trong Truyền Đăng Lục, quyển XIV: Thiền Sư Đàm Thạnh sanh năm 780 tại Kiến Xương, thuộc Chung Lăng. Đàm Thạnh là môn đồ và là người kế vị Pháp của Dược Sơn Duy Nghiễm, và là Thầy của đại Thiền Sư Động Sơn Lương Giới. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Đàm Thạnh xuất gia rất sớm. Ban đầu sư đến tham học với Bá Trượng Hoài Hải ngót hai mươi năm mà chưa ngộ huyền chỉ. Bá Trượng qui tịch, sư đến tham học và trở thành đệ tử Dược Sơn Duy Nghiễm. Chính nơi đây pháp nhãn của ông được khai mở. Ông được Dược Sơn xác nhận làm người kế vị Pháp.

Dược Sơn hỏi sư: “Ở đâu đến?” Sư thưa: “Ở Bá Trượng đến.” Dược Sơn hỏi: “Bá Trượng có ngôn cú gì để chỉ dạy đồ chúng?” Sư thưa: “Thường ngày hay nói ‘Ta có một câu đầy đủ trăm vị.’” Dược Sơn hỏi: “Mặn là mặn, lạt là lạt, không mặn không lạt là vị thường, thế nào một câu đầy đủ trăm vị?” Sư không đáp được. Dược Sơn hỏi: “Đối với chuyện sống chết trước mắt, Bách Trượng có biện pháp gì?” Sư đáp: “Bách Trượng nói không có sống chết trước mắt.” Dược Sơn hỏi: “Ông ở Bách Trượng được bao lâu?” Sư đáp: “Đã 20 năm.” Dược Sơn nói: “Ông ở chỗ Bách Trượng 20 năm mà vẫn chưa trừ bỏ tục khí.”

Hôm khác, Dược Sơn hỏi: “Bá Trượng nói pháp gì?” Sư thưa: “Có khi thầy thượng đường đại chúng ngồi yên, cầm gậy đồng thời đuổi tan hết, lại gọi: ‘Đại chúng!’ Chúng xoay đầu lại, thầy bảo ‘Ấy là gì?’” Dược Sơn bảo: “Sao không sớm nói thế đó? Hôm nay như người thuật lại, ta được thấy Hải Huynh.” Ngay câu nói ấy, sư tỉnh ngộ, lễ bái.

Một hôm Dược Sơn hỏi: “Ngoài chỗ Bá Trượng người còn đến đâu chẳng?” Sư thưa: “Con từng đến Quảng Nam.” Dược Sơn hỏi: “Ta nghe nói ngoài cửa thành Đông ở Quảng Châu có một hòn đá bị Châu chủ dời đi chẳng?” Sư nói: “Chẳng những Châu Chủ, dù hợp tất cả người toàn quốc dời cũng chẳng động.”

Một hôm khác, Dược Sơn hỏi: “Ta nghe người biết làm sư tử múa phải chẳng?” Sư thưa: “Phải.” Dược Sơn hỏi: “Múa được mấy suất?” Sư thưa: “Múa được sáu suất.” Dược Sơn nói: “Ta cũng múa được.” Sư hỏi: “Hòa Thượng múa được mấy suất?” Dược Sơn đáp: “Ta múa được một suất.” Sư nói: “Một tức sáu, sáu tức một.”

Sau sư đến Qui Sơn Linh Hựu, Qui Sơn hỏi: “Nghe trưởng lão ở Dược Sơn làm sư tử múa phải chẳng?” Sư đáp: “Phải.” Qui Sơn hỏi: “Thường múa hay có khi nghỉ?” Sư đáp: “Cần múa thì múa, cần nghỉ

thì nghỉ.” Qui Sơn hỏi: “Khi nghỉ sư tử ở chỗ nào?” Sư đáp: “Nghỉ! Nghỉ!”

Sư nấu trà, Đạo Ngô hỏi: “Nấu trà cho ai?” Sư đáp: “Có một người cần.” Đạo Ngô hỏi: “Sao không dạy y tự nấu?” Sư đáp: “May mà có tôi ở đây để làm việc này.”

Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, sau khi sư đến Hồ Nam, trụ trì núi Vân Nham (vách đá mây), huyện Du, Đàm Châu. Sư lấy tên núi này làm tên mình. Một hôm, sư bảo chúng: “Có đứa trẻ nhà kia, hỏi đến không có gì nói chẳng được.” Động Sơn Lương Giới hỏi: “Trong ấy có kinh sách nhiều ít?” Sư thưa: Một chữ cũng không.” Động Sơn nói: “Sao được biết nhiều thế ấy?” Sư thưa: “Ngày đêm chưa từng ngủ.” Động Sơn hỏi: “Làm một việc được chẳng?” Sư thưa: “Nói được lại chẳng nói.”

Một hôm, Vân Nham thượng đường dạy chúng với một câu chuyện ngắn: "Có ba vị khách lữ hành để ý một người đàn ông đang đứng trên một ngọn đồi nhỏ nhìn ra ngoài phong cảnh. Vị lữ hành thứ nhất nói: 'Nhìn người đàn ông kia. Tôi cho rằng ông ta đang tìm kiếm một con vật đang đi lạc khỏi bầy.' 'Không phải vậy đâu,' người thứ nhì nói 'ông ta chỉ đợi bạn đến thăm mà thôi.' 'Vô lý,' người thứ ba nói 'ông ta chỉ thưởng thức gió mát thôi.' Ba vị lữ hành tranh cãi nhưng không đi đến đồng thuận về việc tại sao người đàn ông lại đứng đó. Khi họ tới gần chỗ người đàn ông, vị thứ nhất lớn tiếng kêu người đàn ông: 'Có phải ông đang tìm kiếm một con dê lạc bầy không vậy?' 'Tôi làm gì có bầy dê nào,' người đàn ông trả lời. 'Vậy thì ông đang đợi bạn?' người thứ nhì hỏi. 'Không, tôi không đợi bạn nào cả.' 'À,' người thứ ba nói 'vậy thì ông chỉ thưởng thức gió mát thôi.' 'Không có gì đặc biệt cả,' người đàn ông nói. Ba người cùng hỏi: 'Vậy thì ông đứng đây làm gì?' Người đàn ông nói: 'Tôi chỉ đứng đây thôi.'"

Một dịp khác, Vân Nham đang làm đôi giày cỏ, thì Động Sơn đến hỏi: "Muốn có một con mắt; nhờ thầy chỉ dạy, không biết có được không?" Vân Nham nói: "Để cho ai vậy?" Động Sơn nói: "Không có ai cả." Vân Nham nói: "nếu có thì ông để vào đâu?" Động Sơn không đáp, theo đó Vân Nham nói: "Người hỏi xin một con mắt, có phải y là con mắt không?" Động Sơn nói: "Không phải mắt." Vân Nham hét lên tiếng "Chu choa" nghe dễ sợ.

Cũng giống như Dược Sơn, Đàm Thạnh có tên của mình từ tên núi nơi Sư sống sau khi thầy thị tịch. Sư đã chọn trụ lại trong một hang đá



trên núi Vân Nham. Không giống Dược Sơn, Vân Nham đã có thể lưu lại ngọn núi nơi Sư đã qui ẩn, thay vì nhận đệ tử thì Sư nhận những hành cước Tăng, những vị chỉ lưu lại với Sư một lúc rồi lại đi. Vị Tăng được thừa nhận là người nối pháp của Sư cũng là một trong những hành cước Tăng, tên là Động Sơn Lương Giới.

Ngày hai mươi sáu tháng mười năm 841, sư nhuộm bệnh. Sau khi tắm gội xong, sư kêu chủ sự bảo: “Sắm sửa trai, ngày mai có Thượng Tọa đi.” Đến tối đêm hai mươi bảy, sư thị tịch. Sau khi thị tịch sư được vua ban hiệu “Đại Sư Không Trụ”.

Theo lịch sử Thiên Tông Trung Hoa, dòng Thiên Nam Tông Của Lục Tổ Huệ Năng-Đời Thứ Mười Một Sau Tổ Bồ Đề Đạt Ma-Phái Hành Tư. Nối Pháp Thiên Sư Đàm Thạnh còn ghi lại được vị: 1) Thiên Sư Động Sơn Lương Giới, Khai Tổ Thiên Tông Tào Động.

**Những Công Án Liên Quan Đến Vân Nham Đàm Thạnh Thiên Sư:** *Vân Nham Đại Bi Thiên Nhân:* Thí dụ thứ 89 của Bích Nham Lục. Vân Nham hỏi Đạo Ngộ: "Bồ Tát Đại Bi dùng tay mắt nhiều lắm để làm gì?" Đạo Ngộ nói: "Như người giữa đêm với tay lại phía sau mò chiếc gối." Vân Nham nói: "Tôi hiểu." Đạo Ngộ hỏi: "Ông hiểu thế nào?" Vân Nham nói: "Toàn thân là tay mắt." Đạo Ngộ nói: "Nói đến tốt cùng chỉ nói được tám phần." Vân Nham hỏi: "Sư huynh thế nào?" Đạo Ngộ nói: "Khắp thân là tay mắt (Thông thân thị thủ nhãn)." Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, Vân Nham và Đạo Ngộ cùng tham với Dược Sơn bốn mươi năm hông không dính chiếu. Dược Sơn xuất phát một tông Tào Động có ba người khiến đạo pháp thịnh hành. Dưới Vân Nham có Động Sơn; dưới Đạo Ngộ có Thạch Sương; dưới Thuyền Tử có Giáp Sơn. Bồ Tát Đại Bi có tám muôn bốn ngàn cánh tay Mẫu Đà La. Đại Bi có lắm tay mắt, các ông lại có hay không? Bách Trượng nói: "Tất cả ngữ ngôn văn tự thủy đều xoay về chính mình." Vân Nham thường theo Đạo Ngộ thưa hỏi giải nghi, một hôm hỏi Đạo Ngộ: "Bồ Tát Đại Bi dùng nhiều tay mắt để làm gì?" Ngay ban đầu nên vì Vân Nham mà nhằm xương sống đánh, về sau khỏi thấy nhiều sắc bìm. Đạo Ngộ lại từ bi không thể làm như thế, lại vì Vân Nham nói đạo lý, cốt ý khiến cho Vân Nham liền hiểu. Nói: "Như người giữa đêm với tay lại phía sau mò chiếc gối. Chính khi đêm khuya không có ánh sáng đèn, lấy tay mò chiếc gối. Hãy nói con mắt ở chỗ nào?" Vân Nham liền nói: "Tôi hiểu." Đạo Ngộ hỏi: "Ông hiểu thế nào?" Vân Nham nói: "Toàn thân là tay mắt." Đạo Ngộ bảo: "Nói đến tốt cùng chỉ nói được tám

phần." Vân Nham hỏi: "Sư huynh thế nào?" Đạo Ngộ nói: "Khấp thân là tay mất." Hãy nói khấp thân là phải hay toàn thân là phải? Tuy giống như bùn mà lại thông thả. Người đời nay phần nhiều khởi tình giải nói: "Khấp thân là chẳng phải, toàn thân là phải." Chỉ thiết nhai ngôn cú của cổ nhân, chết dưới lời nói của cổ nhân. Đâu chẳng biết ý của cổ nhân, ý chẳng ở trên ngôn cú, đây đều là việc bất đắc dĩ mà thôi. Như nay chú thích lập phương thức, nói: "Nếu thấu được công án này liền hiểu bái tham, rồi lấy tay mò khấp thân, mò ngọn đèn cây cột, trọn cho là hiểu được câu toàn thân. Nếu hiểu thế ấy, phá hoại cổ nhân chẳng ít." Vì thế nói: "Kia tham câu sống không tham câu chết." Cần phải bật tình trần ý tưởng, lột trần bày lồ lộ, mới có thể thấy được câu Đại Bi. Đâu chẳng thấy Tào Sơn hỏi Tăng: "Khi ứng vật hiện hình như trắng trong nước thì thế nào?" Vị Tăng đáp: "Như lừa nhìn giếng." Tào Sơn nói: "Nói đến tột cùng chỉ nói được tám phần." Vị Tăng hỏi: "Hòa Thượng lại thế nào?" Tào Sơn đáp: "Như giếng nhìn lừa." Thế là Tào Sơn đã đồng ý với Đạo Ngộ vậy. Nếu các ông chạy trên lời nói mà thấy, hoàn toàn không thoát khỏi cái lồng bẫy của Đạo Ngộ và Vân Nham. Hành giả tu thiền không nên nhằm dưới câu chết, mà nên nhằm trên đầu đi.

*Vân Nham: Thông Thân Thị Thủ Nhãn:* Toàn thân đều là tai là mắt. Thiền tông dùng từ này để khuyến khích sự quên đi thế đối lập giữa quan niệm chủ khách nhằm tiến đến cảnh giới nhất như—See Vân Nham Đại Bi Thiên Nhãn.

*Vân Nham Thụ Khởi Tảo Tuệ:* Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XIV, có một lần khi Vân Nham đang quét dọn sân chùa, Đạo Ngộ bảo ông: "Ông quét vội quá!" Vân Nham nói: "Ông nên biết rằng có một thứ không vội." Đạo Ngộ nói: "Trong trường hợp đó, có phải là văng trắng thứ nhì hay không?" Vân Nham đưa cây chổi lên và nói: "Văng trắng nào đây?" Đạo Ngộ bỏ đi. Về sau, Huyền Sa Sư Bị nghe chuyện này nói: "Chính xác là văng trắng thứ nhì."

### ***The Pioneer Patriarchs of The Ts'ao Tung Zen Schools***

According to the history of Chinese Zen School, in the development of the Five Houses and Seven Sects, three sects of Ts'ao-

tung, Yun-men, and Fa-yan descended from the transmission line traced back to **Ch'ing-yuan Hsing-ssu** and **Shih-t'ou Hsi ch'ien**. The other two, the Lin-chi and Kuei-yang, proceeded from **Ma-tsu Tao-i** and **Pai-chang Huai-hai**. The Lin-chi House later produced two offshoots, the Yang-chi and Huang-lung. When these last two were added to the Five House, together they are referred to as the Seven Schools of Zen.

### *(I) Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien*

*Life and Acts of Zen Master Shih-t'ou Hsi ch'ien:* Within fifty years of the Sixth Patriarch's death, Zen was fully established in China. At the end of the eighth century, two Zen masters in particular were revered. One was a student of Zen master Ch'ing-yuan Hsing-ssu, Shih-t'ou Hsi ch'ien. The other was Nan-yueh's disciple, Ma-tsu Tao-i. In their day it was said no one could be considered a serious student of Zen if that person had not visited one of these two masters. Zen Master Shih Tou Hsi Hsien, name of a Chinese Zen monk in the eighth century. Shih-T'ou-Hsi-T'ien was born in 700 A.D. in Cao-Yao hamlet, Duan-Chou district (west of present-day Kuang-Chou). At that time was a very primitive area. He was described as being a well-behaved and generous child who was bright and self-confident beyond his years. His last name was Chen. It is said that when Shi-Tou's mother became pregnant she avoided eating meat. When he was a small child he was untroublesome. As a young man he was magnanimous. The people where he grew up feared demons and performed debased sacrifices of oxen and wine. He would go alone into the deep woods and destroy the ceremonial altars, seize the oxen, and drive them away. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV: Later, Shi-Tou went to Tao-Xi to become a disciple of the Sixth Patriarch Hui-Neng, but did not undergo full ordination as a monk. When the Sixth Patriarch died, Shi-Tou obeyed Hui-Neng's request to go to study with Hsing-ssu (also one of the great disciples of the Sixth Patriarch) and became a dharma successor of Ch'ing-yuan Hsing-ssu. He was the master of Yueh-shan

Wei-yen, T'ien-huang Tao-wu and Tan hsia T'ien-jan. He is a key figure of early Zen development. Three of the five traditional schools of Chinese Zen traced their origins through Shih Tou and his heirs.

Shih-tou was among the monks around Huineng during his final hours. Just before the Sixth Patriarch passed away, Shih-tou asked him, "Master, what should I do?" Huineng instructed him, "You should go to Hsing-ssu." But Shih-tou interpreted this to mean he should observe his thoughts during the practice of meditation, a technique taught by certain teachers of the day. And to follow what he understood to be Huineng's advice, Shih-tou dedicated himself to sitting in meditation, observing his thoughts as they rose and passed away. One day an older disciple of Huineng asked Shih-tou how he was practicing. Shih-tou replied, "I'm following our master's instructions; I'm observing the rise and fall of my thoughts." The older monk gently suggested that Shih-tou may have misunderstood the Sixth Patriarch and told him he should seek out their master's heir, Ch'ing-yuan Hsing-ssu. After listening to the old monk's explanation, Shih-tou went to see Hsing-ssu. Zen master Hsing Ssu had several monks studying with him, but when Shih-tou presented himself, the master remarked, "I have many cattle with two horns among my followers, but just one unicorn will do (it was a local belief that the appearance of a unicorn presaged a particularly auspicious occasion)."

Hsing-ssu's students not only practiced meditation but also studied the Chinese translation of Buddhist texts from India as well as Indian and Chinese commentaries on those scriptures. Shih-t'ou's awakening came about as a result of a passage he read that declared: "Only those can be called holy who view the world in such a way that they see themselves in all things." Shih-t'ou had a sudden insight that this statement did not go far enough. He slammed his fist on the table, exclaiming: "Only those are holy who have no selves, for everything else is their self. Who, then, can speak of you and me, of one's self and another's self?"

One day, Qingyuan said to Shih-t'ou, "Someone says there's news from Lingnan." Shih-t'ou said, "Someone doesn't say there's news from Lingnan." Qingyuan then said, "If that's so, then from where did the sutras and sastras come forth?" Shih-t'ou said, "They all came from this." Qingyuan nodded to approve this answer.

In the first year of Tian Bao era (742-755) of the T'ang dynasty, after Hsing-ssu recognized Shih-t'ou as one of his successors, Shih-t'ou took up residence at South Temple on Heng Mountain. East of the temple there was a stone outcropping. He acquired the name Shih-T'ou or rock-top from the fact that he lived in a hut he had built for himself on that large flat rock. In 763, disciples invited him to go down to Liang-tuan to spread the Buddha-dharma. From that time on, Shih-t'ou was the master in Hunan "south of the lake" and Ma-tsu "west of the river."

During one of his his Dharma talks, one disciple, Tianhuang Daowu, who later acquired fame in his own right as a Zen master. The meditation tradition was already starting to divide into a number of different schools. So one day, Tianhuang Daowu asked Shih-tou, "Who is it who has attained the essential principle of Caoxi?" Shih-t'ou said, "The person who has comprehended the Buddhadharma." Daowu then asked, "Has the master attained it?" Shih-t'ou said, "I haven't attained it." Daowu said, "Why haven't you attained it?" Following the Sixth Patriarch Hui-neng's style, Shih-t'ou said, "Because I can't comprehend the Buddhadharma."

A monk asked, "What is liberation?" Shih-t'ou's answer was the same as that given by Bodhidharma to Hui-k'o, "Who has bound you?" The monk replied, "No one." Shih-tou said, "In that case, why do you need liberation?" Another monk asked, "What is the Pure Land?" It should be noted that the Pure Land is a heaven where devotional Buddhists hope to be reborn. It is a place where all defilements are absent; therefore Shih-t'ou responded to this question by asking, "Who has polluted you?" Another monk asked, "What is nirvana?" Shih-t'ou said, "Who has given you birth and death?"

A monk asked Shih-t'ou, "Why did the First Ancestor come from the west?" Shih-t'ou said, "Ask the temple pillar." The monk said, "I don't understand." Shih-t'ou said, "I don't understand either." In this way, he dealt with the various traditional Buddhist teachings, forcing his students to turn away from speculation and search within themselves for their true nature.

Shih-t'ou asked a monk who had just arrived, "Where have you come from?" The monk said, "From Jiangxi." Shih-t'ou said, "Did you see Great Teacher Ma, or not?" The monk said, "I saw him." Shih-t'ou

pointed to a pile of firewood and asked, "Was he like this?" The monk didn't answer. He then returned to Ma-tsu's place and told him about this encounter with Shih-t'ou. Ma-tsu said, "Did you see how big the stack of wood was?" The monk said, "It was immeasurably big." Ma-tsu said, "You're really strong!" The monk said, "Why do you say that?" Ma-tsu said, "You carried a pile of wood all the way here from Mount Nanyue. Doesn't that take a lot of strength?"

Ta-Tien said, "An ancient said, 'Speaking and not speaking are both slander'. Please explain this to me." Shih-t'ou said, "If there's not a thing, what could you grasp?" Shih-t'ou also said, "If you take away your throat, your mouth, and your lips, could you still speak?" Ta-Tien said, "There's nothing left." Shih-t'ou said, "If that's so, then you've entered the gate!"

Daowu asked Shih-t'ou, "What is the great meaning of the Buddhadharma?" Shih-t'ou said, "Not attaining. Not knowing." Daowu asked, "Is there anything beyond this?" Shih-t'ou said, "The sky does not obstruct the white cloud's flight." The monk asked, "What is Zen?" Shih-t'ou said, "A piece of tile." The monk asked, "What is the Way?" Shih-t'ou said, "Wood."

One day, Zen master Shih-t'ou entered the hall and addressed the monks, saying, "My Dharma gate was first taught by former Buddhas. I don't say you need to practice some advanced form of meditation. Just see what the Buddha saw. 'This mind is Buddha mind'. 'Buddha mind,' 'all beings,' 'wisdom,' and 'defilement,' the names of these things are different, but actually they are one body. You should each recognize your miraculous mind. Its essence is apart from temporary or everlasting. Its nature is without pollution or purity. It is clear and perfect. Common people and sages are the same. This mind reaches everywhere without limit. It is not constrained by the limits of consciousness. The three realms and six realms manifest from this mind. If this mind is like the moon reflected on water, where can there be creation and destruction? If you can comprehend this, then there is nothing that you lack."

Three of the five traditional schools of Chinese Zen traced their origins through Shi-Tou and his heirs. As in the case of his master Ch'ing-yuan, we know nearly nothing of the life of Shih-t'ou. From the source we can learn that he was the leading master of a famous center

of Zen, which had developed in the Heng Mountains in Hunan (South of the Lake). Between this and another great Zen center of that time, which had formed in Kiangsi Province (West of the River) around the great Zen master Ma-tsu Tao-i, there was lively exchange. The two great masters often had their students travel back and forth between the two centers so that they could deepen their realization through mondo and hossen with other masters. Ma-tsu warned his students from time to time about the 'slipperiness of the clifftop' (Shih-t'ou), which was his way of expressing his high regard for the 'indomitable' Zen realization of Shih-t'ou. Thus it is said in the Buddhist Chronicles of the T'ang period, "West of the river lived Ma-tsu, south of the lake, Shih-t'ou. Between these two the people wandered about, and whoever never met these two masters remained ignorant."

He died in 790 A.D. He received the posthumous name "Great Teacher Without Limit."

*Kôans Related To Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien: The Way of Shih-Tou is Very Slippery!:* When Teng-Yin-Feng was taking his leave, Master Ma-tsu said to him, "Where are you going?" Teng-Yin-Feng said, "To Shih-t'ou's." Ma-tsu said, "Shih-t'ou's road is slippery." Ying-feng said, "I'll carry a wooden staff with me. When I encounter such places I'll be ready." Then Yin-Feng went off. Upon arriving at Shih-t'ou's, he circled the meditation bench, loudly struck his staff on the floor, and asked, "What is the essential doctrine?" Shih-t'ou said, "Blue heavens! Blue heavens!" Yin-feng didn't speak, but returned and reported this to Master Ma-tsu. Ma-tsu said, "Go there and ask him again. Wait for his answer, then make two roaring sounds." Yin-feng again went to Shih-t'ou and asked the question as before. Shih-t'ou made two roaring sounds. Yin-feng again didn't speak. He returned and reported this to Master Ma. The master said, "Like I told you, 'Shih-t'ou's road is very slippery!'" This is a kind of koan which is somewhat difficult to understand and explain. Zen monks describe this type of koans as the "impenetrable type," like "silver mountains and iron walls." This can, strictly speaking, only be understood by advanced practitioners whose profound intuitions match those of the actors, thus enabling them to discern directly and clearly the meaning of the koan without resorting to guesses or analysis. If one is willing to risk missing

the point, these koans may not be absolutely unintelligible or unexplainable, but this is not the desirability of many Zen practitioners.

*The Essential Meaning of Buddha-Dharma:* Zen master Shih Tou Hsi Hsien (Sekito) was one of the great Zen masters of the flowering of Zen in China in the eighth century. He was asked by one of his disciples, Zen master Tenno (Tian-huang): "What is the essential meaning of buddha-dharma?" Sekito replied, "No gaining, no knowing." Tenno asked again, "Can you say anything further?" Sekito answered, "The expansive sky does not obstruct the floating white clouds."

*Hsi Ch'ien's Ts'an-T'ung-Ch'i: An Overview of Ts'an-T'ung-Ch'i:* The Identity of Relative and Absolute. The "Coincidence of Difference and Sameness," was written by Chinese Zen master Shih-t'ou Hsi-ch'ien. He was born in 700 A.D. He first sought instruction from the Sixth Patriarch, Hui-neng, then from Zen master Ch'ing-yuan Hsing-ssu. Later, he came to Hung-yueh region and built a thatched hut on a stonehead at Nan-Ssu. He used to sit on a big, flat stone and therefore wound up with the name Shih-t'ou, which means stone-head. Through his teacher Ch'ing-yuan Hsing-ssu, Hsi-ch'ien is the Dharma-grandson of the Sixth Patriarch, Hui-neng. The "Identity of Relative and Absolute" was written before the time of the Song of Jewel-Mirror Awareness (Hokkyozammai), which is ascribed to Zen master Liang-chieh, Hsi-ch'ien's dharma great grandson. Both of these two poems comprise the written esoteric teachings of the Japanese Soto Sect that have been handed down from teacher within the Soto lineage as important aspects of Dharma transmission. They, therefore, are embodiments of the mind of the Enlightened One. Both express and discuss the five relationships between the absolute and the relative. The intricate study of these five relationships has long been considered to be one of the most significant studies in Zen practice. In fact, Hakuin Ekaku, who systematized Zen kôans in the eighteenth century, put this study near the end of his kôan system to serve as a basic review of kôan study. The title "Ts'an-t'ung-ch'i," the word "San" refers to the realm of differences, the relative; the word "t'ung" is "sameness" or "equality." "Ch'i" has to do with unifying sameness and difference, and is associated with the image of shaking hands. When we shake hands, are the hands two or one? They are not-one, not-two. Thus, "ch'i" is the



unifying of absolute and relative seen as two hands shaking. "Ts'an-t'ung-ch'i" is the identity of relative and absolute where identity does not mean literal equivalence, but rather that sameness and difference are not-one, not-two.

*The Content of Ts'an-T'ung-Ch'i: The Identity of Relative and Absolute. Coincidence of Difference and Sameness;*" poem of the Chinese Zen master Shih-t'ou Hsi-ch'ien in the eighth century, celebrating the enlightenment state of mind that transcend all duality. The basic theme of the poem expresses the identity of Relative and Absolute. The ts'an-t'ung-ch'i is chanted up to the present day in Zen monasteries, particularly those of the Soto school. Here is Shih-t'ou Hsi-ch'ien's complete "The Identity Of Relative And Absolute," in "Appreciate Your Life: The Essence of Zen Practice" (p.134-135, Author: Taizan Maezumi Roshi):

"The mind of the Great Sage of India  
 Is intimately conveyed west and east.  
 Among human beings are wise ones and fools;  
 In the Way, there is no teacher of north and south.  
 The subtle source is clear and bright,  
 The branching streams flow in the dark.  
 To be attached to things is primordial illusion,  
 To encounter the absolute is not yet enlightenment.  
 All spheres, every sense and field,  
 Intermingle even as they shine alone,  
 Interacting even as they merge.  
 Yet keeping their places in expression of their own.  
 Forms differ primarily in shape and character,  
 And sounds in harsh or shooting tones.  
 The dark makes all words one;  
 The brightness distinguishes good and bad phrases.  
 The four elements return to their true nature  
 as a child to its mother.  
 Fire is hot, water is wet;  
 wind moves and earth is dense.  
 Eye and form, ear and sound,  
 Nose and smell, tongue and taste, the sweet and sour.  
 Each independent of the other like leaves

that come from the same root;  
 And though leaves and root must go back to the Source,  
 Both root and leaves have their own uses.  
 Light is also darkness,  
 but do not move with it as darkness.  
 Darkness is light; do not see it as light.  
 Light and darkness are not one, not two,  
 Like the foot before and the foot behind in walking.  
 Each thing has its own being, which is not  
 different from its place and function.  
 The relative fits the absolute as a box and its lid.  
 The absolute meets the relative  
 Like two arrows meeting in midair.  
 Hearing this, simply perceive the Source!  
 Make no criterion:  
 if you do not see the Way,  
 You do not see It even as you walk on It.  
 When you walk the Way,  
 you draw no nearer, progress no farther.  
 Who fails to see this is mountains and rivers away.  
 Listen, those who would pierce this Subtle Matter,  
 Do not waste your time by night or day!"

The implication of this "identity" is not just that two things are one thing, but that there is the activity of being one. The two interact, and yet they are one. Being one is the activity of intimacy. The mind of the Great Sage of India is intimately conveyed west and east. The Buddha realized this intimacy and handed it down generation after generation, ancestor to ancestor, to us. Being intimate is this vivid, vital life and being intimate with yourself! Zen master Shih-t'ou confirms that our ordinary life is the phenomenal or relative part; the fundamental, so-called essential nature, which is somewhat invisible to our physical eyes, is the absolute. He means when the relative exists, the box and its lid fit together. When the absolute responds to it, it is like two arrows meeting in midair (when the relative exists, the absolute responds to it like a box and its lid. It is like two arrows meeting in midair). How can two arrows meet in midair? Perhaps everyone of us will say it is almost impossible for two arrows meet in midair, but this is

a very practical analogy because it is like when we meet all external phenomena as one, right here, right now. Zen master Shih-t'ou wants to recommend to all Zen practitioners that we should live our life so that this life and all external phenomena are together intimate as our own life. We cannot rely on anyone else, once we know the method, just go ahead to practice it. Intimacy is nothing but realizing the fact that already you are as you are. Your essential nature is nothing but you as you are. See that two arrows already meeting is your own life. You are no longer whatever you think you are, you yourself are the life of the dharma, the life of Buddha. Realizing this fact is the moment of transmission. What can be transmitted and transmission from whom to whom? There is nothing to be transmitted from anybody else to you, not even your true Self. This is intimacy. Zen practitioners should always trust yourself as you truly are; you are already the Buddha Way itself. Be intimate with it. Do not make yourself separate with your opinions, your judgments, your ideas, with whatever you think your life is. When you do that, the two arrows miss each other. If there is any difficulty, it is simply the difficulty of how to be intimate with your self.

***Shih Tou Hsi Ch'ien's Dharma Heirs:*** The Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Ninth Generation After the First Patriarch Bodhidharma-The Hsing-Ssu Branch. There were 11 recorded persons of Zen Master Shih T'ou's Dharma Heirs: 1) Zen Master Wei-yen. 2) Zen Master T'ien-jan. 3) Zen Master Tao-wu. 4) Zen Master Pao-T'ung. 5) Zen Master Hui-Lang. 6) Zen Master Chen-Lang. 7) Zen Master Ling-mo. 8) Practitioner Shih-Shi. 9) Zen Master Shan-tao. 10) Zen Master Lung Yun. 11) Nun Zen Master Ling-chiao.

## ***(II) Zen Master Yao Shan Wei-Yen***

***Life and Acts of Zen Master Yaoshan Weiyan:*** Zen Master Yao Shan Wei-Yen belonged to the Hsing-Ssu's Zen Branch, Zen Master Shih-T'ou's Dharma Heirs. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV: Zen master Yueh-Shan-Wei-Yen 745-828 or 750-834. He came from ancient Jiang-Chou, now is in Shan-Xi province. He left

home at the age of seventeen to enter the congregation of Zen master Xishan Huizhao. Later, a Vinaya master named Xicao ordained Yaoshan at Mount Heng-Yue in 774. As an earnest student, Yaoshan mastered the sutras and sastras and strictly adhered to the Vinaya rules. But eventually, he grew tired of the repetitive observances of the Vinaya and resolved to find a new teacher. He first went to Shitou Xiqian, who was then living on Mt. Heng. Since then, Zen master Shih-T'ou-Hsi-T'ien became a student and Dharma successor of Shih-T'ou-Hsi-T'ien, and later became the master of Tao-Wu-Yuan-Chih and Yun-Yen-Tan-Sheng.

Later, Yao-Shan went to Shih-T'ou Hsi-T'ien's place. He asked: "I have a general understanding of the three vehicles and the twelve divisions of scriptures. Now I want to find out about 'the southern teaching of pointing directly at mind, seeing self-nature, and becoming a Buddha.' Truly, I am not clear about this teaching and therefore, I come and ask for the master's compassionate instruction." Shih-T'ou said: "You can't attain it this way. You can't attain it not this way. Trying to attain it this way or not this way, it can't be attained. So what will you do?" Shih-T'ou added: "When you say, 'It is this, then you miss it.' This and not-this, both miss it. What do you think?" Yao-Shan was confused. Shih-T'ou then said: "Your affinity is not at this place. Go to Master Ma-Tsu-T'ao-I's place." He was one of the most prominent disciples referred to Ma-Tsu T'ao-I by Shih-T'ou.

Yao-Shan went and paid his respects to Ma-Tsu in accordance with Shih-T'ou's instructions. He then posed the same question to Ma-Tsu that he had previously presented to Shih-T'ou. Ma-Tsu said: "Sometimes I teach it by raising my eyebrows and blinking my eyes. Sometimes I don't teach it by raising my eyebrows and blinking my eyes. Sometimes raising my eyebrows and blinking my eyes is it, sometimes raising my eyebrows and blinking my eyes isn't it. So what will you do?" At these words, Yao-Shan was enlightened. He then bowed to Ma-Tsu. Ma-Tsu asked: "What principle have you observed that makes you bow?" Yao-Shan said: "When I was at Shih-T'ou's place, it was like a mosquito on an iron bull." Ma-Tsu said: "Since you are thus, uphold and sustain it well."

Yao-Shan stayed there to serve as Ma-Tsu's attendant for three years. One day Ma-Tsu asked Yao-Shan: "What have you seen

lately?" Yueh-Shan said: "Shedding the skin completely, leaving only the true body." Ma-Tsu said: "Your attainment can be said to be in accord with the mind-body, spreading through its four limbs. Since it's like this, you should bind your things to your stomach and go traveling to other mountains." Yao-Shan said: "Who am I to speak of being head of a Zen mountain?" Ma-Tsu said: "That's not what I mean. Those who haven't gone on a long pilgrimage can't reside as an abbot. There's no advantage to seeking advantage. Nothing is accomplished by seeking something. You should go on a journey and not remain in this place." Yao-Shan then left Ma-Tsu and returned to Shih-T'ou.

Later, after receiving transmission from Shih-tou, Weiyan traveled to Mount Yao (Yaoshan), west of Lake Tungting in Hunan, the master lived on Mount Yueh Li-Chou, and a sea of disciples assembled there. From his residence there, he acquired the name by which he is most commonly known. Like many Zen practitioners, he sought to live in anonymity as he deepened his understanding of the dharma. His needs were modest. When he first came to the mountain village, he requested the use of an abandoned barn, which was where he resided. But the very act of seeking anonymity seemed to draw the attention of others, and when he had acquired too many disciples to be housed in the barn, more appropriate accommodations were also built.

Yao-shan recognized that awakening could be deepened by reading the sutras but that reading alone would not bring one to awakening. Students inevitably begin by seeking something outside of themselves: guidance, instruction, a methodology. Yao-shan continuously insisted that students could only find what they were looking for within. And although Yao-shan's personal training had included an extensive study of the sutras, he did not advocate that route for his own students. On one occasion, a monk found him reading the sutras and complained, "Master, you forbid us to read the sutras, so why do you read them?" Yao-shan replied, "I just keep the document before my eyes." The monk said, "Can't we do so as well?" Yao-shan said, "I am afraid that you need eyesight sharp enough to see through the binding."

Most Zen practitioners continue to sit meditation after awakening and even after becoming teachers. So it was that sitting meditation continued to be an important part of Weiyan's personal practice. One

day after he had been seated in meditation for a long while, a monk asked him what he did during sitting meditation: "What is it that you think of while you sit there as still as a mountain?" "I think of not-thinking," Weiyan replied. "How can you think of not-thinking?" the bewildered monk persisted. Weiyan said, "It isn't thought."

One day, when a novice monk visited Yao-Shan's temple, the master asked him where he had come from. The novice said he had come from the district of Nan-yueh. "And where are you going?" Yao-Shan inquired. The novice said, "To Jiangling." Yao-Shan asked, "Why?" The novice said, "To be ordained a monk in the sangha." Yao-Shan asked, "Why do you want to be ordained a monk in the sangha?" The novice said, "I want seek to be free from the wheel of birth and death." Yao-Shan asked, "Didn't you know that there is one who, even without being ordained, is free from the wheel of birth and death?"

One day, a monk asked Yao-Shan, "I have a doubt which I wish you would settle." Yao-Shan replied, "Wait till the time comes for my sermon when I will settle it." The evening came, the master appeared in the hall, the monks were all gathered. Yao-Shan asked, "Where is the monk who wished today to have his doubt settled?" The monk came out of the gathering and stood before the master. The master thereupon came down from his chair, and seizing the monk said, "O monks, here is one who has a doubt." Releasing him then, the master went back to his room.

The local governor, Li-kao (some sources said "Li-hsiang"), heard that a respected Zen master was dwelling in his province, so he sent an invitation requesting Yao-shan to come to the capital to meet him. Yao-shan ignored the invitation as well as several others that followed. Finally Li-kao went to visit the master himself. It is said that Yao-shan was engaged in reading the sutras when Li-kao arrived, but he paid no attention to the official or his entourage. Yao-shan's attendant, who was embarrassed by this lack of courtesy, interrupted Yao-shan's reading to announce that the governor had come to see him. Yao-shan continued reading without glancing up. Li-kao remarked loudly, "Seeing the man himself, he turns out not to be at all like what we'd heard of him." "And why do you value hearing over seeing?" Yao-shan asked, finally acknowledging the other's presence. Li-kao made a formal bow, then said, "I've come to ask you: What is the Tao?" Yao-shan pointed

towards the sky with his hand and then down to the earth. "Do you understand?" "No, master," Li-kao admitted. "Clouds are in the sky; water is in the jar." The governor admitted the comment but asked, "Is there any more than this?" Yao-shan asked, "Such as?" Li-kao said, "Such as the precepts, sitting meditation, the attainment of wisdom?" Yao-shan told him, "My room isn't cluttered with those useless items." Li-kao pondered that statement for a while in silence because he did not understand the mystic instruction, then Yao-shan remarked, "If you wish to take this on, you must sit high on the mountain peak and walk in the depth of the ocean." The conversation inspired the governor to become Yao-shan's disciple, and, as his permitted, he continued to visit the teacher.

One evening Yueh-Shan climbed the mountain for a walk. Seeing the moon suddenly appearing from behind the clouds he laughed most heartily. The laugh echoed ninety miles east of Li-yang where his monastery was. The villagers thought the voice came from their neighbors. In the morning the inquiry went eastwards from one door to another until it reached the monastery, and the villagers concluded, "Last night the master gave us the greatest laugh of his life at the top of the mountain." Li-kao, philosopher-governor of the Lang-chou, who was one of Yueh-Shan's lay-disciples, composed a poem on the incident and sent it to the master:

"He has chosen a lonely shelter,  
 His rustic taste is appeased;  
 None to greet, none to see off,  
 Alone all the year round is he.  
 One eve he climbed  
 Straight up the solitary peak;  
 And, as the moon broke through the clouds,  
 What a great laugh he gave!"

Yao-shan was a natural recluse, and the time came when he eventually withdrew even from his disciples. When he had failed to give a formal address to his students for some time, his head monk complained that he was neglecting his duties as a teacher. One day when Yao-Shan was asked to give a lecture, he did not say a word, but instead came down from the pulpit and went off to his room. The head monk came to his room and asked: "Master, you promised to preach,

why you are in your room?" Yao-Shan said: "Head monk, in the temple, when talking about sutras, you have the acarya; talking about commentaries, you have an Abhidharma specialist; talking about the law, you have a Vinaya specialist. Why do you blame on me?" Yao-shan continued, "I've tried to say what isn't sayable in as many ways as possible. Some have heard me express what can't be expressed, and they've come to some degree of enlightenment. What more can I do? Let those who want to seek the truth sit alongside those who've come to enlightenment and learn from them. As for me, my work is done. Every day since the day I came to enlightenment and saw the futility of words, it's been my desire to retire in anonymity. But so many came seeking awakening that I was moved by compassion and didn't keep silent, even though that was my only wish. It isn't my words or silence that will bring another to awakening, only their own desire, their need, their thirst can do that." What does he want to advise younger generations of practitioners? Does he mean Zen can never be taught and explained by words? In fact, Zen is emphatically a matter of personal experience; if anything can be called radically empirical, it is Zen. No amount of reading, no amount of teaching, and no amount of contemplation will ever make one a Zen master. In Zen, life itself must be grasped in the midst of its flow; to stop it for examination and analysis is to kill it, only leaving its extremely cold corpse to be embraced. Therefore, in order to maintain the most efficient prominence, everyday activities of Zen practitioners must flow along with the flow of their own lives.

In the second month of the year 828 (834?), Zen master Yueh-Shan called out, "The Dharma hall is collapsing! The Dharma hall is collapsing!" The monks grabbed poles and tried to prop up the Dharma hall. Yueh-Shan lifted his hand and said, "You don't understand what I mean," and passed away. The master was eighty-four years old and had been a monk for sixty years. His disciples built his memorial stupa on the east side of the hall. He received the posthumous name "Great Teacher Vast Way." His stupa was named "Transforming City."

***Kôans Related To Zen Master Yaoshan Weiyan:*** *Wei-yen's Not Doing Anything:* The Zen koan of Wei-yen's Not Doing Anything. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV, one day, as Yao-Shan was sitting, Shih-T'ou



asked him: "What are you doing here?" Yao-Shan said: "I am not doing a thing." Shih-T'ou said: "Then you're just sitting leisurely." Yueh-Shan said: "If I were sitting leisurely, I'd be doing something." Shih-T'ou said: "You say you're not doing anything. What is it that you're not doing?" Yao-Shan said: "A thousand sages don't know." Shih-T'ou then wrote a verse of praise that said:

"Long abiding together, not knowing its name,  
Naturally you have worked along with it,  
But even the ancient Buddhas did not know;  
How can an ordinary soul know it."

Later Shih-T'ou offered an instruction, saying, "Words do not encroach upon it." Yao-Shan said, "No words does not encroach upon it." Shih-T'ou said, "Here, I can stick a needle to it." Yao-Shan said, "Here, is like I am growing flowers on a bare rock." Shih-T'ou approved Yao-Shan's answer.

*Yao Shan's Shooting the Elk of Elks:* Example 81 of the Pi-Yen-Lu. A monk asked Yao Shan, "On a level field, in the shallow grass, the elk and deer form a herd: how can one shoot the elk of elks?" Yao Shan said, "Look, an arrow!" The monk let himself fall down. Yao Shan said, "Attendant, drag this dead fellow out." The monk then ran out. Yao Shan said, "There is no end to these people who play with mud pies?" Hsueh Tou commented saying, "Though he lived for three steps, after five steps he had to die." According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, in the Ts'ao Tung tradition this case is called "a question that uses things." It's also called "a question testing the host," used in order to illustrate his present state of mind. Ordinarily deer and elk are easy to shoot. Only the elk of elks, that is, the king among deer, is very difficult to shoot. This king elk always sharpens his horns on the rocks of the cliffs where it lives, so that they become sharp as sword blades. He defends the herd of deer with his own body so that even tigers cannot come near. Likewise, this monk seems intelligent and alert as he draws on this to question Yao Shan to reveal what he would do first. Yao Shan said, "Look, an arrow!" An expert Teaching Master, he is undeniably marvellous, like sparks struck from stone, like a flash of lightning. Haven't you heard about what happened when San P'ing first called on Shih Kung? As soon as Kung saw him coming, he immediately went through the motion of bending a bow and said, "Look, an arrow!" San

P'ing opened his breast to the "arrow" and said, "This is the arrow that kills the man; what is the arrow that brings the man life?" Shih Kung plucked the bowstring three times, whereupon San P'ing bowed in homage. Shih Kung said, "After thirty years with a single bow and two arrows, today I've finally managed to shoot half a sage." Then he broke his bow and arrows. Later San P'ing took this up with Ta Tien. Ta Tien said, "Since it is the arrow that brings people life, why draw it on a bowstring?" San P'ing was speechless. Ta Tien said, "Thirty years hence it will still be hard to find someone to raise these words." Fa Teng had a verse saying: "On the old days we had Master Shih Kung; setting his bow and arrows, he sat. He went on like this for thirty years; not a single one understood until San P'ing came and hit the target, and father and son reach harmony. Thinking back carefully, I see that from the beginning, they were shooting the mound instead of the target on it." Shih Kung's strategy was the same as Yao Shan's. San P'ing had an eye on his forehead, so he hit the target immediately given a single phrase. It was just like Yao Shan saying, "Look, an arrow!" and this monk then letting himself fall down, playing the elk. This monk seemed to be an adept too, but it's just that he had a head but no tail. Once he had set his trap, he wanted to make Yao Shan fall in. But what could he do? Yao Shan was an adept and kept on pressing relentlessly. When Yao Shan said, "Attendant, drag this dead fellow out," it was as if he was extending his battle lines forward. This monk then ran out: he may have been right, but nonetheless he wasn't free and clean, his hands and feet were stuck. That's why Yao Shan said, "This fellow playing with a mud ball; what end will there be to it?" If Yao Shan hadn't had the final word at that time, he would have been criticized by others down through the ages. Yao Shan said, "Look, an arrow!" Whereupon this monk fell down. Tell me, was this understanding or not? If you say it was understanding, why then did Yao Shan speak of him this way, as a fellow playing with a mud ball? This was extremely evil, just like the following: A monk asked Te Shan, "How is it when a student holding a sharp sword tries to take the Master's head?" Te Shan extended his neck forward toward him and shouted. The monk said, "The Master's head has fallen. Yen T'ou extended his neck forward toward him and shouted. The monk said, "The Master's head has fallen." Yen T'ou laughed loudly. Cases of this kind are all traps to fell

tigers, just like the present main case. Fortunately Yao Shan wasn't taken in by this monk; since he saw through him, he just kept on passing. Hsueh Tou says, "Although this monk lived for three steps, after five steps he had to die." Although this monk knew very well how to look at the arrow, he immediately let himself fall down; when Yao Shan said, "Attendant, drag this dead fellow out," he immediately ran out. Hsueh Tou says, "I'm afraid he won't live beyond three steps." If the monk had leaped beyond five steps at that time, no one in the world would have been able to handle him. In a meeting of adepts, from beginning to end there must be an uninterrupted interchange of guest and host; only then is there a share of freedom and independence. Since at that time the monk wasn't able to continue from beginning to end, consequently he meets with Hsueh Tou's censure.

*Yao-shan Wei-Yen's Ascending the Seat:* According to the Ts'ung-Jung-Lu (Shoyo roku (jap)), one day the warden monk of the monastery came to report to the master, saying, "Master, it has been sometime that you have not entered the hall and addressed the assembly." Yao-shan entered the hall, ascended the seat, and said, "All right, let's ring the bell to assemble everybody to the hall." When everybody was there, the warden monk reminded the master that the assembly was waiting for his instructions. Yao-shan remained silent for a while, and then, all of a sudden, he descended the seat and left the hall without saying a word. The warden monk of the monastery followed Yao-shan to his room and asked, "Master, you just promised to give us a lecture, why didn't you say a word?" Yao-shan said, "For sutras, we have Sutra-masters; for Vinaya, we have Vinaya-masters; for Sastras, we have Sastra-masters, what do you expect this old monk to say?"

*Yao-Shan's Zen Languages:* No languages in this world can be used to reinstate the truth as it is. However, in order to share experiences with disciples, Zen masters usually make free use of the living words and phrases of the day. In the Lankavatara Sutra, the Buddha taught: "O Mahamati, it is because the Sutras are preached to all beings in accordance with their modes of thinking, and do not hit the mark as far as the true sense is concerned; words cannot reinstate the truth as it is. It is like mirage, deceived by which the animals make an erroneous judgment as to presence of water where there is really none; even so, all the doctrines in the Sutras are intended to satisfy the imagination of

the masses they do not reveal the truth which is the object of the noble understanding. Therefore, O Mahamati, conform yourself to the sense, and do not be engrossed in words and doctrines." According to the Transmission of the Lamp, one day, a monk came to see Yao-shan, Yao-shan asked, "Where do you come from?" The monk answered, "I come from south of the Lake." Yueh-shan asked, "Is the Lake overflowing with water?" The monk said, "No, master, it is not yet overflowing." Yao-shan said, "Strange, after so much rain why does it not overflow?" The monk did not know how to give a satisfactory answer, whereupon Yun-yen, one of Yao-shan's disciples, said, "Overflowing, indeed!" While Tung-shan, another of his disciples, exclaimed, "In what kalpa did it ever fail to overflow?" In these dialogues do we detect any trace of Buddhism? Of course, not at all. Zen masters look as if they were talking about an affair of most ordinary occurrence. But, according to the masters, their talks are brim-full of Zen, and Zen literature is indeed abounding in such apparent trivialities. However, Zen practitioners should always remember that Zen masters took to fine literature as much as their contemporaries, they were well educated and learned too, but they found colloquialism a better and more powerful medium for the utterance of their inner experience. Therefore, they want to express themselves through the medium most intimate to their feelings and best suited for their original way of viewing things. To them, living experiences ought to be told in a living language and not in worn-out images and concepts.

### ***(III) Zen Master Yun Yen T'an-Shêng***

*Life and Acts of Zen Master Yun-Yen-T'an-Shêng:* Zen Master Wei-yen's Dharma Heirs was Zen Master Yun-yen-T'an-shêng. Zen Master Yun-Yen-T'an-Sheng, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. We encounter Yun Yen in examples 70, 72 and 89 in Pi-Yan-Lu. Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV: Zen master Yun-Yen-T'an-Sheng was born in 780 in Jian-Chang, Zhongling. Yun-Yen was a student and dharma successor of Yueh-Shan Wei-Yen, and the master of the great Ch'an master Tung-Shan

Liang-Chieh. According to The Ching-Te-Ch'uan-Teng-Lu, Yun-Yen left home at an early age. Although he studied for about twenty years under Bai-Zhang-Huai-Hai he did not attain enlightenment. After Bai-Zhang passed away, he became a disciple of Yao-Shan-Wei-Yan. There his dharma eye opened and he was confirmed by Yueh-Shan as his dharma successor.

Yao-Shan asked him: "Where have you come from?" Yun-Yen said: "From Bai-Zhang." Yao-Shan asked: "What did Bai-Zhang say to his disciples?" Yun-Yen said: "He often said, 'I have a saying which is the hundred tastes are complete.'" Yao-Shan said: "Something salty tastes salty. Something bland tastes bland. What is neither salty nor bland is a normal taste. What is meant by the phrase, 'One hundred tastes are complete?'" Yun-Yen couldn't answer. Yao-Shan said, "What did Bai-Zhang say about the life and death before our eyes?" Yun-Yen said: "He said that there is no life and death before our eyes." Yao-Shan said, "How long were you at Bai-zhang's place?" Yun-Yen said: "Twenty years." Yao-Shan said, "So you spent twenty years with Bai-zhang, but you still haven't rid yourself of rustic way."

Then Yao-Shan said: "What else did Bai-Zhang say?" Yun-Yen said: "Once Bai-Zhang entered the hall to address the monks. Everyone stood. He then used his staff to drive everyone out. The he yelled at the monks, and when they looked back at him he said: 'What is it?'" Yao-Shan said: "Why didn't you tell me this before. Thanks to you today I've finally seen elder brother Hai." Upon hearing these words Yun-Yen attained enlightenment.

One day, Yao-Shan asked Yun-Yen: "Besides living at Mount Bai-Zhang, where else have you been?" Yun-Yen answered: "I was in Kuang-Nan (Southern China)." Yao-Shan said: "I've heard that east of the city gate of Kuang-Chou there is a great rock that the local governor can't move, is that so?" Yun-Yan said: "Not only the governor! Everyone in the country together can't move it."

Another day, Yao-Shan asked: "I've heard that you can tame lions. Is that so?" Yun-Yen said: "Yes." Yao-Shan said: "How many can you tame?" Yun-Yen said: "Six." Yao-Shan said: "I can tame them too." Yun-Yen asked: "How many does the master tame?" Yao-Shan said: "One." Yun-Yen said: "One is six. Six is one."

Later, Yun-Yen was at Mount Kui. Kui-Shan asked him: "I've often heard that when you were at Yao-Shan you tamed lions. Is that so?" Yun-Yen said: "Yes." Kui-Shan asked: "Were they always under control, or just sometimes?" Yun-Yen said: "When I wanted them under control they were under control. When I wanted to let them loose, they ran loose." Kui-Shan said: "When they ran loose where they were?" Yun-Yen said: "They're loose! They're loose!"

Yun-Yan was making tea. T'ao-Wu asked him: "Who are you making tea for?" Yun-Yen said: "There's someone who wants it." T'ao-Wu then asked: "Why don't you let him make it himself?" Yun-Yen said: "Fortunately, I'm here to do it."

According to The Ching-Te-Ch'uan-Teng-Lu, later he went to live on Mount Yun-Yen (Cloud-Crag) in Hu-Nan, from which his name derived. After becoming an abbot, Yun-Yen addressed the monks, saying: "There is the son of a certain household. There is no question that he can't answer." T'ong-Shan came forward and asked: "How many classic books are there in his house?" Yun-Yen said: "Not a single word." T'ong-Shan said: "Then how can he be so knowledgeable?" Yun-Yen said: "Day and night he has never slept." T'ong-Shan said: "Can he be asked about a certain matter?" Yun-Yen said: "What he answers is not spoken."

One day, Yun-yan entered the hall and addressed the assembly with this parable: "Three travelers noticed a man standing on a small hill looking out over the landscape. The first traveler said, 'Look at that man. I suppose he's searching the country round for an animal that has wandered from his herd.' 'Not at all,' the second said, 'he's simply watching out for a friend who's coming to visit him.' 'Nonsense,' said the third. 'He's just enjoying the refreshing breeze'. The travelers argued among themselves but weren't able to come to agreement about why the man was standing there. When they came nearer to him, the first traveler called out to the man, 'Are you looking for a goat or sheep that has wandered from your flock?' 'I don't have any flock,' the man replied. 'Then are you waiting for a friend?' the second asked. 'No, I'm not waiting for a friend.' 'Ah,' said the third. 'It must be as I expected, that you're just enjoying the refreshing breeze.' 'Not particularly,' the man said. 'Then what are you doing?' the three travelers demanded. 'I'm just standing here.'"

Sư hỏi vị Tăng: “Ở đâu đến?” Tăng thưa: “Thêm hương rồi đến.”  
Sư hỏi: “Thấy Phật chăng?” Vị Tăng nói: “Thấy.” Sư hỏi: “Thấy ở đâu?” Vị Tăng nói: “Thấy ở hạ giới.” Sư nói: “Phật xưa! Phật xưa!”

Zen master Yun-Yan asked a monk: “Where have you come from?” The monk said: “From T'ien-Xiang (heavenly figure).” Yun-Yen said: “Did you see a Buddha or not?” The monk said: “I saw one.” Yun-Yen asked: “Where did you see him?” The monk said: “I saw him in the lower realm.” Yun-Yen said: “An ancient Buddha! An ancient Buddha!”

On another occasion, when Yun-Yen was engaged in making straw-sandals, when Tung-shan came and asked, "I wish to get an eye by your kind instruction; is it possible for me to have one?" Yun-Yen said, "To whom did you give yours away?" Tung-shan said, "Master, I have had none." Yun-Yen said, "If you have, where would you set it up?" Tung-shan made no reply, whereupon the master remarked, "The one asks for an eye, is he the eye?" Tung-shan said, "That is no eye." Yun-Yen burst into a terrible scolding, exclaiming, "Ch'ua!"

Like Yao-shan, Tansheng acquired his name from the mountain where he lived after his master's death. He chose to dwell in a cave on Mount Yun-yan. Unlike Yao-shan, Yun-yan was able to remain in his mountain retreat where, instead of gathering disciples, he received traveling monks who would stay with him for a while and then go their way. The monk who would be recognized as Yun-yan's successor was one of these, Tung-shan Liang-jie.

On the twenty-sixth day of the tenth month in 841, he became ill. After giving orders to have the bath readied he called the head of the monks and instructed him to prepare a banquet for the next day because a monk was leaving. On the evening of the twenty-seventh he died. After his death, he received the posthumous title “Great Teacher No Abode.”

According to the history of the Chinese Zen School, the Sixth Patriarch Hui Neng's Southern Zen School-The Eleventh Generation After the First Patriarch Bodhidharma-The Hsing-Ssu Branch. There was 1 recorded person of Zen Master T'an Sheng's Dharma Heirs: 1) Zen Master Tung Shan Liang-chieh, the Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School.

*Kôans Related To Zen Master Yun-Yen-T'an-Shêng: Yun Yen's the Hands and Eyes of the Bodhisattva of Great Compassion:* Example 89 of the Pi-Yen-Lu. Yun Yen asked Tao Wu, "What does the Bodhisattva of Great Compassion use so many hands and eyes for?" Tao Wu said, "It's like someone reaching back groping for a pillow in the middle of the night." Yun Yen said, "I understand." Tao Wu said, "How do you understand it?" Yun Yen said, "All over the body are hands and eyes." Tao Wu said, "You have said quite a bit there, but you're only said eighty percent of it." Yun Yen said, "What do you say, Elder Brother?" Tao Wu said, "Throughout the body (the whole body) are hands and eyes." According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, Yun Yen and Tao Wu were fellow students under Yao Shan. For forty years Yun Yen's side did not touch his mat. Yao Shan produced the whole Ts'ao-Tung school. There were three men with whom the Path of Dharma flourished: descended from Yun Yen was Tung Shan; descended from Tao Wu was Shih Shuang; and descended from Ch'uan Tzu was Chia Shan. The Bodhisattva of Great Compassion has eighty-four thousand symbolic arms. Great Compassion has this many hands and eyes, do all of you? Pai Chang said, "All sayings and writings return to one's self." Yun Yen often followed Tao Wu, to study and ask questions to settle his discernment with certainty. One day he asked him, "What does Bodhisattva of Great Compassion use so many hands and eyes for?" Right at the start Tao Wu should have given him a blow of the staff across his back, to avoid so many complications appearing later. But Tao Wu was compassionate, he couldn't be like this. Instead, he gave Yun Yen an explanation of the reason, meaning to make him understand immediately. Instead of hitting Yun Yen, Tao Wu said, "It's like someone reaching back groping for a pillow in the middle of the night." Groping for a pillow in the depths of the night without any lamplight, tell me, where are the eyes? Yun Yen immediately said, "I understand." Tao Wu said, "How do you understand it?" Yun Yen said, "All over the body are hands and eyes." Tao Wu said, "You have said quite a bit there, but you've only said eighty percent of it." Yun Yen said, "What do you say, Elder Brother?" Tao Wu said, "Throughout the body are hands and eyes." But say, is "all over the body" right, or is "throughout the body" right? Although they seem covered with mud, nevertheless they are bright and clean. People these days often make



up emotional interpretations and say that "all over the body" is wrong, while "throughout the body" is right; they're merely chewing over the Ancients' words and phrases. They have died in the Ancients' words, far from realizing that the Ancients' meaning isn't in the words, and that all talk is used as something that can't be avoided. People these days add footnotes and set up patterns, saying that if one can penetrate this case, then this can be considered understanding enough to put an end to study. Groping with their hands over their bodies and over the lamp and pillar, they all make a literal understanding of "throughout the body." If you understand this way, you degrade those Ancients quite a bit. Thus it is said, "He studies the living phrase; he doesn't study the dead phrase." You must cut off emotional defilements and conceptual thinking, become clean and naked, free and unbound; only then will you be able to see this saying about Great Compassion. Haven't you heard how Ts'ao Shan asked a monk, "How is it when the Dharmakaya (the body of reality) is manifesting from in accordance with beings, like the moon (reflected) in the water?" The monk said, "Like an ass looking at a well." Ts'ao Shan said, "You have said quite a lot, but you've only said eighty percent of it." The monk said, "What do you say, Teacher?" Ts'ao Shan said, "It's like the well looking at the ass." This is the same meaning as the main case. If you go to their words to see, you'll never be able to get out of Tao Wu's and Yun Yen's trap. Zen practitioners should never die in the words; but walk right on Tao Wu's and Yun Yen's heads to versify.

*The Whole Body Is Ear and Eye:* The whole body is ear and eye. Zen sects use the term to encourage practitioners to ignore both subjective and objective concepts in order to reach the realm of oneness—See Vân Nham Đại Bi Thiên Nhãn.

*Yun-Yen Keld up the Broom:* According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV, once, when Yun-Yan was sweeping the temple yard, Daowu said to him, "Too hurried!" Yun-Yan said, "You should know that there is a something that is not hurried." Daowu said, "In that case, is there a second moon?" Yun-Yan held up the broom and said, "What moon is this?" Daowu then went off. Later, Hsuan-sha heard about this and said, "Exactly the second moon."



## *Chương Hai Mươi Hai*

### *Chapter Twenty-Two*

#### *Thiền Sư Động Sơn Lương Giới (807-869)*

#### *Khai Tổ Thiền Tông Tào Động*

Lương Giới Động Sơn Thiền Sư là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Động Sơn được nhắc tới trong các ví dụ thứ 18 của Vô Môn Quan và thí dụ thứ 12 của Bích Nham Lục. Ngoài ra, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XV: Thiền sư Lương Giới Động Sơn sanh năm 807 sau Tây Lịch tại Hội Kê, nay thuộc tỉnh Triết Giang. Ông là đệ tử của Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh. **Ông được công nhận là người đã sáng lập ra tông Tào Động.** Tông phái này, cùng với Lâm Tế tông, là một trong hai nhánh Thiền bắt đầu từ thời nhà Đường, thời hoàng kim của Thiền, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Thuở nhỏ theo thầy tụng kinh Bát Nhã đến câu “Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân.” Sư chợt hỏi thầy: “Con có mắt, tai, mũi. Cớ sao trong kinh lại nói là không?” Thầy kinh ngạc trả lời: “Ta chẳng phải là thầy của người.” Thế rồi thầy gửi Lương Giới đến tham học với thiền sư Linh Mặc ở núi Vũ Tiết. Sư thọ cụ túc giới năm 21 tuổi. Sư du phương, trước yến kiến Thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên. Gặp ngày kỵ trai Mã Tổ, Nam Tuyên hỏi chúng: “Cúng trai Mã Tổ có đến hay chẳng?” Cả chúng đều không đáp được. Sư bước ra thưa: “Đợi có bạn liền đến.” Nam Tuyên bảo: “Chú nhỏ này tuy là hậu sanh rất dễ dưa gọt.” Sư thưa: “Hòa thượng chờ đờ nén kẻ lành để nó trở thành nghịch tặc.”

Kế đến sư tham vấn với thiền sư Qui Sơn. Sư thưa: “Được nghe Quốc Sư Huệ Trung nói ‘vô tình thuyết pháp’ con chưa thấu hiểu chỗ vi diệu ấy?” Qui Sơn bảo: “Có nhớ những gì Quốc Sư nói chẳng?” Sư thưa: “Con nhớ.” Qui Sơn nói: “Vậy thì lập lại xem sao!” Sư nói: “Có một vị Tăng hỏi Quốc Sư, ‘Thế nào là tâm của chư Phật?’ Quốc Sư trả lời, ‘Một miếng ngói tường.’ Sư hỏi, ‘Một miếng ngói tường? Có phải miếng ngói tường là vô tình hay không?’ Qui Sơn đáp, ‘Đúng vậy.’ Vị Tăng hỏi tiếp, ‘Như vậy nó có thể thuyết pháp không?’ Quốc Sư đáp, ‘Miếng ngói ấy thuyết pháp một cách rõ ràng không vấp vấp.’ Vị Tăng

hỏi, ‘Tại sao con lại không nghe được?’ Quốc sư bảo, ‘Tự người không nghe được, nhưng không có nghĩa là người khác không nghe được.’ Vị Tăng lại hỏi, ‘Như vậy ai nghe được?’ Quốc Sư đáp, ‘Các bậc Thánh nhân nghe được.’ Vị Tăng lại nói, ‘Vậy Thầy có nghe được không?’ Quốc Sư đáp, ‘Ta không nghe được. Nếu ta nghe được thì ta đã đồng là Thánh rồi còn gì! Làm gì người có thể nghe ta thuyết pháp.’ Vị Tăng hỏi, ‘Như vậy tất cả chúng sanh không thể hiểu được những lời thuyết này.’ Quốc Sư nói, ‘Ta vì phạm phu mà thuyết pháp, chớ không vì Thánh mà thuyết.’ Vị Tăng nói, ‘Như vậy sau khi nghe được rồi thì sao?’ Quốc Sư đáp, ‘Sau khi chúng sanh đã nghe hiểu rồi thì họ đâu còn là phạm phu nữa.’

Về sau Sư đi đến chỗ của Vân Nham và hỏi Vân Nham về câu chuyện của Quốc Sư: "Vô tình thuyết pháp, người nào được nghe?" Vân Nham hỏi lại: "Vô tình nghe cái gì vô tình có thể nghe được?" Sư lại hỏi: "Hòa Thượng có nghe được chăng?" Vân Nham nói: "Nếu ta nghe, ông đâu thể được nghe ta thuyết pháp." Sư thưa: "Con vì sao chẳng nghe được?" Vân Nham dựng cây phát tử nói: "Ông có còn nghe ta chăng?" Sư thưa: "Chẳng nghe." Vân Nham bảo: "Ta thuyết pháp mà ông còn chẳng nghe, huống là vô tình thuyết pháp?" Sư hỏi: "Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?" Vân Nham bảo: "Đâu không thấy kinh Di Đà nói 'Nước, chim, cây rừng thấy đều niệm Phật, niệm Pháp?'" Ngay câu này sư bỗng nhiên đại ngộ. Sư bàn viết bài kệ:

"Kỳ diệu thay! Kỳ diệu thay!  
 Vô tình thuyết pháp chẳng nghĩ bàn  
 Nếu lấy tai nghe trọn khó hội  
 Phải đem mắt thấy mới liễu tri."  
 (Đã đại kỳ! Đã đại kỳ!  
 Vô tình thuyết pháp bất tư nghì  
 Nhược tương nhĩ thính chung nan hội  
 Nhãn xứ văn thính phương đắc tri).

Sau đó sư làm thêm bài kệ thứ nhì:

“Không môn hữu lộ nhân giai đáo,  
 Đạo giả phương tri chỉ thú trường.  
 Tâm địa nhược vô nhân thảo mộc,  
 Tự nhiên thân thượng phóng hào quang.”

Động Sơn hỏi Vân Nham: “Con còn dư tập chưa hết.” Vân Nham hỏi: “Người từng làm gì?” Sư thưa: “Thánh Đế cũng chẳng làm.” Vân

Nham hỏi: “Được hoan hỷ chưa?” Sư thưa: “Hoan hỷ thì chẳng không, như trong đồng rác lượm được hòn ngọc sáng.” Sư từ biệt Vân Nham để đi nơi khác. Vân Nham hỏi: “Đi nơi nào?” Sư thưa: “Tuy lia Hòa Thượng mà chưa định chỗ ở?” Vân Nham hỏi: “Phải đi Hồ Nam chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Phải đi về quê chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Bao lâu trở lại?” Sư thưa: “Đợi Hòa Thượng có chỗ thì trở lại.” Vân Nham bảo: “Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.” Sư thưa: “Khó được chẳng thấy nhau.” Sắp đi, sư lại thưa: “Sau khi Hòa Thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi ‘Tả được hình dáng của thầy chăng?’ Con phải đáp làm sao?” Vân Nham lặng thinh hồi lâu, bảo: “Chỉ cái ấy.” Sư trầm ngâm giây lâu. Vân Nham bảo: “Xà lê Lương Giới thừa đương việc lớn phải xét kỹ. Sư vẫn còn hồ nghi. Sau sư nhơn qua suối nhìn thấy bóng, đại ngộ ý chỉ trước, liền làm một bài kệ:

“Thiết kỵ từng tha mịch, điều điều dữ ngã sơ  
 Ngã kim độc tự vãng, xứ xứ đắc phùng cừ.  
 Cừ kim chánh thị ngã, ngã kim bất thị cừ  
 Ứng tu nhậm ma hội, Phương đắc khế như như.”  
 (Rất kỵ tìm nơi khác, xa xôi bỏ lảng ta  
 Ta nay riêng tự đến, chỗ chỗ đều gặp gã  
 Gã nay chính là ta, ta nay chẳng phải gã  
 Phải nên biết như thế, mới mong hợp như như).

Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, khi từ giả Vân Nham, Động Sơn đã hỏi thầy: "Con phải mô tả Pháp của thầy như thế nào nếu có ai hỏi sau khi thầy thị tịch?" Vân Nham đáp: "Chỉ có cái này, cái này mà thôi!" Động Sơn không hiểu ý nghĩa của câu trả lời ấy. Nhưng sau đó, khi ông lội qua một con sông, ông thấy bóng mình trong nước và đạt được đại giác sâu. Bỗng nhiên, ông tỏa ra ánh sáng. Động Sơn đến với Thư Sơn Huệ Siêu. Huệ Siêu hỏi: “Ông đã trụ tại một phương, nay đến đây làm gì?” Động Sơn nói: “Tôi bị dày vò bởi một mối ngờ, không biết phải làm sao nên đến đây.” Huệ Siêu gọi lớn: “Lương Giới! (tên thật của Động Sơn)” Động Sơn cất tiếng: “Dạ!” Huệ Siêu hỏi: “Cái gì thế?” Động Sơn không biết trả lời ra sao, và Huệ Siêu nói ngay: “Phật đẹp quá, chỉ hiềm không có lửa sáng!” Theo Truyền Đăng Lục, vì không có lửa sáng nên sự vô trí không được thấp sáng, khi biết được điều này, sẽ có sự thấp sáng.

Một hôm nhân ngày thiết trai cúng kỵ Vân Nham, có vị Tăng hỏi: “Hòa Thượng ở chỗ Tiên Sư được chỉ dạy gì?” Sư đáp: “Tuy ở trong ấy mà chẳng nhờ Tiên Sư chỉ dạy.” Tăng hỏi: “Đã chẳng nhờ chỉ dạy, lại thiết trai cúng dường làm gì, như vậy là đã chấp nhận giáo chỉ của Vân Nham rồi vậy?” Sư bảo: “Tuy nhiên như thế, đâu dám trái lại tiên Sư.” Tăng hỏi: “Hòa Thượng trước yết kiến Nam Tuyền tìm được manh mối, vì sao lại thiết trai cúng dường Vân Nham?” Sư đáp: Ta chỉ trọng Tiên Sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp. Thí dụ thứ 43 trong Bích Nham Lục diễn tả phương pháp giảng dạy của Động Sơn: "Một nhà sư hỏi Động Sơn, 'Nóng và lạnh đi rồi đến. Làm thế nào để tránh?' Động Sơn nói, 'Tại sao ông không tới nơi nào không có nóng và lạnh?' Nhà sư nói, 'Nơi nào là nơi không có nóng và lạnh?' Động Sơn nói, 'Khi trời lạnh, cái lạnh giết ông; khi trời nóng, cái nóng giết ông.'"

Sư bệnh, sai sa di báo tin Vân Cư hay. Sư dặn Sa di: “Nếu Vân Cư hỏi Hòa Thượng an vui chẳng?” Người chỉ nói xong phải đứng xa, e y đánh người. Sa di lãnh mệnh đi báo tin, nói chưa dứt lời đã bị Vân Cư đánh một gậy. Có vị Tăng hỏi: “Hòa Thượng bệnh lại có cái chẳng bệnh chẳng?” Sư đáp: “Có.” Tăng thưa: “Cái chẳng bệnh lại thấy Hòa Thượng chẳng?” Sư bảo: “Lão Tăng xem y có phần.” Tăng thưa: “Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.” Sư lại hỏi Tăng: “Lìa cái thân hình rỉ chảy này, người đến chỗ nào cùng ta thấy nhau?” Tăng không đáp được. Sư bèn làm bài kệ:

“Học giả hằng sa vô nhất ngộ  
 Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ  
 Dục đắc vong hình dẫn tung tích  
 Nỗ lực ân cần không lý bộ.”  
 (Kẻ học hằng sa ngộ mấy người  
 Lỗi tại tâm y trên đầu lưởi  
 Muốn được quên thân bật dấu vết  
 Nỗ lực trong không bước ấy người).

Sư sai cạo tóc tẩm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, giã từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chợt mở mắt bảo: “Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật, là tu hành chân chánh. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?” Sư bảo chủ sự sắm trai ngu si để cúng dường. Chúng vẫn luyến mến quá, kéo dài đến ngày thứ bảy. Khi thọ trai, sư cũng từng chúng thọ. Thọ trai xong, sư bảo chúng: “Tăng Già không việc, sắp đến giờ ra đi, chớ làm ồn náo.”

Sư vào trượng thất ngôi yên mà tịch. Bấy giờ là tháng ba năm 869, đời nhà Đường. Sư thọ 63 tuổi, 42 tuổi hạ. Vua phong sắc là “Ngộ Bản Thiên Sư.”

***Zen Master Tung-Shan Liang-Chieh***  
***The Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Tsung***

Zen Master Tung-Shan, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. We encounter Yun Yan in example 18 of the Wu-Men-Kuan and example 12 of Pi-Yen-Lu. Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV: Zen master Liang-Jie-Tung-Shan was born in 807 A.D. in Hui-Ji, in modern Zhe-Jiang province. He was a disciple of Zen master Yunyan Tansheng. **He is recognized to have founded the Caodong School of Zen.** This school, along with the Linji School, remains today as one of the two existing Zen schools that began in China during the Tang dynasty (615-905), the golden age of Zen.

As a youth, he followed his teacher to recite the Heart Sutra and came upon the words “No eyes, no ears, no nose, no tongue, no body.” He asked his teacher: “I have eyes, ears, a nose, and so on. So why does the sutra say there is none?” The teacher was so surprised and reportedly dumbfounded at the insight revealed by Liang-Jie’s question, and replied to him: “I can’t be your teacher.” He then sent the young Liang-Jie to study under Zen master Ling-Mo at Mount Wu-Tzie. At the age of twenty-one, Liang-Jie received full ordination. Liang-Jie first went to see Zen master Nan-Xuan-Pu-Yuan. At that time the congregation was preparing a feast for the following day in honour of Nan-Xuan’s late master, Ma-Tzu. Nan-Xuan asked the congregation: “Tomorrow we will have Ma-Tzu’s feast, but will Ma-Tzu come or not?” The monks were unable to answer. Liang-Jie then stepped forward and said: “If he has a companion, he will come.” When Nan-Xuan heard this, he approved and said: “Though this child is young, he has a gem worthy of polishing.” Liang-Jie said: “Master, don’t crush something good into something bad.”

Next, Liang-Jie studied with Kui-Shan. One day he said: "I've heard that National teacher Hui-Zhong taught that inanimate beings expound Dharma. I don't understand this clearly." Kui-Shan said: "Do you remember what he said or not?" Liang-Jie said: "I remember." Kui-Shan said: "Please repeat it!" Liang-Jie said: "A monk asked the National Teacher, 'What is the mind of the ancient Buddhas?' The National Teacher responded, 'A wall tile.' The monk said, 'A wall tile? Isn't a wall tile inanimate?' The National Teacher said, 'Yes.' The monk asked, 'And it can expound the Dharma?' The National Teacher said, 'It expounds it brilliantly, without letup.' The monk said, 'Why can't I hear it?' The National Teacher said, 'You yourself may not hear it. But that doesn't mean others can't hear it.' The monk said, 'Who are the people who can hear it?' The National teacher said, 'All the holy ones can hear it.' The monk said, 'Can the master hear it or not?' The National teacher said, 'I cannot hear it. If I could hear it I would be the equal of the saints. Then you could not hear me expound the Dharma.' The monk said, 'All beings can't understand that sort of speech.' The National Teacher said, 'I expound Dharma for the sake of beings, not for the sake of the saints.' The monk said, 'After beings hear it, then what?' The National teacher said, 'Then they are not sentient beings.'

Later Liang-Jie went to see Yun-Yan and related to the master the story about the National Teacher and asked Yun-Yan: "Who can hear inanimate things expound Dharma?" Yun-Yan asked him: "What is inanimate can hear it?" Liang-Jie asked: "Can the master hear it or not?" Yun-Yan said: "If I could hear it, then you could not hear me expound Dharma." Liang-Jie said: "Why couldn't I hear you?" Yun-Yan held up his whisk and said: "Can you still hear me or not?" Liang-Jie said: "I can't hear you." Yun-Yan said: "When I expound Dharma you can't hear me. So how could you hear it when inanimate things proclaim it?" Liang-Jie said: "What scripture teaches about inanimate things expounding Dharma?" Yun-Yan said: "Haven't you seen that in the Amitabha Sutra it says, 'The lakes and rivers, the birds, the forests, they all chant Buddha, they all chant Dharma'?" Upon hearing this, Liang-Jie experienced a great insight. He then wrote a verse:

"How incredible!

How incredible!



Inanimate things proclaiming  
 Dharma is inconceivable.  
 It can't be known if the ears try to hear it,  
 But when the eyes hear it,  
 then it may be known."

Later he wrote the second verse:

"There is a way to the gateless gate,  
 everybody can come,  
 Once you arrive there,  
 you'll know how wonderful it is.  
 If your mind is clear of idle weeds,  
 Your body will automatically emit halo."

T'ung Shan asked Yun-Yan: "Are there other practices I haven't completed?" Yun-Yan said: "What were you doing before you came here?" T'ung-Shan said: "I wasn't practicing the Noble Truths." Yun-Yan said: "Were you joyous in this nonpractice?" T'ung-Shan said: "It was not without joy. It's like sweeping excrement into a pile and then picking up a precious jewel from within it." As T'ung-Shan prepared to leave Yun-Yan, Yun-Yan said: "Where are you going?" T'ung-Shan said: "Although I'm leaving the master, I don't know where I'll end up." Yun-Yan said: "You're not going to Hu-Nan?" T'ung-Shan said: "No, I'm not." Yun-Yan said: "Are you returning home?" T'ung-Shan said: "No." Yun-Yan said: "Sooner or later you'll return." T'ung-Shan said: "When the master has an abode, then I'll return." Yun-Yan said: "If you leave, it will be difficult to see one another again." T'ung-Shan said: "It is difficult to not see one another." Just when T'ung-Shan was about to depart, he said: "If in the future someone happens to ask whether I can describe the master's truth or not, how should I answer them?" After a long pause, Yun-Yan said: "Just this is it." T'ung-Shan sighed. Then Yun-Yan said: "Worthy Liang, now you have taken on this great affair, you must consider it carefully." T'ung-Shan continued to experience doubt. Later as he crossed a stream he saw his reflection in the water and was awakened to Yun-Yan's meaning. He then composed this verse:

"Avoid seeking elsewhere, for that's far from the self.  
 Now I travel alone, everywhere I meet it.  
 Now it's exactly me, now I'm not it.

It must thus be understood to merge with thusness.”

According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, when Tung-shan took leave of Yun-yen, he asked Yun-yen: "How should I describe your dharma if someone asks me about it after you have passed away?" Yun-yen answered: "Just say, just that, that!" This was an answer that Tung-shan did not understand. When, however, during his further travel, he was wading a river and glimpsed his reflection in the water, he experienced profound enlightenment and sudden understood. Tung-Shan came to see Hui-chao of Shu-Shan, and the latter asked: "You're already master of a monastery, and what do you want here?" Tung-Shan said: "I am distressed with a doubt and do not know what to do, hence my coming here." The master called out: "O Liang-Chieh!" which was Tung-Shan's real name, and Liang Chieh replied at once, "Yes, sir." Hui-Chao asked: "What is that?" Chieh failed to answer, and Hui-Chao gave this judgment, "Fine Buddha no doubt, and what a pity he has no flames." According to the Transmission of the Lamps, as he has no flames, his ignorance is not illuminating. When he becomes conscious of the fact, there is enlightenment.

T'ung-Shan hosted a feast of commemoration on the anniversary of Yun-Yan's death. A monk asked: "When you were at Yun-Yan's place, what teaching did he give you?" T'ung-Shan said: "Although I was there, I didn't receive any teaching." The monk asked: "But you are holding a commemorative feast for the late teacher. Doesn't that show you approve his teaching?" T'ung-Shan said: "Half approve. Half not approve." The monk said: "Why don't you completely approve of it?" T'ung-Shan said: "If I completely approved, then I would be disloyal to my late teacher." An example of Tung-shan's teaching style is found in example 43 of the Pi-Yen-Lu: "A monk asked Tung-shan, 'Cold and heat come and go. How can one avoid them?' Tung-shan said, 'Why don't you go where there's no cold and heat?' The monk said, 'Where is the place where there is no cold and heat?' Tung-shan said, 'When it's cold, the cold kills you; when it's hot, the heat kills you.'"

T'ung-Shan became ill. He instructed a novice monk to go and speak to T'ung-Shan's Dharma heir, Zen master Yun-Zhu. T'ung-Shan told the novice: "If he asks whether I'm resting comfortably, you are to tell him that the lineage of Yun-Yan is ending. When you say this you

must stand far away from him because I'm afraid he's going to hit you." The novice monk did as T'ung-Shan instructed him and went and spoke to Yun-zhu. Before he could finish speaking Yun-Zhu hit him. The novice monk said nothing further. A monk asked: "When the master is not well, is there still someone who is well or not?" T'ung-Shan said: "There is." The monk asked: "Can the one who's not ill still see the master or not?" T'ung-Shan said: "I can still see him." The monk asked: "What does the master see?" T'ung-Shan said: "When I observe him, I don't see any illness." T'ung-Shan then said to the monk: "When you leave the skin bag, you inhabit, where will you go and see me again?" The monk didn't answer. T'ung-Shan then recited a verse:

"Students as numerous as sands in the Gangs  
but more are awakened.  
They err by searching for the path in  
another person's mouth.  
If you wish to forget form  
and not leave any traces,  
Wholeheartedly strive to walk in emptiness."

T'ung-Shan then had his attendants help him shave his head, bathe and get dressed. He then had the bell rung to summon the monks so that he could bid them farewell. He appeared to have passed away and the monks began wailing piteously without letup. Suddenly T'ung-Shan opened his eyes and said to them: "Homeless monks aren't attached to things. That is their authentic practice. Why lament an arduous life and pitiful death?" T'ung-Shan then instructed the temple director to organize a "delusion banquet." The monks' adoration for T'ung-Shan was unending. Seven days later the food was prepared. T'ung-Shan had a final meal with the congregation. He then said: "Don't make a big deal about it. When I pass away, don't go carrying on about it." T'ung-Shan then returned to his room, and sitting upright, passed away. It was the third month in 869. He was sixty-three years of age, he'd been an ordained monk for forty-two years. T'ung-Shan received the posthumous name "Enlightened Source."



***Chương Hai Mươi Ba***  
***Chapter Twenty-Three***

***Pháp Ngữ Của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới***  
***Khai Tổ Thiền Tông Tào Động***

Theo Phật giáo, Pháp ngữ là những bài thuyết pháp, có thể là của một bậc thầy hay một pháp lữ. Pháp ngữ là chân lý sống động của Phật giáo, đặc biệt của Thiền. Những lời nói sâu sắc của các bậc trưởng lão và các thầy ngày xưa thuộc truyền thống Thiền. Những lời đó rất thường được các thầy về sau nhắc lại trong các phần trình bày kinh nghiệm chứng ngộ thiền của họ. Trong nhà Thiền, Pháp ngữ có khả năng nghiền nát những ác quấy, đối lập và ảo vọng. Lời thuyết pháp của một vị thầy Thiền phá vỡ mọi não phiền nghiệp hoặc, lời ấy không ngừng nghỉ ở một thiền sinh đặc biệt nào, hay một chỗ đặc biệt nào, mà chúng có thể xoay chuyển trong một thời gian dài học trò này qua học trò khác, từ người này qua người khác, từ nơi này qua nơi khác, và thậm chí từ thế hệ này qua thế hệ khác. Về sau này, Thiền Sư Tuyết Đậu Trùng Hiển (980-1052) trong thế kỷ thứ XI đã biên soạn lại một số ngữ lục của các vị thiền sư quan trọng trong quá khứ thành một bộ công án gọi là Bích Nham Lục, gồm 100 công án. Đến thế kỷ thứ XIII, một bộ sưu tập 300 công án (tức), được biên soạn bởi Thiền sư Tào Động tông Nhật Bản, Đạo Nguyên Hy Huyền.

Trong Thiền Tông Tào Động, những pháp ngữ hay những lời dạy của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới là lý do chính làm cho ông trở thành vị sáng lập ra tông phái Thiền này. Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869), tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín. Động Sơn được nhắc tới trong các ví dụ thứ 18 của Vô Môn Quan và thí dụ thứ 12 của Bích Nham Lục. Ngoài ra, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XV: Thiền sư Lương Giới Động Sơn sanh năm 807 sau Tây Lịch tại Hội Khê, nay thuộc tỉnh Triết Giang. Ông là đệ tử của Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh. Ông được công nhận là người đã sáng lập ra tông Tào Động. Tông phái này, cùng với Lâm Tế tông, là một trong hai nhánh Thiền bắt đầu từ thời nhà Đường, thời hoàng kim của Thiền, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Dưới đây là một số Pháp Ngữ tiêu biểu của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới, khai tổ Tào Động Tông.

**Bảo Cảnh Tam Muội:** Tam muội về kho báu hay tam muội soi gương. Tên của một trước tác của thiền sư Động Sơn Lương Giới, ca ngợi sự thể nghiệm về chân tính của các sự vật, về bản tính thật hay Phật tính của hành giả đang ở trong trạng thái đại giác.

**Động Sơn Bất An:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) và một vị Tăng trong lúc Thiền sư đang bệnh. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một Động Sơn bị bệnh, sai sa di báo tin cho pháp tử của Sư là Vân Cư hay. Sư dặn Sa di: “Nếu Vân Cư hỏi Hòa Thượng an vui chăng?” Người chỉ nói xong phải đứng xa, e y đánh người. Sa di lãnh mệnh đi báo tin, nói chưa dứt lời đã bị Vân Cư đánh một gậy. Có vị Tăng hỏi: “Hòa Thượng bệnh lại có cái chẳng bệnh chăng?” Sư đáp: “Có.” Tăng thưa: “Cái chẳng bệnh lại thấy Hòa Thượng chăng?” Sư bảo: “Lão Tăng xem y có phần.” Tăng thưa: “Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.” Sư lại hỏi Tăng: “Lìa cái thân hình rở chảy này, người đến chỗ nào cùng ta thấy nhau?” Tăng không đáp được. Sư bèn làm bài kệ:

“Học giả hăng sa vô nhất ngộ  
 Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ  
 Dục đắc vong hình dẫn tung tích  
 Nỗ lực ân cần không lý bộ.”  
 (Kẻ học hăng sa ngộ mấy người  
 Lỗi tại tâm y trên đầu lưỡi  
 Muốn được quên thân bật dấu vết  
 Nỗ lực trong không bước ấy người).

**Bất Đạo Phàm Thánh:** Đây là một trong ba điểm cương yếu trong tông chỉ của Động Sơn Lương Giới. Người cầu học thiền dứt hết những phân biệt của vọng niệm, ra khỏi tam giới (dục, sắc và vô sắc) thì tự nhiên cửa niết bàn sẽ hiển lộ.

**Động Sơn Chủ Trung Chủ Cú:** Đây là một trong bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Chủ trung chủ có nghĩa là dứt bỏ năng sở chấp thủ hay sự bám víu khách quan và chủ quan—See Động Sơn Tân Chủ Cú.

**Động Sơn Chủ Trung Tân Cú:** Đây là một trong bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày

lý huyền diệu của Phật pháp. Chủ trung tâm có nghĩa là tất cả đều lấy bản thể của lý làm cơ bản. Lý thể vốn đầy đủ không thay đổi. Hành giả nên luôn nhớ rằng chân lý triệt tiêu văn tự; chân lý độc lập với văn tự, hay nói cách khác, văn tự không diễn tả được chân lý—See Động Sơn Tân Chủ Cú.

**Động Sơn Cúng Chân:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) và một vị Tăng lúc Sư đang cúng dường chân tượng của ngài Vân Nham Đàm Thanh. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, khi Thiền sư Động Sơn cúng dường chân tượng của ngài Vân Nham Đàm Thanh và nhắc lại lời dạy trước kia của thầy: "Sau khi Hòa Thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi 'Tả được hình dáng của thầy chăng?' Con phải đáp làm sao? Hòa Thượng Vân Nham lặng thinh hồi lâu rồi bảo: 'Chỉ cái ấy.'" Trong chúng có một vị Tăng bước ra hỏi: "Tổ sư Vân Nham nói 'Chính là cái ấy', ý chỉ như thế nào?" Động Sơn nói: "Trước đây dường như lão tăng hiểu sai ý của Thầy." Vị Tăng lại hỏi: "Chẳng biết Tổ sư Vân Nham có biết điều này hay không?" Động Sơn nói: "Nếu như không biết thì Thầy đâu có nói được như thế? Còn nếu như biết thì Thầy đâu có chịu nói như thế!"

**Động Sơn Đại Sư:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) và một vị Tăng nói về nỗi đau khổ không thể chịu nổi lớn nhất. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm Thiền sư Động Sơn Lương Giới hỏi một vị Tăng: "Thế gian cái gì là khổ không thể chịu nổi lớn nhất?" Vị Tăng đáp: "Đọa xuống địa ngục là khổ nhất." Sư nói: "Không đúng." Vị Tăng lại hỏi: "Ý Sư thế nào?" Sư nói: "Ngay dưới lớp cà sa này mà không rõ được việc lớn mới là khổ nhất."

**Động Sơn Đáo Đỉnh Ma?:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Động Sơn Lương Giới và một vị Tăng trong lúc đạo núi. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm Thiền sư Động Sơn Lương Giới hỏi một vị Tăng: "Ông đi đâu về?" Vị Tăng đáp: "Đạo núi về." Sư hỏi: "Ông có lên tới đỉnh không?" Vị Tăng đáp: "Đến đỉnh." Sư hỏi lại: "Trên đỉnh có người không?" Vị Tăng đáp: "Không có người." Sư hỏi: "Nếu nói như thế thì ông chưa tới đỉnh vậy?" Vị Tăng đáp: "Nếu con chưa lên đến đỉnh, làm sao con biết không có người?" Sư hỏi: "Tại sao không ở lại?" Vị Tăng đáp: "Con đâu có ngại gì, nhưng Tây Thiên có người không chịu." Sư nói: "Xưa nay lão Tăng đã nghi ngờ gã này."

**Động Sơn Đào Mễ Thoại:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa hai Thiền sư Động Sơn Lương Giới và Tuyết Phong Nghĩa Tồn. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, tại Động Sơn, Tuyết Phong làm trưởng ban trai phạn (Phạn Đầu) đang đãi gạo. Động Sơn hỏi: “Đãi cát bỏ gạo hay đãi gạo bỏ cát?” Sư đáp: “Gạo cát đồng thời bỏ.” Động Sơn hỏi: “Như vậy đại chúng lấy gì ăn?” Tuyết Phong bèn lật úp thau đãi gạo. Động Sơn nói: “Cứ theo nhưn duyên này, ông hợp ở Đức Sơn.”

**Động Sơn Địa Thân:** Công án nói về cơ duyên tương kiến giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) và một vị Thổ Thần. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, Thiền sư Động Sơn một đời trụ viện mà thổ thần không tìm thấy dấu vết. Một hôm có ai đó làm đổ bột gạo trước cửa nhà trụ; Động Sơn bèn khởi tâm bảo: "Của thường trụ đâu nên coi thường như vậy." Thổ thần thấy được ngài liền lễ bái. Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng nếu mình thật sự phát tâm tu hành thì cung điện ma ba tuần cũng phải rạn nứt, dầu cho ba tuần có muốn đến làm náo loạn người tu cũng không thấy dấu vết, không thể đến gần người tu đó được.

**Động Sơn Diệu Đạo:** Đây là một trong ba nghệ thuật hướng dẫn và dạy dỗ người học của Động Sơn Lương Giới. Trong Thiền, thuật ngữ này ám chỉ đạo pháp của Thiền tông thẳng tắt và không lưu lại dấu vết gì cả.

**Động Sơn: Định Không Cửa, Làm Sao Ông Vào Được?:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, khi Thiền Sư Khâm Sơn Văn Thúc, Nham Đầu và Tuyết Phong vẫn còn ở chỗ của Động Sơn, cả nhóm đang ngồi thiền thì Động Sơn mang trà đến. Khâm Sơn vẫn ngồi nhắm mắt lại. Động Sơn nói: "Ông đi đâu vậy?" Khâm Sơn nói: "Con đang vào định." Động Sơn nói: "Định không có cửa, làm sao ông vào được?"

**Động Sơn Độc Nhãn:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh và Lương Giới Động Sơn (807-869). Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XIV, trong một dịp, Vân Nham đang làm đôi giày cỏ, thì Động Sơn đến hỏi: "Muốn có một con mắt; nhờ thầy chỉ dạy, không biết có được không?" Vân Nham nói: "Để cho ai vậy?" Động Sơn nói: "Không có ai cả." Vân Nham nói: "nếu có thì ông để vào đâu?" Động Sơn không đáp, theo đó Vân Nham nói: "Người hỏi xin một con mắt, có phải y là con mắt không?" Động Sơn nói: "Không phải mắt." Vân Nham hét lên tiếng "Chu choa" nghe dễ sợ.



**Động Sơn: Hạ Mạt:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới thượng đường thị chúng, nói: “Mùa thu đang bắt đầu và thời khóa tu tập mùa hè đã chấm dứt. Chư Tăng, đi đông đi tây tùy ý, nhưng hãy đi đến chỗ không có một ngọn cỏ trong mười ngàn lý (trong Thiền, cỏ và rong rêu dụ cho chướng ngại, ảo vọng và những hiện tượng tầm thường).” Đoạn Sư hỏi: “Làm sao mấy ông đi đến chỗ không có một ngọn cỏ trong mười ngàn lý?” Một vị Tăng nói với Thạch Sương Khánh Chư về chuyện này. Thạch Sương đáp: “Tại sao ông không nói, 'Ngay lúc rời cổng đã có cỏ rồi!'?” Về sau Động Sơn nghe được điều này và nói: “Trong Đại Đường còn được bao nhiêu người như vậy?”

**Động Sơn Hàn Thủ:** Thí dụ thứ 43 trong Bích Nham Lục diễn tả phương pháp giảng dạy của Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869): "Một nhà sư hỏi Động Sơn, 'Nóng và lạnh đi rồi đến. Làm thế nào để tránh?' Động Sơn nói, 'Tại sao ông không tới nơi nào không có nóng và lạnh?' Nhà sư nói, 'Nơi nào là nơi không có nóng và lạnh?' Động Sơn nói, 'Khi trời lạnh, cái lạnh giết ông; khi trời nóng, cái nóng giết ông (khi trời lạnh, hãy hòa làm một với lạnh; khi trời nóng, hãy hóa thân thành nóng).'" Đây là loại công án "mặc nhiên phủ nhận", nghĩa là, loại công án giải minh chân lý Thiền bằng lối phát biểu hư hóa hoặc phế bỏ. Với loại công án này, chúng ta thường cáo buộc các Thiền sư là phủ nhận. Nhưng kỳ thật họ chẳng phủ nhận gì cả, những gì họ đã làm chỉ nhằm để vạch rõ ra các ảo tưởng của chúng ta cho vô hữu là hữu, hữu là vô hữu, vân vân. Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, Hòa Thượng Tân ở Hoàng Long niêm: "Động Sơn đầu tay áo làm cổ, dưới nách khoét bầu, thế mà vị Tăng này không cam, như nay có người ra hỏi Hoàng Long, 'hãy nói làm sao đuối đẹp'? Sư im lặng giây lâu, rồi tiếp: 'An thiền đâu hẳn nhờ sông núi, diệt sạch tâm sanh lửa tự lành'." Các người hãy nói cái lông của Động Sơn rơi vào chỗ nào? Nếu biện được rành rẽ mới biết Động Sơn ngũ vị, hồi lỗ, chánh thiên, tiếp người thật là kỳ đặc. Đến được cảnh giới hưởng thượng này mới được như thế, chẳng cần an bài tự nhiên khéo hợp. Vì thế nói: "Chánh Trung Thiên, canh ba đầu hôm trước trăng sáng, chớ lạ gặp nhau chẳng biết nhau, thăm thăm vẫn ôm hiềm ngày trước. Thiên Trung Chánh, mắt sáng lão bà gặp cổ cảnh, rõ ràng xem lại mặt không chơn, thôi chớ quên đầu nhận lấy bóng. Chánh Trung Lai, trong không có lộ thoát trần ai, chỉ hay chẳng chạm hụy hiện tại, cũng hơn tiền triều cắt lưỡi tài. Thiên Trung Chi, hai

nhấn giao phong chẳng cần tránh, tay khéo lại đồng sen trong lò, quả nhiên tự có xung thiên khí. Kiêm Trung Đáo, chẳng rời có không ai dám hòa, mỗi người trọn muốn ra dòng thường, cam chịu lui về ngồi trong tro." Viễn Lục Công ở Phù Sơn lấy công án này làm mẫu cho ngũ vị. Nếu hiểu một tắc thì các tắc tự nhiên dễ hiểu. Nham Đầu nói: "Giống như trái bầu để trên mặt nước, động đến liền xoay vẫn chẳng mất mấy tơ khí lực." Có vị Tăng hỏi Động Sơn: "Khi Văn Thù, Phổ Hiền đến tham vấn thì thế nào?" Động Sơn đáp: "Đuổi vào trong bầy trâu đi." Vị Tăng lại nói: "Hòa Thượng vào địa ngục nhanh như tên bay." Động Sơn nói: "Toàn nhờ tha lực. Sao chẳng nhằm chỗ không lạnh nóng mà đi, đây là Thiên Trung Chánh." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là chỗ không lạnh nóng?" Động Sơn nói: "Khi lạnh lạnh chết Xà Lê, khi nóng nóng chết Xà Lê, đây là Chánh Trung Thiên. Tuy Chánh lại Thiên tuy Thiên lại Chánh." Trong tập lục của tông Tào Động chép đầy đủ kỹ lưỡng. Nếu là dưới tông Lâm Tế thì không có nhiều việc. Loại công án này thẳng đó liền hội. Có người nói "Rất tốt không lạnh nóng," có đúng sự thật chút nào? Cổ nhân nói: "Nếu nhằm trên kiếm bén nhọn thì thích, nếu nhằm trên tình thức thì chậm." Có vị Tăng hỏi Thúy Vi: "Thế nào là ý Tổ Sư từ Tây sang?" Thúy Vi bảo: "Đợi không có người sẽ nói với ông." Sư đi vào trong vườn. Vị Tăng thưa: "Chỗ này không người, thỉnh Hòa Thượng nói." Thúy Vi chỉ bụi tre nói: "Cây tre này được dài thế ấy, cây tre kia được ngắn thế ấy." Vị Tăng bỗng nhiên đại ngộ. Tào Sơn hỏi một vị Tăng: "Nóng thế ấy đến chỗ nào ẩn trốn?" Vị Tăng thưa: "Ẩn trốn trong chảo dầu lò lửa." Tào Sơn hỏi: "Chảo dầu lò lửa làm sao ẩn trốn?" Vị Tăng thưa: "Các khổ không thể đến." Xem người trong nhà kia tự nhiên hiểu những lời nói trong nhà kia.

**Hòa Thượng Chớ Đè Nén Kẻ Lành Để Nó Trở Thành Nghịch Tặc!:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, Lương Giới Động Sơn (807-869) du phương, trước yết kiến Thiên sư Nam Tuyên Phổ Nguyên. Gặp ngày kỵ trai Mã Tổ, Nam Tuyên hỏi chúng: "Cúng trai Mã Tổ có đến hay chẳng?" Cả chúng đều không đáp được. Sư bước ra thưa: "Đợi có bạn liền đến." Nam Tuyên bảo: "Chú nhỏ này tuy là hậu sanh rất dễ dưa gọt." Sư thưa: "Hòa thượng chớ đè nén kẻ lành để nó trở thành nghịch tặc."

**Động Sơn và Huệ Siêu:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, khi Lương Giới Động Sơn (807-869) đến với Thủ Sơn Huệ Siêu. Huệ Siêu hỏi: "Ông đã trụ tại một phương, nay đến đây làm gì?" Động

Sơn nói: “Tôi bị dày vò bởi một mối ngờ, không biết phải làm sao nên đến đây.” Huệ Siêu gọi lớn: “Lương Giới! (tên thật của Động Sơn)” Động Sơn cất tiếng: “Đạ!” Huệ Siêu hỏi: “Cái gì thế?” Động Sơn không biết trả lời ra sao, và Huệ Siêu nói ngay: “Phật đẹp quá, chỉ hiềm không có lửa sáng!” Theo Truyền Đăng Lục, vì không có lửa sáng nên sự vô trí không được thấp sáng, khi biết được điều này, sẽ có sự thấp sáng.

**Động Sơn: Kiến Ảnh Trung Thủy:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Vân Nham Đàm Thanh và Động Sơn Lương Giới. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, khi Động Sơn từ biệt Vân Nham để đi nơi khác. Vân Nham hỏi: “Đi nơi nào?” Sư thưa: “Tuy lìa Hòa Thượng mà chưa định chỗ ở?” Vân Nham hỏi: “Phải đi Hồ Nam chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Phải đi về quê chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Bao lâu trở lại?” Sư thưa: “Đợi Hòa Thượng có chỗ thì trở lại.” Vân Nham bảo: “Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.” Sư thưa: “Khó được chẳng thấy nhau.” Sắp đi, sư lại thưa: “Sau khi Hòa Thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi ‘Tả được hình dáng của thầy chăng?’ Con phải đáp làm sao?” Vân Nham lặng thinh hồi lâu, bảo: “Chỉ cái ấy.” Sư trầm ngâm giây lâu. Vân Nham bảo: “Xà lê Lương Giới thừa đương việc lớn phải xét kỹ.” Sư vẫn còn hồ nghi. Sau sư nhơn qua suối nhìn thấy bóng, đại ngộ ý chỉ trước, liền làm một bài kệ:

“Thiết kỵ tùng tha mịch, điều điều dữ ngã sơ  
Ngã kim độc tự vãng, xứ xứ đắc phùng cừ.  
Cừ kim chánh thị ngã, ngã kim bất thị cừ  
Ứng tu nhậm ma hội, phương đắc đắc như như.”

(Rất kỵ tìm nơi khác, xa xôi bỏ lảng ta. Ta nay riêng tự đến, chỗ chỗ đều gặp gã. Gã nay chính là ta, ta nay chẳng phải gã. Phải nên biết như thế, mới mong hợp như như).

**Động Sơn Huyền Lộ:** Đây là một trong ba nghệ thuật hướng dẫn và dạy dỗ người học của Động Sơn Lương Giới. Trong Thiền, thuật ngữ này ám chỉ Thiền là pháp môn huyền diệu, trong đó hành giả phải lìa xa cả ngôn ngữ lẫn văn tự.

**Động Sơn: Kiềm Trung Đáo:** Kiềm Trung Đáo là một trong năm cấp bậc chứng ngộ do Động Sơn Lương Giới thiết lập. Giống như 10 bài kệ chân trâu, đây là các mức độ khác nhau về sự thành tựu trong nhà Thiền. Giai đoạn thứ năm là ngôi vị cao nhất, sắc và không tương tức

tương nhập đến độ không còn ý thức cả hai, các ý niệm ngộ mê đều biến mất, đây là giai đoạn của tự do nội tại trọn vẹn (ở giai đoạn này, hình thức và hư vô hoàn toàn thâm nhập lẫn nhau. Từ trạng thái ý thức ấy nảy ra hành vi tự phát, không định trước, không có ý đồ của óc cũng như tim, phản ứng ngay với tất cả hoàn cảnh xảy ra).

**Động Sơn: Kim Tỏa Huyền Lô:** Đây là một trong ba điểm cương yếu trong tông chỉ của Động Sơn Lương Giới. Người cầu học thiền nên luôn nhớ dẫu là con đường hưởng thượng đi nữa cũng chỉ là sợi dây vàng trói buộc mà thôi. Ý nói Niết Bàn như vàng ròng, nhưng nếu hành giả chấp vào nó thì giống như bị sợi dây vàng trói buộc vậy.

**Động Sơn: Kỳ Diệu Thay Vô Tình Thuyết Pháp!:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, khi Lương Giới Động Sơn (807-869) đến tham vấn với thiền sư Qui Sơn. Sư thưa: “Được nghe Quốc Sư Huệ Trung nói ‘vô tình thuyết pháp’ con chưa thấu hiểu chỗ vi diệu ấy?” Qui Sơn bảo: “Có nhớ những gì Quốc Sư nói chăng?” Sư thưa: “Con nhớ.” Qui Sơn nói: “Vậy thì lập lại xem sao!” Lương Giới nói: “Có một vị Tăng hỏi Quốc Sư, ‘Thế nào là tâm của chư Phật?’ Quốc Sư trả lời, ‘Một miếng ngói tường.’ Sư hỏi, ‘Một miếng ngói tường? Có phải miếng ngói tường là vô tình hay không?’ Qui Sơn đáp, ‘Đúng vậy.’ Vị Tăng hỏi tiếp, ‘Như vậy nó có thể thuyết pháp không?’ Quốc Sư đáp, ‘Miếng ngói ấy thuyết pháp một cách rõ ràng không vấp vấp.’ Vị Tăng hỏi, ‘Tại sao con lại không nghe được?’ Quốc sư bảo, ‘Tự người không nghe được, nhưng không có nghĩa là người khác không nghe được.’ Vị Tăng lại hỏi, ‘Như vậy ai nghe được?’ Quốc Sư đáp, ‘Các bậc Thánh nhân nghe được.’ Vị Tăng lại nói, ‘Vậy Thầy có nghe được không?’ Quốc Sư đáp, ‘Ta không nghe được. Nếu ta nghe được thì ta đã đồng là Thánh rồi còn gì! Làm gì người có thể nghe ta thuyết pháp.’ Vị Tăng hỏi, ‘Như vậy tất cả chúng sanh không thể hiểu được những lời thuyết này.’ Quốc Sư nói, ‘Ta vì phàm phu mà thuyết pháp, chớ không vì Thánh mà thuyết.’ Vị Tăng nói, ‘Như vậy sau khi nghe được rồi thì sao?’ Quốc Sư đáp, ‘Sau khi chúng sanh đã nghe hiểu rồi thì họ đâu còn là phàm phu nữa.’” Lương Giới tiếp tục, vậy thì theo Quốc Sư Huệ Trung, vô tình như vách tường, ngói và đá luôn đang tiếp tục thuyết pháp. Đoạn, Lương Giới hỏi Qui Sơn: “Ai có thể nghe những lời dạy này?” Qui Sơn nói: “Có những bài thuyết pháp bởi vô tình chúng sanh, nhưng chỉ vài người có thể nghe được chúng mà thôi.” Lương Giới thưa nhận: “Con không hội, xin Thầy chỉ dạy.” Thay vì nói thì Qui Sơn lại

đưa cây phất tử lên. Lương Giới nói: “Con vẫn chưa hội.” Qui Sơn nói: “Miệng do cha mẹ sanh, trọn không thể vì ông nói.” Cũng theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, theo lời đề nghị của Qui Sơn, Lương Giới Động Sơn (807-869) đi đến chỗ của Vân Nham và hỏi Vân Nham về câu chuyện của Quốc Sư: “Vô tình thuyết pháp, người nào được nghe?” Vân Nham hỏi lại: “Vô tình nghe cái gì vô tình có thể nghe được?” Sư lại hỏi: “Hòa Thượng có nghe được chăng?” Vân Nham nói: “Nếu ta nghe, ông đâu thể được nghe ta thuyết pháp.” Sư thưa: “Con vì sao chẳng nghe được?” Vân Nham dựng cây phất tử nói: “Ông có còn nghe ta chăng?” Sư thưa: “Chẳng nghe.” Vân Nham bảo: “Ta thuyết pháp mà ông còn chẳng nghe, huống là vô tình thuyết pháp?” Sư hỏi: “Vô tình thuyết pháp gồm những kinh điển gì?” Vân Nham bảo: “Đâu không thấy kinh Di Đà nói 'Nước, chim, cây rừng thảy đều niệm Phật, niệm Pháp?’” Ngay câu này sư bỗng nhiên đại ngộ. Sư bàn viết bài kệ:

"Kỳ diệu thay! Kỳ diệu thay!  
 Vô tình thuyết pháp chẳng nghĩ bàn  
 Nếu lấy tai nghe trọn khó hiểu  
 Phải đem mắt thấy mới hiểu rõ."  
 (Đã đại kỳ! Đã đại kỳ!  
 Vô tình thuyết pháp bất tư nghĩ  
 Nhược tương nhĩ thính chung nan hội  
 Nhãn xứ văn thính phương đắc tri).

Sau đó sư làm thêm bài kệ thứ nhì:

“Không môn hữu lộ nhân giai đáo,  
 Đạo giả phương tri chỉ thú trường.  
 Tâm địa nhược vô nhân thảo mộc,  
 Tự nhiên thân thượng phóng hào quang.”

**Động Sơn: Lương Nhận Tương Thương:** Hai thanh kiếm nhọn khi va chạm thường bị hư hao. Trong thiền, từ này chỉ cho hai nhóm đồ đệ cùng đưa ra một phương án chung để giải quyết vấn đề cơ phong nhà thiền (khía cạnh vi diệu thâm áo của thiền). Đây là ngôi vị Thiên Trung Chí của tông Tào Động, với ngôi vị này, tính duy nhất của mỗi sự vật được nhận thức ở mức độ độc nhất, không còn sự phân biệt nữa. Bây giờ núi là núi, sông là sông; chứ không còn núi đẹp sông buồn nữa. Đây là năm cấp bậc chứng ngộ do Động Sơn Lương Giới thiết lập. Giống như 10 bài kệ chẵn trâu, đây là các mức độ khác nhau về sự thành tựu trong nhà Thiền.

**Động Sơn: Ma Tam Căn:** Theo thí dụ thứ 18 của Vô Môn Quan và thí dụ thứ 12 của Bích Nham Lục, ngày nọ, có một ông Tăng đến hỏi Động Sơn: "Phật là gì?" Động Sơn đáp: "Ba căn mè." Qua thí dụ này chúng ta nhớ lại chuyện có một vị Tăng hỏi Huệ Trung Quốc Sư, "Thế nào là tâm của chư Phật?" Quốc Sư trả lời, "Một miếng ngói tường." Nghĩ rằng miếng ngói tường là một vật vô tình vị Tăng hỏi tiếp, "Như vậy nó có thể thuyết pháp không?" Quốc Sư đáp, "Miếng ngói ấy thuyết pháp một cách rõ ràng không vấp vấp." Vị Tăng hỏi, "Tại sao con lại không nghe được?" Quốc sư bảo, "Tự người không nghe được, nhưng không có nghĩa là người khác không nghe được." Vị Tăng lại hỏi, "Như vậy ai nghe được?" Quốc Sư đáp, "Các bậc Thánh nhân nghe được." Vị Tăng lại nói, "Vậy Thầy có nghe được không?" Quốc Sư đáp, "Ta không nghe được. Nếu ta nghe được thì ta đã đồng là Thánh rồi còn gì! Làm gì người có thể nghe ta thuyết pháp." Vị Tăng hỏi, "Như vậy tất cả chúng sanh không thể hiểu được những lời thuyết này." Quốc Sư nói, "Ta vì phạm phu mà thuyết pháp, chớ không vì Thánh mà thuyết." Vị Tăng nói, "Như vậy sau khi nghe được rồi thì sao?" Quốc Sư đáp, "Sau khi chúng sanh đã nghe hiểu rồi thì họ đâu còn là phạm phu nữa." Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, lão Động Sơn tham được đôi chút Thiền sò trai, mở miệng là để lộ cả gan ruột. Tuy như vậy, thử hỏi thấy Động Sơn ở đâu? Hành giả tu thiền nên luôn nhớ rằng nếu dưới câu nói của Động Sơn hiểu như thế, tham vấn đến Phật Di Lặc ra đời cũng chưa mộng thấy, vì ngôn ngữ chỉ là món đồ chớ đạo. Nếu chẳng biết ý của cổ nhân, chỉ chăm vào trong câu tìm câu có gì chân thật. Cổ nhân nói: "Đạo vốn không lời, nhưn lời hiểu đạo, thấy đạo phải quên lời."

**Na Biên Cú Giá Biên Cú (Bên kia và bên này):** Công án nói về cơ duyên vấn đáp về việc Thiền sư Động Sơn (807-869) khai ngộ cho Sơ Sơn Quang Nhân. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, vào một dịp Động Sơn thượng đường và nói: "Lão Tăng muốn mấy ông phải lãnh hội sự việc này. Mấy ông phải giống như một cái cây khô trở hoa. Thế là mấy ông hòa nhập được với nó." Sơ Sơn hỏi: "Còn về các nơi đều bại hoại thì sao?" Động Sơn nói: "Đại Đức! Ông đang nói về tu tập hạnh. May mắn là có một cảnh giới tu tập vô hành hạnh. Tại sao ông không hỏi về cảnh giới đó?" Sơ Sơn nói: "Tu tập vô hành hạnh? Có thể có một người như vậy không?" Động Sơn nói: "Nhiều người sẽ cười ông khi ông hỏi một câu như vậy." Sơ Sơn nói: "Trong trường hợp đó,

con đã đi lệch." Động Sơn nói: "Lệch là không lệch, cũng không không lệch." Sơ Sơn nói: "Thế nào là lệch?" Động Sơn nói: "Nếu ông nói 'một người như vậy,' là ông vẫn chưa lãnh hội." Sơ Sơn nói: "Cái gì là không lệch?" Động Sơn nói: "Một nơi không có sự khác biệt hay không có bên kia bên này."

**Ngộ Bản Thiên Sư:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, thuở nhỏ Lương Giới Động Sơn (807-869) theo thầy tụng kinh Bát Nhã đến câu "Vô nhân nhĩ tử thiệt thân." Sư chợt hỏi thầy: "Con có mắt, tai, mũi. Cớ sao trong kinh lại nói là không?" Thầy kinh ngạc trả lời: "Ta chẳng phải là thầy của ngươi." Thế rồi thầy gửi Lương Giới đến tham học với thiền sư Linh Mặc ở trên núi Vũ Tiết. Sư thọ cụ túc giới năm 21 tuổi. Cũng theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, cũng như nhiều vị Thiền sư khác vào thời nhà Đường, người ta cũng cho rằng Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) có khả năng đoán trước ngày thị tịch của chính mình. Câu chuyện được kể rằng một hôm ở tuổi 63, Sư sai cạo tóc tắm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, gõ từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chợt mở mắt bảo: "Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật, là tu hành chân chánh. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?" Sư bảo chủ sự sắm trai ngu si để cúng dường. Chúng vẫn luyến mến quá, kéo dài đến ngày thứ bảy. Khi thọ trai, sư cũng tụng chúng thọ. Thọ trai xong, sư bảo chúng: "Tăng Già không việc, sắp đến giờ ra đi, chớ làm ồn náo." Sư vào trượng thất ngồi yên mà tịch. Bảy giờ là tháng ba năm 869, đời nhà Đường. Sư thọ 63 tuổi, 42 tuổi hạ. Vua phong sắc là "Ngộ Bản Thiên Sư."

**Động Sơn Ngôn Ngữ Vô Triển Sự:** Một trong bốn câu nói về mối quan hệ giữa văn tự ngôn ngữ và sự diệu ngộ do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Ngôn ngữ vô triển sự có nghĩa là ngôn ngữ không thể chỉ bày được chân lý, thế nên hành giả phải ở ngoài ngôn ngữ mới thể hội được chân lý.

**Động Sơn Ngũ Vị:** Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) chẳng những được công nhận như là một vị Thiền sư mà còn là một thi sĩ nổi tiếng, và Sư đã làm thành viên những giáo pháp mà Sư đã nhận và tìm cách truyền lại bằng thi kệ. Một trong những giáo pháp đó là một bài kệ "mật truyền" từ thời Thiền sư Duy Nghiễm đến Vân Nham, và nổi tiếng với tên "Động Sơn Ngũ Vị." Động Sơn Ngũ Vị là năm cấp bậc chứng ngộ do Động Sơn Lương Giới thiết lập. Giống như 10 bài kệ

chấn trâu, đây là các mức độ khác nhau về sự thành tựu trong nhà Thiền. Đây là một trong những trọng điểm mà hành giả cần phải nghiên cứu trước khi hy vọng hiểu được công án một cách tri thức và có hệ thống. Đây cũng là một trong những chủ đề quan trọng nhất trong Thiền Phật giáo. Đệ nhất vị là "Chánh Trung Thiên." Đây là giai đoạn của cái tương đối trong cái tuyệt đối (cái cong trong cái thẳng). Ngòi vị thứ nhất nhận thức về thế giới hiện tượng ngự trị, nhưng nó được nhận thức như là chiều kích của ngã tuyệt đối (nó được nhận biết như một biểu hiện của cái căn bản, của bản tánh thật của chúng ta). Động Sơn đã có thể đặt "Cái tương đối trong cái tuyệt đối" qua thi kệ như sau:

“Tam canh sơ dạ nguyệt minh tiền  
Mạc quái tương phùng bất tương thức  
Ẩn ẩn du hoài cự nhựt hiêm.”

Đệ nhị vị là "Thiên Trung Chánh". Đây là giai đoạn của cái tuyệt đối trong cái tương đối" qua thi kệ như sau. Giai đoạn thứ nhì này hình thái vô phân biệt đến với giai đoạn trước một cách mãnh liệt và sự phân biệt bị đẩy lùi vào phía sau (mặt đồng nhất nổi lên và tính đa tạp lùi xuống). Động Sơn đã có thể đặt "Cái tuyệt đối trong cái tương đối" qua thi kệ như sau:

“Thất hiểu lão bà phùng cổ kính  
Phân minh địch diện biệt vô chơn  
Hưu cánh mê đầu du nhận ảnh.”

Đệ tam vị là "Chánh Trung Lai". Đây là giai đoạn của cái đến từ bên trong cái tuyệt đối. Giai đoạn thứ ba là ngòi vị trong ấy không còn ý thức về thân hay tâm. Cả hai đã được xả bỏ hoàn toàn (không còn có ý thức về thân thể hay về tinh thần nữa; cái này lẫn cái kia hoàn toàn bị xóa đi; đó là kinh nghiệm về tánh hư không). Động Sơn đã có thể đặt "Đến từ bên trong cái tuyệt đối" qua thi kệ như sau:

“Vô trung hữu lộ cách trần ai  
Đản năng bất xúc đương kim hứy  
Dã thắng tiền triều đoạn thiết tài.”

Đệ tứ vị là "Thiên Trung Chí". Đây là giai đoạn của cái đến chỗ của Trung Đạo của cái Tương Đối. Giai đoạn thứ tư, với ngòi vị này, tính duy nhất của mỗi sự vật được nhận thức ở mức độ độc nhất. Bây giờ núi là núi, sông là sông; chứ không còn núi đẹp sông buồn nữa (ở giai đoạn này người ta thấy hết sức rõ đặc thù của một cái gì đó. Tính



hư không biến mất vào các hiện tượng). Động Sơn đã có thể đặt “Đến chỗ của Trung Đạo của cái tương đối” qua thi kệ như sau:

“Lưỡng nhân giao phong bất tu tị  
Hảo thủ du như hỏa lý liên  
Uyển nhiên tự hữu xung thiên chí.”

Đệ ngũ vị là "Kiềm Trung Đáo". Ở vị thứ năm hay là mức cao nhất, sắc và không tương tức tương nhập đến độ không còn ý thức cả hai, các ý niệm ngộ mê đều biến mất, đây là giai đoạn của tự do nội tại trọn vẹn (ở giai đoạn này, hình thức và hư vô hoàn toàn thâm nhập lẫn nhau. Từ trạng thái ý thức ấy nảy ra hành vi tự phát, không định trước, không có ý đồ của óc cũng như tim, phản ứng ngay với tất cả hoàn cảnh xảy ra). Động Sơn đã có thể đặt “Đạt được sự hợp nhất” qua thi kệ như sau:

“Bất lạc hữu vô thủy cảm hòa  
Nhơn nhơn tận dục xuất thường lưu  
Chiết hiệp hoàn qui khôi lý tọa.”

**Động Sơn Ngữ Bất Đầu Cơ:** Một trong bốn câu nói về mối quan hệ giữa văn tự ngôn ngữ và sự diệu ngộ do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Ngữ bất đầu cơ có nghĩa là tất cả ngôn ngữ không hợp với căn cơ. Hành giả phải khéo dùng ngôn cú để mục đích tối hậu là diệu ngộ có thể đạt được.

**Động Sơn Ngữ Sấm Lộ:** Đây là một trong ba điều chấp trước mà thiền sư Động Sơn Lương Giới nêu ra cho người học Ngữ sấm lộ có nghĩa là hành giả lãng phí thì giờ và công sức chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự mà quên những thứ đó chỉ là phương tiện cho chúng ta lãnh hội được giáo pháp huyền diệu của đức Phật mà thôi.

**Động Sơn: Nhất Bả Mao Cái Đầu:** Một năm tranh che đầu, ý nói vị trụ trì tự viện. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Vân Cư hỏi Động Sơn: “Thế nào là ý Tổ Sư?” Động Sơn đáp: “Sau này Xà Lê có nơi chốn ở yên, chợt có người đến hỏi như thế, phải đáp làm sao?” Vân Cư nói: “Lỗi tại con.” Về sau Vân Cư đi cất thảo am nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi: “Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?” Sư thưa: “Mỗi ngày có Thiên Thần cúng dường.” Động Sơn bảo: “Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều lại.” Chiều, sư đến. Động Sơn gọi: “Ứng am chủ!” Sư lên tiếng: “Dạ!” Động Sơn bảo: “Chẳng nghĩ thiện,

chẳng nghĩ ác là cái gì?" Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, Thiên Thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi đến cúng dường."

**Động Sơn: Pháp Môn Công Truyền:** Trong khi pháp môn của tông Lâm Tế là bất tâm của các môn đồ phải tìm cách giải quyết một vấn đề không thể giải quyết được mà chúng ta gọi là tham công án hay thoại đầu. Chúng ta có thể xem pháp môn bí truyền của tông Lâm Tế rất là rắc rối, vì lối tham thoại đầu hay công án hoàn toàn vượt ra ngoài tầm của kẻ sơ học. Người ấy bị xô đẩy một cách cốt ý vào bóng tối tuyệt đối cho đến khi ánh sáng bất ngờ đến được với y. Trái lại, theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, Thiên Sư Động Sơn Lương Giới (807-869) nhấn mạnh pháp môn tu tập của tông Tào Động là dạy cho môn đồ cách quán tâm mình trong tĩnh lặng. Chúng ta có thể xem pháp môn của tông Tào Động là hiển nhiên hay công truyền. Nếu ngay từ đầu, môn đồ được chỉ dẫn thích đáng bởi một vị thầy giỏi, pháp môn của tông Tào Động không đến nỗi khó tu tập cho lắm. Nếu chúng ta có thể có được những lời dạy khẩu truyền từ một thiền sư có kinh nghiệm thì không sớm thì muộn chúng ta sẽ học được cách 'quán tâm trong tĩnh lặng' hoặc, nói theo thuật ngữ Thiền, cách tu tập loại 'mặc chiếu Thiền'.

**Động Sơn Phát Tự Xuất Khứ:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Bách Nhan Minh Triết với Động Sơn Lương Giới và Mật Sư Bá. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XIV, một hôm, Mật Sư Bá và Động Sơn đến thăm Minh Triết, Minh Triết hỏi: "Trước đây ông ở đâu?" Động Sơn đáp: "Ở Hồ Nam." Minh Triết hỏi: "Vị Quan Sát Sư ở đó họ gì?" Động Sơn đáp: "Tôi không biết." Minh Triết hỏi: "Thế tên ông là gì?" Động Sơn đáp: "Tôi cũng chẳng biết luôn." Minh Triết lại hỏi: "Thế vị quan đó có trông nom công việc của mình không?" Động Sơn đáp: "Ông ta có nhiều viên chức thuộc hạ làm việc cho ông ta." Minh Triết hỏi: "Thế ông ta không hề ra vào quan sở hay sao?" Động Sơn bèn rũ áo bỏ đi. Hôm sau Minh Triết nói: "Lời hôm qua của thầy, tôi chưa được hiểu rõ lắm. Hôm nay mời thầy nói lại, nếu nói được, xin thỉnh thầy cùng thọ trai quá hạ." Động Sơn nói: "Quá tôn quý vậy!" Minh Triết bèn cho thiết trai đãi Động Sơn. Bề ngoài mà nói, thì cuộc đàm thoại giữa Động Sơn và Minh Triết có vẻ giản dị và minh bạch. Câu chuyện có vẻ chẳng có nghĩa lý gì cả. Nhưng thật ra, mỗi lời nói của họ đều có hai nghĩa, ám chỉ chân lý của Thiền. Câu chuyện này chỉ ra cách mà các Thiền sư quen thử thách nhau hằng ngày trong những câu chuyện giản dị. Họ vốn là những người thành thạo điều

luyện về cái nghệ thuật tranh biện theo kiểu Thiền này. Bất cứ lúc nào có dịp là họ bắt đầu trò chơi liền. Dĩ nhiên là người tham dự vào trò chơi để tranh Thiền này phải biết trước trò chơi để tương xứng với đối thủ của mình. Một người ngoại cuộc hẳn sẽ đáp sai, hoặc chứng hững không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Hành giả tu Thiền nên luôn xem Thiền như là một nghệ thuật trong cái ý nghĩa để tự diễn tả, nó chỉ tuân theo những trực giác và nguồn cảm hứng của riêng nó, chứ không phải là những giáo điều và quy luật. Đôi khi nó cũng có vẻ nghiêm trọng và trang nghiêm, đôi khi lại tầm thường và vui vẻ, giản dị và xác thực, hoặc bí ẩn và quanh co. Khi những Thiền sư thuyết giảng không phải các ngài chỉ luôn luôn dạy bằng miệng, mà cả bằng tay chân, bằng những dấu hiệu biểu trưng, hay những hành động cụ thể. Các ngài đánh, hét, đẩy, và khi bị cật vấn các ngài bỏ chạy, hoặc chỉ ngậm miệng giả câm. Những trò khôi hài này không có chỗ đứng trong tu từ học, triết học hay tôn giáo, và chỉ có thể được diễn tả đúng nhất là "nghệ thuật Thiền". Câu chuyện trên đây là một trong những phong cách của nghệ thuật Thiền mà Thiền sư dùng để thử thách sự thâm sâu và tính xác thực của sự lãnh hội và thực chứng của đệ tử hay của những thiền sư khác.

**Động Sơn: Phật Hương Thượng Sư:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) và một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới nói: "Ngộ được việc hương thượng (kiến tánh thành Phật) mới có thể nói một vài lời." Có một vị Tăng hỏi: "Khi Thầy nói nói một vài lời là thế nào?" Động Sơn đáp: "Lúc nói thì ông không nghe." Vị Tăng hỏi lại: "Hòa Thượng có nghe không?" Động Sơn nói: "Đợi đến lúc lão Tăng không nói thì nghe."

**Động Sơn Quả Tử:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) với Thái Thủ tọa. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một ngày mùa đông, Thiền sư Động Sơn Lương Giới và Thái Thủ tọa đang ăn trái cây, Động Sơn hỏi: "Có một vật trên chóc trời, dưới chống đất, đen như dầu hắc, thường ở trong cử động hằng ngày mà người ta nắm bắt nó chẳng được, vậy thì lão Tăng hỏi ông lỗi tại chỗ nào?" Thái Thủ tọa đáp: "Lỗi ở ngay trong chỗ cử động hằng ngày." Thiền sư Động Sơn hét lên một tiếng và cho dẹp trái cây đi.

**Động Sơn Sao Xướng Câu Hành:** Đây là một trong ba điểm cương yếu trong tông chỉ của Động Sơn Lương Giới. Người cầu học thiền gõ cửa xin lãnh giáo.

**Động Sơn: Tại Sao Ông Còn Kiến Giải Như Vậy?:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Vân Cư Đạo Ứng (?-901) hỏi Động Sơn: “Thế nào là ý Tổ Sư?” Động Sơn đáp: “Sau này Xà Lê có nơi chốn ở yên, chợt có người đến hỏi như thế, phải đáp làm sao?” Vân Cư nói: “Lỗi tại con.” Về sau Vân Cư đi cất thảo am nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi: “Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?” Sư thưa: “Mỗi ngày có Thiên Thần cúng dường.” Động Sơn bảo: “Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều lại.” Chiều, sư đến. Động Sơn gọi: “Ứng am chủ!” Sư lên tiếng: “Dạ!” Động Sơn bảo: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?” Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, Thiên Thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi đến cúng dường.”

**Động Sơn Tam Chứng Cương Yếu:** Ba điểm cương yếu trong tông chỉ của Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869): Thứ nhất là "Sao xướng câu hành." Người cầu học thiền gõ cửa xin lãnh giáo. Thứ nhì là "Kim tỏa huyền lộ." Người cầu học thiền nên luôn nhớ đầu là con đường hướng thượng đi nữa cũng chỉ là sợi dây vàng trói buộc mà thôi. Ý nói Niết Bàn như vàng ròng, nhưng nếu hành giả chấp vào nó thì giống như bị sợi dây vàng trói buộc vậy. Thứ ba là "Chẳng đọa phạm thánh." Dứt hết những phân biệt của vọng niệm, ra khỏi tam giới (dục, sắc và vô sắc) thì tự nhiên cửa niết bàn sẽ hiển lộ.

**Động Sơn Tam Đốn:** Ba hèo của Động Sơn, thí dụ thứ 15 của Vô Môn Quan. Một hôm, nhân Lương Giới Động Sơn (807-869) đến tham học, Vân Môn hỏi: "Mới từ đâu đến?" Động Sơn đáp: "Tra Độ." Vân Môn lại hỏi: "Hạ an cư ở đâu?" Động Sơn đáp: "Chùa Báo Từ ở Hồ Nam." Vân Môn hỏi tiếp: "Rời chùa hôm nào?" Động Sơn đáp: "Hôm hai mươi lăm tháng tám." Vân Môn nói: "Tha cho ông ba hèo." Sáng hôm sau, Động Sơn lại lên tham hỏi: "Hôm qua đội ơn Hòa Thượng đã tha ba hèo, không biết lỗi tôi ở đâu?" Vân Môn nói: "Cái túi cơm, cứ thế mà đi Giang Tây, Hồ Nam." Động Sơn nhân đó bèn đại ngộ. Động Sơn nói: “Một ngày nào đó con sẽ đi đến nơi nào không có bóng người dựng am ở một mình; con sẽ không trữ gạo trữ rau, nhưng sẽ nhận hữu đức bằng hữu đến đi từ mười phương. Tháo chốt kéo gông cho họ, giặt bỏ y mao dơ dái hôi hám của họ, con sẽ làm cho họ được sạch sẽ và tự

tại, con sẽ làm cho họ thành những người không còn thứ gì để làm nữa.” Vân Môn nói: “Ông thì không lớn hơn một trái dưa, nhưng miệng lại lớn quá đi thôi!” Rồi Động Sơn bỏ đi. Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, hành giả tu thiền có thấy gì không? Sau một đêm lặn ngụp trong biển thị phi, hôm sau ngay khi bình minh vừa ló dạng thì Động Sơn trở lại và được Vân Môn hóa giải nên bèn ngộ. Động Sơn có ngộ đó, nhưng lại không sáng. Bây giờ hãy nghĩ lại mà xem coi Động Sơn có đáng bị ba hèo hay không? Nếu bảo là đáng, thì cây cỏ cũng đều đáng chịu? Còn nếu bảo là không, thì ra Vân Môn là kẻ nói láo. Nếu quán triệt được chỗ này thì cả bạn và Động Sơn đều được hả giận.

**Động Sơn Tam Lộ:** Ba nghệ thuật hướng dẫn và dạy dỗ người học của Động Sơn Lương Giới: Thứ nhất là "Điều đạo." Đạo pháp của Thiền tông thẳng tắt và không lưu lại dấu vết gì cả. Thứ nhì là "Huyền lộ." Trong Phật giáo, Thiền là pháp môn huyền diệu, trong đó hành giả phải liả xa cả ngôn ngữ lẫn văn tự. Thứ ba là "Triển thủ." Hành giả không dừng lại ở con đường hướng thượng, mà phải dùng phương tiện nhằm tu tập "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh".

**Động Sơn Tam Sám Lộ:** Ba điều chấp trước mà Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) nêu ra cho người học: Thứ nhất là "Kiến sấm lậu." Do bởi chấp ngã nên hành giả không thấy được tánh chân thật của vạn pháp. Thứ nhì là "Tình sấm lậu." Tâm hãy còn chất chứa phân biệt đối đãi bởi vọng tưởng. Thứ ba là "Ngữ sấm lậu." Lãng phí thì giờ và công sức chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự mà quên những thứ đó chỉ là phương tiện cho chúng ta lãnh hội được giáo pháp huyền diệu của đức Phật mà thôi.

**Động Sơn Tân Chủ Cứ:** Bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp: Thứ nhất là "Chủ trung chủ." Dứt bỏ năng sở chấp thủ hay sự bám víu khách quan và chủ quan. Khi tiếp hóa người học, vị thầy đứng ở vị trí của mình, không câu nệ những phương pháp thông thường, giúp cho người học trở về tự kỷ bốn phận sự, nghĩa là tự mình phải là ông chủ của chính mình. Lúc nào các bậc thầy này cũng khuyến tấn người học nên quay về tìm Phật tánh ngay chính mình, chứ đừng chạy đông chạy tây tìm kiếm bên ngoài. Thứ nhì là "Khách trung chủ." Từ bản thể của lý, sự sẽ hiện ra hay lý sự viên dung vì Sự cũng chính là Lý và trong Sự đã có Lý hiện hữu rồi. Thứ ba là "Chủ trung khách." Tất cả đều lấy bản thể của lý làm cơ bản. Lý thể vốn đầy đủ không thay

đối. Hành giả nên luôn nhớ rằng chân lý triệt tiêu văn tự; chân lý độc lập với văn tự, hay nói cách khác, văn tự không diễn tả được chân lý. Khách trong chủ có nghĩa là khách quan hay gọi là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân. Theo Truyền Đăng Lục, quyển XII, một hôm, có một vị Tăng lại hỏi Thiền sư Lâm Tế: "Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?" Sư đáp: "Lệnh vua đã hành khắp thiên hạ, tướng quân ngoài ải dứt khói bụi." Thứ tư là "Khách trung khách." Sự tức là sự đối lập năng và sở, cũng là thể dụng trái nhau. Hành giả phải luôn tâm niệm pháp tự động là năng, pháp bị động là sở, như khả năng chuyển hóa là "năng hóa," và vật được chuyển hóa là "sở hóa" (năng duyên, sở duyên; năng kiến, sở kiến; lục thức và lục căn có khả năng phát khởi mối cảm gọi là năng, lục trần có sức thu lấy mối cảm gọi là sở).

**Động Sơn Tân Trung Chủ Cú:** Đây là một trong bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Khách trung chủ có nghĩa là từ bản thể của lý, sự sẽ hiện ra hay lý sự viên dung vì Sự cũng chính là Lý và trong Sự đã có Lý hiện hữu rồi.

**Động Sơn Tân Trung Tân Cú:** Đây là một trong bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Tân trung tân có nghĩa là sự tức là sự đối lập năng và sở, cũng là thể dụng trái nhau. Hành giả phải luôn tâm niệm pháp tự động là năng, pháp bị động là sở, như khả năng chuyển hóa là "năng hóa," và vật được chuyển hóa là "sở hóa" (năng duyên, sở duyên; năng kiến, sở kiến; lục thức và lục căn có khả năng phát khởi mối cảm gọi là năng, lục trần có sức thu lấy mối cảm gọi là sở).

**Động Sơn: Thánh Đế Cũng Chẳng Làm!:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Lương Giới Động Sơn (807-869) hỏi Vân Nham: "Con còn dư tập chưa hết." Vân Nham hỏi: "Người từng làm gì?" Sư thưa: "Thánh Đế cũng chẳng làm." Vân Nham hỏi: "Được hoan hỷ chưa?" Sư thưa: "Hoan hỷ thì chẳng không, như trong đồng rạc lượm được hòn ngọc sáng."

**Động Sơn: Thiết Tật Lê:** Chiếc chùy gai bằng sắt, ý nói sự chỉ dạy nghiêm minh trong các truyền thống thiền. Theo thí dụ thứ 12 của Bích Nham Lục, ngày nọ, có một ông Tăng đến hỏi Thiền sư Động Sơn Lương Giới (807-869): "Phật là gì?" Động Sơn đáp: "Thiết tật lê (chiếc chùy gai bằng sắt), nạp Tăng trong thiên hạ không nháy qua khỏi." Hành giả tu thiền nên luôn nhớ rằng nếu dưới câu nói của Động Sơn

hiểu như thế, tham vấn đến Phật Di Lặc ra đời cũng chưa mộng thấy, vì ngôn ngữ chỉ là món đồ chớ đạo. Nếu chẳng biết ý của cổ nhân, chỉ chăm vào trong câu tìm cầu có gì chân thật. Cổ nhân nói: "Đạo vốn không lời, hơn lời hiểu đạo, thấy đạo phải quên lời."

**Động Sơn: Thiết Trai:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm nhân ngày thiết trai cúng kỵ Vân Nham, có vị Tăng hỏi Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869): "Hòa Thượng ở chỗ Tiên Sư chỉ được chỉ dạy gì?" Sư đáp: "Tuy ở trong ấy mà chẳng nhờ Tiên Sư chỉ dạy." Tăng hỏi: "Đã chẳng nhờ chỉ dạy, lại thiết trai cúng dường làm gì, như vậy là đã chấp nhận giáo chỉ của Vân Nham rồi vậy?" Sư bảo: "Tuy nhiên như thế, đâu dám trái lại tiên Sư." Tăng hỏi: "Hòa Thượng trước yết kiến Nam Tuyền tìm được manh mối, vì sao lại thiết trai cúng dường Vân Nham?" Sư đáp: Ta chỉ trọng Tiên Sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp.

**Động Sơn Thùy Ngữ:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Động Sơn Lương Giới với một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới nói: "Ngộ được việc hưởng thưởng (kiến tánh thành Phật) mới có thể nói một vài lời." Có một vị Tăng hỏi: "Khi Thầy nói nói một vài lời là thế nào?" Động Sơn đáp: "Không có Phật."

**Động Sơn Thủy Tâm Thiền:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Vân Cư Đạo Ứng và Động Sơn Lương Giới. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Vân Cư theo Động Sơn lội qua suối. Động Sơn hỏi: "Nước cạn sâu?" Vân Cư thưa: "Chẳng ướt." Động Sơn bảo: "Kẻ thô." Vân Cư thưa: "Thỉnh thầy nói." Động Sơn nói: "Chẳng khô."

**Động Sơn Thuyết Tâm Thuyết Tính:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Động Sơn Lương Giới và Thần Sơn Tăng Mật. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới cùng đi với Thần Sơn Tăng Mật, Động Sơn chỉ một Thiền viện bên đường bảo: "Bên trong đó người ta đang nói tâm nói tính." Thần Sơn hỏi: "Ai vậy?" Động Sơn nói: "Bị một câu hỏi như vậy của Sư Bá, ngay đó chết hết mười phần." Thần Sơn hỏi: "Ai là người nói tâm nói tính?" Động Sơn nói: "Trong cái chết con được cái sống."

**Động Sơn Thừa Ngôn Giả Táng:** Một trong bốn câu nói về mối quan hệ giữa văn tự ngôn ngữ và sự diệu ngộ do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Thừa ngôn

giả táng có nghĩa là không thể dùng văn tự ngôn ngữ để đảm đương việc đại sự của Phật tổ, vì có thể cũng nhân đó mà mất đi chân ý. Vì lý do này mà chúng ta phải luôn 'dựa vào nghĩa chứ không phải ở từ ngữ'.

**Động Sơn Thường Thiết:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Động Sơn Lương Giới với một vị Tăng về "Tam Thân". Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, có một vị Tăng hỏi Thiền sư Động Sơn Lương Giới: "Trong ba thân (tu hành thân, pháp thân, và độ sinh thân), thân nào không rơi vào các con số?" Động Sơn đáp: "Lão Tăng thường gần gũi với thân đó."

**Động Sơn: Tôi Không Biết:** Minh Triết Thiền Sư, tên của một Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ IX, một trong những đệ tử nổi trội nhất của Thiền sư Dược Sơn Duy Nghiễm. Một hôm, Động Sơn đến thăm Minh Triết, Minh Triết hỏi: "Trước đây ông ở đâu?" Động Sơn đáp: "Ở Hồ Nam." Minh Triết hỏi: "Vị Quan Sát Sứ ở đó họ gì?" Động Sơn đáp: "Tôi không biết." Minh Triết hỏi: "Thế tên ông là gì?" Động Sơn đáp: "Tôi cũng chẳng biết luôn." Minh Triết lại hỏi: "Thế vị quan đó có trông nom công việc của mình không?" Động Sơn đáp: "Ông ta có nhiều viên chức thuộc hạ làm việc cho mình." Minh Triết hỏi: "Thế ông ta không hề ra vào quan sở hay sao?" Động Sơn bèn rũ áo bỏ đi. Hôm sau Minh Triết nói: "Lời hôm qua của thầy, tôi chưa được hiểu rõ lắm. Hôm nay mời thầy nói lại, nếu nói được, xin thỉnh thầy cùng thọ trai quá hạ." Động Sơn nói: "Quá tôn quý vậy!" Minh Triết bèn cho thiết trai đãi Động Sơn.

**Động Sơn Trê Cú Giả Mê:** Một trong bốn câu nói về mối quan hệ giữa văn tự ngôn ngữ và sự diệu ngộ do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. Trê cú giả mê có nghĩa là không thể y cứ vào ngôn cú mà diệu ngộ chân lý. Hơn thế nữa, câu nệ hoàn toàn vào ngôn ngữ thì dễ bị mê muội.

**Động Sơn: Triển Thủ:** Triển thủ hay dang tay ra. Triển Thủ là một trong ba nghệ thuật hướng dẫn và dạy dỗ người học của Động Sơn Lương Giới. Hành giả không dừng lại ở con đường hưởng thụ, mà phải dùng phương tiện nhằm tu tập "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh".

**Động Sơn: Truyền Y Bát:** Từ ngữ này chỉ một Thiền sư đã thừa nhận một đệ tử là người thừa kế Pháp hay Pháp tử. Sự truyền thừa y áo từ một vị thầy tiêu biểu rằng người đệ tử đã nắm bắt được giáo pháp và có đủ phẩm chất để giảng dạy giáo pháp đó. Theo Truyền Đăng Lục,



ngày nọ, thiền sư Động Sơn Lương Giới thượng đường dạy chúng: "Dầu có nói ngay rằng 'bản lai vô nhất vật', cũng chưa được trao cho y bát. Ta muốn chỗ này có một chuyển ngữ. Nói sao?" Có một vị Tăng nói thử đến chín mươi sáu lần xem thầy có vừa ý không. Mỗi lần đều thất bại, đến lần thứ chín mươi bảy thì Sư mới vừa ý. Sư nói: "Sao ông không nói sớm hơn?" Về sau, có một vị Tăng khác nghe vụ này, đến kiếm vị Tăng kia bái làm thầy và yêu cầu lặp lại câu trả lời. Ba năm hầu hạ và chờ đợi những mong nghe được bí mật từ chính miệng của thầy. Nhưng chẳng có dịp nào để nghe được điều này. Trong lúc ấy vị thầy (vị Tăng thứ nhất) bị bệnh. Vị Tăng ấy cố tình tìm đủ mọi cách, hoặc dụ dằng, hoặc thô bạo, mong nghe cho được câu trả lời. Vị Tăng ấy nói: "Ba năm qua, tôi xin nghe chuyện trước kia, câu trả lời của thầy cho Tổ. Nhưng thầy khăng khăng không chịu đáp ứng thỉnh cầu này. Bằng lối ôn hòa không được, tôi làm theo lối này." Nói rồi vị Tăng ấy rút cây dao ra, và nói tiếp: "Nếu thầy không chịu nói ra, tôi giết thầy ngay." Vị Tăng kia vẫn ngồi như không, và nói: "Đợi một chút, tôi nói cho. Thế này, *'Dù có mang đến ngay, cũng không có chỗ để.'*" Vị Tăng đệ tử hiểu sát kia cung kính làm lễ thầy.

**Động Sơn Trừ Danh:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Động Sơn Lương Giới lúc Sư sắp thị tịch và một vị Sa Di. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, lúc sắp thị tịch, Thiền sư Động Sơn Lương Giới dạy chúng rằng: "Lão Tăng có hư danh ở đời, người nào dứt trừ được cho lão Tăng? Cả chúng đều im lặng trong chốc lát, rồi có một vị Tăng bước ra thưa: "Xin pháp hiệu của Hòa Thượng." Động Sơn đáp: "Hư danh của ta đã dứt trừ rồi."

**Động Sơn Tứ Cú:** Bốn câu nói về mối quan hệ giữa văn tự ngôn ngữ và sự diệu ngộ do thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp: Thứ nhất là Ngôn ngữ vô triễn sự: Ngôn ngữ không thể chỉ bày được chân lý, thế nên hành giả phải ở ngoài ngôn ngữ mới thể hội được chân lý. Thứ nhì là Ngữ bất đầu cơ: Tất cả ngôn ngữ không hợp với căn cơ. Hành giả phải khéo dùng ngôn cú để mục đích tối hậu là diệu ngộ có thể đạt được. Thứ ba là Thừa ngôn giả táng: Không thể dùng văn tự ngôn ngữ để đảm đương việc đại sự của Phật tổ, vì có thể cũng nhân đó mà mất đi chân ý. Vì lý do này mà chúng ta phải luôn 'dựa vào nghĩa chứ không phải ở từ ngữ'. Thứ tư là Trê cú giả mê: Không thể y cứ vào ngôn cú mà diệu ngộ chân lý. Hơn thế nữa, câu nệ hoàn toàn vào ngôn ngữ thì dễ bị mê muội.

***Động Sơn và Vị Thần Hộ Pháp Tự Viện:*** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, Thiền Sư Lương Giới Động Sơn (807-869) làm mỗi mỗi việc gì cũng hoàn toàn nhập vào việc đó đến nỗi không còn một dấu vết gì của cái ngã hiện diện và Sư đã đạt được không tánh được diễn tả trong Bát Nhã Tâm Kinh. Một câu chuyện dân gian kể rằng, vì sự tỉnh thức của Sư mà vị thần hộ pháp tự viện không cách gì có thể thấy được Sư. Tò mò về cái người mà bây giờ đang là thầy của ngôi tự viện, vị thần hộ pháp bèn rải vài hạt gạo trên sân. Các thiền viện thường nổi tiếng là ngăn nắp một cách cẩn thận, vì vậy khi Động Sơn nhìn thấy những hạt gạo vung vãi dưới đất, Sư tự hỏi ai làm chuyện này. Ngay cái lúc mà suy nghĩ này khởi lên thì cuối cùng vị thần hộ pháp có thể nhìn thấy được Động Sơn.

***Động Sơn Vô Thốn Thảo:*** Công án nói về những lời dạy chúng của Thiền sư Động Sơn Lương Giới và lời bình của Thiền sư Thạch Sương Khánh Chư và Đại Dương Kính Huyền. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm, Thiền sư Động Sơn Lương Giới thượng đường thị chúng, nói: "Cuối hạ đầu thu, huynh đệ chúng ta đi đông đi tây, nên đi đến nơi muôn dặm không tắc cỏ. Thế thì muôn dặm không tắc cỏ là sao mà đến?" Thiền sư Thạch Sương nói: "Ra khỏi cửa liền là cỏ." Thiền sư Đại Dương nói: "Dẫu có nói không ra khỏi cửa cũng là cỏ mọc lan tràn."

### ***Zen Master Tung Shan Liang Chieh's Dharma Talks, The Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School***

According to Buddhist teachings, Dharma-talks or Dharma-words mean Buddhist preachings or religious discourses, they can come from a master or a fellow dharma friend. Dharma talks means the living truth of Buddhism, particularly the sayings relating to Zen of the Patriarchs and the ancient masters of the Zen tradition. Such sayings have been readily cited later by Zen masters in their presentation of Zen realization. In the Zen School, Dharma talks are able to crush all evil and all opposition. The preachings of a Zen master which have the ability to crush all illusions, evil and on opposition. These talks do not stop at any specific student or at any specific place, but they can roll for a long time from student to student, from man to man, from place to

place, and even from age to age. Later, Zen master Hsueh-Tou-Ch'ung-Hsien (980-1052) in the eleventh century, compiled some dharma talks of important Zen masters in the past into a book titled the Blue Cliff Records or the Blue Rock Collection, consisting of one hundred koans. In the thirteenth century, a collection of three hundred kôan, compiled by the Japanese Sôtô master Dôgen Kigen (1200-1253).

In the Ts'ao Tung Zen School, Zen master Tung Shan Liang Chieh's Dharma talks or teachings are main reasons to make him the founding patriarch of this Zen school. Zen Master Tung-Shan, name of a Chinese Zen monk in the ninth century. We encounter Yun Yan in example 18 of the Wu-Men-Kuan and example 12 of Pi-Yen-Lu. Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV: Zen master Liang-Jie-Tung-Shan was born in 807 A.D. in Hui-Ji, in modern Zhe-Jiang province. He was a disciple of Zen master Yunyan Tansheng. He is recognized to have founded the Caodong School of Zen. This school, along with the Linji School, remains today as one of the two existing Zen schools that began in China during the Tang dynasty (615-905), the golden age of Zen. These below talks are some of Zen Master Tung Shan Liang Chieh's typical Dharma talks.

***Treasure House of Mirror-like Samadhi:*** Samadhi of the guardian of the region (Hokyo-zanmai) or Treasure House of Mirror-like Samadhi, a written work of the Chinese Zen master Tung-shan Liang-chieh, in which he celebrates the experience of the 'suchness' of things, thus their true nature or Buddha-nature.

***T'ung-Shan's Unease:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk about sickness. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, T'ung-Shan became ill. He instructed a novice monk to go and speak to T'ung-Shan's Dharma heir, Zen master Yun-Zhu. T'ung-Shan told the novice: "If he asks whether I'm resting comfortably, you are to tell him that the lineage of Yun-Yan is ending. When you say this you must stand far away from him because I'm afraid he's going to hit you." The novice monk did as T'ung-Shan instructed him and went and spoke to Yun-zhu. Before he could finish speaking Yun-Zhu hit him. The novice

monk said nothing further. A monk asked: "When the master is not well, is there still someone who is well or not?" T'ung-Shan said: "There is." The monk asked: "Can the one who's not ill still see the master or not?" T'ung-Shan said: "I can still see him." The monk asked: "What does the master see?" T'ung-Shan said: "When I observe him, I don't see any illness." T'ung-Shan then said to the monk: "When you leave the skin bag, you inhabit, where will you go and see me again?" The monk didn't answer. T'ung-Shan then recited a verse:

"Students as numerous as sands in the Ganges but more are awakened.

They err by searching for the path in another person's mouth.

If you wish to forget form and not leave any traces,

Wholeheartedly strive to walk in emptiness."

***To Fall Into Neither the Ordinary Nor the Saints:*** This is one of the three main points (three main thesis or ideas) of Tung-Shan-Lieng-Chieh. Seekers of studying of Zen get rid of all discriminations from deluded thoughts, get out of the three realms (world of desire, world of form, and formless world), then the gate or door into Nirvana will appear.

***Tung Shan's To Turn Back Into Oneself to Find the Buddha-Nature:*** This is one of the four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Get rid of subjective and objective graspings.

***Tung Shan's Fundamental Principle Is Originally Immutable Reality:*** This is one of the four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Fundamental principle or absolute nature is originally immutable reality. Zen practitioners should always remember that Truth is eliminating words; it is independent of words; it does not require words to express it.

***Celebrating an Offering to Yun-yen's Image:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk when T'ung-Shan celebrated an offering to Yun-yen's image. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, when T'ung-Shan celebrated an offering to Yun-yen's image, he repeated the

conversation between him and his master, Yun-yen "If in the future someone happens to ask whether I can describe the master's truth or not, how should I answer them? And after a long pause, my master Yun-Yan said: 'Just this is it'." A monk in the assembly stepped forward and asked, "When Patriarch Yun-yen talked about 'Just this is it', what does it mean?" T'ung-shan said, "Previously, I seemed to misunderstand master Yun-yen's meaning." The monk asked, "Did Patriarch Yun-yen know about this?" T'ung-Shan said, "If he didn't know, how could he speak like that? If he knew, he would have not talked like that!"

***Tung Shan's Great Matter:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk about the most unbearable suffering in the world. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, on day, Zen master T'ung-Shan asked a monk, "What is the most unbearable suffering in the world?" The monk said, "To fall into the hell is the most suffering." T'ung-Shan said, "That's not correct." The monk asked, "What's about your idea?" T'ung-Shan said, "Right under the kasaya robe, one doesn't understand the great matter is the most unbearable suffering in the world."

***Tung Shan's Have You Reached the Peak?:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk when they were promenading on the mountain. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan asked a monk, "From where are you returning?" The monk said, "I'm returning from a mountain promenade." T'ung-Shan asked, "Have you reached the peak?" The monk said, "Yes I have." T'ung-Shan asked, "Are there people on the peak?" The monk said, "No, there aren't." T'ung-Shan asked, "If so, you have not yet reached the peak." The monk said, "If I had not reached the peak, how did I know that there were no people there?" T'ung-Shan asked, "Why did you not stay there?" The monk replied, "I did not hesitate to stay there, but people in Western Heaven disagreed." T'ung-Shan said, "Up to now I still have doubt about this guy."

***Tung Shan's Straining the Rice:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen masters T'ung-

Shan and Hsueh-Feng. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day, Xue-Feng served as a rice cook at T'ung-Shan. One day as he was straining the rice, T'ung-Shan asked him: "Do you strain the rice out from the sand, or do you strain the sand out from the rice?" Xue-Feng said: "Sand and rice are both strained out at once." T'ung-Shan said: "In that case, what will the monks eat?" Xue-Feng then tipped over the rice pot. T'ung-Shan said: "Go! Your affinity accords with Te-Shan!"

***Tung Shan's Land Deity (Earth Spirit who controls the earth):*** The koan about the potentiality and conditions of meeting between Zen master T'ung-Shan and a Land Deity. According to The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, Zen master T'ung-Shan dwelt all his life in the temple, but the earth spirit couldn't find any trace of him. One day, someone spilled rice flour in the kitchen; T'ung-Shan aroused his mind and said, "How can you treat the communal supplies with such contempt?" So the earth spirit finally got to see him, thereupon he bowed. Zen practitioners should always remember that if there is one person who rouses his mind to practice, the palace of the Evil One would tremble and split because of this, and even though the demons would like to come to torment and confuse the practitioner, but they could not find any trace and could not come any closer to that practitioner.

***Tung Shan's The Path of Birds:*** This is one of the three main arts for guiding and teaching disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh. In Zen, the term implies the path of Zen is a straight shortcut which leaves no traces at all—See *Động Sơn Tam Lộ*.

***Tung Shan's Samadhi Has No Gate, So How Have You Entered It?:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, once when Ch'in-Shan, Yantou and Hsueh-feng were still with Tung-shan, the companions were practicing sitting meditation and Tung-shan brought some tea. Ch'in-Shan closed his eyes. Tung-shan said, "Where have you gone?" Ch'in-Shan said, "I've entered samadhi." Tung-shan said, "Samadhi has no gate, so how have you entered it?"

***Tung Shan's One Eye:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yun-yen and T'ung-Shan. According to in The Records of the Transmission of the

Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XIV, on one occasion, when Yun-Yan was engaged in making straw-sandals, when Tung-shan came and asked, "I wish to get an eye by your kind instruction; is it possible for me to have one?" Yun-Yan said, "To whom did you give yours away?" Tung-shan said, "Master, I have had none." Yun-Yan said, "If you have, where would you set it up?" Tung-shan made no reply, whereupon the master remarked, "The one asks for an eye, is he the eye?" Tung-shan said, "That is no eye." Yun-Yan burst into a terrible scolding, exclaiming, "Ch'ua!"

***Tung Shan's End of the Training Period:*** According to in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day, Zen master Tung-shan Liang-chie entered the hall and addressed the assembly, saying, "Autumn is starting and the training season has ended. Monks, go east or west as you wish, but go where there's no blade of grass in ten thousand li (in Zen, grass and weeds are metaphor for hindrances, delusions and ordinary phenomena)." The master then asked, "How do you go to where there's no blade of grass in ten thousand li?" A monk told Shih-shuang Ch'ing-chu about this. Shih-shuang replied, "Why didn't you say, 'The moment you leave the gate there's grass'?" Later Tung-shan heard about this and said, "How many people like that are there in the great T'ang Empire?"

***Tung Shan's No Cold or Heat:*** An example of Tung-shan's teaching style is found in example 43 of the Pi-Yen-Lu: "A monk asked Tung-shan, 'Cold and heat come and go. How can one avoid them?' Tung-shan said, 'Why don't you go where there's no cold and heat?' The monk said, 'Where is the place where there is no cold and heat?' Tung-shan said, 'When it's cold, the cold kills you; when it's hot, the heat kills you (when it's cold, turn yourself cold; when it's hot turn yourself hot).'" This is an "implicit-negative" koan, a kind of koan that illustrates Zen-Truth through "nullifying" or abrogating expression. With this type of koan, we usually accuse the Zen masters of being negatory. But in fact, they did not negate anything. What they have done is to point out our delusions in thinking of the non-existent as existent, and the existent as non-existent, and so on. According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, Master Hsin of Huang Lung picked this out and said, "Tung Shan puts the collar on the sleeve and cuts off the shirtfront under the armpits. But what could he do? This monk didn't like it." Right then a monk

came forward and asked Huang Lung, "How are they to be dealt with?" After a long silence Huang Lung said, "Peaceful meditation does not require mountains and rivers: when you have extinguished the mind, fire itself is cool." Tell me all of you, where is Tung Shan's trap at? If you can clearly discern this, for the first time you will know how the five positions of Tung Shan tradition of interchanging correct and biased handle people in an extraordinary way. When you reach this transcendental realm, then you'll be able to be like this without needing any arrangements, and you'll spontaneously accord perfectly. Thus it is said, "The biased within the correct: in the middle of the first night, before the moon shines. No wonder, when they meet, they don't recognize each other: each is hidden, still embracing the aversion of former days. The correct within the biased: at dawn an old woman encounters an ancient mirror; clearly she sees her face, there is no other reality. Don't go on mistaking the image for the head. Coming from within the correct: within nothingness there's a road out of the dust. If you can just avoid violating the present taboo name, you'll still surpass the eloquent ones of former dynasties who silenced every tongue. Arrival within the biased: when two swords cross point, there's no need to withdraw. A good hand is like a lotus in fire; clearly he naturally has the energy to reach the heavens. Arrival within both at once: he does not fall into being or non-being. Who dares to associate with him? Everyone wants to get out of the ordinary flow, but after all he returns and sits in the ashes." Jurist Yuan of Fu Shan considers this case as being in the pattern of the five positions. If you understand one, then the rest are naturally easy to understand. Yen T'ou said, "It's like a gourd floating on the water: push it, and it rolls over without making any effort at all." Once there was a monk who asked Tung Shan, "How is it when Manjusri and Samantabhadra come to call?" Tung Shan said, "I'd drive them into a herd of water buffalo." The monk said, "Teacher, you enter hell fast as an arrow." Tung Shan said, "I've got all their strength." When Tung Shan said, "Why don;t you go to the place where there is no cold or heat?" This was the correct within the biased. When the monk said, "What is the place where there is no cold or heat?" and Tung Shan said, "When it's cold the cold kills you; when it's hot the heat kills you," this was the biased within the correct. Though it's correct, still it's biased; though it's biased, nevertheless it's complete.



This is recorded in full detail in the Records of the Ts'ao Tung School. Had it been the Lin Chi tradition, there wouldn't have been so many things. With this kind of public case you must understand directly as soon as it is uttered. Some say, "I like no cold no heat very much." What grasp do they have on the case? An ancient said, "If you run on a sword's edge, you're fast. If you see with emotional consciousness, then you're slow." Haven't you heard: A monk asked Ts'ui Wei, "What is the meaning of the Patriarch coming from the West?" Ts'ui Wei said, "When no one comes, I'll tell you," then went into the garden. The monk said, "There's no one right here: please, Teacher, tell me." Ts'ui Wei pointed to the bamboo and said, "This stalk is so tall, that stalk is so short." Suddenly the monk was greatly enlightened. Again: Ts'ao Shan asked a monk, "When it's so hot, where will you go to avoid it?" The monk said, "I'll avoid it inside a boiling cauldron, within the coals of a furnace." Ts'ao Shan said, "How can it be avoided in a boiling cauldron or among the coals of a furnace?" The monk said, "The multitude of sufferings cannot reach there." See how the people of the Ts'ao Tung house naturally understood the conversation of people of their house.

***Master, Don't Try to Make a Fine Servant Into a Slave!:***

According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, Liang-Jie first went to see Zen master Nan-ch'uan-Pu-yuan. At that time the congregation was preparing a feast for the following day in honour of Nan-ch'uan's late master, Ma-Tzu. Nan-ch'uan asked the congregation: "Tomorrow we will have Ma-Tzu's feast, but will Ma-Tzu come or not?" The monks were unable to answer. Liang-Jie then stepped forward and said: "If he has a companion, he will come." When Nan-ch'uan heard this, he approved and said: "Though this child is young, he has a gem worthy of polishing." Liang-Jie said: "Master, don't crush something good into something bad."

***Tung-Shan and Hui-Chao:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, when Tung-Shan came to see Hui-chao of Shu-Shan, and the latter asked: "You're already master of a monastery, and what do you want here?" Tung-Shan said: "I am distressed with a doubt and do not know what to do, hence my coming here." The master called out: "O Liang-Chieh!"

which was Tung-Shan's real name, and Liang Chieh replied at once, "Yes, sir." Hui-Chao asked: "What is that?" Chieh failed to answer, and Hui-Chao gave this judgment, "Fine Buddha no doubt, and what a pity he has no flames." According to the Transmission of the Lamps, as he has no flames, his ignorance is not illuminating. When he becomes conscious of the fact, there is enlightenment.

***Tung Shan's the Profound Path:*** This is one of the three main arts for guiding and teaching disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh. In Zen, the term implies Zen is a profound school in which practitioners must try to stay away from both language and written words—See *Động Sơn Tam Lộ*.

***Tung Shan's Glimpsing Reflection in the Water:*** Tung-Shan's enlightenment when wading a river and glimpsed his reflection in the water. The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yun-yen T'an-Shen and T'ung-Shan. The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yun-yen T'an-Shen and T'ung-Shan. According to *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume XV, as T'ung-Shan prepared to leave Yun-Yan, Yun-Yan said: "Where are you going?" T'ung-Shan said: "Although I'm leaving the master, I don't know where I'll end up." Yun-Yan said: "You're not going to Hu-Nan?" T'ung-Shan said: "No, I'm not." Yun-Yan said: "Are you returning home?" T'ung-Shan said: "No." Yun-Yan said: "Sooner or later you'll return." T'ung-Shan said: "When the master has an abode, then I'll return." Yun-Yan said: "If you leave, it will be difficult to see one another again." T'ung-Shan said: "It is difficult to not see one another." Just when T'ung-Shan was about to depart, he said: "If in the future someone happens to ask whether I can describe the master's truth or not, how should I answer them?" After a long pause, Yun-Yan said: "Just this is it." T'ung-Shan sighed. Then Yun-Yan said: "Worthy Liang, now you have taken on this great affair, you must consider it carefully." T'ung-Shan continued to experience doubt. Later as he crossed a stream he saw his reflection in the water and was awakened to Yun-Yan's meaning. He then composed this verse:

"Avoid seeking elsewhere,  
for that's far from the self.  
Now I travel alone, everywhere I meet it.

Now it's exactly me, now I'm not it.

It must thus be understood to merge with thusness.”

***Tung Shan's Ken-Chung-To:*** Like the Ten Oxherding Verses, these are five different levels or degrees of Zen realization formulated by Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh. In the fifth and highest grade, form and emptiness mutually penetrate to such a degree that no longer is their consciousness of either. Ideas of enlightenment or delusion entirely vanish. This is the stage of perfect inner freedom (form and emptiness fully interpenetrate each other. From this stage of mind arises self-evident, intentionless action, that is to say, action without any movement of brain or heart that instantaneously suits whatever circumstances arise).

***Tung Shan's the Good Is Only a Golden Rope:*** This is one of the three main points (three main thesis or ideas) of Tung-Shan-Liang-Chieh. Seekers of studying of Zen should always remember that even the way which is inclined to the good is only a golden rope that binds us to the cycle of birth and death—See *Động Sơn Tam Chủng Cương Yếu*.

***Tung Shan's Inanimate Things Preaching Dharma Is Inconceivable!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'u-an-Teng-Lu), Volume XV, when Liang-Jie studied with Kui-Shan. One day he said: “I've heard that National teacher Hui-Zhong taught that inanimate beings expound Dharma. I don't understand this clearly.” Kui-Shan said: “Do you remember what he said or not?” Liang-Jie said: “I remember.” Kui-Shan said: “Please repeat it!” Liang-Jie said: “A monk asked the National Teacher, ‘What is the mind of the ancient Buddhas?’ The National Teacher responded, ‘A wall tile.’ The monk said, ‘A wall tile? Isn't a wall tile inanimate?’ The National Teacher said, ‘Yes.’ The monk asked, ‘And it can expound the Dharma?’ The National Teacher said, ‘It expounds it brilliantly, without letup.’ The monk said, ‘Why can't I hear it?’ The National Teacher said, ‘You yourself may not hear it. But that doesn't mean others can't hear it.’ The monk said, ‘Who are the people who can hear it?’ The National teacher said, ‘All the holy ones can hear it.’ The monk said, ‘Can the master hear it or not?’ The National teacher said, ‘I cannot hear it. If I could hear it I would be the equal of the saints. Then you could not hear me expound the Dharma.’ The monk

said, 'All beings can't understand that sort of speech.' The National Teacher said, 'I expound Dharma for the sake of beings, not for the sake of the saints.' The monk said, 'After beings hear it, then what?' The National teacher said, 'Then they are not sentient beings.' Liang-jie continued, so according to the National Teacher, inanimate objects such as walls, tiles, and stones are always continuously preaching the dharma. Then, Liang-jie asked Kui-shan, "Who can hear such teaching?" Kui-shan said, "There are sermons given by nonsentient beings, but few hear them." Liang-jie admitted, "I don't understand, please teach me." Instead of speaking, Kui-shan simply held up his "hossu". Liang-jie said, "I still don't understand." Kui-shan said, "I can't tell you about this with the mouth given to me by my parents." Also according to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, at Kui-shan's suggestion, later Liang-Jie went to see Yun-Yan and related to the master the story about the National Teacher and asked Yun-Yan: "Who can hear inanimate things expound Dharma?" Yun-Yan asked him: "What is inanimate can hear it?" Liang-Jie asked: "Can the master hear it or not?" Yun-Yan said: "If I could hear it, then you could not hear me expound Dharma." Liang-Jie said: "Why couldn't I hear you?" Yun-Yan held up his whisk and said: "Can you still hear me or not?" Liang-Jie said: "I can't hear you." Yun-Yan said: "When I expound Dharma you can't hear me. So how could you hear it when inanimate things proclaim it?" Liang-Jie said: "What scripture teaches about inanimate things expounding Dharma?" Yun-Yan said: "Haven't you seen that in the Amitabha Sutra it says, 'The lakes and rivers, the birds, the forests, they all chant Buddha, they all chant Dharma?'" Upon hearing this, Liang-Jie experienced a great insight. He then wrote a verse:

"How wonderful!  
 How very wonderful!  
 Inanimate things preaching Dharma is inconceivable.  
 It can't be known if the ears try to hear it,  
 But when the eyes hear it,  
 then it may be known."

Later he wrote the second verse:

"There is a way to the gateless gate,  
 everybody can come,

Once you arrive there,  
 you'll know how wonderful it is.  
 If your mind is clear of idle weeds,  
 Your body will automatically emit halo."

***Tung Shan's Two Sharp Swords That Cause Some Damage and Loss:*** Two sharp swords that cause some damage and loss. In Zen, the term means two groups of disciples who present the same project to solve problems of the wonderful and profoundly aspects of Zen. This is the fourth grade in the Ts'ao Tung Sect. This is also the singularity of each object is perceived at its highest degree of uniqueness without any discrimination. Now mountain is mountain, river is river; there is no such a beautiful or loving mountain or a boring river. Like the Ten Oxherding Verses, these are five different levels or degrees of Zen realization formulated by Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh.

***Tung Shan's Three Pounds of Flax (Hemp):*** According to example 18 of the Wu-Men-Kuan and example 12 of Pi-Yen-Lu, one day, a monk asked Tung-shan, "What is Buddha?" Tung-shan said, "Three pounds of flax." Through this example we can reflect back to a conversation between Hui-chung and a monk. A monk asked the National Teacher, 'What is the mind of the ancient Buddhas?' The National Teacher responded, 'A wall tile.' The monk said, 'A wall tile? Isn't a wall tile inanimate?' The National Teacher said, 'Yes.' The monk asked, 'And it can expound the Dharma?' The National Teacher said, 'It expounds it brilliantly, without letup.' The monk said, 'Why can't I hear it?' The National Teacher said, 'You yourself may not hear it. But that doesn't mean others can't hear it.' The monk said, 'Who are the people who can hear it?' The National teacher said, 'All the holy ones can hear it.' The monk said, 'Can the master hear it or not?' The National teacher said, 'I cannot hear it. If I could hear it I would be the equal of the saints. Then you could not hear me expound the Dharma.' The monk said, 'All beings can't understand that sort of speech.' The National Teacher said, 'I expound Dharma for the sake of beings, not for the sake of the saints.' The monk said, 'After beings hear it, then what?' The National teacher said, 'Then they are not sentient beings.'" According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, old man Tung-shan attained something of clam-Zen. He opened the two halves of his shell a bit and exposed his liver and intestines. Be that as it may, tell

me: where do you see Tung-shan? Zen practitioners should always remember that if you seek from Tung-shan's words this way, you can search until Maitreya Buddha is born down here and still never see it even in a dream. For words and speech are just vessels to convey the Path. Far from realizing the intent of the Ancients, people just search in their words, what grasp can they get on it? Haven't you seen how an Ancient said, "Originally the Path is wordless; with words we illustrate the Path. Once you see the Path, the words are immediately forgotten."

***That Side and This Side:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers regarding Zen master Tung-shan (807-869) opened up the intelligence and brought enlightenment to Shu-shan K'uang-jên. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, on one occasion Tung-shan entered the hall and said, "I want you to understand this matter. You must be like a dead tree that blossoms flowers. Then you will merge with it." Shushan asked, "What about when every place is corrupted?" Tung-shan said, "Your Reverence! You're talking about practicing a practice (a habitual action). Fortunately there is a realm of nonpracticing practice. Why don't you ask about that?" Shushan said, "Practicing a nonpracticing practice? Can there be such a person?" Tung-shan said, "Many people will laughed at you for asking such a question." Shushan said, "In that case, my thinking has gone astray." Tung-shan said, "Astray is not astray, nor not astray." Shushan said, "What is 'astray'?" Tung-shan said, "If you say, 'such a person,' then you still don't understand." Shushan said, "What is not 'astray'?" Tung-shan said, "A place of no differentiation or place without that side and this side."

***Enlightened Source Zen Master:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, as a youth, he followed his teacher to recite the Heart Sutra and came upon the words "No eyes, no ears, no nose, no tongue, no body." He asked his teacher: "I have eyes, ears, a nose, and so on. So why does the sutra say there is none?" The teacher was so surprised and reportedly dumbfounded at the insight revealed by Liang-Jie's question, and replied to him: "I can't be your teacher." He then sent the young Liang-Jie to study under Zen master Ling-Mo at Mount Wu-Tzie. At the age of twenty-one, Liang-Jie received full ordination. Also

according to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, like many other masters of the T'ang dynasty, Tung-shan was credited with being able to predict his own death. The story is told that one day, at the age of sixty-three, T'ung-Shan had his attendants help him shave his head, bathe and get dressed. He then had the bell rung to summon the monks so that he could bid them farewell. He appeared to have passed away and the monks began wailing piteously without letup. Suddenly T'ung-Shan opened his eyes and said to them: "Homeless monks aren't attached to things. That is their authentic practice. Why lament an arduous life and pitiful death?" T'ung-Shan then instructed the temple director to organize a "delusion banquet." The monks adoration for T'ung-Shan was unending. Seven days later the food was prepared. T'ung-Shan had a final meal with the congregation. He then said: "Don't make a big deal about it. When I pass away, don't go carrying on about it." T'ung-Shan then returned to his room, and sitting upright, passed away. It was the third month in 869. He was sixty-three years of age, he'd been an ordained monk for forty-two years. T'ung-Shan received the posthumous name "Enlightened Source."

***Tung Shan's Speech Cannot Carry the Truth:*** One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Practitioners must stay beyond words and speeches because they cannot carry the truth—See *Động Sơn Tứ Cú*.

***Five Degrees of Tung-Shan-Liang-Chieh:*** Tung-Shan was recognized not only as a Zen master but also as a celebrated poet, and he encapsulated the teachings he had received and sought to pass on in verse. One such teaching was a verse of "secret transmission" that had come down from Yao-shan to Yunyan, and is best known as Tung-Shan's Five Ranks. Like the Ten Oxherding Verses, these are different levels or degrees of Zen realization formulated by Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh. This is one of the important points should be studied before one can hope to understand koans in an intelligible and systematic way. This is also one of the most important subjects of Zen Buddhism. The first level is "The Bent within the Straight (the Relative within the Absolute)." This is the level in which realization of the world

of phenomena is dominant, but it is perceived as a dimension of the absolute self (it is experienced as a manifestation of the fundamental, our true nature). Tung-Shan was able to put “the Relative within the Absolute” as follows:

“In the third watch of the night  
 Before the moon appears,  
 No wonder when we meet  
 There is no recognition!  
 Still chrished in my heart  
 Is the beauty of earlier days.”

The Absolute within the Relative or the Straight within the Bent, the second level or second stage the undifferentiated aspect comes strongly to the fore and diversity recedes into background (the quality of nondistinction comes to the fore and the quality of manifoldness fades into the background). Tung-Shan was able to put “the Absolute within the Relative” as follows:

“A sleepy-eyed grandam  
 Encounters herself in an old mirror  
 Clearly she sees a face,  
 But it doesn't resemble hers at all.  
 Too bad, with a muddled head,  
 She tries to recognize her reflection!”

The third level: The Coming from within the Straight (the coming from within the Absolute). The third grade is a level of realization wherein no awareness of body or mind remains; both “drop away” completely (there is no longer any awareness of body or mind; both drop completely away. This is the experience of emptiness). Tung-Shan was able to put “the coming from within the Absolute” as follows:

“Within nothingness there is a path  
 Leading away from the dusts of the world.  
 Even if you observe the taboo  
 On the present emperor's name,  
 You will surpass that eloquent one of you're  
 Who silenced every tongue.”

The fourth level: The Arrival at the Middle of the Relative (the Bent). The fourth grade is the singularity of each object is perceived at its highest degree of uniqueness. Now mountain is mountain, river is



river; there is no such a beautiful or loving mountain or a boring river (at this stage each thing is accorded its special uniqueness to the greatest degree; emptiness has vanished into phenomena). Tung-Shan was able to put “the Arrival at the Middle of the Relative” as follows:

“When two blades cross points,  
 There's no need to withdraw.  
 The master swordsman  
 Is like the lotus blooming in the fire.  
 Such a man has in and of himself  
 A heaven-soaring spirit.”

In the fifth and highest grade, the Unity Attained or form and emptiness mutually penetrate to such a degree that no longer is there consciousness of either. Ideas of enlightenment or delusion entirely vanish. This is the stage of perfect inner freedom (form and emptiness fully interpenetrate each other. From this stage of mind arises self-evident, intentionless action, that is to say, action without any movement of brain or heart that instantaneously suits whatever circumstances arise). Tung-Shan was able to put “the Unity Attained” as follows:

“Who dares to equal him  
 Who falls into neither being nor non-being!  
 All men want to leave  
 The current of ordinary life,  
 But he, after all, comes back  
 To sit among the coals and ashes.”

***Tung Shan's Speeches Are Not Suitable for Zen:*** One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. All words and speeches are not suitable for methods of mysticism (Zen). Zen practitioners must wisely utilize them so that an ultimate goal of a wonderful enlightenment can be achieved—See *Động Sơn Tứ Cú*.

***Tung Shan's Wasting Time and Effort in Words and Languages:*** This is one of the three attachments that Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh displayed to his disciples. In Zen, the term indicates that one wastes one's time and effort in digging deep in words and language,

and to forget they are only means for us to comprehend the wonderful teachings of the Buddha—See *Động Sơn Tam Sấm Lâu*.

***Tung Shan's Covering the Head With a Bundle of Thatch:*** To cover the head with a bundle of thatch, implies an abbot of a monastery. According to the *Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, Yun-Ju asked T'ong-Shan: "What was the First Ancestor's intention?" T'ong-Sha answered: "Behind him as a reed hat." Yun-Ju said: "My fault." Later, Yun-Ju went to build a cottage on nearby San-Feng peak. For ten days thereafter he didn't return to the monk' hall. T'ong-Shan asked him: "Why haven' you come to meals lately?" Yun-Ju said: "Everyday a heavenly spirit brings me food." T'ong-Shan said: "I say you're a person. Why do you still have such an understanding? Come see me tonight!" That evening when Yun-Ju came to see T'ong-Shan, T'ong-Shan called out to him: "Hermit-Ying!" Yun-Ju answered: "Yes?" T'ong-Shan said: "Nothing of good and not thinking of evil, what is it?" Yun-Ju went back to his cottage and sat in Zen meditation. Because of this the god couldn't find him, and after three days did not come again."

***Tung Shan's the Exoteric Method:*** While the Lin-chi approach is to put the student's mind to work on the solution of an unsolvable problem known as koan or head phrase exercise. The approach of the Lin-chi school may be regarded as covert or esoteric is very complicated, for the Lin-chi approach of head phrase exercise is completely out of the beginner's reach. He is put purposely into absolute darkness until the light unexpectedly dawns upon him. On the contrary, according to the *Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, Zen master Tung-shan Liang-chieh emphasized the Tsao-tung's approach to Zen practice is to teach the student how to observe his mind in tranquility. We may regard the approach of the Tsao-tun school as overt or exoteric. If, in the beginning, the student can be properly guided by a good teacher, the approach of Tsao-tung sect is not too difficult to practice. If one can get the 'verbal instructions' from an experienced Zen Master one will soon learn how to 'observe the mind in tranquility' or, in Zen term, how to practice the 'serene-reflection' type of meditation.

***Tung Shan's Moving His Sleeves and Leaving the Hall:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between

Zen master Pai-Yan Ming-Che with T'ung-Shan and Mi Shih Po. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XIV, one day, Mi of Shên-shan and Tung-shan went to visit Ming-che. Ming-che asked Tung-shan: "Where have you been lately?" Tung-shan answered: "In Hu-nan province." Ming-che asked: "What is the surname of the governor there?" Tung-shan replied: "I do not know." Ming-che asked: "What is his first name then?" Tung-shan replied: "I do not know his first name either." Ming-che asked: "Doesn't he administer his office at all?" Tung-shan said: "He has plenty of subordinate officers to do the work." Ming-che asked: "Doesn't he come out from and go in to his office at all?" Tung-shan did not answer, moved his sleeves and walked out. The next day, Ming-che said to him: "You did not answer my question yesterday. If you can say something satisfactory today I will invite you to lunch." Tung-shan replied: "The governor is too dignified to come out of his office." Ming-che was satisfied with the answer, and a lunch was prepared for Tung-shan. Outwardly, the conversation between Tung-shan and Ming-che was simple and plain. It seems to have been without any significance. But in fact, every remark they made had a double meaning, alluding to the truth of Zen. This story shows how Zen Buddhists are in the habit of testing one another daily in simple talks. They are naturally trained experts in the Zen art of verbal contest. They start to play the game whenever they have a chance. It goes without saying that the participant in the Zen contest must know the game first in order to match his rival. An outsider will either miss the point, or become bewildered at what is going on. Zen practitioners should always consider Zen as an art in the sense that, to express itself, it only follows its own intuition and inspirations, but not dogmas and rules. At times it appears to be very grave and solemn, at others trivial and gay, plain and direct, or enigmatic and round-about. When Zen masters preach they do not always do so with their mouths, but with their hands and legs, with symbolic signals, or with concrete action. They shout, strike, and push, and when questioned they sometimes run away, or simply keep their mouths shut and pretend to be dumb. Such antics have no place in rhetoric philosophy, or religion, and can be best described as "art". The above story is one of the manners of Zen art that Zen masters utilize to test the depth and

genuineness of the disciple's or their masters' understanding and realization.

***Tung Shan's Awakening that Enlightenment is the Path of the Inclination to the Good:*** T'ung-Shan's awakening that enlightenment is the path of the inclination to the good. The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan said, "Awakening that enlightenment is the path of the inclination to the good (seeing one's own nature and becoming a Buddha), then one can say some words." A monk asked, "What does it mean when Master said 'saying some words'?" Zen master T'ung-Shan said, "You do not listen when I speak." The monk asked, "Have you heard anything, Master?" Zen master T'ung-Shan said, "You wait to listen when I don't speak."

***Tung Shan's Eating Fruits:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and Chief monk T'ai. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, on one winter day, Zen master T'ung-Shan and Chief monk T'ai were eating fruit. T'ung-Shan asked, "There is a thing, above facing the sky, below facing the ground, as black as tar, always moving inside everyday, but one can never grasp it, this old monk ask you where is the problem?" Chief monk T'ai said, "The problem is right where it is moving everyday." Zen master T'ung-Shan shouted and had the fruit taken away.

***Tung Shan's Knocking at the Door for Instructions:*** This is one of the three main points (three main thesis or ideas) of Tung-Shan-Lieng-Chieh. Seekers of studying of Zen come to knock at the door to ask for instructions.

***Why Do You Have Such Understanding?:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, Yun-Ju asked Tung-Shan: "What was the First Ancestor's intention?" Tung-Shan answered: "Behind him as a reed hat." Yun-Ju said: "My fault." Later, Yun-Ju went to build a cottage on nearby San-Feng peak. For ten days thereafter he didn't return to the monk's hall. Tung-Shan asked him: "Why haven't you come to meals lately?" Yun-Ju said: "Everyday a heavenly spirit brings me food." Tung-Shan said: "I say you're a person. Why do you still have such an understanding?"

Come see me tonight!" That evening when Yun-Ju came to see Tung-Shan, Tung-Shan called out to him: "Hermit-Ying!" Yun-Ju answered: "Yes?" Tung-Shan said: "Nothing of good and not thinking of evil, what is it?" Yun-Ju went back to his cottage and sat in Zen meditation. Because of this the god couldn't find him, and after three days did not come again."

***Tung Shan's Three Main Thesis or Ideas:*** Three main points of Tung-Shan-Lieng-Chieh: First, seekers of studying of Zen come to knock at the door to ask for instructions. Second, seekers of studying of Zen should always remember that even the way which is inclined to the good is only a golden rope that binds us to the cycle of birth and death. Third, get rid of all discriminations from deluded thoughts, get out of the three realms (world of desire, world of form, and formless world), then the gate or door into Nirvana will appear.

***Tung Shan's Three Cudgels:*** Tung-shan's Three Blows, example 15 of the Wu-Men-Kuan. One day, Tung-shan came to see Yun-men. Yun-men asked him, "Where were you most recently?" Tung-shan said, "At Ch'a-tu." Yun-men said, "Where were you during the summer?" Tung-shan, "At Pao-tzu Monastery in Hu-nan." Yun-men said, "When did you leave there?" Tung-shan said, "On August 25th." Yun-men said, "I spare you three blows." Next day, Tung-shan came again and said, "Yesterday you said you spared me three blows. I don't know what was my fault." Yun-men said, "You rice bag! Do you go about in such a way, now west of the river, now south of the lake!" With this, Tung-shan had great enlightenment. Tung Shan said: "Someday I'll go where there is no one around and build myself a hut; I'll store no rice and plant no vegetables but will receive worthy friends coming and going from all directions. Pulling out their pegs and yanking out their yokes, snatching away their grubby hats and ripping off their smelly robes, I'll make them clean and free, I'll make them people with nothing to do." Yun Men said: "You're no larger than a coconut. yet how big your mouth is!" Tung Shan then departed. According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, Zen practitioners, do you see anything? After all night in the ocean of 'right and wrong' (yes-and-no), Tung-shan struggled to the ultimate. As soon as dawn broke, he went again to Yun-men, who explained everything in detail. Even though Tung-shan had realization, he was not yet

brilliant. Now, let's think it over to see if Tung-shan deserved three blows. If you say yes, then grasses, bushes, and trees should all be beaten. If you say no, then you make Yun-men a liar. If you can be clear about this, then you and Tung-shan exhale ch'i with the same mouth.

***Tung Shan's Three Main Arts for Guiding and Teaching Disciples:*** Three main arts for guiding and teaching disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh: First, the path of birds. The path of Zen is a straight shortcut which leaves no traces at all. Second, profound path. In Buddhism, Zen is a profound school in which practitioners must try to stay away from both language and written words. Third, the non-stop path. Practitioners should not stop on the way that is inclined to the good, instead, using skills in means to practice "above to seek bodhi, below to save (transform) beings."

***Tung Shan's Three Attachments:*** Three attachments that Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh displayed to his disciples: First, cannot see the real nature of things due to the attachment to the ego (ego-grasping). Second, the mind still harbors discriminations from deluded thoughts. Third, to waste one's time and effort in digging deep in words and language, and to forget they are only means for us to comprehend the wonderful teachings of the Buddha.

***Tung Shan's Four Relationships Between Subjective and Objective:*** Four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. First, get rid of subjective and objective graspings. When leading and transforming disciples, masters utilize whatever methods to help their disciples to return to their original Buddha-nature. These masters always encourage their disciples to turn back into themselves to find the Buddha-nature, not going east and west to find it from outside. Second, Theory and Practice are in harmony because practice is theory and in practice there already exists theory. Third, Fundamental principle or absolute nature is originally immutable reality. Zen practitioners should always remember that Truth is eliminating words; it is independent of words; it does not require words to express it. Objective or snatch away the object, but save (do not snatch away) the person. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XII, one day, a

monk asked Zen master Lin-chi, "What does it mean to snatch away the object, but save the person?" Lin-chi answered, "The king's commands are sanctioned by the nation, the general, free from smoke and dust, has gone abroad." Fourth, Zen practitioners should always remember active and passive ideas, e.g., ability to transform or transformable and the object that is transformed.

***Tung Shan's Theory and Practice are in Harmony:*** This is one of the four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Theory and Practice are in harmony because practice is theory and in practice there already exists theory—See *Động Sơn Tân Chủ Cú*.

***Tung Shan's Ability to Transform and the Object That is Transformed:*** This is one of the four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Zen practitioners should always remember active and passive ideas, e.g. ability to transform or transformable and the object that is transformed—See *Động Sơn Tân Chủ Cú*.

***I Wasn't Practicing the Noble Truths!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day, Tung Shan asked Yun-Yan: "Are there other practices I haven't completed?" Yun-Yan said: "What were you doing before you came here?" Tung-Shan said: "I wasn't practicing the Noble Truths." Yun-Yan said: "Were you joyous in this nonpractice?" Tung-Shan said: "It was not without joy. It's like sweeping excrement into a pile and then picking up a precious jewel from within it."

***Tung Shan's An Iron Thorny Thrash or Club:*** An iron thorny thrash or club, the term indicates a strict guidance in Zen traditions. According to example 12 of Pi-Yen-Lu, one day, a monk asked Zen master Tung-shan Liang-chieh, "What is Buddha?" Tung-shan said, "An iron thorny club that monks with patched robes cannot jump over." Zen practitioners should always remember that if you seek from Tung-shan's words this way, you can search until Maitreya Buddha is born down here and still never see it even in a dream. For words and speech are just vessels to convey the Path. Far from realizing the intent of the Ancients, people just search in their words, what grasp can they get on

it? Haven't you seen how an Ancient said, "Originally the Path is wordless; with words we illustrate the Path. Once you see the Path, the words are immediately forgotten."

**Hosted a Feast:** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day, T'ung-Shan hosted a feast of commemoration on the anniversary of Yun-Yan's death. A monk asked: "When you were at Yun-Yan's place, what teaching did he give you?" T'ung-Shan said: "Although I was there, I didn't receive any teaching." The monk asked: "But you are holding a commemorative banquet for the late teacher. Doesn't that show you approve his teaching?" T'ung-Shan said: "Half approve. Half not approve." The monk said: "Why don't you completely approve of it?" T'ung-Shan said: "If I completely approved, then I would be disloyal to my late teacher."

**Tung Shan's Instructions:** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan said, "Awakening that enlightenment is the path of the inclination to the good (seeing one's own nature and becoming a Buddha), then one can say some words." A monk asked, "What does it mean when Master said 'saying some words'?" T'ung-Shan said, "Without the Buddha."

**Is the Water Deep or Shallow?:** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Yun-Ju and T'ung-Shan. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XVII, Yun-Ju was crossing a river with T'ung-Shan. T'ung-Shan asked: "How deep is it?" Yun-Ju said: "It's not wet." T'ung-Shan said: "You rustic!" Yun-Ju said: "What would you say Master?" T'ung-Shan said: "Not dry."

**Tung Shan's Talking About Mind and Nature:** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and Shen-Shan Mi. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan was walking along the road with Shen-Shan Mi. T'ung-Shan pointed at a monastery and said, "Inside that monastery, people were talking about mind and nature." Shen-Shan Mi asked, "Who are they?" T'ung-Shan said, "With uncle's such question, I feel totally dead." Shen-Shan Mi asked, "Who



are talking about mind and nature." T'ung-Shan said, "I get life out of the death."

***Cannot Utilize Words to Undertake the Great Work:*** One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. We cannot utilize words and sentences to undertake the great work from the Buddha because we can miss the real meanings of the Buddha. For this reason, we must always 'relying on the meaning and not on the words.'—See *Động Sơn Tứ Cú*.

***Close to the Body That Does Not Drop on Numbers:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan and a monk about Trikaya (three kayas). According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, a monk asked Zen master T'ung-Shan, "In a three-fold body (life of cultivation or works, spiritual body, and body of salvation), what body does not drop on numbers?" T'ung-Shan replied, "This old monk is usually close to that body."

***I Don't Know:*** Zen Master Ming-che, name of a Chinese Zen master in the ninth century, one of the most eminent disciples of Zen Master Yueh-Shan Wei-Yen. One day, Tung-shan went to visit Ming-che. Ming-che asked him: "Where have you been lately?" Tung-shan answered: "In Hu-nan province." Ming-che asked: "What is the surname of the governor there?" Tung-shan replied: "I do not know." Ming-che asked: "What is his first name then?" Tung-shan replied: "I do not know his first name either." Ming-che asked: "Doesn't he administer his office at all?" Tung-shan said: "He has plenty of subordinate officers to do the work." Ming-che asked: "Doesn't he come out from and go in to his office at all?" Tung-shan did not answer, and walked out. The next day, Ming-che said to him: "You did not answer my question yesterday. If you can say something satisfactory today I will invite you to lunch." Tung-shan replied: "The governor is too dignified to come out of his office." Ming-che was satisfied with the answer, and a lunch was prepared for Tung-shan.

***Not Rely on Words and Sentences to Attain a Wonderful Enlightenment:*** One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. One of the four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. Practitioners cannot rely on words and sentences to attain a wonderful enlightenment. Furthermore, a complete reliance on words and sentences can easily lead us to ignorance—See *Động Sơn Tứ Cú*.

***Tung Shan's Extending the Arms:*** To spread out the arms, this is one of the three main arts for guiding and teaching disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh. Practitioners should not stop on the way that is inclined to the good, instead, using skills in means to practice "above to seek bodhi, below to save (transform) beings."—See *Động Sơn Tam Lộ*.

***Tung Shan's Handing on the Rob and Bowl:*** Transmission of the robe and bowl means to hand down the robe (mantle or garments) and alms bowl. This expression indicating that a Zen master (Roshi) has recognized a particular disciple as his dharma-successor (Hassu). The passing on of the master's robe symbolizes that the disciple has grasped the essence of the teaching and is qualified to teach. According to the Records of the Transmission of the Lamp, one day, Zen master Tung-Shan entered the hall and addressed the monks, "Even when you say straightway that from the very beginning there is not a thing, this does not entitle you to be an inheritor of Zen tradition. I want you to say a word in this connection. What would you say?" There was a monk who expressed himself ninety-six times to please the master. Each time he failed until he had his ninety-seven trial. The master blurted out, "Why did you not say that sooner?" Later on, another monk learning of the incident came to the first monk and asked him to repeat the answer he had given to his master. For three years the second monk was in attendance upon the first monk in order to learn the secret from his own mouth. No chance, however, was given to the contriving attendant-monk. In the meantime the first monk fell sick. The attendant-monk made up his mind to get the desired answer by any means, fair or foul, "I have been with you for three years wishing for

you to tell me about the answer that you had given to your master. But you have persistently refused to acquiesce in my request. If I cannot get it by any honest means, I am going to get it this way." So saying, he drew his knife and continued, "If you refuse once more to give me the answer, I am ready to take your life." The first monk was taken aback and said, "Wait, for I will tell you. it is this: *'Even if it is brought out, there is no place to set it.'*" The murderous disciple-monk made profound bows to his master.

***Tung Shan's Elimination of Vainglory:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master T'ung-Shan when he was about to pass away and a monk. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan said, when he was near death, he taught his assembly, "This old monk has a vainglory in life, who can eliminate it for me?" The whole assembly was silent for a while, then a monk stepped forward and said, "I would like to obtain your religious name, the name that you received on ordination." T'ung-Shan said, "My vainglory has already been eliminated."

***Tung Shan's Four Sentences:*** Four sentences of relationships between words and speeches and the wonderful enlightenment displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism: First, practitioners must stay beyond words and speeches because they cannot carry the truth. Second, all words and speeches are not suitable for methods of mysticism (Zen). Zen practitioners must wisely utilize them so that an ultimate goal of a wonderful enlightenment can be achieved. Third, we cannot utilize words and sentences to undertake the great work from the Buddha because we can miss the real meanings of the Buddha. For this reason, we must always 'relying on the meaning and not on the words.' Fourth, practitioners cannot rely on words and sentences to attain a wonderful enlightenment. Furthermore, a complete reliance on words and sentences can easily lead us to ignorance.

***Tung-shan and the Guardian Deity of His Temple:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, Tung-shan was so wholly absorbed in each task with which he was involved that no trace of ego was present and he attained the emptiness described in the Heart Sutra. A folk tale relates that,

because of this mindfulness, the guardian deity of his temple was unable to see Tung-shan. Curious about the man who was now the temple's master, the guardian deity scattered some grain in the courtyard. Zen monasteries were noted for being kept scrupulously tidy, so when Tung-shan saw the grain scattered carelessly, he wondered who had been responsible for it. The moment that thought arose, the guardian deity was finally able to see Tung-shan.

*There's Not An Inch of Grass:* The koan about Zen master T'ung-Shan's teachings with commentaries from Zen masters Shih-shuang Ch'ing-chu and Ta-yang Ching-hsuan. According to Ching-Te Ch'uan teng Lu, volume XV, one day, Zen master T'ung-Shan said, one day, Zen master T'ung-Shan entered the hall and addressed the assembly, saying, "By the end of summer and beginning of fall, our brothers traveled east and west, should travel to a great distance place where there was not an inch of grass. So, how could you reach a thousand-mile place without inch of grass?" Zen master Shih-shuang Ch'ing-chu said, "Outside the door, grass grows all over." Zen master Ta-yang Ching-hsuan said, "Grass grow all over even inside the door."

## *Chương Hai Mươi Bốn*

### *Chapter Twenty-Four*

#### *Thiền Tào Động Tại Trung Hoa: Sự Phát Triển & Hưng Thịnh*

##### **I. Tổng Quan Về Tào Động Tông:**

Truyền thống Thiền tông Trung Hoa được ngài Động Sơn Lương Giới cùng đệ tử của ngài là Tào Sơn Bản Tịch sáng lập. Tên của tông phái lấy từ hai chữ đầu của hai vị Thiền sư này. Có nhiều thuyết nói về nguồn gốc của phái Tào Động. Một thuyết cho rằng nó xuất phát từ chữ đầu trong tên của hai Thiền sư Trung Quốc là Tào Sơn Bản Tịch và Động Sơn Lương Giới. Một thuyết khác cho rằng đây là trường phái Thiền được Lục Tổ Huệ Năng khai sáng tại Tào Khê. Ở Việt Nam thì Tào Động là một trong những phái Thiền có tầm cỡ. Những phái khác là Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Lâm Tế, Thảo Đường, vân vân. Tào Động được truyền sang Nhật Bản vào thế kỷ thứ XIII bởi thiền sư Đạo Nguyên; tông phái nhấn mạnh đến tọa thiền như là lối tu tập chính yếu để đạt được giác ngộ. Trong nửa đầu thế kỷ thứ XIII, truyền thống của phái Tào Động được một thiền sư Nhật Bản tên Đạo Nguyên đưa vào Nhật. Thiền Tào Động, cùng với thiền Lâm Tế, là những dòng duy nhất còn tồn tại hiện nay ở Nhật. Dấu mục đích của hai phái này về căn bản là giống nhau, nhưng những phương pháp đào tạo của họ lại khác nhau. Trong khi phái Tào Động đặt pháp Mặc Chiếu Thiền và phương pháp 'Chỉ Quán Đả Tọa' lên hàng đầu; thì phái Lâm Tế lại đặt lên hàng đầu Khán Thoại Thiền và phương pháp công án. Độc tham là một trong những yếu tố chính trong sự đào tạo Thiền Tào Động đã tàn lụn từ giữa thời kỳ Minh Trị. Tại Đại Hàn, đây là truyền thống Phật giáo lớn nhất trong xứ, kiểm soát khoảng 90 phần trăm các tự viện tại xứ này. Nó mang tên Núi Tào Khê ở Trung Quốc, nơi mà Lục Tổ Huệ Năng của dòng Thiền Trung Quốc đã trụ. Vào thế kỷ thứ 20 Thiền tông Tào Khê của Triều Tiên chính thức kết hợp các tự viện thuộc các tông phái Phật giáo khác, với kết quả là nhiều thiền viện Tào Khê vẫn còn giữ truyền thống tu tập từ thời Chinul và cộng đồng tự viện mà ông đã sáng lập tại vùng Tây Nam Triều Tiên. Tuy nhiên, dù sự tuyên bố về

sự liên hệ này được các học giả đương thời cho là mong manh, và Tào Khê Tông dường như chỉ mới trở dậy như là một truyền thống riêng biệt vào hồi đầu thế kỷ 20 mà thôi.

## ***II. Pháp Môn Công Truyền Của Tông Tào Động:***

Trong khi pháp môn của tông Lâm Tế là bắt tâm của các môn đồ phải tìm cách giải quyết một vấn đề không thể giải quyết được mà chúng ta gọi là tham công án hay thoại đầu. Chúng ta có thể xem pháp môn bí truyền của tông Lâm Tế rất là rắc rối, vì lối tham thoại đầu hay công án hoàn toàn vượt ra ngoài tầm của kẻ sơ học. Người ấy bị xô đẩy một cách cốt ý vào bóng tối tuyệt đối cho đến khi ánh sáng bất ngờ đến được với y. Trái lại, pháp môn tu tập của tông Tào Động là dạy cho môn đồ cách quán tâm mình trong tĩnh lặng. Chúng ta có thể xem pháp môn của tông Tào Động là hiển nhiên hay công truyền. Nếu ngay từ đầu, môn đồ được chỉ dẫn thích đáng bởi một vị thầy giỏi, pháp môn của tông Tào Động không đến nỗi khó tu tập cho lắm. Nếu chúng ta có thể có được những lời dạy khẩu truyền từ một thiền sư có kinh nghiệm thì không sớm thì muộn chúng ta sẽ học được cách 'quán tâm trong tĩnh lặng' hoặc, nói theo thuật ngữ Thiền, cách tu tập loại 'mặc chiếu Thiền'.

## ***III. Phương Pháp "Nhập Thất Mật Thụ" Trong Bí Mật Tông Môn" Của Tông Tào Động:***

Có một thiếu sót lớn về sự khảo chứng đáng tin cậy về các chỉ thị thực tiễn mà chắc chắn các Thiền sư phái Tào Động đã dạy. Một trong các lý do tạo ra sự thiếu sót tài liệu thành văn này là cái bí mật tông môn của phái Tào Động, khiến cho các môn đồ phái này không muốn ghi lại những chỉ thị bằng lời. Vì thế mà theo dòng thời gian đã xóa mờ tất cả những dấu vết của nhiều giáo lý khẩu truyền tuyệt vời như vậy. Buổi ban sơ, nhiều Thiền sư phái Tào Động đã dạy các đệ tử của các ngài theo một lối bí mật nhất. Thuật ngữ của Tào Động tông là "Vào phòng của Thầy để nhận lời dạy bí mật" hay "Nhập Thất Mật Thụ" được dùng rất rộng rãi.

#### ***IV. Những Khác Biệt Giữa Hai Trường Phái Tào Động & Lâm Tế:***

Phải thành thật mà nói, pháp môn của phái Tào Động là pháp môn giản dị và cụ thể, có thể thích hợp cho nhiều người ở thế kỷ hai mươi mốt này. Việc này phần lớn là vì sự tu tập công án, cột trụ chính yếu nếu không nói là cột trụ độc nhất của lối tu tập theo phái Lâm Tế, quá khó khăn và không thích hợp đối với tâm thức hiện đại. Ngoài ra, trong khi tu tập Thiền bằng cách tham công án, chúng ta không ngừng phải nhờ vào một vị Thiền sư có thẩm quyền từ đầu đến cuối. Như thế, đối với xã hội hiện đại là một vấn đề cực kỳ khó khăn. Một trở ngại nữa cho việc tu tập công án là nó có xu hướng làm tâm trí luôn luôn căng thẳng, như thế sẽ không giảm bớt, mà chỉ làm tăng thêm, những căng thẳng tinh thần của con người trong xã hội hiện đại hôm nay. Theo Giáo sư Chang Chen-Chi trong tác phẩm "Thiền Đạo Tu Tập", trải qua nhiều thế hệ Tào Động và Lâm Tế là hai phái Thiền đối nghịch nhau, mỗi phái cung hiến, trên những phương diện nhất định nào đó, một pháp môn tu tập Thiền khác nhau. Bởi vì những pháp môn dị biệt này mà một người học Thiền độc lập có thể chọn pháp môn nào thích hợp với mình nhất và giúp ích mình nhiều nhất. Pháp môn Thiền giản dị, cụ thể và minh bạch kiểu Ấn Độ do phái Tào Động chủ trương, trở vượt hoặc được ưa chuộng hơn pháp môn rắc rối, khó hiểu, và "bí truyền" kiểu Trung Hoa do phái Lâm Tế tiêu biểu vẫn luôn luôn là một vấn đề còn tranh luận. Nói tóm lại, pháp môn tu tập của phái Tào Động là dạy môn đồ cách quán tâm mình trong tĩnh lặng. Trái lại, pháp môn của phái Lâm Tế, là bắt tâm của môn đồ phải tìm cách giải quyết một vấn đề không thể giải quyết được mà chúng ta gọi là tham công án hay thoại đầu. Có thể xem pháp môn của phái Tào Động là hiển nhiên hay công truyền, trong khi pháp môn của phái Lâm Tế là ẩn mật hay bí truyền. Khách quan mà nói, cả hai pháp môn này đều có những điểm sở trường và sở đoản, lợi và bất lợi. Nếu chúng ta muốn tránh các yếu tố khó hiểu và bí ẩn của Thiền và cố ghi lại trực tiếp một lời dạy giản dị và cụ thể thực tiễn thực sự, thì có lẽ pháp môn của phái Tào Động thích hợp hơn. Nhưng nếu chúng ta muốn thâm nhập sâu xa hơn vào cốt tủy của Thiền, và sẵn lòng chấp nhận những khó khăn và trở ngại ngay từ buổi ban đầu, thì có lẽ pháp môn của phái Lâm Tế, phái Thiền thịnh hành và phổ biến nhất ở Trung Hoa và Nhật Bản hiện nay, là thích hợp hơn.

### V. *Thiền Tào Động & Năm Cấp Chứng Ngộ Của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới:*

Trong kinh Hoa Nghiêm, sự liên hệ giữa “tối” và “sáng” như là hạn chế lẫn nhau, nhưng đồng thời ranh giới giữa sáng và tối rất rõ ràng như trong hai khái niệm “vô minh” và “giác ngộ” vậy. Động Sơn Lương Giới sanh năm 807 sau Tây Lịch, là tổ thứ nhất của phái Tào Động Trung Quốc và người đã thiết định Năm Vị hay Ngũ Sơn Tào Động. Khi Động Sơn đến với Thư Sơn Huệ Siêu. Huệ Siêu hỏi: “Ông đã trụ tại một phương, nay đến đây làm gì?” Động Sơn nói: “Tôi bị dầy vò bởi một mối nợ, không biết phải làm sao nên đến đây.” Huệ Siêu gọi lớn: “Lương Giới! (tên thật của Động Sơn)” Động Sơn cất tiếng: “Dạ!” Huệ Siêu hỏi: “Cái gì thế?” Động Sơn không biết trả lời ra sao, và Huệ Siêu nói ngay: “Phật đẹp quá, chỉ hiềm không có lửa sáng!” Theo Truyền Đăng Lục, vì không có lửa sáng nên sự vô trí không được thắp sáng, khi biết được điều này, sẽ có sự thắp sáng. Đối với hành giả tu Thiền, năm cấp bậc chứng ngộ do Động Sơn Lương Giới thiết lập cũng giống như 10 bài kệ chặn trâu, vì đây là các mức độ khác nhau về sự thành tựu trong nhà Thiền. *Ngôi vị thứ nhất là “Chánh Trung Thiên”*: Ngôi vị thứ nhất nhận thức về thế giới hiện tượng ngự trị, nhưng nó được nhận thức như là chiều kích của ngã tuyệt đối (nó được nhận biết như một biểu hiện của cái căn bản, của bản tánh thật của chúng ta). *Giai đoạn thứ nhì là “Thiên Trung Chánh”*: Giai đoạn thứ nhì này hình thái vô phân biệt đến với giai đoạn trước một cách mãnh liệt và sự phân biệt bị đẩy lùi vào phía sau (mặt đồng nhất nổi lên và tính đa tạp lùi xuống). *Giai đoạn thứ ba là “Chánh Trung Lai”*: Giai đoạn thứ ba là ngôi vị trong ấy không còn ý thức về thân hay tâm. Cả hai đã được xả bỏ hoàn toàn (không còn có ý thức về thân thể hay về tinh thần nữa; cái này lẫn cái kia hoàn toàn bị xóa đi; đó là kinh nghiệm về tánh hư không). *Giai đoạn thứ tư là “Thiên Trung Chí”*: Giai đoạn thứ tư, với ngôi vị này, tính duy nhất của mỗi sự vật được nhận thức ở mức độ độc nhất. Bây giờ núi là núi, sông là sông; chứ không còn núi đẹp sông buồn nữa (ở giai đoạn này người ta thấy hết sức rõ đặc thù của một cái gì đó. Tính hư không biến mất vào các hiện tượng). *Giai đoạn thứ năm là “Kiêm Trung Đáo”*: Ở vị thứ năm hay là mức cao nhất, sắc và không tương tức tương nhập đến độ không còn ý thức cả hai, các ý niệm ngộ mê đều biến mất, đây là giai đoạn của tự do nội tại trọn vẹn (ở giai đoạn này,



hình thức và hư vô hoàn toàn thâm nhập lẫn nhau. Từ trạng thái ý thức ấy nảy ra hành vi tự phát, không định trước, không có ý đồ của óc cũng như tim, phản ứng ngay với tất cả hoàn cảnh xảy ra).

## ***VI. Thiên Tào Động & Những Thứ Cường Yếu Khác Của Thiên Sư Động Sơn Lương Giới:***

***Ba Thứ Cường Yếu Của Thiên Sư Động Sơn Lương Giới:*** Động Sơn Tam Chứng Cường Yếu hay ba điểm cường yếu trong tông chỉ của Động Sơn Lương Giới. *Thứ Nhất Là Sao Xương Câu Hành:* Người cầu học thiền gõ cửa xin lãnh giáo. *Thứ Nhì Là Kim Tỏa Huyền Lộ:* Người cầu học thiền nên luôn nhớ dẫu là con đường hưởng thượng đi nữa cũng chỉ là sợi dây vàng trói buộc mà thôi. Ý nói Niết Bàn như vàng ròng, nhưng nếu hành giả chấp vào nó thì giống như bị sợi dây vàng trói buộc vậy. *Thứ Ba Là Chẳng Đọa Phàm Thánh:* Dứt hết những phân biệt của vọng niệm, ra khỏi tam giới (dục, sắc và vô sắc) thì tự nhiên cửa niết bàn sẽ hiển lộ.

***Động Sơn Tam Lộ:*** Ba nghệ thuật hướng dẫn và dạy dỗ người học của Động Sơn Lương Giới. *Thứ Nhất Là Điều Đạo:* Đạo pháp của Thiên tông thẳng tắt và không lưu lại dấu vết gì cả. *Thứ Nhì Là Huyền Lộ: Second, Profound Path:* Trong Phật giáo, Thiên là pháp môn huyền diệu, trong đó hành giả phải lìa xa cả ngôn ngữ lẫn văn tự. *Thứ Ba Là Triển Thủ:* Hành giả không dừng lại ở con đường hưởng thượng, mà phải dùng phương tiện nhằm tu tập "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh".

***Động Sơn Tam Sấm Lộ:*** Ba điều chấp trước mà thiên sư Động Sơn Lương Giới nêu ra cho người học. *Thứ Nhất Là Kiến Sấm Lộ:* Vì chấp ngã nên không thấy được tánh chân thật của vạn pháp. *Thứ Nhì Là Tình Sấm Lộ:* Tâm hãy còn chất chứa phân biệt đối đãi bởi vọng tưởng. *Thứ Ba Là Ngữ Sấm Lộ:* Lãng phí thì giờ và công sức chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự mà quên những thứ đó chỉ là phương tiện cho chúng ta lãnh hội được giáo pháp huyền diệu của đức Phật mà thôi.

***Động Sơn Tứ Tâm Chủ Cú:*** Bốn mối quan hệ giữa chủ và khách do thiên sư Động Sơn Lương Giới lập ra để hiển bày lý huyền diệu của Phật pháp. *Thứ Nhất Là Chủ Trung Chủ:* Dứt bỏ năng sở chấp thủ hay sự bám víu khách quan và chủ quan. *Thứ Nhì Là Khách Trung Chủ:* Từ bản thể của lý, sự sẽ hiện ra hay lý sự viên dung vì Sự cũng chính là Lý và trong Sự đã có Lý hiện hữu rồi. *Thứ Ba Là Chủ Trung Khách:* Tất cả

đều lấy bản thể của lý làm cơ bản. Lý thể vốn đầy đủ không thay đổi. Hành giả nên luôn nhớ rằng chân lý triệt tiêu văn tự; chân lý độc lập với văn tự, hay nói cách khác, văn tự không diễn tả được chân lý. *Thứ Tư Là Khách Trung Khách*: Sự tức là sự đối lập năng và sở, cũng là thể dụng trái nhau. Hành giả phải luôn tâm niệm pháp tự động là năng, pháp bị động là sở, như khả năng chuyển hóa là “năng hóa,” và vật được chuyển hóa là “sở hóa” (năng duyên, sở duyên; năng kiến, sở kiến; lục thức và lục căn có khả năng phát khởi mỗi cảm gọi là năng, lục trần có sức thu lấy mỗi cảm gọi là sở).

### ***VII. Thiên Lý & Thiên Tập Trong Pháp Ngữ Tông Tào Động:***

Tào Động là truyền thống Thiền tông Trung Hoa được ngài Động Sơn Lương Giới cùng đệ tử của ngài là Tào Sơn Bản Tịch sáng lập. Tên của tông phái lấy từ hai chữ đầu của hai vị Thiền sư này. Đây là một trong những phái Thiền có tâm cở ở Việt Nam. Những phái khác là Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Lâm Tế, Thảo Đường, vân vân. Có nhiều thuyết nói về nguồn gốc của phái Tào Động. Một thuyết cho rằng nó xuất phát từ chữ đầu trong tên của hai Thiền sư Trung Quốc là Tào Sơn Bản Tịch và Động Sơn Lương Giới. Một thuyết khác cho rằng đây là trường phái Thiền được Lục Tổ Huệ Năng khai sáng tại Tào Khê. Biệt hiệu của Lục Tổ Huệ Năng. Tào Khê là tên một con suối nằm về hướng đông nam phủ Thiều Châu, tỉnh Quảng Đông (thời nhà Lương có vị sư nước Thiên Trúc từ Tây Phương tới bởi thuyền của Tào Khê, người thấy mùi hương lạ bèn nói: “Trên thượng nguồn ắt có thắng cảnh. Đoạn đi tìm, rồi mở núi dựng bia nói rằng, một trăm bảy mươi năm sau sẽ xuất hiện một vị Vô Thượng Pháp Sư thuyết pháp ở đây. Nay chính là chùa Nam Hoa của Lục Tổ Huệ Năng). Lại có thuyết khác cho rằng Tào Sơn hay núi Tào là biệt hiệu của Bản Tịch Thiền Sư, nhị tổ Tào Động, và cũng là học trò của Động Sơn Lương Giới thuộc tông Tào Động.

Triết lý chính của Thiền Mặc Chiếu của tông Tào Động là nhìn vào nội tâm, chứ không phải nhìn ra bên ngoài, là cách duy nhất để đạt đến sự giác ngộ mà trong tâm trí con người thì cũng giống như là Phật quả vậy. Hệ tư tưởng này chú trọng vào ‘trực cảm,’ với một đặc điểm là không có ngôn từ nào để tự diễn đạt, không có một phương thức nào để tự giải thích, không có sự chứng minh dài dòng nào về chân lý riêng của mình một cách thuyết phục. Nếu có sự diễn đạt thì chỉ diễn đạt

bằng ký hiệu và hình ảnh. Qua một thời gian, hệ tư tưởng này đã phát triển triết lý trực cảm của nó đến một mức độ khiến nó vẫn còn là một triết lý độc đáo cho đến ngày nay. Mặc Chiếu Thiền (của tông Tào Động), nhấn mạnh đến sự chuyển hóa và giác ngộ từ bên trong. Theo Thiền Sư D.T. Suzuki trong Thiền Luận, Tập II, những chứng cứ có thẩm quyền mà các nhà mặc chiếu thiền lấy làm chỗ tựa cho tin tưởng của mình khi Đức Thích Ca Mâu Ni ở Ma Kiệt Đà, Ngài đóng cửa không lên tiếng trong ba tuần. Đây há không phải là một điển hình về lối mặc chiếu của Phật hay sao? Khi ba mươi hai vị Bồ Tát tại thành Tỳ Xá Li bàn bạc với ngài Duy Ma Cật về pháp môn bất nhị, cuối cùng Duy Ma Cật im lặng không nói một lời và Đức Văn Thù khen hay. Đây há không phải là im lặng mặc chiếu của một vị đại Bồ Tát hay sao? Khi Tu Bồ Đề ngồi trong hang đá không nói một lời, không thuyết một câu về Bát Nhã Ba La Mật. Đây há không phải là sự im lặng của một vị đại Thanh Văn hay sao? Khi thấy Tu Bồ Đề ngồi lặng lẽ như thế trong hang đá, Thiên Đế Thích bèn rải hoa trời cúng dường, cũng không nói một lời. Đây há không phải là sự im lặng của phàm phu? Khi Bồ Đề Đạt Ma dạo đến Trung Quốc, ngài ngồi suốt chín năm trên Thiệu Lâm, lãnh đạm với tất cả những ngôn giáo. Đây há không phải là sự im lặng của tổ sư hay sao? Và Lục Tổ mỗi khi thấy một vị Tăng đến, ngài liền quay mặt vào tường ngồi lặng lẽ. Đây há không phải là sự im lặng của thiền sư hay sao?

Theo Thiền sư Đại Huệ, hành giả tu tập Mặc Chiếu Thiền cần phải có một minh sư. Thiền sư Đại Huệ bảo rằng chỉ mặc tọa không thôi thì chẳng được việc gì cả, vì nó chẳng đưa đến đâu, vì sự chuyển y không khởi lên trong tâm của mình, để nhờ đó mà người ta bước vào thế giới đa thù bằng một nhãn quan khác hẳn bây giờ. Những thiền giả mặc tọa nào mà chân trời tâm trí không vươn lên tới cái trình độ gọi là im lặng tuyệt đối khôn dò, họ quờ quạng trong hang tối vĩnh viễn. Họ không thể mở ra con mắt trí tuệ. Vì vậy họ cần được dắt dẫn bởi bàn tay của một thiền sư. Rồi sau đó Đại Huệ tiếp tục nêu lên những trường hợp chứng ngộ do một minh sư hướng dẫn; đồng thời lưu ý sự cần thiết tham cần một bậc đã tỏ ngộ và lật đổ hẳn toàn bộ thủ thuật im lặng vốn cản trở sự tăng trưởng tâm linh Thiền. Sự lật đổ toàn bộ cơ cấu này ở đây được Đại Huệ nói theo một thuật ngữ của kinh là ‘nhập lưu vọng sở,’ nghĩa là bước vào dòng và bỏ mất cái chỗ trú,’ ở đó mãi mãi không còn ghi dấu sự đối đãi của động và tĩnh nữa. Ông nêu lên bốn trường hợp.

*Trường hợp thứ nhất:* Hòa Thượng Thủy Lạp nhân khi đang tưới cây đồng, hỏi Mã Tổ, ‘Ý của Tổ từ Tây đến là gì?’ Mã Tổ đáp, ‘Lại gần đây ta bảo cho.’ Rồi khi Thủy Lạp vừa đến gần, Mã Tổ tổng cho một đập té nhào. Nhưng cái té nhào này khiến cho tâm của Thủy Lạp hoá nhiên đại ngộ, bất giác đứng dậy cười ha hả, tuồng như xảy ra một việc không ngờ, nhưng rất mong mỏi. Mã Tổ hỏi, ‘Nhà ngươi thấy cái đạo lý gì đây?’ Thủy Lạp đáp, ‘Quả thật, trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, chỉ trên đầu một sợi lông mà biết ngay được cả căn nguyên. Rồi Đại Huệ bàn: “Khi đã chứng ngộ như vậy Thủy Lạp không còn chấp trước vào sự im lặng của Chánh định nữa, và vì ngài không còn dính mắc vào đó nên vượt hẳn lên hữu vi và vô vi; ở trên hai tướng động và tĩnh.” Ngài không còn nương tựa những cái ở ngoài chính mình nữa mà mở ra kho tàng tự kỷ, nên nói: ‘Ta đã thấy suốt căn nguyên rồi!’ Mã Tổ biết thế và không nói thêm gì nữa. Về sau, khi được hỏi về kiến giải Thiền của mình, ngài chỉ nói: ‘Từ thuở ném cái đập nặng nề của Tổ cho đến giờ, ta vẫn cười hoài không thôi.’

*Trường hợp thứ nhì:* Vân Môn hỏi Động Sơn: “Ở đâu đến đây?” “Tra Đô.” “Mùa hạ ở đâu?” “Ở Báo Tử, Hồ Nam.” “Rời khỏi núi ấy lúc nào?” “Tháng tám, ngày hai mươi lăm.” Vân Môn kết luận, “Tha ngươi ba chục hèo, dù ngươi đáng tội.” Về cuộc thăm hỏi của Động Sơn với Vân Môn, Đại Huệ bảo rằng: “Động Sơn thật là thuần phát biết bao! Ngài cứ thật mà trả lời, nên đương nhiên là phải nghĩ rằng: ‘Mình đã thật tình mà trả lời, thế thì có lỗi gì mà phải bị ba chục hèo?’ Ngày hôm sau lại đến kiểm thầy mà hỏi: ‘Hôm qua nhờ Hòa Thượng tha cho ba chục hèo, nhưng chưa hiểu là có lỗi gì?’ Vân Môn bảo: ‘Ôi phờng giá áo túi cơm, vì vậy mà nhà ngươi đi từ Giang Tây đến Hồ Nam đấy!’ Lời cảnh giác ấy bỗng làm sáng mắt của Động Sơn, rồi thì chẳng có tin tức nào đáng thông qua, chẳng có đạo lý nào đáng nêu lên nữa. Ngài chỉ lạy mà thôi và nói: ‘Từ đây về sau, tôi sẽ dựng thảo am ở nơi không có dấu vết người; không cất lấy một hạt cơm, không trồng một cọng rau, và tiếp đãi khách mười phương lai vãng; tôi sẽ vì họ mà nhổ hết những đinh những móc; tôi sẽ cởi bỏ cho họ những chiếc nón thoa dầu, những chiếc áo hôi nách, khiến cho họ được hoàn toàn sạch sẽ và thành những vị Tăng xứng đáng.’ Vân Môn cười và nói; ‘Cái thân như một trái dưa bao lớn mà có cái miệng rộng vậy thay!’

*Trường hợp thứ ba:* Yến quốc sư khi còn là một học Tăng, qua nhiều năm học hỏi với Tuyết Phong. Một hôm, Tuyết Phong biết cơ duyên của ngài đã chín mùi, liền nắm chặt ngài và

hỏi cộc lốc: “Cái gì đây?” Yển như vừa chột tỉnh cơn mê và được liễu ngộ. Ngài chỉ nhắc cánh tay lên đưa qua đưa lại. Phong nói: “Nhà người làm gì thế?” Vị đệ tử này trả lời nhanh nhẩu: “Nào có gì đâu?” *Trường hợp thứ tư*: Một hôm Hòa Thượng Quán Khê thăm Lâm Tế. Lâm Tế bước xuống ghế rơm, không nói không rằng, nắm chặt nhà sư lại; Quán Khê liền nói: “Tôi hiểu, tôi hiểu.”

*Hương thiền trong Pháp Ngữ của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới*: Thiền Sư Trung Hoa nổi tiếng của tông Tào Động. Ông sanh năm 807 sau Tây Lịch, là tổ thứ nhất của phái Tào Động Trung Quốc và người đã thiết định Năm Vị hay Ngũ Sơn Tào Động. Động Sơn đến với Thư Sơn Huệ Siêu. Huệ Siêu hỏi: “Ông đã trụ tại một phương, nay đến đây làm gì?” Động Sơn nói: “Tôi bị dầy vò bởi một mối ngờ, không biết phải làm sao nên đến đây.” Huệ Siêu gọi lớn: “Lương Giới! (tên thật của Động Sơn)” Động Sơn cất tiếng: “Dạ!” Huệ Siêu hỏi: “Cái gì thế?” Động Sơn không biết trả lời ra sao, và Huệ Siêu nói ngay: “Phật đẹp quá, chỉ hiềm không có lửa sáng!” Theo Truyền Đăng Lục, vì không có lửa sáng nên sự vô trí không được thấp sáng, khi biết được điều này, sẽ có sự thấp sáng. Ông là một trong những thiền sư có ảnh hưởng nhất dưới thời nhà Đường, và đã cùng với Tào Sơn Bản Tịch sáng lập ra tông Tào Động, mà tên của tông phái này lấy hai chữ đầu của hai vị Thiền sư trên. Ông cũng nổi tiếng vì đã khai triển “Động Sơn Ngũ Vị” hay năm mức độ chứng đắc tâm linh. Ông tịch năm 869 sau Tây Lịch. Sư du phương, trước yển kiến Thiền sư Nam Tuyên Phổ Nguyên. Gặp ngày kỵ trai Mã Tổ, Nam Tuyên hỏi chúng: “Cúng trai Mã Tổ có đến hay chẳng?” Cả chúng đều không đáp được. Sư bước ra thưa: “Đợi có bạn liền đến.” Nam Tuyên bảo: “Chú nhỏ này tuy là hậu sanh rất dễ dũa gọt.” Sư thưa: “Hòa thượng chớ đê nén kẻ lành để nó trở thành nghịch tặc.” Kế đến sư tham vấn với thiền sư Qui Sơn. Sư thưa: “Được nghe Quốc Sư Huệ Trung nói ‘vô tình thuyết pháp’ con chưa thấu hiểu chỗ vi diệu ấy?” Qui Sơn bảo: “Có nhớ những gì Quốc Sư nói chẳng?” Sư thưa: “Con nhớ.” Qui Sơn nói: “Vậy thì lập lại xem sao!” Sư nói: “Có một vị Tăng hỏi Quốc Sư, ‘Thế nào là tâm của chư Phật?’ Quốc Sư trả lời, ‘Một miếng ngói tường.’ Sư hỏi, ‘Một miếng ngói tường? Có phải miếng ngói tường là vô tình hay không?’ Qui Sơn đáp, ‘Đúng vậy.’ Vị Tăng hỏi tiếp, ‘Như vậy nó có thể thuyết pháp không?’ Quốc Sư đáp, ‘Miếng ngói ấy thuyết pháp một cách rõ ràng không vấp vấp.’ Vị Tăng hỏi, ‘Tại sao con lại không nghe được?’ Quốc sư bảo, ‘Tự

người không nghe được, nhưng không có nghĩa là người khác không nghe được.’ Vị Tăng lại hỏi, ‘Như vậy ai nghe được?’ Quốc Sư đáp, ‘Các bậc Thánh nhân nghe được.’ Vị Tăng lại nói, ‘Vậy Thầy có nghe được không?’ Quốc Sư đáp, ‘Ta không nghe được. Nếu ta nghe được thì ta đã đồng là Thánh rồi còn gì! Làm gì người có thể nghe ta thuyết pháp.’ Vị Tăng hỏi, ‘Như vậy tất cả chúng sanh không thể hiểu được những lời thuyết này.’ Quốc Sư nói, ‘Ta vì phạm phu mà thuyết pháp, chớ không vì Thánh mà thuyết.’ Vị Tăng nói, ‘Như vậy sau khi nghe được rồi thì sao?’ Quốc Sư đáp, ‘Sau khi chúng sanh đã nghe hiểu rồi thì họ đâu còn là phạm phu nữa.’ Sau đó sư làm thêm bài kệ:

“Không môn hữu lộ nhân giai đáo,  
 Đạo giả phương tri chỉ thú trường.  
 Tâm địa nhược vô nhân thảo mộc,  
 Tự nhiên thân thượng phóng hào quang.”

Động Sơn hỏi Vân Nham: “Con còn dư tập chưa hết.” Vân Nham hỏi: “Người từng làm gì?” Sư thưa: “Thánh Đế cũng chẳng làm.” Vân Nham hỏi: “Được hoan hỷ chưa?” Sư thưa: “Hoan hỷ thì chẳng không, như trong đồng rác lượm được hòn ngọc sáng.” Sư từ biệt Vân Nham để đi nơi khác. Vân Nham hỏi: “Đi nơi nào?” Sư thưa: “Tuy lia Hòa Thượng mà chưa định chỗ ở?” Vân Nham hỏi: “Phải đi Hồ Nam chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Phải đi về quê chăng?” Sư thưa: “Không.” Vân Nham hỏi: “Bao lâu trở lại?” Sư thưa: “Đợi Hòa Thượng có chỗ thì trở lại.” Vân Nham bảo: “Từ đây một phen đi khó được thấy nhau.” Sư thưa: “Khó được chẳng thấy nhau.” Sắp đi, sư lại thưa: “Sau khi Hòa Thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi ‘Tả được hình dáng của thầy chăng?’ Con phải đáp làm sao?” Vân Nham lặng thinh hồi lâu, bảo: “Chỉ cái ấy.” Sư trầm ngâm giây lâu. Vân Nham bảo: “Xà lê Lương Giới thừa đương việc lớn phải xét kỹ. Sư vẫn còn hồ nghi. Sau sư nhơn qua suối nhìn thấy bóng, đại ngộ ý chỉ trước, liền làm một bài kệ:

“Thiết kỵ từng tha mịch, điều điều dữ ngã sơ  
 Ngã kim độc tự vãng, xứ xứ đắc phùng cừ.  
 Cừ kim chánh thị ngã, ngã kim bất thị cừ  
 Ứng tu nhậm ma hội, Phương đắc khế như như.”  
 (Rất kỵ tìm nơi khác, xa xôi bỏ lảng ta  
 Ta nay riêng tự đến, chỗ chỗ đều gặp va  
 Va nay chính là ta, ta nay chẳng phải va

Phải nên biết như thế, mới mong hợp như như).

Một hôm nhân ngày thiết trai cúng kỵ Vân Nham, có vị Tăng hỏi: “Hòa Thượng ở chỗ Tiên Sư được chỉ dạy gì?” Sư đáp: “Tuy ở trong ấy mà chẳng nhờ Tiên Sư chỉ dạy.” Tăng hỏi: “Đã chẳng nhờ chỉ dạy, lại thiết trai cúng dường làm gì, như vậy là đã chấp nhận giáo chỉ của Vân Nham rồi vậy?” Sư bảo: “Tuy nhiên như thế, đâu dám trái lại tiên Sư.” Tăng hỏi: “Hòa Thượng trước yết kiến Nam Tuyên tìm được manh mối, vì sao lại thiết trai cúng dường Vân Nham?” Sư đáp: Ta chỉ trọng Tiên Sư đạo đức, cũng chẳng vì Phật pháp. Sư bệnh, sai sa di báo tin Vân Cư hay. Sư dặn Sa di: “Nếu Vân Cư hỏi Hòa Thượng an vui chăng?” Người chỉ nói xong phải đứng xa, e y đánh người. Sa di lãnh mệnh đi báo tin, nói chưa dứt lời đã bị Vân Cư đánh một gậy. Có vị Tăng hỏi: “Hòa Thượng bệnh lại có cái chẳng bệnh chăng?” Sư đáp: “Có.” Tăng thưa: “Cái chẳng bệnh lại thấy Hòa Thượng chăng?” Sư bảo: “Lão Tăng xem y có phần.” Tăng thưa: “Khi lão Tăng xem chẳng thấy có bệnh.” Sư lại hỏi Tăng: “Lìa cái thân hình rỏ chảy này, người đến chỗ nào cùng ta thấy nhau?” Tăng không đáp được. Sư bèn làm bài kệ:

“Học giả hằng sa vô nhất ngộ  
 Quá tại tâm tha thiệt đầu lộ  
 Dục đắc vong hình dẫn tung tích  
 Nỗ lực ân cần không lý bộ.”  
 (Kẻ học hằng sa ngộ mấy người  
 Lỗi tại tâm y trên đầu lưỡi  
 Muốn được quên thân bật dấu vết  
 Nỗ lực trong không bước ấy người).

Sư sai cạo tóc tắm gội xong, đắp y bảo chúng đánh chuông, giả từ chúng ngồi yên mà tịch. Đại chúng khóc lóc mãi không dứt. Sư chợt mở mắt bảo: “Người xuất gia tâm chẳng dính mắc nơi vật, là tu hành chân chánh. Sống nhọc thích chết, thương xót có lợi ích gì?” Sư bảo chủ sự sắm trai ngu si để cúng dường. Chúng vẫn luyến mến quá, kéo dài đến ngày thứ bảy. Khi thọ trai, sư cũng từng chúng thọ. Thọ trai xong, sư bảo chúng: “Tăng Già không việc, sắp đến giờ ra đi, chớ làm ồn náo.” Sư vào trượng thất ngồi yên mà tịch. Bấy giờ là tháng ba năm 869, đời nhà Đường. Sư thọ 63 tuổi, 42 tuổi hạ. Vua phong sắc là “Ngộ Bổn Thiên Sư.”

## *The Tsao-Tung Zen School In China: The Development & Prosperity*

### *I. An Overview of the Ts'ao-Tung Tsung:*

Chinese Ch'an tradition founded by Tung-Shan Liang-Chieh (807-869) and his student Ts'ao-Shan Pen-Chi (840-901). The name of the school derives from the first Chinese characters of their names. It was one of the "five houses" of Ch'an. There are several theories as to the origin of the name Ts'ao-Tung. One is that it stems from the first character in the names of two masters in China, Ts'ao-Shan Pên-Chi, and Tung-Shan Liang-Chieh. Another theory is that Ts'ao refers to the Sixth Patriarch and the Ch'an school was founded by Hui-Neng, the sixth patriarch. In Vietnam, it is one of several dominant Zen sects. Other Zen sects include Vinitaruci, Wu-Yun-T'ung, Linn-Chih, and Shao-T'ang, etc. Ts'ao-Tung was brought to Japan by Dogen in the thirteenth century; it emphasizes zazen, or sitting meditation, as the central practice in order to attain enlightenment. In the first half of the 13th century, the tradition of Soto school was brought to Japan from China by the Japanese master Dogen Zenji; there, Soto Zen, along with Rinzai, is one of the two principal transmission lineages of Zen still active today. While the goal of training in the two schools is basically the same, Soto and Rinzai differ in their training methods. Though even here the line differentiating the two schools cannot be sharply drawn. In Soto Zen, 'Mokusho' Zen and thus 'Shikantaza' is more heavily stressed; in Rinzai, 'Kanna' Zen, and koan practice. In Soto Zen, the practice of 'dokusan', one of the most important element of Zen training, has died out since the middle of the Meiji period. In Korea, this is the largest Buddhist order in the country, which controls around ninety percent of Korea's Buddhist temples. It takes its name from Ts'ao-Ch'i Mountain in China, where Hui-Neng, the sixth Chinese patriarch of Ch'an, is reported to have stayed. Officially a Son order, during the twentieth century, Chogye also incorporated temples belonging to other Buddhist sects, with the result that many Chogye temples still adhere to practices of a tradition which traces itself back to Chinul (1158-1210) and the monastic community he founded on Chogye Mountain in the southwest of the Korean peninsula. Despite



this claim, however, the connection is considered tenuous by contemporary scholars, and Chogye only seems to have emerged as a distinguishable order in the early twentieth century.

## ***II. The Exoteric Method of the Tsao-Tung School:***

While the Lin-chi approach is to put the student's mind to work on the solution of an unsolvable problem known as koan or head phrase exercise. The approach of the Lin-chi school may be regarded as covert or esoteric is very complicated, for the Lin-chi approach of head phrase exercise is completely out of the beginner's reach. He is put purposely into absolute darkness until the light unexpectedly dawns upon him. On the contrary, the Tsao-tung approach to Zen practice is to teach the student how to observe his mind in tranquility. We may regard the approach of the Tsao-tun school as overt or exoteric. If, in the beginning, the student can be properly guided by a good teacher, the approach of Tsao-tung sect is not too difficult to practice. If one can get the 'verbal instructions' from an experienced Zen Master one will soon learn how to 'observe the mind in tranquility' or, in Zen term, how to practice the 'serene-reflection' type of meditation.

## ***III. The Method of "Enter into the Master's Room and Receive the Secret Instruction" in the "Secret Tradition" of the Tsao-Tung School:***

There exists, however, a lot of reliable documentation for the practical instructions which must have been given by Tsao Tung Masters. One of the reasons that may have contributed to this shortage of written material is the "Secret tradition" of the Tsao Tung sect, which discourages its followers from putting verbal instructions down in writing. Thus time has erased all traces of many such wonderful oral teachings. In the early period, many Zen Masters of the Tsao Tung sect taught their disciples in a most secret way. The term "Enter into the Master's room and receive the secret instruction" was widely used by Tsao Tung sect.

## ***IV. The Differences Between Tsao-Tung & Lin-Chih:***

Sincerely speaking, the plain and tangible approach of the Tsao Tung sect may be much better suited to many people in this twenty-first century. This is mainly because the koan exercise, the mainstay if not the only stay of the Lin-Chih practice, is too difficult and too uncongenial for modern mind. Besides, in practicing Zen by means of the koan exercise, one must constantly rely on a competent Zen Master from the beginning to end. This again presents an extremely difficult problem in the modern society. Another problem to the koan exercise is that it tends to create a constant strain on the mind, which will not relieve, but only intensify, the mental tensions which many people suffer in nowadays society. According to Professor Chen-Chi in "The Practice of Zen", (p.55), for many generations the Tsao Tung and the Lin-Chih have been "rival" sects, each offering, in certain aspects, a different approach to the Zen practices. Because of these different approaches the individual student can choose the one that suits him best and helps him most. The superiority or preferability of the plain, tangible, explicit Indian approach to Zen, advocated by the Tsao Tung sect, over the bewildering, ungraspable, and "esoteric" Chinese Ch'an approach represented by the Lin-Chih sect, has always been a controversial subject. In short, the Tsao Tung approach to Zen practice is to teach the student how to observe his own mind in tranquility. The Lin-chih approach, on the other hand, is to put the student's mind to work on the solution of an unsolvable problem known as the koan, or hua-tou exercise. The former may be regarded as overt or exoteric, the latter as covert or esoteric. Objectively speaking, both of these approaches possess their merits and demerits, their advantages as well as their disadvantages. If one wants to by-pass the recondite and cryptic Zen elements and try to grasp directly a plain and tangible instruction that is genuinely practical, the Tsao Tung approach is probably the more suitable. But if one wants to penetrate more deeply to the core of Zen, and is willing to accept the initial hardships and frustrations, the approach of the Lin-Chih sect, the most prevalent and popular Zen sect in both China and Japan today, is probably preferable.

***V. Zen of Ts'ao-Tung & Five Degrees of Enlightenment of Tung-Shan-Liang-Chieh:***

In the Adornment Sutra, the relationship between “dark” and “bright” seems limit each other, but at the same time the boundary between “dark” and “bright” is very clear as in two concepts of “ignorance” and “enlightenment”. Tung-Shan-Liang-Chieh was born in 807 A.D. He was the first Patriarch of the T’ao-Tung Sect and formulator of the Five Degrees. When Tung-Shan came to see Hui-chao of Shu-Shan, and the latter asked: “You re already master of a monastery, and what do you want here?” Tung-Shan said: “I am distressed with a doubt and do not know what to do, hence my coming here.” The master called out: “O Liang-Chieh!” which was Tung-Shan’s real name, and Liang Chieh replied at once, “Yes, sir.” Hui-Chao asked: “What is that?” Chieh failed to answer, and Hui-Chao gave this judgment, “Fine Buddha no doubt, and what a pity he has no flames.” According to the Transmission of the Lamps, as he has no flames, his ignorance is not illuminating. When he becomes conscious of the fact, there is enlightenment. For Zen practitioners, the “Five degrees of Tung-Shan-Liang-Chieh” are similar to the Ten Osherding Verses, for these are different levels or degrees of Zen realization formulated by Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh. *The first level* in which realization of the world of phenomena is dominant, but it is perceived as a dimension of the absolute self (it is experienced as a manifestation of the fundamental, our true nature). *The second level* or second stage the undifferentiated aspect comes strongly to the fore and diversity recedes into background (the quality of nondistinction comes to the fore and the quality of manifoldness fades into the background). *The third grade* is a level of realization wherein no awareness of body or mind remains; both “drop away” completely (there is no longer any awareness of body or mind; both drop completely away. This is the experience of emptiness). *The fourth grade* is the singularity of each object is perceived at its highest degree of uniqueness. Now mountain is mountain, river is river; ther is no such a beautiful or loving mountain or a boring river (at this stage each thing is accorded its special uniqueness to the greatest degree; emptiness has vanished into phenomena). *In the fifth and highest grade*, form and emptiness mutually penetrate to such a degree that no longer is ther consciousness of either. Ideas of enlightenment or delusion entirely vanish. This is the stage of perfect inner freedom (form and emptiness

fully interpenetrate each other. From this stage of mind arises self-evident, intentionless action, that is to say, action without any movement of brain or heart that instantaneously suits whatever circumstances arise).

***VI. The Ts'ao Tung Zen School & Other Main Points of Tung-Shan-Lieng-Chieh:***

***Three Main Points (Three Main Thesis or Ideas) of Tung-Shan-Lieng-Chieh:*** Three main points (three main thesis or ideas) of Tung-Shan-Lieng-Chieh. *First*, seekers of studying of Zen come to knock at the door to ask for instructions. *Second*, seekers of studying of Zen should always remember that even the way which is inclined to the good is only a golden rope that binds us to the cycle of birth and death. *Third*, get rid of all discriminations from deluded thoughts, get out of the three realms (world of desire, world of form, and formless world), then the gate or door into Nirvana will appear.

***Three Main Arts for Guiding and Teaching Disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh:*** Three main arts for guiding and teaching disciples of Tung-Shan-Lieng-Chieh. *First, the path of birds:* The path of Zen is a straight shortcut which leaves no traces at all. In Buddhism, Zen is a profound school in which practitioners must try to stay away from both language and written words. *Third*, practitioners should not stop on the way that is inclined to the good, instead, using skills in means to practice "above to seek bodhi, below to save (transform) beings."

***Three Attachments That Zen Master Tung-Shan-Lieng-Chieh:*** Three attachments that Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh displayed to his disciples. *First*, cannot see the real nature of things due to the attachment to the ego (ego-grasping). *Second*, the mind still harbors discriminations from deluded thoughts. *Third*, to waste one's time and effort in digging deep in words and language, and to forget they are only means for us to comprehend the wonderful teachings of the Buddha.

***Four Relationships Between Subjective and Objective Displayed by Zen Master Tung-Shan-Lieng-Chieh:*** Four relationships between subjective and objective displayed by Zen master Tung-Shan-Lieng-Chieh to reveal the wonderful theories of Buddhism. *First*, get rid of subjective and objective grasplings. *Second*, theory and Practice are in

harmony because practice is theory and in practice there already exists theory. *Third*, fundamental principle or absolute nature is originally immutable reality. Zen practitioners should always remember that Truth is eliminating words; it is independent of words; it does not require words to express it. *Fourth*, Zen practitioners should always remember active and passive ideas, e.g., ability to transform or transformable and the object that is transformed.

***VII. Zen Theories & Practices in the Dharma Teachings of Ts'ao-Tung Tsung:***

Ts'ao Tung is a Chinese Ch'an tradition which was founded by Tung-Shan Liang-Chieh (807-869) and his student Ts'ao-Shan Pen-Chi (840-901). The name of the school derives from the first Chinese characters of their names. It was one of the "five houses" of Ch'an. One of several dominant Zen sects in Vietnam. Other Zen sects include Vinitaruci, Wu-Yun-T'ung, Linn-Chih, and Shao-T'ang, etc. There are several theories as to the origin of the name Ts'ao-Tung. One is that it stems from the first character in the names of two masters in China, Ts'ao-Shan Pên-Chi, and Tung-Shan Liang-Chieh. Another theory is that Ts'ao refers to the Sixth Patriarch and the Ch'an school was founded by Hui-Neng, the sixth patriarch. Ts'ao-Ch'i, a stream south-east of Shao-Chou, Kuang-T'ung province, which gave its name to Hui-Neng. There is still another theory is that Ts'ao-Shan in Kiang-Su, where the Ts'ao-Tung sect, a branch of Ch'an school, was founded by Tung-Shan; Ts'ao-Shan was the name of the second patriarch of this sect.

The key theory of Silent Illuminating Zen of the Ts'ao Tung is to look inwards and not to look outwards, is the only way to achieve enlightenment, which to the human mind is ultimately the same as Buddhahood. In this system, the emphasis is upon 'intuition,' its peculiarity being that it has no words in which to express itself, no method to reason itself out, no extended demonstration of its own truth in a logically convincing manner. If it expresses itself at all, it does so in symbols and images. In the course of time this system developed its philosophy of intuition to such a degree that it remains unique to this day. Silent illumination Zen, emphasizes on inner transformation and inner realization. According to Zen Master D.T. Suzuki in the Essays in

Zen Buddhism, Book II, the authoritative facts upon which the Zen quietists are mentioned based their belief on the fact when Sakyamuni was in Magadha, he shut himself up in a room and remained silent for three weeks. Is this not an example given by the Buddha in the practice of silence? When thirty-two Bodhisattvas at Vaisali discoursed with Vimalakirti on the teaching of non-duality, the latter finally kept silence and did not utter a word, which elicited an unqualified admiration from Manjusri. Is this not an example given by a great Bodhisattva of the practice of silence? When Subhuti sat in the rock-cave he said not a word, nor was any talk given out by him on Prajnaparamita. Is this not an example of silence shown by a great Sravaka? Seeing Subhuti thus quietly sitting in the cave, Sakrendra showered heavenly flowers over him and uttered not a word. Is this not an example of silence given by an ordinary mortal? When Bodhidharma came over to China he sat for nine years at Shao-Lin forgetful of all wordy preachings. Is this not an example of silence shown by a patriarch? Whenever the Sixth Patriarch saw a monk coming, he turned towards the wall and sat quietly. Is this not an example of silence shown by a Zen Master?

According to Zen Master Ta-Hui, practitioners who cultivate Silent Illumination Zen need to have a Good Master. Zen Master Ta-Hui declares that mere quiet sitting avails nothing, for it leads nowhere, as no turning-up takes place in one's mind, whereby one comes out into a world of particulars with an outlook different from the one hitherto entertained. Those quietists whose mental horizon does not rise above the level of the so-called absolute silence of unfathomability, grope in the cave of eternal darkness. They fail to open the eye of wisdom. This is where they need the guiding hand of a genuine Zen master. Ta-Hui then proceeds to give cases of enlightenment realized under a wise instructor, pointing out how necessary it is to interview an enlightened one and to turn over once for all the whole silence-mechanism, which is inimical to the growth of the Zen mind. This up-turning of the whole system is here called by Ta-Hui after the terminology of a sutra: 'Entering into the stream and losing one's abode, where the dualism of motion and rest forever ceases to obtain. He gives four examples to support his teachings. *The first case:* When Shui-Lao was trimming the wistaria, he asked his master, Ma-Tsu, 'What is the idea of the

Patriarch's coming over here from the West?' Ma-Tsu replied, 'Come up nearer and I will tell you.' As soon as Shui-Lao approached, the master gave him a kick, knocking him right down. This fall, however, all at once opened his mind to a state of enlightenment, for he rose up with a hearty laugh, as if an event, most unexpected and most desired for, had taken place. Asked the master, 'What is the meaning of all this?' Lao exclaimed, 'Innumerable, indeed, are the truths taught by the Buddhas, all of which, even down to their very sources, I now perceive at the tip of one single hair.' Ta-Hui then comments: "Lao, who had thus come to self-realization, is no more attached to the silence of Samadhi, and as he is no more attached to it he is at once above assertion and negation, and above the dualism of rest and motion. He no more relies on things outside himself but carrying out the treasure from inside his own mind exclaims, 'I have seen into the source of all truth.' The master recognizes it and does not make further remarks. When Shi-Lao was later asked about his Zen understanding, he simply announced, 'Since the kick so heartily given by the master, I have not been able to stop laughing.' *The second case:* Yun-Men asked Tung-Shan: 'Whence do you come?' 'From Chia-Tu.' 'Where did you pass the summer session?' 'At Pao-Tzu, in Hu-Nan.' 'When did you come here?' 'August the twenty-fifth.' Yun-Men concluded, 'I release you from thirty blows, though you rightly deserve them.' On Tung-Shan's interview with Yun-Men, Ta-Hui comments: "How simple-hearted Tung-Shan was! He answered the master straightforwardly, and so it was natural for him to reflect, 'What fault did I commit for which I was to be given thirty blows when I replied as truthfully as I could?' The day following, he appeared again before the master and asked, 'Yesterday you were pleased to release me from thirty blows, but I fail to realize my own fault.' Said Yun-Men, 'O you rice-bag, this is the way you wander from the west of the River to the south of the Lake!' This remark all of a sudden opened Tung-Shan's eye, and yet he had nothing to communicate, nothing to reason about. He simply bowed, and said, 'After this I shall build my little hut where there is no human habitation; not a grain of rice will be kept in my pantry, not a stalk of vegetable will be growing on my farm; and yet I will abundantly treat all the visitors to my hermitage from all parts of the world; and I will even draw off all the nails and screws that are holding

them to a stake; I will make them part with their greasy hats and ill-smelling clothes, so that they are thoroughly smiled and said, 'What a large mouth you have for a body no larger than a coconut!'" *The third case*: Yen, the national teacher of Ku-Shan, when he was still a student monk, studied for many years under Hsueh-Feng. One day, seeing that his student was ready for a mental revolution, the master took hold of him and demanded roughly, 'What is this?' Yen was roused as if from a deep slumber and at once comprehended what it all meant. He simply lifted his arms and swung them to and fro. Feng said, 'What does that mean?' No meaning whatever, sir, came quickly from the disciple. *The fourth case*: One day Kuan-Ch'i saw Lin-Chi. The latter came down from his straw chair, and without saying a word seized the monk, whereupon Kuan-Ch'i said, 'I know, I know.'

*Zen fragrance in Dharma Teachings of Zen Master Tung-Shan Liang-Chieh (807-869)*: Famous Chinese master of Ts'ao-Tung Zen tradition. He was born in 807 A.D. He was the first Patriarch of the T'ao-Tung Sect and formulator of the Five Degrees. Tung-Shan came to see Hui-chao of Shu-Shan, and the latter asked: "You re already master of a monastery, and what do you want here?" Tung-Shan said: "I am distressed with a doubt and do not know what to do, hence my coming here." The master called out: "O Liang-Chieh!" which was Tung-Shan's real name, and Liang Chieh replied at once, "Yes, sir." Hui-Chao asked: "What is that?" Chieh failed to answer, and Hui-Chao gave this judgment, "Fine Buddha no doubt, and what a pity he has no flames." According to the Transmission of the Lamps, as he has no flames, his ignorance is not illuminating. When he becomes conscious of the fact, there is enlightenment. He was one of the most influential Ch'an masters of the T'ang dynasty, and together with Ts'ao-Shan-Pen-Chi (840-901) is credited with founding the Ts'ao-Tsung tradition, which derives its name from the first characters of their names. He is also best-known for developing a fivefold classification scheme of levels of spiritual attainment. He died in 869 A.D. Liang-Jie first went to see Zen master Nan-Xuan-Pu-Yuan. At that time the congregation was preparing a feast for the following day in honour of Nan-Xuan's late master, Ma-Tzu. Nan-Xuan asked the congregation: "Tomorrow we will have Ma-Tzu's feast, but will Ma-Tzu come or not?" The monks were unable to answer. Liang-Jie then stepped forward and



said: "If he has a companion, he will come." When Nan-Xuan heard this, he approved and said: "Though this child is young, he has a gem worthy of polishing." Liang-Jie said: "Master, don't crush something good into something bad." Next, Liang-Jie studied with Kui-Shan. One day he said: "I've heard that National teacher Hui-Zhong taught that inanimate beings expound Dharma. I don't understand this clearly." Kui-Shan said: "Do you remember what he said or not?" Liang-Jie said: "I remember." Kui-Shan said: "Please repeat it!" Liang-Jie said: "A monk asked the National Teacher, 'What is the mind of the ancient Buddhas?' The National Teacher responded, 'A wall tile.' The monk said, 'A wall tile? Isn't a wall tile inanimate?' The National Teacher said, 'Yes.' The monk asked, 'And it can expound the Dharma?' The National Teacher said, 'It expounds it brilliantly, without letup.' The monk said, 'Why can't I hear it?' The National Teacher said, 'You yourself may not hear it. But that doesn't mean others can't hear it.' The monk said, 'Who are the people who can hear it?' The National teacher said, 'All the holy ones can hear it.' The monk said, 'Can the master hear it or not?' The National teacher said, 'I cannot hear it. If I could hear it I would be the equal of the saints. Then you could not hear me expound the Dharma.' The monk said, 'All beings can't understand that sort of speech.' The National Teacher said, 'I expound Dharma for the sake of beings, not for the sake of the saints.' The monk said, 'After beings hear it, then what?' The National teacher said, 'Then they are not sentient beings.'" Later Liang-Jie went to see Yun-Yan and related to the master the story about the National Teacher and asked Yun-Yan: "Who can hear inanimate things expound Dharma?" Yun-Yan asked him: "What is inanimate can hear it?" Liang-Jie asked: "Can the master hear it or not?" Yun-Yan said: "If I could hear it, then you could not hear me expound Dharma." Liang-Jie said: "Why couldn't I hear you?" Yun-Yan held up his whisk and said: "Can you still hear me or not?" Liang-Jie said: "I can't hear you." Yun-Yan said: "When I expound Dharma you can't hear me. So how could you hear it when inanimate things proclaim it?" Liang-Jie said: "What scripture teaches about inanimate things expounding Dharma?" Yun-Yan said: "Haven't you seen that in the Amitabha Sutra it says, 'The lakes and rivers, the birds, the forests, they all chant Buddha, they all chant

Dharma’?” Upon hearing this, Liang-Jie experienced a great insight. Later he wrote the second verse:

“There is a way to the gateless gate, everybody can come,  
Once you arrive there, you’ll know how wonderful it is.  
If your mind is clear of idle weeds,  
Your body will automatically emit halo.”

T’ung Shan asked Yun-Yan: “Are there other practices I haven’t completed?” Yun-Yan said: “What were you doing before you came here?” T’ung-Shan said: “I wasn’t practicing the Noble Truths.” Yun-Yan said: “Were you joyous in this nonpractice?” T’ung-Shan said: “It was not without joy. It’s like sweeping excrement into a pile and then picking up a precious jewel from within it.” As T’ung-Shan prepared to leave Yun-Yan, Yun-Yan said: “Where are you going?” T’ung-Shan said: “Although I’m leaving the master, I don’t know where I’ll end up.” Yun-Yan said: “You’re not going to Hu-Nan?” T’ung-Shan said: “No, I’m not.” Yun-Yan said: “Are you returning home?” T’ung-Shan said: “No.” Yun-Yan said: “Sooner or later you’ll return.” T’ung-Shan said: “When the master has an abode, then I’ll return.” Yun-Yan said: “If you leave, it will be difficult to see one another again.” T’ung-Shan said: “It is difficult to not see one another.” Just when T’ung-Shan was about to depart, he said: “If in the future someone happens to ask whether I can describe the master’s truth or not, how should I answer them?” After a long pause, Yun-Yan said: “Just this is it.” T’ung-Shan sighed. Then Yun-Yan said: “Worthy Liang, now you have taken on this great affair, you must consider it carefully.” T’ung-Shan continued to experience doubt. Later as he crossed a stream he saw his reflection in the water and was awakened to Yun-Yan’s meaning. He then composed this verse:

“Avoid seeking elsewhere, for that’s far from the self.  
Now I travel alone, everywhere I meet it.  
Now it’s exactly me, now I’m not it.  
It must thus be understood to merge with thusness.”

T’ung-Shan hosted a feast of commemoration on the anniversary of Yun-Yan’s death. A monk asked: “When you were at Yun-Yan’s place, what teaching did he give you?” T’ung-Shan said: “Although I was there, I didn’t receive any teaching.” The monk asked: “But you are holding a commemorative feast for the late teacher. Doesn’t that

show you approve his teaching?" T'ung-Shan said: "Half approve. Half not approve." The monk said: "Why don't you completely approve of it?" T'ung-Shan said: "If I completely approved, then I would be disloyal to my late teacher." T'ung-Shan became ill. He instructed a novice monk to go and speak to T'ung-Shan's Dharma heir, Zen master Yun-Zhu. T'ung-Shan told the novice: "If he asks whether I'm resting comfortably, you are to tell him that the lineage of Yun-Yan is ending. When you say this you must stand far away from him because I'm afraid he's going to hit you." The novice monk did as T'ung-Shan instructed him and went and spoke to Yun-zhu. Before he could finish speaking Yun-Zhu hit him. The novice monk said nothing further. A monk asked: "When the master is not well, is there still someone who is well or not?" T'ung-Shan said: "There is." The monk asked: "Can the one who's not ill still see the master or not?" T'ung-Shan said: "I can still see him." The monk asked: "What does the master see?" T'ung-Shan said: "When I observe him, I don't see any illness." T'ung-Shan then said to the monk: "When you leave the skin bag, you inhabit, where will you go and see me again?" The monk didn't answer. T'ung-Shan then recited a verse:

"Students as numerous as sands  
 In the Gangs but more are awakened.  
 They err by searching for the path in another person's mouth.  
 If you wish to forget form and not leave any traces,  
 Wholeheartedly strive to walk in emptiness."

T'ung-Shan then had his attendants help him shave his head, bathe and get dressed. He then had the bell rung to summon the monks so that he could bid them farewell. He appeared to have passed away and the monks began wailing piteously without letup. Suddenly T'ung-Shan opened his eyes and said to them: "Homeless monks aren't attached to things. That is their authentic practice. Why lament an arduous life and pitiful death?" T'ung-Shan then instructed the temple director to organize a "delusion banquet." The monks adoration for T'ung-Shan was unending. Seven days later the food was prepared. T'u'g-Shan had a final meal with the congregation. He then said: "D'n't make a big deal about it. When I pass away, don't go carrying on about it." T'ung-Shan then returned to his room, and sitting upright, passed away. It was the third month in 869. He was sixty-three years of age, he'd been an

ordained monk for forty-two years. T'ung-Shan received the posthumous name "Enlightened Source."

## *Chương Hai Mươi Lăm* *Chapter Twenty-Five*

### *Tào Động Mặc Chiếu Thiền*

#### ***I. Tổng Quan & Ý Nghĩa Của Mặc Chiếu Thiền:***

Mặc chiếu là ý thức sáng tỏ trong sự tĩnh lặng vô niệm. Đây là điều mà kinh Kim Cang đã nói "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm (không trụ vào đâu mà móng khởi cái tâm)." Vấn đề lớn ở đây là làm sao đặt được tâm mình vào một trạng thái như vậy? Muốn làm được như vậy đòi hỏi hành giả cần sự chỉ dạy và tu tập trực tiếp với một vị thầy. trước tiên phải khai mở con mắt huệ của người đệ tử, nếu không người đệ tử không bao giờ biết cách đem tâm mình vào trạng thái mặc chiếu. Nếu hành giả biết cách tu tập mặc chiếu, tức là hành giả đã thực hiện được một cái gì đó trong Thiền. Người không được truyền thụ sẽ không bao giờ biết công phu theo phương cách này. Do đó, phương cách mặc chiếu Thiền của phái Tào Động, không phải chỉ đơn thuần là lối tu tập lặng hay tĩnh thông thường. Đó thật sự chính là lối định của Thiền, của kinh Kim Cang, của Bát Nhã Ba La Mật. Qua bài thơ này, chúng ta cũng thấy rõ trong đó các yếu tố trực giác và siêu việt của Thiền. Cách hay nhất để tu tập lối Thiền này là tu tập với một thiền sư có thẩm quyền. Tuy nhiên, nếu hành giả không tìm được cho mình một vị thầy có thẩm quyền hành giả phải cố gắng dụng công nhìn vào trạng thái tâm của mình trước khi bất cứ niệm nào khởi lên; khi niệm khởi lên, ghi nhận nó ngay lập tức, đừng bận tâm tới nó, mà chỉ đơn thuần trở về nhìn vào trạng thái tâm của mình; cố gắng lúc nào cũng nhìn vào tâm mình; trong sinh hoạt hằng ngày hành giả lại cũng làm như vậy: luôn cố gắng nhìn vào trạng thái tâm của chính mình; ngoài sự công phu thiền tập thường xuyên hành giả không còn gì khác hơn nữa cho cái gọi là mặc chiếu. Mặc Chiếu Thiền (của tông Tào Động), nhấn mạnh đến sự chuyển hóa và giác ngộ từ bên trong. Từ ngữ này được đặt ra từ thời thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác để phân biệt phương pháp thiền được ưa thích trong phái Tào Động với phương pháp thiền định của 'thiền suy tưởng thoại đầu', đặc trưng của thiền phái Lâm Tế cùng thời đó. Thiền mặc chiếu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của phương pháp 'thiền tĩnh tọa thình lặng' (zazen), không cần tới những điểm tựa từ bên ngoài như

công án, nghĩa là một hình thức tập luyện mà đại sư Đạo Nguyên của Nhật Bản về sau này gọi là 'Chỉ Quán Đả Tọa'. Người ta thường tóm tắt phương pháp thiền Tào Động thành 'thiền tĩnh tọa thính lặng', tuy rằng thính thoảng Tào Động cũng không xem nhẹ công án.

Theo Giáo sư Chang Chen-Chi trong tác phẩm "Thiền Đạo Tu Tập", chữ Trung Hoa, "mặc" có nghĩa là "im lặng" hay "tĩnh lặng"; "chiếu" có nghĩa là "suy tưởng". Như vậy "mặc chiếu" có nghĩa là "suy tưởng tĩnh lặng". Nhưng cả hai chữ "tĩnh lặng" và "suy tưởng" ở đây có những ý nghĩa đặc biệt và không được hiểu chúng theo những nghĩa thông thường. Sâu xa hơn, chữ "mặc" chỉ sự "yên lặng" hoặc "yên tĩnh"; nó hàm nghĩa siêu việt tất cả ngôn ngữ và tư tưởng, nó biểu thị một trạng thái siêu việt, của sự an bình lan tràn khắp nơi. Cũng vậy, ý nghĩa của chữ "chiếu" cũng sâu xa hơn cái nghĩa thông thường của nó là "suy tưởng về một vấn đề hay một ý tưởng." Nó không hề có mùi vị của hoạt động tinh thần hoặc tư tưởng suy niệm, nhưng nó là một trực thức sáng như gương, luôn chiếu diệu và rực rỡ trong cái tự thể nghiệm thuần túy của nó. Nói một cách gọn gàng hơn nữa, "mặc" có nghĩa là sự tĩnh lặng của vô niệm và "chiếu" có nghĩa là ý thức sống động và sáng tỏ. Do đó "mặc chiếu" là ý thức sáng tỏ trong sự tĩnh lặng vô niệm. Kinh Kim Cang nói: "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" (không trụ vào đâu mà móng khởi cái tâm) chính là ngụ ý như vậy đó.

## ***II. Nguồn Gốc Mặc Chiếu Thiền:***

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ma Kiệt Đà, Ngài đóng cửa không lên tiếng trong ba tuần. Đây há không phải là một điển hình về lối mặc chiếu của Phật hay sao? Khi ba mươi hai vị Bồ Tát tại thành Tỳ Xá Li bàn bạc với ngài Duy Ma cật về pháp môn bất nhị, cuối cùng Duy Ma Cật im lặng không nói một lời và Đức Văn Thù khen hay. Đây há không phải là im lặng mặc chiếu của một vị đại Bồ Tát hay sao? Khi Tu Bồ Đề ngồi trong hang đá không nói một lời, không thuyết một câu về Bát Nhã Ba La Mật. Đây há không phải là sự im lặng của một vị đại Thanh Văn hay sao? Khi thấy Tu Bồ Đề ngồi lặng lẽ như thế trong hang đá, Thiên Đế Thích bèn rải hoa trời cúng dường, cũng không nói một lời. Đây há không phải là sự im lặng của phàm phu? Khi Bồ Đề Đạt Ma dạo đến Trung Quốc, ngài ngồi suốt chín năm trên Thiệu Lâm, lãnh đạm với tất cả những ngôn giáo. Đây há không phải là sự im lặng của tổ sư hay sao? Và Lục Tổ mỗi khi thấy một vị Tăng đến,

ngài liền quay mặt vào tường ngồi lặng lẽ. Đây há không phải là sự im lặng của thiền sư hay sao?

### ***III. Sự Chống Đối Mặc Chiếu Thiền Của Thiền Sư Đại Huệ Tông Cảo:***

Thiền sư Đại Huệ bảo rằng chỉ mặc tọa không thôi thì chẳng được việc gì cả, vì nó chẳng đưa đến đâu, vì sự chuyển y không khởi lên trong tâm của mình, để nhờ đó mà người ta bước vào thế giới đa thù bằng một nhãn quan khác hẳn bây giờ. Những thiền gia mặc tọa nào mà chân trời tâm trí không vươn lên tới cái trình độ gọi là im lặng tuyệt đối khôn dò, họ quờ quạng trong hang tối vĩnh viễn. Họ không thể mở ra con mắt trí tuệ. Vì vậy họ cần được dắt dẫn bởi bàn tay của một thiền sư. Rồi sau đó Đại Huệ tiếp tục nêu lên những trường hợp chứng ngộ do một minh sư hướng dẫn; đồng thời lưu ý sự cần thiết tham cần một bậc đã tỏ ngộ và lật đổ hẳn toàn bộ thủ thuật im lặng vốn cản trở sự tăng trưởng tâm linh Thiền. Sự lật đổ toàn bộ cơ cấu này ở đây được Đại Huệ nói theo một thuật ngữ của kinh là ‘nhập lưu vọng sở,’ nghĩa là bước vào dòng và bỏ mất cái chỗ trú,’ ở đó mãi mãi không còn ghi dấu sự đối đãi của động và tĩnh nữa. Ông nêu lên bốn trường hợp.

*Trường Hợp Thứ Nhất:* Hòa Thượng Thủy Lạp nhân khi đang tĩa cây đặng, hỏi Mã Tổ, ‘Ý của Tổ từ Tây đến là gì?’ Mã Tổ đáp, ‘Lại gần đây ta bảo cho.’ Rồi khi Thủy Lạp vừa đến gần, Mã Tổ tổng cho một đạp té nhào. Nhưng cái té nhào này khiến cho tâm của Thủy Lạp hoát nhiên đại ngộ, bất giác đứng dậy cười ha hả, tuồng như xảy ra một việc không ngờ, nhưng rất mong mỏi. Mã Tổ hỏi, ‘Nhà ngươi thấy cái đạo lý gì đây?’ Thủy Lạp đáp, ‘Quả thật, trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, chỉ trên đầu một sợi lông mà biết ngay được cả căn nguyên. Rồi Đại Huệ bàn: :Khi đã chứng ngộ như vậy Thủy Lạp không còn chấp trước vào sự im lặng của Chánh định nữa, và vì ngài không còn dính mắc vào đó nên vượt hẳn lên hữu vi và vô vi; ở trên hai tướng động và tĩnh. Ngài không còn nương tựa những cái ở ngoài chính mình nữa mà mở ra kho tàng tự kỷ, nên nói: ‘Ta đã thấy suốt căn nguyên rồi!’ Mã Tổ biết thế và không nói thêm gì nữa. Về sau, khi được hỏi về kiến giải Thiền của mình, ngài chỉ nói: ‘Từ thuở ném cái đạp nặng nề của Tổ cho đến giờ, ta vẫn cười hoài không thôi.’

*Trường Hợp Thứ Nhì:* Vân Môn hỏi Động Sơn: “Ở đâu đến đây?” “Tra Đô.” “Mùa hạ ở đâu?” “Ở Báo Từ, Hồ Nam.” “Rời khỏi núi ấy lúc nào?” “Thánh tám, ngày hai

mười lăm.” Vân Môn kết luận, “Tha người ba chục hèo, dù người đáng tội.” Về cuộc thăm hỏi của Động Sơn với Vân Môn, Đại Huệ bảo rằng: “Động Sơn thật là thuần phát biết bao! Ngài cứ thật mà trả lời, nên đương nhiên là phải nghĩ rằng: ‘Mình đã thật tình mà trả lời, thế thì có lỗi gì mà phải bị ba chục hèo?’ Ngày hôm sau lại đến kiếm thầy mà hỏi: ‘Hôm qua nhờ Hòa Thượng tha cho ba chục hèo, nhưng chưa hiểu là có lỗi gì?’ Vân Môn bảo: ‘Ồi phờng giá áo túi cơm, vì vậy mà nhà người đi từ Giang Tây đến Hồ Nam đấy!’ Lời cảnh giác ấy bỗng làm sáng mắt của Động Sơn, rồi thì chẳng có tin tức nào đáng thông qua, chẳng có đạo lý nào đáng nêu lên nữa. Ngài chỉ lạy mà thôi và nói: ‘Từ đây về sau, tôi sẽ dựng thảo am ở nơi không có dấu vết người; không cất lấy một hạt cơm, không trồng một cọng rau, và tiếp đãi khách mười phương lai vãng; tôi sẽ vì họ mà nhổ hết những đinh những móc; tôi sẽ cởi bỏ cho họ những chiếc nón thoa dầu, những chiếc áo hôi nách, khiến cho họ được hoàn toàn sạch sẽ và thành những vị Tăng xứng đáng.’ Vân Môn cười và nói; ‘Cái thân như một trái dưa bao lớn mà có cái miệng rộng vậy thay!’ *Trường Hợp Thứ Ba*: Yến quốc sư khi còn là một học Tăng, qua nhiều năm học hỏi với Tuyết Phong. Một hôm, Tuyết Phong biết cơ duyên của ngài đã chín mùi, liền nắm chặt ngài và hỏi cộc lốc: “Cái gì đây?” Yến như vừa chột tỉnh cơn mê và được liễu ngộ. Ngài chỉ nhắc cánh tay lên đưa qua đưa lại. Phong nói: “Nhà người làm gì thế?” Vị đệ tử này trả lời nhanh nhẩu: “Nào có gì đâu?” *Trường Hợp Thứ Tư*: Một hôm Hòa Thượng Quán Khê thăm Lâm Tế. Lâm Tế bước xuống ghé rơm, không nói không rằng, nắm chặt nhà sư lại; Quán Khê liền nói: “Tôi hiểu, tôi hiểu.”

#### ***IV. Làm Sao Đặt Tâm Mình Vào Trạng Thái Mặc Chiếu?:***

Lối tu tập "mặc chiếu" của phái Tào Động không phải chỉ là lối tập lặng hay tĩnh thông thường, mà nó là lối định của Thiền, của Bát Nhã Ba La Mật. Vì thế, một người bình thường muốn đặt được tâm mình vào trạng thái "mặc chiếu", nếu không thể được chỉ dạy trực tiếp và tu tập với một vị thầy, hành giả phải nhìn vào bên trong tâm trạng mình trước khi bất cứ một ý niệm nào khởi lên. Ở đây hành giả luôn luôn tỉnh tấn, sách tâm, trì tâm với mục đích khiến cho các niệm không khởi lên. Và điều này phải được làm ngay trong các hoạt động thường ngày. Khi tu tập, hành giả nên tu tập với thiện hữu tri thức. Tóm lại, lối tu tập Thiền Mặc Chiếu có thể được diễn giải như là lối tu tập Thiền bằng



cách quán tâm trong tĩnh lặng của tông Tào Động. Điều này được trình bày rõ rệt trong bài thơ trích từ tập "Ghi chú về Mặc Chiếu" của thiền sư danh tiếng Hoằng Trí, thuộc tông Tào Động, như sau:

"Im lặng và bình tịnh quên hết ngữ ngôn;  
 Cái ấy trong sáng sống động hiện tiền.  
 Khi người ta nhận ra nó,  
 Nó bao la không ngăn mé;  
 Trong thể của nó,  
 người ta nhận thức rõ ràng.  
 Sự tỉnh thức trong sáng phản chiếu lạ thường,  
 Sự phản chiếu thanh tịnh đầy kỳ diệu,  
 Sương và trăng,  
 Sao và suối,  
 Tuyết trên rặng thông  
 Và mây trên đỉnh núi.  
 Từ tăm tối, chúng chiếu sáng rực rỡ;  
 Từ u ám, chúng trở thành ánh sáng xán lạn.  
 Vô lượng huyền diệu thấm nhập bình tịnh này.  
 Trong cái mặc chiếu này,  
 Tất cả nỗ lực có chủ tâm đều biến mất.  
 Mặc là chữ cứu cánh của tất cả giáo pháp;  
 Chiếu là câu đáp của tất cả tướng hiển hiện.  
 Không có nỗ lực gì.  
 Câu đáp này tự nhiên và đột phát  
 Sự khởi lên của không hòa hợp.  
 Nếu trong chiếu không có mặc;  
 Tất cả sẽ trở thành thứ yếu và lãng phí.  
 Nếu trong mặc không có chiếu  
 Chân lý của mặc chiếu  
 Viên mãn và hoàn hảo  
 Hãy nhìn trăm sông chảy  
 Thành những dòng thác cuộn  
 Tràn cả về đại dương!"

Qua bài thơ này, chúng ta thấy rõ mặc chiếu là ý thức sáng tỏ trong sự tĩnh lặng vô niệm. Đây là điều mà kinh Kim Cang đã nói "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm (không trụ vào đâu mà móng khởi cái tâm)." Vấn đề lớn ở đây là làm sao đặt được tâm mình vào một trạng thái như vậy?

Muốn làm được như vậy đòi hỏi hành giả cần sự chỉ dạy và tu tập trực tiếp với một vị thầy. trước tiên phải khai mở con mắt huệ của người đệ tử, nếu không người đệ tử không bao giờ biết cách đem tâm mình vào trạng thái mặc chiếu. Nếu hành giả biết cách tu tập mặc chiếu, tức là hành giả đã thực hiện được một cái gì đó trong Thiền. Người không được truyền thụ sẽ không bao giờ biết công phu theo phương cách này. Do đó, phương cách mặc chiếu Thiền của phái Tào Động, không phải chỉ đơn thuần là lối tu tập lặng hay tĩnh thông thường. Đó thật sự chính là lối định của Thiền, của kinh Kim Cang, của Bát Nhã Ba La Mật. Qua bài thơ này, chúng ta cũng thấy rõ trong đó các yếu tố trực giác và siêu việt của Thiền. Cách hay nhất để tu tập lối Thiền này là tu tập với một thiền sư có thẩm quyền.

### ***Silent Illumination Zen of The Ts'ao Tung School***

#### ***I. An Overview & Meanings of Silent Illumination Zen:***

Serene-reflection is clear awareness in the tranquility of no-thought. This is what the Diamond Sutra meant by "not dwelling on any object, yet the mind arises." The big problem here is, how can one put one's mind into such a state? To do so requires verbal instruction and special training at the hands of a teacher. The wisdom-eye of the disciple must first be opened, otherwise he will never know how to bring his mind to the state of serene-reflection. he who know how to practice this meditation, has already accomplished something in Zen. The uninitiated will never know how to do this kind of work. This serene-reflection meditation of the Tsao-tung School, therefore, is simply not an ordinary exercise of quietism or stillness. It is the real meditation of Zen, of the Diamond Sutra, or Prajna-paramita. Through this poem, we also see that the intuitive and transcendental "Zen elements" are unmistakably there. The best way to learn this meditation is to train under a competent Zen Master. If, however, one is unable to find a teacher, one should try to work to look inwardly at one's state of mind before any thought arises; when a thought does arise, notice it immediately, not to bother with it, but simply return to look inwardly at one's state of mind; try to look at one's mind at all the

time; in daily activities one should also do the same: try to look inwardly at the state of mind at all times; besides all efforts of frequent meditation, one has nothing else for a so-called "serene-reflection". Silent illumination Zen, emphasizes on inner transformation and inner realization. The expression of 'Silent illumination Zen' came into being during the lifetime of the Chinese Zen master Hung-chih Cheng-chueh (1091-1157) to distinguish the style of meditative practice favored by the Soto School from the 'Zen of contemplation of words' (kanna zen) that at the same time became the practice typical to the Rinzai school. Silent illumination Zen stresses primarily the practice of sitting meditation without the support of such means as koans, i.e., it stresses that form of practice later called 'Shikantaza' by the great Japanese Zen master Dogen Zenji. Silent illumination Zen was associated with the Zen of the Soto school, even though the Soto school also uses koans. Silent illumination Zen, emphasizes on inner transformation and inner realization.

According to Professor Chen-Chi in "The Practice of Zen" (p.58), Chinese word, "mo" means "silent" or "serene"; "chao" means "to reflect". Thus, "mo-chao" may be translated as "serene reflection". But both the "serene" and the "reflection" have special meanings here and should not be understood in their common connotations. The meaning of "serene" goes much deeper than mere "calmness" or "quietude"; it implies transcendency over all words and thoughts, denoting a state of "beyond", of pervasive peace. The meaning of "reflection" likewise goes much deeper than its ordinary sense of "contemplation of a problem or an idea". It has no savour of mental activity or of contemplative thought, but is a mirror-like clear awareness, ever illuminating and bright in its pure self-experience. To speak even more concisely, "serene" means the tranquility of no-thought, and "reflection" means vivid and clear awareness. Therefore, serene-reflection is clear awareness in the tranquility of no-thought. This is what the Diamond Sutra meant by "not dwelling on any object, yet the mind arises".

## ***II. The Origin of Serene Reflection:***

“When Sakyamuni Buddha was in Magadha he shut himself up in a room and remained silent for three weeks. Is this not an example given

by the Buddha in the practice of silence? When thirty-two Bodhisattvas at Vaisali discoursed with Vimalakirti on the teaching of non-duality, the latter finally kept silence and did not utter a word, which elicited an unqualified admiration from Manjusri. Is this not an example given by a great Bodhisattva of the practice of silence? When Subhuti sat in the rock-cave he said not a word, nor was any talk given out by him on Prajnaparamita. Is this not an example of silence shown by a great Sravaka? Seeing Subhuti thus quietly sitting in the cave, Sakrendra showered heavenly flowers over him and uttered not a word. Is this not an example of silence given by an ordinary mortal? When Bodhidharma came over to China he sat for nine years at Shao-Lin forgetful of all wordy preachings. Is this not an example of silence shown by a patriarch? Whenever the Sixth Patriarch saw a monk coming, he turned towards the wall and sat quietly. Is this not an example of silence shown by a Zen Master?

### ***III. Zen Master Ta-Hui's Objection on Serene Reflection:***

Zen Master Ta-Hui declares that mere quiet sitting avails nothing, for it leads nowhere, as no turning-up takes place in one's mind, whereby one comes out into a world of particulars with an outlook different from the one hitherto entertained. Those quietists whose mental horizon does not rise above the level of the so-called absolute silence of unfathomability, grope in the cave of eternal darkness. They fail to open the eye of wisdom. This is where they need the guiding hand of a genuine Zen master. Ta-Hui then proceeds to give cases of enlightenment realized under a wise instructor, pointing out how necessary it is to interview an enlightened one and to turn over once for all the whole silence-mechanism, which is inimical to the growth of the Zen mind. This up-turning of the whole system is here called by Ta-Hui after the terminology of a sutra: 'Entering into the stream and losing one's abode, where the dualism of motion and rest forever ceases to obtain. He gives four examples. *The First Example:* When Shui-Lao was trimming the wistaria, he asked his master, Ma-Tsu, 'What is the idea of the Patriarch's coming over here from the West?' Ma-Tsu replied, 'Come up nearer and I will tell you.' As soon as Shui-Lao approached, the master gave him a kick, knocking him right down. This fall, however, all at once opened his mind to a state of

enlightenment, for he rose up with a hearty laugh, as if an event, most unexpected and most desired for, had taken place. Asked the master, 'What is the meaning of all this?' Lao exclaimed, 'Innumerable, indeed, are the truths taught by the Buddhas, all of which, even down to their very sources, I now perceive at the tip of one single hair.' Ta-Hui then comments: "Lao, who had thus come to self-realization, is no more attached to the silence of Samadhi, and as he is no more attached to it he is at once above assertion and negation, and above the dualism of rest and motion. He no more relies on things outside himself but carrying out the treasure from inside his own mind exclaims, 'I have seen into the source of all truth.' The master recognizes it and does not make further remarks. When Shi-Lao was later asked about his Zen understanding, he simply announced, 'Since the kick so heartily given by the master, I have not been able to stop laughing.' *The Second Example:* Yun-Men asked Tung-Shan: 'Whence do you come?' 'From Chia-Tu.' 'Where did you pass the summer session?' 'At Pao-Tzu, in Hu-Nan.' 'When did you come here?' 'August the twenty-fifth.' Yun-Men concluded, 'I release you from thirty blows, though you rightly deserve them.' On Tung-Shan's interview with Yun-Men, Ta-Hui comments: "How simple-hearted Tung-Shan was! He answered the master straightforwardly, and so it was natural for him to reflect, 'What fault did I commit for which I was to be given thirty blows when I replied as truthfully as I could?' The day following he appeared again before the master and asked, 'Yesterday you were pleased to release me from thirty blows, but I fail to realize my own fault.' Said Yun-Men, 'O you rice-bag, this is the way you wander from the west of the River to the south of the Lake!' This remark all of a sudden opened Tung-Shan's eye, and yet he had nothing to approve, nothing to reason about. He simply bowed, and said, 'After this I shall build my little hut where there is no human habitation; not a grain of rice will be kept in my pantry, not a stalk of vegetable will be growing on my farm; and yet I will abundantly treat all the visitors to my hermitage from all parts of the world; and I will even draw off all the nails and screws that are holding them to a stake; I will make them part with their greasy hats and ill-smelling clothes, so that they are thoroughly smiled and said, 'What a large mouth you have for a body no larger than a coconut!'"

*The Third Example:* Yen, the national teacher of Ku-Shan, when he

was still a student monk, studied for many years under Hsueh-Feng. One day, seeing that his student was ready for a mental revolution, the master took hold of him and demanded roughly, 'What is this?' Yen was roused as if from a deep slumber and at once comprehended what it all meant. He simply lifted his arms and swung them to and fro. Feng said, 'What does that mean?' No meaning whatever, sir, came quickly from the disciple. *The Fourth Example*: One day Kuan-Ch'i saw Lin-Chi. The latter came down from his straw chair, and without saying a word seized the monk, whereupon Kuan-Ch'i said, 'I know, I know.'

#### ***IV. How Can One Put One's Mind Into a State of "Serene Reflection"?:***

The method of "serene reflection" meditation of the Tsao Tung sect is not an ordinary exercise of quietism or stillness. It is the mental absorption of Zen, or Prajnaparamita. Therefore, an ordinary person wants to do so, if cannot get verbal instruction and special training at the hands of a teacher, must look inwardly at one's state of mind before any thought arises. Here a Zen practitioner always rouses his will, makes an effort, stirs up energy, exerts his mind and strives to cut off any thought. And this must be done in daily activity. When practicing, one should try to practice with good-knowing advisors. In short, the method of Zen practice of "Serene reflection" can be interpreted as the Practicing Zen through observing one's mind in tranquility of the Tsao-tung School. This is clearly shown in the poem from the "Notes on Serene-Reflection", by the famous Zen master Hung-chih, of the Tsao-tung School:

"In silence and serenity one forgets all words;  
Clearly and vividly 'That' appears before one.  
When one realizes it,  
It is vast and without edges;  
In its essence, one is clearly aware.  
Singularly reflecting is this bright awareness,  
Full of wonder is this pure reflection.  
Dew and the moon,  
Stars and streams,  
Snow on pine trees,  
And clouds on mountain peaks;

From darkness, they all glow brightly;  
 From obscurity, they turn to resplendent light.  
 Infinite wonder permeates this serenity;  
 In this Reflection all intentional efforts vanish.  
 Serenity is the final word of all teachings;  
 Reflection is the response to all manifestations.  
 Devoid of any effort, this response,  
 Is natural and spontaneous.  
 Disharmony will arise  
 If in reflection there is no serenity;  
 All will become wasteful and secondary.  
 If in serenity there is no reflection.  
 The Truth of serene-reflection  
 Is perfect and complete.  
 The hundred rivers flow  
 In tumbling torrents  
 To the great ocean."

Through this poem, we see clearly serene-reflection is clear awareness in the tranquility of no-thought. This is what the Diamond Sutra meant by "not dwelling on any object, yet the mind arises." The big problem here is, how can one put one's mind into such a state? To do so requires verbal instruction and special training at the hands of a teacher. The wisdom-eye of the disciple must first be opened, otherwise he will never know how to bring his mind to the state of serene-reflection. he who know how to practice this meditation, has already accomplished something in Zen. The uninitiated will never know how to do this kind of work. This serene-reflection meditation of the Tsao-tung School, therefore, is simply not an ordinary exercise of quietism or stillness. It is the real meditation of Zen, of the Diamond Sutra, or Prajna-paramita. Through this poem, we also see that the intuitive and transcendental "Zen elements" are unmistakably there. The best way to learn this meditation is to train under a competent Zen Master.





**Chương Hai Mươi Sáu**  
**Chapter Twenty-Six**

**Những Dòng Truyền Thừa Và Tổ Sư**  
**Của Thiên Phái Tào Động**

**I. Những Dòng Truyền Thừa Và Tổ Sư Của Thiên Phái Tào Động (Tính Từ Tổ Ma Ha Ca Diếp):**

1-28) Hai Mươi Tám Tổ Ấn Độ. 29-33) Lục Tổ Trung Hoa. 34) Thiên Sư Thanh Nguyên Hành Tư. 35) Thiên Sư Thạch Đầu Hy Thiên. 36) Thiên Sư Dược Sơn Duy Nghiễm. 37) Thiên Sư Vân Nham Đàm Thạnh (780-841). 38) Thiên Sư Động Sơn Lương Giới, Khai Tổ Tào Động Tông.

**II. Những Dòng Truyền Thừa & Chư Thiên Đức Tào Động Tông:**

*Khai Tổ Tào Động Tông:* Thiên Sư Động Sơn Lương Giới. *Tào Động Tông Đời Thứ Hai:* Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiên sư Lương Giới gồm có 7 vị: Thiên sư Bồn Tịch, Đạo Ứng, Khâm Sơn Văn Thúy, Long Nha Cư Độn, Kiên Phong Việt Châu, Sư Kiên Hậu Động, và Sơ Sơn Khuông Nhân, Hưu Tĩnh, Cư Nạp. *Tào Động Tông Đời Thứ Ba:* a) Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn, nối Pháp Thiên Sư Tào Sơn Bồn Tịch. b) Thiên Sư Đồng An Đạo Bị, nối Pháp Thiên Sư Vân Cư Đạo Ứng. c) Thiên Sư Tịnh Quả Hộ Quốc, nối Pháp Thiên Sư Sơ Sơn. *Tào Động Tông Đời Thứ Tư:* a) Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiên sư Xử Chơn Lộc Môn gồm có 2 vị: Thiên sư Trí Tịch Ngộ Không và Phật Thủ Nham. b) Thiên Sư Đồng An Quan Trí, nối Pháp Thiên Sư Đồng An Đạo Bị. *Tào Động Tông Đời Thứ Năm:* a) Thiên Sư Trí Nghiễm, nối Pháp Thiên Sư Trí Tịch Ngộ Không. b) Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán, nối Pháp Thiên Sư Đồng An Quan Trí. *Tào Động Tông Đời Thứ Sáu:* Thiên Sư Kính Huyền, nối Pháp Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán. *Tào Động Tông Đời Thứ Bảy:* Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiên sư Kính Huyền gồm có 2 vị: Thiên sư Nghĩa Thanh và Thiên Sư Thanh Phẫu. *Tào Động Tông Đời Thứ Tám:* Thiên Sư Đạo Giai, Liễu Minh, Tịnh Nhân Khải, nối Pháp Thiên Sư

Đầu Tử Nghĩa Thanh. *Tào Động Tông Đồi Thứ Chín*: Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiền sư gồm có 3 vị: Thiền sư Pháp Thành, Tử Thuần, và Duy Chiếu. *Tào Động Tông Đồi Thứ Mười*: Pháp tử nối pháp còn ghi lại được của Thiền sư Tử Thuần gồm có 2 vị: Thiền sư Hoàng Trí Chánh Giác và Thiền Sư Thanh Liễu. *Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Một*: a) Thiền Sư Huệ Huy, nối Pháp Thiền Sư Hoàng Trí. b) Thiền Sư Tông Giác, nối Pháp Thiền Sư Thanh Liễu. *Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Hai*: Thiền Sư Tuyết Đậu Trí Giác, nối Pháp Thiền Sư Thiên Đồng Tông Giác. *Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Ba*: Thiền Sư Như Tịnh, nối Pháp Thiền Sư Tuyết Đậu Trí Giác.

### ***Lineages of Transmission And Patriarchs of the Ts'ao-Tung Zen School***

#### ***I. Lineages of Transmission And Patriarchs of the Ts'ao-Tung Zen School (Counted From Patriarch Mahakasyapa):***

1-28) Twenty-Eight Indian Patriarchs. 29-33) Six Chinese Patriarchs. 34) Zen Master Ch'ing-Yuan Hsing-Ssu. 35) Zen Master Shih-T'ou Hsi Ch'ien. 36) Zen Master Yao-Shan Wei-Yen. 37) Zen Master Yun-Yen-T'an-Shêng. 38) Zen Master Tung-shan Liang-Chieh, the First Patriarch of the Ts'ao-tung Tsung.

#### ***II. Lineages of Transmission And Zen Virtues of the Ts'ao-Tung Tsung:***

*The Founding Patriarch of the Ts'ao Tung Tsung*: Zen Master Tung-shan Liang-Chieh. *The Second Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: There were seven recorded disciples of Zen Master Liang-Chieh's Dharma heirs: Zen master Pen-chi, Tao-ying, Ch'in-shan-Wên-sui, Lung-ya Chu-tun, Ch'ien-fêng Yueh-chou, Shih-ch'ien Hou-tung, and Shu-shan K'uang-jên. *The Third Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: a) Zen Master Ts'u-chen Lu-men, Zen Master Ts'ao-shan Pen-chi's Dharma Heirs. b) Zen Master T'ung-an Tao-p'i, Zen Master Yun-chu Tao-ying's Dharma Heirs. c) Zen Master Jing-kuo Hu-kuo, Zen Master Su Shan's Dharma Heirs. *The Fourth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: a) There were two recorded disciples of Zen Master Ts'u-

chen Lu-men's Dharma heirs: Zen master Chih-chi Wu-k'ung and Fo Shou Yen. b) Zen Master T'ung-an Kuan-chih, Zen Master T'ung-an Tao-p'i 's Dharma Heirs. *The Fifth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: a) Zen Master Chi-yen, Zen Master Chih-chi Wu-k'ung's Dharma Heirs. b) Zen Master Liang-shan Yuan-kuan, Zen Master T'ung-an Kuan-chih's Dharma Heirs. *The Sixth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: Zen Master Ching-hsuan, Zen Master Liang-Shan-Yuan-Kuan's Dharma Heirs. *The Seventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: There were two recorded disciples of Zen Master Ching-hsuan's Dharma heirs: Zen master I-ch'ing and Zen Master Ch'ing-p'ou. *The Eighth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: Zen Master T'ao-k'ai, Zen Master T'ou-tzu I-ch'ing's Dharma Heirs. *The Ninth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: There were three recorded disciples of Zen Master Tao-k'ai's Dharma heirs: Zen master Fa-ch'eng, Tzu-ch'un, and Tzu-ch'un. *The Tenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: There were two recorded disciples of Zen Master Tzu-ch'un's Dharma heirs: Zen master Hung-chih Chêng-chueh and Zen Master Ch'ing-liao. *The Eleventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: a) Zen Master Hui-huai, Zen Master Hung-chih's Dharma Heirs. b) Zen Master Tsung-chueh, Zen Master Ch'ing-liao's Dharma Heirs. *The Twelfth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: Zen Master Hsueh-tou Chih-chien, Zen Master T'ien-t'ung Tsung-chueh's Dharma Heirs. *The Thirteenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung*: Zen Master Ju-ching, Zen Master Hsueh-tou Chih-chien.



**Chương Hai Mươi Bảy**  
**Chapter Twenty-Seven**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Hai**  
**Nói Pháp Thiền Sư Động Sơn Lương Giới**

Tào Động Tông Đồi Thứ Hai-Nói Pháp Thiền Sư Lương Giới hay đồi thứ mười hai sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma bao gồm các vị Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch, Đạo Ứng, Khâm Sơn Văn Thúy, Long Nha Cư Động, Kiên Phong Việt Châu, Sư Kiên Hậu Động, Sơ Sơn Khuông Nhân, Hưu Tĩnh, và Tổ Ấn Cư Nạp.

**(I) Tào Sơn Bản Tịch Thiền Sư (840-901)**

**1) Cuộc Đồi Và Hành Trạng Của Tào Sơn Bản Tịch Thiền Sư (840-901):**

Tào Sơn Bản Tịch là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín và thứ mười. Những lời thuyết giảng của ông được tập hợp vào bộ Phúc Châu Tào Sơn Bản Tịch Thiền Sư Ngữ Lục. Ngoài ra, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Thiền sư Bản Tịch đến từ Tuyên Châu, bây giờ vẫn là Tuyên Châu trong tỉnh Phúc Kiến. Tào Sơn hay núi Tào, biệt hiệu của Bản Tịch Thiền Sư, nhị tổ Tào Động, và cũng là học trò của Động Sơn Lương Giới thuộc tông Tào Động. Tào Sơn từng học kinh sách Khổng Giáo từ thời trẻ, xuất gia theo Phật giáo năm 19 tuổi. Ông thọ cụ túc giới vào năm 25 tuổi. Từ tu viện của mình lên núi Linh Thạch ở Phúc Châu, ông thường tới Giang Tây để theo học những buổi giảng chung của thầy Động Sơn về Phật pháp. Ông đã hợp tác với thầy mình lập ra phái Tào Động, là một trong hai phái Thiền hiện vẫn còn ở Nhật Bản. Sau khi từ biệt Động Sơn, Tào Sơn đi khắp cả nước, tùy theo hoàn cảnh mà thuyết giảng Phật pháp. Cuối cùng ông được mời đến ở lại một tu viện trên núi Tào, và ông đã lấy tên núi làm tên mình. Sau đó ông lên núi Hà Ngọc; ở cả hai nơi đều có một số lớn đệ tử quần tụ quanh ông tu tập. Khi ở núi Linh Thạch, thuộc Phúc Châu, ông thường tới Giang Tây. Một hôm ông trao đổi cuộc pháp luận với thầy Động Sơn, thầy phát

hiện ra ở ông một tài năng lớn và nhận làm đồ đệ. Động Sơn hỏi: "Xà Lê tên gì?" Sư thưa: "Bổn Tịch." Động Sơn nói: "Lại nói lên trên?" Sư thưa: "Chẳng nói." Động Sơn hỏi: "Vì sao chẳng nói?" Sư thưa: "Chẳng tên Bổn Tịch."

Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Tào Sơn đạt được đại giác sâu dưới sự hướng dẫn của Động Sơn. Hôm từ giã thầy mình, Tào Sơn trao đổi với thầy mình trong cuộc đối thoại sau đây: "Động Sơn hỏi: 'Con đi đâu?' Tào Sơn đáp: 'Con tới nơi nào không có biến đổi.' Động Sơn nói: 'Làm thế nào con có thể tới một nơi không có biến đổi được?' Tào Sơn đáp: 'Sự ra đi của con không phải là một biến đổi.'" Một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Người không làm bạn với pháp là người gì?" Tào Sơn nói: "Nói cho lão Tăng biết chỗ nào mà nhiều người ở Hồng Châu đều đi đến." Hôm khác, Vân Môn hỏi: "Người không thay đổi đến, Sư có tiếp không?" Tào Sơn nói: "Tào Sơn ta không rảnh cho loại đó." Có một vị Tăng hỏi: "Người xưa có nói: 'Người người đều có huynh đệ tại trần.' Thầy có thể trình bày cho con biết rõ hay không?" Tào Sơn nói: "Đưa bàn tay ông cho lão Tăng xem." Đoạn Tào Sơn chỉ vào những ngón tay và đếm: "Một, hai, ba, bốn, năm. Đủ cả mà."

Một vị Tăng hỏi: "Lỗ Tổ nhìn vách, ý biểu thị điều gì?" Tào Sơn lấy hai bàn tay bịt hai lỗ tai lại. Một vị Tăng hỏi: "Từ xưa đã có câu 'Chưa từng có ai té xuống đất mà không nương đất trở dậy.' Thế nào là té xuống?" Tào Sơn nói: "Nó đang cho phép đấy!" Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là trở dậy?" Tào Sơn nói: "Là trở dậy đấy." Một vị Tăng hỏi: "Trong giáo thuyết có lời: 'Biển cả không chứa xác chết.' Thế nào là biển?" Tào Sơn nói: "Bao hàm cả vạn hữu." Vị Tăng lại hỏi: "Vì sao mà không chứa thầy ma?" Tào Sơn đáp: "Những người ngưng thờ không thể hiển hiện được." Vị Tăng hỏi: "Đã nói bao hàm vạn hữu thì tại sao lại không chứa người ngưng thờ?" Tào Sơn nói: "Vạn hữu chẳng có công năng ấy, người hết thờ có đức ấy đấy!" Một ngày, Thanh Nhuệ thưa: "Con nghèo cùng xin thầy giúp cho." Sư bảo: "Xà Lê Nhuệ lại gần đây!" Thanh Nhuệ lại gần. Sư nói: "Kẻ nghèo ở Tuyên Châu uống xong ba chén rượu, vẫn nói chưa ướt môi." Một ngày mùa hè năm 901, Sư hỏi một vị Tăng: "Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?" Vị Tăng đáp: "Hôm nay là ngày rằm tháng sáu." Sư bảo: "Tào Sơn bình sanh đi hành cước chỉ biết chín mươi ngày là một hạ. Ngày mai giờ thìn ta sẽ đi." Sư thị tịch đúng ngay giờ thìn của ngày hôm sau. Sư được vua ban thụy là "Nguyên Chứng Thiền Sư." Tháp được đặt tên là Phước Viên.

## 2) *Một Số Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch:*

**Tào Sơn Hiếu Mãn: Tào Sơn mãn tang:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp của Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch với một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch: "Lúc không mặc linh y (tang phục) thì như thế nào?" Tào Sơn đáp: "Hôm nay Tào Sơn hiếu mãn (mãn tang)." Vị Tăng lại hỏi: "Sau khi mãn tang thì như thế nào?" Tào Sơn đáp: "Tào Sơn thích say rượu." Một hôm khác, có một vị Tăng hỏi: "Người không làm bạn với pháp là người gì?" Tào Sơn nói: "Nói cho lão Tăng biết chỗ nào mà nhiều người ở Hồng Châu đều đi đến."

**Tào Sơn Mi Mục Bất Thức:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch và một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, một vị Tăng hỏi Tào Sơn: "Chân mày với mắt cùng biết nhau chăng?" Sư đáp: "Chăng biết nhau." Vị Tăng hỏi: "Sao lại chăng biết nhau?" Sư đáp: "Vì đồng tại một chỗ." Vị Tăng lại hỏi: "Thế ấy là chăng thế phân biệt sao?" Sư đáp: "Cuối cùng thì chân mày chăng phải là mắt, mắt chăng phải là chân mày." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là mắt?" Sư đáp: "Mắt quả nhiên đúng là mắt." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là chân mày?" Sư đáp: "Ta không chắc." Vị Tăng hỏi: "Tại sao Hòa Thượng lại không chắc?" Sư đáp: "Nếu mình không nghi tức quả nhiên đúng." Vị Tăng lại hỏi: "Có chân lý nào trong hình tướng?" Sư đáp: "Hình tướng là chân lý." Vị Tăng nói: "Làm sao Hòa Thượng có thể biểu tỏ việc này?" Sư cầm lấy cái đĩa để tách. Vị Tăng lại hỏi: "Làm thế nào huyền (ảo tướng) có thể là chơn (chân lý)?" Sư đáp: "Huyền vốn nguyên chơn (ảo tướng trên căn bản là chân lý)." Vị Tăng nói: "Khi đối diện với ảo tướng, cái gì hiển bày?" Sư đáp: "Tức huyền liền hiện (thì ảo tướng liền hiện ra)." Vị Tăng thưa: "Trong trường hợp đó, từ đầu đến cuối, trước sau chăng lìa huyền (không ai có thể thoát khỏi huyền)." Sư nói: "Nhưng nếu ông chạy theo huyền tướng, ông không thể nào đạt được chúng."

**Tào Sơn: Như Tĩnh Thứ Lư:** Làm như giếng dòm lư. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch và Đức Sơn. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, Thiền sư Tào Sơn hỏi Đức Sơn: "Chân Pháp thân Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình, như bóng trăng dưới đáy nước, hãy thử nói lý ấy như thế

nào?" Đức Sơn nói: "Như lửa dòm giếng." Tào Sơn bảo: "Nói rất hay, nhưng chỉ được tám phần." Đức Sơn thưa: "Hòa Thượng nói thế nào?" Tào Sơn nói: "Như giếng dòm lửa."

### 3) Tào Sơn Ngũ Vị Luận:

Trong thời gian tu học với Động Sơn, Tào Sơn nhận giáo pháp “Ngũ Vị,” và chúng trở thành giáo pháp giảng dạy của Sư về sau này. Công việc trao truyền của Sư trong truyền thống này với kết quả cuối cùng là sự thành hình của một trong những truyền thống lớn nhất thời bấy giờ, đó là Tào Động tông. Tên của tông phái này được lấy từ những tên “núi” của hai vị thầy: Động Sơn và Tào Sơn. Tào Sơn đã biên soạn bài luận sau đây về “Ngũ Vị”: *Thứ Nhất Là “Cái Tương Đối Trong Cái Tuyệt Đối”*: Kỳ thật, tuyệt đối không nhất thiết phải là trống rỗng; tương đối không hẳn là cái thật có. Không quay vào cũng không quay đi. Khi hoạt động tâm thức liệm dần và cả thế giới vật chất lẫn hư không đều quên mất, không có gì dấu giếm. Toàn thể được hiển lộ. Đây chính là “Chánh Trung Thiên” hay “cái tương đối bên trong cái tuyệt đối.” Đây là ngôi vị thứ nhất nhận thức về thế giới hiện tượng ngữ trị, nhưng nó được nhận thức như là chiều kích của ngã tuyệt đối (nó được nhận biết như một biểu hiện của cái căn bản, của bản tánh thật của chúng ta). *Thứ Nhì Là “Cái Tuyệt Đối Trong Cái Tương Đối”*: Núi là núi, sông là sông. Không danh tự; không có thứ gì có thể so sánh được. Đây chính là “Thiên Trung Chánh”, là giai đoạn thứ nhì nầy hình thái vô phân biệt đến với giai đoạn trước một cách mãnh liệt và sự phân biệt bị đẩy lùi vào phía sau (mặt đồng nhất nổi lên và tính đa tạp lùi xuống). *Thứ Ba Là “Đến Từ Bên Trong Cái Tuyệt Đối”*: Sạch sẽ và trần trụi, tự do và không có thứ gì cả, khuôn mặt đầy uy nghi. Cả trời lẫn đất chỉ một đấng Thế Tôn. Đây là mức độ chứng nghiệm “Chánh Trung Lai” hay đến từ bên trong cái tuyệt đối. Giai đoạn thứ ba là ngôi vị trong ấy không còn ý thức về thân hay tâm. Cả hai đã được xả bỏ hoàn toàn (không còn có ý thức về thân thể hay về tinh thần nữa; cái nầy lẫn cái kia hoàn toàn bị xóa đi; đó là kinh nghiệm về tánh hư không). *Thứ Tư Là “Đến Chỗ Trung Đạo Của Cái Tương Đối”*: Lở tai không đi vào âm thanh. Âm thanh không ngăn chặn lở tai. Lúc mà hành giả đi vào bên trong, thì không còn giả danh cố định trên thế gian. Đây là “Thiên Trung Chí” hay đến chỗ Trung Đạo. Giai đoạn thứ tư, với ngôi vị nầy, tính duy nhất của mỗi sự vật được nhận thức ở mức độ độc



nhất. Bây giờ núi là núi, sông là sông; chứ không còn núi đẹp sông buồn nữa (ở giai đoạn này người ta thấy hết sức rõ đặc thù của một cái gì đó. Tính hư không biến mất vào các hiện tượng). *Thứ Năm Là “Đạt Được Sự Hợp Nhất”*: Không tâm, không vật; không sự, không lý. Lúc nào cũng vượt lên trên danh tự và sự diễn tả, vượt lên cả tuyệt đối lẫn tương đối, vượt lên trên cốt lõi và bề mặt bên ngoài. Đây là “Kiêm Trung Đáo” hay đạt được tính hiệp nhất. Ở vị thứ năm hay là mức cao nhất, sắc và không tương tức tương nhập đến độ không còn ý thức cả hai, các ý niệm ngộ mê đều biến mất, đây là giai đoạn của tự do nội tại trọn vẹn (ở giai đoạn này, hình thức và hư vô hoàn toàn thâm nhập lẫn nhau. Từ trạng thái ý thức ấy nảy ra hành vi tự phát, không định trước, không có ý đồ của óc cũng như tim, phản ứng ngay với tất cả hoàn cảnh xảy ra).

## ***(II) Thiên Sư Vân Cư Đạo Ứng (?-901)***

### ***1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Vân Cư Đạo Ứng Thiên Sư:***

Đạo Ứng là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ mười, vào thời nhà Đường (618-907). Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Vân Cư Đạo Ứng; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Vân Cư đến từ U Châu, bây giờ thuộc tỉnh Hồ Bắc. Năm sanh của Ngài không ai biết. Năm hai mươi lăm tuổi, ông xuất gia tại một ngôi chùa ở Phạm Dương (cũng ở trong tỉnh Hồ Bắc ngày nay). Thiên Sư Vân Cư Đạo Ứng là một đệ tử nổi tiếng và Pháp Tử của Thiên Sư Động Sơn Lương Giới. Ông nối tiếp dòng thiền Tào Động do Động Sơn và Tào Sơn Bản Tịch lập ra. Trong truyền thống này về sau có thiên sư Đạo Nguyên nổi pháp, và phái thiền Tào Động của Nhật Bản vẫn còn lưu truyền đến ngày nay.

Một hôm Động Sơn hỏi: “Từ đâu đến?” Sư thưa: “Từ Thúy Vi đến.” Động Sơn lại hỏi: “Thúy Vi có lời gì dạy đồ chúng?” Sư thưa: “Thúy Vi cúng dường La Hán, con hỏi ‘Cúng dường La Hán, La Hán có đến chăng?’ Thúy Vi bèn hỏi con: ‘Mỗi ngày ông ăn gì?’” Động Sơn hỏi: “Thật có lời này chăng?” Sư thưa: “Có.” Động Sơn nói: “Chẳng uống tham kiến bậc đạt đạo.” Đoạn Động Sơn hỏi: Xà Lê tên gì?” Sư thưa: “Tên Đạo Ứng.” Động Sơn nói: “Hãy nhìn lên rồi nói lại.” Sư thưa: “Nói lên trên tức chẳng tên Đạo Ứng.” Động Sơn nói: “Người đáp

tương tự với ta lúc đến Vân Nham.” Sư theo Động Sơn lội qua suối. Động Sơn hỏi: “Nước cạn sâu?” Sư thưa: “Chẳng ướt.” Động Sơn bảo: “Kẻ thô.” Sư thưa: “Thỉnh thầy nói.” Động Sơn nói: “Chẳng khô.”

Động Sơn hỏi: “Ta nghe Hòa Thượng Tư Đại sanh làm vua nước Nhật là thật giả?” Sư thưa: “Nếu là Tư Đại, Phật còn chẳng làm, huống là làm vua.” Động Sơn gật đầu. Một hôm, Động Sơn hỏi: “Từ đâu đến?” Sư thưa: “Đạp núi đến.” Động Sơn hỏi: “Quả núi nào nên ở?” Vân Cư thưa: “Có quả núi nào chẳng nên ở.” Động Sơn nói: “Thế ấy là cả nước đều bị Xà Lê chiếm hết.” Vân Cư nói: “Chẳng phải.” Động Sơn nói: “Thế ấy là người đã được đường vào?” Vân Cư nói: “Không đường.” Động Sơn nói: “Nếu không đường làm sao được cùng lão Tăng gặp nhau?” Vân Cư nói: “Nếu có đường thì cùng Hòa Thượng cách núi vậy.” Động Sơn nói: “Kể này về sau ngàn muôn người nắm chẳng đứng.”

Sư cất thảo am nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi: “Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?” Sư thưa: “Mỗi ngày có Thiên Thần cúng dường.” Động Sơn bảo: “Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều lại.” Chiều, sư đến. Động Sơn gọi: “Ứng am chủ!” Sư lên tiếng: “Dạ!” Động Sơn bảo: “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?” Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, Thiên Thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi đến cúng dường.” Một viên quan cao cấp đến viếng thiền sư Vân Cư Đạo Ứng và hỏi: “Người ta nói đức Thế Tôn có một mật ngữ mà Ca Diếp không che dấu, mật ngữ ấy là gì?” Vân Cư gọi lớn tiếng: “Quan Thượng Thư.” Viên quan đáp: “Dạ!” Vân Cư hỏi: “Có hiểu không?” Viên quan đáp: “Không hiểu.” Vân Cư nói: “Nếu ông chẳng hiểu, đó là mật ngữ của Thế Tôn; nếu ông hiểu, đó là Ca Diếp chẳng che dấu.”

Một hôm, Động Sơn nói với Sư: Lúc xưa Hòa Thượng Nam Tuyên hỏi một vị Tăng: “Ông đang đọc kinh gì vậy?” Vị Tăng đáp: “Kinh Di Lạc Hạ Sanh.” Nam Tuyên hỏi: “Bao giờ thì Di Lạc hạ sanh?” Vị Tăng đáp: “Bây giờ thì đang ở cung trời Đâu Suất, sẽ hạ sanh trong tương lai.” Nam Tuyên nói: “Trên trời không có Di Lạc. Dưới đất không có Di Lạc.” Vân Cư nghe lời thuật trên bèn nói: “Nếu như trên trời không có Di Lạc. Dưới đất không có Di Lạc, lão tăng không biết cái tên này áp dụng cho ai?” Động Sơn bước xuống rung rinh giường thiền nói: “Xà lê Ứng! Khi ta đang ở chỗ Vân Nham, có lần hỏi thầy cái gì đó thì thầy

lắc cái lò sưởi. Hôm nay ông hỏi ta câu hỏi này, cả người ta như toát mồ hôi hột!"

Một hôm, Sư thượng đường thị chúng. Có một vị Tăng bước ra hỏi: "Thế nào là thầy của chư Phật?" Sư hét lên: "Đồ nhà quê!" Kỳ thật, có nhiều tuyên bố mang tính phi lý trong Thiền. Vài người còn cho rằng Thiền vô lý cứng nhắc và điên rồ. Qua những câu hỏi rõ ràng là vợ vắn và không hợp lý, Thiền muốn chúng ta có được một quan điểm hoàn toàn mới, để dễ dàng nhìn thấu vào những huyền diệu của đời sống và bí mật của thiên nhiên. Việc này là vì Thiền đã đi đến kết luận rằng tiến trình lý luận thông thường rốt cuộc không có sức mạnh cho chúng ta cái thỏa mãn sau cùng về những nhu cầu sâu thẳm của tâm linh. Một hôm, Đại sư Vân Cư Đạo Ứng nói với cả Tăng đoàn: "Nếu mấy ông muốn đạt đến điều như thế, mấy ông phải là con người như thế. Vì mấy ông là con người như thế, thì tại sao mấy ông lại băn khoăn về điều như thế?" Thiền sư Đạo Ứng Vân Cư thị tịch năm 901. Sau khi thị tịch ông được ban sắc thụy "Hoàng Giác Thiền Sư."

## **2) Một Số Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Vân Cư Đạo Ứng Thiền Sư:**

**Nhất Bả Mao Cái Đầu:** Một năm tranh che đầu, ý nói vị trụ trì tự viện. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Vân Cư hỏi Động Sơn: "Thế nào là ý Tổ Sư?" Động Sơn đáp: "Sau này Xà Lê có nơi chốn ở yên, chợt có người đến hỏi như thế, phải đáp làm sao?" Vân Cư nói: "Lỗi tại con." Về sau Vân Cư đi cất thảo am nơi Tam Phong, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Động Sơn thấy lạ hỏi: "Mấy ngày nay sao người không đến thọ trai?" Sư thưa: "Mỗi ngày có Thiên Thần cúng dường." Động Sơn bảo: "Ta bảo người là kẻ vẫn còn kiến giải. Người rảnh chiều lại." Chiều, sư đến. Động Sơn gọi: "Ứng am chủ!" Sư lên tiếng: "Dạ!" Động Sơn bảo: "Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác là cái gì?" Sư trở về am ngồi yên lặng lẽ, Thiên Thần tìm mãi không thấy, trải ba ngày như thế mới thôi đến cúng dường."

### **(III) Thiền Sư Khâm Sơn Văn Thúc**

Văn Thúc là tên của Thiền sư Khâm Sơn Văn Thúc xuất hiện trong thí dụ thứ 56 của Bích Nham Lục. Ngoài ra, còn có một vài chi tiết lý

thứ về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Thiên sư nổi tiếng đời Đường. Ông đến từ Phước Châu. Lúc nhỏ ông vào một Thiên viện ở Hàng Châu tu tập với viện trưởng là Thiên sư Hoàn Trung. Ông là đệ tử và người kế vị Pháp của Thiên sư Động Sơn Lương Giới. Trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, người ta kể rằng Văn Thúc, sau khi đến một ngôi chùa, đã cùng với Nham Đầu Toàn Khoát và Tuyết Phong Nghĩa Tôn đi chu du để tâm học với các thiền sư khác. Cuối cùng ba người đến gặp Đức Sơn Tuyên Giám. Nham Đầu và Tuyết Phong trở thành những học trò xuất sắc và người kế vị Pháp cho Đức Sơn. Khâm Sơn không quen sự khắt khe quá mức của thầy, đã bị thầy đánh trọng thương phải mang đến y xá. Sau đó Khâm Sơn đến gặp và đạt được đại giác với thiền sư Đông Sơn. Khâm Sơn trở thành viện trưởng tu viện trên núi Khâm vào lúc ông mới 27 tuổi.

Một hôm, Khâm Sơn hỏi Đức Sơn: "Thiên Hoàng Đạo Ngộ nói thế ấy. Long Đàm Sùng Tín nói thế ấy. Xin hỏi Đức Sơn nói thế nào?" Đức Sơn nói: "Ông thử nói lại xem Thiên Hoàng và Long Đàm nói thế nào?" Khâm Sơn vừa định nói liền bị Đức Sơn đánh đến nỗi Khâm Sơn phải đi vào Diên Thọ Đường và nói: "Đúng thì đúng, nhưng đánh con như vậy là đã đi quá xa rồi đấy." Nham Đầu bèn nói: "Nếu ông nói kiểu này thì ông chẳng bao giờ gặp được Đức Sơn."

Khâm Sơn đến học với Động Sơn và đạt ngộ. Ông trở thành pháp tự của Động Sơn. Vào năm 27 tuổi Sư đến trụ ở núi Khâm, trước hội chúng, Sư đạt đại ngộ. Đoạn Sư thuật lại cho chúng hội nghe lúc ban sơ tham yết Động Sơn: "Động Sơn hỏi: 'Từ đâu tới?' Lão Tăng đáp: 'Ở núi Đại Từ đến.' Động Sơn hỏi: 'Có thấy Đại Từ chăng?' Lão Tăng đáp: 'Thấy.' Động Sơn hỏi: 'Thấy trước sắc hay thấy sau sắc?' Lão Tăng nói: 'Không thấy trước sau.' Động Sơn im lặng." Đoạn Khâm Sơn nói với chúng hội: "Lão Tăng rời Động Sơn quá sớm nên không hiểu hết ý của ngài."

Khi Khâm Sơn, Nham Đầu và Tuyết Phong vẫn còn ở chỗ của Động Sơn, cả nhóm đang ngồi thiền thì Động Sơn mang trà đến. Khâm Sơn vẫn ngồi nhắm mắt lại. Động Sơn nói: "Ông đi đâu vậy?" Khâm Sơn nói: "Con đang vào định." Động Sơn nói: "Định không có cửa, làm sao ông vào được?" Khâm Sơn, Nham Đầu và Tuyết Phong qua Giang Tây, đến một tiệm trà. Sư nói: "Nếu không biết chuyển thân thông khí thì hôm nay chẳng được uống trà." Nham Đầu nói: "Nếu như thế, thì ta đây không được uống." Tuyết Phong nói: "Ta đây cũng như thế." Khâm

Sơn nói: "Cả hai lão Hán đều không biết lời lẽ." Nham Đầu nói: "Lời lẽ ở đâu?" Khâm Sơn nói: "Con quạ trong bị vải tuy sống mà cũng như chết." Nham Đầu nói: "Rút lui thôi! Rút lui thôi!" Khâm Sơn nói: "Huynh Toàn Khoát thì không nói tới, còn huynh Nghĩa Tồn thì thế nào?" Tuyết Phong lấy tay vẽ một vòng tròn. Khâm Sơn nói: "Không được, không hỏi." Nham Đầu cười và nói: "Xa quá thôi!" Khâm Sơn nói: "Người có miệng mà không thể uống được trà nhiều lắm đấy." Cả Nham Đầu lẫn Tuyết Phong đều im lặng.

Một vị Tăng hỏi: "Tất cả chư Phật và Phật pháp đều từ kinh này mà ra. Thế nào là kinh này?" Khâm Sơn nói: "Thường chuyển." Vị Tăng lại hỏi: "Thối nhà của Hòa Thượng là thế nào?" Khâm Sơn nói: "Hộp hương viền bạc. Khi gió thổi thì cả con đường đều thơm ngạt ngào." Một hôm, Khâm Sơn đi vào phòng tắm thấy vị Tăng đập bánh xe nước. Vị Tăng thấy Sư liền bước xuống bánh xe chào hỏi. Sư nói: "May mà thông dong tự tại như thế, cần gì phải chào hỏi như vậy." Vị Tăng nói: "Không như thế thì làm sao được." Khâm Sơn nói: "Nếu không như thế thì con mắt của Khâm Sơn làm gì được cho mọi người đây." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là mắt của Sư?" Khâm Sơn lấy tay chỉ vào lông mày. Vị Tăng nói: "Sao Hòa Thượng lại hành xử như thế?" Khâm Sơn nói: "Đúng, đúng, vì ta như thế. Đó không phải là việc của ông! Đó không phải là việc của ông!" Vị Tăng không lời đối đáp. Khâm Sơn nói: "Nếu ông ra trận mà không có công trận gì, tức là ông thua ngay từ đầu." Khâm Sơn im lặng một hồi lâu rồi nói: "Ông lãnh hội không?" Vị Tăng đáp: "Con không lãnh hội." Khâm Sơn nói: "Khâm Sơn ta đã vì ông mà gánh phân nửa rồi."

Trong khi nói chuyện với Tăng chúng, Khâm Sơn đưa nắm tay lên và nói: "Nếu lão Tăng xòe ra thì năm ngón phân chia dài ngắn. Nếu như lão Tăng nắm bàn tay lại thì không còn phân chia dài ngắn. Mấy ông nói xem Khâm Sơn này có nói thấu hay không?" Một vị Tăng bước ra và đưa nắm tay lên. Khâm Sơn nói: "Nếu mà như thế, thì ông chỉ là một gã không có miệng thôi." Có một vị Tăng hỏi: "Con không quen thuộc với lối tiếp người của Hòa Thượng." Khâm Sơn nói: "Nếu ta tiếp người, thì mỗi người mấy ông đều đi hết!" Một vị Tăng nói với Khâm Sơn: "Riêng tham yết với Sư, Sư cũng nên thổ lộ ra hết Tông phong." Khâm Sơn nói: "Nếu ông đến riêng, lão Tăng sẽ thổ lộ." Vị Tăng nói: "Xin thỉnh Sư!" Khâm Sơn liền đánh, vị Tăng không lời đối đáp. Khâm

Sơn nói: "Ôm gốc cây ngã mà đợi để bắt thỏ, chỉ uống dụng tâm thần mà thôi."

#### ***(IV) Thiên Sư Long Nha Cư Động***

##### ***1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Thiên Sư Long Nha Cư Động (835-923 or 834-920?):***

Cư Động là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào khoảng thế kỷ thứ chín và thứ mười. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Long Nha Cư Động; tuy nhiên, tên của ông xuất hiện trong thí dụ 20 của Bích Nham Lục. Ngoài ra, còn có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Thiên sư Long Nha Cư Động đến từ Phủ Châu, vùng mà bây giờ nằm trong tỉnh Giang Tây. Vào tuổi mười bốn, ông xuất gia tại chùa Mãn Điền ở Cát Châu. Về sau, Sư đến núi Tung Nhạc để thọ cụ túc giới. Long Nha hành cước du phương khắp nơi và tham học với nhiều bậc thầy nổi tiếng như Thúc Vi Vô Học và Đức Sơn Tuyên Giám. Cuối cùng ông đến tu học với Động Sơn và đạt đại giác. Sau một thời gian tu học với Động Sơn, Long Nha tiếp tục hành cước du phương để tham học với nhiều bậc thầy nữa, kể cả Lâm Tế Nghĩa Huyền, nhằm đạt được sự hiểu biết thâm sâu hơn về Thiền. Sau cùng ông trụ trì chùa Diệu Cát (?) trên núi Long Nha, bây giờ thuộc thành phố Trường Sa, nơi ông tập hợp được một chúng hội lớn bao gồm thiền sinh từ khắp nơi trong xứ. Thiên sư Long Nha được coi như là đệ tử cũng là pháp tử của thiền sư Động Sơn Lương Giới. Long Nha có năm người kế vị pháp.

Khi Long Nha Cư Động mới bái kiến Thúc Vi, hỏi: "Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?" Thúc Vi không trả lời trực tiếp mà lại bảo: "Nhờ ông mang thiền bản lại đây cho ta." Khi thiền bản được trao đến tay Thúc Vi, ông cầm lấy và đánh Long Nha. Về sau này, Long Nha đến chỗ của Lâm Tế và hỏi cũng câu hỏi đó. Lâm Tế khiến Sư làm cũng việc như trên, tựa như Lâm Tế đã thông đồng với Thúc Vi từ trước. Lâm Tế bảo: "Nhờ mang hộ cái bồ đoàn lại đây." Khi Long Nha tuân hành, Lâm Tế lấy bồ đoàn đánh Long Nha y như Thúc Vi đã đánh bằng thiền bản. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, Long Nha không khứng nhận cách cư xử ấy là chính xác nên mới nói: "Đối với việc đánh đập, các ngài cứ đánh bằng thích, nhưng đối với ý nghĩa Đông du của Tổ, chẳng có chút gì trong đó cả."

Về sau này, khi Long Nha làm trụ trì của một ngôi tự viện, một vị Tăng hỏi: “Trụ trì, khi Sư gặp hai vị ấy, Sư có tán thành với họ hay không?” Long Nha đáp: “Lão Tăng tán thành, nhưng vẫn không có ý nghĩa của việc Tây Lai của Tổ.” Kỳ thật, có gai trong bùn trong lời nói lịch sự của Long Nha. Sư tán thành cả Thúy Vi lẫn Lâm Tế, nhưng làm vậy là Sư đã rơi vào phân biệt thứ nhì rồi. Khi Long Nha gặp gỡ Thúy Vi, Sư nói: “Kẻ học này từ lúc đến pháp tịch của Hòa Thượng tới giờ đã hơn một tháng. Mỗi ngày Hòa Thượng thưởng đường thuyết giảng, nhưng con chẳng được một lời chỉ giáo nào cả về giáo Pháp.” Thúy Vi nói: “Thế thì sao nào?” Có một vị Tăng đem lời này thuật lại cho Động Sơn. Động Sơn nói: “Xà lê đem lời này trách cứ lão Tăng để làm gì?” Về sau này, Pháp Nhân nói: “Tổ Sư đến rồi đấy!” Động Sơn cũng nói: “Ba vị tôn túc này lời lẽ còn có thân sơ không vậy? Nếu có thì cái nào là thân. Nếu không thì con mất thân sơ ở tại chỗ nào?”

Thế rồi Long Nha đi đến tham yết với Đức Sơn. Long Nha hỏi: “Từ xa xôi nghe một câu Phật pháp của Đức Sơn, nhưng tới chùng đến nơi chưa từng nghe Hòa Thượng nói một câu Phật pháp!” Đức Sơn nói: “Thế thì sao nào?” Long Nha không khẳng nhận, bèn đi đến tham vấn với Động Sơn, cũng hỏi một câu như trước. Động Sơn nói: “Ông trách lão Tăng điều gì đó à?” Long Nha bèn thuật lại lời nói của Đức Sơn. Bất thành linh tự tĩnh ngộ lỗi lầm, ông bèn ở lại tham học với Động Sơn. Hôm khác, Sư hỏi Động Sơn: “Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?” Động Sơn trả lời: “Ta sẽ nói cho con biết khi tuổi Động Sơn chảy ngược lên thiên núi.” Điều lạ là dòng suối đã không chảy ngược, ấy thế mà Long Nha lại hiểu theo ý nghĩa của lời này và sau khi nghe xong những lời này, Long Nha liền đạt được đại giác.

Phấn khởi bởi kinh nghiệm này, Long Nha lại tiếp tục chu du để tiến hành pháp luận cũng cùng một câu hỏi ấy với các thiền sư khác để có kinh nghiệm sâu sắc hơn nữa. Ông gặp thiền sư Thúy Vi và Lâm Tế Nghĩa Huyền. Ví dụ thứ 20 của Bích Nham Lục nhắc lại những gặp gỡ ấy. Sau tám năm chu du, theo yêu cầu của quan Thống đốc quân sự tỉnh Hồ Nam, ông nhận lãnh đạo tu viện trên núi Long Nha (mà tên của ông lấy từ tên núi này), ở phía nam hồ Động Đình, nơi 500 học trò đã nhanh chóng tụ tập quanh ông để tu tập.

Một hôm, Sư thưởng đường dạy chúng: “Phàm người tham thiền học đạo, phải nhìn thấu suốt chư Phật và chư Tổ mới được. Hòa Thượng Tân Phong nói: ‘Phải xem Thiền chỉ và Giáo nghĩa như những tên trộm

lừa gạt thì mới có đủ tư cách.' Nếu mấy ông có hiểu đôi chút, nhưng không thấu suốt chư Phật và chư Tổ, tức là bị chư Phật và chư Tổ gạt lừa." Lúc đó có một vị Tăng hỏi: "Chư Phật và chư Tổ có lòng lừa gạt người không?" Sư nói: "Ông thử tự hỏi xem sông hồ có làm ngăn trở tâm người hay không? Dầu sông hồ không làm gì ngăn trở tâm người, nhưng con người không thể vượt qua, cho nên hóa ra sông hồ cản trở người. Vì thế mà không thể nói sông hồ không làm gì ngăn trở tâm người. Chư Phật và chư Tổ tuy không có lòng lừa gạt người, nhưng do người không nhìn thấu triệt chư Phật và chư Tổ, nên chư Phật và chư Tổ thành ra gạt gẫm người. Vì thế, nếu như ai đó có thể thấu suốt chư Phật và chư Tổ, người đó sẽ vượt khỏi chư Phật và chư Tổ, chừng đó mới thể hội được chỉ ý của chư Phật và chư Tổ, mới tương đồng với người xưa. Nếu như nhìn không thấu suốt, chỉ học Phật, học Tổ, thì trong vô số kiếp cũng chẳng bao giờ có phút giây thực chứng được." Vị Tăng lại hỏi: "Làm thế nào để không bị chư Phật và chư Tổ dối gạt?" Sư đáp: "Mấy ông phải tự ngộ cho chính mình."

Về sau này Long Nha Cư Độn viện dẫn những việc không thể có trong thế giới nhân quả tương đối này. Một hôm vị Tăng hỏi ông: "Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?" Long Nha trả lời: "Đợi bao giờ con rùa đen bằng đá biết nói, rồi ta sẽ nói cho con biết về ý chỉ Tây lai của Tổ." Điều kiện vừa kể trên là hi hữu như mọi đối đãi thời không vẫn nguyên dạng đối với tâm thức hữu hạn của chúng ta. Chỉ có thể hiểu chừng nào chúng ta nhảy vào một cảnh giới vượt lên kinh nghiệm đối đãi của mình.

## **2) Một Số Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Thiền Sư Long Nha Cư Độn:**

**Long Nha Quá Bàng:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Long Nha Cư Độn với Thiền sư Vô Học Thúy Vi và Lâm Tế Nghĩa Huyền. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, khi Long Nha Cư Độn mới bái kiến Thúy Vi, hỏi: "Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?" Thúy Vi không trả lời trực tiếp mà lại bảo: "Nhờ ông mang thiền bản lại đây cho ta." Khi thiền bản được trao đến tay Thúy Vi, ông cầm lấy và đánh Long Nha. Về sau này, Long Nha đến chỗ của Lâm Tế và hỏi cũng câu hỏi đó. Lâm Tế khiến Sư làm cũng việc như trên, tựa như Lâm Tế đã thông đồng với Thúy Vi từ trước. Lâm Tế bảo: "Nhờ mang hộ cái bồ đoàn lại đây." Khi Long Nha tuân hành, Lâm Tế



lấy bô đoàn đánh Long Nha y như Thúy Vi đã đánh bằng thiền bản. Tuy nhiên, trong cả hai trường hợp, Long Nha không khứng nhận cách cư xử ấy là chính xác nên mới nói: "Đối với việc đánh đập, các ngài cứ đánh bằng thích, nhưng đối với ý nghĩa Đông du của Tổ, chẳng có chút gì trong đó cả."

**Thạch Qui Khởi Thuyết:** Long Nha Đợi bao giờ con rùa đen bằng đá biết nói. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Long Nha Cư Độn với một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, khi Long Nha Cư Độn viện dẫn những việc không thể có trong thế giới nhân quả tương đối này. Một hôm vị Tăng hỏi ông: "Ý nghĩa của việc Trưởng lão đến từ phương Tây là gì?" Long Nha trả lời: "Đợi bao giờ con rùa đen bằng đá biết nói, rồi ta sẽ nói cho con biết về ý chỉ Tây lai của Tổ." Điều kiện vừa kể trên là hi hữu như mọi đối đãi thời không vẫn nguyên dạng đối với tâm thức hữu hạn của chúng ta. Chỉ có thể hiểu chừng nào chúng ta nhảy vào một cảnh giới vượt lên kinh nghiệm đối đãi của mình.

## **(V) Thiền Sư Kiên Phong Việt Châu**

### **1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Kiên Phong Việt Châu Thiền Sư:**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Kiên Phong Việt Châu; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Thiền sư Kiên Phong Việt Châu là đệ tử của Thiền Sư Động Sơn Lương Giới. Ông sống và dạy Thiền ở thành Việt Châu, một nơi nằm về phía đông nam của vùng mà bây giờ là Hàng Châu, ở về phía bắc của tỉnh Giang Tây. Một hôm, Kiên Phong hỏi một vị Tăng: "Ông từ đâu tới?" Vị Tăng đáp: "Từ núi Thiên Thai tới." Kiên Phong hỏi: "Lão tăng nghe nói có cây cầu đá bị đứt làm hai phần, có phải vậy không?" Vị Tăng nói: "Hòa Thượng nghe tin này từ đâu vậy?" Kiên Phong nói: "Từ ai đó được gọi là 'cựu khách đỉnh Hoa Sơn.' Trước đây đã từng là người trong làng ruộng phẳng."

Một vị Tăng hỏi: "Làm sao để thoát ra khỏi Tam Giới?" Kiên Phong nói: "Hãy gọi thầy viện chủ ra đuổi ông Tăng này đi chỗ khác!" Kiên Phong lại hỏi chúng Tăng: "Sáu nẻo luân hồi có con mắt nào?" Tăng chúng không lời đối đáp. Một vị Tăng hỏi: "Có tự viện trong mười

phương, mà chỉ có một con đường duy nhất để đến cổng Niết Bàn. Con đường đó bắt đầu từ đâu?" Kiên Phong đưa gậy lên vẽ một vòng tròn trong không trung, nói: "Ngay đây." Về sau này, một vị Tăng nhờ Vân Môn giải thích chuyện này. Vân Môn cầm lên một cây quạt và nói: "Cây quạt này nhảy vào thiên đàng làm nghẹt lỗ mũi của Thiên vương. Chạm vào cá Đông Hải chỉ một lần, và mưa tuôn xối xả! Có hội không?"

Thiền sư Kiên Phong thượng đường và nói: "Pháp thân có ba loại bệnh và hai loại ánh sáng, và mấy ông phải thấu suốt chúng từng thứ một trước khi mấy ông có thể trở về nhà và ngồi vững vàng được. Mấy ông phải biết rằng có một điểm then chốt nữa để thực chứng." Vân Môn bước tới và hỏi: "Tại sao người trong am lại không biết những việc ngoài am?" Kiên Phong cười lớn: "Ha, ha, ha." Vân Môn nói: "Đây vẫn còn là chỗ nghi cho học trò." Kiên Phong nói: "Tâm của ông di chuyển đi đâu?" Vân Môn đáp: "Con muốn thầy nói thẳng vào vấn đề." Kiên Phong nói: "Vậy thì ông phải làm như lão Tăng nói trước đây là ông có thể ngồi một cách vững chãi." Vân Môn nói: "Được rồi, con làm vậy."

Kiên Phong thượng đường thị chúng: "Nếu mấy ông nỗ lực vào đệ nhất nghĩa đế, thì không cần nói gì đến đệ nhị đế. Nếu mấy ông đi lệch ngoài đệ nhất đế thì rơi vào đệ nhị đế." Vân Môn bước ra khỏi chúng hội và nói: "Ngày hôm qua có một người đến từ Thiên Thai Sơn. Hôm nay người ấy đã đi đến núi Cảnh." Kiên Phong nói: "Ngày mai, nhà bếp không cần phải nấu cho khách mời." Nói xong Kiên Phong bước xuống tòa.

## **2) Một Số Công Án Tiêu Biểu Liên Hệ Đến Kiên Phong Việt Châu Thiền Sư:**

**Càn Phong Nhất Lộ:** Một đường của Càn Phong, thí dụ thứ 41 của Vô Môn Quan. Một ông Tăng hỏi Hòa Thượng Càn Phong: "Chữ Bạc già phạm mười phương cũng chỉ một đường niết bàn, không biết đâu đường ở đâu?" Càn Phong cầm gậy vạch một đường nói: "Đây!" Sau có ông Tăng đem chuyện này hỏi ngài Vân Môn. Vân Môn cầm quạt giơ lên bảo: "Quạt nhảy một cái lên tận tầng trời thứ ba mươi ba, gõ lỗ mũi Đế Thích. Con lý ngư ngoài biển Đông đánh một hèo, trời mưa như trút." Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, một người đi dưới biển sâu, bụi bay mù mịt; một người đứng trên đỉnh cao, sóng trắng ngất trời. nằm đứng, buông đi, mỗi bên đều trở ngón mà nêu rõ tông

phong, thật giống hai con ngựa chạy đụng vào nhau. trên đời e chẳng ai rõ được lẽ đó. Xét lại cho kỹ, cả hai ông lão đều không biết đầu đường ở đâu.

***Đình Chỉ Đại Vũ:*** Hòa Thượng Càn Phong, tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thời nhà Đường (618-907). Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Càn Phong; tuy nhiên, có một chi tiết lý thú về lời dạy của ông trong trong Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển XIII: Một hôm, Thiền sư Càn Phong thượng đường thị chúng: "Mưa như trút đổ; làm sao mấy ông làm cho mưa tạnh đây?" Nói xong, Sư xuống ghế và rời khỏi sảnh đường. Kỳ thật, có nhiều tuyên bố mang tính phi lý trong Thiền. Vài người còn cho rằng Thiền vô lý cứng nhắc và điên rồ. Qua những câu hỏi rõ ràng là vô vấn và không hợp lý, Thiền muốn chúng ta có được một quan điểm hoàn toàn mới, để dễ dàng nhìn thấu vào những huyền diệu của đời sống và bí mật của thiên nhiên. Việc này là vì Thiền đã đi đến kết luận rằng tiến trình lý luận thông thường rốt cuộc không có sức mạnh cho chúng ta cái thỏa mãn sau cùng về những nhu cầu sâu thẳm của tâm linh.

***Càn Phong Nhị Quang Tam Bệnh:*** Lời thượng đường khai thị của Thiền sư Càn Phong là khi đến cảnh giới ngộ cần phải trừ bỏ, thoát khỏi nhị quang và tam bệnh. ***Nhị Quang Năng Thủ Sở Thủ:*** Muốn đạt đến giác ngộ, Thiền sinh phải bằng mọi cách loại trừ chủ thể nhận biết và đối tượng được nhận biết (cái được nhận thức hay được hiểu, và cái nhận thức hay cái hiểu). ***Tam Bệnh:*** tham, sân, si. Với tham thì hành giả nên quán thân bất tịnh; với sân thì hành giả nên quán từ bi; với si thì hành giả nên quán nhân duyên.

## ***(VI) Thiền Sư Sư Kiền Hậu Động***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Sư Kiền Hậu Động Sơn; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Người đương thời còn gọi ngài là Hòa Thượng Thanh Lâm ở Hậu Động Sơn. Trước tiên, ông học Thiền với Giáp Sơn, nhưng không tiến triển. Ông bèn đi đến tham yết Thiền sư Động Sơn Lương Giới (ở phía trước núi Động Sơn). Khi Sư Kiền gặp Động Sơn lần đầu, Động Sơn hỏi: "Ông từ nơi nào đến đây?" Sư Kiền nói: "Vũ Lăng." Động Sơn hỏi: "Đạo pháp ở Vũ Lăng có giống ở đây không?" Sư Kiền nói: "Đất Hồ mặng mọc mùa đông (ở Trung

Hoa và Việt Nam măng thường mọc vào mùa thu)." Động Sơn nói: "Một ngày nào đó gã này dẫm chết thiên hạ."

Một lần Sư Kiền đang trông thông, có một ông già xin Sư cho một bài thơ. Sư Kiền bèn làm một bài kệ rằng:

"Trường trường tam xích dư  
 Uất uất phúc hoang thảo  
 Bất tri hà đại nhân  
 Đắc kiến thử tông lão."  
 (Dài dài hơn ba thước  
 Dây dầy che hoang thảo  
 Chẳng biết người đời nào  
 Được thấy tông này lão).

Ông lão đem kệ trình cho Động Sơn, Động Sơn nói: "Động Sơn có người lãnh đạo thế hệ thứ ba rồi."

Khi Sư Kiền chuẩn bị rời Động Sơn ra đi, Động Sơn hỏi: "Ông đi đâu?" Sư Kiền nói: "Kim luân không bị che dấu trong mọi cảnh giới mà hồng trần bị cắt đứt." Động Sơn nói: "Lão Tăng tin tưởng lớn nơi ông đấy." Sư Kiền cảm tạ Động Sơn rồi bắt đầu ra đi. Động Sơn tháp tùng Sư ra cổng và nói: "Trong một câu, làm sao ông diễn tả cái mà ông đang làm?" Sư Kiền nói: "Từng bước đi trong hồng trần, một thân không bóng mà tỏa khắp." Động Sơn im lặng một hồi lâu. Sư Kiền nói: "Tại sao Hòa Thượng không nhanh nói?" Động Sơn nói: "Cái gì làm cho ông vội vã thế?" Sư Kiền nói: "Xin lỗi Hòa Thượng." Đoạn từ già Động Sơn mà ra đi. Sư Kiền đi đến núi Thanh Tồn và sống trong một túp lều. Sau mười năm ông bỗng nhớ đến điều Động Sơn đã nói với ông, nên tự nói: "Ta nên cố gắng làm lợi lạc cho nhiều chúng sanh còn mê muội. Tại sao lại chỉ giới hạn trong một vài chữ?" Đoạn Sư đi đến Tùy Châu, tại đây Sư được thỉnh làm trụ trì tại một ngôi tự viện. Về sau này Sư lại quay trở về Động Sơn. Quy luật của tự viện Động Sơn đòi hỏi một vị Tăng mới đến phải đi lấy củi ba chuyến rồi mới cho tham đường. Một lần nọ, có vị Tăng không chịu việc này và hỏi Sư Kiền: "Không hỏi về ba chuyến bên trong, con chỉ hỏi về ba chuyến bên ngoài?" Sư Kiền nói: "Thiên tử Thiết Luân ban sắc chỉ ở trung tâm vũ trụ." Vị Tăng không lời đối đáp. Sư Kiền liền đánh đuổi vị Tăng ra ngoài.

Một vị Tăng hỏi: "Lâu lắm rồi con bị bệnh khổ lại dùng độc dược. Xin Hòa Thượng trị dùm." Sư Kiền nói: "Vàng ròng thọt vào não. Hãy

rưỡi để hồ lên đầu ông đi." Vị Tăng lại nói: "Cảm tạ ơn thầy chữa trị." Sư Kiền liền đánh vị Tăng. Sư Kiền thượng đường và nói với chúng rằng: "Yếu nghĩa giáo thuyết của tổ sư đang thi hành ngay đây. Pháp lệnh rõ ràng. Lại có việc gì hay sao?" Một vị Tăng hỏi: "Chánh pháp nhãn tạng, Tổ Tổ đồng ấn. Xin hỏi Hòa Thượng giao phó lại cho ai?" Sư Kiền nói: "Mâm sanh linh có chỗ. Đại ngộ không có sư." Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư Kiền nói: "Quay đầu lại và nhìn vào núi để tìm khe ở đằng xa." Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là người đã thực chứng được Đạo?" Sư Kiền nói: "Ôm băng tuyết vào lòng, ngược đầu xuống mây cao." Một vị Tăng hỏi: "Đường rẽ đường uốn. Còn về đốn ngộ thì sao?" Sư Kiền nói: "Ngoảnh mặt với hạt ngọc đen dưới chân để nhìn tư lự về trăng đầy trên trời."

Một hôm Sư Kiền thượng đường thị chúng: "Cửa của chư Tổ thâm huyền. Qua vô tận công đức các ngài đã truyền nó lại. Nếu không cẩn thận xem xét thì thật là khó chứng nghiệm được. Mấy ông phải tu tập ngoài tâm, ý và thức. Nếu mấy ông học đạo thánh phàm thì mấy ông xác nhận được nó. Nếu mấy ông không tu tập như thế thì không phải là đệ tử của lão Tăng." Một vị Tăng hỏi Thiền sư Sư Kiền: "Khi một đệ tử cố trực tiếp đi đến đó thì sao?" Sư Kiền nói: "Trên đường có một con rắn độc. Lão Tăng khuyên ông không nên đối đầu với nó." Vị Tăng nói: "Nếu người đệ tử đối đầu với nó thì sao?" Sư Kiền nói: "Không có đường rút lui." Vị Tăng nói: "Chỉ vào lúc như vậy, thì làm gì?" Sư Kiền nói: "Đi!" Vị Tăng nói: "Đi đâu?" Sư Kiền nói: "Mọi nơi ông nhìn đều là đây cỏ." Vị Tăng nói: "Hòa Thượng cũng phải coi chừng nữa đấy!" Sư Kiền vỗ tay và nói: "Ở đây lại có thêm một kẻ độc hại khác nữa."

## ***(VII) Thiền Sư Sơ Sơn Khuông Nhân***

### ***1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Khuông Nhân Sơ Sơn Thiền Sư:***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Sơ Sơn Khuông Nhân (còn được gọi là Sơ Sơn Quang Nhân); tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII: Thiền sư Sơ Sơn Khuông Nhân đến từ vùng Cát Châu, vùng nằm trong thánh phố Cát An thuộc tỉnh Giang Tây ngày nay. Ông được xem là đệ tử và Pháp tự của Thiền sư Động Sơn Lương Giới, nhưng ông đã tìm đến với nhiều vị thầy trong việc tìm cầu giác ngộ của

mình. Cuối cùng ông sống và dạy Thiền trên núi Sơ Sơn. Người ông rất nhỏ thó thô kệch, và vì vậy ông có tên đệm là "Sư Thúc Lùn."

Trước tiên Sơ Sơn học Thiền với một vị thầy tên là Viên Chân (?) ở Cát Châu. Một hôm Sư nói với thầy: "Con sẽ đi về phương đông đến kinh đô Lạc Dương." Sơ Sơn tu tập ở Lạc Dương gần một năm. Rồi bỗng một hôm Sư nói: "Tìm kiếm chỉ mang lại sự tối ám và nói năng không bằng im lặng. Quên mình giúp người. Giả không thể sánh với chân." Sau đó, Sư đi đến tu tập chỗ Động Sơn Lương Giới. Sư hỏi Động Sơn: "Bằng những chữ chưa từng nghe, thỉnh Hòa Thượng chỉ giáo cho con." Động Sơn nói: "Lão Tăng không nói người không thể thực chứng nó." Sơ Sơn nói: "Có thể tu tập mà được hay là không?" Động Sơn nói: "Ngay bây giờ ông đang có được nó qua tu tập không?" Sơ Sơn nói: "Không thực chứng qua tu tập không nên tránh né."

Vào một dịp Động Sơn thượng đường và nói: "Lão Tăng muốn mấy ông phải lãnh hội sự việc này. Mấy ông phải giống như một cái cây khô trở hoa. Thế là mấy ông hòa nhập được với nó." Sơ Sơn hỏi: "Còn về các nơi đều bại hoại thì sao?" Động Sơn nói: "Đại Đức! Ông đang nói về tu tập hạnh. May mắn là có một cảnh giới tu tập vô hành hạnh. Tại sao ông không hỏi về cảnh giới đó?" Sơ Sơn nói: "Tu tập vô hành hạnh? Có thể có một người như vậy không?" Động Sơn nói: "Nhiều người sẽ cười ông khi ông hỏi một câu như vậy." Sơ Sơn nói: "Trong trường hợp đó, con đã đi lệch." Động Sơn nói: "Lệch là không lệch, cũng không không lệch." Sơ Sơn nói: "Thế nào là lệch?" Động Sơn nói: "Nếu ông nói 'một người như vậy,' là ông vẫn chưa lãnh hội." Sơ Sơn nói: "Cái gì là không lệch?" Động Sơn nói: "Một nơi không có sự khác biệt."

Động Sơn hỏi Sơ Sơn: "Trong không kiếp không có người. Vậy thì ai ở trong đó?" Sơ Sơn nói: "Con không lãnh hội." Động Sơn nói: "Người đó có tâm suy nghĩ hay không?" Sơ Sơn nói: "Tại sao Hòa Thượng không đi hỏi người đó?" Động Sơn nói: "Lão Tăng đang hỏi người đó ngay bây giờ đây." Sơ Sơn nói: "Cái gì là tâm?" Động Sơn không trả lời. Mặc dầu Sơ Sơn được cho là đệ tử của Động Sơn Lương Giới, ông đã học với nhiều thầy trước khi đạt ngộ. Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, sau khi Động Sơn thị tịch và giai đoạn chịu tang cho Tăng chúng đã qua, Sơ Sơn đi đến núi Qui Sơn ở Đàm Châu (vì Qui Sơn Linh Hựu đã thị tịch trước Động Sơn, nên chắc chắn Ngũ Đăng Hội Nguyên muốn nói đến Qui Sơn Đại An, sư đệ của Qui Sơn Linh Hựu, người

nhậm chức trụ trì tại núi Qui Sơn sau khi Linh Hựu thị tịch). Tại đây, ông nghe Qui Sơn Đại An thị chúng rằng: "Chư Đại Đức hành cước du phương, mấy ông phải ngủ nghỉ trong âm thanh và sắc tướng. Mấy ông phải ngồi và phải nằm trong âm thanh và sắc tướng." Sơ Sơn bước ra nói: "Cái gì là một câu không rơi vào âm thanh và sắc tướng?" Qui Sơn đưa cây phát tử lên trên không. Sơ Sơn nói: "Đây là một câu vẫn còn rơi vào âm thanh và sắc tướng." Qui Sơn đưa cây phát tử xuống và đi trở về phương trượng.

Sơ Sơn thấy lối tu tập của Qui Sơn Đại An không có gì hấp dẫn với mình, nên Sư bảo Hương Nghiêm về ý định ra đi của mình. Hương Nghiêm hỏi Sư: "Sao ông không nán lại một lúc xem sao?" Sơ Sơn nói: "Hòa Thượng ở đây và đệ không có gì tương hợp." Hương Nghiêm nói: "Tại sao lại thế? Nói cho ta biết với?" Sơ Sơn kể lại chuyện xảy ra trước đó. Hương Nghiêm nói: "Ta có một lời." Sơ Sơn nói: "Lời gì vậy?" Hương Nghiêm nói: "Trước khi ngôn tự phát ra đâu có âm thanh. Trước sắc tướng đâu có vật gì." Sơ Sơn nói: "Căn bản mà nói, có một người ở đây." Đoạn Sơ Sơn nói với Hương Nghiêm, "Về sau này, nếu huynh có tìm được một nơi làm trụ trì, đệ sẽ đến tìm huynh." Sau đó ông nói lời giã biệt Hương Nghiêm.

Về sau Qui Sơn Đại An nói với Hương Nghiêm: "Vị Đại đức lùn hỏi về âm thanh và sắc tướng có ở đây không?" Hương Nghiêm nói: "Đã đi rồi." Qui Sơn Đại An nói: "Ông ta có nói với ông về chuyện ông ấy hỏi lão Tăng không?" Hương Nghiêm đáp: "Dạ có, và con đã trả lời câu hỏi của ông ta rồi." Qui Sơn Đại An nói: "Ông ta nói thế nào?" Hương Nghiêm nói: "Ông ấy chấp nhận lời giải đáp của con." Qui Sơn Đại An nói: "Lão Tăng nghĩ người đệ tử nhỏ thó ấy lại có vài cao điểm. Ông ta mới vừa tới đây. Trong tương lai nếu tìm được một nơi trụ, thì rồi núi đó không còn củi để đốt, mà cũng không còn nước để uống nữa."

Khi Sơ Sơn nghe Sư Đại Qui An ở Phúc Châu dạy chúng rằng: "Có những câu không phải là câu. Chúng chỉ là một thứ dây leo nhờ cây mà sống thôi." Sơ Sơn bèn lên núi ở Phúc Châu để tham bái Đại Qui An. Khi Sơ Sơn đến nơi thì Đại Qui An Phúc Châu đang xây hồ trên một bức tường. Sơ Sơn hỏi: "Con nghe nói rằng Hòa Thượng đã dạy 'Có một câu không phải là câu. Nó chỉ là một thứ dây leo nhờ cây mà sống thôi.' Có phải Hòa Thượng nói vậy không?" Đại Qui An Phúc Châu nói: "Đúng vậy." Sơ Sơn liền hỏi: "Nếu bất thành linh mà cây ngã bìm khô

thì ngôn tự đi về đâu?" Đại Qui An Phúc Châu để tấm trét hồ xuống và cười lớn. Rồi Ông đi trở về phòng của phương trượng. Sơ Sơn đi theo Đại Qui An, nói: "Con bán hết y áo và hành cước ngàn dặm đến đây, để chỉ hỏi thầy câu hỏi này. Sao Hòa Thượng có thể đối xử với con như vậy chứ?" Đại Qui An hét gọi thị giả, nói: "Ông đem cho ông Tăng này hai trăm bạc!" Rồi Đại Qui An nói với Sơ Sơn: "Trong tương lai, lời chỉ giáo của độc nhãn long sẽ giúp cho ông bức phá." Ngày hôm sau, khi Đại Qui An thị chúng trong sảnh đường, Sơ Sơn bước ra và hỏi: "Lý của pháp thân thâm sâu. Lý ấy vượt khỏi tốt xấu. Cái gì là sự việc vượt lên trên pháp thân?" Đại Qui An nâng cây phát tử lên không trung. Sơ Sơn nói: "Đây là sự việc của pháp thân." Đại Qui An bèn hỏi Sơ Sơn: "Cái gì là sự việc vượt lên trên pháp thân?" Sơ Sơn nắm lấy cây phát tử, bẻ gãy làm đôi, ném xuống đất, rồi bước trở vào chúng hội. Đại Qui An nói: "Rõ ràng dễ biết lắm. Không dễ gạt lão Tăng đâu."

Về sau này Sơ Sơn nghe nói về một vị thầy tên Minh Chiếu Kiên (Minh Chiếu Đức Khiêm) đang dạy Thiền ở Ngô Châu. Ông ta chỉ có một mắt. Sơ Sơn liền đi thẳng đến đó và tham bái Minh Chiếu Kiên. Minh Chiếu Kiên nói với Sơ Sơn: "Ông từ đâu đến?" Sơ Sơn nói: "Từ Mân Trung Phủ Châu đến." Minh Chiếu Kiên bèn hỏi: "Ông có đến đó gặp Đại Qui An không?" Sơ Sơn nói: "Có." Minh Chiếu Kiên nói: "Đại Qui An dạy những gì?" Sơ Sơn bèn nói với Minh Chiếu Kiên những gì Đại Qui An đã dạy. Minh Chiếu Kiên nói: "Có lẽ từ đầu đến cuối, Đại Qui An đều đúng. Nhưng chỉ việc ông không chạm được những lời mà ông ta đã nói ấy thôi." Sơ Sơn chưa lãnh hội chỉ ý của Minh Chiếu Kiên, nên hỏi: "Nếu bất thành linh mà cây ngã bìm khô thì ngôn tự đi về đâu?" Minh Chiếu Kiên nói: "Ông đã làm cho Đại Qui An cười nữa rồi!" Khi nghe những lời này, Sơ Sơn liền chứng nghiệm đại giác. Sơ Sơn bèn nói: "Cái cười trước đây của Đại Qui An chứa dao." Rồi Sơ Sơn xoay mặt về hướng tự viện của Đại Qui An lễ bái trong sự biết ơn muộn màng.

Một hôm, Sơ Sơn đến viếng Giáp Sơn. Trong khi Giáp Sơn đang thị chúng, Sơ Sơn hỏi: "Con nghe nói Hòa Thượng đã nói: 'Trước mắt không có pháp. Nghĩa là pháp trước mắt.' Còn thế nào là pháp không phải trước mắt?" Giáp Sơn nói: "Ánh trăng chiếu sáng dòng suối, mà không phản chiếu được bởi ao nước trong veo." Sơ Sơn làm như thể lật úp thiền sàng. Giáp Sơn nói: "Đại Đức! Ông làm gì vậy?" Sơ Sơn nói:



"Pháp không trước mắt bất khả đắc!" Giáp Sơn nói: "Mọi người! Nhìn xem! Đây là một tay chỉ huy quân sự!"

Khi được hỏi là sẽ đi về đâu sau khi thị tịch, Thiền sư Sơ Sơn Quang Nhân nói: "Nằm giữa trong bụi cây, tứ chi chống lên trời." Khi sắp thị tịch, Sư có làm bài kệ:

"Ngã lộ bích không ngoại  
 Bạch vân vô xứ nhàn  
 Thế hữu vô căn thọ  
 Hoàng diệp phong tống hoàn."  
 (Đường ta ngoài trời biếc  
 Mây trắng vô xứ nhàn  
 Đời có cây không rễ  
 Lá vàng gió đưa sang).

## 2) *Một Số Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Khuông Nhân Sơ Sơn Thiền Sư:*

**Sơ Sơn Đảo A:** Sơ Sơn bị tiêu ngược (bằng miệng). Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền sư Sơ Sơn và sư huynh của ngài là Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XI, một hôm, có một vị Tăng hỏi Thiền sư Hương Nghiêm (đệ tử nổi pháp của Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu): "Lúc không tôn trọng chư Thánh và bản lai diện mục của chính mình thì thế nào?" Hương Nghiêm đáp: "Muôn cơ thôi dứt, ngàn Thánh chẳng mang." Sơ Sơn khi đó có mặt tại đó, bèn làm bộ như oẹ một tiếng và cười lớn. Hương Nghiêm quay lại thỉnh giáo, Sơ Sơn yêu cầu Hương Nghiêm phải làm lễ mình như thầy. Hương Nghiêm rời chỗ ngồi đến lễ bái Sơ Sơn. Sơ Sơn bèn nói: "Sao chẳng nói dẫu rất tôn trọng cũng chẳng được gì?" Vì tội ác kiến này, Hương Nghiêm báo trước về sau Sơ Sơn sẽ bị tiêu ngược 30 năm, lại còn bị dẫu ở núi cũng không có củ đốt, gần nước cũng không có nước uống. Sau đó Sơ Sơn về trụ tại núi Sơ Sơn, quả như lời đoán của Hương Nghiêm. Đến 27 năm thì lành bệnh, Sơ Sơn liền nói: "Hai mươi bảy năm trước, Sư huynh Hương Nghiêm thọ ký cho lão Tăng 30 năm tiêu ngược, nay còn thiếu ba năm." Chính vì vậy mà sau mỗi bữa ăn, Sơ Sơn luôn lấy tay móc cho mưa ra để ứng với với thọ ký của Hương Nghiêm.

**Sơ Sơn Hữu Cú Vô Cú:** Sơ Sơn Có câu không câu. Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa hai Thiền sư Minh Chiêu Đức Khiêm và Sơ Sơn Quang Nhân. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, khi Sơ

Sơn học Thiền với Thiền sư Đại An ở Phúc Châu, ngài chỉ giao cho Sư một công án để tham cứu, đó là "Hữu cú vô cú như cây ngã bìm khô", nhưng Sư không hoàn tất được. Về sau này Sơ Sơn nghe nói về một vị thầy tên Minh Chiếu Kiên (Minh Chiêu Đức Khiêm) đang dạy Thiền ở Ngô Châu. Ông ta chỉ có một mắt. Sơ Sơn liền đi thẳng đến đó và tham bái Minh Chiếu Kiên. Minh Chiếu Kiên nói với Sơ Sơn: "Ông từ đâu đến?" Sơ Sơn nói: "Từ Mân Trung Phủ Châu đến." Minh Chiếu Kiên bèn hỏi: "Ông có đến đó gặp Đại Qui An không?" Sơ Sơn nói: "Có." Minh Chiếu Kiên nói: "Đại Qui An dạy những gì?" Sơ Sơn bèn nói với Minh Chiếu Kiên những gì Đại Qui An đã dạy. Minh Chiếu Kiên nói: "Có lẽ từ đầu đến cuối, Đại Qui An đều đúng. Nhưng chỉ việc ông không chạm được những lời mà ông ta đã nói ấy thôi." Sơ Sơn chưa lãnh hội chỉ ý của Minh Chiếu Kiên, nên hỏi: "Nếu bất thành linh mà cây ngã bìm khô thì ngôn tự đi về đâu?" Minh Chiếu Kiên nói: "Ông đã làm cho Đại Qui An cười nữa rồi!" Khi nghe những lời này, Sơ Sơn liền chứng nghiệm đại giác. Sơ Sơn bèn nói: "Cái cười trước đây của Đại Qui An chứa dao." Rồi Sơ Sơn xoay mặt về hướng tự viện của Đại Qui An lễ bái trong sự biết ơn muện màng.

### ***(VIII) Thiền Sư Hưu Tĩnh***

Hưu Tĩnh là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa thuộc tông Tào Động vào thời nhà Đường (618-907). Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển, XVII, Sư là một trong những đệ tử xuất sắc và là đệ tử nổi pháp của Thiền sư Động Sơn Lương Giới, nhưng chỉ sống trong núi và không có đệ tử.

### ***(IX) Thiền Sư Tổ Ấn Cư Nạp***

Thiền sư Trung Hoa, sống giữa khoảng thế kỷ thứ 11, là một học giả lớn, tinh thông kinh Pháp Hoa và những tông phái khác của triết học Phật giáo; thậm chí những bậc trưởng lão cũng muốn học hỏi với sư. Sư có vẻ không hay biết gì về Thiền. Một hôm có một người khách có tiếp xúc với các hoạt động của Thiền ở phương Nam. Người ấy bảo rằng toàn thể thế giới Phật giáo của Trung Hoa đều được thu tóm vào

pháp môn của Đạt Ma và Mã Tổ, một trong những hậu duệ tài ba nhất của Đạt Ma, hình như thỏa mãn một sấm ngôn của Bát Nhã Đa La và có ảnh hưởng lớn đối với các học giả Phật giáo của xứ này, đến nỗi cả những người có học và hiểu, nổi danh khắp các vùng đất như Thục như Lương Công và Giám Công, họ đã từ bỏ môn đệ hay đốt cháy kho sách luận giải của mình để chứng đạt pháp môn Thiền. Cư Nạp rất xúc động về tường thuật của ông bạn Thiền này. Người ấy khuyên sư hãy bước ra với đời và tự mình chứng kiến mọi việc. Cư Nạp từ giả quê quán và du hành khoảng vài năm ở Kinh và Sở, nhưng không thấy có kết quả nào. Sau đó sư tiếp tục dời bước về đông và ngụ tại Tương Châu, trải qua mười năm với Thiền sư Động Sơn. Một hôm, sư đang đọc một bản luận giải về kinh Hoa Nghiêm và xúc động sâu xa về đoạn văn sau đây, nhờ thế mà sư tỏ ngộ đạo lý của Thiền: “Núi Tu Di nổi lên giữa biển cả cao 84.000 do tuần, đỉnh của nó không phải là chỗ vin tay đặt chân mà lên được. Đây chỉ cho ngọn núi của 84.000 trần lao nổi lên từ đại dương của phiền não. Khi chúng sinh đạt đến chỗ vô tư vô vi đối với hết thảy các pháp, phiền não sẽ khô cạn. Trần lao giờ đây chuyển thành ngọn núi Nhất Thiết Trí, và phiền não trở thành biển Nhất Thiết Trí. Trái lại, nếu khởi tâm tư lự tức có những vương vít. Rồi ra phiền não càng thêm sâu, đường lên đỉnh núi của Phật Trí bị ngăn chặn lại.” Cư Nạp bèn nhận xét: “Thạch Củng nói rằng ‘không có chỗ ra tay,’ và Mã Tổ ‘vô minh từ quá khứ vô thủy nay đã tiêu tan hết thảy.’” Đây thực không phải là lời nói hư dối.

### ***The Second Generation of the Ts'ao Tung Tsung Zen Master Tung Shan Liang-Chieh's Dharma Heirs***

The Second Generation of the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twelfth generation after the First Patriarch Bodhidharma includes Zen Master Pen-Chi, Tao-Ying, Ch'in-Shan-Wên-Sui, Lung-Ya Chu-Tun, Ch'ien-Fêng Yuch-Chou, Shih-Ch'ien Hou-Tung, Shu-Shan K'uang-Jên, Hsiu-Hsing, Tsu-Yin-Chu-Ne

## ***(I) Zen Master Ts'ao-Shan Pen-Chi***

### ***1) Life and Acts of Zen Master Ts'ao-Shan Pen-Chi:***

Zen Master Ts'ao-shan Pen-chi, name of a Chinese Zen monk in between the ninth and tenth centuries. His teachings and sayings are contained in the Fu-chou Ts'ao-shan Pen-chi Ch'an-shih Yu-lu (Record of the Words of Ch'an Master Ts'ao-shan Pen-chi from Fu-chou). Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Zen master Pen-chi came from ancient Quanzhou, a place still called Quanzhou in modern Fujian Province. Ts'ao-Shan in Kiang-Su, where the Ts'ao-Tung sect, a branch of Ch'an school, was founded by Tung-Shan; Ts'ao-Shan Pên-Chi was the name of the second patriarch of this sect. Ts'ao-shan, who in his youth studied the Confucian classics, left his home at the age of nineteen and became a Buddhist monk. At twenty-five he received full ordination. He lived in the monastery on Ling-shih Mountain in Fu-chou and often visited the public discourses on Buddha-dharma of Master Tung-shan in Kiangsi. Together with his master Tung-shan, Ts'ao-shan founded the Ts'ao-tung school of Zen, the name of which is derived from the first characters of the names of the two masters. The Soto school is one of the two schools of Zen still active in Japan today. After his departure from Tung-shan, Ts'ao-shan wandered through the country and instructed people in the Buddha-dharma in accordance with the circumstances that presented themselves. Finally he was invited to take up residence in a monastery on Ts'ao-shan or Mount Ts'ao, from which his name derives. Later he lived on Mount Ho-yu; in both places a great host of students gathered about him. When he lived on Ling-shih Mountain in Fu-chou, he often visited the public discourses on Buddha-dharma of Master Tung-shan in Kiangsi. One day a mondo took place between Tung-shan and Ts'ao-shan through which the master recognized Ts'ao-shan's potential and accepted him as a student. Upon meeting Ts'ao-shan, Tung-shan asked, "What is your name?" Ts'ao-shan said, "Pen-chi." Tung-shan said, "What is your transcendent name?" Ts'ao-shan said, "I can't tell you." Tung-shan said, "Why not?" Ts'ao-shan said, "There I'm not name Pen-chi."

According to Ching-te Ch'uan-Teng-Lu, under Tung-shan, Ts'ao-shan came to profound enlightenment. As he took his leave of Tung-shan, the following exchange took place: "Tung-shan said, 'Where are you going?' Ts'ao-shan said, 'To where there's no change.' Tung-shan said, 'How can you go to where there's no change?' Ts'ao-shan said, 'My going is no change.'" One day, a monk asked, "Who is it that is not a companion to the myriad dharmas?" Ts'ao-shan said, "Tell me, where is it that many people in Hongzhou are going?" Another day, Yunmen asked, "The unchanging person has come, Will the master receive him or not?" Ts'ao-shan said, "On Mt. Ts'ao there's no spare time for that." A monk asked, "An ancient said, 'Everyone has brothers in the dust.' Can you demonstrate this to me?" Ts'ao-shan said, "Give me your hand." Ts'ao-shan then pointed at the monk's fingers and counted, "One, two, three, four, five. That's enough."

A monk asked, "What was Luzu trying to show when he faced the wall?" Ts'ao-shan covered his ears with his hands. A monk asked, "From old times there's a saying, 'Until a person has fallen down, the earth can't help him arise.' What is 'fallen down'?" Ts'ao-shan said, "It's allowing!" The monk asked, "What is 'arise'?" Ts'ao-shan said, "It's 'arise.'" A monk asked, "There's a teaching that has the words, 'The great ocean does not harbor dead corpses.' What is the ocean?" Ts'ao-shan said, "It includes everything." The monk said, "Why doesn't it include corpses?" Ts'ao-shan said, "Those who have ceased breathing are not manifested." The monk said, "Since it includes everything, why are those who've stopped breathing not manifested?" Ts'ao-shan said, "The myriad things don't have this ability. The cessation of breath has moral power!" One day, the monk Ch'ing-rui said to Ts'ao-shan, "I am alone and destitute. Master, please give me some assistance." Ts'ao-shan said, "Worthy Rui, come here!" Ch'ing-rui came forward. Ts'ao-shan said, "You already drank three cups of Ch'uan-chou Province 'Hundred Houses' wine, yet you still say your lips are not wet." One day in the summer of the year 901, Ts'ao-shan asked a monk, "What month and day is this?" The monk said, "It's the fifteenth day of the sixth month." Ts'ao-shan said, "Ts'ao-shan has traveled his entire life. Everywhere it is observed that a summer has ninety days. The next day during the hour of the dragon (7-9 a.m.) Ts'ao-shan will go." He passed away at exact the Dragon hour of the next day. After he passed away,

he received the posthumous name "Zen Master Evidence of the Source." His stupa was named "Blessed Perfection."

**2) *Some Typical Kôans Related To Zen Master Ts'ao-Chan Pen-Chi:***

***Ts'ao Shan: End of Mourning:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Ts'ao Shan Pen-Chi and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk came and asked Zen master Ts'ao Shan Pen-Chi, "What happens when the Master is not wearing the mourning apparel (clothes)?" Ts'ao Shan said, "Today is Ts'ao Shan's end of mourning." The monk asked, "What happens after the end of mourning?" Ts'ao Shan said, "Ts'ao Shan likes to get drunk." Another day, a monk asked, "Who is it that is not a companion to the myriad dharmas?" Ts'ao-shan said, "Tell me, where is it that many people in Hongzhou are going?"

***Ts'ao-Shan: Can the Eyebrows and the Eyes Distinguish Each Other or Not?:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Ts'ao-shan and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked Ts'ao-shan, "Can the eyebrows and the eyes distinguish each other or not?" Ts'ao-shan said, "They can't distinguish each other." The monk said, "Why not?" Ts'ao-shan said, "Because they're in the same place." The monk said, "If that's so, one couldn't tell them apart." Ts'ao-shan said, "Eyebrows, after all, are not eyes." The monk asked, "What are eyes?" Ts'ao-shan said, "Eyes are what is upright." The monk asked, "What are the eyebrows?" Ts'ao-shan said, "I'm not sure." The monk said, "Why is the master not sure?" Ts'ao-shan said, "If one lacks doubt, one is upright." The monk asked, "What truth is there in form?" Ts'ao-shan said, "Form is truth." The monk asked, "How would you demonstrate this?" Ts'ao-shan picked up his tea cup saucer. The monk asked, "How can illusion be truth?" Ts'ao-shan said, "Illusion is fundamentally truth." The monk asked, "When illusion is faced, what is revealed?" Ts'ao-shan said, "Illusion is revealed." The monk said, "In that case, then from start to finish one can't escape illusion." Ts'ao-shan said, "But if you pursue illusive forms you can't attain them."

***Acted As a Well Sees a Donkey:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen Master Ts'ao-shan and Te-shan. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, Zen master Ts'ao-shan asked Te-shan, "The real dharmakaya is similar to the space, manifesting through a suitable medium (responsive manifestation), like the image of the moon in the bottom of water. Tell me what kind of principle is that?" Te-shan said, "Acted as a donkey sees a well." Ts'ao-shan said, "What you just said was good, but it was only about eighty percent." Te-shan asked, "What's about yours, Master?" Ts'ao-shan said, "Acted as a well sees a donkey."

### **3) *Ts'ao-Shan's Commentary on the "Five Ranks":***

During his time with Yung-shan, Ts'ao-shan received the "Five Ranks," and later these became the basis of his own teaching. The work he did in passing on this tradition eventually resulted in the establishment of the largest of contemporary Zen traditions, the Ts'ao-tung school. Its name is taken from the "mountain" names of these two masters: Tung-shan and Ts'ao-shan. Ts'ao-shan composed the following commentary on the "Five Ranks": *The First Rank Is "the Relative Within the Absolute"*: As a matter of fact, the absolute is not necessarily void; the relative is not necessarily actual. There is neither turning towards nor turning away. When mental activity dies down and both the material world and emptiness are forgotten, there is no concealment. The whole is revealed. This is the relative within the absolute. This is also the first level in which realization of the world of phenomena is dominant, but it is perceived as a dimension of the absolute self (it is experienced as a manifestation of the fundamental, our true nature). *The Second Rank Is "the Absolute Within the Relative"*: Mountains are mountains, rivers are rivers. No names; nothing can be compared. This is the Absolute within the Relative or the Straight within the Bent, the second level or second stage the undifferentiated aspect comes strongly to the fore and diversity recedes into background (the quality of nondistinction comes to the fore and the quality of manifoldness fades into the background). *The Third Rank Is "the Coming From Within the Absolute (coming from the absolute)"*: Clean and naked, bare and free, the face is full majesty. Throughout

heaven and earth, the only honored one. This is a level of realization: “The Coming from within the Straight” wherein no awareness of body or mind remains; both “drop away” completely (there is no longer any awareness of body or mind; both drop completely away. This is the experience of emptiness). *The Fourth Grade Is “the Arrival at the Middle of the Relative”*: The ear does not enter sound. Sound does not block the ear. The moment you go within, there have never been any fixed names in the world. This is the singularity of each object is perceived at its highest degree of uniqueness. Now mountain is mountain, river is river; there is no such a beautiful or loving mountain or a boring river (at this stage each thing is accorded its special uniqueness to the greatest degree; emptiness has vanished into phenomena). *The Fifth Grade Is “Unity Attained”*: No mind, no objects; no phenomena, no principle. It has always been beyond name or description, beyond absolute and relative, beyond essence and appearance. This is the Unity Attained or form and emptiness mutually penetrate to such a degree that no longer is there consciousness of either. Ideas of enlightenment or delusion entirely vanish. This is the stage of perfect inner freedom (form and emptiness fully interpenetrate each other. From this stage of mind arises self-evident, intentionless action, that is to say, action without any movement of brain or heart that instantaneously suits whatever circumstances arise).

## ***(II) Zen Master Yun-Chu Tao-Ying***

### ***1) Life and Acts of Zen Master Yun-Chu Tao-Ying:***

Zen Master Yun-Chu Tao-Ying, name of a Chinese Zen monk in the tenth century, during the T'ang dynasty in China. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Yunju came from ancient Youzhou, located in modern Hubei Province. His year of birth was unknown. At the age of twenty-five he took the monk's vows at a temple in Fanyang (also in modern Hubei Province). Zen master Yun-Ju-T'ao-Ying was a noted disciple and Dharma heir of Zen Master T'ong-Shan-Liang-Jie. He continued the lineage of the Soto School



founded by Tung-shan and Tsao-shan Pen-chi. Dogen was a later dharma heir of this lineage and Soto Zen in Japan continues its tradition till today.

One day T'ong-Shan asked Yun-Ju: "Where have you come from?" Yun-Ju said: "From Shui-Wei." T'ong-Shan said: "What teaching does Shui-Wei convey to his disciples?" Yun-Ju said: "Once, when Shui-Wei was making offerings to the sacred images, I asked him: 'If you make offerings to the arhats, will they come or not?' Shui-Wei: 'Aren't you able to every day?'" T'ong-Shan said: "Did he really say that or not?" Yun-Ju said: "Yes." T'ong-Shan said: "Don't dismiss it when a great man appears!" Then T'ong-Shan asked Yun-Ju: "What is your name?" Yun-Ju said: "T'ao-Ying." T'ong-Shan said: "Look up and then say it." Yun-Ju said: "If I look up, then there's nothing named 'T'ao-Ying'" T'ong-Shan said: "You talk just like I did when I spoke with T'ao-Wu."

Once, T'ong-Shan said to Yun-Ju: "I heard that a monk named 'Great Thought' was born in the Kingdom of Wie and became the king. Is this true or not?" "If his name was 'Great Thought,' then even the Buddha couldn't do it." T'ong-Shan agreed. One day T'ong-Shan asked: "Where are you going?" Yun-Ju said: "Tramping on the mountain." T'ong-Shan said: "How can the mountain endure?" Yun-Ju said: "How can it not endure?" T'ong-Shan said: "If you go on like this, then you'll eventually teach the whole country." Yun-Ju said: "No, I won't." T'ong-Shan said: "If you go like this, then your disciples will gain a way of entrance." Yun-Ju said: "No such way." T'ong-Shan said: "No such way? I challenge you to show me." Yun-Ju said: "If there's such a path, then I'll leave you immediately to go on it." T'ong-Shan said: "In the future, a thousand or ten thousand people won't be able to grab this disciple." Yun-Ju was crossing a river with T'ong-Shan. T'ong-Shan asked: "How deep is it?" Yun-Ju said: "It's not wet." T'ong-Shan said: "You rustic!" Yun-Ju said: "What would you say Master?" T'ong-Shan said: "Not dry."

Yun-Ju built a cottage on nearby San-Feng peak. For ten days thereafter he didn't return to the monk' hall. T'ong-Shan asked him: "Why haven' you come to meals lately?" Yun-Ju said: "Everyday a heavenly spirit brings me food." T'ong-Shan said: "I say you're a person. Why do you still have such an understanding? Come see me

tonight!" That evening when Yun-Ju came to see T'ong-Shan, T'ong-Shan called out to him: "Hermit-Ying!" Yun-Ju answered: "Yes?" T'ong-Shan said: "Nothing of good and not thinking of evil, what is it?" Yun-Ju went back to his cottage and sat in Zen meditation. Because of this the god couldn't find him, and after three days did not come again." A high government official called out Yun-Ju and asked, "I am told that the World Honored One had a secret phrase and Mahakasyapa did not keep it hidden; what was the secret phrase?" The master called out loudly, "O honoured officer!" and the officer responded. "Do you understand?" demanded the master. The government official answered, "No, Reverend Master!" The master said, "If you do not understand, there is the secret phrase; if you understand, there is Mahakasyapa in full revelation."

One day, Dongshan said to Yunju: Zen master Nanquan once asked a monk, "What sutra are you reading?" The monk said, "The Rebirth of Maitreya Sutra." Nanquan said, "When will Maitreya be reborn?" The monk said, "Now he's in Tushita Heaven. He'll be reborn in the future." Nanquan said, "Up above there's no Maitreya. Down below there's no Maitreya." Yunju said to Dongshan, "Up above there's no Maitreya. Down below there's no Maitreya. I don't know to whom this name applies." When Yunju asked Dongshan this question, Dongshan shook the meditation platform. Then Dongshan said, "Worthy Yin! When I was at Yunyan's I once asked him something and he shook the stove. Today, when you asked me this question, my entire body broke out in a sweat!"

One day, Zen master Yun-Ju entered the hall and addressed the monks. A monk stepped forward and asked, "Who is the teacher of all the Buddhas, past, present, and future?" Zen master Yun-Ju yelled at him, saying, "You, clownish guy!" In fact, there are many irrational statements in Zen. Some may declare Zen irrevocably insane or silly. Through these apparent trivialities and irrationalities, for Zen wants us to acquire an entirely new point of view whereby to look into the mysteries of life and the secrets of nature. This is because Zen has come to the definite conclusion that the ordinary logical process of reasoning is powerless to give final satisfaction to our deepest spiritual needs. One day Master Yunju said to the congregation, "If you want to attain such a thing, you must be such a person. Since you are such a

person, why trouble about such a thing?" He died in 901 A.D. Upon his death, Yunju received the posthumous title "Zen Master Vast Awakening."

**2) *Some Typical Kôans Related To Zen Master Yun-Chu Tao-Ying:***

***To Cover the Head with a Bundle of Thatch:*** To cover the head with a bundle of thatch, implies an abbot of a monastery. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, Yun-Ju asked T'ong-Shan: "What was the First Ancestor's intention?" T'ong-Sha answered: "Behind him as a reed hat." Yun-Ju said: "My fault." Later, Yun-Ju went to build a cottage on nearby San-Feng peak. For ten days thereafter he didn't return to the monk' hall. T'ong-Shan asked him: "Why haven' you come to meals lately?" Yun-Ju said: "Everyday a heavenly spirit brings me food." T'ong-Shan said: "I say you're a person. Why do you still have such an understanding? Come see me tonight!" That evening when Yun-Ju came to see T'ong-Shan, T'ong-Shan called out to him: "Hermit-Ying!" Yun-Ju answered: "Yes?" T'ong-Shan said: "Nothing of good and not thinking of evil, what is it?" Yun-Ju went back to his cottage and sat in Zen meditation. Because of this the god couldn't find him, and after three days did not come again."

**(III) *Zen Master Ch'in-Shan-Wên-Sui***

Zen Master Ch'in-shan-wen-sui's name appears in example 56 of the Pi-Yen-Lu; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Wen-Shui-Ch'in-Shan, a famous Ch'an master during the T'ang dynasty. He came from ancient Fuzhou. As a young man he entered a Zen monastery in Hangzhou headed by a teacher named Huanzhong. He was a disciple and dharma successor of T'ung-Shan-Liang Chieh. In the Ching-Te-Ch'uan-Teng-Lu, it is reported that Ch'in-Shan, after already having entered a Ch'an monastery in his early years, went on pilgrimage with Yen-T'ou Ch'uan-Huo and Hsueh-Feng-I-Ts'un to seek out various Ch'an masters. At last the

three of them came to Te-Shan-Hsuan-Chieh. While Yen-T'ou and Hsueh-Feng became outstanding students and dharma successors of Te-Shan, Ch'in-Shan could not get used to master Te-Shan's extremely strict style of training. After the master had beaten him so hard that he had to be taken sick to bed, Ch'in Shan left and went to master Tung-Shan, under whom he also at last experienced enlightenment. Ch'in-Shan is said to have become abbot of the monastery on Mount Ch'in at the age of twenty-seven.

One day, Ch'in-Shan asked Te-shan, "Tianhuang spoke thus, and Lung-tan spoke thus. How does the master speak?" Te-shan said, "Why don't you check out Tianhuang and Lung-tan and see?" Ch'in-Shan started to speak when suddenly Te-shan hit him. Ch'in-Shan went back to the Long Life Hall and said, "Right is right, but hitting me is going too far." Yantou said, "If you speak like this, you'll never see Te-shan."

Ch'in-Shan studied under Tung-shan and attained realization. He became Tung-shan's Dharma heir. At the age of twenty-seven, Ch'in-Shan traveled to Mt. Ch'in. There, in front of the entire congregation, he realized great enlightenment. He then told the congregation about his initial meeting with Tung-shan: "Tung-shan asked me, 'Where have you come from?' I said, 'From Mt. Dazi (Great Compassion).' Tung-shan said, 'Did you see Great Compassion?' I said, 'I saw it.' Tung-shan said, 'Did you see it before form? Or did you see it after form?' I said, 'I saw neither before nor after form.' Tung-shan was silent." Ch'in-Shan then said to the congregation at Mount Ch'in, "I left the master too soon. I had not yet fully realized Tung-shan's meaning."

Once when Ch'in-Shan, Yantou and Hsueh-feng were still with Tung-shan, the companions were practicing sitting meditation and Tung-shan brought some tea. Ch'in-Shan closed his eyes. Tung-shan said, "Where have you gone?" Ch'in-Shan said, "I've entered samadhi." Tung-shan said, "Samadhi has no gate, so how have you entered it?" Ch'in-Shan, Yantou, and Hsueh-feng were once passing through Jiangxi, where they stopped at a teahouse. Ch'in-Shan said, "Anyone who can't turn with penetrating spirit doesn't get tea." Yantou said, "In that case, I certainly won't get tea." Hsueh-feng said, "The same with me." Ch'in-Shan said, "You two fellows don't recognize the words right here." Yantou said, "The words where?" Ch'in-Shan said, "Although the crow inside the bag is alive, it's like it was dead."

Yantou said, "Retreat! Retreat!" Ch'in-Shan said, "Elder brother Huo is dismissed. What will Duke Cun do?" Hsueh-feng used his hand to draw a circle. Ch'in-Shan said, "No gaining, no asking." Yantou laughed and said, "Too far." Ch'in-Shan said, "Some mouths don't get any, but there are many who are drinking tea." Yantou and Hsueh-feng were silent.

A monk asked, "All of the Buddhas and all of the Buddhadharmas come forth from this sutra. What is this sutra?" Ch'in-Shan said, "Forever turning." The monk asked, "What is the style of the master's house?" Ch'in-Shan said, "A silver embroidered fragrant sachet. When the wind blows the entire road is filled with fragrance." One day, Ch'in-Shan went into the bathhouse. A monk there was turning the water wheel. Ch'in-Shan said, "Lucky, I've already turned the wheel. So why are you doing that?" The monk got off the wheel and said, "What if you hadn't turned it?" Ch'in-Shan said, "If not, then what good would Ch'in-Shan's eye be for anyone?" The monk said, "What is the master's eye?" Ch'in-Shan pointed at his own eyebrows. The monk said, "How can the master act like this?" Ch'in-Shan said, "It's what I do. It's not what you do! It's not what you do!" The monk was silent. Ch'in-Shan said, "If you enter battle without valor, you'll lose morale at the first engagement." After a long pause, Ch'in-Shan asked the monk, "Do you understand?" The monk said, "I don't understand." Ch'in-Shan said, "Ch'in-Shan will only do half of it for you."

While speaking to some monks, Ch'in-Shan raised his fist straight up and said, "I open my fist and the five fingers are separated. And if I now close my fist then there is nothing that surpasses it. Now tell me, does Ch'in-Shan have penetrating talk or not?" The monk came forward and raised his fist. Ch'in-Shan said, "If that's it, then it's just a mouthless fellow." A monk said, "I'm not familiar with how the master receives people." Ch'in-Shan said, "If I receive people, then each and every one of you go!" The monk said to Ch'in-Shan, "It's something special about meeting with you, Master, that causes one to vomit up the doctrinal wind of our school." Ch'in-Shan said, "If you come in some special way, I'll have to vomit." The monk said, "Please do." Ch'in-Shan hit him. The monk was silent. Ch'in-Shan said, "Trying to catch a rabbit by waiting for it to run into a stump. You're wasting your mind."

## *(IV) Zen Master Lung-Ya Chu-Tun*

### *1) Life and Acts of Zen Master Lung-Ya Chu-Tun:*

Zen Master Lung-Ya Chu Tun, name of a Chinese Zen monk in between the ninth and tenth centuries. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, his name appears in example 20 of the Pi-Yen-Lu. Besides, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Zen Master Lung-Ya Chu Tun came from ancient Fuzhou, now in modern Jiangxi Province. At the age of fourteen he left home to live at Man-tian Temple in Jizhou. Later, he went to Mt. Song-yue to receive ordination. Lung-ya traveled far and wide, meeting and studying with many famous teachers such as Ts'ui-wei Wu-hsueh (Cuiwei Wuxue) and Te-shan Hsuan-chien (Deshan Xuanjian). Eventually he came to study with Tung Shan, under whom he realized great enlightenment. After a period of study with Tung Shan, Lung-ya continued traveling and engaged still more teachers, including Linji Yixuan, to deepen his understanding. Finally, he took up the abbacy of Miaoji Temple on Mount Lung-ya, near modern Changsha City, where a large congregation gathered from throughout the country. Zen master Lung-Ya Chu Tun was considered a student and dharma successor of Zen master Tung-Shan-Liang-Chieh. Lung-ya had five dharma successors.

When Lung-ya first saw T'sui-wei, he asked, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" T'sui-wei did not respond to the question directly but said, "Would you kindly pass me the meditation plank (ch'an-pan) over there." When the meditation plank was handed to T'sui-wei, the latter took it and struck Lung-ya therewith. Lung-ya later went to Lin-chi and asked him the same question. Lin-chi order him to perform a similar act as if they were in consultation beforehand. Lin-chi said, "Please pass me the cushion over there." When this was done, Lin-chi struck him with it just as T'sui-wei did with his meditation plank. In both cases, however, Lung-ya refused to accept the treatment as proper, for he said, "As to striking, they may do so as much as they please; but as to the meaning of the patriarchal visit, there is none whatever in this."

Later, when Lung-ya was serving as abbot of a temple, a monk asked him, "Abbot, when you met those two masters, did you approve of them or not?" Lung-ya answered, "I did approve of them, but still there's no meaning in the Patriarch's coming from the West." In fact, there are thorns in the soft mud of Lung-ya's kind words. He approve of them, but in doing so he fell into secondary discrimination. When Lung-ya met with Ts'ui-wei he said, "Your student has been here for more than a month. Every day the master enters the hall to speak but we have not received any instruction about even one Dharma." Ts'ui-wei said, "So what?" A monk asked Tung-shan the same question. Tung-shan said, "Are you accusing me of something?" Later, Fayen said, "The ancestors are here!" Zen master Tung-shan also said, "Were these three worthies intimate with it or not? If so, where? If not, where is the eye?"

So Lung-ya went to study under Te-shan. He asked, "From afar I've heard of Te-shan's 'one phrase' Buddhadharma, but up to now I haven't heard the master say one phrase about the Buddhadharma. Why is this?" Te-shan said, "So what?" Lung-ya couldn't accept this, and so he went to study with Tung-shan. One day, Lung-ya asked Tung Shan the same question. Tung Shan said, "Are you accusing me of something?" Lung-ya then relayed the words spoken by Te Shan. Suddenly awakening to their meaning on his own, he thereupon settled on Mount Tung and sought instruction from Tung Shan along with other monks. Another day, Lung-ya asked Tung-shan, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" Tung-shan replied, "I'll tell you when Tung-shan Creek runs uphill." The strange thing was that the river did not run backwards but Lung-ya understood the meaning of this remark and at these words Lung-ya experienced enlightenment.

Exulted (to be joyful) by this experience, he set out wandering again in order to confront other Zen masters in dharma-dueling (hossen) with this same question and through these encounters to deepen his realization further. During this period of wandering he came once again to Master Ts'ui-wei and also to Lin-chi I-hsuan; example 20 of the Pi-Yen-Lu gives an account of both these meetings. After eight years of wandering, at the request of the military governor of Hu-nan, he assumed the leadership of a monastery on Mount Lung-ya (from

which his name comes), south of Lake Tung-t'ing, where soon not less than 500 students gathered about him.

One day he entered the hall and addressed the monks, saying, "You who study must pass through the Buddhas and ancestors before you'll understand. The master said, 'The Buddhas and ancestors are like deceptive thieves. If you gain some understanding, but are unable to penetrate beyond them, then they have deceived you.'" A monk asked, "Do the Buddhas and ancestors have deceptive minds or not?" Lung-ya said, "You're asking whether rivers and lakes have obstructive minds or not. Although rivers and lakes don't have obstructive minds, yet sometimes there are people who can't get across them, and they become like obstacles for people. So one can't say they don't obstruct people. Although the Buddhas and ancestors don't have deceptive intent, sometimes people can't penetrate their meaning, and so they in effect become deceptive. Thus, one can't say they don't deceive people. When one penetrates the Buddhas and ancestors' deception, then one goes beyond the Buddhas and ancestors and, for the first time, experiences their meaning. Then that person is the same as all the ancients. If one has not penetrate this understanding, but only studies the Buddhas and ancestors, then in incalculable eons there will not be an instance of realization." The monk then asked, "How can one avoid being deceived by the Buddhas and ancestors?" Lung-ya said, "You must awaken on your own."

Later, Lung-ya Chu-tun utilized cases where things impossible in the relative world of causation are referred to. One day a monk asked Lung-ya, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" Lung-ya replied, "Wait until the dark stone turtle begins to talk, when I'll tell you what is the meaning of the patriarch's visit here." The above impossible condition so long as space-time relations remain what they are to our final consciousness; they will only be intelligible when we are ushered into a realm beyond our relative experience.

## **2) *Some Typical Kôans Related To Zen Master Lung-Ya Chu-Tun:***

***Lung-Ya "Would You Kindly Pass Me the Meditation Plank":*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Lung-ya and Zen masters T'sui-wei and Lin-Chi. According to



the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, when Lung-ya first saw T'sui-wei, he asked, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" T'sui-wei did not respond to the question directly but said, "Would you kindly pass me the meditation plank (ch'an-pan) over there." When the meditation plank was handed to T'sui-wei, the latter took it and struck Lung-ya therewith. Lung-ya later went to Lin-chi and asked him the same question. Lin-chi order him to perform a similar act as if they were in consultation beforehand. Lin-chi said, "Please pass me the cushion over there." When this was done, Lin-chi struck him with it just as T'sui-wei did with his meditation plank. In both cases, however, Lung-ya refused to accept the treatment as proper, for he said, "As to striking, they may do so as much as they please; but as to the meaning of the patriarchal visit, there is none whatever in this."

***Wait Until the Dark Stone Turtle Begins to Talk:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Lung-ya and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, when Lung-ya Chu-tun utilized cases where things impossible in the relative world of causation are referred to. One day a monk asked Lung-ya, "What is the meaning of the patriarch's coming out of the west?" Lung-ya replied, "Wait until the dark stone turtle begins to talk, when I'll tell you what is the meaning of the patriarch's visit here." The above impossible condition so long as space-time relations remain what they are to our final consciousness; they will only be intelligible when we are ushered into a realm beyond our relative experience.

### ***(V) Zen Master Ch'ien-Fêng Yueh-Chou***

#### ***1) Life and Acts of Zen Master Ch'ien-Fêng Yueh-Chou:***

We do not have detailed documents on Zen Master Qianfeng Yuezhou; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Zen Master Qianfeng Yuezhou was a disciple of Zen master Dongshan Liangjie. He lived and taught Zen in Yuezhou, a place southeast of modern Hangzhou in northern Jiangxi Province. One day,

Zen master Qianfeng asked a monk, "Where did you come from?" The monk said, "From Mt. Tiantai." Qianfeng said, "I've heard that the stone bridge there has two sections, is that so or not?" The monk said, "Where did the master learn the news?" Qianfeng said, "From someone called 'the former guest of Hua Peak (a peak of Mt. Tiantai).' Formerly he was a 'Flat Field Village Person.'"

A monk asked, "How does one escape the Three Realms?" Qianfeng said, "Call the temple director and have him chase this monk out of here!" Qianfeng asked the monks, "The six tendencies of the turning wheel of transmigration have what eye?" The monk didn't answer. A monk asked, "What is the talk that is beyond the Buddhas and ancestors?" Qianfeng said, "I ask you." The monk said, "Master, please don't ask me." Qianfeng said, "If I ask you, it doesn't make any difference. So I ask you, what is the talk that is beyond the Buddhas and ancestors?" A monk asked, "There are temples in the ten directions and there is a single road to the gate of nirvana. Where does this road begin?" Qianfeng raised his staff and drew a circle in the air, saying, "Right here." Later, a monk asked Yunmen to explain this. Yunmen picked up a fan and said, "This fan leaps into heaven and blocks the nostrils of the heavenly king. Strike the fish in the Eastern Sea but once, and the rain falls in a downpour! Do you understand?"

Qianfeng entered the hall and said, "The dharmakaya has three types of illness and two types of light, and you must penetrate them one by one before you can return to your home and sit solidly. You must know that there is a yet more pivotal realization." Yunmen stepped forward and asked, "Why does one who is in the hut not know of affairs outside the hut?" Qianfeng laughed loudly, "Ha, ha, ha." Yunmen said, "This is still a place of doubt for this student." Qianfeng said, "Where is your mind moving?" Yunmen said, "I want the master to speak directly." Qianfeng said, "Then you must do as I said before you can sit solidly." Yunmen said, "Okay."

Qianfeng entered the hall and addressed the monks, saying, "If you put forth the first principle, then there is no need for the second principle. If you go off the first principle and you will fall into the second principle." Yunmen came forward from the congregation and said, "Yesterday a person came from Mt. Tiantai. Now he's gone on to

Mt. Jing." Qianfeng said, "Tomorrow the chief cook does not need to do 'all invited' (puqing)." Qianfeng then got down from the seat.

**2) Some Typical Kôans Related To Zen Master Ch'ien-Fêng Yueh-Chou:**

***Kan-Fêng's Stopping Pouring Rain:*** Rain cats and dogs or raining very hard. Most Venerable Kan-fêng, name of a Chinese Zen master in the T'ang dynasty. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is an interesting detail on his teaching on Zen in The Wudeng Huiyuan, Volume XIII: One day, Zen master Kan-fêng entered the hall and addressed the monks, saying, "It is pouring now; how would you stop it?" He then got off the seat and left the hall. In fact, there are many irrational statements in Zen. Some may declare Zen irrevocably insane or silly. Through these apparent trivialities and irrationalities, Zen wants us to acquire an entirely new point of view whereby to look into the mysteries of life and the secrets of nature. This is because Zen has come to the definite conclusion that the ordinary logical process of reasoning is powerless to give final satisfaction to our deepest spiritual needs.

***Kan-Fêng's One Road:*** Example 41 of the Wu-Men-Kuan. A monk asked Zen master Kan-feng, "Bhagavats in the Ten Directions, one straight road to nirvana. I wonder where that road is?" Kan-feng lifted up his staff, drew a line in the air, and said, "Here, it is." Later a monk asked Yun-men about this. Yun-men held up his fan and said, "This fan jumps up to Heaven of the Thirty-three and strikes the nose of the deity Sakradevendra. Give a carp of the Eastern sea one blow, and the rain comes down in torrents." According to Wu Men Hui-Kai in the Wu-Men-Kuan, one goes deep, deep to the bottom of the sea, and winnows the mud and pump up the sand. The other goes high, high to the top of the mountain, and raises foaming waves that spread over the entire sky. Maintaining, releasing, each using but one hand, they safeguard the vehicle of the Tao. They are like two children, running from different directions, who collide with each other. In this world, there is almost no one who can touch the true essence. In the view of the true eye, even these two ancient worthies do not know the road.

***Zen Master Kan-Feng's Instructions on Realization of Zen: Cognizing Subject and Cognized Object:*** In order to achieve realization,

Zen practitioners, by all means, must eliminate both cognizing subject and cognized object (that which is perceived or apprehended, and that which perceives or apprehends). *Three Ailments or Three Diseases*: Lust (craving or greed), for which the meditation on uncleanness (Quán thân bất tịnh) is the remedy; anger (hate or ire), for which the meditation on kindness (từ) and pity (bi) is the remedy; stupidity (ignorance or unwilling to learn the truth), for which the meditation on causality is the remedy.

### ***(VI) Zen Master Shih-Ch'ien Hou-Tung***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII: Contemporary people also called him Most Venerable Qing-Lin. First, Shi-qian studied under Jiashan without progress. He then went to see Tung-shan Liangjie (in the front of Mt. Tung-shan). When Shi-qian first met Tung-shan, Tung-shan asked, "Where did you come from?" Shi-qian said, "Wuling." Tung-shan said, "How does the Dharma teaching in Wuling compare with here?" Shi-qian said, "In a foreign land, bamboo sprouts are picked in winter." Tung-shan said, "Provide this man fragrant rice cooked in a separate pot." Shi-qian then shook his sleeves and went out. Tung-shan said, "Some day this one will trample everyone on earth to death."

Once when Shi-qian was planting pine trees on Mt. Tung, an old man asked him for a poem. Shi-qian composed and recited this verse:

"More than three feet long,  
The thick green grass,  
I don't know what generation  
Will see this pine's old age."

The monk showed the poem to Tung-shan, who said, "Here is the third leader of Mt. Tung."

When Shi-qian prepared to leave Mt. Tung. Tung-shan asked, "Where are you going?" Shi-qian said, "The golden wheel is not concealed in every realm the red dust is cut off." Tung-shan said, "The great good is entrusted to you." Shi-qian thanked Tung-shan and began

to leave. Tung-shan accompanied him to the gate and said, "In a phrase, how would you describe what you're doing?" Shi-qian replied, "Step by step walking on red dust, a shadowless, pervasive body." Tung-shan was silent for a long while. Shi-qian said, "Why doesn't the master speak more quickly?" Tung-shan said, "What makes you in such a hurry?" Shi-qian said, "I'm sorry." He then bade Tung-shan farewell. Shi-qian went to Qingcun Mountain and lived in a hut. After ten years he suddenly recalled something Tung-shan had told him, and said, "I should try to benefit the many benighted beings. Why limit it to a few?" He then went to Suizhou where he was invited to become the abbot at a monastery. Later he moved back to Mt. Tung. The monastery rules at Mt. Tung required a newly arrived monk to first make three trips hauling firewood before entering the hall. Once, a monk was unwilling to do this and asked Shi-qian, "Not asking about inside three trips, I ask what about outside three trips?" Shi-qian said, "Iron Wheel Emperor issues a decree at the center of the universe." The monk was silent. Shi-qian then drove him away with blows.

A monk asked, "For a long time I've been miserably ill, and I took poisonous medicine. Please cure me." Shi-qian said, "Gold! Poke it into your brain! Pour the rich liquor on the top of your head." The monk said, "Thank you for this cure." Shi-qian then hit the monk. Shi-qian entered the hall and said, "The essential teaching of the ancestors is proceeding right now. The Dharma is apparent. What other matter is there?" A monk asked, "The Treasury of the True Dharma Eye has been passed down from ancestor to ancestor. Is there anyone to whom the master can pass it?" Shi-qian said, "There is ground where the numinous sprouts grow. Great awakening has no teacher." A monk asked Shi-qian, "What is the Way?" Shi-qian said, "Turn your head and look at that distant mountain ravine." The monk then asked, "What is a person who has realized the Way?" Shi-qian said, "Embracing the ice and snow, head and eyebrows held high." A monk asked, "The path diverges and twists. What about sudden enlightenment?" Shi-qian said, "You face away the black jewel beneath your feet toward a sky filled to the moon with anxiety."

One day, Zen master Shi-qian entered the hall and addressed the monks, saying, "The gate of the ancestors is obscure and mysterious. Through exhaustive merit they have transmitted it. Without careful

investigation it is most difficult to realize. You must practice apart from mind, intention, or consciousness. If you leave the path of studying 'sacred' and 'mundane,' then you are upholding it. If you do not practice thus, then you can't be considered my disciples." A monk asked Zen master Shi-qian, "When a student tries to go there directly, what then?" Shi-qian said, "There is a deadly snake in the road. I urge you to not confront it." The monk said, "If the student confronts it, then what?" Shi-qian said, "He loses his innermost self." The monk said, "What if he doesn't confront it?" Shi-qian said, "There's no place to retreat." The monk said, "Just at such a time, what then?" Shi-qian said, "Gone!" The monk asked, "Gone where?" Shi-qian said, "Everyplace you look the grass is deep." The monk said, "You must also watch out, teacher!" Shi-qian clapped his hands and said, "Here's another poisonous one!"

### ***(VII) Zen Master Shu-Shan K'uang-Jên***

#### ***1) Life and Acts of Zen Master Shu-Shan K'uang-Jên:***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu)*, Volume XVII: Zen master Shushan Kuangren came from ancient Jizhou, the site of the modern city of Ji'an in Jiangxi Province. He is regarded as a disciple and Dharma heir of Zen master Tung-shan Liangjie, but his search for enlightenment took him to many teachers. He was very short in physical stature, and thus earned the nickname "the dwarf teacher."

Shushan first studied with a teacher named Yuan-zhen (?) in Jizhou. One day he told his teacher, "I'm traveling east to the capital city of Luoyang." He studied in Luoyang for less than a year. Then one day he suddenly said, "Seeking brings only darkness and talking isn't as good as silence. Forget oneself and help others. The false can't compare to the true." Later, he then went to study under Tung-shan Liangjie. He asked Tung-shan, "In words not yet heard, please, Master, provide me instruction." Tung-shan said, "I don't say people can't realize it." Shushan said, "Can it be obtained through practice or not?" Tung-shan said, "Are you realizing it now through practice?" Shushan said, "Not realizing it through practice should not be avoided."

On one occasion Tung-shan entered the hall and said, "I want you to understand this matter. You must be like a dead tree that blossoms flowers. Then you will merge with it." Shushan asked, "What about when every place is corrupted?" Tung-shan said, "Your Reverence! You're talking about practicing a practice (a habitual action). Fortunately there is a realm of nonpracticing practice. Why don't you ask about that?" Shushan said, "Practicing a nonpracticing practice? Can there be such a person?" Tung-shan said, "Many people will laughed at you for asking such a question." Shushan said, "In that case, my thinking has gone astray." Tung-shan said, "Astray is not astray, nor not astray." Shushan said, "What is 'astray'?" Tung-shan said, "If you say, 'such a person,' then you still don't understand." Shushan said, "What is not 'astray'?" Tung-shan said, "A place of no differentiation."

Tung-shan asked Shushan, "In the empty con there is no person. Who is it who resides there?" Shushan said, "I don't know." Tung-shan said, "Does that person have a thinking mind or not?" Shushan said, "Why don't you ask him?" Tung-shan said, "I'm asking him right now." Shushan said, "What is this mind?" Tung-shan didn't answer. Although Shushan kuangren is credited as being a disciple of Tung-shan Liangjie, he studied under a succession of teachers before realizing enlightenment. According to Wudeng Huiyuan, after Dongshan died and the mourning period for the monks had passed, Shushan went to Mt. Kuei (Gui) in Tanzhou (since Kuei-shan Lingyou died prior to Tung-shan, so Wudeng Huiyuan must be referring to Kuei-shan T'a-an, the Dharma brother of Lingyou, who assumed the abbacy at Mt. Kuei after Lingyou's death). There, he heard Kuei-shan T'a-an addressed the monks, saying, "Worthies who are on a pilgrimage, you must sleep in sound and form. You must sit and you must lie down in sound and form." Shushan came forward and said, "What is a phrase that does not fall into sound and form?" Kuei-shan raised his whisk into the air. Shushan said, "This is a phrase that falls in sound and form." Kuei-shan then lowered the whisk and went back to his quarters.

Shushan felt no affinity with Kuei-shan, and so he told Hsiang-Yen (Xiangyan) of his intention to leave. Hsiang-Yen asked him, "Why don't you stay here a little longer?" Shushan said, "The teacher and I do not have affinity." Hsiang-Yen said, "Why so? Will you tell me about it?" Shushan then described the foregoing incident. Hsiang-Yen said, "I

have a saying." Shushan said, "What is it?" Hsiang-Yen said, "When words emanate there is no sound, before form there are no things." Shushan said, "Fundamentally, there is a person here." Shushan then said to Hsiang-Yen, "Hereafter, if you find a place to serve as abbot, I'll come to see you." Then he said goodbye to Hsiang-Yen.

Kuei-shan T'a-an later said to Hsiang-Yen, "Is the short worthy who asked about sound and form here?" Hsiang-Yen said, "He's gone away." Kuei-shan T'a-an said, "Did he tell you about what he asked me?" Hsiang-Yen said, "Yes, and I gave him an answer concerning it." Kuei-shan T'a-an said, "What did he say?" Hsiang-Yen said, "He deeply approved my answer." Kuei-shan T'a-an said, "I think that short disciple has some tall points. He just arrived here. In the future if he finds a place to abide, then on that mountain there won't be firewood to burn or water to drink."

When Shushan heard that the teacher T'a-kuei An of Fuzhou said to his congregation, "There are phrases that are not phrases. They are like a creeping plant that relies on a tree for support." Shushan then went into the mountain of Fuzhou to see T'a-kuei An. When he arrived, T'a-kuei An was doing masonry work on a wall. Shushan asked him, "I've heard that the master has said, 'There is a phrase that is not a phrase. It's like a creeping plant that relies on a tree for support.' Have you said this or not?" T'a-kuei An said, "Yes." Shushan then asked, "If suddenly the tree falls down and the creeper withers, to where do the words return?" T'a-kuei An put down the masonry board and laughed out loud. Then he walked back to his abbot's quarters. Shushan followed him, saying, "I've sold my shirt and walked three thousand li to come here, just to ask you this question. How can the master treat me like this?" T'a-kuei An then yelled to his attendant, saying, "Give two hundred cash to this monk!" Then T'a-kuei An said to Shushan, "In the future, a one-eyed dragon's instruction will help you break through." The next day, when T'a-kuei An addressed the monks in the hall, Shushan stepped forward and asked, "The principle of the dharmakaya is deep and profound. It is a realm beyond good and evil. What is an affair that is beyond the dharmakaya?" T'a-kuei An lifted his whisk into the air. Shushan said, "This is an affair of the dharmakaya." T'a-kuei An then asked Shushan, "What is an affair beyond the dharmakaya?" Shushan grabbed the whisk, broke it in two,



threw it on the ground and then retreated into the congregation. T'a-kuei An said, "Dragons and snakes are easy to tell apart. I'm hard to fool."

Later Shushan heard about a teacher named Mingzhao Qian who was teaching in Wuzhou. He had only one eye. Shushan went straight there and paid his respects to Mingzhao. Mingzhao said to him, "Where have you come from?" Shushan said, "From Minzhong (Fuzhou)." Mingzhao then asked, "Did you go see T'a-kuei An there?" Shushan said, "Yes." Mingzhao said, "What did he say?" Shushan then told Mingzhao what T'a-kuei An said. Mingzhao said, "It may be said that from beginning to end, T'a-juei An was correct. But you haven't encountered his words." Shushan did not yet understand, and he asked Mingzhao, "If suddenly the tree collapses and the creeper withers, to where do the words return?" Mingzhao said, "You've made T'a-kuei An laugh again!" When Shushan heard these words, he experienced great enlightenment. Shushan then said, "Before T'a-kuei An's laughter contained a knife." He then faced in the direction of T'a-kuei An's monastery and bowed in belated gratitude.

One day, Shushan went to see Jiashan. During the time Jiashan was addressing the monks, Shushan asked, "I've heard that the master has said, 'Before the eyes there are no dharmas. The meaning is before the eyes.' What about a dharma that is not before the eyes?" Jiashan said, "Shining stream of moonlight, unreflected by the clear pond." Shushan made as if to overturn the meditation platform. Jiashan said, "Your reverence! What are you doing?" Shushan said, "Dharmas not before the eyes cannot be attained!" Jiashan said, "Everyone! Look! Here is a military commander!"

When Jên, of Su-shan, was asked where he was bound for after his death, he said, "Lying on his back in the heather, his four limbs point to the sky." When Shushan was about to pass away, he composed the following verse:

"My way lies outside the blue emptiness.  
White clouds have no place to drift.  
In the world is a rootless tree,  
Yellow leaves sent back by the wind."

2) *Some Typical Kôans Related To Zen Master Shu-Shan K'uang-Jên:*

***Su Shan's Have Been Vomiting for Thirty Years:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Su Shan and his Dharma elder brother Hsiang Yen. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XI, one day, a monk came to as Zen master Hsiang Yen (a dharma-heir of Zen master Kuei-shan), "What would happen when you do not respect the saints and your own original face?" Hsiang Yen said, "You stop hundred thousand fundamental qualities; and have nothing to do with thousand saints." Su Shan was present at the time, so he pretended to be vomiting and then he laughed loudly. Hsiang Yen turned around to ask for advice. Su Shan requested that Hsiang Yen respectfully bow him as if he were Hsiang Yen's master. Hsiang Yen left his seat and came to bow him respectfully. Su Shan said, "Why do you not say you get nothing even though you pay full respect?" For this kind of sin, Hsiang Yen predicted that Su Shan would have been vomiting like this for thirty years. Besides, even though he dwells in the mountains or near rivers, he would have no wood for cooking and no water for drinking. Later, Su Shan dwelt on Mount Su Shan, and Hsiang Yen's prediction was totally correct. However, after twenty-seven years Su Shan recovered from the illness of vomiting. Su Shan told his assembly, "Twenty-seven years ago, my Elder brother Hsiang Yen fortold that this old monk would have been vomiting like this for thirty years; now the prediction is totally correct, but three years short." For this reason, to match with Hsiang Yen's prediction, after each meal, Su Shan always took out the food with his fingers until he vomited.

***There Are Phrases That Are Not Phrases:*** They are like a creeping plant that relies on a tree for support. The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between two Zen masters Ming-chao Tê-ch'ien and Shushan. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, when Shushan studied Zen under Zen master Kuei-shan T'a-an (793-883), the master gave him just one koan of "There are phrases that are not phrases. They are like a creeping plant that relies on a tree for support" to examine, but he could not finish. Later Shushan heard about a teacher named Mingzhao Qian who was teaching in Wuzhou. He had

only one eye. Shushan went straight there and paid his respects to Mingzhao. Mingzhao said to him, "Where have you come from?" Shushan said, "From Minzhong (Fuzhou)." Mingzhao then asked, "Did you go see T'a-kuei An there?" Shushan said, "Yes." Mingzhao said, "What did he say?" Shushan then told Mingzhao what T'a-kuei An said. Mingzhao said, "It may be said that from beginning to end, T'a-juei An was correct. But you haven't encountered his words." Shushan did not yet understand, and he asked Mingzhao, "If suddenly the tree collapses and the creeper withers, to where do the words return?" Mingzhao said, "You've made T'a-kuei An laugh again!" When Shushan heard these words, he experienced great enlightenment. Shushan then said, "Before T'a-kuei An's laughter contained a knife." He then faced in the direction of T'a-kuei An's monastery and bowed in belated gratitude.

### ***(VIII) Zen Master Hsiu-Hsing***

Hsiu-Hsing, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master who lived in the T'ang Dynasty in China. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, he was one of the most outstanding disciples and a dharma-heir of Zen master Tung-shan Liang-chieh (807-869), but lived in deep mountains without any disciples.

### ***(IX) Zen Master Tsu-Yin-Chu-Ne***

Chinese Zen master, who lived in the middle part of the eleventh century, was a great scholar versed in the Avatamsaka Sutra and other schools of Buddhist philosophy, and even elderly scholars were willing to study under him. Evidently he did not know anything of Zen. One day he had a visitor who was acquainted with the doings of Zen in the south. He said that the entire Buddhist world of China was then taken up by the teaching of Bodhidharma, and that of Ma-Tsu, one of his ablest descendants, who appeared to fulfill the prophecy of Prajnatala, had exercised great influence over the Buddhist scholars in the country, so that even men of learning and understanding who were renowned

throughout the province of Shu, such as Liang and Chien, either gave up their own pupils or burned their library of the commentaries, in order to master the teaching of Zen. Chu-Ne was very much impressed with the report of his Zen friend. Advised strongly by him to go out into the world and see the state of affairs by himself, Chu-Ne left his native province and wandered about some years in Ching and She but without seeing and result. He then moved further west and stayed in Hsiang-Chou for ten years under Tung-Shan Yung. One day he was reading a treatise on the Avatamsaka Sutra and was deeply impressed by the following passage, which opened finally his mind to the truth of Zen: "Mount Sumeru towers in the great ocean attaining the altitude of 84,000 yojanas, and its summit is not to be scaled by means of hands and legs. This illustrates that the mountain of 84,000 human woes is rising from the great ocean of passions. When beings attain the state of consciousness in which they cherish no thoughts of relativity and from which all strivings vanish, even when confronting this world of multiplicities, their passions will naturally be drained off. All the worldly woes now turn into the mountain of all-knowledge and the passions into the ocean of all-knowledge. On the contrary, when the mind is filled with thoughts and reflections of relativity, there are attachments. Then the greater grow worldly and the deeper the passions, and a man is barred from reaching the summit of knowledge which makes up the essence of Buddhahood." Chu-Ne then observed: "According to Shih-Kuang, 'not a cue to get hold of,' and according to Ma-Tsu, 'ignorance since the beginningless past has melted away today.'" These are indeed no lies.

## *Chương Hai Mươi Tám*

### *Chapter Twenty-Eight*

#### *Pháp Ngữ Của Thiền Sư Tào Sơn*

#### *Bốn Tịch, Nhị Tổ Tào Động Tông*

Theo Phật giáo, Pháp ngữ là những bài thuyết pháp, có thể là của một bậc thầy hay một pháp lữ. Pháp ngữ là chân lý sống động của Phật giáo, đặc biệt của Thiền. Những lời nói sâu sắc của các bậc trưởng lão và các thầy ngày xưa thuộc truyền thống Thiền. Những lời đó rất thường được các thầy về sau nhắc lại trong các phần trình bày kinh nghiệm chứng ngộ thiền của họ. Trong nhà Thiền, Pháp ngữ có khả năng nghiền nát những ác quấy, đối lập và ảo vọng. Lời thuyết pháp của một vị thầy Thiền phá vỡ mọi não phiền nghiệp hoặc, lời ấy không ngừng nghỉ ở một thiền sinh đặc biệt nào, hay một chỗ đặc biệt nào, mà chúng có thể xoay chuyển trong một thời gian dài học trò này qua học trò khác, từ người này qua người khác, từ nơi này qua nơi khác, và thậm chí từ thế hệ này qua thế hệ khác. Về sau này, Thiền Sư Tuyết Đậu Trùng Hiên (980-1052) trong thế kỷ thứ XI đã biên soạn lại một số ngữ lục của các vị thiền sư quan trọng trong quá khứ thành một bộ công án gọi là Bích Nham Lục, gồm 100 công án. Đến thế kỷ thứ XIII, một bộ sưu tập 300 công án (tắc), được biên soạn bởi Thiền sư Tào Động tông Nhật Bản, Đạo Nguyên Hy Huyền. Trong lịch sử Thiền Tông Tào Động, Thiền sư Tào Sơn Bốn Tịch đã hợp tác với thầy mình là Thiền sư Động Sơn Lương Giới lập ra phái Tào Động. Tông phái này, cùng với Lâm Tế tông, là một trong hai nhánh Thiền bắt đầu từ thời nhà Đường, thời hoàng kim của Thiền, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Dưới đây là một số Pháp Ngữ tiêu biểu của Thiền Sư Tào Sơn Bốn Tịch, nhị tổ Tào Động Tông.

***Bị Hai Lỗ Tai Khi Nghe Nói Đến Lỗ Tổ Điện Bích!:*** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một vị Tăng hỏi Thiền Sư Tào Sơn Bốn Tịch (840-901): "Lỗ Tổ nhìn vách, ý biểu thị điều gì?" Tào Sơn lấy hai bàn tay bị hai lỗ tai lại.

***Cái Đầu Con Mèo Chết!:*** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một ngày, có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tào Sơn Bốn Tịch: "Cái gì

có giá trị nhất trên thế gian này?” Tào Sơn đáp: “Cái đầu con mèo chết.” Vị Tăng lại hỏi: “Tại sao cái đầu con mèo chết lại có giá trị nhất trên thế gian này?” Tào Sơn đáp: “Bởi vì không ai đánh giá nó được!”

**Con Đi Tới Nơi Nào Không Có Biến Đổi!:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, người trẻ Tào Sơn Bồn Tịch (840-901) học Thiền với Động Sơn cho đến khi sự giác ngộ của mình đủ sâu để tự mình tu tập. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Tào Sơn đạt được đại giác sâu dưới sự hướng dẫn của Động Sơn. Hôm từ giã thầy mình, Tào Sơn trao đổi với thầy mình trong cuộc đối thoại sau đây: "Động Sơn hỏi: 'Con đi đâu?' Tào Sơn đáp: 'Con tới nơi nào không có biến đổi.' Động Sơn nói: 'Làm thế nào con có thể tới một nơi không có biến đổi được?' Tào Sơn đáp: 'Sự ra đi của con không phải là một biến đổi.'"

**Cô Phong Bất Bạch:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một ngày, có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tào Sơn Bồn Tịch: “Tuyệt phủ thiên sơn. Tại sao lại có một đỉnh núi không trắng?” Thiền sư Tào Sơn nói: “Ông nên biết 'dị trung dị'.” Vị Tăng lại hỏi: “Thế nào là 'dị trung dị'?” Thiền sư Tào Sơn nói: “Không rơi vào màu sắc của những ngọn núi khác.” Nên ghi chú là 'dị trung dị', chỉ cho cá tánh chân thật, sự phân cách tuyệt đối giữa mình và người khác, đây là một trong một loạt bốn sự liên hệ giữa thế giới bình đẳng và thế giới phân biệt. Ba thứ kia là 'dị trung đồng', 'đồng trung dị', và 'đồng trung đồng'.

**Đại Hải:** Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Trong giáo thuyết có lời: 'Biển cả không chứa xác chết.' Thế nào là biển?" Tào Sơn nói: "Bao hàm cả vạn hữu." Vị Tăng lại hỏi: "Vì sao mà không chứa thầy ma?" Tào Sơn đáp: "Những người ngưng thở không thể hiển hiện được." Vị Tăng hỏi: "Đã nói bao hàm vạn hữu thì tại sao lại không chứa người ngưng thở?" Tào Sơn nói: "Vạn hữu chẳng có công năng ấy, người hết thở có đức ấy đấy!" Vị Tăng lại hỏi: “Người ta có thể vượt qua điều này hay không?” Tào Sơn đáp: “Ông có thể nói người ta có thể, ông có thể nói người ta không thể, nhưng Long Vương đang rút kiếm ra đấy!”

**Hiếu Mãn (Tào Sơn mãn tang):** Công án nói về cơ duyên vấn đáp của Thiền Sư Tào Sơn Bồn Tịch (840-901) với một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, có một vị Tăng đến hỏi Thiền sư Tào Sơn Bồn Tịch: "Lúc không mặc linh y (tang phục) thì như thế nào?" Tào Sơn đáp: "Hôm nay Tào Sơn hiếu mãn (mãn tang)." Vị Tăng lại hỏi: "Sau khi mãn tang thì như thế nào?" Tào Sơn đáp: "Tào"

Sơn thích say rượu." Một hôm khác, có một vị Tăng hỏi: "Người không làm bạn với pháp là người gì?" Tào Sơn nói: "Nói cho lão Tăng biết chỗ nào mà nhiều người ở Hồng Châu đều đi đến."

**Mi Mục Bất Thức:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch (840-901) và một vị Tăng. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, một vị Tăng hỏi Tào Sơn: "Chân mày với mắt cùng biết nhau chăng?" Sư đáp: "Chẳng biết nhau." Vị Tăng hỏi: "Sao lại chẳng biết nhau?" Sư đáp: "Vì đồng tại một chỗ." Vị Tăng lại hỏi: "Thế ấy là chẳng thể phân biệt sao?" Sư đáp: "Cuối cùng thì chân mày chẳng phải là mắt, mắt chẳng phải là chân mày." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là mắt?" Sư đáp: "Mắt quả nhiên đúng là mắt." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là chân mày?" Sư đáp: "Ta không chắc." Vị Tăng hỏi: "Tại sao Hòa Thượng lại không chắc?" Sư đáp: "Nếu mình không nghi tức quả nhiên đúng." Vị Tăng lại hỏi: "Có chân lý nào trong hình tướng?" Sư đáp: "Hình tướng là chân lý." Vị Tăng nói: "Làm sao Hòa Thượng có thể biểu tỏ việc này?" Sư cầm lấy cái đĩa để tách. Vị Tăng lại hỏi: "Làm thế nào huyễn (ảo tượng) có thể là chơn (chân lý)?" Sư đáp: "Huẩn vốn nguyên chơn (ảo tượng trên căn bản là chân lý)." Vị Tăng nói: "Khi đối diện với ảo tượng, cái gì hiển bày?" Sư đáp: "Tức huyễn liền hiện (thì ảo tượng liền hiện ra)." Vị Tăng thưa: "Trong trường hợp đó, từ đầu đến cuối, trước sau chẳng lìa huyễn (không ai có thể thoát khỏi huyễn)." Sư nói: "Nhưng nếu ông chạy theo huyễn tướng, ông không thể nào đạt được chúng."

**Một, Hai, Ba, Bốn, Năm, Đủ Cả Mà!:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, hôm khác, Vân Môn hỏi Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch (840-901): "Người không thay đổi đến, Sư có tiếp không?" Tào Sơn nói: "Tào Sơn ta không rảnh cho loại đó." Có một vị Tăng hỏi: "Người xưa có nói: 'Người người đều có huynh đệ tại trần.' Thầy có thể trình bày cho con biết rõ hay không?" Tào Sơn nói: "Đưa bàn tay ông cho lão Tăng xem." Đoạn Tào Sơn chỉ vào những ngón tay và đếm: "Một, hai, ba, bốn, năm. Đủ cả mà."

**Tào Sơn Ngũ Vị Luận:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, Tào Sơn hay núi Tào, biệt hiệu của Bản Tịch Thiền Sư, nhị tổ Tào Động, và cũng là học trò của Động Sơn Lương Giới. Tào Sơn từng học kinh sách Khổng Giáo từ thời trẻ, xuất gia theo Phật giáo năm 19 tuổi. Ông thọ cụ túc giới vào năm 25 tuổi. Từ tu viện của mình lên núi Linh Thạch ở Phúc Châu, ông thường tới Giang Tây để theo học những buổi giảng

chung của thầy Động Sơn về Phật pháp. Ông đã hợp tác với thầy mình lập ra phái Tào Động, là một trong hai phái Thiền hiện vẫn còn ở Nhật Bản. Trong thời gian tu học với Động Sơn, Tào Sơn nhận giáo pháp “Ngũ Vị,” và chúng trở thành giáo pháp giảng dạy của Sư về sau này. Công việc trao truyền của Sư trong truyền thống này với kết quả cuối cùng là sự thành hình của một trong những truyền thống lớn nhất thời bấy giờ, đó là Tào Động tông. Tên của tông phái này được lấy từ những tên “núi” của hai vị thầy: Động Sơn và Tào Sơn. Tào Sơn đã biên soạn bài luận sau đây về “Ngũ Vị”: Thứ nhất là “Cái tương đối trong cái tuyệt đối.” Kỳ thật, tuyệt đối không nhất thiết phải là trống rỗng; tương đối không hẳn là cái thật có. Không quay vào cũng không quay đi. Khi hoạt động tâm thức liễm dần và cả thế giới vật chất lẫn hư không đều quên mất, không có gì dấu giếm. Toàn thể được hiển lộ. Đây chính là “Chánh Trung Thiên” hay “cái tương đối bên trong cái tuyệt đối.” Đây là ngôi vị thứ nhất nhận thức về thế giới hiện tượng ngự trị, nhưng nó được nhận thức như là chiều kích của ngã tuyệt đối (nó được nhận biết như một biểu hiện của cái căn bản, của bản tánh thật của chúng ta). Thứ nhì là “Cái tuyệt đối trong cái tương đối.” Núi là núi, sông là sông. Không danh tự; không có thứ gì có thể so sánh được. Đây chính là “Thiên Trung Chánh”, là giai đoạn thứ nhì này hình thái vô phân biệt đến với giai đoạn trước một cách mãnh liệt và sự phân biệt bị đẩy lùi vào phía sau (mặt đồng nhất nổi lên và tính đa tạp lùi xuống). Thứ ba là “Đến từ bên trong cái tuyệt đối.” Sạch sẽ và trần trụi, tự do và không có thứ gì cả, khuôn mặt đầy uy nghi. Cả trời lẫn đất chỉ một đấng Thế Tôn. Đây là mức độ chứng nghiệm “Chánh Trung Lai” hay đến từ bên trong cái tuyệt đối. Giai đoạn thứ ba là ngôi vị trong ấy không còn ý thức về thân hay tâm. Cả hai đã được xả bỏ hoàn toàn (không còn có ý thức về thân thể hay về tinh thần nữa; cái này lẫn cái kia hoàn toàn bị xóa đi; đó là kinh nghiệm về tánh hư không). Thứ tư là “Đến chỗ Trung Đạo của cái Tương Đối.” Lổ tai không đi vào âm thanh. Âm thanh không ngăn chặn lỗ tai. Lúc mà hành giả đi vào bên trong, thì không còn giả danh cố định trên thế gian. Đây là “Thiên Trung Chí” hay đến chỗ Trung Đạo. Giai đoạn thứ tư, với ngôi vị này, tính duy nhất của mỗi sự vật được nhận thức ở mức độ độc nhất. Bây giờ núi là núi, sông là sông; chứ không còn núi đẹp sông buồn nữa (ở giai đoạn này người ta thấy hết sức rõ đặc thù của một cái gì đó. Tính hư không biến mất vào các hiện tượng). Thứ năm là “Đạt được sự hợp nhất.” Không tâm,



không vật; không sự, không lý. Lúc nào cũng vượt lên trên danh tự và sự diễn tả, vượt lên cả tuyệt đối lẫn tương đối, vượt lên trên cốt lõi và bề mặt bên ngoài. Đây là “Kiêm Trung Đáo” hay đạt được tính hiệp nhất. Ở vị thứ năm hay là mức cao nhất, sắc và không tương tức tương nhập đến độ không còn ý thức cả hai, các ý niệm ngộ mê đều biến mất, đây là giai đoạn của tự do nội tại trọn vẹn (ở giai đoạn này, hình thức và hư vô hoàn toàn thâm nhập lẫn nhau. Từ trạng thái ý thức ấy nảy ra hành vi tự phát, không định trước, không có ý đồ của óc cũng như tim, phản ứng ngay với tất cả hoàn cảnh xảy ra).

**Nguyên Chứng Thiền Sư Biết Ngày Giờ Thị Tịch!:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một ngày mùa hè năm 901, Thiền Sư Tào Sơn Bốn Tịch (840-901) hỏi một vị Tăng: "Hôm nay là ngày mấy tháng mấy?" Vị Tăng đáp: "Hôm nay là ngày rằm tháng sáu." Sư bảo: "Tào Sơn bình sanh đi hành cước chỉ biết chín mươi ngày là một hạ. Ngày mai giờ thìn ta sẽ đi." Sư thị tịch đúng ngay giờ thìn của ngày hôm sau. Sư được vua ban thụy là "Nguyên Chứng Thiền Sư." Tháp được đặt tên là Phước Viên.

**Người Không Làm Bạn Với Pháp:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, có một vị Tăng hỏi Thiền Sư Tào Sơn Bốn Tịch (840-901): "Người không làm bạn với pháp là người gì?" Tào Sơn nói: "Nói cho lão Tăng biết chỗ nào mà nhiều người ở Hồng Châu đều đi đến."

**Như Tĩnh Như Lư (Làm như giếng dòm lửa):** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiền Sư Tào Sơn Bốn Tịch (840-901) và Đức Sơn. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một hôm, Thiền sư Tào Sơn hỏi Đức Sơn: "Chân Pháp thân Phật giống như hư không, ứng vật hiện hình, như bóng trăng dưới đáy nước, hãy thử nói lý ấy như thế nào?" Đức Sơn nói: "Như lửa dòm giếng." Tào Sơn bảo: "Nói rất hay, nhưng chỉ được tám phần." Đức Sơn thưa: "Hòa Thượng nói thế nào?" Tào Sơn nói: "Như giếng dòm lửa."

**Tên Bốn Tịch Mà Chẳng Tên Bốn Tịch!:** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, khi ở núi Linh Thạch, thuộc Phúc Châu, Tào Sơn Bốn Tịch (840-901) thường tới Giang Tây. Một hôm ông trao đổi cuộc pháp luận với thầy Động Sơn, thầy phát hiện ra ở ông một tài năng lớn và nhận làm đồ đệ. Động Sơn hỏi: "Xà Lê tên gì?" Sư thưa: "Bốn Tịch." Động Sơn nói: "Lại nói lên trên?" Sư thưa: "Chẳng nói." Động Sơn hỏi: "Vì sao chẳng nói?" Sư thưa: "Chẳng tên Bốn Tịch." Động Sơn thừa nhận đây là một câu trả lời hay. Nói cách khác, đây là sự chính thức thừa

nhận của một vị thầy về sự kết thúc tu tập thiền định của một đệ tử. Đây là dấu hiệu của sự hài lòng của thầy về trình độ hiểu biết của đệ tử.

***Trở Dậy Là Trở Dậy!:*** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một vị Tăng hỏi Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch (840-901): "Từ xưa đã có câu 'Chưa từng có ai té xuống đất mà không nường đất trở dậy.' Thế nào là té xuống?" Tào Sơn nói: "Nó đang cho phép đấy!" Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là trở dậy?" Tào Sơn nói: "Là trở dậy đấy."

***Uống Xong Ba Chén Rượu Tuyền Châu Mà Vẫn Chưa Ướt Môi!:*** Theo Truyền Đăng Lục, quyển XVII, một ngày, Thanh Nhuệ thưa với Thiền Sư Tào Sơn Bản Tịch (840-901): "Con nghèo cùng xin thầy giúp cho." Sư bảo: "Xà Lê Nhuệ lại gần đây!" Thanh Nhuệ lại gần. Sư nói: "Kẻ nghèo ở Tuyền Châu uống xong ba chén rượu, vẫn nói chưa ướt môi."

### ***Zen Master Ts'ao-Shan Pen-Chi's Dharma Talks, the Second Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School***

According to Buddhist teachings, Dharma-talks or Dharma-words mean Buddhist preachings or religious discourses, they can come from a master or a fellow dharma friend. Dharma talks means the living truth of Buddhism, particularly the sayings relating to Zen of the Patriarchs and the ancient masters of the Zen tradition. Such sayings have been readily cited later by Zen masters in their presentation of Zen realization. In the Zen School, Dharma talks are able to crush all evil and all opposition. The preachings of a Zen master which have the ability to crush all illusions, evil and on opposition. These talks do not stop at any specific student or at any specific place, but they can roll for a long time from student to student, from man to man, from place to place, and even from age to age. Later, Zen master Hsueh-Tou-Ch'ung-Hsien (980-1052) in the eleventh century, compiled some dharma talks of important Zen masters in the past into a book titled the Blue Cliff Records or the Blue Rock Collection, consisting of one hundred koans. In the thirteenth century, a collection of three hundred kôan, compiled by the Japanese Sôtô master Dôgen Kigen (1200-1253). In the history Ts'ao Tung Zen School, together with his master

Tung-shan, Ts'ao-shan founded the Ts'ao-Tung School of Zen. This school, along with the Linji School, remains today as one of the two existing Zen schools that began in China during the Tang dynasty (615-905), the golden age of Zen. These below talks are some of typical dharma talks of the Second Patriarch of the Ts'ao Tung Zen School, Zen Master Ts'ao Shan Pen Chi.

***Covered His Ears When Hearing Luzu Facing the Wall!:***

According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, a monk asked, "What was Luzu trying to show when he faced the wall?" Ts'ao-shan covered his ears with his hands.

***The Head of a Dead Cat!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked Zen master Ts'ao Shan: "What is the most valuable thing in the world?" Ts'ao Shan replied: "The head of a dead cat." The monk inquired: "Why is the head of a dead cat the most valuable thing in the world?" Ts'ao Shan replied: "Because no one can name its price!"

***I'm Going to Where There's No Change!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, the young man Ts'ao-shan studied Zen with Tung-shan until his own awakening was deep enough for him to continue to practice on his own. According to Ching-te Ch'uan-Teng-Lu, Volume XVII, under Tung-shan, Ts'ao-shan came to profound enlightenment. As he took his leave of Tung-shan, the following exchange took place: "Tung-shan said, 'Where are you going?' Ts'ao-shan said, 'To where there's no change.' Tung-shan said, 'How can you go to where there's no change?' Ts'ao-shan said, 'My going is no change.'"

***One Peak Is Not White:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked Zen master Ts'ao Shan: "Snow covers a thousand mountains. Why is one peak not white?" Ts'ao Shan said: "You should recognize 'distinction within distinction.'" The monk asked: "What is 'distinction within distinction'?" Ts'ao Shan said: "Not falling into being the color of the other mountains." It should be noted that 'distinction within distinction', refers to true individuality, the absolute separation of self and other, is one of the series of four relationships between the world of equality and the world of discrimination. The

others are 'distinction within equality', 'equality within distinction', and 'equality within equality'.

**Great Sea:** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked, "There's a teaching that has the words, 'The great ocean does not harbor dead corpses.' What is the ocean?" Ts'ao-shan said, "It includes everything." The monk said, "Why doesn't it include corpses?" Ts'ao-shan said, "Those who have ceased breathing are not manifested." The monk said, "Since it includes everything, why are those who've stopped breathing not manifested?" Ts'ao-shan said, "The myriad things don't have this ability. The cessation of breath has moral power!" The monk asked, "Can one go beyond this?" Ts'ao-Shan answered, "You may say one can, you may say one can't, but the Naga King is drawing his sword (the sword that cuts off all duality)!"

**End of Mourning:** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Ts'ao Shan Pen-Chi and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk came and asked Zen master Ts'ao Shan Pen-Chi, "What happens when the Master is not wearing the mourning apparel (clothes)?" Ts'ao Shan said, "Today is Ts'ao Shan's end of mourning." The monk asked, "What happens after the end of mourning?" Ts'ao Shan said, "Ts'ao Shan likes to get drunk." Another day, a monk asked, "Who is it that is not a companion to the myriad dharmas?" Ts'ao-shan said, "Tell me, where is it that many people in Hongzhou are going?"

**Can the Eyebrows and the Eyes Distinguish Each Other?:** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Ts'ao-shan and a monk. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked Ts'ao-shan, "Can the eyebrows and the eyes distinguish each other or not?" Ts'ao-shan said, "They can't distinguish each other." The monk said, "Why not?" Ts'ao-shan said, "Because they're in the same place." The monk said, "If that's so, one couldn't tell them apart." Ts'ao-shan said, "Eyebrows, after all, are not eyes." The monk asked, "What are eyes?" Ts'ao-shan said, "Eyes are what is upright." The monk asked, "What are the eyebrows?" Ts'ao-shan said, "I'm not sure." The monk said, "Why is the master not sure?" Ts'ao-

shan said, "If one lacks doubt, one is upright." The monk asked, "What truth is there in form?" Ts'ao-shan said, "Form is truth." The monk asked, "How would you demonstrate this?" Ts'ao-shan picked up his tea cup saucer. The monk asked, "How can illusion be truth?" Ts'ao-shan said, "Illusion is fundamentally truth." The monk asked, "When illusion is faced, what is revealed?" Ts'ao-shan said, "Illusion is revealed." The monk said, "In that case, then from start to finish one can't escape illusion." Ts'ao-shan said, "But if you pursue illusive forms you can't attain them."

***One, Two, Three, Four, Five, That's Enough!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, another day, Yunmen asked, "The unchanging person has come, Will the master receive him or not?" Ts'ao-shan said, "On Mt. Ts'ao there's no spare time for that." A monk asked, "An ancient said, 'Everyone has brothers in the dust.' Can you demonstrate this to me?" Ts'ao-shan said, "Give me your hand." Ts'ao-shan then pointed at the monk's fingers and counted, "One, two, three, four, five. That's enough."

***Ts'ao Shan's Commentary on the "Five Ranks":*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, Ts'ao-Shan in Kiang-Su, where the Ts'ao-Tung sect, a branch of Ch'an school, was founded by Tung-Shan; Ts'ao-Shan Pên-Chi was the name of the second patriarch of this sect. Ts'ao-shan, who in his youth studied the Confucian classics, left his home at the age of nineteen and became a Buddhist monk. At twenty-five he received full ordination. He lived in the monastery on Ling-shih Mountain in Fu-chou and often visited the public discourses on Buddha-dharma of Master Tung-shan in Kiangsi. Together with his master Tung-shan, Ts'ao-shan founded the Ts'ao-tung school of Zen, the name of which is derived from the first characters of the names of the two masters. The Soto school is one of the two schools of Zen still active in Japan today. During his time with Yung-shan, Ts'ao-shan received the "Five Ranks," and later these became the basis of his own teaching. The work he did in passing on this tradition eventually resulted in the establishment of the largest of contemporary Zen traditions, the Ts'ao-tung school. Its name is taken from the "mountain" names of these two masters: Tung-shan and Ts'ao-shan. Ts'ao-shan composed the following commentary on the "Five

Ranks": The first rank is "the Relative within the Absolute." As a matter of fact, the absolute is not necessarily void; the relative is not necessarily actual. There is neither turning towards nor turning away. When mental activity dies down and both the material world and emptiness are forgotten, there is no concealment. The whole is revealed. This is the relative within the absolute. This is also the first level in which realization of the world of phenomena is dominant, but it is perceived as a dimension of the absolute self (it is experienced as a manifestation of the fundamental, our true nature). The second rank is "the Absolute within the Relative." Mountains are mountains, rivers are rivers. No names; nothing can be compared. This is the Absolute within the Relative or the Straight within the Bent, the second level or second stage the undifferentiated aspect comes strongly to the fore and diversity recedes into background (the quality of nondistinction comes to the fore and the quality of manifoldness fades into the background). The third rank is "the coming from within the Absolute (coming from the absolute)." Clean and naked, bare and free, the face is full majesty. Throughout heaven and earth, the only honored one. This is a level of realization: "The Coming from within the Straight" wherein no awareness of body or mind remains; both "drop away" completely (there is no longer any awareness of body or mind; both drop completely away. This is the experience of emptiness). The fourth grade is "the Arrival at the Middle of the Relative." The ear does not enter sound. Sound does not block the ear. The moment you go within, there have never been any fixed names in the world. This is the singularity of each object is perceived at its highest degree of uniqueness. Now mountain is mountain, river is river; there is no such a beautiful or loving mountain or a boring river (at this stage each thing is accorded its special uniqueness to the greatest degree; emptiness has vanished into phenomena). The fifth grade is "unity attained." No mind, no objects; no phenomena, no principle. It has always been beyond name or description, beyond absolute and relative, beyond essence and appearance. This is the Unity Attained or form and emptiness mutually penetrate to such a degree that no longer is there consciousness of either. Ideas of enlightenment or delusion entirely vanish. This is the stage of perfect inner freedom (form and emptiness fully interpenetrate each other. From this stage of mind arises self-

evident, intentionless action, that is to say, action without any movement of brain or heart that instantaneously suits whatever circumstances arise).

***Zen Master Evidence of the Source Knows the Date and Time of His Death!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day in the summer of the year 901, Ts'ao-shan asked a monk, "What month and day is this?" The monk said, "It's the fifteenth day of the sixth month." Ts'ao-shan said, "Ts'ao-shan has traveled his entire life. Everywhere it is observed that a summer has ninety days. The next day during the hour of the dragon (7-9 a.m.) Ts'ao-shan will go." He passed away at exact the Dragon hour of the next day. After he passed away, he received the posthumous name "Zen Master Evidence of the Source." His stupa was named "Blessed Perfection."

***One Who Is Not a Companion to the Dharma:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, a monk asked, "Who is it that is not a companion to the myriad dharmas?" Ts'ao-shan said, "Tell me, where is it that many people in Hongzhou are going?"

***Acted As a Well Sees a Donkey:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen Master Ts'ao-shan and Te-shan. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, Zen master Ts'ao-shan asked Te-shan, "The real dharmakaya is similar to the space, manifesting through a suitable medium (responsive manifestation), like the image of the moon in the bottom of water. Tell me what kind of principle is that?" Te-shan said, "Acted as a donkey sees a well." Ts'ao-shan said, "What you just said was good, but it was only about eighty percent." Te-shan asked, "What's about yours, Master?" Ts'ao-shan said, "Acted as a well sees a donkey."

***I'm Pen Chi But There I'm Not Pen Chi!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, when he lived on Ling-shih Mountain in Fu-chou, he often visited the public discourses on Buddha-dharma of Master Tung-shan in Kiangsi. One day a mondo took place between Tung-shan and Ts'ao-shan through which the master recognized Ts'ao-shan's potential and accepted him as a student. Upon meeting Ts'ao-shan, Tung-shan asked,

"What is your name?" Ts'ao-shan said, "Pen-chi." Tung-shan said, "What is your transcendent name?" Ts'ao-shan said, "I can't tell you." Tung-shan said, "Why not?" Ts'ao-shan said, "There I'm not name Pen-chi." Tung-shan acknowledged that this was a good reply. In other words, this is the seal of approval, a formal acknowledgement of a student's completion of Zen training. It is a sign by the master of being satisfied with the student's level of understanding.

***Arise Is Arise!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, a monk asked, "From old times there's a saying, 'Until a person has fallen down, the earth can't help him arise.' What is 'fallen down'?" Ts'ao-shan said, "It's allowing!" The monk asked, "What is 'arise'?" Ts'ao-shan said, "It's 'arise.'"

***Already Drank Three Cup of Ch'uan-Chou Wine, Yet Lips Are Not Wet!:*** According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII, one day, the monk Ch'ing-rui said to Ts'ao-shan, "I am alone and destitute. Master, please give me some assistance." Ts'ao-shan said, "Worthy Rui, come here!" Ch'ing-rui came forward. Ts'ao-shan said, "You already drank three cups of Ch'uan-chou Province 'Hundred Houses' wine, yet you still say your lips are not wet."



**Chương Hai Mươi Chín**  
**Chapter Twenty-Nine**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Ba**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**(A) Nói Pháp Thiên Sư Tào Sơn Bản Tịch**

Tào Động Tông Đồi Thứ Ba nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười ba sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Tào Sơn Bản Tịch** bao gồm các vị Thiên Sư Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn và Thiên Sư Thanh Nhuệ.

**(I) Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn**

Xử Chơn là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ chín và thứ mười. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn. Chúng ta chỉ biết Sư đã cùng thầy mình là Tào Sơn Bản Tịch từ Phúc Châu, đã phát huy phái Tào Động, là một trong hai phái Thiên hiện vẫn còn ở Nhật Bản. Sau khi từ biệt Tào Sơn, Sư đi khắp cả nước, tùy theo hoàn cảnh mà thuyết giảng Phật pháp.

Một hôm có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa Thượng?" Sư đáp: "Muối không giấm."

Vị Tăng lại hỏi: "Thế nào là đạo nhưn?" Sư đáp: "Miệng giống hệt lỗ mũi."

Vị Tăng lại hỏi: "Chợt gặp khách đến đem cái gì đối đáp?" Sư đáp: "Cổng gỗ cửa lá cảm ơn ông đi qua."

Vị Tăng lại hỏi: "Hòa Thượng trăm tuổi sẽ đi về đâu?" Sư đáp: "Làm con trâu nhà họ Lý ở dưới núi."

Theo truyền thống Thiên tông, giáo pháp nhà Thiên được truyền trực tiếp từ tâm của vị Thầy đến tâm của đệ tử mà không phải dùng đến ngôn từ hay khái niệm. Chính vì vậy mà khi trả lời vị Tăng, Thiên sư Xử Chơn chỉ nói những gì không dính dáng gì đến câu hỏi của người

đệ tử. Và việc này đòi hỏi người đệ tử phải chứng tỏ cho thầy mình thấy sự chứng nghiệm chân lý trực tiếp của mình.

## ***(II) Thiên Sư Thanh Nhuệ***

Thanh Nhuệ, tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ IX. Sư là đệ tử của Thiên sư Tào Sơn Bản Tịch. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Thanh Nhuệ; tuy nhiên, có một cuộc đối thoại giữa Sư và thầy mình trong Truyền Đăng Lục, quyển XVII. Tên của ông xuất hiện trong thí dụ thứ 10 của Vô Môn Quan trong cuộc pháp luận với thầy mình. Thí dụ này kể lại nội dung của một cuộc pháp luận giữa Tào Sơn và môn đồ của mình là Thanh Nhuệ: "Một vị Tăng đến trình thầy Tào Sơn: 'Thưa thầy, Thanh Nhuệ này thật nghèo khổ và cô đơn, xin thầy hãy giúp anh ta được giàu có.' Tào Sơn nói: 'A Xà Lê, lại đây!' Thanh Nhuệ đáp: 'Thế nào ạ?' Tào Sơn nói: 'Con đã uống ba chén rượu quý tại nhà Bạch ở Truyền Châu, thế mà con lại nói rằng con không hề nhúng môi vào rượu!'" Theo Vô Môn Huệ Khai trong Vô Môn Quan, Thanh Nhuệ trình cơ như vậy là ý làm sao? Tào Sơn nhanh mắt, hiểu rõ ngay ý tứ. Tuy nhiên, xem vào đầu mà bảo Thanh Nhuệ đã uống ba chén rượu?

### ***(B) Nói Pháp Thiên Sư Vân Cư Đạo Ứng***

Tào Động Tông Đời Thứ Ba nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười ba sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Vân Cư Đạo Ứng** bao gồm các vị Thiên Sư Thiên Sư Đồng An Đạo Bị và Thiên Sư Phật Nhật Bản Không.

### ***(I) Thiên Sư Đồng An Đạo Bị***

Thiên sư Đồng An Đạo Bị, đệ tử của Thiên sư Vân Cư Đạo Ứng. Có rất ít chi tiết về cuộc đời của Thiên sư Đạo Bị; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiên sư này trong bộ Truyền Đăng Lục, quyển XX: Thiên sư Đạo Bị được biết đến như là trụ trì chùa Đồng An trên núi Phong Kỳ ở Hoàng Châu, gần vùng mà bây giờ là thành phố Nam

Xương. Người ta nhớ đến Thiên sư Đạo Bì vì ngài đã có công giữ được dòng Thiên Tào Động và truyền lại cho đệ tử là Đồng An Quan Trí.

Một vị Tăng hỏi Thiên sư Đạo Bì: "Thế nào là cái tháp không lẫn viên?" Đạo Bì nói: "Hừm! Hừm!" Vị Tăng hỏi: "Người nào ở trong tháp?" Đạo Bì nói: "Hôm nay có rất nhiều người từ Kiến Xương đến viếng."

Một vị Tăng hỏi: "Nếu người ta thấu triệt mọi thứ với một cái nhìn và rồi bỏ đi là thế nào?" Đạo Bì nói: "Tốt. Mà tại sao ông lại phải vào trong ấy?"

Một vị Tăng hỏi: "Không tổn thương vương đạo thì thế nào?" Đạo Bì nói: "Ăn cháo, ăn cơm." Vị Tăng lại hỏi: "Nếu người ta không làm vậy, thì vương đạo có bị hại không?" Đạo Bì nói: "Ông đã thiên lưu tả giáng (trượt qua bên trái rồi)."

Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là một mũi tên Đồng An?" Đạo Bì nói: "Nhìn phía sau ông kia." Vị Tăng lại hỏi: "Cái gì ở phía sau?" Đạo Bì nói: "Đã qua rồi."

Một vị Tăng hỏi: "Thói nhà của Hòa Thượng là thế nào?" Đạo Bì nói: "Gà vàng gom con vào Ngân Hà. Thỏ ngọc mang thai chạy vào những khóm mía nếp đen." Vị Tăng lại hỏi: "Ban mai khỉ lượm trái vàng. Chạng vạng tối phượng hoàng mang đi hoa ngọc."

Một vị Tăng hỏi: "Loài vô tình có thể thuyết Pháp được chăng?" Đạo Bì nói: "Chó ngọc đi lang thang về đêm, chẳng bao giờ biết có ánh sáng mặt trời."

Một vị Tăng hỏi: "Nếu trên đường đi gặp một người của Đạo, mình trả lời với người ấy thế nào để không phải dùng đến lời cũng không phải im lặng?" Đạo Bì nói: "Chỉ có đám đá mà thôi."

Một vị Tăng hỏi: "Giải thích bằng cách dùng kinh điển là có tội với tam thế chư Phật. Trong khi đó, sai lệch đi một chữ với kinh điển thì đồng với ma thuyết. Là nghĩa gì?" Đạo Bì tụng một bài kệ:

"Cô phong hùng vĩ cao vời vợi,  
Sương mù một gợn cũng là không.  
Lưỡi liềm trăng khuyết cõi hư không,  
Chỉ là mây trắng đóa cô phong."

Khi Đạo Bì đang tụng kinh ông chợt thấy có một vị Tăng đến thỉnh giáo. Đạo Bì đưa cánh tay lên và lấy tay áo che đầu. Vị Tăng đến bên Đạo Bì làm như có thái độ thông cảm. Đạo Bì kéo tay áo xuống, cầm

quyển kinh lên và nói: "Có hội không?" Rồi thì vị Tăng lại che đầu mình với tay áo. Đạo Bị nói: "Cao xanh ơi! Cao xanh ơi!"

## ***(II) Phậ Nhật Bản Không Thiên Sư***

Phậ Nhật là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ IX, một trong những đệ tử nổi pháp nổi trội của ngài Vân Cư Đạo Ứng, thuộc Tào Động tông. Hiện nay chúng ta không có nhiều chi tiết về vị Thiên sư này; tuy nhiên, có một công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Thiên sư Phậ Nhật Bản Không (đệ tử nổi pháp của ngài Vân Cư Đạo Ứng, thuộc Tào Động tông) và Thiên sư Giáp Sơn Thiện Hội (805-881). Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, khi Phậ Nhật đến tham yết Thiên sư Giáp Sơn Thiện Hội, Phậ Nhật ném cây gậy trước mặt Giáp Sơn, Giáp Sơn bèn hỏi: "Không phải từ Thiên Thai mà được đây chứ?" Phậ Nhật đáp: "Chẳng phải từ Ngũ Nhạc." Giáp Sơn lại hỏi: "Cũng chẳng phải từ núi Tu Di đây chứ?" Phậ Nhật đáp: "Dầu lên cung trăng cũng chẳng gặp được nó." Giáp Sơn liền nói: "Thế thì đã từ người khác mà được?" Phậ Nhật bác bỏ ngay và nói: "Ngay mình còn là oan gia, làm sao từ người khác mà được?" Giáp Sơn khen và nói: "Trong tro lạnh có một hạt đậu nổ." Nói xong, Giáp Sơn gọi vị Duy Na đến bảo sắp xếp chỗ ở. Về sau, khi nghe chuyện này, Thiên sư Đại sư Vân Cư Đạo Ứng nói với cả Tăng đoàn của mình: "Nếu mấy ông muốn đạt đến điều như thế, mấy ông phải là con người như thế. Vì mấy ông là con người như thế, thì tại sao mấy ông lại băn khoăn về điều như thế?".

## ***(C) Nói Pháp Thiên Sư Sơ Sơn***

Tào Động Tông Đời Thứ Ba nổi pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười ba sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Sơ Sơn** bao gồm một vị Thiên Sư Thiên Sư Tịnh Quả Hộ Quốc.

### ***(I) Thiên Sư Tịnh Quả Hộ Quốc***

Thiên sư Tịnh Quả Hộ Quốc Tùy Thành, đệ tử của Thiên sư Sơ Sơn Khuông Nhân. Có rất ít chi tiết về cuộc đời của Thiên sư Hộ Quốc; tuy

nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiền sư này trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên và trong bộ Truyền Đẳng Lục, quyển XX: Hộ Quốc dạy Thiền ở viện Hộ Quốc trên núi Tỳ Thành trong cổ thành Tỳ Châu, ngày nay là vùng phía bắc thành phố Vũ Hán.

Một hôm, Thiền sư Tịnh Quả Hộ Quốc thượng đường thị chúng: "Tất cả những thầy Thiền vĩ đại ở mọi nơi, trong mọi hoàn cảnh, đều đã từng vì người mà thăng tòa thuyết giảng. Và bất cứ khi nào có ai hỏi họ về ý chỉ của Bồ Đề Tổ Sư sang Đông Độ, không một vị nào nói thảng câu trả lời." Một vị Tăng hỏi: "Hôm nay con xin hỏi Hòa Thượng câu này vậy." Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Lừa Hà Bắc kêu be be. Chó Hà Nam sủa quấu quấu." Vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Tịnh Quả Hộ Quốc khó chịu nói: "Ông là đồ lừa!"

Một vị Tăng hỏi: "Tận đại địa chỉ có một con mắt đến, thì thế nào?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Cái gã hạ lưu kia!"

Vị Tăng hỏi: "Chỗ chư Phật không thể đến thì có ai dẫm lên được?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Gã đầu bù tóc rối kia!"

Một vị Tăng hỏi: "Ý chỉ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến từ phương Tây?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Khi một người nói thì nó là lời đồn. Khi mà một ngàn người nói thì nó là sự kiện."

Một vị Tăng hỏi: "Trong thời bách hại Phật giáo, các thiện thần đi đâu?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Một sự ngưng ngừng ngay trước cổng chùa."

Một vị Tăng hỏi: "Cái gì khi giọt nước đông thành băng?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Một sự ngưng ngừng khi mặt trời mọc."

Một vị Tăng hỏi: "Khi một con bạch hạc đậu trên cành thông, là cái gì?" Tịnh Quả Hộ Quốc nói: "Một sự ngưng ngừng dưới mặt đất."

### ***The Fourth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***(A) Zen Master Ts'ao-Shan Pen-Chi's Dharma Heirs***

The Third Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the thirteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Ts'ao-shan Pen-chi's**

**Dharma Heirs** include Zen Master Ts'u-Chen Lu-Men and Zen Master Ch'ing-Jui.

### ***(I) Zen Master Ts'u-Chen Lu-Men***

Zen Master Ts'u-chen Lu-men, name of a Chinese Zen monk in between the ninth and tenth centuries. We do not have a lot of detailed documents on this Zen Master. We only know that together with his master, Zen Master Ts'ao-shan Pen-chi from Fu-chou, developed the Ts'ao-tung school of Zen, one of the two schools of Zen still active in Japan today. After his departure from Ts'ao-shan, he wandered through the country and instructed people in the Buddha-dharma in accordance with the circumstances that presented themselves.

One day, a monk asked, "What is the family tradition of the Master?" Ts'u-chen replied, "Salt without vinegar."

The monk asked, "What is the one who seeks enlightenment?" Ts'u-chen replied, "Mouth and nose are the same."

The monk then asked, "All of a sudden, a guest comes, what do you use to reply?" Ts'u-chen replied, "Thanks for your passing through the wooden gate and the thatched door."

The monk asked, "When you pass away, where will you go?" Ts'u-chen replied, "An ox of the Ly family at the foot of the mountain."

According to Zen tradition, its teachings are passed on directly from the mind of the master to that of the disciple, without recourse to words and concepts. Thus, when replying to the monk, Zen master Ts'u-chen only said something that was not related to the questions. And this requires that students demonstrate their direct experience of truth to their teachers, who serve as the arbiters who authenticate the experience.

### ***(II) Zen Master Ch'ing-Jui***

Zen master Ch'ing-jui, name of a Chinese Zen master in the ninth century. He was a disciple of Zen master Ts'ao-shan Pen-chi. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is a

dialogue between him and his teacher in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XVII. His name appears in example 10 of the *Wu-Men-Kuan* in a hossen with his master. In this example we see Ts'ao-shan in a hossen with his student Ch'ing-jui: "A monk once came to Master Ts'ao-shan and said, 'Ch'ing-jui himself is very lonely and miserable. Please be so kind as to help me to get ahead.' Ts'ao-shan said, 'Acharya Jui!' Ch'ing-jui said, 'Yes?' Ts'ao-shan said, 'You have already drunk three cups of superb wine from the house of Pai of Ch'uan chou, and still you are saying that you haven't wet your lips!'" According to *Wu Men Hui-Kai* in the *Wu-Men-Kuan*, Ch'ing-jui is submissive in manner, but what is his real intention? Ts'ao Shan has the eye and thoroughly discerns what Ch'ing-jui means. However, who can tell where and how has Ch'ing-jui drink wine?

### ***(B) Zen Master Yun-Chu Tao-Ying's Dharma Heirs***

The Third Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the thirteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Yun-Chu Tao-Ying's Dharma Heirs** include Zen Master T'ung-An Tao-P'i and Zen master Fo-Ru Pen-K'ung.

### ***(I) Zen Master T'ung-An Tao-P'i***

Zen master Tongan Daopi was a disciple of Zen master Yunju Daoying. Few other details about Tongan Daopi's life are available in the classical records; however, there is some brief information on him in the *Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XX: He is known to have been the abbot of the Tongan Monastery on Mt. Fengchi in Hongzhou, near modern Nanchang City. He is remembered for preserving the Ts'ao-t'ung Zen lineage and passing the Dharma seal of Dongshan on to his student Tongan Guanzhi.

A monk asked Zen master Daopi, "What is a seamless monument?" Daopi said, "Om! Om!" The monk asked, "Who is the person inside the monument?" Daopi said, "Many people are visiting here today from Jianchang."

A monk asked, "What if one understands everything with one look and then leaves?" Daopi said, "Fine. So why have you come back here?"

A monk asked, "How can one avoid harming the imperial way?" Daopi said, "Eat gruel. Eat rice." The monk said, "If one doesn't do so, is the imperial way not harmed?" Daopi said, "You've slid off to the left!"

A monk asked, "What is Tongan's arrow?" Daopi said, "Look behind you." The monk asked, "What's back there?" Daopi said, "It's gone past already."

A monk asked, "What is the master's family style?" Daopi said, "The golden hen gathers her chicks into the Milky Way. The pregnant jade rabbit scurries into the crape myrtle bushes." The monk asked, "At early dawn a monkey picked the golden fruit. At late dusk a phoenix carried away the jade flower."

A monk asked, "Can inanimate things expound Dharma?" Daopi said, "The jade dog roams at night, never knowing the daylight."

A monk asked, "If on the road one meets a person of the Way, how could one respond to that person with neither words nor silence?" Daopi said, "With kicks and punches."

A monk asked, "'Explaining by using scripture is a sin against the Buddhas of the three realms. Deviating a single word from the scripture is devil's talk.' What does this mean?" Daopi recited a verse:

"The solitary peak is high and grand,  
Not a single layer of mist.  
The crescent moon crosses the void,  
The white clouds come forth."

Once when Daopi was reading a sutra he saw a monk coming for instruction. Daopi lifted his arm and covered his head with his sleeve. The monk came up to him and affected a sympathetic demeanor. Daopi pulled his sleeve from his head, picked up the sutra, and said, "Do you understand?" The monk then covered his head with his sleeve. Daopi said, "Blue heaven! Blue heaven!"



## *(II) Zen Master Fo-Ru Pen-K'ung*

Fo-Ru Pen-k'ung, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master in the ninth century. He was one of the most eminent dharma-heirs of Zen master Yun-chu Tao-ying (?-901). We do not have much information regarding this Zen master; however, there is a koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Fo Ru and Chia-shan Shan Hui. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, when Fo-Ru came to seek instructions from Zen master Chia-shan, Fo-Ru threw his staff right in front of Chia-shan, Chia-shan asked, "Have you not attained this from T'ien T'ai?" Fo-R replied, "Not from Wu-Yueh." Chia-shan asked again, "Have you not attained this from Mount Sumeru?" Fo-Ru said, "Even if you went to the moon, you could never find it." Chia-shan said, "So, Have you obtained it from someone else?" Fo-Ru denied right away and said, "Enmity is right inside, why do we need to obtain it form someone else?" Chia-shan praised Fo-Ru and said, "In the cold ashes, a grain of pea is decrepitating." Later, when hearing this, Zen Master Yunju said to the congregation, "If you want to attain such a thing, you must be such a person. Since you are such a person, why trouble about such a thing?"

### *(C) Zen Master Su Shan's Dharma Heirs*

The Third Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the thirteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Su Shan's Dharma Heirs** includes just Zen Master Jing-Kuo Hu-Kuo.

### *(I) Zen Master Jing-Kuo Hu-Kuo*

Zen master Huguo Shoucheng (Hu-kuo Jing-kuo Shou-chêng) was a disciple of Zen master Shushan Kuangren. Few other details about Huguo Shoucheng's life are available in the classical records; however, there is some brief information on him in the Wudeng Huiyuan and the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume

XX: Huguo Shoucheng taught at Huguo Monastery on Mt. Suicheng in ancient Suizhou, north of modern Wuhan City.

One day, Zen master Huguo entered the hall and addressed the monks, saying, "All the great masters in every quarter, in all circumstances, have ascended the lecture platform for the sake of people. And whenever anyone has asked them the meaning of Bodhidharma's coming from the west, not one of them has directly spoken the answer." A monk then said, "I ask the master to answer this question." Huguo said, "A Hebei ass brays. A Henan dog barks." The monk asked, "What is Buddha?" Huguo uttered in disgust, "You ass!"

A monk asked, "If someone for whom the great vast earth is but one eye comes forth, then what?" Huguo said, "A low-class fellow."

A monk asked, "Who is it that walks in the place where all the Buddhas can't go?" Huguo said, "Blockhead!"

A monk asked, "Why did Bodhidharma come from the west?" Huguo said, "When one person says it, it's a rumor. When a thousand say it, it's a fact."

A monk asked, "During the era of the Hui Chang suppression, where were the good guardian deities?" Huguo said, "An embarrassment in front of the temple gate."

A monk asked, "What is it when dripping water turns into ice?" Huguo said, "An embarrassment when the sun comes out."

A monk asked, "When a white crane sits in the pine tree, what is it?" Huguo said, "An embarrassment on the ground."

**Chương Ba Mười**  
**Chapter Thirty**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Tư**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**(A) Nói Pháp Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn**

Tào Động Tông Đồi Thứ Tư nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đồi thứ mười bốn sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Xử Chơn Lộc Môn** bao gồm các vị Thiên Sư Trí Tịch Ngô Không và Hành Nhon Phật Thủ.

**(I) Thiên Sư Trí Tịch Ngô Không**

Trí Tịch là tên của một vị Thiên sư thuộc tông Tào Động Trung Hoa vào thời Ngũ Đại bên Trung Hoa (907-960). Sư xuất gia với Thiên sư Xử Chơn tại chùa Lộc Môn ở Nhượng Châu.

Có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là chỗ Hòa Thượng chuyển thân?"  
Sư đáp: "Một kẻ nằm riêng."

Vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Phụng lâm quan."

Vị Tăng nói: "Con chẳng hội." Sư nói: "Đi thẳng đến Kinh Nam."

Vị Tăng khác hỏi: "Thế nào là đường chỉ qui?" Sư đáp: "Chớ dụng y."

Vị Tăng nói: "Lại cho con đến cùng chẳng?" Sư nói: "Chỗ nào để được người?"

Vị Tăng hỏi: "Một hội Linh Sơn đâu khác hiện giờ?" Sư nói: "Chẳng khác hiện nay."

Vị Tăng nói: "Việc chẳng khác là thế nào?" Sư nói: "Như Lai mật chỉ, Ca Diếp chẳng truyền."

## ***(II) Thiên Sư Hành Nhon Phật Thủ Nham Lô Sơn***

Hành Nhon Phật Thủ Nham Lô Sơn là tên của một vị Thiên sư thuộc tông Tào Động Trung Hoa vào thời Ngũ Đại bên Trung Hoa (907-960). Sư xuất gia với Thiên sư Xử Chơn tại chùa Lộc Môn ở Nhượng Châu. Sau đó Sư lên núi Lô Sơn và ẩn tu trong một cái am tranh nhỏ. Quốc chủ Giang Nam là Lý Thị nhiều phen thỉnh Sư giảng pháp, cuối cùng Sư buộc lòng xuống núi và đến chùa Thê Hiền khai pháp hội. Có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là đối hiện sắc thân?" Sư đưa một ngón tay lên. Ở đây chưa đầy một tháng, Sư bỏ trở về lại Lô Sơn.

### ***(B) Nối Pháp Thiên Sư Đồng An Đạo Bị***

Tào Động Tông Đời Thứ Tư nối pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười bốn sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nối Pháp Thiên Sư Đồng An Đạo Bị** chỉ bao gồm một vị Thiên Sư Đồng An Quan Trí.

### ***(I) Thiên Sư Đồng An Quan Trí***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Đồng An Quan Trí; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục: Thiên sư Đồng An Quan Trí là đệ tử của Thiên sư Đồng An Đạo Bị. Không có chi tiết nào về Thiên sư Quan Trí về cuộc đời trước khi xuất gia và sự nghiệp dạy Thiền của ông.

Khi Thiên sư Đồng An Đạo Bị sắp thị tịch, Sư thượng đường dạy chúng rằng: "Đồ đệ trước tháp là những người tinh thông, nhưng còn về công việc trước Ngũ Phong thì sao?" Sư Đạo Bị hỏi câu này ba lần, nhưng không có một vị Tăng nào trả lời. Cuối cùng, Đồng An Quan Trí đứng thẳng dậy và nói: "Trước màn cửa sổ, đại thiên thế giới dàn ra trong đêm trời trong. Mọi nơi, một bài hát về đại an." Đồng An Đạo Bị nói tiếp: "Mấy ông nên giống như con lừa đần độn này!"

Một vị Tăng hỏi: "Làm sao Hòa Thượng ca về một nơi mà nhĩ không thể đến được?" Quan Trí nói: "Không có nơi nào mà cái này có thể được gặp. Nhưng trong huyền lý thì nó không bao giờ mất."

Một vị Tăng hỏi: "Khắp mọi nơi đều là ngữ cú, nhưng chúng đã cạn hết ngay trong lúc này. Con đến trước Hòa Thượng để xin ngài chỉ

thẳng nó." Quan Trí nói: "Nếu nó không được lộ ra trước mắt, thì không có lầm lẫn gì sau ngôn tự."

Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là vấn đề siêu việt?" Quan Trí nói: "Xoay mà không thay đổi vị trí. Bất cứ dấu hiệu đặc biệt nào cũng đều tẻ cả."

### ***The Fourth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***(A) Zen Master Ts'u-Chen Lu-Men's Dharma Heirs***

The Fourth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the fourteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Ts'u-Chen Lu-Men's Dharma Heirs** include Zen Master Chih-Chi Wu-K'ung and Hsing Jen Fo Shou.

#### ***(I) Zen Master Chih-Chi Wu-K'ung***

Chih-chi Wu-k'ung, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master who lived in the Wu-tai Dynasty in China. He became a monk with Zen master Tsu-chên at Lu-men Zen monastery in Jang-chou.

A monk asked, "Where is your transformation of the body?" Chih-chi replied, "A person who lie down in a separate place."

A monk asked, "What is the Way?" Chih-chi replied, "A phoenix arrived at the gate."

The monk said, "I don't understand." Chih-chi said, "Go straight to the south of the capital."

A monk asked, "What is the convergent line?" Chih-chi said, "Try not to utilize the robe."

The monk said, "Does the Master want to push me to the dead-end road?" Chih-chi said, "Where can I get you?"

A monk asked, at the present time, where is another Eagle Peak Assembly?" Chih-chi said, "Ancient Eagle Peak Assembly is not different from the present one."

The monk said, "What is the not-different thing?" Chih-chi said, "Sakyamuni Buddha gave the secret teachings, but Mahakasyapa never transmitted."

## ***(II) Zen Master Hsing Jen Fo Shou Yen Lu Shan***

Fo Shou Yen, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master who lived in the Wu-tai Dynasty in China. He became a monk with Zen master Tsu-chên at Lu-men Zen monastery in Jang-chou. Later, he went to Lu-shan and stayed in a small thatched hut. Jiang-nan Governor, Li-shih tried to invite him to preach the dharma so many times, eventually he descended the mountain and went to Shi-hsien Temple to open a dharma assembly. A monk asked him, "What is the manifestation of the physical body of the Buddha (Rupakaya)?" He raised one finger. He stayed there for less than a month before he went back to Lu-shan.

## ***(B) Zen Master T'ung-An Tao-P'i 's Dharma Heirs***

The Fourth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the fourteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master T'ung-An Tao-P'i's Dharma Heirs** includes just one Zen Master T'ung-An Kuan-Chih.

## ***(I) Zen Master T'ung-An Kuan-Chih***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu): Tongan Guanzhi was a disciple of Zen master Tongan Daopi. There is no record of his life before becoming a monk, and little about his life as a teacher of Zen.

When Zen master Tongan Daopi was about to die, he entered the hall and addressed the monks, saying, "The disciples before the stupa are adept, but what about the affair before the five old peaks?" He asked this question three times, but none of the monks responded. Finally, Tongan Guanzhi stood up straight and said, "Before the window screen, the chiliocosm is arrayed in the clear night.

Everywhere, a song of great peace." Tongan Daopi continued, "You should all be like this foolish ass!"

A monk asked, "How do you sing of the place where duality can't reach?" Tongan Guanzhi said, "There is no place where this can be encountered. But within the mystic principle it is never lost."

A monk asked, "Everywhere are words and phrases, but they are all exhausted in the present moment. I come before the master to request that you point directly at it." Tongan Guanzhi said, "If it is not revealed before the eyes, there's no confusion after the words."

A monk asked, "What is the transcendental matter?" Tongan Guanzhi said, "Pivoting but not changing position. Any special sign is bad."





**Chương Ba Mươi Một**  
**Chapter Thirty-One**

**Tào Động Tông Đời Thứ Năm**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**(A) Nói Pháp Thiên Sư Trí Tịch Ngộ Không**

Tào Động Tông Đời Thứ Năm nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười lăm sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Trí Tịch Ngộ Không** chỉ bao gồm một vị Thiên Sư Trí Nghiêm.

**(I) Thiên Sư Trí Nghiêm Cốc Ẩn**

Trí Nghiêm Cốc Ẩn là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa sống vào thời Ngũ Đại bên Trung Hoa (907-960). Sư là một trong hai đệ tử xuất sắc nhất của Thiên sư Trí Tịch Ngộ Không, nhưng ông sống ẩn dật và không có đệ tử.

**(B) Nói Pháp Thiên Sư Đồng An Quan Trí**

Tào Động Tông Đời Thứ Năm nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười lăm sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Đồng An Quan Trí** chỉ bao gồm một vị Lương Sơn Duyên Quán.

**(I) Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán**

**1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Lương Sơn Duyên Quán Lãng Châu Thiên Sư (920-990):**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Lương Sơn Duyên Quán, dòng truyền thừa thứ 42; tuy nhiên, có một vài chi tiết nhỏ về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục, quyển XXIV: Thiên sư Lương Sơn Duyên Quán là đệ tử của Thiên sư Đồng An Hồng Châu (Đồng An Quan Chí) của dòng Thiên Tào Động.

Một hôm, Lương Sơn Duyên Quán đang hầu thầy mình là Thiền sư Đồng An Quan Trí. Thiền sư Đồng An hỏi: "Dưới tấm y của ông là vật gì?" Nói cách khác, câu hỏi này chỉ muốn hỏi: "Ông là ai?" Nhưng Duyên Quán không trả lời được. Thiền sư Đồng An liền nói: "Học Phật đạo mà chưa đến nơi, thực sự rất khổ. Ông hãy hỏi lão Tăng đi." Thế là Duyên Quán bèn hỏi: "Dưới tấm y của thầy là vật gì?" Thiền sư Đồng An trả lời: "Mật khế." Duyên Quán liền đại ngộ. Thiền sư Đồng An muốn nhấn nhủ không riêng với Duyên Quán, mà còn là với tất cả hành giả tu Thiền rằng mọi người phải sống như thế nào để có thể làm cho sinh mệnh này khế hợp với tất cả hiện tượng bên ngoài thành đời sống của chính mình. Chúng ta không thể dựa vào bất cứ ai khác, một khi đã biết phương pháp rồi thì hãy thực hành. Mật khế không đâu khác, đó là tự mình thể chứng sự hoàn chỉnh mà mình đã có; thể tính của bạn không đâu khác, đó là chính bạn.

Một vị Tăng hỏi Thiền sư Lương Sơn Duyên Quán: "Thế nào là thói nhà của Thầy?" Sư nói: "Dòng Giang Tử nước chảy xiết, cá lội chậm. Bạch Lộc Sơn thông cao, chim khó làm tổ."

Một vị Tăng lại hỏi: "Bản ngã là thứ gì?" Sư nói: "Là ông vua của vũ trụ. Là vị tướng chỉ huy ngọn đèo chiến lược." Đoạn vị Tăng hỏi: "Khi đã đạt đến trạng thái này, rồi sao nữa?" Sư nói: "Trăng sáng rõ trên trời. Ngồi lặng yên trong phòng mình." Nói xong Sư tụng bài kệ:

"Lương Sơn nhất khúc ca  
 Cách ngoại nhân nan hòa  
 Thập tải phủng tri âm  
 Vị thường phùng nhưt cá."  
 (Lương Sơn một khúc ca  
 Cách điệu người khó hòa  
 Mười năm tìm tri âm  
 Gặp gỡ vẫn còn xa).

Thiền sư Lương Sơn Duyên Quán thường nói với chư Tăng: "Nếu mấy ông để cho dòng truyền thừa này chìm trong bốn biển, thì mấy ông chỉ bắt được loài rồng dữ. Nhưng nếu mấy ông biểu thị khả năng thực sự thì mấy ông sẽ biết được tự ngã của chính mình."

2) *Những Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Lương Sơn Duyên Quán Lão Châu Thiền Sư:*

**Lương Sơn Ngô Xứ Sĩ Họa:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp về việc Thiền sư Lương Sơn khai ngộ cho Đại Dương Kính Huyền. Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển XIV, lần đầu tiên gặp gỡ Lương Sơn, Đại Dương hỏi: “Thế nào là đạo tràng vô tướng?” Lương Sơn chỉ Bồ Tát Quan Âm, nói: “Cái này là do Ngô Xứ Sĩ vẽ.” Đại Dương suy nghĩ để tiến ngữ. Lương Sơn nhanh nhẩu nói: “Cái này có tướng, cái kia không tướng.” Đại Dương nhơn đó tỉnh ngộ, liền lễ bái. Lương Sơn hỏi: “Sao không nói lấy một câu?” Đại Dương thưa: “Nói thì chẳng từ, sợ e trên giấy mực.” Lương Sơn cười, bảo: “Lời này vẫn còn ghi trên bia.” Đại Dương dâng kệ rằng:

“Ngã tích sơ cơ học đạo mê  
 Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri  
 Minh chiêm biện cổ chung nan hội  
 Trực thuyết vô tâm chuyển cánh nghi.  
 Mong sư điểm xuất Tần thời cảnh  
 Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì  
 Như kim giác liễu hà sở đắc  
 Dạ phóng ô kê đới tuyết phi.”  
 (Con xưa học đạo cứ sai lầm  
 Muôn núi ngàn sông kiếm thấy nghe  
 Luận cổ bàn kim càng khó hội  
 Nói thẳng vô tâm lại sanh nghi.  
 Nhờ thầy chỉ rõ thời Tần kính  
 Soi thấy cha mẹ lúc chưa sanh  
 Hiện nay giác ngộ đâu còn đắc  
 Đêm thả gà đen trong tuyết bay).

Lương Sơn bảo: “Có thể làm hưng thịnh tông Tào Động.”

***The Fifth Generation of the Ts'ao Tung Tsung  
Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

***(A) Zen Master Chih-Chi Wu-K'ung's Dharma Heirs***

The Fifth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the fifteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Chih-Chi Wu-K'ung's Dharma Heirs** includes just one Zen Master Chi-Yen.

***(I) Zen Master Chi-Yen***

Chi-yen K'u-yin, name of a Chinese Zen master who lived in the Wu-tai Dynasty in China. He was one of the two outstanding disciples of Zen Master Chih-chi Wu-k'ung, but he secluded himself from society without any disciples.

***(B) Zen Master T'ung-An Kuan-Chih's Dharma Heirs***

The Fifth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the fifteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master T'ung-An Kuan-Chih's Dharma Heirs** includes just one Zen Master Liang-Shan Yuan-Kuan.

***(I) Zen Master Liang-Shan Yuan-Kuan***

***1) Life and Acts of Zen Master Liang-Shan Yuan-Kuan:***

We do not have detailed documents on this Zen Master of the forty-second lineage; however, there is some brief information on him in *The Records of the Transmission of the Lamp* (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XXIV: Zen master Liang-shan Yuanguan was a disciple of the T'ao-Tung lineage master, Tongan Guanzhi.

One day, Liang-shan Yuan-kuan was attending his teacher, Zen master T'ung-an Kuan-chih. The master asked him, "What is that beneath your robe?" In other words, "Who are you?" Yuan-kuan had no answer. Zen master T'ung-an Kuan-chih said, "It is the most painful

thing when one who studies the Buddha Way hasn't yet reached that stage. Now you ask me." So Yuan-kuan asked, "What is that beneath your robe?" Zen master T'ung-an Kuan-chih replied, "Intimacy." Yuan-kuan was greatly awakened. Zen master T'ung-an wants to recommend not only to Yuan-kuan, but also to all Zen practitioners that we should live our life so that this life and all external phenomena are together intimate as our own life. We cannot rely on anyone else, once we know the method, just go ahead to practice it. Intimacy is nothing but realizing the fact that already you are as you are. Your essential nature is nothing but you as you are.

A monk asked Zen master Liang-shan Yuanguan, "What is the style of the master's house?" Liang-shan said, "The current in Yang River is swift, and the fish move slowly. The pine trees on White Deer Mountain are tall, and the birds nest there with difficulty."

A monk asked, "What is the self?" Liang-shan said, "The emperor of the universe. The general who commands the strategic pass." The monk then asked, "When this state is realized, then what?" Liang-shan said, "The bright moon in the sky. Sitting silently in one's room." Then Zen master Liang-shan Yuanguan recited this verse:

"The song of Liangshan,  
Even the skilled find it hard to sing.  
These ten years  
I've search for someone to sing it,  
But till now I've found no one."

Zen master Liang-shan Yuanguan often said to the monks, "If you let down your line into the four seas you'll only catch ferocious dragons. But if you demonstrate true ability, you'll seek to know your own self."

## 2) *Typical Kôans Related To Zen Master Liang-Shan Yuan-Kuan:*

*Liang-Shan's "This Was Painted by Wu-Chu":* The koan about the potentiality and conditions of questions and answers regarding Zen master Liang-Shan (920-990) opened up the intelligence and brought enlightenment to T'a-Yang. According to the Wudeng Huiyuan, Volume XIV, upon T'a-Yang's first meeting with Liang-Shan, T'a-Yang asked: "What is the formless place of realization?" Liang-Shan

pointed to a painting of Kuan-Yin and said: "This was painted by Wu-Chu." T'a-Yang was about to speak when Liang-Shan cut him off, saying: "Does this have form? Where is the form?" At these words, T'a-Yang awakened. He then bowed. Liang-Shan said: "Why don't you say something?" T'a-Yang said: "It's true I don't speak, and I fear putting it to brush and paper." Liang-Shan laughed and said: "Engrave the words on a stone memorial." T'a-Yang then offered the following verse:

"Formerly my means of studying  
the Way was confused,  
Seeking understanding among  
myriad streams and countless mountains.  
But immediate clarity is not found by  
sorting through the past.  
Directly speaking "no mind"  
engendered more delusion.  
Then, a teacher revealed my situation  
upon leaving Qin,  
Illuminating the time  
before my parents' birth.  
And now, everything realized,  
what has been attained?  
The night frees crow and cock  
to fly with the snow."

Liang-Shan said: "Here the T'ong-Shan line is entrusted." In time, Jing-Xuan's reputation spread widely.

**Chương Ba Mươi Hai**  
**Chapter Thirty-Two**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Sáu**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán**

Tào Động Tông Đồi Thứ Sáu nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đồi thứ mười sáu sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán** chỉ bao gồm một vị Thiên Sư Đại Dương Kinh Huyền.

**(I) Thiên Sư Đại Dương Kinh Huyền**

**1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Kinh Huyền Đại Dương Thiên Sư (943-1027):**

Thiên Sư Kinh Huyền sanh năm 943, quê tại tỉnh Hồ Bắc, đệ tử của Thiên Sư Lương Sơn Duyên Quán, người truyền thừa của tông Tào Động. Sư xuất gia tại chùa Trung Hiếu ở Cảnh Lâm. Tại đó Sư tu học với Thiên sư Trí Đồng (?). Vào tuổi mười chín, sau khi thọ cụ túc giới, Sư hành cước du phương khắp xứ. Thoạt tiên Sư đến tu học với Thiên sư Viên Chiếu. Không thành công với vị thầy này, Sư tiếp tục hành cước du phương và cuối cùng gặp gỡ và trụ lại tu tập với Thiên sư Lương Sơn. Sư ở lại với Lương Sơn một thời gian dài, thực chứng giác ngộ và trở thành Pháp tự của Lương Sơn. Khi Lương Sơn thị tịch, Sư đi đến núi Đại Dương ở Ứng Châu, bây giờ là thành phố Cảnh Sơn trong tỉnh Hồ Bắc, nơi đó Sư nhận tên núi của mình (Đại Dương). Sư nhận chức trụ trì một ngôi chùa. Trong giai đoạn từ năm 1008 đến 1016, Sư đổi tên từ Cảnh Huyền sang Cảnh Nham (?). Trong cuộc đời của Sư, Sư đã chứng kiến cảnh Tào Động tông suy tàn. Vào tuổi tám mươi, Cảnh Huyền tuyệt vọng vì Tào Động không có Pháp tự nối truyền và sẽ phải chấm dứt khi Sư thị tịch. Sư bèn đi một bước hết sức bất thường là tuyển một vị sư nổi bật của tông Lâm Tế là Phúc Sơn Pháp Nguyên để giao cho Phúc Sơn dòng truyền thừa Pháp của tông Tào Động. Rồi sau

đó Cảnh Huyền thị tịch. Thế là yếu chỉ giáo pháp của Tào Động truyền cho Phúc Sơn, một vị thầy nổi tiếng của tông Lâm Tế. Sau nhiều năm, Phúc Sơn gặp được Đầu Tử Nghĩa Thanh, một vị Tăng xuất chúng và là "Pháp Khí" đức độ. Phúc Sơn đã truyền lại cho Đầu Tử những gì mà mình thừa hưởng từ Đại Dương Cảnh Huyền.

Lần đầu tiên gặp gỡ Lương Sơn, sư hỏi: "Thế nào là đạo tràng vô tướng?" Lương Sơn chỉ Bồ Tát Quan Âm, nói: "Cái này là do Ngô Xứ Sĩ vẽ." Sư suy nghĩ để tiến ngữ. Lương Sơn nhanh nhẩu nói: "Cái này có tướng, cái kia không tướng." Sư như đó tỉnh ngộ, liền lễ bái. Lương Sơn hỏi: "Sao không nói lấy một câu?" Sư thưa: "Nói thì chẳng từ, sợ e trên giấy mực." Lương Sơn cười, bảo: "Lời này vẫn còn ghi trên bia." Sư dâng kệ rằng:

“Ngã tích sơ cơ học đạo mê  
 Vạn thủy thiên sơn mịch kiến tri  
 Minh kiêm biện cổ chung nan hội  
 Trực thuyết vô tâm chuyển cánh nghi.  
 Mong sư điểm xuất Tần thời cảnh  
 Chiếu kiến phụ mẫu vị sanh thì  
 Như kim giác liễu hà sở đắc  
 Dạ phóng ô kê đới tuyết phi  
 (Con xưa học đạo cứ sai lầm  
 Muôn núi ngàn sông kiếm thấy nghe  
 Luận cổ bàn kim càng khó hội  
 Nói thẳng vô tâm lại sanh nghi.  
 Nhờ thầy chỉ rõ thời Tần kính  
 Soi thấy cha mẹ lúc chưa sanh  
 Hiện nay giác ngộ đâu còn đắc  
 Đêm thả gà đen trong tuyết bay).

Lương Sơn bảo: "Có thể làm hưng thịnh tông Tào Động."

Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển XIV, một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là câu Đại Dương thấu pháp thân?" Sư đáp: "Đáy biển đại dương bụi hồng đầy, trên đỉnh Tu Di nước chảy ngang." Kỳ thật, có nhiều tuyên bố mang tính phi lý trong Thiền. Vài người còn cho rằng Thiền vô lý cứng ngắt và điên rồ. Qua những câu hỏi rõ ràng là vô vấn và không hợp lý, Thiền muốn chúng ta có được một quan điểm hoàn toàn mới, để dễ dàng nhìn thấu vào những huyền diệu của đời sống và bí mật của thiên nhiên. Việc này là vì Thiền đã đi đến kết luận



rằng tiến trình lý luận thông thường rất cuộc không có sức mạnh cho chúng ta cái thỏa mãn sau cùng về những nhu cầu sâu thẳm của tâm linh.

Một vị Tăng hỏi Đại Dương Kính Huyền: "Cái gì là một câu hiện thân của thể minh vô tận?" Đại Dương Kính Huyền nói: "Khi ngón tay chỉ vào hư không, trời đất xoay chuyển. Xoay đường (trên đường trở về), một con ngựa đá trời lên từ miệng lồng."

Một vị Tăng hỏi: "Cái gì là một người đã hoàn toàn đến?" Đại Dương Kính Huyền nói: "Khắp cả hư không chuyện đó không tồn tại." Vị Tăng lại hỏi: "Cái gì là pháp thân thanh tịnh?" Đại Dương Kính Huyền nói: "Bạch ngư phun bạch lụa. Hắc mã cưỡi quạ đen."

Một hôm, Đại Dương Kính Huyền thượng đường thị chúng: "Đỉnh cao vạn bộ và một con đường dốc đứng lên đỉnh, bao quanh đầy đao, kiếm và băng tuyết! Ai có thể đi trên con đường này? Câu của Diệu Thừa không thể tìm thấy trên đường của ngôn cú. Còn về tối thắng Pháp môn, ngay cả Duy Ma Cật cũng phải ngậm kín môi. Vì lý do này, mà tổ Bồ Đề Đạt Ma từ tây đến, diện bích chín năm, và do đó cho phép chúng ta học được pháp môn này. Ô, hãy nhìn xem cách mà lão Tăng tiếp tục mang nó đến cho mấy ông mãi đến ngày nay! Hãy cẩn trọng!"

Thiền sư Đại Dương thị tịch vào năm 1027. Sau khi thị tịch, Đại Dương nhận được sắc hiệu "Minh An Đại Sư"

## 2) *Những Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Kinh Huyền Đại Dương Thiền Sư:*

**Đại Dương Cảnh:** Công án về Cảnh Đại Dương. Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển XIV, một hôm, có một vị Tăng hỏi Đại Dương Kính Huyền: "Thế nào là cảnh Đại Dương?" Sư đáp: "Hạc côi vượn lão kêu hang dội, từng gậy trúc lạnh tỏa khói xanh." Vị sư hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Đại Dương Kính Huyền hỏi: "Làm gì? Làm gì?"

**Đại Dương Gia Phong:** Công án về Gia Phong Đại Dương. Theo Ngũ Đẳng Hội Nguyên, quyển XIV, một hôm, có một vị Tăng hỏi Đại Dương Kính Huyền: "Thế nào là gia phong Đại Dương?" Đại Dương Kính Huyền đáp: "Bình đầy nghiêng chẳng đổ, khắp nơi chẳng người đối."

***The Sixth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted  
from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

***Zen Master Liang-Shan-Yuan-Kuan's Dharma Heirs***

The Sixth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the sixteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Liang-Shan-Yuan-Kuan's Dharma Heirs** just includes one Zen Master Ta-Yang Ching-Hsuan

***(I) Zen Master Ta Yang Ching-Hsuan***

***1) Life and Acts of Ta-Yang Ching-Hsuan:***

Zen master Jing-Xuan was born in 943 in Hubei Province. He was a disciple of Zen master Liang-Shan-Yuan-Kuan, a transmitter of the Caodong lineage. He left lay life to enter Chongxiao Temple in Jinling. There he studied under Zen master Zhitong. At the age of nineteen, after ordination, he left Jinling and traveled widely throughout the country. He first studied under Zen master Yuan-jiao. Unsuccessful with that teacher, he continued his travels and eventually met and studied under Liangshan. He remained with Liangshan for a long period, realizing enlightenment and becoming his Dharma heir. When Liangshan died, Ching-hsuan traveled to Mt. Ta-yang in Yingzhou, now the city of Jingshan in Hubei Province, where he assumed his mountain name. Ching-hsuan assumed the abbacy of the temple. During the period 1008-1016, Ching-hsuan changed his name from Ching-hsuan to Chingyen. During Ching-hsuan's life, the Caodong school of Zen experienced serious decline. At the age of eighty. Ching-hsuan despaired that the Caodong Zen line had no worthy heirs and would cease to exist when he died. He then took the highly unusual step of enlisting the assistance of the eminent Linji lineage teacher Fushan Fayuan, entrusting to him the Dharma transmission of the Caodong school. Ching-hsuan then passed away, and the essential teachings of Caodong remained with Fushan, who was a famous master of Linji Zen. After many years, Fushan encountered Touzi Yiqing, an exceptional young monk and worthy "Dharma vessel." To him, Fushan

transmitted the heritage that he previously inherited from Ta-yang Ching-hsuan.

Upon T'a-Yang's first meeting with Liang-Shan, T'a-Yang asked: "What is the formless place of realization?" Liang-Shan pointed to a painting of Kuan-Yin and said: "This was painted by Wu-Chu." T'a-Yang was about to speak when Liang-Shan cut him off, saying: "Does this have form? Where is the form?" At these words, T'a-Yang awakened. He then bowed. Liang-Shan said: "Why don't you say something?" T'a-Yang said: "It's true I don't speak, and I fear putting it to brush and paper." Liang-Shan laughed and said: "Engrave the words on a stone memorial." T'a-Yang then offered the following verse:

"Formerly my means of studying  
the Way was confused,  
Seeking understanding among  
myriad streams and countless mountains.  
But immediate clarity is not found by  
sorting through the past.  
Directly speaking "no mind"  
engendered more delusion.  
Then, a teacher revealed my situation  
upon leaving Qin,  
Illuminating the time  
before my parents' birth.  
And now, everything realized,  
what has been attained?  
The night frees crow and cock  
to fly with the snow."

Liang-Shan said: "Here the T'ong-Shan line is entrusted." In time, Jing-Xuan's reputation spread widely.

According to the Wudeng Huiyuan, Volume XIV, one day, a monk asked T'a-Yang: "What is a phrase that penetrates the dharmakaya?" T'a-Yang said: "Red dust rises from the bottom of the sea. Rivers flow sideways at Mountain Sumeru's summit." In fact, there are many irrational statements in Zen. Some may declare Zen irrevocably insane or silly. Through these apparent trivialities and irrationalities, Zen wants us to acquire an entirely new point of view whereby to look into the mysteries of life and the secrets of nature. This is because Zen has

come to the definite conclusion that the ordinary logical process of reasoning is powerless to give final satisfaction to our deepest spiritual needs.

A monk asked T'a-Yang: "What is a phrase that embodies infinite clarity?" T'a-Yang said, "When the finger points at emptiness, heaven and earth revolve. On the returning path, a stone horse emerges from a gauze basket."

A monk asked, "What is the person who has 'completely arrived'?" T'a-Yang said, "Throughout vast emptiness no such thing exists." The monk asked, "What is the pure dharmakaya?" T'a-Yang said, "A white ox spits up white silk. A black horse rides a crow."

One day, T'a-Yang entered the hall and addressed the monk, saying, "A ten thousand-foot-high peak and a precipitous path to the top, beset with swords, knives and ice! Who can walk this path? The phrase of the wondrous vehicle cannot be found on the path of words. As to unsurpassed Dharma gate, even Vimalakirti remained close-lipped. For this reason, Bodhidharma came from the west, sat facing a wall for nine years, and thus allowed us to learn of it. Oh, look how I'm carrying on today! Take care!"

Zen master T'a-Yang passed away in 1027. After his death, T'a-Yang received the posthumous title "Great Teacher Bright Peace."

## **2) *Typical Kôans Related to Zen Master Ta-Yang Ching-Hsuan:***

***T'a-Yang's State of Being:*** According to Wudeng Huiyuan, volume XIV, one day, a monk asked T'a-Yang: "What is T'a-Yang's state of being?" T'a-Yang said: "A gaunt crane and an old ape call across the valley in harmony. A slender pine and the cold bamboo are enveloped in blue mist." The monk said: "What about the person in that state?" T'a-Yang said: "What are you doing? What are you doing?"

***T'a-Yang's Family Customs and Habits (family tradition):*** According to Wudeng Huiyuan, volume XIV, one day, a monk asked T'a-Yang: "What is the master's family style?" T'a-Yang said: "A full pitcher that can't be emptied. Across the great earth, no one hungry."

**Chương Ba Mươi Ba**  
**Chapter Thirty-Three**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Bảy**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Đại Dương Kinh Huyền**

Tào Động Tông Đồi Thứ Bảy nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ mười bảy sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Đại Dương Kinh Huyền** bao gồm các vị Thiên Sư Nghĩa Thanh và Thanh Phẫu.

**(I) Thiên Sư Đầu Tử Nghĩa Thanh**

**1) Cuộc Đời Và Hành Trạng Của Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiên Sư (1032-1083):**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Đầu Tử Nghĩa Thanh; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên: Thiên sư Nghĩa Thanh Đầu Tử sanh năm 1032 tại một vùng trong tỉnh Hà Nam. Sư là Pháp tự của trường phái Tào Động, nhưng không phải là đệ tử trực tiếp của Thiên Sư Đại Dương Kinh Huyền.

Sư xuất gia năm lên bảy tuổi tại chùa Diệu Tướng. Thoạt tiên sư học Luận Bách Pháp của Tông Duy Thức. Về sau sư nghe kinh Hoa Nghiêm, đến câu “Tức tâm tự tánh,” sư liền phát tính, nói: “Pháp lìa văn tự đâu có thể giảng ư?” Sư bèn cất bước du phương qua các thiền hội.

Thiên Sư Viên Giác ở hội Thánh Nham, một đêm nằm mộng thấy có nuôi con chim ưng sắc xanh, tỉnh giấc ông cho là một điềm lành. Đến sáng ngày ấy, sư liền đi đến. Sư lễ ra mắt, Giác nhận cho ở và dạy khán câu “Ngoại đạo hỏi Phật: ‘Chẳng hỏi có lời, chẳng hỏi không lời.’” Sư khán câu này trải qua ba năm, một hôm Giác hỏi: “Người ghi được thoại đầu chẳng, thử nêu ra xem?” Sư nghĩ đáp lại, bị Giác bịt miệng. Bỗng nhiên sư khai ngộ, bèn đánh lễ. Giác bảo: “Người diệu

ngộ huyền cơ chẳng?” Sư thưa: “Nếu có cũng phải mửa bỏ.” Lúc đó, thị giả ở bên cạnh nói: “Hoa Nghiêm Thanh ngày nay như bệnh được ra mồ hôi.” Sư ngó lại, bảo: “Ngậm lấy miệng chó, nếu nói lằng xằng, Ta buồn nôn.” Sau đó ba năm, Giám đem tông chỉ của tông Tào Động chỉ dạy, sư đều diệu khế. Giám trao giày, y của Đại Dương Huyền và dặn dò: “Người thay ta nối dòng tông Tào Động, không nên ở đây lâu phải khéo hộ trì.” Sau đó Giám nói kệ:

“Tu Di lập Thái Hư  
 Nhật nguyệt phụ nhi chuyển  
 Quần phong tiệp ý tha  
 Bạch vân phương y cải biến  
 Thiếu Lâm phong khởi từng  
 Tào Khê động liêm quyện  
 Kim Phụng tức long sào  
 Thần đài khởi xa tiến.”  
 (Tu Di dựng trong không,  
 Nhật nguyệt cạnh mà chuyển  
 Nhiều đánh đều nương y  
 Mây trắng mới biến đổi  
 Thiếu Lâm gió từng tay  
 Động Tào Khê cuốn sáo  
 Phụng vàng đậu ổ rồng  
 Nhà rêu đậu xe nghiên).

Sư đến Viên Thông không thưa hỏi gì, chỉ ăn cơm xong rồi ngủ. Tri sư thấy thế, bạch với Viên Thông: “Trong Tăng đường có vị Tăng cả ngày lo ngủ, xin thực hành theo qui chế.” Viên Thông bảo: “Khoan! Đợi ta xét qua.” Viên Thông cầm gậy đi vào Tăng đường, thấy sư đang nằm ngủ, Viên Thông gõ vào giường, quở: “Trong đây tôi không có cơm dư cho Thượng Tọa ăn xong rồi ngủ.” Sư thưa: “Hòa Thượng dạy tôi làm gì?” Viên Thông bảo: “Sao chẳng tham thiền?” Sư thưa: “Món ăn ngon không cần đối với người bụng no.” Viên Thông bảo: “Tại sao có nhiều người không chấp nhận Thượng Tọa?” Sư thưa: “Đợi họ chấp nhận để làm gì? Viên Thông hỏi: “Thượng Tọa đã gặp ai rồi đến đây?” Sư thưa: “Phù Sơn.” Viên Thông bảo: “Lạ! Được cái gì mà lưỡi biếng.” Viên Thông bèn nắm tay, hai người cười rồi trở về phương trượng.”

Ban đầu Sư trụ trì tại Bạch Vân. Sau sư dời đến Đầu Tử. Sư thượng đường dạy chúng: “Nếu luận việc này như loan phụng bay giữa hư

không chẳng để dấu vết, như con linh dương mọc sừng ai tìm được dấu chơn, rỗng vàng chẳng giữ đậm lạnh, thỏ ngọc đâu gá bóng cóc. Nếu lập chủ khách thì phải ngoài cõi Oai Âm lay đầu, hỏi đáp nói bày vẫn còn ở giữa đường. Nếu đứng trông chẳng nhọc thấy nhau.

Một hôm, Thiên sư Đầu Tử thượng đường thị chúng, nói rằng: "Đừng dừng lại và làm giảm giá trị am tranh trong một ngôi làng cô tịch. Hãy đi qua đèo của chư Phật và chư Tổ. Mấy ông cũng giống như một kẻ luôn đụng phải tường, không bao giờ tìm được đường về nhà. Mấy ông cũng giống như một ông tướng bị quân địch vây hãm, nên phải tự sát bên bờ sông. Làm sao thoát được cuộc đời đầy khổ hình này? Tất cả chư Thiên đức đã đi đến trạng thái này; nếu họ bước tới, họ sẽ rơi vào tay của thiên ma. Nếu họ rút lui, họ sẽ bị trượt vào đường ngạ quỷ. Nếu họ không tới không lui, họ sẽ bị chết đuối trong vùng nước chết. Hết thấy mấy ông! Mấy ông tìm nơi nào để được chỗ bình an?" Sau khi im lặng một lúc, Đầu Tử nói: "Ngay cả ba tác tuyệt cũng không nghiền nát được tâm thức của cây tùng một phân."

Năm 1083, lúc gần thị tịch, sư có làm bài kệ:

“Lưỡng xứ trụ trì  
 Vô khả trợ đạo  
 Trân trọng chư nhơn  
 Bất tu tâm thảo.”  
 (Trụ trì hai nơi,  
 không thể giúp đạo  
 Trân trọng các người,  
 Chẳng cần tìm thảo).

Sau khi thị tịch, Sư được sắc thụy "Toàn Bi Thiên Sư".

## 2) *Những Công Án Tiêu Biểu Liên Quan Đến Đầu Tử Nghĩa Thanh Thiên Sư:*

**Đầu Tử Ngẫu Tại:** Công án Đầu Tử nói trâu vẫn còn. Theo Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm có một bà lão đi đến núi Đại Đồng để hỏi Thiên sư Đầu Tử: "Chúng tôi bị mất trâu, thầy nói xem cái gì đã xảy ra." Đầu Tử gọi: "Bà lão!" Bà lão lập tức trả lời: "Dạ!" Đầu Tử nói: "Trâu vẫn còn đây!" Bà lão vui mừng rời núi.

**Đầu Tử Nhất Thiết Phật Âm:** Theo thí dụ thứ 79 của Bích Nham Lục. Một vị Tăng hỏi Đầu Tử: "Tất cả tiếng là tiếng Phật phải chăng?" Đầu Tử đáp: "Phải." Vị Tăng thưa: "Hòa Thượng chớ cho tiếng hạ

phong tiếng khua bát." Đầu Tử liền đánh. Vị Tăng lại hỏi: "Lời thô và tiếng tế đều về đệ nhất nghĩa phải chăng?" Đầu Tử đáp: "Phải." Vị Tăng thưa: "Kêu Hòa Thượng là con lừa được chăng?" Đầu Tử liền đánh. Theo Viên Ngộ trong Bích Nham Lục, Đầu Tử chất phác được tài hùng biện siêu quần. Phàm có người hỏi vừa mở miệng liền thấy mặt, chẳng phí sức thừa, ngồi đoạn đầu lưỡi kẻ khác, đáng gọi là ngồi trong phòng kín tính toán quyết thắng ngoài ngàn dặm. Vị Tăng này đem kiến giải Phật pháp tinh sắc dán ở trên đầu gặp người liền hỏi. Đầu Tử là hàng tác gia gió đến biện rành. Vị Tăng này biết chỗ thật của Đầu Tử nên hạ một cái lồng bẫy khiến Đầu Tử vào trong, cho nên có lời sau. Đầu Tử lại sử dụng cái máy gài cọp, câu lời sau của Sư nói ra vị Tăng nhận chỗ đáp kia, liền nói: "Hòa Thượng chớ cho tiếng hạ phong tiếng khua bát." Quả nhiên một phen câu liền mắc, nếu là người khác không làm gì được vị Tăng này. Đầu Tử đủ mắt sáng theo sau liền đánh, thủ đoạn nhai chó lợn phải trao lại cho hàng tác gia mới được, xoay bên trái tùy kia lăn trùng trục, xoay bên phải tùy kia lăn trùng trục. Vị Tăng này đã tạo cái lồng bẫy cần đến chỗ nhỏ râu cọp. Đầu Tử đi trên lồng bẫy kia, nên liền đánh. Vị Tăng này đáng tiếc có đầu không đuôi. Khi ấy đợi sư cầm gậy, liền lật ngược giường thiền, dù cho Đầu Tử toàn cơ cũng phải thối lui ba ngàn dặm. Lại hỏi: "Lời thô và tiếng tế đều về đệ nhất nghĩa phải chăng?" Đầu Tử cũng nói phải. Giống hệt câu hỏi trước không khác. Vị Tăng thưa: "Kêu Hòa Thượng là con lừa được chăng?" Đầu Tử liền đánh. Tuy nhiên, vị Tăng này tạo sào huyết quả thực kỳ đặc. Nếu là kẻ trưởng lão không mất ngồi trên giường gỗ cũng khó mà bẻ gãy được y. Đầu Tử có chỗ chuyển thân. Vị Tăng này đã tạo đạo lý cố lời kia đi, đến rồi như trước chẳng phải làm gì được lão Đầu Tử. Nham Đầu nói: "Nếu luận chiến, mỗi mỗi đứng tại chỗ chuyển." Đầu Tử phóng đi rất chậm, thâu lại quá nhanh. Khi ấy vị Tăng này nếu biết chuyển thân thổ khí, há chẳng làm được cái kẻ miệng như chậu máu. Hàng thiền khách một chẳng làm, hai chẳng thôi. Vị Tăng này đã chẳng giới nhảy né, lại bị Đầu Tử xỏ lỗ mũi.

**Đầu Tử Thập Thân Điều Ngự: Tou Tzu:** Công án nói về cơ duyên vấn đáp giữa Đầu Tử Đại Đồng và một vị Tăng về Phật Thân. Theo Truyền Đăng Lục, quyển XV, một hôm có một vị Tăng hỏi Thiền sư Đầu Tử Đại Đồng: "Thế nào là Thập Thân Điều Ngự?" Đại Đồng xuống giường đứng. Vị Tăng lại hỏi: "Phàm Thánh cách nhau bao xa?"



Sư cũng xuống giường đứng. Thiền sư Đầu Tử Đại Đồng muốn nhắc nhở chúng ta cái gì? Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng phàm thân và mười thân Phật từ thân Bồ đề, thân Nguyên, thân Hóa, thân Trụ trì, thân Tướng hảo Trang nghiêm, thân Thế lực, thân Như ý, thân Phước đức, thân Trí, đến thân Pháp, không cách xa lắm, khoảng cách chỉ như là từ trên giường bước xuống sàn.

## ***(II) Thiền Sư Hưng Dương Thanh Phẫu***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Hưng Dương Thanh Phẫu; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên: Thiền sư Hưng Dương Thanh Phẫu là đệ tử của Thiền sư Đại Dương. Sư sống và dạy Thiền trên núi Hưng Dương. Tuy Sư là một đệ tử nổi bật của Thiền sư Đại Dương, nhưng không may lại chết trước Đại Dương và không có Pháp tử nào để nối dõi Tào Động.

Lúc Hưng Dương làm vị Tăng coi sóc nhà vườn trong tự viện, một lần Sư trồng dưa. Đại Dương hỏi Sư: "Chứng nào dưa chín?" Hưng Dương nói: "Bây giờ chúng đã chín hết rồi." Đại Dương nói: "Hãy hái những trái chín để riêng ra." Hưng Dương nói: "Con sẽ đưa chúng cho ai?" Đại Dương nói: "Đưa cho những ai không ở trong nhà vườn." Hưng Dương nói: "Hòa Thượng nghĩ những người không ở trong nhà vườn sẽ ăn chúng sao?" Đại Dương nói: "Ông có biết họ hay không cái đã?" Hưng Dương nói: "Dầu con không biết họ, nhưng con không thể nào không đưa dưa chín cho họ." Đại Dương cười rồi bỏ đi.

Sau khi trụ ở Hưng Dương, sư thượng đường dạy chúng: "Đại đạo từ Tây sang, lý bất bách phi, trong câu hợp cơ toàn trái diệu chỉ, bất đắc dĩ mà có làm cong vạy tông Tổ Sư, huống là lãng xăng có lợi ích gì? Tuy nhiên như thế, việc không phải một chiều, hãy ở trong cửa xứng giáo mở một con đường cùng toàn thể thương lượng."

Có vị Tăng hỏi: "Rồng Ta Kiệt ra khỏi biển thì càn khôn chấn động, thấy mặt trình nhau việc thế nào?" Sư đáp: "Chim Đại bàng cánh vàng kinh vũ trụ, trong ấy ai là người xuất đầu?" Vị Tăng hỏi: "Nếu khi gặp người xuất đầu thì làm sao?" Sư đáp: "Giống như chim cất anh không tin, trước sọ khô nghiệm mới biết thật." Vị Tăng hỏi: "Thế ấy thì

khoanh tay bày ngực lui ba bước?” Sư đáp: “Dưới tòa Tu Di con rùa quạ, chờ đợi điểm trán lần thứ hai.”

Một vị Tăng hỏi Hưng Dương: "Tất cả cổ Thánh đi đâu?" Hưng Dương nói: "Trăng chiếu êm đềm trên ngàn sông. Ánh sáng cô độc của nó chiếu sáng đến tận đáy biển."

Một vị Tăng hỏi: "Chừng nào Hòa Thượng mới bắt đầu thượng đường thuyết giảng?" Hưng Dương nói: "Lão Tăng không thượng đường như là một trong chuỗi dài nối tiếp của Tăng chúng. Tốt hơn, lão Tăng nên thượng đường và nói chuyện trước khi nhật nguyệt được khai sanh."

Sư bệnh, Đại Dương đến hỏi: “Thân này như bọt huyễn, trong bọt huyễn thành tự. Nếu không có cái bọt huyễn thì đại sự không do đâu mà hiện. Nếu cần đại sự xong, biết cái bọt huyễn này làm gì?” Sư thưa: “Vẫn là việc bên này.” Đại Dương bảo: “Việc bên kia thế nào?” Sư thưa: “Khấp đất văng hồng suốt, đáy biển chẳng trồng hoa.” Đại Dương cười: “Là người tỉnh chẳng?” Sư hét: “Nói! Sẽ bảo tôi mất rồi.” Nói xong thầy thị tịch.

### ***The Seventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***Zen Master Ta-Yang Ching-Hsuan's Dharma Heirs***

The Seventh Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the seventeen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Ta-Yang Ching-Hsuan's Dharma Heirs** include Zen Master I-Ch'ing and Ch'ing-P'ou.

#### ***(I) Zen Master T'ou-Tzu I-Ch'ing***

##### ***1) Life and Acts of Zen Master T'ou-Tzu I-Ch'ing:***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan: Zen master Yi-Qing-T'ou-Tzi was born in 1032 in an area in Henan Province. He was the Xao-T'ong Zen school Dharma heir, but not the direct student of T'a-Yang.

He left home at the age of seven to live at Miao-Xiang Temple. Initially, he studied the “Hundred Dharmas Doctrine” of the Consciousness-Only school of Buddhism. Later, he undertook the practices of the Hua-Yen school, but upon reading the words “Mind is self-nature,” he had an insight, saying: “Dharma is not found in the written word, and how can one speak of it?” He then went traveling to find and study under a Zen teacher.

At that time, Zen master Yuan-Jian was staying at Sacred Peak. One night he saw a blue eagle in a dream and took it as an omen. The next morning, T’ou-Tzi arrived and Yuan-Jian received him ceremoniously. Now because a non-Buddhist once asked the Buddha: “I don’t ask about that which may be spoken of, and I don’t ask about what may not be spoken of. After three years Yuan-Jian asked T’ou-Tzi: “Let’s see if you remember your ‘hua-t’ou.’ T’ou-Tzi began to answer when Yuan-Jian suddenly covered T’ou-Tzi’s mouth with his hand. T’ou-Tzi then experienced enlightenment. He bowed. Yuan-Jian said: “Have you awakened to the mysterious function?” T’ou-Tzi said: “Were it like that I’d have to spit it out.” At that time an attendant standing to one side said: “Today Qing Hua-Yan (T’ou-Tzi) is sweating as if he were ill!” T’ou-Tzi turned to him and said: “Don’t speak insolently! If you do so again I’ll vomit!” After three more years, Yuan-Jian revealed to T’ou-Tzi the essential doctrine passed down from T’ong-Shan and T’ou-Tzi grasped it entirely. Yuan-Jian presented T’ou-Tzi with T’a-Yang’s portrait, sandals, and robe. He then instructed him to carry on the method of this school in my behalf, so that it will not end here. Well and befittingly sustain and preserve it.” Yuan-Jian then wrote a verse and presented to T’ou-Tzi:

“Mt. Sumeru stands in the great void.  
It supports the spinning sun and moon.  
Upon its countless peaks do rest,  
The white clouds there transformed.  
The Shao-Lin wind sows a forest.  
The Cao-T’ong screen rolled up.  
A golden phoenix lives in a dragon’s nest.  
Imperial moss is crushed by a wagon.

When T’ou-tzi-Yi-Qing arrived at Yuan-Tong’s place, rather than going for an interview with that teacher at the appointed time, he

remained sleeping in the monk's hall. The head monk reported this to Yuan-Tong, saying: "There is a monk who's sleeping in the hall during the day. I'll go deal with it according to the rules." Yuan-Tong asked: "Who is it?" The head monk said: "The monk Qing." Yuan-Tong said: "Leave it be. I'll go find about it." Yuan-Tong then took his staff and went into the monk's hall. There he found T'ou-Tzi-Yi-Qing in a deep sleep. Hitting the sleeping platform with his staff, he scolded him: "I don't offer any 'leisure rice' here for monks so that they can go to sleep." T'ou-Tzi-Yi-Qing woke up and asked: "How would the master prefer that I practice?" Yuan-Tong said: "Why don't you try practicing Zen?" Yi-Qing said: "Fancy food doesn't interest someone who's sated." Yuan-Tong said: "But I don't think you've gotten there yet." Yi-Qing said: "What point would there be in waiting until you believe it?" Yuan-Tong said: "Who have you been studying with?" Yi-Qing said: "Fu-Shan." Yuan-Tong said: "No wonder you're so obstinate!" They then held each other's hands, laughed, and went to talk in Yuan-Tong's room. From this incident Yi-Qing's reputation spread widely.

T'ou-Tzi-Yi-Qing first taught on White Cloud Temple in Jian-Chou. He later moved to the Sheng-Yin Monastery in Shu-Chou (located on Mt. Qian) Zen master Yi-Qing entered the hall and addressed the monks, saying: "To speak of this affair is like a phoenix soaring into the heavens, not leaving a trace behind. It's like a ram whose horns are entangled in a tree, and thus does not touch the ground. Where will you find any tracks? A golden dragon in not concealed in a cold swamp. A jade rabbit nests in the moonlight. In order to establish the guest and host, you must stick your head out beyond the noisy world. If you answer my questions properly, you're singing at the edge of the mysterious road. But in that case, you're still only halfway there. If you're still staring in miscomprehension, don't belabor what you see!"

One day, Zen master T'ou-Tzi entered the hall and addressed the monks, saying, "Don't stop in and run-down shack in an isolated village. Go through the mountain pass of the Buddhas and ancestors. You are all like a person who always hitting barriers, never finding your way home. You're like a political-military figure who, being surrounded by enemy troops, killed himself on a river bank. Where can you escape your tortured life? All Zen worthies who have reached this state; if

they go forward, they fall into the hands of the celestial demons. If they retreat, they slip into the way of the hungry ghosts. If they go neither forward nor backward, then they drown in the dead water. All of you! Where will you find peace?" After a pause, T'ou-Tzi said, "Even three feet of snow can't crush a one-inch spiritual pine."

When Yi-Qing was near death, he composed a poem:

"As the abbot of two temples,  
I couldn't assist the Buddha way.  
My parting message to you all,  
Don't go seeking after something."

Upon his death, T'ou-Tzi received the posthumous name "Zen Master Complete Compassion."

## 2) *Typical Kôans Related To Zen Master T'ou-Tzu I-Ch'ing:*

*T'ou-Tzu's "Cow Is Still Here:* The koan of T'ou-tzu's "cow is still here". According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'u'an-Teng-Lu), Volume XV, one day, an old lady came to the mountain to ask Zen master T'ou-tzu Ta-t'ung (819-914), "We lost a cow, would you please tell me what happened." T'ou-tzu called, "Old lady!" The old lady responded immediately, "Yes!" T'ou-tzu said, "The cow is still here." The old lady left the mountain happily.

*T'ou Tzu's All Sounds Are Sounds of Buddha:* According to example 79 of the Pi-Yen-Lu, a monk asked T'ou Tzu, "All sounds are the sounds of Buddha, right or wrong?" T'ou Tzu said, "Right." The monk said, "Teacher, doesn't your asshole make farting sounds?" T'ou Tzu then hit him. Again the monk asked, "Coarse words or subtle talk, all return to the primary meaning, right or wrong?" T'ou Tzu said, "Right." The monk said, "Can I call you an ass, Teacher?" T'ou Tzu then hit him. According to Yuan-Wu in the Pi-Yen-Lu, T'ou Tzu was plain and truthful; he had the eloquence which stood out from the crowd. Whenever a question was put to him, you saw his guts as soon as he opened his mouth. Without expending superfluous effort, he would immediately cut off the questioner's tongue. It could be said that, setting his plan in motion from within his headquarters tent, he decided victory beyond a thousand miles. This monk had taken his views of sound and form Buddhism and stuck them to his forehead: whenever he met someone, he would immediately discerns oncoming winds.

Knowing that T'ou Tzu was truthful, this monk from the start was making a trap for him to go into; hence his subsequent remarks. Nevertheless it was T'ou Tzu who used the tiger trap to fish out the monk's subsequent words. This monk received T'ou Tzu's answer by saying, "Teacher, doesn't your asshole make farting sounds?" As it turned out, as soon as T'ou Tzu set his hook, the monk immediately climb onto it. Anyone else would have been unable to handle this monk, but T'ou Tzu had the eye and followed up behind and hit him. Such "hound biting a boar" ability is only possible for an adept. Whether he turned to the left or to the right. T'ou Tzu followed him, turning smoothly. When this monk made a trap, wanting to grab the tiger's whiskers, he was far from knowing that T'ou Tzu was above his trap and would hit him. Too bad for this monk; he has a head but no tail. As soon as T'ou Tzu picked up his staff, the monk should have overturned his meditation seat. Then even if T'ou Tzu had used his full capacity, he still would have had to fall back three thousand miles. The monk asked, "Coarse words or subtle talk, all returns to the primary meaning, right or wrong?" Again T'ou Tzu said, "Right." This is just like his previous answer; there is no difference. When the monk said, "Can I call you an ass, Teacher?" T'ou Tzu again hit him. Although this monk was making himself a nest, nevertheless he was still exceptional. If the old fellow up on the carved wood seat had been without an eye on his forehead, it would have been impossible for him to crush this monk made up a theory, he wanted to plunder T'ou Tzu's shop; but in the end, as before, he couldn't cope with the old fellow. Haven't you seen Yen T'ou's saying? "In battle each one occupies a pivotal position." T'ou Tzu let go very slowly and gathered in very swiftly. At the time, if this monk had known how to turn himself around and show some life, wouldn't he have been able to act as a man with a mouth like a bowl of blood? A patchrobed monk either doesn't act or once he begins he doesn't wit. Since this monk was unable to spring back, his nostrils were pierced by T'ou Tzu.

***Ten Buddha-Bodies:*** The koan about the potentiality and conditions of questions and answers between Zen master Tou-Tzu and a monk about the Buddhakaya. According to the Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu), Volume XV, one day a monk asked Zen master T'ou-tzu Ta-t'ung, "What are the ten Buddha-

bodies?" Master T'ou-tzu Ta-t'ung stepped down from the bed. The monk asked again, "How far is it from ordinary people to saints?" Master T'ou-tzu Ta-t'ung also stepped down from the bed. What does Zen master T'ou-tzu Ta-t'ung want to remind us? Zen practitioners should always remember that the ordinary body and the ten bodies of a Thus Come One from the body of Bodhi, the body of Vows, the Transformation body, the body of Maintaining with powers, the body Adorned with Marks and Characteristics, the body of Awesome strength, the body produced by mind, the body of Blessing and Virtue, the Wisdom body, to the Dharma body, are not far away; the distance is like from the bed to the floor only.

## *(II) Zen Master Hsing-Yang Ch'ing-P'ou*

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan: Zen master Hsing-yang Ch'ing-p'ou was a disciple of Zen master T'a-Yang. Although he was a prominent successor of T'a-Yang, he unfortunately did not outlive his teacher, nor did he have any Dharma heirs to carry on the Cao-T'ong line.

When Hsing-yang was chief gardener he was tending the melon. T'a-yang asked him, "When will the sweet melon be ripe?" Hsing-yang said, "Now they're already very ripe." T'a-yang said, "Pick the sweet ones and take them away." Hsing-yang said, "To whom shall I give them?" T'a-yang said, "Give them to someone who hasn't been in the garden." Hsing-yang said, "Do you think that people who haven't been in the garden will eat them?" T'a-yang said, "Do you know those people or not?" Hsing-yang said, "Although I don't know them, I can't help but provide for them." T'a-yang laughed and went off.

After becoming the abbot of a temple, Hsing-yang entered the hall and addressed the monks, saying: "The principle of the great way that came from the west cuts off the hundred negations. Words that accord with the essential teaching go on without end. But what benefit could there be in just arduously submitting to the teachings of our school? Although it's like this, there are many different affairs to deal with. But

in the teaching of our school, there is only one path that passes through. Everyone discuss this!"

A monk asked Hsing-yang: "When the Sagara Dragon emerges from the sea, the entire universe shudders. At just such a time, how is this expressed?" Hsing-yang said: "The Garuda King confronts the universe! Among you here, who can come forth?" The monk asked: "If suddenly someone comes forth, then what?" Hsing-yang said: "It's like a falcon striking a pigeon. You don't believe me. If you can experience it behind your skull, then you'll at last realize the truth." The monk said: "In that case, I'll just fold my hands on my chest and retreat three steps." Hsing-yang said: "The tortoise that upholds Mount Sumeru won't tolerate another one going back with a dot on its forehead!"

A monk asked Hsing-yang, "Where have all the ancient saints gone?" Hsing-yang said, "The moon peacefully shines on the thousand rivers. Its solitary light illuminates to the bottom of the sea."

A monk asked, "At what time did you go into the hall to begin teaching?" Hsing-yang said, "I do not enter the hall as one of a succession of monks. Rather, I enter the hall and speak before the sun and moon were born."

When Hsing-yang was ill in bed, T'a-Yang said to him: "The body is an illusion, and within this illusion affairs are carried out. If not for this illusion, the great matter would have no place from which to be undertaken. If the great matter is undertaken, it is seen to be an illusion. What do you say?" Hsing-yang said: "There is still this matter here." T'a-Yang said: "And what is that matter?" Hsing-yang said: "Encircling the earth, the lustrous crimson orb. At ocean bottom, not planting flowers." Hsing-yang paused and closed his eyes. T'a-Yang smile and said: "Are you awake?" Hsing-yang said: "I've forgotten what I was about to say." He then passed away.



**Chương Ba Mươi Bốn**  
**Chapter Thirty-Four**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Tám**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Đầu Tử Nghĩa Thanh**

Tào Động Tông Đồi Thứ Tám nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đồi thứ mười tám sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Đầu Tử Nghĩa Thanh** bao gồm các vị Thiên Sư Đạo Giai, Liễu Minh, và Tịnh Nhân Khải.

**(I) Thiên Sư Phù Dung Đạo Giai**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Phù Dung Đạo Giai (1043-1118); tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên: Thiên sư Phù Dung Đạo Giai sanh năm 1043 tại Nghi Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông). Khi còn trẻ, Sư học Đạo Thuật với mục đích được trường sanh bất tử. Về sau này Sư bỏ cách học này để học Thiên với một vị thầy ở Trường An. Sau đó Sư trở thành đệ tử và Pháp tự của Thiên sư Đầu Tử Nghĩa Thanh.

Sư hỏi Đầu Tử: “Ngôn giáo của Phật Tổ như việc côm nước thường ngày trong nhà, lìa rời việc này riêng có chỗ vì người hay chăng?” Đầu Tử đáp: “Người nói sắc lệnh của Thiên Tử trong cõi này, lại nhờ vua Võ, vua Thang, Nghiêu, Thuấn hay chăng?” Sư suy nghĩ để đáp lại. Đầu Tử lấy phất tử bịt miệng sư, nói: “Người phát ý ra đã đáng ăn ba mươi gậy rồi.” Ngay câu nói này, sư tỉnh ngộ, đánh lễ, liền lui ra. Đầu Tử gọi: “Xà Lê hãy lại đây.” Sư chẳng ngó lại. Đầu Tử nói: “Người đến chỗ chẳng nghi chăng?” Sư liền bịt tai.

Một hôm, sư theo Đầu Tử đi dạo vườn trà. Đầu Tử trao cây gậy cho sư, sư nhận lấy liền đi theo sau Đầu Tử. Đầu Tử bảo: “Lý nên thế ấy.” Sư thưa: “Cùng Hòa Thượng xách giày cầm gậy, cũng chẳng phải việc phần ngoài.” Đầu Tử bảo: “Vẫn có người đồng hành.” Sư thưa: “Đây là một người không nhận dạy.” Đầu Tử thôi hỏi. Đến chiều, Đầu Tử bảo:

“Sớm mai nói thoại chưa hết.” Sư thưa: “Thỉnh Hòa Thượng nói tiếp.”  
 Đầu Tử nói: “Mạo sanh nhật, tuất sanh nguyệt.” Sư liền đốt đèn đem  
 đến. Đầu Tử nói: “Người đi lên đi xuống đều không luống công.” Sư  
 thưa: “Ở bên cạnh Hòa Thượng lý phải như thế.” Đầu Tử nói: “Kẻ tôi  
 đòi trong nhà nào mà không có.” Sư thưa: “Hòa Thượng tuổi cao thiếu  
 nó không được.” Đầu Tử hỏi: “Ân cần cái gì?” Sư thưa: “Có phần đền  
 ân.”

Vào năm 1080, Phù Dung trở thành trụ trì chùa Triệu Đế và Tự  
 viện Trung Ninh Bảo Thọ trên núi Đại Dương. Tại đó, Sư truyền bá  
 giáo pháp Tào Động tông, với số đệ tử nhiều như mây trời. Một hôm,  
 Thiền sư Phù Dung thượng đường thị chúng, nói rằng: "Về ban ngày, đi  
 vào Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, trăng sáng lóng lánh trên trời. Về đêm,  
 lên đỉnh Linh Thứu Sơn, mặt trời tràn ngập cả mắt. Những con quạ đen  
 bay từng bầy như tuyết trắng, một con ngỗng cô lẻ bỗng trở thành một  
 bầy; thiết cầu sủa tiếng vang lên tận mây; một con trâu nước cố tìm  
 đường xuống biển. Chỉ khi nào được như thế ấy, thì thập phương hội tụ,  
 và rồi chừng đó thì cần gì phải tách cái ngã và những cái khác nữa? Tại  
 chỗ của những vị cổ Phật này, bên dưới cổng của chư Tổ, tất cả mấy  
 ông dang tay ra và đón nhận những vị tôn túc đã đến. Hết thầy mấy  
 ông, mấy ông có thể nói về cái sở đắc của mình hay không?" Sau một  
 lúc lâu im lặng, Phù Dung nói: "Hãy trồng nhiều cây vô tướng cho  
 những người đến sau trông thấy."

Sau khi Phù Dung trở thành trụ trì, có một vị Tăng hỏi: "Bài hát của  
 người Hồ (Tổ Bồ Đề Đạt Ma) không có ngũ âm trong cung bậc âm  
 nhạc. Thế mà sự du dương của nó lên đến tận những cung trời. Con xin  
 phép thỉnh Hòa Thượng hát bài ấy đi!" Phù Dung nói: "Gà gõ gáy về  
 đêm. Thiết phụng hát tiếng rõ ràng xuyên qua những cung trời." Vị  
 Tăng nói: "Trong trường hợp đó, một câu của bài hát này bao trùm cả  
 ngàn điệu du dương thời trước. Vị hành cước Tăng biết giai điệu này  
 tràn ngập sảnh đường." Phù Dung nói: "Vô thiệt đồng tử có thể mang  
 giai điệu này." Vị Tăng nói: "Hòa Thượng là một bậc thầy vĩ đại, có  
 thiên nhãn của loài người." Phù Dung nói: "Đừng tự vả vào môi mình  
 nữa."

Một vị Tăng hỏi Phù Dung: "Thế nào là Đạo?" Phù Dung nói: "Khi  
 đêm đến, một con bò không sừng đi vào chuồng."

Phù Dung nói: "Khi không nghe được nghiệp thanh của tiếng  
 chuông và trống, thì một âm thanh cô lẻ làm tỉnh thức người trong

mộng. Sự tĩnh lặng vĩnh hằng và toàn hảo không có việc gì đặc biệt hơn nữa. Ai nói Quán Âm đưa ra cửa khác?" Sau một lúc lâu im lặng, Phù Dung nói: "Mấy ông có lãnh hội không? Đừng hỏi vị khách trên Phổ Đà Sơn. Khi chim ưng kêu thét lên, thì mây quanh đỉnh đảo tan biến hết!"

Một hôm, Sư thượng đường dạy chúng. Sư đưa cây gậy lên và nói: "Đây mấy ông xem, công việc của chư Phật đấy. Ngay cả khi mấy ông có thể tự do 'khởi lên ở đông và lặn xuống ở tây,' 'thâu nó lại và trải nó ra,' về căn bản, mấy ông vẫn không hiểu công việc mà phán đoán thất Phật. Mấy ông phải hiểu thấu rằng có một người không nhờ người khác mà thực chứng, không nhận giáo pháp từ người khác, và không rơi vào giai đoạn. Nếu mấy ông gặp người này, thì việc tu tập Thiền cả đời của mấy ông coi như đã hoàn tất." Rồi Phù Dung bỗng hét vào mặt chư Tăng: "Nếu mấy ông còn nghi, mấy ông không cần gặp lão Tăng về những chuyện này nữa đâu!"

Phù Dung thượng đường dạy chúng: "Núi xanh luôn đi. Người đàn bà đá sanh con về đêm."

Một vị Tăng hỏi: "Thế nào là thói nhà của Hòa Thượng?" Phù Dung nói: "Mọi người đều thấy nó cả mà."

Một hôm, Sư thượng đường dạy chúng: "Ta không đòi hỏi ba mươi ngày cuối của tháng chạp. Ta chỉ muốn biết về đại sự của tháng chạp mà thôi. Mọi người! Ngay lúc đó, Phật không giúp gì được cho mấy ông; Pháp không giúp gì được cho mấy ông; Tổ không giúp gì được cho mấy ông; tất cả các lão sư trên đời không giúp gì được cho mấy ông, ta không giúp gì được cho mấy ông; Diêm Vương cũng không giúp gì được cho mấy ông. Mấy ông phải giải quyết vấn đề này ngay bây giờ! Nếu mấy ông giải quyết vấn đề này bây giờ, Phật không lấy được nó từ mấy ông; Pháp không lấy được nó từ mấy ông; chư Tổ không lấy được nó từ mấy ông; các lão sư trên đời này không lấy được nó từ mấy ông; và Diêm Vương cũng không lấy được nó từ mấy ông. Nói mau! Bài học gì của thời điểm này? Có hội không? Năm tới sẽ nẩy mầm mới. Gió xuân khó chịu không ngớt thổi."

Vào năm 1104, vua Huệ Tông nghe tiếng của Sư bèn ban tử y Tăng già lê và danh hiệu "Định Chiếu Thiền Sư." Sư từ chối nhận tử y vì cho rằng không thích hợp và việc này gây ra sự phẫn nộ của nhà vua. Vua đòi Sư phải đến trụ tại Từ Châu, nơi mà bây giờ thuộc tỉnh Sơn Đông. Phù Dung cũng khước từ luôn cả chuyện này. Cuối cùng vua Huệ Tông

đổi ý và xây một ngôi chùa trên núi Phù Dung để vinh danh Sư. Phù Dung di chuyển đến ngôi chùa này, lấy tên núi đó, và trụ lại đó để dạy Thiền cho một số lớn đệ tử cho đến cuối đời của Sư.

Vào ngày mười bốn tháng tám âm lịch năm 1118, sư hỏi bút giấy, đoạn viết kệ:

“Ngô niên thất thập lục  
 Thế duyên kim dĩ túc  
 Sanh bất ái thiên đường  
 Tử bất phạ địa ngục  
 Tán thủ hoành thân tam giới ngoại  
 Đẳng đẳng nhận vận hà câu thúc.”  
 (Ta tuổi bảy mươi sáu,  
 Duyên đời nay đã đủ  
 Sanh chẳng thích thiên đường  
 Chết chẳng sợ địa ngục  
 Buông tay đi ngang ngoài tam giới  
 Mặc tình vươn bồng nào buộc ràng).

Sau đó, sư thị tịch.

## ***(II) Thiền Sư Liễu Minh***

Liễu Minh là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa thuộc tông Tào Động vào thời nhà Tống (960-1279). Lúc đầu Sư đến học Thiền với Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo; nhưng sau đó lại hành cước đến tham học với Thiền sư Đầu Tử Nghĩa Thanh và trở thành một trong những đệ tử nổi pháp nổi tiếng của vị Thiền sư này.

## ***(III) Thiền Sư Tịnh Nhân Khải***

Tịnh Nhân Khải, tên của một vị Thiền sư Trung Hoa vào thế kỷ thứ XI. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Tịnh Nhân Khải; tuy nhiên, có một cuộc đối thoại giữa Sư và Thiền sư Đầu Tử trong quyển Ngũ Đăng Hội Nguyên: Thiền sư Tịnh Nhân Khải là đầu bếp ở thiền viện của Đầu Tử. Một hôm Thiền sư Đầu Tử nói: "Làm một đầu bếp như vậy thì không phải là việc dễ dàng đâu." Khải nói:

"Thầy tốt mà nói vậy." Đầu Tử nói: "Việc của ông là nấu cháo hay nấu cơm?" Khải nói: "Một người phụ bếp giúp việc vo gạo và nhóm lửa, trong khi người phụ bếp khác lo việc nấu cháo và nấu cơm." Đầu Tử nói: "Vậy thì ông làm gì?" Khải nói: "Nhờ sự tử tế của thầy, con chẳng có gì để làm, chỉ nhàn rỗi qua ngày vậy thôi." Phải chăng thật sự Tịnh Nhân Khải không có việc gì để làm trong cương vị đầu bếp? Phải chăng ông chỉ nhàn rỗi qua ngày? Vậy thì tại sao Sư lại được chỉ định làm đầu bếp? Hành giả tu Thiền nên luôn nhớ rằng trong đời sống thiền đường các vấn đề thâm sâu phải giải quyết nằm ở khắp mọi nơi mà các thiền sư luôn luôn sẵn sàng nêu ra để các thiền sinh phải đối diện chúng. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Tịnh Nhân Khải kể cho Đầu Tử nghe một loạt những việc Sư đang làm? Có lẽ Sư đã phải lãnh ba mươi hèo cũng không chừng.

### ***The Eighth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***Zen Master T'ou-Tzu I-Ch'ing's Dharma Heirs***

The Eighth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the eighteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master T'ou-Tzu I-Ch'ing's Dharma Heirs** include Zen Masters T'ao-K'ai, Liao-Ming, and Ch'ing-Yin K'ai.

#### ***(I) Zen Master Fu Jung T'ao-K'ai***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan: Zen master Fu-jung-Yi-Qing was born in 1043 in Yi-Chou (now the city in southern San-T'ong Province). As a young man he practiced certain Taoist arts with the aim of gaining immortality. He later abandoned such practices and studied with a Zen master in Changan. Later he became a disciple and Dharma heir of T'ou-Tzi-Yi-Qing.

Fu-jung asked T'ou-Tzi: "The words of the Buddhas and ancestors were about everyday things such as drinking tea or eating rice. Besides

this, does the teaching have anything special for people or not?" T'ou-Tzi said: "You speak the Cosmic Emperor's edict. Are you pretending to be Yao, Shun, Yu, and T'ang or not? Fu-jung wanted to continue speaking but T'ou-Tzi raised his whisk and placed it over Fu-jung's mouth, saying: "If you have some intention, then you already deserve thirty hits with the stick!" Fu-Rong then experienced enlightenment. He bowed and turned to leave. T'ou-Tzi said: "Come back! Your reverence!" Fu-jung ignored him. T'ou-Tzi said: "Have you come to the place of no doubt?" Fu-jung then covered his ears with his hands.

One day, T'ou-Tzi and Fu-jung were walking in the vegetable patch. T'ou-Tzi came up to Fu-jung and handed him his staff. Fu-jung took it, then walked behind T'ou-Tzi. T'ou-Tzi said: "Is this in accordance with principle?" Fu-jung said: "Carrying the master's shoes or staff for him, it can't be otherwise." T'ou-Tzi said: "There's one walking with me." Fu-jung said: "Who's not learning from you?" T'ou-Tzi went back. When evening came, he said to Fu-jung: "The master we spoke of earlier isn't finished." Fu-jung said: "Master, please speak your mind." T'ou-Tzi said: "The morning gives birth to the sun. The evening gives birth to the moon." Fu-jung then lit the lamp. T'ou-Tzi said: "Your comings and goings, none of it is like that of a disciple." Fu-jung said: "Taking care of the master's affairs, this is in accordance with principle." T'ou-Tzi said: "Servants and slaves, what household doesn't have them?" Fu-jung said: The master is advanced in years. Neglecting him is unacceptable." T'ou-Tzi said: "So this is how you apply your diligence!" Fu-jung said: "One should repay kindness."

In the year 1080, Fu-jung became the abbot of the Zhaoti Temple and Chongning Baoshou Zen Monastery on Mt. T'a-yang. There he propagated the way of the Caodong school, with disciples as numerous as clouds. One day, Fu-jung entered the hall and said, "By day, entering Jetavananihara Park, a lustrous moon is in the sky. By night, ascending Vulture Peak, the sun fills the eyes. Crows swarming like the snow; a solitary goose becomes a flock; an iron dog barks and rises to the clouds; a water buffalo struggles and enters the sea. Just when it's like this, the ten directions converge, and then what separates self and others? In this place of ancient Buddhas, beneath the gate of the ancestors, all of you extend a hand and receive the worthies that have arrived. All of you, can you speak about what you've attained?" After a

long pause Fu-jung said, "Plant an abundance of formless trees for those who come later to see."

After Fu-jung became abbot, a monk asked him, "The song of the foreigner does not have the five tones of the musical scale. Its melody goes beyond the heavens. I ask the master to sing it!" Fu-jung said, "The wooden cock crows in the night. The iron phoenix sings clearly through the heavens." The monk said, "In that case, a single phrase of this song includes a thousand old melodies. The itinerant monks that know this tune fill the hall!" Fu-jung said, "A tongueless child can carry the tune." The monk said, "You are a great teacher, possessing the celestial eye of humanity." Fu-jung said, "Quit flapping your lips."

A monk asked Fu-jung, "What is Tao?" Fu-jung said, "When night comes, a hornless ox rushes into it pens."

Fu-jung said, "When the karmic sounds of bells and drum are not heard, a single sound awakens the one in the dream. Perfect eternal stillness has no extra affairs. Who says Kwan-Yin offers some other gates?" After a long pause, Fu-jung said, "Do you understand? Don't ask the guest on Putuo Mountain. When the eagle cries, the clouds around the island peaks are dispersed!"

Fu-jung entered the hall to address the monks. He held up his staff and said, "Here you see it, the affair of all the Buddhas. Even if you can freely 'rise in the east and sink in the west,' 'gather it in and roll it out,' you still don't fundamentally comprehend the affair that predates the seven Buddhas. You must realize that there is a person who is not realized through others, who does not receive teachings from others, and who does not fall into stages. If you see this person, the Zen practice of an entire lifetime is concluded." Fu-jung then suddenly yelled at the monks, "If you have any more doubts, you don't need to see me about them!"

Fu-jung entered the hall and said, "The green mountains are always walking. The stone woman gives birth to a son at night."

A monk asked, "What is the style of the master's house?" Fu-jung said, "Everyone can see it."

One day, Zen master Fu-jung entered the hall and addressed the monks, saying, "I don't ask about the last thirty days of the twelfth month. I just want to know about the great matter of the twelfth month. Everyone! At that moment, Buddha can't help you, Dharma can't help

you, the ancestors can't help you, all the teachers in earth can't help you, I can't help you, and the King of Death can't help you. You must settle this matter now! If you settle it now, the Buddha can't take it from you, the Dharma can't take it from you, the ancestors can't take it from you, all the teachers on earth can't take it from you, and the King of Death can't take it from you. Speak out! What is the lesson of this very moment? Do you understand? Next year there'll be a new shoot growing. The annoying spring wind never ceases."

In the year 1104 the emperor Hui Zong heard of Fu-jung's reputation and presented him with the honored purple robe and the title "Zen Master Samadhi Illumination." Fu-jung refused the robe as being inappropriate and incurred the emperor's wrath. The emperor demanded that Fu-jung take up residence in Zizhou, a place in modern Shandong Province. Fu-jung refused to submit to this as well. Eventually the emperor had a change of heart and honored Fu-jung, building a temple for him at Fu-jung. Fu-jung moved to that location, assumed its mountain name, and remained there, teaching a great number of students, for the rest of his life.

On the fourteenth day of the eighth lunar month in the year 1118, Fu-Jung asked for a brush and paper. He then wrote this verse:

"I'm seventy-six years old,  
My causal existence is now completed  
In life I did not favor heaven  
In death I don't fear hell  
Hands and body extend  
beyond the three realms.  
What stops me from roaming as I please?"

Soon after writing this verse, the master passed away.

## ***(II) Zen Master Liao-Ming***

Liao Ming, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master in the Sung Dynasty in China. First, he came to study Zen under Zen master Ta Hui Tsung Kao; but later he traveled to study under Zen master Tou-Tzu I-ch'ing, and he became one of the most outstanding Dharma heirs of this Zen master.



### ***(III) Zen Master Ch'ing-Yin K'ai***

Zen master Ch'ing-yin K'ai, name of a Chinese Zen master in the eleventh century. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is a dialogue between him and Zen master T'ou-tzu (1032-1083) in the Wudeng Hui-yuan: Zen master Ch'ing-yin K'ai was a cook at T'ou-tzu. One day, the master of T'ou-tzu said, "It is no easy task to work as a cook like this." K'ai said, "It is very kind of you." The master said, "Is your office to boil gruel, or to steam rice?" K'ai said, "The one helper rinses rice and starts the fire, while the other boils gruel and steam rice." The master said, "What is your work then?" K'ai said, "Through your kindness I have nothing to do but idle away my time." Had K'ai really no work to do as a cook? Was he just passing his time idly? How then could he be detailed as a cook? Zen practitioners should always remember that in the Zendo life deep problems for solution are lying everywhere, and the master is ever ready to pick them up and make the monks face them. What might have happened if Ch'ing-yin K'ai had told T'ou-tzu everything that he had been doing? Perhaps he had received thirty blows from T'ou-tzu.



**Chương Ba Mươi Lăm**  
**Chapter Thirty-Five**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Chín**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Đạo Giai**

Tào Động Tông Đồi Thứ Chín nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đồi thứ mười chín sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Đạo Giai** bao gồm các vị Thiên Sư Pháp Thành, Tử Thuần, và Duy Chiếu.

**(I) Thiên Sư Hương Sơn Pháp Thành**

Pháp Thành (1071-1128) là tên của một vị Thiên sư Trung Hoa thuộc tông Tào Động vào thời nhà Tống (960-1279). Đăng Hội Nguyên, quyển XIV, Sư xuất gia năm 17 tuổi và theo học Thiên với nhiều Thiên sư khác nhau như: Chân Tịnh Khắc Vân, Tử Tâm Ngộ Tân ở Hoàng Long, Đại Qui Mộ Triết, và Vân Cái Trí Bản. Cuối cùng Sư gặp và ở lại với Thiên sư Phù Dung Thiên Ninh. Khi mới đến tham vấn, Sư hỏi Phù Dung: "Thế nào là thói nhà của Hòa Thượng?" Phù Dung nói: "Mọi người đều thấy nó cả mà." Một hôm, Sư hỏi Phù Dung: "Thế nào là Đạo?" Phù Dung nói: "Khi đêm đến, một con bò không sừng đi vộ vào chuồng."

**(II) Thiên Sư Đơn Hà Tử Thuần**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Đơn Hà Tử Thuần (1064-1117); tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Ngũ Đăng Hội Nguyên: Thiên sư Đơn Hà Tử Thuần sanh năm 1064 tại tỉnh Tứ Xuyên, là một trong những đại đệ tử của Thiên sư Phù Dung. Đơn Hà thuộc về hàng ông cố trong nhà Thiên của

thiền sư Đạo Nguyên. Ông thọ cụ túc giới vào năm hai mươi tuổi. Sư trụ tại núi Đơn Hà, thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

Một hôm sư thượng đường thuyết pháp: “Trong càn khôn giữa vũ trụ, ở trong có một hòn ngọc ẩn tại hình sơn. Triệu Pháp Sư nói vậy, chỉ có thể chỉ vào dấu và nói về vết, chứ không thể cầm lấy mà chỉ bày cho người. Ngày nay Đơn Hà mở toát vũ trụ đập nát hình núi, cầm lấy mà chỉ bày cho mọi người quan sát. Những người có tuệ nhãn có thể thấy được.” Đơn Hà cầm gậy dựng xuống sàn nói: “Có thấy không? Cờ trắng trên tuyết sắc vẫn khác, Trăng sáng hoa lau chẳng giống nhau.” Hôm khác, Đơn Hà lại thượng đường, nhắc lại Đức Sơn dạy chúng nói: “Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.” Đức Sơn nói thoại thế ấy, đáng gọi là chỉ biết vào cổ tìm người, bất chợt toàn thân bùn nước. Chín chắn xem ra, chỉ đủ một con mắt. Nếu là Đơn Hà thì không thế. Tông ta có ngữ cú đao vàng cắt chẳng mở, sâu xa chỉ huyền diệu, ngọc nữ đem mang thai. Có một lần, Đơn Hà thượng đường và nói lớn: “Dừng dừng đừng ngộ còn thiếu nửa, lặng lặng canh ba vẫn chưa tròn, sáu cửa chẳng từng biết hơi ấm, lại qua thường ở trước trăng trong.”

Sư thượng đường thuyết: “Trăng sáng chiếu soi đầm trong bày bóng, nước không có ý thấm trăng, trăng không có tâm soi nước, trăng nước cả hai đều quên mới đáng gọi là đoạn. Vì thế nói: Việc lên trời cần phải thổi mát, việc thập thành cần phải dẹp mát, ném vàng vang tiếng chẳng cần xoay nhìn. Nếu hay như thế mới hiểu nhằm trong dị loại mà đi. Quý vị đến trong ấy lại thấu hiểu chẳng? Sư im lặng một lúc lại nói: Thường đi chẳng cất nhân gian bước, mang lông đội sừng lẫn đất bùn.”

Một vị Tăng hỏi: "Ngưu Đầu khi chưa gặp Tứ Tổ thế nào?" Sư đáp: "Cúc vàng vừa nở, ong đua nhau hút mật." Vị Tăng lại hỏi: "Vậy thì sau khi gặp thì thế nào?" Sư đáp: "Mầm nảy trên cây khô. Hoa héo không giữ được."

Thiền Sư Đơn Hà thị tịch vào mùa xuân năm 1117. Tháp cốt của sư được dựng lên ở phía nam Hồng Sơn, bây giờ là thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc.

### (III) *Thiền Sư Bảo Phong Duy Chiếu*

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Duy Chiếu Bảo Phong; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên: Thiền Sư Duy Chiếu Bảo Phong quê ở Giản Châu (bây giờ là Giản Dương thuộc tỉnh Tứ Xuyên). Một hôm đọc sách, ông giật mình với câu, “Tánh tướng cận dã, tập tướng viễn dã.” Sư nói: “Phàm Thánh vốn một thể, do tập nên sai khác, tôi biết đó rồi.” Liền đó sư đến Thành Đô làm đệ tử Sư Thanh Thối ở Lộc Uyển. Sư thọ cụ túc giới năm mười chín tuổi.

Một hôm sư Thanh Thối cố dạy sư về “Đại Thừa Khởi Tín Luận,” nhưng Sư thờ ơ với ý tưởng này. Thanh Thối hỏi lý do. Sư thưa: “Đã nói chánh tín Đại Thừa, há ở lời nói mà có thể rõ.” Sư không nhận lời này rồi cất bước ra đi, với ý định đến tham vấn thiền sư Phù Dung Đạo Giai trên núi Đại Hồng. Trên đường đến yết kiến Phù Dung, một đêm sư đang ngồi thiền bên đường, gặp gió thổi tuyết mỏng tạt vào mình, lại nghe tiếng la “ăn trộm!” Liền đó đại ngộ. Sư lập tức tiếp tục lên đường đi tìm Phù Dung. Tuy nhiên, chỗ của Phù Dung thật khó tìm. Trong khi Bảo Phong đang đi từ Tam Ngô đến Nghi Thủy thì viên trạo phu lạc mất đường đi. Lúc giận Sư cầm gậy gõ viên trạo phu thì hoát nhiên đại ngộ. Sư than: “Đất này đâu không phải Ngao Sơn ư?” Khi Sư đến Nghi Thủy, Phù Dung trông thấy vui vẻ nói: “Tông ta đã có người nối pháp! Sẽ còn nhiều thế hệ nữa tiếp tục nối pháp ta!”

Một hôm sư thượng đường thuyết pháp: “Phật xưa nói, ‘Khi ta mới thành Chánh Giác chính thấy chúng sanh trên đại địa thấy đều thành Chánh Giác.’ Sau Ngài lại nói, ‘Sâu thăm xa xôi không người biết nổi.’ Kẻ không kiến thức, khéo đầu rồng đuôi rắn.” Sư liền xuống tòa.

Sư thượng đường thuyết pháp: “Chư Phật quá khứ đã nhập Niết Bàn rồi, cả thấy các người không nên quá tưởng nhớ; chư Phật vị lai chưa ra đời, cả thấy các người không nên vọng tưởng; chính hiện ngày nay người là người gì? Hãy tự xét lấy!”

Một lần khác sư thượng đường thuyết pháp: “Xưa tự chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, là chết chẳng được mầu mực. Nơi đây xuất sanh chốn này diệt hết, là hàm sanh chịu quy củ. Bạc đại trượng phu cần phải ở trong dòng sanh tử, nằm trong rừng gai góc, cúi ngược co duỗi tùy cơ lập bày, hay như thế đó là dùng vô lượng phương tiện trang

nghiêm tam muội, cửa đại giải thoát liền mở rộng thênh thang. Nếu chưa như thế, vô lượng phiền não tất cả trần lao đứng sừng trước mặt bít lấp đường xưa.”

Thiền Sư Duy Chiếu Bảo Phong thị tịch năm 1128. Xá lợi của sư lóng lánh như bảo châu ngọc bích. Lưỡi và răng của sư không bị lửa đốt cháy. Tháp thờ xá lợi của sư hiện vẫn còn, bên đỉnh phía tây của tự viện.

### ***The Ninth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***Zen Master Tao-K'ai's Dharma Heirs***

The Ninth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the nineteen generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Tao-K'ai's Dharma Heirs** include Zen Masters Fa-Ch'eng, Tzu-Ch'un, and Wei-Chao.

#### ***(I) Zen Master Hsieng Shan Fa-Ch'eng***

Hsieng Shan Fa Ch'eng, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master who lived in the Sung Dynasty in China. According to Wudeng Huiyuan, volume XIV, he left home to become a monk at the age of 17 and studied Zen under a variety of Zen masters: Chen-ching K'o-wen (1025-1102), Tsu-hsin Wu-hsin Huang-lung, Ta-kuei Mu-chê (?-1132), and Yun-Kai-Chih-pen. Eventually he met and stayed with Zen master Fu-jung T'ien-ning. When he just arrived to see Fu-jung, he asked, "What is the style of the master's house?" Fu-jung said, "Everyone can see it." One day, he asked Fu-jung, "What is Tao?" Fu-jung said, "When night comes, a hornless ox rushes into it pens."

#### ***(II) Zen Master Tan Hsia Tzu-Ch'un***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan:

Zen master Tan-hsia was born in 1064 in Si-Chuan province, one of the great disciples of Zen master Fu-Rong. Tan-hsia was the 'great-grandfather' in dharma of Dogen Zenji. He was ordained at the age of twenty. He resided at Mount Tan-hsia.

One day Tan-hsia entered the hall and addressed the monk, saying, "Within the cosmos, inside the universe, at the very center, there is a jewel concealed in form mountain. Dharma master Zhao says that you can only point at tracks and speak of traces of this jewel, and that you cannot hold it up for others to see. But today I split open the universe, break apart form mountain and hold it forth for all of you to observe. Those with the eye of wisdom will see it." Tan-hsia hit the floor with his staff and said, "Do you see? A white egret stands in the snow, but its color is different. It doesn't resemble the clear moon or the water reeds!" Another day, Tan-hsia entered the hall and said, De-Shan spoke as follows: "My doctrine is without words and phrases, and truthfully, I have no Dharma to impart to people." You can say De-Shan knew how to go into the grass to save people. But he didn't soak the whole body in muddy water. If you look carefully you see he has just one eye. But as for me, my doctrine has words and phrases, and a golden knife can't cut it open. It is deep, mysterious, and sublime. A jade woman conceives in the night." One time, Tan-hsia entered the hall and said loudly, "At high noon is still lacks half. In the quiet night it is still not complete. Households haven't known the intimate purpose, always going and coming before the clear moon."

Tan-hsia entered the hall said, "The precious moon streams its shining light, spreading out vast and clear. The water reflects, but does not absorb its essence, nor does the moon rend its shining mind. When water and moon are both forgotten, this may be called cut-off. Therefore, it is said: Things rising to heaven must fall back to earth. What is fully completed is inevitably lacking. Cast off the desire for reputation and don't look back. If you can do this, you can then walk in the fantastic diversity. And when you have reached this place, have you seen it all? After a long pause Tan-hsia said: If you are not devoted to walking among people, then you fall into the dirt and mud wearing feathers and horns."

A monk asked, "What was it before Niu-t'ou met the Fourth Ancestor?" Tan-hsia said, "When the golden chrysanthemum blooms,

the bees contend to grasp it." The monk said, "After he saw him, what then?" Tan-hsia said, "Blossoms sprout on a dead tree. They wither, unsustainable."

Tan-hsia died in the spring of the year 1117. A monment and the master's complete remains were placed in a stupa south of Mount Hong, now is Wu-Han city, Hubei province.

### ***(III) Zen Master Pao-Fêng Wei-Chao***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan: Zen master Wei-Zhao-Bao-Feng's home town was in ancient Jian-Chou (now is Jian-Yang in Si-Chuan province). One day while reading a book, he was startled by the phrase, "One's self-nature is near, but realizing it is remote." He then said: "The mundane and the sacred are of one body, but because of habit and circumstances they are differentiated. I know this to be true." He then hastened to the city of Cheng-Tu and studied under the teacher Shing-T'ai in Lu-Yuan, receiving full ordination at the age of nineteen.

One day, master Ch'ing-t'ai tried to instill in Baofeng a faith in the teaching of "the Awakening of Mahayana Faith," but Baofeng was indifferent to this idea. When Ch'ing-t'ai questioned him about this he said, "Just proclaiming a belief in the Mahayana, how can these words have any effect?" He then dejectedly went traveling, intending to visit Zen master Furong Daokai at Mount Da Hong. On the way, one night as he sat on a road a thunderous snowstorm occurred. He heard someone called out "Thief!" Thereupon experienced a realization. He immediately went on to find Furong. However, Furong's place at Da-hong was difficult to find. While Baofeng was traveling in a cart from Sanwu to Yishui, the driver became lost. Baofeng, in anger, raised his staff to strike the driver when he suddenly experienced vast enlightenment, exclaiming, "Is the earth not a great tortoise mountain?" Upon arriving at Yishui, Furong observed him and happily exclaimed, "The heir of my Dharma! There will be many generations to follow!"

One day Bao-feng entered the hall and addressed the monks, saying: "A" ancient Buddha said, 'When I first gained complete



awakening I personally saw that all beings of the great earth are each fully endowed with complete and perfect enlightenment.’ And later he said, ‘It’s a great mystery. No one can fathom it.’ I don’t see anyone who understands this. Just some blowhards.” He then got down from the seat.

Bao-Feng entered the hall and addressed the monks, saying: “All the Buddhas of bygone have already entered nirvana. You people! Don’t be nostalgic about them. The Buddhas of the future have not yet appeared in the world. All of you, don’t be deluded! On this very day who are you? Study this!

Another time, Bao-Feng entered the hall addressed the monks, saying: “The fundamental self is unborn, nor is it annihilated in the present. It is undying. But to be born in a certain place, and to die someplace else, is the rule of being born in a life. Great persons must position themselves in this flow of life and death. They must lie down in the thorny forest. They must be pliable and able to act according to circumstances. If they are thus, then immeasurable expedients, grand samadhis, and great liberation gates are instantly opened. But if they are not yet this way, then defilements, all toilsome dust, and mountains loom before them and block the ancient road.”

Zen master Wei-Zhao-Bao-Feng died in 1128. His cremated remains were like jewels and blue pearls. His tongue and teeth were undamaged by the flames. His stupa was placed on the western peak near the temple.



**Chương Ba Mươi Sáu**  
**Chapter Thirty-Six**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Mười**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Tử Thuần**

Tào Động Tông Đồi Thứ Mười nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ hai mươi sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Tử Thuần** bao gồm các vị Thiên Sư Hoàng Trí Chánh Giác và Thanh Liễu.

**(I) Thiên Sư Hoàng Trí Chánh Giác (1091-1157)**

**1) Thiên Sư Hoàng Trí Chánh Giác:**

Thiên sư Hoàng Trí được nhớ đến như là người làm bộ sưu tập gồm 100 công án, cũng gọi là Thong Dong Lục. Bộ sưu tập cổ điển là tập sách được trường phái Thiên Tào Động ưa thích. Ngoài ra, còn có một vài chi tiết lý thú về vị Thiên sư này trong Thiên Sư Hoàng Trí Quảng Ngữ: Hoàng Trí là tên của ngài Chánh Giác núi Thiên Động vào đầu thế kỷ thứ 12, thiên sư Trung Hoa thuộc phái Tào Động. Ông đến từ Tây Quận thuộc tỉnh Sơn Tây. Hoàng Trí là đệ tử của Thiên sư Đơn Hà Tử Thuần. Lúc trẻ, ông là một học giả xuất sắc về Khổng học. Ông sống và dạy Thiên ở vùng Minh Châu, vùng mà bây giờ là thành phố Ninh Ba trong tỉnh Triết Giang. Tên đệm của ông là Thiên Đồng, lấy từ tên núi của tự viện nổi tiếng của nơi đó. Thiên Đồng là một trong "Ngũ Đài Sơn," nơi có năm Thiên viện chính được xem như những trung tâm hành chánh của hệ thống tự viện Thiên dưới thời nhà Tống.

Ông nội và cha của Sư tham thiền với Thiên sư Phật Đà Tôn. Một hôm, Thiên sư Phật Đà Tôn chỉ Sư và nói với cha Sư rằng: "Đứa bé này đạo vận rất tốt, chẳng phải là người ở trong thế giới trần ai. Nếu xuất gia ắt làm Pháp khí." Năm 11 tuổi, Sư vào sống trong tự viện. Nhưng đến năm 14 tuổi mới thọ cụ tục giới tại chùa Từ Vân. Năm 18 tuổi, Sư làm du Tăng. Khi sắp ra đi, Sư thệ nguyện rằng "Sẽ không trở về nếu

không tròn lời nguyện giải quyết việc lớn sanh tử." Về sau này Sư trở thành đệ tử và là người nối pháp của thiền sư Đan Hà Tử Thuần. Thiền sư Hoằng Trí được biết đến vì cuộc tranh luận nổi tiếng của ông với thiền sư Đại Huệ Tông Cảo thuộc phái Lâm Tế về những ưu thế của Mặc Chiếu Thiền do phái Tào Động chủ trương và Khán Thoại Thiền của trường phái Lâm Tế. Tuy đôi lúc cuộc tranh luận bị những đồ đệ quá hăng hái làm cho nó trở nên nặng nề hơn, thật ra sự bất đồng ý kiến giữa hai vị thiền sư không quá lớn khiến cho thiền sư Hoằng Trí đã không ngần ngại trao lại cho Đại Huệ việc hoàn thành biên tập tác phẩm của mình là bộ "Thong Dong Lục" sau khi ông thị tịch.

Sư du hành đến núi Hương Sơn và tham học Thiền với Thiền sư Thành. Một hôm, Sư nghe Tăng chúng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "Con mắt có trước khi cha mẹ sanh ra thấy hết thấy mọi thứ trong tam thiên thế giới." Sư bỗng nhiên đại ngộ. Sư liền đến trình với Thiền sư Thành. Thiền sư Thành chỉ vào hộp nhang và hỏi: "Trong đây là vật gì?" Sư thưa: "Ý thầy muốn nói gì?" Thiền sư Thành hỏi: "Chỗ ngộ của ông lại như thế nào?" Sư lấy tay vẽ một vòng tròn trên không trung rồi làm ra bộ ném nó ra phía sau. Thiền sư Thành nói: "Kẻ chơi đùa với những hòn đất có giới hạn gì?" Sư thưa: "Lâm." Thiền sư Thành bảo: "Phải thấy người khác mới được." Sư thưa: "Đúng thế! Đúng thế!"

Sau đó Sư du hành đến tham học Thiền với Thiền sư Đơn Hà Tử Thuần. Đơn Hà hỏi: "Thế nào là chính mình trước không kiếp?" Sư thưa: "Con ếch từ đáy giếng nuốt trăng, ba lần rềm cuốn sáng rực lên." Đơn Hà nói: "Đừng nói thêm gì nữa." Hoằng Trí bắt đầu nói, nhưng Đơn Hà đã dùng cây phất tử đánh Sư và nói: "Đừng nói!" Ngay đó Sư đại ngộ, liền đánh lễ. Đơn Hà bảo: "Sao ông không thể nói được câu gì?" Sư nói: "Hôm nay ta bị cướp mất hết tiền bạc rồi." Đơn Hà nói: "Ta đã đánh ông không nương tay, lễ xong rồi ông hãy đi đi."

Khi sư huynh của Sư là Chơn Yết Thanh Liễu về trụ tại chùa Trường Lô, Sư Hoằng Trí làm một cuộc hành trình dài bằng cách đi bộ đến dự lễ nhậm chức của Chơn Yết. Khi Sư đến nơi, đại chúng ra nghênh đón, trông thấy giày vớ y phục của Sư rách rưới đều lấy làm lạ. Chơn Yết sai thị giả đổi giày mới cho Sư. Sư bảo: "Tôi vì giày mà đến đây sao?" Cả đại chúng nghe nói hết lòng kính phục và thỉnh cầu Sư thuyết pháp, và thỉnh Sư ngồi vào vị trí danh dự nhất của buổi lễ.

Thiền sư Hoằng Trí dạy chúng: "Nếu trên con đê xa nào đó mà thấy sừng, thì mấy ông biết chắc là có bò ở đó. Nếu trên núi xa mà

thấy khói, thì biết chắc là có đám cháy ở đó. Nhưng ở đây thì mấy ông biết chắc được điều gì? Mấy ông có lãnh hội không? Khi chim kêu trên cành là trời sắp sáng. Khi nghe mùi thơm của hoa mơ là xuân đã đến rồi đấy."

Thiền sư Hoàng Trí dạy chúng: "Khi chư Phật nói Pháp, các ngài chỉ dùng lá vàng để làm cho trẻ nít ngưng khóc. Khi chư Tổ truyền lại giáo pháp, mấy ngài chỉ dọa không vậy thôi. Khi mấy ông đạt đến điểm này, mấy ông phải đạt được sự tự đoạn diệt, tự chứng ngộ, và tự sáng tỏ. Phật được chứng ngộ trong mỗi cá nhân, và Pháp không thể được truyền cho mấy ông từ ai khác. Nếu mấy ông lãnh hội được cách này, thì mấy ông không cần học nữa, mấy ông là nạp Tăng chân chính, và mấy ông đã hoàn toàn thành công đại sự. Nay chư Tăng! Cuối cùng, thì làm cách nào mấy ông tìm được sự an bình? Chỉ đợi cho tuyết tan thì tự nhiên xuân sẽ đến."

Một hôm, có một vị Tăng hỏi: "Thế nào là người ra đi?" Sư đáp: "Mây trắng gieo khe mắt, núi xanh tựa không cao." Vị Tăng thưa: "Thế nào là người trở lại?" Sư đáp: "Tóc bạc đầy đầu lia hang núi, đêm tối xuyên mây vào xóm làng." Vị Tăng thưa: "Thế nào là người không đi không lại?" Sư đáp: "Người đàn bà đá kêu về từ mộng tam giới, người gõ bập sáu cửa. Trong câu đạo của tiền nhân thì thấy rõ ràng, mà hiểu thấu được đạo ấy ắt là khó lắm vậy." Sau một lúc lâu im lặng, Sư nói: "Có hiểu chăng? Gà sương chưa gáy vườn nhà sáng, thềm lặng hành nhân qua tuyết sơn."

Một hôm, Thiền Sư Hoàng Trí Chánh Giác (1091-1157) thượng đường dạy chúng, nói: "Có bốn cách mượn để tu tập trong nhà Thiền. Thứ nhất là mượn công hiển lập. Thứ nhì là mượn hiển lập công. Thứ ba là chẳng công chẳng hiển. Thứ tư là hoàn toàn siêu việt 'không công không hiển.'" Trong Thiền, công có nghĩa căn bản là là "cái hành giả làm hay thực hiện;" nó được dùng để chỉ sự tu tập tâm linh, sự thỏa mãn tâm linh hay kết quả của sự tu tập. Trong khi đó, nghĩa căn bản của "lập" là "chỗ đứng về tâm linh của hành giả." Trong Thiền, nó chỉ về thứ bậc như trong Tào Động tông có Ngũ Vị hay Lâm Tế tông có Vô Vị Chân Nhân. Trong Tứ Tá của Thiền sư Hoàng Trí, "lập" có nghĩa là sự giác ngộ hay bản thể.

Vào tháng chín năm 1157, Hoàng Trí làm những cuộc thăm viếng và nói lời từ biệt với nhiều người. Vào ngày bảy tháng mười, Sư về lại núi Thiên Đồng. Sáng sớm hôm sau, Sư tắm gội thay y áo. Rồi Sư ngồi

ngay thẳng nói chuyện với Tăng chúng. Sư bảo thị giả lấy bút lông cho mình, rồi viết thư cho Thiền sư Đại Huệ ở chùa A Dục Vương về việc thỉnh người kế thừa. Đoạn Sư viết bài kệ:

"Mộng huyễn không hoa,  
Sáu mươi bảy năm,  
Chim trắng khói lặn,  
Nước thu tiếp trời."

Viết kệ xong, Sư ném bút rồi thị tịch ở tuổi 67, vua sắc thụy là Hoàng Trí, thụy hiệu Diệu Quang.

2) **Hoàng Trí Phái:** Một phái Thiền Tào Động do Hoàng Trí Chánh Giác Thiền Sư (1091-1157) sáng lập vào thời nhà Tống.

## ***(II) Thiền Sư Chơn Yết Thanh Liễu (1089-1151)***

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư ; tuy nhiên, có một vài chi tiết lý thú về vị Thiền sư này trong Ngũ Đăng Hội Nguyên: Thiền sư Chơn Yết Thanh Liễu sanh năm 1089 tại vùng An Trường, nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Sư xuất gia năm mười một tuổi, đến năm mười tám tuổi sư thi đậu Kinh Pháp Hoa. Sau đó sư tiếp tục đi đến Thành Đô tiếp tục học tập kinh điển. Về sau, ông tiếp tục vân du để tham vấn với nhiều vị thầy nổi tiếng khác nhau. Ông là đệ tử và là người nối pháp của thiền sư Đơn Hà Tử Thuần.

Một lần trên đường vân du, sư gặp thiền sư Đơn Hà. Đơn Hà hỏi sư: "Thế nào là chính mình trước không kiếp?" Sư suy nghĩ để trả lời, thì Đơn Hà đã chặn lại bảo: "Người còn ồn ào thế sao, hãy đi đi!"

Về sau này, Sư hành cước du phương đến một vùng mà bây giờ thuộc tỉnh Sơn Tây và viếng chùa Thiếu Lâm. Rồi một hôm sư lên ngọn Bát-Vu, nơi có thảo am của Nhị Tổ, và trong khi thăm viếng nơi này, Sư bỗng nhiên khế ngộ. Trên đường sư trở về gặp Đơn Hà, thì Đơn Hà đã biết, tát ông một cái và nói: "Đã nói là ông sẽ chạy về đây nói cho ta biết mà." Sư lễ bái rồi lui ra. Hôm sau, Đơn Hà thượng đường nói kệ:

"Nhật soi cô phong biếc,  
Nguyệt đến nước trong khe,  
Tổ sư huyền diệu quyết,  
Chớ hưởng tất lòng an."

Nói xong Đơn Hà liền xuống tòa. Thanh Liễu bèn tiến đến trước tòa thưa: “Ngày nay dâng tòa lại chẳng lẽ được con.” Đơn Hà hỏi: “Người thử nhắc lại ngày nay ta dâng tòa xem?” Sư im lặng giây lâu. Đơn Hà bảo: “Sẽ nói ông khắp đất.” Sư liền đi ra.

Về sau này, Sư ở Chùa Trường Lô, tại đây Sư làm thị giả cho vị trụ trì là Sư Tổ Chiếu. Ít lâu sau Tổ Chiếu bệnh nặng, nên đề cử Sư lên thay chức trụ trì. Sư làm trụ trì ở Trường Lô cho đến những năm xã hội bất ổn vì sự suy sụp của triều Bắc Tống (vào khoảng năm 1127). Sau đó Sư tiếp tục du phương đến một số nơi, bao gồm những vùng Tuyết Phong ở Phúc Kiến và Cảnh Sơn ở Hàng Châu. Hoàng thái hậu Từ Ninh ra lệnh xây một ngôi tự viện để vinh danh tổ tiên của bà. Trong buổi lễ khai mạc, Sư thuyết giảng: "Lão Tăng ở chỗ tiên sư, nhờ bị tát một cái mà tất cả so sánh đều đứt bật. Tìm chỗ mở miệng không thể được. Có phải như những kẻ lạnh nói mà cạn cợt như chúng thấy ngày nay đâu? Nếu không, thì cứ để cho họ mang hàm sắt chịu roi da, rồi xem mỗi người họ có thể nói được gì".

Một hôm, Sư thượng đường dạy chúng: "Trên đỉnh cô phong, qua cầu độc mộc, đi thẳng thế ấy, vẫn là chỗ chân cao chân thấp của thời nhân. Nếu hội được triệt để đâu cần ra khỏi cửa mà thân khắp mười phương, chưa vào cửa mà thường ở trong thất. Nếu kia chưa như thế, nhưn trời mát bữa một đồng củi."

Sư thượng đường thị chúng: "Nhìn khắp mọi nơi không thể tìm được nó. Chỉ có một nơi mà mấy ông không thể lục lạo được, và đó là nơi mà mấy ông có được nó. Đó là nơi nào vậy?" Sau một lúc lâu im lặng, Sư nói: "Thân thể của tên trộm đã bị phơi bày."

Sư nói: "Có ai chẳng bị nhiễm bởi Huyền Sa hay không? Ngay khi mấy ông nhúng vết nhiễm này trong bốn biển, mấy ông cũng chẳng bao giờ rửa sạch được nó đâu."

Có vị Tăng hỏi: “Chư Phật ba đời nằm trong đồng lửa xoay bánh xe đại pháp, lại quả thực đấy chẳng?” Thanh Liễu bảo: “Ta lại nghi đấy.” Vị Tăng bảo: “Hòa Thượng vì sao lại nghi?” Sư đáp: “Hoa đồng thơm đầy đất, chim rừng chẳng biết xuân.” Vị Tăng thưa: “Chẳng rơi phong thổ lại nhận chuyển thân hay không?” Sư đáp: “Chỗ đi người đá chẳng đồng công.”

Có một vị Tăng hỏi: "Cái gì là cái tự ngã trước không kiếp?" Sư đáp: "Một con ngựa trắng đi vào đám hoa và cỏ (lau sậy)."

Một vị Tăng hỏi: "Tất cả chư Phật trong tam giới đã chuyển Đại Pháp Luân vào lửa. Việc này đã dứt hay chưa vậy?" Sư bèn cười lớn và nói: "Lão Tăng nghi việc này quá." Vị Tăng nói: "Thầy, tại sao lại nghi về việc này?" Sư nói: "Hương thơm hoa dại tỏa ngát cả đường. Thế mà một con chim sống cách biệt lại chẳng biết là xuân đã đến."

Một vị Tăng hỏi: "Không buông gió và sắc, vẫn còn có thể tự xoay hay không?" Sư nói: "Nơi người đá kinh hành, không có bất kỳ sinh hoạt nào khác nữa."

Một hôm sư vào nhà trù xem làm bún, chợt thùng thông lũng đáy. Tăng chúng la hoảng: "Ổng lảm!" Sư bảo: "Thùng thông lũng đáy tự nên vui mừng, vì sao lại phiền não?" Tăng chúng thưa: "Hòa Thượng thì được." Sư nói: "Quả thực đáng tiếc một thùng bún."

Thiền sư Thanh Liễu thị tịch năm 1151, ngài được vua ban danh hiệu "Ngộ Không Thiền Sư."

### ***The Tenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***Zen Master Tzu-Ch'un's Dharma Heirs***

The Tenth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twentieth generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Tzu-Ch'un's Dharma Heirs** include Zen Masters Hung-Chih Chêng-Chueh and Ch'ing-Liao.

#### ***(I) Zen Master Hung-Chih Chêng-Chueh (1091-1157)***

##### ***1) Zen Master Hung-Chih Chêng-Chueh:***

Zen master Hung-Chih is remembered as the compiler and verse written for the collection of one hundred koans known as the Book of Serenity, also called the "Ts'ung-Jung-Lu" (a collection of Zen koans). That classic collection, which is a favorite text of the Caodong Zen school. Besides, there is some interesting information on him in The Extensive Record of Zen Master Hung-Chih: Hung-Chih, posthumous name of a Chinese Zen master of T'ien-T'ung monastery, Ningpo, early in the twelfth century, Zen master of the Soto school. Hung-chih was a



disciple of Zen master Tan-hsia Tzu-ch'un. He came from Xi County in Shanxi Province. As a young man, he was a brilliant scholar, who excelled at studying the Confucian classics. He lived and taught Zen in ancient Mingzhou, the area around modern Ningbo city in Zhejiang Province. His nickname, Tiantong, is derived from a famous Buddhist mountain monastery of that place. Tiantong was one of the "Five Mountains," five principal Zen monasteries that served as administrative centers for the Zen monastic system during the Song dynasty.

His grandfather and his father practiced Zen under a teacher named Fo-tou Tsun. One day the Zen master pointed at the young Hongzhi and said to his father, "This child's harmony with the Way is extraordinary. He's not a person of the dusty world. If he leaves home he will be a Dharma vessel." At age eleven, Hongzhi left home to enter a monastery. He was but fourteen when he received ordination at Ziyun Temple (Compassion Cloud). At eighteen he departed to roam as a wandering monk (yunshui), taking a vow to his ancestors to not return until he had resolved the "great affair" of life and death. Later he became a student and dharma successor of Zen master Tan-Hsia Tsu-Ch'un. Zen master Hung-Chih was known for his famous confrontation with the Rinzai master Ta-hui-Tsung-Kao concerning the advantages of the Zen fostered by the Soto school over the Kanna Zen of the Rinzai school. That this difference of opinion, which is sometimes made much of by later overenthusiastic followers of the two schools, did not go so deep for the two masters is shown by the fact that master Hung-Chih, before his death, entrusted Master Ta-Hui with the completion of his work, the "Ts'ung-Jung-Lu" (a collection of Zen koans).

Traveling to Xiangshan (Fragrant Mountain), Hongzhi studied with a Zen master named Cheng. One day as the monks on Mount Xiang chanted the Lotus Sutra, Hung-chih was instantly enlightened upon hearing the phrase, "Your eye that existed before your parents' birth sees everything in the three thousand realms." He then went to Zen Master Cheng to declare his awakening. Zen Master Cheng pointed a box of incense and said, "What is the thing inside?" Hung-chih said, "What do you mean?" Zen Master Cheng said, "What is in the place of your awakening?" Hung-chih used his hand to draw a circle in the air

and then made the gesture of throwing it behind him. Zen Master Cheng said, "What limit is there for old fellows making mud balls?" Hung-chih said, "Wrong." Zen Master Cheng said, "You've attained it when you don't see others." Hung-chih said, "Yes. Yes."

Hung-chih then reveled on to practice with Zen Master Danxia Zichun. Danxia asked, "What is the self that exists before the empty kalpa?" Hung-chih said, "A frog at the well bottom swallows the moon. Despite the night, three times the window blind was illuminated." Danxia said, "Don't say any more." Hung-chih started to speak, but Danxia hit him with his whisk and said, "Don't say it!" Upon hearing these words Hongzhi was liberated. He then bowed. Danxia said, "Can't you say something?" Hung-chih said, "Today I've been robbed and lost my money." Danxia said, "Without rest I've hit you. Now it's finished."

Once, when Hung-chih's Dharma brother Zhenxie Qingliao assumed the abbacy of Changlu Monastery, Hung-chih made the long trip to the opening ceremonies on foot. As he approached the temple, Zhenxie's attendants noticed that his clothes and shoes were ragged and worn. Quickly they obtained a new pair of sandals for him, and when he arrived they welcomed him by presenting them to him as a gift. Hung-chih said, "Did I come for shoes?" The monks, impressed by Hongzhi's modesty and selfless sentiment, asked him to give a lecture and take the most honoured seat at the ceremony.

Zen master Hung-chih addressed the monks, saying, "If on some distant embarkment you see horns, then you know for sure there's an ox there. If on some distant mountain you see smoke, then you know for sure there's a fire there. But what is it that all of you here know for certain? Do you understand? When the bird calls from its roost, then morning comes. When you smell the plum blossoms, it means spring has arrived."

Zen master Hung-chih addressed the monks, saying, "When the Buddhas talk about Dharma, they're just using yellow leaves to stop babies from crying. When the ancestors transmit the teaching, they're just making empty-handed threats. When you reach this point, you must attain self-cessation, self-realization, and self-clarity. The Buddha is realized in each individual person, and the Dharma can't be passed to you by someone else. If you understand in this manner, then you are a

great adept, a true patch-robed monk, and you have successfully completed the great affair. Brethren! How, after all, will you finally find peace? Just wait for the snow to melt and naturally spring will arrive."

One day, a monk asked Hung-chih, "What of the ones who have gone?" Hung-chih said, "The white clouds rise to the top of the valleys, the blue peaks lean high into the void." The monk asked, "What of the ones who return?" Hung-chih said, "Head covered in white hair, leaving the cliffs and valleys. In the dead of night descending through the clouds to the market stall." The monk asked, "What of the ones who neither come nor go?" Hung-chih said, "The stone woman calls them back from the three realms dream. The wooden man sits upon and collapses the six gates. In these words the ancestors' way is clearly seen. Understanding the ancestors' way is difficult." After a long pause, Hung-chih said, "Do you understand? The frozen cock does not announce the house woods dawn. The hidden pilgrims traverse the snowy mountain."

One day, Zen Master Hung-chih Chêng-chueh entered the hall and addressed the assembly, saying, "There are four ways of uses in Zen practice: First, using activity to reveal essence. Second, using essence to reveal activity. Third, using neither activity nor essence. Fourth, fully transcending 'neither activity nor essence.'" In Zen, activity has the basic meaning of "what one does or achieves;" it is used to indicate spiritual practice, the content of practice or the result of practice. While the basic meaning of "essence" is "where one is." In Zen, it indicates "rank," as in the Ts'ao Tung School's doctrine of the Five Ranks or Lin-Chi's concept of the "True Person of No Rank." In Zen master Hung-Chih's Four Uses, "essence" signifies "enlightenment."

In the ninth month of the year 1157, Hung-chih visited various personages of the region and bade them farewell. On the seventh day of the tenth month he returned to Tientong Mount. In the early hours of the next morning, Zen master Hung-chih bathed and changed his clothes. He then sat in an upright position and bade farewell to the monks. He asked his attendant for a brush, and then wrote a letter to Zen master Dahui of Ayuwang Temple, asking him to take care of his final affairs. He then wrote a verse:

"Empty flowers of an illusory dream,

Sixty-seven years,  
 A white bird disappears in the mist,  
 Autumn waters touch the sky."

He then drew down the brush and passed away at the age of sixty-seven. He received the posthumous name "Vast Wisdom". The stupa was named "Divine Light."

2) *Hung Chih Zen Sect*: A branch of Ts'ao Tung Sect, founded by Zen master Hung-chih Chêng-chueh in the Sung dynasty.

## **(II) Zen Master Chên-Hsieh Ch'ing-Liao (1089-1151)**

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some interesting information on him in The Wudeng Huiyuan: Chen-hsieh Ch'ing-liao was born in 1089 in Anchang, in the area of modern Si-Chuan province. He left home at the age of eleven and passed his scriptural examinations on the Lotus Sutra at the age of eighteen. He then traveled to Cheng-Tu, where he continued his scriptural study. Later, he set off traveling and visited various famous teachers. He was a disciple and dharma successor of Zen master Dan-Xia-Zhi-Chun.

One time on the way of traveling, he met Tan-Xia. Tan-Xia asked him: "What is the self before the empty eon?" When Xing-Liao began to answer, Tan-Xia stopped him and said: "You are disturbed now. Go!"

Later, Chen-hsieh went traveling to an area of modern Shanxi Province and visited Shaolin Temple. He then went to nearby Boyu Peak, the site of the Second Ancestor's hut, and, while visiting that site, he suddenly experienced enlightenment. Upon returning to see Tan-Xia, his teacher immediately knew what had transpired. Before Tan-Xia could speak, Tan-Xia slapped him saying: "You were going to tell me what you know!" He bowed and retreated. The next day, Tan-Xia entered the hall and said to the monks this verse:

"The sun shines on a solitary green peak,  
 The moon reflects in the cold creek water.

The sublime mystery of the ancestors,  
Is not found in the small mind.”

Tan-Xia then got down from the seat. Xing-Liao came forward and said: “A talk like the one you gave today won’t deceive me again.” Tan-Xia said: “Then explain it to me and we will see if you understand.” Xing-Liao was silent. Tan-Xia said: “I will say you caught a glimpse of it.” Xing-Liao then went out.

Later, Chen-hsieh resided at Changlu Temple where he served as attendant to the abbot, a monk named Zuzhao. Zuzhao subsequently became gravely ill and retired from his position, naming Chen-hsieh as his successor. Chen-hsieh served as abbot of Changlu until the years of social unrest accompanying the downfall of the Northern Song dynasty (around 1127). He then continued to travel to a series of places, including Snow Peak in Fujian and Mt. Jing in Hangzhou. The dowager empress, Zi Ning, ordered the construction of a temple to honor her ancestors. At the opening ceremony Chen-hsieh lectured to the assembled crowd, saying, "My previous teacher slapped me and all of my cleverness vanished. I was unable to open my mouth to speak. Was that like all of these fast-talking but shallow fellows we see today? If not, then let them take the iron bit in their mouths and suffer the whip, then let's see what each of them can say."

One day, Chen-hsieh entered the hall and addressed the monks, saying, "Climbing to an isolated mountain top, crossing a one-boarded bridge, rushing about like this is how people these days travel to places high and low. But if they've really penetrated it, then without leaving their room their body pervades the ten directions. Not entering any gate, they are always in their room. But if someone doesn't understand this, then when he feels a draught he goes and hauls a big load of firewood."

Chen-hsieh entered the hall and addressed the monks, saying, "Looking everywhere it can't be found. There's just one place you can't search, and there it is attained. What place is that?" After a long pause, Chen-hsieh said, "The thief's body is already exposed."

Chen-hsieh said, "Is there anyone who hasn't been stained by Hsuan-sha? Even if you dip this stain in the four seas, you won't be able to wash it out."

A monk asked Chen-hsieh: "All the Buddhas in the three worlds have turned the great wheel of Dharma into the flames. Has this ceased or not?" Chen-hsieh laughed out loud and said: "I have doubts about it." The monk said: "Master, why do you have doubts about this?" Chen-hsieh said: "The fragrance of wild flowers fills the road. The secluded bird does not know it's spring." A monk asked: "Without letting go of wind and color, is it still possible to pivot oneself or not?" Chen-hsieh said: "Where the stone person walks, there is no other activity."

A monk asked, "What is the self before the empty eon?" Chen-hsieh said, "A white horse enters the flowers and reeds."

A monk asked Chen-hsieh, "All the Buddhas in the three worlds have turned the great wheel of Dharma into the flames. Has this ceased or not?" Chen-hsieh laughed out loud and said, "I have doubts about it." The monk said, "Master, why do you have doubts about this?" Chen-hsieh said, "The wild flowers' fragrance fills the road. The secluded bird does not know it's spring."

A monk asked, "Without letting go of wind and color, is it still possible to pivot oneself or not?" Chen-hsieh said, "Where the stone person walks, there's no other activity."

One day Chen-hsieh went into the kitchen and saw a pot of boiling noodles. Suddenly, the bottom fell out of the pot. The monks there were crestfallen, saying: "Oh, what a waste!" Chen-hsieh said: "An overturned bucket is a joy. Why are you disturbed?" the monks said: "The master can take delight in it." Chen-hsieh said: "Really, it's a shame to waste a pot of noodles!"

Chen-hsieh died in 1151. He received the posthumous name "Zen Master Enlightened Emptiness."

**Chương Ba Mươi Bảy**  
**Chapter Thirty-Seven**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Một**  
**Tính Từ Thiền Sư Động Sơn Lương Giới**

**(A) Nói Pháp Thiền Sư Hoằng Trí Chánh Giác**

Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Một nói pháp tính từ Thiền Sư Lương Giới hay đời thứ hai mươi một sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiền Sư Hoằng Trí Chánh Giác** bao gồm hai vị Thiền Sư Từ Tông Tuyết Đậu Minh Châu và Thiền Sư Huệ Huy Tự Đắc. 1) Từ Tông Tuyết Đậu Minh Châu (1085-1153) là tên của một vị Thiền sư Trung Hoa thuộc tông Tào Động vào cuối thời nhà Tống (960-1279). Sư là một trong những đệ tử và người nói pháp nổi trội nhất của Thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác. 2) Thiền Sư Huệ Huy Tự Đắc (1097-1183), một vị Thiền sư Trung Hoa, thuộc tông Tào Động vào thời nhà Tống (960-1279). Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên, quyển XIV, lúc đầu Sư đến học Thiền với Thiền sư Chân Yết Thanh Liễu, nhưng về sau lại nhận ấn khả từ Thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác và trở thành một trong những người nói pháp của vị Thiền sư này.

**(B) Nói Pháp Thiền Sư Chơn Yết Thanh Liễu**

Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Một nói pháp tính từ Thiền Sư Lương Giới hay đời thứ hai mươi một sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiền Sư Chơn Yết Thanh Liễu** bao gồm một vị Thiền Sư Thiên Đồng Tông Giác.

**(I) Thiền Sư Thiên Đồng Tông Giác**

Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiền sư Thiên Đồng Tông Giác; tuy nhiên, có một vài chi tiết ngắn về vị Thiền

sư này trong Truyền Đăng Lục: Thiền sư Thiên Đồng Tông Giác là đệ tử và là Pháp tự của Thiền sư Chơn Yết Thanh Liễu. Sư đến từ Hà Châu, xuất gia năm 16 tuổi và hai năm sau thì thọ cụ túc giới. Trước tiên Sư học đạo với Sư Tổ Chiếu, một vị thầy của dòng truyền thừa Vân Môn. Sau khi Tổ Chiếu cáo lui không dạy Thiền nữa, Tông Giác đến học Thiền với Thiền sư Thanh Liễu, một vị thầy của tông Tào Động, và trở thành Pháp tự và truyền nhân của dòng Tào Động.

Có một vị Tăng hỏi Tông Giác: "Thế nào là Đạo?" Tông Giác nói: "Ngừng làm dấu chỉ đường tại các ngã rẽ." Một hôm, Thiền sư Tông Giác thượng đường thị chúng: "Xuyên qua không kiếp, chỉ một thân trải rộng khắp thế giới. Hợp nhất với cái tối thượng không thể đạt được bằng ý nghĩa, dấu ấn chân lý cũng không thể được truyền thụ bằng ngôn ngữ. Người ta tìm thấy nó trong sự tĩnh lặng trống không và không hề bị khuấy động; mây trắng xuyên qua núi lạnh; ánh sáng thanh khiết xuyên thấu bóng tối; ánh trăng rực rỡ khi đêm về. Khi nó là như vậy, làm sao người ta đi trên đường? Thị phi chưa từng tách khỏi quan điểm cơ bản. Xuyên qua tung hoành của vũ trụ, tại sao cần ai nói đến nhân duyên?"

Năm 1132, Thiền sư Tông Giác trở thành trụ trì Dược Lâm Tự. Sư lưu lại Dược Lâm hai mươi ba năm trước khi trở thành trụ trì trên núi Tuyết Đậu. Bốn năm sau đó (năm 1159), Sư di chuyển đến Tự viện Thiên Đồng, nơi Sư nhận được tên núi của mình và giảng Pháp một cách mạnh mẽ trong ba năm cho đến khi thị tịch vào năm 1162.

### ***The Eleventh Generation of the Ts'ao Tung Tsung Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

#### ***(A) Zen Master Hung-Chih Chêng-Chueh's Dharma Heirs***

The Eleventh Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twenty-first generation after the First Patriarch Bodhidharma. Zen Master Hung-Chih Chêng-Chueh's Dharma Heirs includes two Zen Masters named Tsu Tsung Hsueh-Tou at Ming Chou and Hui Huai. 1) Tsu Tsung Hsueh-Tou at



Ming Chou, name of a Chinese Ts'ao Tung Zen master in the end of the Sung dynasty in China. He was one of the most eminent disciples and dharma-heirs of Zen master Hung-chih Chêng-chueh (1091-1157).  
 2) Chinese Zen master of the Ts'ao Tung Sect in the Sung Dynasty in China. According to The Wudeng Huiyuan, Volume XIV, first, he studied Zen under Zen master Chên-hsieh Ch'ing-liao (1089-1151), but later he received the dharma seal from Zen master Hung-chih Chêng-chueh (1091-1157), and became one of the dharma-heirs of this master.

***(B) Zen Master Chen-Hsieh  
Ch'ing-Liao's Dharma Heirs***

The Eleventh Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twenty-first generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Chen-Hsieh Ch'ing-Liao's Dharma Heirs** includes just one Zen Master named T'ien-T'ung Tsung-Chueh.

***(I) Zen Master T'ien-T'ung Tsung-Chueh***

We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu): Zen master T'ien-t'ung Tsung-chueh was a disciple and Dharma heir of Zen master Chen-hsieh Ch'ing-liao. He came from Hezhou. Tsung-chueh left home at the age of sixteen and gained ordination two years later. He first studied Zen under Zuzhao Daohe, a master of Yunmen lineage. After Zuzhao retired from teaching, Tsung-chueh proceeded to study under the Ts'ao-tung teacher Ch'ing-liao, becoming his Dharma heir and a transmitter of the Ts'ao-tung lineage.

A monk asked Tsung-chueh, "What is the Way?" Tsung-chueh said, "Stop making signposts at the crossroads." One day, Zen master Tsung-chueh entered the hall and addressed the monks, saying, "Across the empty eon, the single body extends beyond the world. Uniting with the ultimate is not attained through meaning, nor can its genuine seal be

transmitted through words. It is found in unperturbed empty stillness; the white clouds breaking across cold mountains; the ethereal light penetrating the darkness; the lustrous moon that follows the arrival of night. When it is thus, how does one walk the path? Right and wrong have never departed from the fundamental standpoint. Through the length and breadth of the universe, why need one speak of causation?"

In 1132, Tsung-chueh became abbot of Yuelin Temple. He remained at Yuelin for twenty-three years before becoming abbot at Mt. Hsueh-tou. Four years later (in 1159), he moved to T'ian-t'ung Monastery, where he obtained his mountain name and forcefully expounded the Dharma for three years until his death in 1162.

**Chương Ba Mươi Tám**  
**Chapter Thirty-Eight**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Hai**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nổi Pháp Thiên Sư Thiên Đồng Tông Tông Giác**

**(I) Thiên Sư Tuyết Đậu Trí Giác**

Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Hai nổi pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ hai mươi hai sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nổi Pháp Thiên Sư Thiên Đồng Tông Tông Giác** bao gồm một vị Thiên Sư Tuyết Đậu Trí Giác. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu chi tiết về Thiên sư Tuyết Đậu Trí Giác; tuy nhiên, có một vài chi tiết ngắn về vị Thiên sư này trong Truyền Đăng Lục: Sư đến từ Thủ Châu, bây giờ thuộc tỉnh An Huy. Sư là đệ tử và là Pháp tự của Thiên sư Thiên Đồng Tông Tông Giác. Khi Sư còn là một đứa bé, một hôm nhân lúc mẹ tắm cho Sư, bà để ý thấy có một dấu trên bàn tay của Sư. Bà nói: "Cái gì đây?" Sư nói: "Tay của con giống như tay Phật mà." Sau khi xuất gia, Sư theo học với Thiên sư Chơn Yết Thanh Liễu ở Trường Lục. Về sau này khi Chơn Yết thị tịch, Sư tiếp tục học Thiền với Pháp tự của Chơn Yết là Thiên sư Thiên đồng Tông Tông Giác, người đã thừa nhận Sư là một đại pháp khí. Về sau này Trí Giác sống ẩn dật trên Hương Sơn, nơi mà người ta ghi chép là Sư đã đạt ngộ vào một đêm khuya mặc cho sự xuất hiện của trăm thứ ma quỷ lạ. Sau đó Sư trở về gặp Tông Giác, vị này đã xác nhận sự chứng ngộ của Sư và truyền cho Sư Pháp ấn chứng của tông Tào Động.

Vào năm 1154, Trí Giác trở thành trụ trì chùa Tây Chân ở Hàng Châu. Năm 1184 Sư di chuyển đến núi Tuyết Đậu, nơi đó chúng đồng đảo đến tu học với Sư. Vào lúc nhậm chức trụ trì, Trí Giác đã tụng một bài kệ cho Tăng chúng nhằm tán thán sự vượt qua của tâm thức: "Đức Thế Tôn có một chữ bí mật. Ma Ha Ca Diếp không dấu nó. Suốt đêm mưa rơi và cả thành bị ngập trong hương thơm.

'Tay ta giống như tay Phật  
 Lời Thầy giảng bất tận.  
 Ta ẩn mình trên Hương Sơn  
 Bên ngoài quỷ dữ lờn vờn  
 Khi ta kết nối Thiên Đồng  
 Trăm quỷ liền tan biến  
 Đạt Ma nào thấy lòng  
 Thế Tôn chẳng che dấu một điều."

Trong những năm cuối đời, Sư sống ẩn dật trong một cái am nằm về phía đông của tự viện. Sư thị tịch vào năm 1192, sự truyền thụ tiếp theo của dòng Tào Động được truyền lại cho một đệ tử nổi tiếng của Sư là Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh.

***The Twelfth Generation of the Ts'ao Tung Tsung  
 Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh***

***Zen Master T'ien-T'ung  
 Tsung-Chueh's Dharma Heirs***

***(I) Zen Master Hsueh-Tou Chih-Chien***

The Twelfth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twenty-second generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Hung-Chih Chêng-Chueh's Dharma Heirs** includes just one Zen Master named Hsueh-Tou Chih-Chien. We do not have detailed documents on this Zen Master; however, there is some brief information on him in The Records of the Transmission of the Lamp (Ch'uan-Teng-Lu): He came from ancient Chuzhou, located within modern Anwei Province. Chih-chien was a disciple and Dharma heir of the Ts'ao tung lineage teacher T'ien-t'ung Tsung-chueh. One day when Chih-chien was a boy, his mother noticed a mark on his hands as she washed them. She said, "What is this?" The boy said, "My hands are like the Buddha's hands (I have the marks of the Buddha)." After leaving home, he first studied

under Zen master Chen-hsieh Ch'ing-liao at Chang-lu. Later, after Chen-hsieh passed away, he continued to study under Chen-hsieh's Dharma heir, T'ien-t'ung Tsung-chueh, who recognized him as a "great vessel of the Dharma." Chen-hsieh subsequently lived in seclusion on Mt. Xiang, where it is recorded that he attained enlightenment late one night despite the appearance of one hundred strange apparitions. He then returned to see Tsung-chueh, who confirmed his awakening and passed to him the Dharma seal of the Ts'ao-tung school.

In the year 1154, Chih-chien became abbot of Xizhen Temple near Hangzhou. In 1184 he moved to Mt. Hsueh-tou, where a large number of students gathered to study with him. Upon assuming the abbacy, Chih-chien recited a verse to the monks in praise of the spiritual passage, "The World Honored One had a secret word. Mahakasyapa did not conceal it. All night it rained flowers and the city was awash in fragrance."

"My hand was like the Buddha's  
 My teacher expounded endlessly.  
 I concealed myself on Xiang Mountain  
 And outside walked raging spirits,  
 But when I connected with T'ien-t'ung  
 The hundred ghosts disappeared.  
 Bodhidharma didn't see that  
 The World Honored One concealed nothing."

During his final years he lived in seclusion in a cottage located east of the temple. He passed away in 1192, the ongoing transmission of the lineage passing to his most famous student, T'ien-t'ung Ju-ching.



**Chương Ba Mười Chín**  
**Chapter Thirty-Nine**

**Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Ba**  
**Tính Từ Thiên Sư Động Sơn Lương Giới**

**Nói Pháp Thiên Sư Tuyết Đậu Trí Giác**

**(I) Thiên Sư Thiên Đồng Như Tịnh (1163-1228)**

Tào Động Tông Đồi Thứ Mười Ba nói pháp tính từ Thiên Sư Lương Giới hay đời thứ hai mươi ba sau Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma. **Nói Pháp Thiên Sư Tuyết Đậu Trí Giác** bao gồm một vị Thiên Sư Thiên Đồng Như Tịnh (1163-1228). Theo Như Tịnh Ngữ Lục, Sư đến từ Vi Giang thuộc tỉnh Triết Giang ngày nay. Ông là đệ tử và người nối pháp của Thiên Sư Tuyết Đậu Trí Giác, và là thầy của Đạo Nguyên (người sáng lập ra tông Tào Động ở Nhật). Sư đã trụ tại nhiều tự viện nổi tiếng bao gồm Thanh Lương Tự và Thiên Đồng Tự, tại đây Sư đã truyền dạy Phật pháp cho một nhà sư nổi tiếng Nhật Bản là Vĩnh Bình Đạo Nguyên. Một lần, khi đang ngồi trong phòng phương trượng, Thiên sư Thiên Đồng nói: "Móc ra tròng mắt của Đạt Ma và dùng nó như một quả bóng đất để chơi người!" Đoạn Sư hét lên: "Nhìn kia! Biển cạn, đá biển nứt rạn! Những cơn sóng lớn đánh tận đến những tầng trời!"

Một hôm, Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thượng đường dạy chúng, nói rằng: "Sáng nay là ngày đầu xuân. Bài thơ hoa lựu nở đi vào định. Làm sao những văn tự như vậy có thể diễn tả được?" Thiên Đồng nâng cây phất tử lên và nói: "Chứng kiến một hạt hồng trần của vô số dòng chảy của nghiệp! Sắc màu mùa xuân đưa chúng ta đi không cần phải nhiều." Hôm khác, Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thượng đường dạy chúng, nói rằng: "Liều điểm trang váy áo đàn bà, những chùm hoa mơ rơi trong tay áo mấy ông. Mấy ông thoáng nhìn những con vàng anh. Nhảy múa như đại phong!" Đoạn Thiên Đồng nói: "Đây là cảnh giới của ai? Dưới chân cổng chùa Cảnh Từ, đầu mầm dây khoai xuất hiện."

Chư Thiên đức tử khắp nơi hội tụ về Thanh Lương Tự. Thiên Đồng bèn thượng đường thị chúng: "Đại Đạo vô môn! Nó nhảy qua khỏi đầu của chư Thiên Đức mấy ông, những người đến từ muôn nẻo. Hư không vô đạo. Nó vô ra mũi của ông chủ Thanh Lương Tự. Những cử tọa ở đây ngày hôm nay là hàng con cháu trộm cắp của Như Lai, con cháu tai hại của dòng Lâm Tế! Ai da! Mọi người đều điên cuồng nhảy múa trong gió xuân. Những chùm hoa mơ rơi rụng đầy những cánh đỏ lả tả trong gió nhẹ." Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thượng đường. Lấy gậy nện xuống đất và nói: "Đây là cảnh giới của vách núi dựng đứng." Sư lại nện xuống sàn lần nữa và nói: "Sâu, thâm, và xa xăm. Không ai tới được." Sư lại nện lần nữa và nói: "Nhưng giả dụ như mấy ông có thể tới chỗ này, thì nó giống cái gì nào? Ai da! Lão Tăng mỉm cười và chỉ vào một nơi khỉ kêu. Còn một cảnh giới khác nơi có thể tìm thấy vô số dấu tích."

Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thượng đường dạy chúng, nói rằng: "Tư tưởng trong tâm lộn xộn và tản mát. Làm sao kiểm soát chúng được đây? Trong một câu chuyện Triệu Châu và con chó có Phật tánh hay không, có một cây chổi sắt tên 'Vô.' Nếu mấy ông sử dụng nó để quét tư tưởng, thì tư tưởng càng nhiều vô số. Thế thì thật tình mấy ông phải quét khó hơn, phải cố gắng từ bỏ nhiều tư tưởng hơn. Suốt ngày đêm hết sức hết lực mà quét, mảnh liệt đẩy chúng đi. Bất thành linh, cây chổi bị bể tan vào hư không bao la, và ngay tức khắc mấy ông xuyên thấu vô số khác và ngàn vạn sai biệt trong vũ trụ."

Khi Đạo Nguyên còn học Thiên bên Trung Hoa, thường được Như Tịnh nhắc nhở rằng: "Thân tâm tan rã; tan rã thân tâm. Hết thấy mấy ông phải một lần kinh nghiệm qua tình trạng này; nó như dồn trái cây vào một cái giỏ lủng đáy, hay rót nước vào một cái bát lủng lỗ; dầu mấy ông có dồn hay rót bao nhiêu cũng không bao giờ làm đầy được. Khi nhận ra như vậy, chúng ta có thể nói, cái đáy thùng bị bể rồi. Bao lâu còn một dấu vết tâm thức khiến mấy ông nói rằng 'Tôi lãnh hội như thế này hay tôi nhận thức như thế kia' thì mấy ông vẫn còn đang đùa giỡn với những thứ không thực." Về sau này, khi đã khai sáng Tào Động Tông ở Nhật Bản, Đạo Nguyên vẫn tiếp tục lặp lại ý tưởng này trong một trong những bài thuyết pháp của mình.

Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thượng đường dạy chúng, nói rằng: "Mây vô tâm trôi dạt qua đồi núi. Bốn năm trước, hay chỉ mới hôm qua, là hôm nay. Trong phương hướng chín chắn, nước chảy về nguồn. Bốn



năm trở lại đây, hay chỉ ngày hôm nay, là hôm qua." Thiên Đồng bèn đưa cây phát trần lên và di chuyển nó theo hình vòng tròn, rồi nói: "Nếu lão Tăng phải trình bày cái này cho mấy ông tại đây, thì lão Tăng nói rằng mỗi năm đều là năm tốt. Mỗi ngày đều là ngày tốt. Vậy thì hãy nói cho lão Tăng xem, làm sao có thể xác nhận được? Nơi mây và nước gặp nhau là chúng cười 'Ha!' 'Ha!' Tiếng cười của chúng tự động làm đầy cả gió và ánh mặt trời." Thiên sư Thiên Đồng Như Tịnh thị tịch vào năm 1228.

*The Thirteenth Generation of the Ts'ao Tung Tsung  
Counted from Zen Master Tung Shan Liang-Chieh*

*Zen Master Hsueh-Tou  
Chih-Chien's Dharma Heirs*

*(I) Zen Master T'ien-T'ung Ju-Ching*

The Thirteenth Generation counted from the Ts'ao Tung Tsung-Zen Master Liang-Chieh's Dharma Heirs or the twenty-third generation after the First Patriarch Bodhidharma. **Zen Master Hsueh-Tou Chih-Chien's Dharma Heirs** includes just one Zen Master named T'ien-T'ung Ju-Ching. According to The Record of Rujing, Ju-ching came from Wei-jiang, in Zhejiang Province. He was a disciple and dharma successor of Zen master Chih-chien, and the master of Dogen Zen master (the founder the Japanese lineage of the Soto school). During his life he lived at a succession of famous temples including Qingliang Temple in Nanjing and Tiantong Temple, where he taught and transmitted the Buddhadharma to the famous Japanese monk Eihei Dogen. Once, when sitting in his abbot's quarters, Zen master T'ien-t'ung said, "Gouge out Bodhidharma's eyeball and use it like a mud ball to hit people!" Then he yell, "Look! The ocean has dried up and the ocean floor is cracked! The billowing waves are striking the heavens!"

One day, Zen master T'ien-t'ung entered the hall and addressed the monks, saying, "This morning is the first day of spring. The poetry of

the pomegranate blossoms enters its samadhi. How can such words be expressed?" T'ien-t'ung lifted his whisk and said, "Witness a single red speck of the myriad karmic streams! The spring colors that move us need not be many." Another day, Zen master T'ien-t'ung entered the hall and addressed the monks, saying, "The willows are adorned with waistbands, and plum blossoms fall onto your sleeves. You catch a glimpse of the orioles. Dance like the great wind!" Then day, T'ien-t'ung said, "Whose realm is this? At the foot of the Jingzi Temple gate, the head of tuber plants appear."

Zen worthies from all directions assembled at Qingliang Temple (a temple in Nanjing City where T'ien-t'ung then resided as abbot). T'ien-t'ung addressed them, saying, "The great way has no gate! It jumps off the heads of you Zen worthies who have assembled from every direction. Emptiness is without a path. It goes in and out of the nostrils of the host of Qingliang Temple. Attendees here today are the thieving descendants of the Tathagata, the calamitous offspring of Linji! Aiye! Everyone is dancing crazily in the spring wind. The apricot blossoms have fallen and the red petals are scattered on the breeze." Zen master T'ien-t'ung entered the hall. Striking the ground with his staff he said, "This is the realm of vertical precipice." Striking the floor again he said, "Deep, profound, remote, and distant. No one can reach it." He struck again and said, "But supposing you could reach this place, what would it be like? Aiye! I smile and point to the place where apes call. There is yet another realm where the numerous traces may be found."

Zen master T'ien-t'ung entered the hall and addressed the monks, saying, "Thoughts in the mind are confused and scattered. How can they be controlled? In the story about Zhaozhou and whether or not a dog has Buddha nature, there is an iron broom named 'Wu.' If you use it to sweep thoughts, they just become more numerous. Then you frantically sweep harder, trying to get rid of even more thoughts. Day and night you sweep with all your might, furiously working away. All of a sudden, the broom breaks into vast emptiness, and you instantly penetrate the myriad differences and thousand variations of the universe."

Ju-Ching was born in 1163, a Chinese Zen master under whom Dogen was enlightened in China at T'ien-Tung monastery. When Dogen was studying Zen with Ju-Ching in China, the latter used to

remind the monks, "Mind and body dropped off; dropped off mind and body! This state must once be experienced by you all; it is like piling fruit into a basket without a bottom, it is like pouring water into a bowl with a pierced hole; however much you may pile or pour you cannot fill it up. When this is realized, we say that the pail bottom is broken through. As long as there is a trace of consciousness which makes you say, 'I have this understanding, or that realization,' you are still playing with unrealities." Later on, after founding the Soto School of Zen in Japan, Dogen still repeated this idea in one of his sermons.

Zen master T'ien-t'ung entered the hall and addressed the monks, saying, "The clouds mindlessly drift past the mountain cliffs. Four years ago, or just yesterday, is today. In due course, water returns to its source. Four years hence, or just today, is yesterday." T'ien-t'ung then raised his whisk and moved it in a great circle, saying, "If I must present this to you here, then I say that every year is a good year. Every day is a good day. So tell me, how can this be verified? Where clouds and water meet they laugh 'Ha!' 'Ha!' Their laughter spontaneously fills the wind and sunlight." Zen master T'ien-t'ung passed away in 1228.



## *Tài Liệu Tham Khảo*

### *References*

- 1) Chư Thiên Đức Việt-Anh, 4 quyển, Thiện Phúc, USA, 2018— Zen Virtues, Vietnamese-English, 4 volumes, Thiện Phúc, USA, 2018.
- 2) Chứng Đạo Ca, thiền sư Huyền Giác, dịch giả Trúc Thiên, 1970.
- 3) A Concise Dictionary Of Buddhism & Zen, Ingrid Fischer-Schreiber & Michael Diener, translated by Michael H. Kohn, Boston, U.S.A., 1991.
- 4) The Connected Discourses of the Buddha, translated from Pali by Bhikkhu Bodhi, 2000.
- 5) Công Án Của Phật Thích Ca Và Tổ Đạt Ma, Thích Duy Lực, Santa Ana, CA, U.S.A., 1986.
- 6) Danh Từ Thiền Học Chú Giải, Thích Duy Lực, Thành Hội PG TPHCM, 1995.
- 7) Duy Ma Cát Sở Thuyết Kinh, Hòa Thượng Thích Huệ Hưng, 1951.
- 8) Diamond Mind, Rob Nairn, Shambhala, Boston, MA, U.S.A., 2001.
- 9) The Diamond Sutra and The Sutra Of Hui-Neng, A.F. Price and Wong Mou-Lam, 1947.
- 10) The Diary Of A Meditation Practitioner, Dr. Jane Hamilton Merrit, U.S.A., 1960.
- 11) The Dictionary of Zen , Ernest Wood, NY, U.S.A., 1962.
- 12) Dictionary of Zen & Buddhist Terms, Thiện Phúc, Vietnamese Oversea Buddhism, Anaheim, CA, U.S.A., 2016.
- 13) The Elements of Zen, David Scott and Tony Doubleday, 1992.
- 14) Essays In Zen Buddhism, First Series, Daisetz Teitaro Suzuki, London, England, 1927.
- 15) Essays In Zen Buddhism, Second Series, Daisetz Teitaro Suzuki, London, England, 1933.
- 16) Essays In Zen Buddhism, Third Series, Daisetz Teitaro Suzuki, London, England, 1934.
- 17) Essays In Zen Buddhism, Daisetz Teitaro Suzuki, 1949.
- 18) The English-Chinese Dictionary, Lu Gusun, Shanghai, China, 1994.
- 19) The Essence of Zen Practice, Taizan Maezumi Roshi, Shambhala, Boston, MA, U.S.A., 2001.
- 20) Everyday Zen, Charlotte Joko Beck, edited by Steve Smith, NY, U.S.A., 1998.
- 21) The Experience of Insight, Joseph Goldstein, Santa Cruz, CA, U.S.A., 1976.
- 22) The Flower Ornament Scripture, Shambhala: 1987.
- 23) The Holy Teaching of Vimalakirti, Robert A.F. Thurman: 1976.
- 24) Hương Thiền, Thích Nhật Quang, NXB TPHCM, 2001.
- 25) An Index to the Lankavatara Sutra, Daisetz Teitaro Suzuki, London, 1934.
- 26) An Introduction To Zen Buddhism, D.T. Suzuki, 1934.
- 27) Kim Cang Giảng Giải, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1992.
- 28) Kinh Duy Ma Cát Sở Thuyết, Hòa Thượng Thích Huệ Hưng, 1951.
- 29) Kinh Pháp Bảo Đàn, Dương Thanh Khải, Vĩnhlong, VN, 2007.
- 30) The Long Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Maurice Walshe, 1987.

- 31) The Method of Zen, Eugen Herrigel, 1960.
- 32) The Middle Length Discourses of the Buddha, translated from the Pali by Bhikkhu Nanamoli, edited and revised by Bhikkhu Bodhi, 1995.
- 33) Mindfulness, Bliss, And Beyond, Ajahn Brahm, Wisdom Publications, Boston, MA, U.S.A., 2006.
- 34) Mindfulness In Plain English, Venerable Henepola Gunaratana, Taipei, Taiwan, 1991.
- 35) Nghiên Cứu Kinh Lăng Già, D.T. Suzuki, Việt dịch Thích Chơn Thiện & Trần Tuấn Mẫn, GHPGVN Ban Giáo Dục Tăng Ni, 1992.
- 36) Ngũ Đẳng Hội Nguyên, 5 Tập, dịch giả Dương Thanh Khải, Vinhlong, VN, 2024.
- 37) Pháp Bảo Đàn Kinh, Cư Sĩ Tô Quế, 1946.
- 38) Pháp Bảo Đàn Kinh, Mai Hạnh Đức, 1956.
- 39) Pháp Bảo Đàn Kinh, Hòa Thượng Thích Mãn Giác, 1985.
- 40) Pháp Bảo Đàn Kinh, Hòa Thượng Minh Trực, 1944.
- 41) Pháp Bảo Đàn Kinh, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1992.
- 42) Pháp Bửu Đàn Kinh, Hòa Thượng Thích Từ Quang, 1942.
- 43) Pháp Môn Tọa Thiền, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên, 1960.
- 44) Quy Sơn Cảnh Sách, Quy Sơn Linh Hựu, dịch giả Nguyễn Minh Tiến, NXB Tôn Giáo, 2008.
- 45) Quy Sơn Ngũ Lục, dịch giả Dương Thanh Khải, Vinhlong, VN, 2012.
- 46) Returning To Silence: Zen Practice in Daily Life, Dainin Katagiri, Shambhala, Boston, MA, U.S.A., 1988.
- 47) Seeking the Heart of Wisdom, Joseph Goldstein & Jack Kornfield, Shambhala, Boston, MA, 1987.
- 48) Shortcuts To Inner Peace, Ashley Davis Bush, Berkley Books, NY, U.S.A., 2011.
- 49) Sixth Patriarch's Sutra, Tripitaka Master Hua, 1971.
- 50) Sống Thiền, Eugen Herrigel, Việt dịch Thích Nữ Trí Hải, VN, 1989.
- 51) Studies in Ch'an and Hua-Yen, Robert M. Gimello and Peter N. Gregory, Honolulu, 1983.
- 52) Studies in The Lankavatara Sutra, D.T. Suzuki, 1930.
- 53) Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn-Hoa, Thích Thanh Từ, NXB Tôn Giáo, VN, 2010.
- 54) Thiền Căn Bản, Trí Giả Đại Sư, Trí Giả Đại Sư, Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch, Dalat, VN, 1981.
- 55) Thiền Dưới Ánh Sáng Khoa Học, Thích Thông Triệt, Perris, CA, U.S.A., 2010.
- 56) Thiền Đạo Tu Tập, Chang Chen Chi, Việt dịch Như Hạnh, North Hills, CA, U.S.A., 1998.
- 57) Thiền Đốn Ngộ, Thích Thanh Từ, Tu Viện Chơn Không, VN, 1974.
- 58) Thiền Lâm Bảo Huấn, Diệu Hỷ & Trúc Am, dịch giả Thích Thanh Kiểm, NXB Tôn Giáo, 2001.
- 59) Thiền Lâm Tế Nhật Bản, Matsubara Taidoo, H.T. Thích Như Điển dịch, NXB Phương Đông, TPHCM, 2006.
- 60) Thiền Luận, 3 vols, D.T. Suzuki, dịch giả Trúc Thiên, 1926.
- 61) Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh, Thích Như Tịnh, Illinois, U.S.A., 2006.
- 62) Thiền Sư, Thích Phước, USA, 2007.

- 63) Thiền Sư Thần Hội, H.T. Thích Thanh Từ, Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt, VN, 2002.
- 64) Thiền Sư Trung Hoa, Hòa Thượng Thích Thanh Từ: 1995.
- 65) Thiền Sư Việt Nam, Hòa Thượng Thích Thanh Từ: 1972.
- 66) Thiền Tào Động Nhật Bản, Amazu Ryuushin, Việt dịch Thích Như Điển, Hannover, Germany, 2008.
- 67) Thiền Tông Trực Chỉ, Thiền sư Thiên Cơ, dịch giả Thích Thanh Từ, 2002.
- 68) Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ 20, Hòa Thượng Thích Thanh Từ, 1991.
- 69) Thiền Trong Đời Sống, 1 tập, Thiện Phúc, USA, 2012.
- 70) Thiền Trong Đạo Phật, Vietnamese-English, 3 Tập, Thiện Phúc, USA, 2018—Zen In Buddhism, 3 Volumes, Thiện Phúc, USA, 2018.
- 71) Thiền Uyển Tập Anh, Lê Mạnh Thát, NXB TPHCM, 1999.
- 72) Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Tâm Minh Lê Đình Thám, 1961.
- 73) Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Trí Độ và Tuệ Quang, 1964.
- 74) Trích trong Tập III, bộ Thiền Trong Đạo Phật của cùng tác giả—Extracted from Volume III of the Zen In Buddhism of the same author.
- 75) Trung A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
- 76) Trung Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1992.
- 77) Trường A Hàm Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
- 78) Trường Bộ Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu: 1991.
- 79) Trường Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1991.
- 80) Three Hundred Poems of the T'ang Dynasty, Witter Bynner, NY, U.S.A., 1947.
- 81) Three Hundred Sixty-Five Zen Daily Readings, Jean Smith, Harper, SF, CA, U.S.A., 1999.
- 82) The Three Pillars of Zen, Roshi Philip Kapleau, 1912.
- 83) Three Zen Masters, John Steven, Kodansha America, Inc., NY, U.S.A., 1993.
- 84) T'ien-T'ai Philosophy, Paul L. Swanson, Asian Humanities Press, Berkeley, CA, U.S.A., 1989.
- 85) Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, H.T. Tuyên Hóa, Burlingame, CA, U.S.A., 1983.
- 86) Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu, Thiên Thai Trí Giả Đại Sư, Việt dịch Hoàn Quan Thích Giải Năng, NXB Tôn Giáo, 2005.
- 87) Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục, Thích Thanh Từ, Thiền Viện Thường Chiếu, VN, 1996.
- 88) Từ Điển Phật Học Anh-Việt—English-Vietnamese Buddhist Dictionary, 10 volumes, Thiện Phúc, USA, 2007.
- 89) Từ Điển Phật Học Việt-Anh—Vietnamese-English Buddhist Dictionary, 6 volumes, Thiện Phúc, USA, 2005.
- 90) Từ Điển Thiền Tông Hán Ngữ, Hồ Bắc Nhân Dân Xuất Bản Xã, Trung Quốc, 1994.
- 91) Từ Điển Thiền Tông Hán Việt, Hân Mẫn & Thông Thiền, NXB TPHCM, 2002.
- 92) Từ Điển Thiền & Thuật Ngữ Phật Giáo Việt-Anh Anh-Việt, Thiện Phúc, USA, 2016—Vietnamese-English English-Vietnamese Dictionary of Zen & Buddhist Terms, 12 volumes, Thiện Phúc, USA, 2016.
- 93) Từ Điển Thuật Ngữ Thiền Tông, Thông Thiền, NXB Tổng Hợp TPHCM, 2008.
- 94) Tương Ưng Bộ Kinh, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam: 1993.

- 95) The Unborn, Bankei Yotaku, translated by Norman Waddell, NY, U.S.A., 1984.
- 96) VỀ THIỀN HỌC KHỞI NGUYÊN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM, Thích Chơn Thiện, NXB Văn Mới, Gardena, CA, U.S.A., 2003.
- 97) Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Nguyễn Lang: 1977.
- 98) Vô Môn Quan, Thiền Sư Vô Môn Huệ Khai, dịch giả Trần Tuấn Mẫn, VN, 1995.
- 99) Walking with the Buddha, India Dept. of Tourism, New Delhi, 2004.
- 100) What Is Zen?, Alan Watts, Novato, CA, U.S.A., 1973.
- 101) When The Iron Eagle Flies, Ayya Khema, London, England, 1991.
- 102) Wherever You Go There You Are, Jon Kabat-Zinn, Hyperion, NY, U.S.A., 1994.
- 103) Zen In The Art Of Archery, Eugen Herrigel, 1953.
- 104) Zen Art For Meditation, Stewart W. Holmes & Chimyo Horioka, 1973.
- 105) Zen Buddhism and Psychoanalysis, D.T. Suzuki and Richard De Martino, 1960.
- 106) The Zen Doctrine of No Mind, D.T. Suzuki, 1949.